GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Dịch giả: HT. THÍCH TRÍ TỊNH

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

TẬP 2

(TRỌN BỘ 2 TẬP)



TG NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Kinh

ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Dịch giả : HT. THÍCH TRÍ TỊNH

KINH
ĐẠI BÁT NIẾT BÀN
TẬP 2

(TRỌN BỘ 2 TẬP)

TÁI BẢN LẦN THỨ HAI



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
HÀ NỘI - PL. 2549 - DL. 2005

THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH
TỔ IN ẤN VÀ PHÁT HÀNH KINH SÁCH
thực hiện
Địa chỉ: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa – P8 – Q3 – TP.HCM
ĐT: 8 469721



NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

NGHI THỨC SÁM HỐI

TRƯỚC KHI TỤNG KINH

(Dùng ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh mà tụng kinh, thời phước đức vô lượng, nên trước khi tụng kinh cần phải sám hối, sám hối tức là làm cho ba nghiệp thanh tịnh).

Nam mô thập phương tận hư không giới nhứt thiết chư Phật. *(1 lạy)*

Nam mô thập phương tận hư không giới nhứt thiết Tôn Pháp. *(1 lạy)*

Nam mô thập phương tận hư không giới nhứt thiết Hiền Thánh Tăng. *(1 lạy)*

(Quì, tay cầm hương cúng dường phát nguyện) :

Nguyện mây hương mầu này
Khắp cùng mười phương cõi,
Cúng dường tất cả Phật
Tôn Pháp, các Bồ Tát
Vô biên chúng Thanh Văn
Và cả thảy Thánh Hiền
Duyên khởi đài sáng chói
Trùm đến vô biên cõi,

Khắp xông các chúng sanh
Đều phát lòng Bồ Đề,
Xa lìa những nghiệp vọng
Trọn nên đạo vô thượng.

(Cắm hương, lạy 1 lạy)

(Đứng chấp tay xướng):

Sắc thân Như Lai đẹp
Trong đời không ai bằng
Không sánh, chẳng nghĩ bàn,
Nên nay con đảnh lễ.
Sắc thân Phật vô tận
Trí huệ Phật cũng thế,
Tất cả Pháp thường trú
Cho nên con về nương.
Sức trí lớn nguyện lớn
Khắp độ chúng quần sanh.
Khiến bỏ thân nóng khổ
Sanh kia nước mát vui.
Con nay sạch ba nghiệp
Quy y và lễ tán,
Nguyện cùng các chúng sanh
Đồng sanh nước An Lạc.
Án phạ nhựt ra vật. *(7 lần)*

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Thường tịch quang Tịnh độ.
A Di Đà Như Lai,
Pháp thân mầu thanh tịnh
Khắp pháp giới chư Phật. *(1 lạy)*

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Thật báo trang nghiêm độ
A Di Đà Như Lai,
Thân tướng hải vi trần.
Khắp pháp giới chư Phật. *(1 lạy)*

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Phương tiện Thánh cư độ,
A Di Đà Như Lai,
Thân trang nghiêm giải thoát,
Khắp pháp giới chư Phật. *(1 lạy)*

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Cõi An Lạc phương Tây,
A Di Đà Như Lai,
Thân căn giới Đại thừa
Khắp pháp giới chư Phật. *(1 lạy)*

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Cõi An Lạc phương Tây,
A Di Đà Như Lai,
Thân hóa đến mười phương,
Khắp pháp giới chư Phật. *(1 lạy)*

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Cõi An Lạc phương Tây,
Giáo hạnh lý ba kinh,
Tột nói bày y chánh,
Khắp pháp giới Tôn Pháp. *(1 lạy)*

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Cõi An Lạc phương Tây,
Quán Thế Âm Bồ Tát,
Thân tử kim muôn ức,
Khắp pháp giới Bồ Tát. *(1 lạy)*

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Cõi An Lạc phương Tây,
Đại Thế Chí Bồ Tát,
Thân trí sáng vô biên,
Khắp pháp giới Bồ Tát. *(1 lạy)*

CHÍ TÂM ĐẢNH LỄ :

Cõi An Lạc phương Tây,
Thanh tịnh đại hải chúng,
Thân hai nghiêm : Phước, Trí,
Khắp pháp giới Thánh chúng. *(1 lạy)*

(Đứng chấp tay nguyện) :

"Con nay khắp vì bốn ơn ba cõi cùng chúng sanh trong pháp giới, đều nguyện dứt trừ ba chướng (1) "nên qui mạng (2) sám hối (3)".

(1 lạy, quì chấp tay sám hối) :

CHÍ TÂM SÁM HỐI :

Đệ tử... và chúng sanh trong pháp giới, từ đời vô thỉ nhẫn đến ngày nay, bị vô minh che đậy nên điên đảo mê lầm, lại do sáu căn ba nghiệp (4) quen theo pháp chẳng lành, rộng phạm mười điều dữ cùng năm tội vô gián (5) và tất cả các tội khác, nhiều vô lượng vô biên nói không thể hết. Mười phương các đức Phật thường ở trong đời, tiếng Pháp không dứt, hương mầu đầy lấp, Pháp vị ngập tràn, phóng ánh sáng sạch trong chiếu soi tất cả. Lý mầu thường trụ đầy dẫy hư không.

Con từ vô thỉ đến nay, sáu căn che mù, ba nghiệp tối tăm, chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng hay, chẳng biết, vì nhơn duyên đó trôi mãi trong vòng sanh tử,

trải qua các đường dữ [6], trăm nghìn muôn kiếp trọn không lúc nào ra khỏi. - Kinh rằng : "Đức Tỳ Lô Giá Na thân khắp cả chỗ, chỗ của Phật ở gọi là Thường Tịch Quang, cho nên phải biết cả thảy các pháp đều là Phật pháp, mà con không thấy rõ lại theo dòng vô minh vì thế trong trí Bồ Đề mà thấy không thanh tịnh, trong cảnh giải thoát mà sanh ràng buộc. Nay mới tỏ ngộ, nay mới chừa bỏ ăn năn, phụng đối trước đức Phật và A Di Đà Thế Tôn mà phát lồ [7] sám hối, làm cho đệ tử cùng pháp giới chúng sanh tất cả tội nặng do ba nghiệp sáu căn, gây tạo từ vô thỉ, hoặc hiện tại cùng vị lai, chính mình tự gây tạo hoặc biểu người, hay là thấy nghe người gây tạo mà vui theo, hoặc nhớ hoặc chẳng nhớ, hoặc biết hoặc chẳng biết, hoặc nghi hoặc chẳng nghi, hoặc che giấu hoặc chẳng che giấu, thảy đều được rốt ráo thanh tịnh.

Đệ tử sám hối rồi, sáu căn cùng ba nghiệp trong sạch, không lỗi lầm, căn lành tu tập cũng trọn thanh tịnh, thảy đều hồi hướng dùng trang nghiêm Tịnh độ, khắp với chúng sanh, đồng sanh về nước An Dưỡng.

Nguyện đức A Di Đà Phật thường đến hộ trì, làm cho căn lành của đệ tử hiện tiền tăng tấn, chẳng mất nhơn duyên Tịnh độ, đến giờ lâm chung, thân an lành niệm chánh vững vàng, xem nghe đều rõ ràng, tận mặt thấy đức A Di Đà cùng các Thánh chúng,

tay cầm đài hoa tiếp dẫn đệ tử, trong khoảng sát na sanh ra trước Phật, đủ đạo hạnh Bồ Tát, rộng độ khắp chúng sanh đồng thành Phật đạo.

Đệ tử sám hối phát nguyện rồi quy mạng đảnh lễ : Nam Mô Tây phương Cực Lạc thế giới, đại từ đại bi, A Di Đà Như Lai, biến pháp giới Tam Bảo.

(1 lạy)

(Lạy xong, tiếp Nghi thức tụng kinh...)



THÍCH NGHĨA SÁM PHÁP

(1) Phiền não, nghiệp nhơn, quả báo, ba món đều hay làm chướng ngại đường giải thoát nên gọi : "Ba món chướng".

(2) Đem thân mạng về nương, giao phó cho Phật, Pháp, Tăng, chính là nghĩa của hai chữ "Nam mô".

(3) Nói đủ là Sám ma hối quá. "Sám ma" là tiếng Phạn , nghĩa là "hối quá" tức là ăn năn tội trước, ngừa giữ lỗi sau.

(4) Nhãn, tỹ, nhĩ, thiệt, thân, ý sáu căn và ba nghiệp : Thân, khẩu, ý.

(5) Giết cha, giết mẹ, giết Thánh nhơn, ác tâm làm thân Phật ra máu, phá hòa hiệp Tăng, gọi là năm tội nghịch, nếu phạm sẽ bị đọa ngục Vô gián nên gọi là tội Vô gián - Ngục Vô gián là chỗ thọ khổ không có lúc nào ngừng ngớt.

(6) A tu la, Súc sanh, Ngạ quỉ, Địa ngục, các đường đó vui ít khổ nhiều, do nghiệp dữ cảm ra.

(7) Bày lộ tội lỗi ra trước chúng nhơn không chút giấu che thời gọi là phát lồ, trái với phú tàng (che giấu). Có phát lồ thời tội mới tiêu, như bịnh cảm mà đặng phát hạn (ra mồ hôi).



NGHI THỨC TRÌ TỤNG

BÀI TÁN LƯ HƯƠNG

Lư hương vừa ngún chiên đàn
Khói thơm ngào ngạt muôn ngàn cõi xa
Lòng con kính ngưỡng thiết tha
Ngữa mong chư Phật thương mà chứng minh.

NAM MÔ HƯƠNG VÂN CÁI BỒ TÁT MA HA TÁT. *(3 lần)*

CHƠN NGÔN TỊNH PHÁP GIỚI :

Án lam. *(7 lần)*

CHƠN NGÔN TỊNH KHẨU NGHIỆP :

Tu rị tu rị, ma ha tu rị, tu tu rị ta bà ha. *(3 lần)*

CHƠN NGÔN TỊNH BA NGHIỆP :

Án ta phạ, bà phạ thuật đà ta phạ, đạt mạ ta phạ bà phạ thuật độ hám. *(3 lần)*

CHƠN NGÔN PHỔ CÚNG DƯỜNG :

Án nga nga nẵng, tam bà phạ phiệt nhựt ra hồng.
(3 lần)

BÀI VĂN PHÁT NGUYỆN :

NAM MÔ THẬP PHƯƠNG THƯỜNG TRỤ TAM BẢO. *(3 lần)*

Lạy đấng Tam giới Tôn,
Qui mạng mười phương Phật,
Nay con phát nguyện lớn
Trì tụng kinh Niết Bàn
Trên đền bốn ơn nặng
Dưới cứu khổ tam đồ
Nếu có ai thấy nghe
Đều phát Bồ Đề tâm
Khi mãn báo thân này
Sanh qua cõi Cực Lạc.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT. *(3 lần)*

BÀI KỆ KHAI KINH :

Phật pháp rộng sâu rất nhiệm mầu
Trăm nghìn muôn kiếp khó tìm cầu
Nay con nghe thấy chuyên trì tụng
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu

NAM MÔ ĐẠI NIẾT BÀN HỘI THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT MA HA TÁT. *(3 lần)*

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

XXII

PHẨM QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT

Thứ hai mươi hai

(*) Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát : "Này Thiện nam tử ! Nếu có đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn như vậy, thời đặng mười công đức mà hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng có. Công đức này chẳng thể nghĩ bàn, người nghe đến sẽ kinh sợ. Công đức này chẳng phải trong ngoài, chẳng phải khó dễ, chẳng phải tướng phi tướng, không có tướng mạo, chẳng phải thế pháp, trong thế gian không có. Đây là mười công đức :

Công đức thứ nhứt có năm điều : Một là chỗ chẳng nghe có thể đặng nghe, hai là nghe rồi có thể

(*) Hán bộ quyển thứ 21

làm lợi ích, ba là có thể dứt tâm nghi hoặc, bốn là trí huệ chánh trực, năm là có thể biết tạng bí mật của Như Lai.

Những gì là chỗ chẳng nghe có thể được nghe ? Chính là nghĩa vi mật rất sâu : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Phật và Pháp cùng Tăng không có sai khác, tánh tướng của Tam Bảo là thường, lạc, ngã, tịnh, tất cả chư Phật không rốt ráo nhập Niết Bàn là thường trụ không biến đổi. Lại Niết Bàn của Như Lai chẳng phải có không, chẳng phải hữu vi vô vi, chẳng phải hữu lậu vô lậu, chẳng phải sắc phi sắc, chẳng phải danh phi danh, chẳng phải tướng phi tướng, chẳng phải hữu phi hữu, chẳng phải vật phi vật, chẳng phải nhơn quả, chẳng phải đãi phi đãi, chẳng phải minh ám, chẳng phải xuất phi xuất, chẳng phải thường phi thường, chẳng phải đoạn phi đoạn, chẳng phải thỉ chung, chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, chẳng phải ấm phi ấm, chẳng phải nhập phi nhập, chẳng phải giới phi giới, chẳng phải thập nhị nhơn duyên, chẳng phải phi nhơn duyên. Những pháp như vậy đều vi mật rất sâu, từ trước chỗ chẳng nghe mà có thể được nghe. Lại có chỗ chẳng nghe, như là tất cả sách vở ngoại đạo : Tỳ Đà Luận, Tỳ Dà La Luận, Vệ Thế Sư Luận, Ca Tỳ La Luận, cùng tất cả kỹ nghệ, chú thuật, y dược, thiên văn, địa lý v.v.... nay ở kinh này mà đặng biết tất cả. Lại có mười một bộ kinh trừ Tỳ Phật Lược, cũng

không có những nghĩa rất sâu như vậy, nay do kinh này mà đặng biết rõ đó. Đây gọi là chỗ chẳng nghe mà có thể được nghe.

Nghe rồi có thể làm lợi ích, chính là nếu có thể nghe và lãnh thọ kinh Đại Niết Bàn này, thời có thể biết rõ tất cả kinh điển Phương Đẳng Đại thừa những nghĩa vị rất sâu. Ví như đối với tấm gương sáng sạch, người thấy rõ ràng sắc tượng của mình. Cũng vậy, Bồ Tát cầm gương Đại Niết Bàn thời đặng thấy rõ tất cả nghĩa rất sâu của kinh điển Đại thừa. Cũng như có người ở trong nhà tối cầm ngọn đuốc lớn thời thấy rõ các đồ vật. Cũng vậy, Bồ Tát cầm đuốc Đại Niết Bàn thời đặng thấy rõ nghĩa rất sâu của Đại thừa. Cũng như mặt trời mọc có ngàn muôn ánh sáng soi rõ chỗ u ám của các núi, làm cho mọi người thấy những vật rất xa. Cũng vậy, huệ nhựt thanh tịnh Đại Niết Bàn này chiếu rõ chỗ rất sâu của Đại thừa, làm cho hàng Nhị thừa xa thấy Phật đạo, vì có thể nghe và lãnh thọ kinh Đại Niết Bàn vi diệu này.

Này Thiện nam tử ! Nếu có Đại Bồ Tát nghe và lãnh thọ kinh Đại Niết Bàn này thời đặng biết danh tự của tất cả pháp. Nếu có thể biên chép đọc tụng thông thuộc vì người giảng thuyết, suy nghĩ ý nghĩa thời rõ biết nghĩa lý của tất cả pháp.

Này Thiện nam tử ! Người nghe và lãnh thọ thời chỉ biết danh tự mà chẳng biết ý nghĩa. Nếu có thể

biên chép, thọ trì, đọc tụng, vì người giảng thuyết suy nghĩ ý nghĩa thời có thể rõ biết được nghĩa.

Này Thiện nam tử ! Người nghe kinh này, nghe có Phật tánh nhưng chưa có thể thấy được. Nếu biên chép đọc tụng vì người giảng thuyết suy nghĩ ý nghĩa thời thấy được Phật tánh. Người nghe kinh này, nghe có danh từ bố thí nhưng chưa có thể thấy được Đàn Ba la mật, nếu biên chép đọc tụng vì người giảng thuyết suy nghĩ ý nghĩa thời có thể thấy được Đàn Ba la mật, nhẫn đến Bát Nhã Ba la mật cũng vậy.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát nếu có thể nghe kinh Đại Niết Bàn này thời biết pháp biết nghĩa đủ cả hai đức vô ngại, đối với hàng Sa Môn, Bà La Môn, hoặc chư Thiên, Ma vương, Phạm vương, trong tất cả thế gian đều đặng Vô sở úy, vì đại chúng khai thị phân biệt mười hai bộ kinh, diễn thuyết ý nghĩa không có sai lầm, có thể tự biết chẳng chờ học với người được gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây gọi là nghe rồi có thể làm lợi ích.

Này Thiện nam tử ! Có thể dứt tâm nghi lầm, nghi có hai thứ : Một là nghi nơi danh từ, hai là nghi ý nghĩa. Người nghe kinh này, dứt tâm nghi danh từ, người suy nghĩ ý nghĩa thời dứt tâm nghi ý nghĩa.

Nghi lại có năm thứ : Một là nghi Phật quyết định nhập Niết Bàn hay chăng ? Hai là nghi Phật

có phải thường trụ chăng ? Ba là nghi Phật có phải chơn lạc chăng ? Bốn là nghi Phật có phải chơn tịnh chăng ? Năm là nghi Phật có phải chơn ngã chăng ? Người nghe kinh này thời dứt hẳn lòng nghi Phật nhập Niết Bàn. Biên chép đọc tụng vì người giảng thuyết suy nghĩ ý nghĩa thời dứt hẳn bốn điều nghi, thường, lạc, tịnh, ngã.

Nghi lại có ba thứ : Một là nghi Thanh Văn là có hay là không ? Hai là nghi Duyên Giác là có hay là không ? Ba là nghi Phật thừa là có hay là không ? Người nghe kinh này thời dứt hẳn ba điều nghi như vậy. Còn biên chép đọc tụng vì người giảng thuyết suy nghĩ ý nghĩa thời có thể rõ biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Nếu có chúng sanh chẳng nghe kinh Đại Niết Bàn này, thời tâm họ nhiều sự nghi ngờ. Như nghi hoặc thường hay vô thường, hoặc lạc hay chẳng lạc, hoặc tịnh hay chẳng tịnh, hoặc ngã hay vô ngã, hoặc mạng hay phi mạng, hoặc chúng sanh hay phi chúng sanh, hoặc rốt ráo hay chẳng rốt ráo, hoặc đời khác, hoặc đời đã qua, hoặc có, hoặc không, hoặc khổ, hoặc chẳng phải khổ, hoặc tập, hoặc chẳng phải tập, hoặc đạo, hoặc chẳng phải đạo, hoặc diệt, hoặc chẳng phải diệt, hoặc pháp, hoặc phi pháp, hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc không, hoặc chẳng phải không. Người nghe kinh này thời dứt hẳn các điều nghi như vậy.

Thiện nam tử ! Nếu có người chẳng nghe kinh này thời lại có nhiều tâm nghi. Như nghi sắc uẩn là ngã ư ? Thọ, tưởng, hành, thức, là ngã ư ? Nhãn là năng kiến ư ? Ngã là năng kiến ư ? Thọ, tưởng, hành, thức là năng kiến ư ? Ngã là năng kiến ư ? Sắc uẩn thọ báo ư ? Ngã thọ báo ư ? Thọ, tưởng, hành, thức thọ báo ư ? Ngã thọ báo ư ? Sắc uẩn đến đời khác ư ? Ngã đến đời khác ư ? Thọ tưởng hành thức cũng như vậy. Những pháp sanh tử là có thỉ có chung ư ? Hay là vô thỉ vô chung ư ? Người nghe kinh này cũng dứt hẳn được những điều nghi như vậy. Lại có người nghi nhứt xiển đề phạm bốn tội nặng tạo tội ngũ nghịch, hủy báng kinh Đại thừa Phương Đẳng, hạng người nghe kinh này cũng dứt hẳn được những điều nghi như vậy.

Lại có người nghi thế gian có ngằn mé hay không có ngằn mé ? Có thập phương thế giới hay không thập phương thế giới. Người nghe kinh này cũng dứt hẳn được những điều nghi như vậy. Đây gọi là có thể dứt tâm nghi lầm, có trí huệ chánh trực không tà vạy. Vì nếu tâm nghi thời chỗ nhận thấy chẳng chánh. Tất cả phàm phu nếu chẳng đặng nghe kinh Đại Niết Bàn này thời chỗ nhận thấy tà vạy. Nhẫn đến Thanh Văn, Duyên Giác chỗ thấy biết cũng vạy vò. Vì phàm phu ở trong hữu lậu mà thấy là thường, lạc, ngã, tịnh nơi Như Lai lại thấy là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, thấy có chúng sanh,

có thọ mạng, có tri kiến, chấp trời Phi tưởng Phi Phi Tưởng là Niết Bàn, thấy trời Tự tại có tám Thánh đạo, chấp có, chấp đoạn, các sự nhận thấy như vậy gọi là tà vạy. Đại Bồ Tát nếu đặng nghe kinh Đại Niết Bàn này tu hành Thánh hạnh thời dứt trừ được những điều tà vạy như vậy.

Hàng Thanh Văn, Duyên Giác thấy Bồ Tát từ trời Đâu Suất hóa hiện ngự trên Bạch tượng giáng thần vào thai mẹ tại thành Ca Tỳ La, cha hiệu Tịnh Phạn, mẹ tên Ma Gia. Ở thai đủ mười tháng sanh ra. Lúc sanh ra chưa đến đất, Thiên Đế Thích đưa tay đỡ, Nan Đà Long Vương và Bạt Nan Đà Long Vương phun nước tắm.

Đại Thần Vương Ma Ni Bạt Đà cầm lọng báu đứng hầu phía sau. Địa thần hóa hoa sen đỡ dưới chân. Bồ Tát đi qua bốn phương đều đủ bảy bước. Lúc đến Thiên miếu các Thiên tượng đều đứng dậy tiếp nghinh. Tiên A Tư Đà hai tay bồng xem tướng, xem xong tiên nhơn buồn khổ thương phận mình sắp chết chẳng được thấy Bồ Tát thành Phật. Lớn lên đến thầy học sách, học toán số, cỡi ngựa, bắn cung, đồ sấm, các nghề nghiệp. Ở trong thâm cung cùng với sáu muôn thể nữ. Ra ngoài thành dạo chơi đến vườn Ca Tỳ La, dọc đường gặp người già, người bịnh, người chết, và gặp thầy Sa Môn mặc pháp phục đi trên đường, khi trở về cung, thấy các thể nữ hình mạo như xương khô, xem cung điện không

khác gò mả. Nhàm chán, nửa đêm vượt thành xuất gia, đến chỗ các đại tiên nhơn Uất Đà Dà, A La La v.v... nghe giảng nói về Thức Vô Biên Xứ và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ. Nghe rồi quan sát kỹ biết những xứ ấy là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, bèn bỏ đi đến núi Tuyết, dưới cội cây tu khổ hạnh trọn sáu năm. Sau đó biết khổ hạnh chẳng đặng thành Vô thượng Chánh giác, bèn đến tắm rửa trong sông A Nậu Bạt Đề. Tắm xong nhận lấy cháo sữa của cô gái chăn bò dâng. Ăn xong lại đến ngồi dưới cây Bồ Đề, phá ma Ba Tuần đặng thành Vô thượng Chánh giác. Đến thành Ba La Nại chuyển pháp luân lần đầu độ năm vị Tỳ Kheo, nhẫn đến ở rừng Ta La nơi thành Câu Thi Na này nhập Niết Bàn. Các điều nhận thấy như vậy gọi là chỗ thấy biết vạy vò của Thanh Văn, Duyên Giác.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát nghe và lãnh thọ kinh Đại Niết Bàn này, thời dứt trừ đặng những điều thấy biết như vậy. Nếu có thể biên chép đọc tụng thông thuộc vì người diễn thuyết suy nghĩ ý nghĩa, thời đặng trí huệ chánh trực không tà vạy.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, biết rõ Bồ Tát từ vô lượng kiếp nhẫn lại chẳng từ trời Đâu Suất giáng thần thai mẹ, nhẫn đến thành Câu Thi Na nhập Niết Bàn. Đây gọi là chỗ thấy biết chánh trực của Đại Bồ Tát.

Có thể biết nghĩa thâm mật của Như Lai, tức là biết rõ Đại Niết Bàn, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, sám trừ bốn giới trọng, trừ tâm hủy báng chánh pháp, hết tội ngũ nghịch, dứt nhứt xiển đề, rồi sau đặng thành Vô thượng Chánh giác.

Lại nghĩa thậm thâm là dầu biết chúng sanh thiệt không có ngã, nhưng nghiệp quả đời vị lai chẳng mất; dầu biết năm ấm hiện đây dứt hết, nhưng nghiệp thiện ác trọn chẳng hư mất; dầu có các hành nghiệp nhưng không có tác giả; dầu có chỗ đến nhưng không có người đi; dầu có trói buộc nhưng không người bị trói; dầu có Niết Bàn nhưng không có người diệt; đây gọi là nghĩa bí mật rất sâu.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như tôi hiểu nghĩa được nghe chỗ chưa từng nghe của Phật nói thời nghĩa này chẳng phải. Vì nếu pháp là có lẽ ra quyết định có, pháp nếu là không lẽ ra quyết định không, nếu không thời lẽ ra chẳng sanh, nếu có thời lẽ ra chẳng diệt, như nghe thời là nghe, nếu chẳng nghe thời là chẳng nghe, sao lại nói rằng nghe chỗ chẳng nghe. Bạch Thế Tôn ! Nếu chẳng nghe đây là chẳng nghe, còn nếu đã nghe thời lại chẳng nghe, vì đã đặng nghe. Sao lại nói rằng nghe lại chẳng nghe ?

Ví như người đi, nếu đã đến thời chẳng đi còn đi thời chẳng đến. Cũng như đã sanh thời chẳng sanh, còn chẳng sanh thời là chẳng sanh. Đã đặng

thời chẳng đặng, còn chẳng đặng thời là chẳng đặng. Nghe rồi thời chẳng nghe, còn chẳng nghe thời là chẳng nghe. Bạch Thế Tôn ! Nếu chẳng nghe mà nghe đó, thời tất cả chúng sanh chưa có Bồ Đề lẽ ra cũng có đó, người chưa đặng Niết Bàn lẽ ra cũng đặng đó, người chưa thấy Phật tánh lẽ ra cũng thấy Phật tảnh, sao lại nói rằng bực Thập Trụ Bồ Tát dầu thấy Phật tánh nhưng chưa đặng rõ ràng.

Bạch Thế Tôn ! Nếu chẳng nghe mà nghe, thời đức Như Lai thuở xưa từ ai mà đặng nghe. Nếu nói rằng đặng nghe, cớ sao trong kinh A Hàm đức Như Lai lại nói là không có thầy. Nếu chẳng nghe thời là chẳng nghe mà đức Như Lai đặng thành Vô thượng Chánh giác, thời tất cả chúng sanh chẳng nghe lẽ ra cũng đặng thành Vô thượng Chánh giác. Nếu đức Như Lai chẳng nghe kinh Đại Niết Bàn mà thấy Phật tánh, thời tất cả chúng sanh chẳng nghe kinh này lẽ ra cũng được thấy Phật tánh.

Bạch Thế Tôn ! Phàm là sắc thời hoặc có thể thấy, hoặc chẳng thấy được, tiếng cũng như vậy, hoặc là có thể nghe, hoặc chẳng nghe được. Đại Niết Bàn này chẳng phải sắc chẳng phải tiếng, sao lại nói rằng có thể thấy nghe được.

Bạch Thế Tôn ! Quá khứ đã diệt thời chẳng thể nghe, vị lai chưa đến cũng chẳng thể nghe, lúc hiện tại lóng nghe thời chẳng gọi là nghe, nghe rồi khiến dứt lại chẳng thể nghe. Kinh Đại Niết Bàn này cũng

chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, nếu chẳng phải thời gian thời chẳng thể nói, nếu chẳng thể nói thời chẳng thể nghe, sao lại nói rằng Bồ Tát tu kinh Đại Niết Bàn này được nghe chỗ chẳng nghe".

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Nay ông khéo biết tất cả pháp như huyễn, như dương diệm, như thành Càn Thát Bà, như dấu vẽ trong nước, cũng như bóng nước, bọt nước, cây chuối rỗng không chẳng chắc thiệt, chẳng phải mạng, chẳng phải ngã, không có khổ vui, như chỗ thấy biết của Thập Trụ Bồ Tát".

Lúc đó trong đại chúng thoạt có ánh sáng lớn chiếu đến, ánh sáng này chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, mà thấy là xanh, vàng, đỏ, trắng, chẳng phải sắc, chẳng phải sáng, mà thấy là sắc là sáng, chẳng phải thấy mà thấy.

Đại chúng gặp ánh sáng này thân tâm vui thích như Tỳ Kheo nhập Sư Tử Vương Định.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Ai phóng ánh sáng này ?".

Đức Như Lai yên lặng chẳng đáp.

Ca Diếp Bồ Tát lại hỏi Văn Thù Sư Lợi : "Nhơn duyên gì mà có ánh sáng này chiếu đến đại chúng ?".

Văn Thù Sư Lợi yên lặng chẳng đáp.

Vô Biên Thân Bồ Tát lại hỏi Ca Diếp Bồ Tát : "Ai phóng ánh sáng này ?".

Ca Diếp Bồ Tát yên lặng chẳng đáp.

Tịnh Trụ Vương Tử Bồ Tát lại hỏi Vô Biên Thân Bồ Tát : "Duyên cớ gì trong đại chúng đây có ánh sáng này ?".

Vô Biên Thân Bồ Tát yên lặng không đáp.

Lần lượt đến năm trăm vị Bồ Tát xoay vần hỏi nhau, nhưng không ai giải đáp.

Đức Thế Tôn hỏi Văn Thù Sư Lợi : "Duyên cớ gì trong đại chúng đây có ánh sáng này ?".

Văn Thù Sư Lợi đáp : "Bạch Thế Tôn ! Ánh sáng này gọi là Trí huệ. Trí huệ chính là Thường trụ. Pháp thường trụ không có nhơn duyên, sao đức Phật lại hỏi duyên cớ gì có sánh sáng này.

Ánh sáng này gọi là Đại Niết Bàn, Đại Niết Bàn thời gọi là thường trụ, pháp thường trụ chẳng từ nhơn duyên, sao đức Phật lại hỏi duyên cớ gì có ánh sáng này.

Ánh sáng này chính là Như Lai, Như Lai chính là Thường trụ, pháp thường trụ chẳng từ nhơn duyên, sao đức Phật lại hỏi duyên cớ.

Ánh sáng này gọi là Đại Từ Đại Bi, đại từ bi gọi là Thường trụ, pháp thường trụ chẳng phải từ nhơn duyên, sao đức Phật lại hỏi duyên cớ.

Ánh sáng này chính là niệm Phật, niệm Phật là Thường trụ, pháp thường trụ chẳng từ nhơn duyên, sao đức Phật lại hỏi duyên cớ.

Ánh sáng này là đạo bất cộng với tất cả Thanh Văn, Duyên Giác, đạo bất cộng là Thường trụ, pháp thường trụ chẳng từ nhơn duyên, sao đức Phật lại hỏi duyên cớ. Đức Thế Tôn cũng có nhơn duyên : Nhơn dứt vô minh chứng đặng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác".

Phật nói : "Này Văn Thù Sư Lợi ! Nay ông chớ nhập đệ nhứt nghĩa đế, nên dùng thế đế để giải đáp".

Văn Thù Sư Lợi nói : "Bạch Thế Tôn ! Từ đây qua phương Đông cách hai mươi hằng hà sa thế giới, có cõi bất động, chỗ Phật ngự rộng một muôn hai ngàn do diên. Cõi đó toàn thất bảo không có đất đá, bằng thẳng êm dịu không có hầm hố. Cây cối toàn bằng bốn chất vàng, bạc, lưu ly, và pha lê, trên cây thường có hoa trái. Nếu có chúng sanh nào được ngửi mùi thơm của hoa này thời thân tâm an vui như nhập đệ Tam thiền. Khắp nơi có hai ngàn sông lớn nước sông đủ tám vị công đức, nếu có chúng sanh nào tắm trong nước đó thời thân tâm vui vẻ như nhập đệ Nhị thiền. Trong sông có nhiều thứ hoa đẹp : những hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng. Hai bờ sông cũng có các thứ hoa thơm đẹp. Đáy sông toàn trải cát vàng. Có những thềm bực bằng vàng, bạc, lưu ly cùng pha lê nhiều màu, nhiều giống chim

đẹp bay đậu trên đó. Lại có vô lượng cọp, sói, sư tử v.v... Các cầm thú ấy xem nhau như con đẻ. Trong cõi đó không có những tội ác cùng hạng nhứt xiển đề. Khí hậu điều hòa không có lạnh, nóng đói khát khổ sở, không có tham dục, sân hận, phóng dật, tật đố. Không mặt trời, mặt trăng thời tiết như cõi trời Đao Lợi. Nhân dân cõi đó đồng có ánh sáng, không có tâm kiêu mạn. Tất cả đều là Bồ Tát Đại Sĩ đầy đủ thần thông, có công đức lớn, tôn trọng chánh pháp, mến tu Đại thừa, có đại từ bi thương xót tất cả chúng sanh.

Đức Phật ở cõi đó hiệu là Mãn Nguyệt Quang Minh Như Lai, đầy đủ mười hiệu. Lúc đức Phật đó thuyết pháp, toàn thể chúng sanh trong cõi Bất Động đều được nghe. Đức Phật đó vì Lưu Ly Quang Bồ Tát mà giảng thuyết kinh Đại Niết Bàn đến đoạn Bồ Tát tu hành kinh này thời đều đặng nghe chỗ chẳng đặng nghe. Lưu Ly Quang Bồ Tát gạn hỏi đức Phật Mãn Nguyệt Quang Minh, như tại đây Cao Quý Đức Vương Bồ Tát vừa hỏi đức Như Lai giống nhau không khác. Đức Phật Mãn Nguyệt Quang Minh bảo Lưu Ly Quang Bồ Tát rằng : Phương Tây của cõi Bất Động này cách hai mươi hằng hà sa Phật độ có cõi Ta Bà, cõi ấy đầy những đất đá, gai chông, hầm hố, gò nổng, thường có những khổ về đói khát, lạnh, nóng. Nhơn dân cõi Ta Bà chẳng biết cung kính Sa Môn, Bà La Môn,

cha mẹ, Sư trưởng, phần nhiều tham đắm phi pháp, tà pháp, chẳng tin chánh pháp, thọ mạng của họ ngắn ngủi. Nhiều kẻ gian trá bị chánh quyền trừng phạt. Dầu đã có nước để cai trị, nhưng vua quan chẳng biết vừa đủ sanh lòng tham kéo binh đánh chiếm nước khác làm cho những người vô tội lại chết oan. Các nhà lãnh đạo thật hành những điều phi pháp như vậy, nên Tứ Thiên Vương các Thiên thần không hoan hỷ, thường giáng tai họa : hạn hán, bão lụt, mất mùa, đói khát, nhơn dân nhiều bịnh, vô lượng sự khổ não. Cõi Ta Bà đó có Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni Như Lai mười hiệu đầy đủ, hiện ở thành Câu Thi Na trong rừng Ta La Song Thọ, vì đại chúng diễn thuyết kinh Đại Niết Bàn, hiện có Bồ Tát tên Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương đã đem việc này hỏi đức Thích Ca Mâu Ni, nay đức Phật đó đương giải đáp, ông nên mau qua cõi đó sẽ được nghe.

Bạch Thế Tôn ! Lưu Ly Quang Bồ Tát vâng lời đức Phật Mãn Nguyệt Quang Minh cùng tám muôn bốn ngàn vị đại Bồ Tát sắp đến đây. Do nhơn duyên này nên hiện điềm phóng ánh sáng. Đây là có duyên cớ mà có ánh sáng này".

Lúc đó Lưu Ly Quang Bồ Tát cùng tám muôn bốn ngàn đại Bồ Tát mang theo các thứ phan lọng, hương hoa, chuỗi ngọc, nhiều thứ kỹ nhạc, đồng đến rừng Ta La nơi thành Câu Thi Na, đầu mặt lễ

chân Phật, đem đồ cúng dường dâng lên, cung kính đi nhiễu bên hữu ba vòng rồi ngồi qua một phía.

Đức Phật hỏi Lưu Ly Quang Bồ Tát : "Ông vì đến mà lại, hay vì chẳng đến mà lại ?".

- Bạch Thế Tôn ! "Đến cũng chẳng lại, chẳng đến cũng chẳng lại". Tôi quán sát nghĩa này đều không có lại. Các hành pháp nếu là thường cũng chẳng lại, nếu là vô thường cũng không có lại. Nếu người thấy có chúng sanh tánh thời có lại, chẳng lại. Nay tôi chẳng thấy chúng sanh có định tánh, thời đâu có lại cùng chẳng lại. Người có kiêu mạn thời thấy có đi, có lại. Người không kiêu mạn thời không thấy có đi, có lại. Người có chấp lấy tạo tác thời thấy có đi có lại. Người không chấp lấy tạo tác thời không thấy có đi, có lại.

Nếu thấy Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn thời có đi, có lại. Người chẳng thấy Như Lai nhập Niết Bàn thời không đi, không lại.

Người chẳng nghe Phật tánh thời có đi, có lại. Người nghe Phật tánh thời không đi không lại.

Nếu thấy hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật có Niết Bàn thời thấy có đi, có lại. Người chẳng thấy hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật có Niết Bàn thời không đi, không lại.

Nếu người thấy hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật là thường, lạc, ngã, tịnh, thời có đi, có đến. Nếu người không thấy thời không đi, không đến.

Nếu thấy Như Lai không có thường, lạc, ngã, tịnh thời có đi, có đến. Nếu thấy Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh thời không đi, không đến.

Bạch Thế Tôn ! Xin để việc đó lại. Nay tôi có chỗ muốn hỏi mong đức Phật thương xót cho phép.

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Giờ đây phải lúc tùy ý ông hỏi ta sẽ giải đáp cho ông. Vì chư Phật khó gặp như hoa Ưu Đàm, pháp cũng khó được nghe, trong mười hai bộ kinh bộ Phương Đẳng Đại thừa lại khó hơn. Vì thế nên phải chuyên tâm lóng nghe và lãnh thọ".

Lưu Ly Quang Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Thế nào là đại Bồ Tát có thể tu hành kinh Đại Niết Bàn được nghe chỗ chẳng nghe ?".

Phật khen rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Nay ông muốn cùng tận biển Đại thừa Đại Niết Bàn, lại gặp Phật có thể khéo giải thuyết. Phật là lương y có thể khéo nhổ mũi tên độc nghi ngờ của ông. Phật có đuốc huệ soi sáng Phật tánh cho ông. Ông muốn qua khỏi sông lớn sanh tử Phật có thể làm Thuyền sư cho ông. Ông ở nơi Phật tưởng là cha mẹ, Phật cũng ở nơi ông tưởng là con một. Lòng ông tham của báu chánh pháp, gặp Phật có nhiều pháp lại hay bố thí. Ông nên lóng nghe khéo suy nghĩ đó.

Này Thiện nam tử ! Khi nghe pháp rồi phải sanh lòng kính tin tôn trọng. Đối với chánh pháp

chớ tìm cầu chỗ lỗi, chớ nghĩ tham sân si. Chớ nhìn xem giòng họ tốt xấu của Pháp sư. Sau khi nghe pháp chớ sanh lòng kiêu mạn, chớ vì cung kính, danh dự, lợi dưỡng, phải vì được lợi ích pháp vị cam lồ độ thế gian. Cũng chớ nghĩ rằng, tôi nghe pháp rồi trước tự độ mình sau sẽ độ người, trước sẽ tự giải thoát sau sẽ giải thoát cho người, trước tự an thân sau sẽ làm cho người được an, trước tự được Niết Bàn sau sẽ làm cho người được Niết Bàn. Nên có quan niệm bình đẳng đối với Phật, Pháp, Tăng. Trong sanh tử phải có quan niệm là khổ oan lớn. Đối với Đại Niết Bàn phải quan niệm là thường, lạc, ngã, tịnh. Trước vì người sau sẽ vì mình. Nên vì Đại thừa chớ vì Nhị thừa. Nên không trụ trước đối với tất cả pháp, cũng chớ chuyên chấp tất cả pháp tướng. Đối với các pháp chớ có lòng tham, thường có quan niệm biết pháp thấy pháp.

Này Thiện nam tử ! Ông có thể hết lòng nghe pháp như vậy, đây thời gọi là được nghe chỗ chẳng nghe.

Này Thiện nam tử ! Có chẳng nghe mà nghe, có chẳng nghe mà chẳng nghe, có nghe mà chẳng nghe, có nghe mà nghe.

Này Thiện nam tử ! Như chẳng sanh mà sanh, chẳng sanh mà chẳng sanh, sanh mà chẳng sanh, sanh mà sanh.

Như chẳng đến mà đến, chẳng đến mà chẳng đến, đến mà chẳng đến, đến mà đến.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào là chẳng sanh mà sanh ?

- Này Thiện nam tử ! An trụ nơi thế đế, lúc mới xuất thai đây gọi là chẳng sanh mà sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào là chẳng sanh mà chẳng sanh ?

- Này Thiện nam tử ! Đại Niết Bàn đây không có tướng sanh, đây gọi là chẳng sanh mà chẳng sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là sanh mà chẳng sanh ?

- Này Thiện nam tử ! Cứ theo thế đế, lúc chết thời gọi là sanh mà chẳng sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào là sanh mà sanh ?

- Này Thiện nam tử ! Tất cả phàm phu thời gọi là sanh mà sanh. Vì phàm phu sanh, sanh chẳng dứt, vì tất cả hữu lậu niệm niệm sanh luôn, đây gọi là sanh mà sanh. Bực Tứ trụ Bồ Tát thời gọi là sanh mà chẳng sanh, vì sanh mà tự tại.

Này Thiện nam tử ! Trên đó là nói về nội pháp. Còn về ngoại pháp cũng có chưa sanh mà sanh, chưa sanh mà chưa sanh, sanh mà chưa sanh, sanh mà sanh. Như hột giống lúc chưa mọc mầm, được tứ đại hòa hiệp, công người săn sóc, rồi sau mới mọc lên đây gọi là chưa sanh mà sanh. Như hột giống hư và

hột giống chưa gặp đủ duyên, thời gọi là chưa sanh sanh mà chưa sanh. Như mầm đã mọc mà chẳng lớn thêm, thời gọi là sanh mà chưa sanh. Như mầm lớn thêm thời gọi là sanh mà sanh. Tất cả ngoại pháp hữu lậu sanh mà sanh như vậy.

- Bạch Thế Tôn ! Pháp hữu lậu nếu có sanh, thời là thường hay vô thường ?

Sanh nếu là thường, thời pháp hữu lậu không có sanh, sanh nếu là vô thường thời hữu lậu là thường.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu sanh có thể tự sanh, thời sanh không tự tánh. Nếu có thể sanh cái khác duyên cớ gì chẳng sanh vô lậu ?

- Bạch Thế Tôn ! Nếu lúc chưa sanh mà có sanh, sao lại đến nay mới gọi là sanh. Nếu lúc chưa sanh là không sanh, cớ sao chẳng nói hư không là sanh ?

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Chẳng sanh mà sanh, không thể nói được, cho đến sanh mà sanh cũng không thể nói được, sanh cùng bất sanh đều không thể nói được. Vì có nhơn duyên nên cũng có thể nói được.

Thế nào là chẳng sanh mà sanh chẳng thể nói được ? Chẳng sanh lại gọi là sanh, làm sao có thể nói được, vì nó sanh.

Thế nào là sanh mà sanh, chẳng thể nói được ? Vì sanh mà sanh nên là sanh, vì sanh mà sanh nên là chẳng sanh, cũng chẳng nói được.

Thế nào là sanh mà chẳng sanh, chẳng thể nói được ? Sanh thời gọi là sanh, sanh chẳng tự sanh, nên chẳng thể nói được.

Thế nào là chẳng sanh mà chẳng sanh, chẳng thể nói được ? Chẳng sanh gọi là Niết Bàn, vì Niết Bàn chẳng sanh nên chẳng thể nói được, vì Niết Bàn do tu mà chứng đặng.

Thế nào là sanh cũng chẳng thể nói được ? Vì sanh vốn là không.

Thế nào là chẳng sanh không thể nói được ? Vì có chứng đặng.

Thế nào là vì có nhơn duyên cũng có thể nói được ? Mười pháp nhơn duyên làm sanh tác nhơn do đây nên cũng có thể nói được.

Này Thiện nam tử ! Nay ông chớ nhập thậm thâm không định, vì đại chúng căn trí chậm lụt.

Này Thiện nam tử ! Pháp hữu vi sanh cũng là thường, do trụ vô thường, nên sanh cũng vô thường. Trụ cũng là thường do sanh mà sanh nên trụ cũng vô thường. Dị cũng là thường, do pháp vô thường nên dị cũng vô thường. Hoại cũng là thường, do trước không nay có nên hoại cũng vô thường.

Này Thiện nam tử ! Vì cứ nơi tánh, nên sanh, trụ, dị, hoại đều là thường, vì niệm niệm diệt nên không thể nói là thường, vì Đại Niết Bàn này có thể dứt diệt được, nên lại gọi là Vô thường.

Này Thiện nạm tử ! Pháp hữu lậu lúc chưa sanh, đã có tánh sanh, vì thế nên sanh có thể sanh được. Pháp vô lậu vốn không tánh sanh, vì thế nên sanh không thể sanh được. Như lửa có tánh sẵn gặp duyên thời phát. Mắt có tánh thấy đủ duyên thời thấy. Sanh pháp của chúng sanh cũng như vậy, do tánh sẵn có, gặp nhơn duyên của nghiệp, cha mẹ hòa hiệp thời bèn có sanh".

Lưu Ly Quang Bồ Tát cùng tám muôn bốn ngàn đại Bồ Tát nghe pháp này rồi, vọt thân lên hư không cao bảy cây Đa La, chấp tay cung kính bạch Phật : "Thế Tôn ! Tôi nhờ đức Như Lai ân cần dạy bảo, do Đại Niết Bàn mới đặng tỏ ngộ ý nghĩa nghe chỗ chẳng nghe, cũng làm cho tám muôn bốn ngàn Bồ Tát này hiểu rõ những nghĩa chẳng sanh mà sanh v.v... của các pháp.

Bạch Thế Tôn ! Nay tôi đã tỏ ngộ dứt hết nghi ngờ, nhưng trong hội này có một Bồ Tát hiệu là Vô Úy lại muốn thưa hỏi mong đức Phật cho phép".

Phật bảo Vô Úy Bồ Tát : "Này Thiện nam tử ! Tùy ý ông hỏi, ta sẽ vì ông giải nói".

Vô Úy Bồ Tát cùng tám muôn bốn ngàn Bồ Tát đồng đứng dậy nghiêm chỉnh y phục, quì chấp tay bạch Phật : "Thế Tôn ! Chúng sanh cõi Ta Bà này phải thật hành hạnh nghiệp gì để được sanh về cõi Bất Động ? Bồ Tát cõi đó thế nào mà đặng đầy đủ trí huệ, đầy đủ các công hạnh, có oai đức lớn, trí huệ lanh lẹ, nghe liền hiểu rõ ?".

Đức Phật liền nói kệ rằng :

Chẳng hại mạng chúng sanh
Giữ gìn các cấm giới
Bẩm thọ pháp của Phật
Thời sanh cõi Bất Động.
Chẳng đoạt của người khác
Thường ban cho tất cả
Tạo chiêu đề Tăng phường
Thời sanh cõi Bất Động.
Chẳng phạm vợ con người
Vợ nhà chẳng phi thời
Thí trì giới ngọa cụ
Thời sanh cõi Bất Động.
Chẳng vì mình hoặc người
Cầu lợi và khủng bố
Giữ lời chẳng vọng ngữ
Thời sanh cõi Bất Động.
Chớ phá Thiện tri thức
Xa lìa quyến thuộc ác
Thường nói lời hòa hiệp
Thời sanh cõi Bất Động.
Như các bực Bồ Tát
Thường lìa lời ác khẩu
Nói ra người thích nghe
Thời sanh cõi Bất Động
Nhẫn đến lúc giỡn cười
Chẳng nói lời phi thời
Gìn giữ lời chánh pháp
Thời sanh cõi Bất động
Thấy người đặng lợi dưỡng
Thường sanh lòng vui mừng
Chẳng sanh lòng tật đố
Thời sanh cõi Bất Động
Chẳng não hại chúng sanh
Thường sanh lòng Từ bi
Chẳng làm phương tiện ác
Thời sanh cõi Bất Động
Tà kiến bác bố thí
Không cha mẹ, khứ lai
Chẳng có tà kiến ấy
Thời sanh cõi Bất Động
Đường xa làm giếng tốt

Trồng rừng rậm cây trái
Thường thí người khất thực
Thời sanh cõi Bất Động
Đối với Phật, Pháp, Tăng
Cúng một đèn một hương
Nhẫn đến dưng một hoa
Thời sanh cõi Bất Động
Nếu vì có sợ sệt
Lợi dưỡng cùng phước đức
Chép một kệ kinh này
Thời sanh cõi Bất Động
Nếu vì cầu phước lợi
Được ở trong một ngày
Đọc tụng kinh điển này
Thời sanh cõi Bất Động
Nếu vì đạo Vô thượng
Trong một ngày một đêm
Thọ trì bát quan trai
Thời sanh cõi Bất Động
Chẳng cùng người phạm tội
Người hủy báng Đại thừa
Đồng ở chung một chỗ
Thời sanh cõi Bất Động.
Nếu thí cho người bịnh
Nhẫn đến một trái cây
Vui mừng mà săn sóc
Thời sanh cõi Bất Động.
Chẳng lạm dùng của Tăng
Khéo giữ vật của Phật
Tô quét chỗ Phật Tăng
Thời sanh cõi Bất Động.
Tạo tượng và tháp Phật
Chừng bằng ngón tay cái
Thường sanh lòng vui mừng
Thời sanh cõi Bất Động.
Nếu vì kinh điển này
Đem thân cùng của cải
Cúng dường người thuyết pháp
Thời sanh cõi Bất Động.
Nếu nghe và biên chép
Thọ trì cùng đọc tụng
Tạng bí mật của Phật
Thời sanh cõi Bất Động.

Vô Úy Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Nay tôi đã biết những công hạnh đặng sanh về cõi nước Bất Động.

Thế Tôn ! Cao Quý Đức Vương Bồ Tát này vì khắp xót thương tất cả chúng sanh nên trước kia có chỗ thưa hỏi, nếu đức Như Lai giải thuyết thời có thể lợi ích an vui cho hàng trời, người, bát bộ".

Đức Phật bảo Cao Quý Đức Vương Bồ Tát : "Lành thay ! Lành Thay ! Này Thiện nam tử ! Ông nên hết lòng lóng nghe, tôi sẽ vì ông phân biệt giải thuyết.

Vì có nhơn duyên nên chưa đến chẳng đến. Vì có nhơn duyên nên chẳng đến mà đến, vì có nhơn duyên nên đến mà chẳng đến. Vì có nhơn duyên nên đến mà đến.

Này Thiện nam tử ! Xét về chẳng đến gọi là Đại Niết Bàn. Hàng phàm phu chưa đến bởi có tham dục, sân khuể và ngu si. Vì hai nghiệp thân và khẩu chẳng thanh tịnh, cùng lãnh thọ tất cả vật bất tịnh, phạm bốn trọng tội, hủy báng Phương Đẳng Đại thừa là hạng nhứt xiển đề tạo tội ngũ nghịch. Do nghĩa này nên chưa đến chẳng đến.

Chẳng đến gọi là chẳng đến Đại Niết Bàn. Do nghĩa gì mà được đến ? Vì dứt hẳn tham dục, sân khuể, ngu si và tội ác của thân khẩu, chẳng thọ tất cả vật bất tịnh, chẳng phạm bốn tội trọng, chẳng hủy báng Phương Đẳng Đại thừa, chẳng làm hạng

nhứt xiển đề, chẳng tạo tội ngũ nghịch. Do nghĩa này nên gọi là chẳng đến mà đến.

Bực Tu Đà Hoàn tám muôn kiếp thì đến, bực Tư Đà Hàm sáu muôn kiếp thì đến, bực A Na Hàm bốn muôn kiếp thì đến, bực A La Hán hai muôn kiếp thì đến, Bích Chi Phật mười ngàn kiếp thì đến. Do nghĩa này nên gọi là chẳng đến mà đến.

Đến gọi là hai mươi lăm cõi. Tất cả chúng sanh đều bị vô lượng phiền não che đậy, qua lại chẳng ngừng dường như bánh xe lăn, đây gọi là đến. Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát vì đã đặng lìa hẳn nên gọi là chẳng đến, lại ba bực này vì muốn hóa độ chúng sanh nên thị hiện ở trong đó, nên cũng gọi là đến.

Đến chính là hai mươi lăm cõi. Tất cả phàm phu, Tu Đà Hoàn nhẫn đến A Na Hàm, vì phiền não nên gọi là đến mà đến.

Này Thiện nam tử ! Nghe chỗ chẳng nghe cũng như vậy. Có chẳng nghe mà nghe, chẳng nghe mà chẳng nghe, nghe mà chẳng nghe, nghe mà nghe.

Chẳng nghe là Đại Niết Bàn vì chẳng phải hữu vi, vì chẳng phải âm thanh, vì chẳng thể nói. Thế nào là cũng nghe ?

Vì đặng nghe danh từ : Thường, lạc, ngã và tịnh. Do nghĩa này nên gọi là chẳng nghe mà nghe".

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như Phật nói Đại Niết Bàn là chẳng thể nghe

được, sao lại nói rằng thường, lạc, ngã, tịnh mà có thể nghe được. Vì người đoạn phiền não gọi là đặng Niết Bàn, nếu chưa đoạn gọi là chẳng được. Do nghĩa này tánh Niết Bàn trước không mà nay có. Nếu pháp thế gian trước không mà nay có thời gọi là vô thường. Ví như bình bồn v.v... Trước không mà nay có, đã có hoàn không, nên gọi là vô thường. Niết Bàn nếu như vậy, sao lại nói rằng thường, lạc, ngã, tịnh.

Bạch Thế Tôn ! Phàm do trang nghiêm mà được thành đều gọi là vô thường. Niết Bàn nếu như vậy ? Lẽ ra là vô thường. Những gì trang nghiêm Niết Bàn ? Chính là ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sáu pháp Ba la mật, bốn Tâm vô lượng, quán tướng xương trắng A na Ba na, lục niệm xứ, phá tích sáu đại, do những pháp đó mà thành tựu Niết Bàn nên là vô thường.

Bạch Thế Tôn ! Phàm là có, thời gọi là vô thường. Nếu Niết Bàn là có thời lẽ ra là vô thường. Như ngày trước trong kinh A Hàm Phật nói : Thanh Văn, Duyên Giác, chư Phật đều có Niết Bàn, do nghĩa này nên gọi là vô thường.

Bạch Thế Tôn ! Pháp có thể thấy thời gọi là vô thường. Như ngày trước đức Phật nói : Người thấy Niết Bàn thời dứt trừ được tất cả phiền não. Ví như hư không chẳng có chướng ngại nên gọi là thường. Giả sử Niết Bàn là thường v.v... cớ sao

chúng sanh lại có người được, người chẳng được. Như vậy Niết Bàn đối với chúng sanh chẳng bình đẳng lẽ ra chẳng gọi là thường.

Ví như trăm người chung có một kẻ oán thù, nếu hại được kẻ này thời nhiều người được an lạc. Giả sử Niết Bàn là pháp bình đẳng, lúc một người được, lẽ ra nhiều người cũng được, một người dứt kiết sử lẽ ra nhiều người cũng dứt, nếu chẳng như vậy sao lại gọi là thường.

Như có người cung kính cúng dường tôn trọng tán thán Quốc vương, Vương tử, Phụ mẫu, Sư trưởng thời được lợi dưỡng, đây chẳng gọi là thường. Niết Bàn cũng vậy, như ngày trước trong kinh A Hàm đức Phật nói với A Nan : Nếu có người cung kính Niết Bàn thời dứt được kiết sử hưởng thọ vô lượng an lạc do đây nên chẳng gọi là thường.

Bạch Thế Tôn ! Nếu trong Niết Bàn có danh từ thường, lạc, ngã, tịnh thời chẳng gọi là thường, như không có, sao lại có thể nói ?".

Đức Phật bảo Cao Quý Đức Vương Bồ Tát : "Thể Niết Bàn chẳng phải trước không nay có. Nếu thể Niết Bàn trước không nay có thời chẳng phải vô lậu. Pháp thường trụ, nay có Phật hay không Phật, tánh tướng vẫn thường trụ. Bởi chúng sanh bị phiền não che đậy nên chẳng thấy Niết Bàn, bèn gọi là không. Đại Bồ Tát dùng giới, định, huệ siêng

tu tâm mình, dứt xong phiền não bèn đặng thấy Niết Bàn. Phải biết Niết Bàn là pháp thường trụ chẳng phải trước không nay có nên gọi là thường.

Như dưới giếng trong nhà tối có các thứ châu báu, người cũng biết là có nhưng vì tối nên không thấy. Người có trí, thắp đèn sáng lớn cầm soi đó thời thấy châu báu rõ ràng. Người trí này trọn chẳng nghĩ rằng : Nước giếng cùng châu báu, trước không mà nay có.

Cũng vậy, Niết Bàn trước vốn tự có, chẳng phải nay mới có, vì phiền não tối tăm nên chúng sanh chẳng thấy. Đức Như Lai đại trí thắp đèn trí huệ, làm cho Bồ Tát đặng thấy Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh. Do đây nên người trí chẳng nên nói rằng Niết Bàn trước không mà nay có.

Này Thiện nam tử ! Như ông nói do trang nghiêm nên đặng thành Niết Bàn lẽ ra là vô thường, nghĩa này cũng không phải. Vì thể của Niết Bàn chẳng phải sanh, chẳng phải xuất, chẳng phải thiệt, chẳng phải hư, chẳng phải tạo tác mà có, chẳng phải là pháp hữu lậu, hữu vi, chẳng phải nghe, chẳng phải thấy, chẳng phải đọa, chẳng phải chết, chẳng phải tướng biệt dị, cũng chẳng phải tướng đồng, chẳng phải qua, chẳng phải lại, chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, chẳng phải một và nhiều, chẳng phải dài và vắn, chẳng phải tròn và vuông, chẳng phải nhọn và méo, chẳng phải có tướng và không tướng, chẳng phải danh và sắc, chẳng phải nhơn và quả,

chẳng phải ngã và ngã sở. Do những nghĩa này nên Niết Bàn là thường không biến đổi. Phải tu tập pháp lành trong vô lượng kiếp để tự trang nghiêm rồi mới được thấy.

Ví như dưới đất có mạch nước trong mát chúng sanh chẳng thấy được, người trí ra công đào đất, thời đặng nước. Niết Bàn cũng như vậy.

Ví như người mù chẳng thấy mặt trời, mặt trăng lương y điều trị thời đặng thấy. Mặt trời, mặt trăng chẳng phải là trước không mà nay có. Niết Bàn cũng như vậy từ trước đã tự có, chẳng phải mới có ngày nay.

Như người có tội bị trói nhốt trong khám, lâu ngày mãn tù mới được thả ra, trở về nhà đặng thấy cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc. Niết Bàn cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ông nói vì nhơn duyên nên pháp Niết Bàn lẽ ra vô thường, nghĩa này chẳng đúng.

Này Thiện nam tử ! Xét về nhơn có năm thứ : Một là sanh nhơn, hai là hòa hiệp nhơn, ba là trụ nhơn, bốn là tăng trưởng nhơn, năm là viễn nhơn.

Sanh nhơn chính là nghiệp phiền não, cũng như hột giống của cây cỏ.

Hòa hiệp nhơn, như pháp lành hòa hiệp với tâm lành, pháp chẳng lành hòa hiệp với tâm chẳng lành, pháp vô ký hòa hiệp cùng tâm vô ký.

Trụ nhơn, như dưới có cột thời nóc nhà chẳng sập, núi, sông, cây cỏi, nhơn mặt đất mà đặng đứng vững, cũng vậy, nhờ có tứ đại cùng vô lượng phiền não mà chúng sanh đặng an trụ.

Tăng trưởng nhơn, do uống ăn, y phục v.v... làm cho chúng sanh tăng trưởng. Ví như lửa chẳng đốt, chim chẳng ăn thời hột giống của cây cỏ được tăng trưởng. Như hàng Sa Môn Bà La Môn nhờ thầy lành bạn tốt mà được tăng trưởng. Như nhờ cha mẹ mà con được tăng trưởng.

Viễn nhơn, như nhơn thần chú mà quỉ chẳng hại được, độc chẳng trúng được, như nhờ Quốc vương không có trộm cướp, như nương đất nước mà mầm mọc lên, như nước khuấy, công người là Viễn nhơn của chất tô. Như ánh sáng màu sắc v.v... là Viễn nhơn của nhãn thức, tinh huyết của cha mẹ là Viễn nhơn của chúng sanh. Như thời tiết v.v.... đều gọi là Viễn nhơn.

Này Thiện nam tử ! Thể Niết Bàn chẳng phải do nhơn như vậy làm thành, sao ông lại nói là vô thường ?

Lại có hai thứ nhơn : Một là tác nhơn, hai là liễu nhơn. Như khí cụ của thợ gốm thời gọi là tác nhơn, như đèn đuốc v.v... soi vật trong tối thời gọi là liễu nhơn.

Này Thiện nam tử ! Đại Niết Bàn chẳng do tác nhơn mà có, chỉ do liễu nhơn. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sáu pháp Ba la mật gọi là liễu nhơn. Bố thí

là nhơn của Niết Bàn, chẳng phải là nhơn của Đại Niết Bàn. Đàn Ba la mật mới được gọi là nhơn của Đại Niết Bàn. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là nhơn của Niết Bàn, chẳng phải nhơn của Đại Niết Bàn. Vô lượng vô số pháp trợ Bồ Đề mới được gọi là nhơn của Đại Niết Bàn".

(*) Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Tại sao bố thí chẳng được gọi là Đàn Ba la mật ? Bố thí thế nào mới được gọi là Đàn Ba la mật, nhẫn đến Bát Nhã Ba la mật ? Thế nào gọi là Niết Bàn và Đại Niết Bàn ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu hành Đại thừa Phương Đẳng Đại Niết Bàn, chẳng nghe bố thí cũng chẳng thấy bố thí. Chẳng nghe Đàn Ba la mật cũng như chẳng thấy nhẫn đến chẳng nghe Bát Nhã, chẳng thấy Bát Nhã, cũng chẳng nghe chẳng thấy Bát Nhã Ba la mật. Chẳng nghe chẳng thấy Niết Bàn và Đại Niết Bàn.

Đại Bồ Tát tu Đại Niết Bàn, biết và thấy pháp giới, hiểu rõ thật tướng không có tất cả tướng : Không có tướng hòa hiệp giác tri. Đặng tướng vô lậu, tướng vô tác, tướng như huyễn hóa, tướng ánh nắng, tướng thành Càn Thát Bà, tướng trống không. Bồ Tát thấy được những tướng như vậy thời không tham, sân, si, chẳng nghe chẳng thấy. Đây gọi là Đại Bồ Tát an trụ thật tướng.

(*) Hán bộ quyển thứ 22

Đại Bồ Tát tự biết đây là bố thí, đây là Đàn Ba la mật nhẫn đến đây là Bát Nhã Ba la mật, đây là Niết Bàn, đây là đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là bố thí mà chẳng phải Ba la mật ? Thấy có người xin rồi sau mới cho, đây là bố thí chẳng phải Ba la mật. Nếu không người xin tâm tự thí xả, thời gọi là Đàn Ba la mật. Nếu bố thí có thời gian thời gọi là bố thí chẳng phải Ba la mật. Nếu thường thật hành bố thí thời gọi là Đàn Ba la mật, nếu bố thí rồi trở lại sanh lòng hối hận đây gọi là bố thí chẳng phải Ba la mật. Thí rồi chẳng ăn năn thời gọi là Đàn Ba la mật.

Đại Bồ Tát đối với của cải có bốn quan niệm lo sợ : Một là vua quan tịch thâu, hai là trộm cướp, ba là nước lụt, bốn là lửa cháy, do đó nên vui vẻ đem bố thí, đây gọi là Đàn Ba la mật, nếu mong được báo đền mà bố thí thời chẳng phải Ba la mật. Bố thí chẳng mong báo đền thời gọi là Đàn Ba la mật.

Nếu vì kính sợ, vì tiếng tăm lợi lộc, vì gia pháp tương truyền, vì cầu vui cõi trời, vì kiêu mạn, vì hơn người, vì quen thân, vì cầu báo đền thời như là buôn bán đổi chác. Như người trồng cây để được bóng mát, được bông, trái, hoặc để được cây gỗ. Nếu người tu hành mà bố thí như vậy thời gọi là bố thí chẳng phải Ba la mật.

Đại Bồ Tát tu hành Phương Đẳng Đại Niết Bàn, chẳng thấy người bố thí, cũng như chẳng thấy kẻ lãnh thọ và của cải, chẳng thấy thời tiết, chẳng thấy phước điền, hay chẳng phải phước điền, chẳng thấy nhơn duyên, quả báo, chẳng thấy người làm kẻ thọ, chẳng thấy nhiều hay ít, tịnh hay bất tịnh, chẳng khinh người lãnh thọ cũng như chẳng khinh thân mình hay của cải, chẳng để ý người ngó thấy hay không ngó thấy, chẳng chấp mình cùng người chỉ vì pháp thường trụ Phương Đẳng Đại Niết Bàn mà thật hành bố thí, chỉ vì lợi ích tất cả chúng sanh mà thật hành bố thí, vì dứt tất cả phiền não cho chúng sanh mà thật hành bố thí, chỉ vì chúng sanh nên chẳng thấy người thí kẻ thọ cùng của cải mà thật hành bố thí.

Ví như có người té xuống biển lớn, ôm lấy tử thi mà được thoát nạn. Đại Bồ Tát tu Đại Niết Bàn lúc thật hành bố thí cũng như ôm lấy tử thi để được vào bờ.

Ví như có người bị nhốt trong ngục kín, cửa nẻo đều đóng chặt, chỉ có lỗ cầu xí, bèn do nơi đó chui ra mà được thong thả, đại Bồ Tát tu hành Đại Niết Bàn lúc thật hành bố thí cũng như vậy.

Ví như người sang quí phải nạn gấp kinh sợ không có chỗ dựa nương, bèn nương nhờ Chiên đà la. Đại Bồ Tát tu Đại Niết Bàn thật hành bố thí cũng như vậy.

Ví như người bịnh nặng, vì muốn được lành mạnh nên uống chất thuốc dơ. Đại Bồ Tát tu Đại Niết Bàn thật hành bố thí cũng như vậy.

Như Bà La Môn gặp lúc mất mùa đói khát vì mạng sống nên ăn thịt chó, Đại Bồ Tát tu Đại Niết Bàn thật hành bố thí cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trong Đại Niết Bàn những việc như vậy, từ vô lượng kiếp đến nay chẳng nghe mà được nghe. Giới luật cùng Thi La Ba la mật nhẫn đến Bát Nhã cùng Bát Nhã Ba la mật, như trong kinh Tạp Hoa đức Phật đã giảng rộng.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là Bồ Tát tu Đại Niết Bàn chẳng nghe mà được nghe ? Mười hai bộ kinh nghĩa lý thâm thúy từ trước chẳng nghe, nay nhơn kinh này mà được nghe đầy đủ. Trước dầu được nghe nhưng chỉ nghe danh tự, nay ở kinh này mới đặng nghe nghĩa lý. Thanh Văn, Duyên Giác chỉ nghe danh tự của mười hai bộ kinh mà chẳng nghe nghĩa lý, nay ở kinh này được nghe đầy đủ. Đây gọi là chẳng nghe mà được nghe.

Trong tất cả kinh của Thanh Văn, Duyên Giác chẳng nghe đức Phật có thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng rốt ráo nhập diệt, Tam Bảo và Phật tánh không có tướng sai khác, người phạm bốn trọng tội, hủy báng kinh điển Đại thừa, tạo tội ngũ nghịch và nhứt xiển đề, tất cả đều có Phật tánh.

Nay ở kinh này mà đặng nghe đó. Đây gọi là chẳng nghe mà được nghe".

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Nếu nhứt xiển đề v.v... mà có Phật tánh, tại sao bọn họ lại đọa địa ngục ?

Bạch Thế Tôn ! Giả sử bọn họ có Phật tánh, sao lại nói là không có thường, lạc, ngã, tịnh ?

Nếu dứt căn lành gọi là nhứt xiển đề, lúc dứt căn lành tại sao Phật tánh lại chẳng dứt ? Phật tánh nếu dứt sao lại nói rằng thường, lạc, ngã, tịnh ? Như Phật tánh chẳng dứt sao lại gọi là nhứt xiển đề ?

Bạch Thế Tôn ! Phạm bốn tội nặng gọi là bất định, hủy báng kinh Đại thừa, tạo tội ngũ nghịch cùng nhứt xiển đề đều gọi là bất định. Những hạng này nếu quyết định làm sao đặng thành Vô Thượng Bồ Đề. Tu Đà Hoàn nhẫn đến Bích Chi Phật cũng gọi là bất định, vì nếu quyết định lẽ ra Tu Đà Hoàn nhẫn đến Bích Chi Phật đều chẳng được thành Vô Thượng Bồ Đề.

Bạch Thế Tôn ! Nếu phạm bốn tội nặng là chẳng quyết định, thời Tu Đà Hoàn nhẫn đến Bích Chi Phật cũng là chẳng quyết định, chư Phật Như Lai cũng lại chẳng quyết định. Như thế, thể tánh Niết Bàn cũng lại chẳng quyết định, tất cả pháp cũng chẳng quyết định. Tại sao chẳng quyết định gọi là nhứt xiển đề. Trừ nhứt xiển đề thời thành Phật đạo.

Chư Phật Như Lai lẽ ra cũng như vậy, nhập Niết Bàn rồi đáng lẽ cũng lại trở ra chẳng nhập Niết Bàn. Nếu như vầy thời tánh Niết Bàn cũng là chẳng nhứt định. Vì chẳng nhứt định nên biết chẳng có thường, lạc, ngã, tịnh. Sao lại nói rằng : Nhứt xiển đề v.v... sẽ đặng Niết Bàn ?".

Đức Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Ông vì muốn lợi ích an lạc chúng sanh, vì lòng từ bi xót thương thế gian, vì muốn sách tấn các Bồ Tát phát Bồ Đề tâm, nên hỏi Phật những điều như vậy.

Ông đã gần gũi vô lượng chư Phật quá khứ trồng những căn lành, từ lâu đã thành tựu công đức Bồ Đề hàng phục các loài ma, đã giáo hóa vô lượng vô biên chúng sanh đưa họ đến Vô thượng Chánh giác, từ lâu đã thông đạt tạng thâm mật của Như Lai, đã từng đem những nghĩa thâm mật như trên thưa hỏi hằng hà sa chư Phật thuở quá khứ. Tất cả thế gian hoặc người hoặc trời hoặc Sa Môn hoặc Bà La Môn hoặc Ma Vương, Phạm Vương, ta đều không thấy ai có thể hỏi được như vậy. Ông nên thành tâm lóng nghe.

Này Thiện nam tử ! Nhứt xiển đề cũng chẳng nhứt định. Vì nếu nhứt định thời nhứt xiển đề trọn không thể đặng thành Vô thượng Chánh giác. Vì chẳng nhứt định nên có thể đặng thành.

Như ông hỏi : Phật tánh chẳng dứt, sao nhứt xiển đề lại dứt căn lành ?

Này Thiện nam tử ! Căn lành có hai thứ : Trong và ngoài. Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, nên chẳng dứt.

Căn lành lại có hai thứ : Hữu lậu và vô lậu. Phật tánh chẳng phải hữu lậu và vô lậu nên chẳng dứt.

Lại có hai thứ căn lành : Thường và vô thường. Phật tánh chẳng phải thường, chẳng phải vô thường nên chẳng dứt.

Nếu là những thứ bị dứt, thời trở lại đặng. Nếu chẳng trở lại đặng thời gọi là chẳng dứt. Nếu dứt rồi trở lại đặng thời gọi là nhứt xiển đề. Phạm bốn tội nặng, hủy báng Đại thừa, tạo tội ngũ nghịch cũng chẳng nhứt định như vậy. Vì nếu nhứt định thời những hạng này trọn chẳng thể đặng Vô Thượng Bồ Đề.

Sắc cùng tướng của sắc, hương, vị, xúc, sanh đến vô minh, ấm, nhập, giới, hai mươi lăm cõi, bốn loài sanh, tất cả pháp cũng đều không có tướng nhứt định.

Ví như nhà ảo thuật ở trong đại chúng biến hóa làm quân lính, chuỗi ngọc đồ trang sức, xóm làng, thành ấp, rừng cây, suối, ao, sông, giếng. Trong đại chúng có bọn trẻ thơ vì không đủ trí, nên lúc xem coi cho đó là thiệt. Người trí biết đó là hư dối, do sức ảo thuật làm lầm mắt người.

Tất cả phàm phu nhẫn đến Thanh Văn, Bích Chi Phật, đối với tất cả pháp thấy có tướng nhứt định.

Chư Phật Bồ Tát đối với tất cả pháp chẳng thấy tướng nhứt định.

Ví như mùa hạ thấy ánh nắng dợn, trẻ thơ cho là nước. Người trí trọn chẳng nhận là nước thiệt, chỉ là ánh nắng gợn làm lầm mắt người.

Tất cả phàm phu Thanh Văn, Duyên Giác thấy tất cả pháp đều cho là thật. Chư Phật, Bồ Tát chẳng thấy có tướng nhứt định.

Ví như khe núi, do tiếng mà có vang. Trẻ thơ cho là thiệt tiếng. Người trí hiểu là không thật, chỉ có tướng tiếng phỉnh dối nơi nhĩ thức.

Tất cả phàm phu Thanh Văn, Duyên Giác đối với tất cả pháp thấy có tướng nhứt định. Chư Phật, Bồ Tát hiểu rõ đều không tướng nhứt định, thấy là tướng vô thường, tướng không tịch, tướng không sanh diệt. Do nghĩa này, đại Bồ Tát thấy tất cả pháp là tướng vô thường.

Này Thiện nam tử ! Cũng có định tướng, chính là thường, lạc, ngã, tịnh nơi quả Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Quả Tu Đà Hoàn cũng chẳng quyết định, vì chẳng quyết định nên trải qua tám muôn kiếp đặng Vô thượng Chánh giác. Quả Tư Đà Hàm cũng chẳng quyết định, vì trải qua sáu muôn kiếp đặng Vô thượng Chánh giác. Quả A Na Hàm cũng chẳng quyết định, vì trải qua bốn muôn kiếp đặng Vô thượng Chánh giác. Quả A La Hán cũng

chẳng quyết định, vì trải qua hai muôn kiếp đặng Vô thượng Chánh giác.

Bích Chi Phật cũng chẳng quyết định, vì trải mười ngàn kiếp đặng Vô thượng Chánh giác.

Này Thiện nam tử ! Hôm nay Như Lai ở trong rừng Ta La Song Thọ nơi thành Câu Thi Na, thị hiện nằm dựa trên giường sư tử sắp nhập Niết Bàn, làm cho chúng đệ tử chưa chứng quả A La Hán cùng các lực sĩ rất lo rầu, cũng làm cho trời, người, A tu la, Càn thát bà, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già v.v... trần thiết đồ cúng dường. Muốn khiến mọi người dùng ngàn bức vải lông vấn thân Như Lai, bảy báu làm quan tài, đựng đầy dầu thơm, chất những gỗ thơm để thiêu đó. Chỉ trừ hai thứ chẳng thể cháy được : Một là y lót mình, hai là lớp vải vấn phía ngoài hết. Vì chúng sanh nên phân chia Xá Lợi làm tám phần.

Tất cả hàng Thanh Văn đệ tử đều cho rằng đức Như Lai nhập Niết Bàn. Phải biết đức Như Lai cũng chẳng quyết định rốt ráo nhập Niết Bàn, vì đức Như Lai thường trụ chẳng biến đổi. Do nghĩa này nên đức Như Lai nhập Niết Bàn cũng chẳng nhứt định.

Này Thiện nam tử ! Nên biết Như Lai cũng chẳng quyết định. Như Lai chẳng phải Thiên. Có bốn hạng Thiên : Một là Thế gian thiên, hai Sanh thiên, ba là Tịnh thiên, bốn Nghĩa thiên.

Thế gian thiên, lệ như các vị quốc vương. Từ Tứ Thiên Vương nhẫn đến trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng gọi là Sanh Thiên. Từ Tu Đà Hoàn đến Bích Chi Phật gọi là Tịnh Thiên. Thập Trụ Bồ Tát v.v... gọi là Nghĩa Thiên, vì có thể hiểu rõ nghĩa của các pháp, chính là thấy nghĩa không của tất cả các pháp.

Này Thiện nam tử ! Như Lai chẳng phải Quốc Vương, chẳng phải Tứ Thiên Vương, nhẫn đến trời Phi Phi Tưởng, cũng chẳng phải Tu Đà Hoàn, Bích Chi Phật, Thập Trụ Bồ Tát. Do đây nên Như Lai chẳng phải Thiên. Mặc dù như vậy, nhưng chúng sanh cũng gọi Phật là Thiên Trung Thiên. Vì thế nên Như Lai chẳng phải là Thiên cũng chẳng phải là chẳng phải Thiên, chẳng phải là người cũng chẳng phải là chẳng phải người, chẳng phải là quỉ cũng chẳng phải là chẳng phải quỉ, chẳng phải là địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ, cũng chẳng phải là chẳng phải địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ, chẳng phải là chúng sanh cũng chẳng phải là chẳng phải chúng sanh, chẳng phải là pháp cũng chẳng phải là chẳng phải pháp, chẳng phải là sắc cũng chẳng phải là chẳng phải sắc, chẳng phải là dài, vắn cũng chẳng phải là chẳng phải dài, vắn. Chẳng phải là tướng cũng chẳng phải là chẳng phải tướng, chẳng phải là tâm cũng chẳng phải là chẳng phải tâm, chẳng phải là hữu lậu, chẳng phải là vô lậu, chẳng phải là hữu vi, chẳng phải là vô vi, chẳng phải là thường,

chẳng phải là vô thường, chẳng phải là huyễn hóa cũng chẳng phải là chẳng phải huyễn hóa, chẳng phải là danh cũng chẳng phải là chẳng phải danh, chẳng phải là định cũng chẳng phải là chẳng phải định, chẳng phải có không cũng chẳng phải là chẳng phải có không, chẳng phải ngôn thuyết cũng chẳng phải là chẳng phải ngôn thuyết, chẳng phải Như Lai cũng chẳng phải là chẳng phải Như Lai. Do nghĩa này nên Như Lai chẳng quyết định.

Này Thiện nam tử ! Cớ sao Như Lai chẳng gọi là Thế gian Thiên ? Thế gian Thiên chính là của vị Quốc vương. Đức Như Lai từ vô lượng kiếp đã bỏ ngôi Quốc vương, cho nên Như Lai chẳng phải là Quốc vương. Như Lai giáng sanh nơi nhà vua Tịnh Phạn tại thành Ca Tỳ La Vệ, nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải Quốc vương.

Như Lai từ lâu đã lìa khỏi các cõi, nên chẳng phải là Sanh Thiên. Như Lai lên trời Đâu Suất xuống Diêm Phù Đề, nên chẳng phải là chẳng phải Sanh Thiên.

Như Lai chẳng phải Tu Đà Hoàn nhẫn đến Bích Chi Phật, nên Như Lai chẳng phải là Tịnh Thiên.

Tám pháp trong đời chẳng ô nhiễm được, dường như Liên Hoa chẳng dính bụi, nước, nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải Tịnh Thiên.

Như Lai chẳng phải là Thập Trụ Bồ Tát, nên Như Lai chẳng phải là Nghĩa thiên. Như Lai thường tu

mười tám nghĩa không, nên Như Lai chẳng phải là chẳng phải Nghĩa Thiên.

Như Lai chẳng phải là người vì Như Lai từ vô lượng kiếp đã lìa quả báo người. Như Lai giáng sinh thành Ca Tỳ La nên chẳng phải là chẳng phải người.

Như Lai chẳng phải là quỷ vì chẳng hại tất cả chúng sanh. Như Lai cũng dùng thân quỷ để hóa độ chúng sanh nên chẳng phải là chẳng phải quỷ.

Như Lai chẳng phải là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ vì từ lâu đã lìa ác nghiệp, cũng hiện thọ thân trong ác đạo để giáo hóa chúng sanh, nên Như Lai cũng chẳng phải là chẳng phải địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

Như Lai chẳng phải là chúng sanh vì từ lâu đã lìa tánh chúng sanh.

Có lúc Như Lai diễn thuyết chúng sanh, nên cũng chẳng phải là chẳng phải chúng sanh.

Các pháp mỗi mỗi đều có tướng sai khác, Như Lai chỉ có một tướng, nên chẳng phải là pháp. Như Lai là pháp giới nên cũng chẳng phải là chẳng phải pháp.

Như Lai chẳng nhiếp trong mười sắc pháp, nên chẳng phải là sắc.

Thân Như Lai có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, nên chẳng phải là chẳng phải sắc.

Vì dứt tất cả sắc nên Như Lai chẳng phải là cao. Tất cả thế gian không ai thấy được đỉnh đầu của Như Lai, nên chẳng phải là chẳng phải cao.

Từ lâu đã xa lìa kiêu mạn, nên Như Lai chẳng phải là thấp. Vì độ Trưởng Giả Cù Sư La, Như Lai hiện thân ba thước, nên chẳng phải là chẳng phải thấp.

Từ lâu đã xa lìa các hình tướng, nên Như Lai chẳng phải là tướng. Như Lai biết rành tất cả tướng, nên chẳng phải là chẳng phải tướng.

Như Lai rỗng rang như hư không, nên chẳng phải là tâm. Vì Như Lai có mười tâm trí lực, cũng có thể rõ biết tâm của chúng sanh, nên cũng chẳng phải là chẳng phải tâm.

Vì Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh, nên chẳng phải là hữu vi. Như Lai thị hiện có đến, đi, ngồi, nằm cùng thị hiện Niết Bàn nên chẳng phải là vô vi.

Vì có thân phần đoạn nên Như Lai chẳng phải là thường. Lại vì có biết, vì có nói năng, vì có họ tên, vì có cha mẹ, vì có bốn oai nghi, vì có nơi chỗ, do đây nên Như Lai chẳng phải là thường. Phàm pháp có sanh gọi là vô thường. Như Lai là vô sanh nên chẳng phải là chẳng phải thường. Phàm pháp thường trụ thời khắp tất cả chỗ như hư không, không chỗ nào không có, Như Lai khắp tất cả chỗ cũng như vậy nên là thường. Những pháp vô thường thời chỗ này có, chỗ kia không, Như Lai chẳng như vậy

nên là thường. Pháp vô thường thời có lúc có, lúc không, Như Lai chẳng như vậy nên là thường. Pháp thường trụ không danh, sắc, không nhơn, không quả, Như Lai cũng như vậy nên là thường. Pháp thường trụ chẳng nhiếp trong thời gian ba đời, Như Lai cũng như vậy nên là thường.

Vì dứt tất cả tâm luống dối, nên Như Lai chẳng phải là huyễn hóa. Như Lai có lúc chia một thân làm vô lượng thân, vô lượng thân hiệp làm một thân, đi thẳng qua núi qua vách không bị chướng ngại, đi trên nước như đất, vào trong đất như nước, đi trên hư không như đất bằng, thân tuôn ra khói lửa, hực hỡ như đống lửa, hiện tiếng mây sấm chấn động, hoặc hiện làm thành ấp, xóm làng nhà cửa núi sông, cây cối, hoặc hiện thân to lớn, hoặc thân nhỏ, thân nam, thân nữ, thân đồng nam, thân đồng nữ, vì thế nên Như Lai cũng chẳng phải là chẳng phải huyễn hóa.

Trong rừng Ta La nơi thành Câu Thi Na, Như Lai thị hiện nhập Niết Bàn vì thế nên Như Lai chẳng phải quyết định. Do vì thường, lạc, ngã, tịnh nên Như Lai lại cũng chẳng phải là chẳng quyết định.

Vì đã dứt ba thứ lậu : Một là dục lậu tức là tất cả phiền não ở Dục giới trừ vô minh; hai là hữu lậu tức là tất cả phiền não Sắc giới và Vô Sắc giới trừ vô minh; ba là vô minh lậu tức là vô minh trong tam giới.

Vì thế nên Như Lai chẳng phải hữu lậu.

Tất cả phàm phu đối với đời vị lai đều có tâm nghi : Trong đời vị lai sẽ có thân hay chẳng có thân ? Trong đời quá khứ thân vốn có hay là vốn không ? Trong đời hiện tại thân này có hay thân này không ? Nếu có ngã, thời ngã ấy là sắc hay là chẳng phải sắc ? Là tưởng hay chẳng phải tưởng ? Thân này thuộc về cái khác hay chẳng thuộc ? Là có mạng có thân hay có thân không mạng ? Thân cùng mạng là thường hay vô thường ? Thân cùng mạng do Tự Tại Thiên tạo ư ? Thời tiết tạo ư ? Vô nhơn tạo ư ? Thế tánh tạo ư ? Vi trần tạo ư ? Pháp cùng phi pháp tạo ư ? Sĩ phu tạo ư ? Phiền não tạo ư ? Cha mẹ tạo ư ? Ngã ở nơi tâm hay ở nơi nhãn ? Ngã khắp đầy trong thân ư ? Ngã từ đâu đến, đi đến chỗ nào ? Ai sanh ai chết ? Ngã thuở quá khứ là chủng tánh nào ? Đời vị lai sẽ thuộc chủng tánh nào ? Thuở quá khứ, thân này của ta là nam hay nữ ? Nếu ta sát sanh sẽ phải tội hay không tội ? Nhẫn đến uống rượu sẽ có tội hay không tội ? Ta tự gây tạo hay vì người mà gây tạo ? Ngã thọ báo hay thân thọ báo ?

Vô lượng điều nghi chấp như vậy che đậy chúng sanh làm cho tâm phiền muộn. Do những điều nghi chấp này sanh ra sáu thứ quan niệm : Một là quyết định có ngã; hai là quyết định không ngã; ba là ngã thấy là ngã; bốn là ngã thấy là không ngã; năm

không ngã thấy là ngã; sáu là ngã làm ngã thọ, ngã biết. Những quan niệm trên đây gọi là tà kiến.

Như Lai đã dứt hẳn vô lượng cội gốc tà kiến hữu lậu như vậy, nên Như Lai chẳng phải hữu lậu. Đại Bồ Tát tu Thánh hạnh Đại Niết Bàn cũng dứt hẳn được những lậu như vậy. Chư Phật thường tu Thánh hạnh nên là vô lậu.

Này Thiện nam tử ! Phàm phu chẳng thể khéo nhiếp năm căn thời có ba thứ lậu, bị nghiệp ác kéo dắt đến nơi chỗ chẳng lành. Ví như ngựa dữ tánh hung hăng, có thể làm cho người cỡi đến chỗ hiểm nạn. Người không khéo nhiếp năm căn cũng như vậy, có thể làm cho người đó xa lìa pháp lành đến những chỗ ác.

Ví như voi dữ chưa điều thuận, người cỡi nó chẳng thể tùy ý, nó đưa người xa lìa thành ấp đến nơi rừng sâu. Chẳng khéo điều nhiếp năm căn nó sẽ dắt người xa lìa thành ấp Niết Bàn đến nơi rừng rậm sanh tử. Ví như tôi nịnh bảo vua làm ác, như đứa con hư chẳng tuân lời dạy của cha mẹ Sư trưởng, chẳng khéo nhiếp ngũ căn nó sẽ khiến người làm ác chẳng thuận pháp lành.

Phàm phu chẳng nhiếp ngũ căn thường bị địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ tàn hại, như giặc cướp hại người lành.

Phàm phu chẳng nhiếp ngũ căn chạy theo ngũ trần, như người chăn trâu chẳng khéo giữ gìn để trâu làm hại lúa mạ.

Phàm phu chẳng nhiếp ngũ căn nên thường ở trong ba cõi chịu nhiều sự khổ não. Đại Bồ Tát lúc tu Thánh hạnh Đại Niết Bàn, thường có thể khéo nhiếp ngũ căn, dứt trừ tham dục, sân khuể, ngu si, kiêu mạn, tật đố, để được thành tựu tất cả pháp lành.

Nếu người có thể khéo giữ gìn ngũ căn thời nhiếp được tâm, nếu nhiếp được tâm thời nhiếp ngũ căn. Ví như có người ủng hộ Quốc vương thời là ủng hộ Quốc gia, ủng hộ Quốc gia thời là ủng hộ Quốc vương.

Đại Bồ Tát nếu đặng nghe kinh Đại Niết Bàn này thời được trí huệ vì được trí huệ thời được chuyên niệm. Nếu ngũ căn tán loạn thời chánh niệm có thể nhiếp dừng lại, vì là niệm huệ vậy. Như người chăn giỏi, giả sử trâu sút dây đi ăn lúa mạ của người thời liền bắt lại. Nhờ niệm huệ, nên đại Bồ Tát thâu nhiếp ngũ căn chẳng cho tán loạn. Nhờ có niệm huệ nên đại Bồ Tát chẳng thấy ngã tướng, chẳng thấy tướng ngã sở, chẳng thấy chúng sanh cùng chỗ thọ dụng. Thấy tất cả pháp đồng là pháp tánh, sanh ra tướng đất đá ngói sạn. Như nhà cửa do nhiều duyên hiệp lại thành không có tánh nhứt định. Thấy chúng sanh do tứ đại, ngũ ấm hiệp thành không tánh quyết định. Vì không tánh quyết định nên Bồ Tát ở trong đó chẳng sanh tham đắm. Tất cả phàm phu vì thấy

có chúng sanh nên khởi phiền não. Đại Bồ Tát tu Đại Niết Bàn vì có niệm huệ nên đối với chúng sanh chẳng sanh tham trước.

Đại Bồ Tát tu kinh Đại Niết Bàn chẳng chấp trước tướng chúng sanh mà hiện làm ra những pháp tướng. Như thợ vẽ dùng các thứ màu vẽ thành những hình tượng : hoặc nam, hoặc nữ, hoặc trâu, hoặc ngựa. Phàm phu không trí huệ thấy đó thời cho rằng có tướng nam nữ v.v... Thợ vẽ rõ biết không có nam nữ. Cũng vậy vì có niệm huệ nên đại Bồ Tát đối với tướng sai khác của các pháp thấy là một tướng, trọn chẳng thấy tướng chúng sanh.

Đại Bồ Tát tu kinh Đại Niết Bàn vì khéo quan sát pháp tướng nên lúc thấy nam nữ đoan chánh trọn chẳng sanh lòng tham trước.

Đại Bồ Tát biết ngũ dục không có thiệt vui, chẳng tạm dừng, như chó gặm xương khô, như người cầm lửa đi ngược gió, như rắn độc đựng trong trấp, như trong chiêm bao lượm được trái cây trên đường, như khối thịt bầy chim đuổi theo, như bóng nước, như dấu vẽ trong nước, như dệt hết đường canh chỉ, như người tù dắt ra chợ, như vật mượn tạm. Bồ Tát quan sát ngũ dục nhiều lỗi ác như vậy.

Đại Bồ Tát quan sát chúng sanh vì sắc, hương, vị, xúc, nên từ vô lượng kiếp đến nay, chịu nhiều khổ não. Trong một kiếp, mỗi chúng sanh, xương

nơi thân chất như thành Vương Xá, như núi Tỳ Phú La. Uống sữa mẹ nhiều như nước trong bốn biển. Máu trong thân chảy ra nhiều hơn nước bốn biển. Nước mắt khóc người chết của cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, nhiều hơn nước bốn biển. Dùng tất cả cỏ cây trên mặt đất làm thẻ dài hơn bốn tấc để đếm cha mẹ cũng không thể hết. Từ vô lượng kiếp, hoặc ở địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ chẳng thể tính đếm. Vò quả đất này bằng trái táo còn có thể dễ hết, nhưng sanh tử rất khó hết.

Đại Bồ Tát quán sát tất cả chúng sanh vì ngũ dục mà chịu vô lượng sự khổ như vậy, do đây Bồ Tát chẳng mất niệm huệ.

Ví như trong đời có nhóm người đông đầy chật hai mươi lăm dặm. Vua truyền một quan chức cầm một chén dầu đầy đi qua giữa đám đông ấy mà không được làm đổ, nếu đổ rơi một giọt sẽ bị tội chết. Vua lại sai một người cầm gươm theo sau nếu thấy dầu đổ thời chém. Vì sợ chết, nên quan chức ấy hết lòng gìn giữ chén dầu, đi qua khỏi đám đông chẳng làm đổ một giọt.

Cũng vậy, đại Bồ Tát ở trong sanh tử chẳng mất niệm huệ, nên dầu thấy ngũ dục mà tâm không tham trước. Lúc bấy giờ ngũ căn của Bồ Tát thanh tịnh, vì ngũ căn thanh tịnh nên giữ gìn giới căn đầy đủ.

Tất cả phàm phu ngũ căn chẳng thanh tịnh chẳng khéo giữ gìn nên gọi là căn lậu. Bồ Tát đã dứt hẳn nên là vô lậu. Như Lai đã dứt hẳn cội gốc nên chẳng phải là lậu.

Này Thiện nam tử ! Lại có ly lậu. Đại Bồ Tát vì muốn được quả Phật vô thượng cam lồ nên lìa các ác lậu. Nếu có thể tu hành kinh Đại Niết Bàn, biên chép, thọ trì, đọc tụng, giải thuyết, tư duy ý nghĩa, đây gọi là xa lìa.

Này Thiện nam tử ! Ta chẳng thấy trong mười hai bộ kinh có kinh nào lìa được các ác lậu như kinh Đại thừa Đại Niết Bàn này.

Ví như ông thầy giỏi dạy các đồ đệ, trong hàng đồ đệ người thuận theo lời thầy dạy thời chẳng gây tạo việc ác.

Cũng vậy đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thời tâm chẳng gây tạo nghiệp ác.

Ví như trong đời có người giỏi chú thuật, nếu ai một lần nghe được chú này trong bảy năm chẳng bị trúng độc, rắn độc chẳng cắn được, nếu có người tụng thuộc chú này thời trọn đời không có những sự họa hại. Cũng vậy, nếu có chúng sanh một lần nghe kinh Đại Niết Bàn này thời trọn bảy kiếp chẳng bị đọa ác đạo. Nếu có người biên chép, đọc tụng, giải thuyết, tư duy ý nghĩa, thời quyết định thấy Phật tánh đặng Vô Thượng Bồ Đề.

Kinh Đại Niết Bàn này có vô lượng công đức như vậy. Nếu người nào biên chép, đọc, tụng, giải thuyết, tư duy ý nghĩa của kinh này, thời thiệt là đệ tử Phật, khéo lãnh thọ giáo pháp của Phật, là người mà Phật thường thấy, thường nhớ, là người biết rõ Phật chẳng nhập Niết Bàn. Người này ở tại chỗ nào thời Phật cũng ở trong đó, thường nhận sự cúng dường của người này, hoặc hiện làm Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Bà La Môn, Phạm Chí, người nghèo khổ ăn xin. Người này hoặc ở trong chiêm bao thấy tượng Phật, hoặc thấy Trời, thấy Sa Môn, Thánh Vương, Quốc Vương, Sư Tử Vương, hoa sen, hoa Ưu Đàm, hoặc thấy núi cao, biển lớn, mặt trời, mặt trăng, hoặc thấy bạch tượng, bạch mã, hoặc thấy cha mẹ, đặng bông, đặng trái, vàng bạc, lưu ly, pha lê những châu báu, thấy sữa, lạc, tô, đề hồ v.v... nên biết chính là Như Lai nhận sự cúng dường. Người này sau khi tỉnh giấc vui mừng liền đặng những đồ vật cần dùng, tâm chẳng nghĩ điều ác, thích thật hành điều lành.

Này Thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn có vô lượng vô số công đức chẳng thể nghĩ bàn như vậy, nay ông phải tin lấy lời của Phật.

Nếu người nào muốn thấy Phật, muốn cung kính Phật, muốn đồng pháp tánh mà thấy Phật, muốn đặng không định, muốn thấy thiệt tướng, muốn tu tập Thủ Lăng Nghiêm định, Sư Tử Vương định,

muốn phá tám ma : phiền não, ngũ ấm, tử ma, thiên ma, vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, muốn đặng hưởng vui trong loài người hay trên trời, thời phải qua gần gũi học hỏi, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán người thọ trì đọc tụng, biên chép, giải thuyết, tư duy ý nghĩa kinh Đại Niết Bàn, rửa tay chân cho người đó, trải giường chiếu cung cấp đầy đủ tất cả đồ cần dùng. Nếu người đó từ xa đến, phải ra rước ngoài mười do diên. Vì tôn trọng kinh Đại Niết Bàn nên đem tất cả vật nhu dụng dưng cúng cho người đó. Nếu không có, phải tự bán thân mình để mua sắm. Vì kinh này khó được gặp hơn hoa Ưu Đàm.

Này Thiện nam tử ! Ta nhớ thuở quá khứ vô lượng vô biên na do tha kiếp, thuở đó có cõi nước hiệu là Ta Bà, Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni đầy đủ mười hiệu, vì hàng đại chúng tuyên nói kinh Đại Niết Bàn. Thuở đó ta được nghe kinh này nơi các người bạn. Lòng ta vui mừng muốn sắm đồ cúng dường, nhưng vì quá nghèo thiếu nên không có một vật chi đáng giá. Ta tự đem thân đi bán, nhưng vì bạc phước nên chẳng ai chịu mua. Buồn tủi trở về nhà, giữa đường ta gặp một người, bèn đem tâm sự bày tỏ. Người ấy bảo ta : Nếu ông bằng lòng làm theo nhu cầu của người thời người sẽ mua với giá năm đồng tiền vàng. Người ấy có bịnh lạ y sĩ chế thuốc mỗi ngày cần có ba lượng thịt người. Ta vui

mừng nhận lời yêu cầu. Người đó trả tiền trước, sau bảy ngày ta sẽ đến nhà để theo đúng nhu cầu của người. Người ấy bằng lòng nhưng chỉ cho một ngày vì bịnh người phải gấp dùng thuốc.

Sau khi lãnh tiền ta liền đến chỗ Phật đảnh lễ chân Phật, rồi đem tất cả năm đồng tiền vàng dưng lên Phật. Cúng dường xong, ta chí thành lóng nghe Phật giảng kinh Đại Niết Bàn. Lúc đó tâm trí ta quá tối, dầu đặng nghe kinh nhưng chỉ thọ trì được một bài kệ :

Như Lai chứng Niết Bàn. Dứt hẳn nơi sanh tử.
Nếu người hết lòng nghe. Thường được vui vô lượng.

Sau khi thọ trì bài kệ trên đây rồi, ta liền đến nhà người bịnh. Nhờ ta niệm tưởng bài kệ, nên dầu mỗi ngày cắt lấy ba lượng thịt nơi thân, nhưng ta chẳng lấy làm đau khổ lắm. Trọn một tháng, mỗi ngày ta cắt lấy thịt cho người làm thuốc, do đó bịnh người được lành mà thân của ta cũng được bình phục, ta liền phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, nguyện đời vị lai đặng thành Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni.

Này Thiện Nam tử ! Do công đức của một bài kệ ấy làm cho ta ngày nay được thành Phật, ở trong đại chúng tuyên nói kinh Đại Niết Bàn này.

Này Thiện Nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn thành tựu vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn

như vậy, đây là tạng bí mật rất sâu của chư Phật. Do nghĩa này nên người thọ trì dứt lìa được những ác lậu. Chính là voi ác, ngựa ác, trâu ác, chó ác, rắn độc, chỗ đất nhiều gai, gộp cao, bờ biển, nước xoáy chảy xiết, người ác, nước ác, thành ác, nhà ác, bạn ác v.v... Những nơi đó nếu là nhơn ác lậu thời Bồ Tát liền xa lìa, nếu chẳng phải nhơn ác lậu thời Bồ Tát chẳng xa lìa. Nếu thêm hữu lậu thời xa lìa, nếu chẳng thêm thời chẳng xa lìa. Nếu là pháp ác thời bèn xa lìa, nếu có thể làm lành thời chẳng xa lìa. Xa lìa như thế nào ? Chẳng cầm dao gậy, thường dùng trí huệ phương tiện mà xa lìa đó, đây gọi là chánh huệ viễn ly, vì muốn thêm lớn pháp lành thời phải xa lìa pháp ác.

Đại Bồ Tát quán sát thân tướng của mình, xem như ghẻ, như nhọt, như oán thù, như tên độc, là chỗ khổ, là cội gốc của tất cả thiện ác. Thân này dầu bất tịnh như vậy, Bồ Tát vẫn săn sóc nuôi dưỡng, chẳng phải vì tham thân, chính là vì pháp lành; chẳng phải vì sanh tử, chính là vì Niết Bàn; vì thường, lạc, ngã, tịnh; vì đạo Bồ Đề; vì nhứt thừa; vì ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vì Pháp vương. Đại Bồ Tát thường phải giữ gìn thân thể cho được an toàn để biên chép, thọ trì, đọc tụng, giải thuyết, tư duy ý nghĩa kinh Đại Niết Bàn này. Vì thế nên Bồ Tát phải khéo giữ gìn thân thể. Do nghĩa này nên Bồ Tát đặng xa lìa tất cả ác lậu.

Như người muốn qua sông phải khéo giữ gìn thuyền bè. Người đi đường xa khéo giữ gìn ngựa hay. Như nhà trồng tỉa khéo giữ gìn phân tro. Như vì chữa độc nên khéo giữ gìn rắn độc. Như người vì của cải nên nuôi dưỡng Chiên Đà La. Như vì muốn phá giặc nên nuôi dưỡng dũng sĩ. Như người lạnh giữ gìn ngọn lửa. Như người bịnh hủi tìm cầu thuốc độc. Cũng vậy, Đại Bồ Tát dầu thấy thân này đầy vô lượng nhớp nhơ, nhưng vì muốn thọ trì kinh Đại Niết Bàn nên vẫn giữ gìn nuôi dưỡng.

Đại Bồ Tát xem voi ác cùng bạn ác đồng nhau không khác, vì đều làm hại thân. Đối với voi ác, Bồ Tát chẳng sợ bằng bạn ác. Vì voi ác chỉ hại thân mà chẳng hại được tâm. Bạn ác thời hại cả hai thứ thân và tâm. Voi ác chỉ làm hại một thân. Bạn ác có thể làm hại vô lượng thân lành vô lượng tâm lành. Voi ác chỉ có thể phá hoại thân hôi nhơ. Bạn ác có thể phá hoại tịnh thân cùng tịnh tâm. Voi ác chỉ có thể làm hại nhục thân. Bạn ác làm hại đến pháp thân. Bị voi ác giết chẳng sa đến ba đường ác. Bị bạn ác giết tất sa đến ba đường ác. Voi ác chỉ là kẻ oán thù của thân. Bạn ác là kẻ oán thù của pháp lành. Do đây nên Bồ Tát thường phải xa lìa bạn ác.

Những ác lậu như vậy, phàm phu chẳng xa lìa nên sanh ác lậu, Bồ Tát xa lìa thời chẳng sanh ác lậu. Bồ Tát còn không có ác lậu như vậy huống là Như Lai.

Thế nào là gần gũi ác lậu ? Tất cả phàm phu lãnh lấy y phục, vật thực, đồ nằm, thuốc thang, họ vì sự đòi hỏi của thân tâm mà tìm cầu những vật như vậy, nên gây tạo nhiều tội ác, chẳng biết là lỗi lầm, phải luân hồi trong ba đường ác, do đây nên gọi là ác lậu. Đại Bồ Tát thấy những lỗi như vậy thời bèn xa lìa.

Lúc cầu y phục Bồ Tát bèn nhận lấy. Chẳng phải vì thân mục đích chỉ vì pháp lành; chẳng kiêu mạn, thường khiêm tốn, chẳng vì phục sức tốt đẹp, chỉ vì hổ thẹn, để che lạnh, che nắng, che gió mưa, ngăn muỗi mòng. Bồ Tát dầu lãnh thọ vật thực, nhưng lòng chẳng tham đắm, chẳng vì thân chỉ vì chánh pháp, chẳng vì da thịt chỉ vì chúng sanh, để trị bịnh đói, dầu đặng món ăn ngon cũng vẫn không tham đắm.

Bồ Tát lúc nhận lấy phòng nhà cũng như vậy, chẳng để quan niệm tham đắm ở nơi lòng, vì che mưa gió, vì Bồ Đề mà nhận lấy phòng nhà.

Lúc cầu thuốc thang lòng Bồ Tát không tham đắm, chẳng phải vì mạng sống chỉ vì chánh pháp, vì Pháp thân huệ mạng. Như người bị ung nhọt, dùng thuốc đắp lên lấy vải bó đó, như vậy là chỉ vì để rút máu mủ cho bịnh được lành. Vì tránh gió độc, nên ở trong nhà kín. Cũng vậy, đại Bồ Tát xem thân thể là ung nhọt nên lấy y phục che đậy, vì cứu khiếu máu mủ mà tìm cầu món ăn vật uống, vì mưa gió độc nên nhận lấy

phòng nhà, vì bốn độc phát bịnh nên tìm cầu thuốc thang. Vì đạo Bồ Đề mà Bồ Tát lãnh lấy bốn thứ cúng dường chẳng vì mạng sống. Bồ Tát suy nghĩ như vầy: Nếu tôi chẳng nhận lấy bốn thứ cúng dường này, thời thân thể phải chết mất, chẳng thể nhẫn thọ khổ nhọc; nếu không kham sự khổ nhọc thời không thể tu tập pháp lành; nếu kham sự khổ nhọc thời có thể tu tập vô lượng pháp lành; nếu tôi chẳng kham nhẫn các sự khổ, thời sẽ sanh lòng giận hờn đối với việc nghịch trái, và sẽ sanh lòng tham đắm đối với cảnh thuận vui; nếu tìm cầu sự vui mà chẳng đặng thời sanh lớn vô minh mê muội.

Do đây nên phàm phu sanh những ác lậu đối với bốn thứ cần dùng. Bồ Tát vì có thể quan sát như vậy nên chẳng sanh những ác lậu, do đây nên gọi là vô lậu. Bồ Tát còn vô lậu như vậy huống là Như Lai. Vì thế nên Như Lai chẳng gọi là hữu lậu.

(*) Này Thiện nam tử ! Tất cả phàm phu dầu khéo giữ gìn thân tâm những vẫn còn sanh ba thứ ác giác, do cớ này nên dầu phục trừ phiền não đặng sanh cõi trời Phi Phi Tưởng, nhưng vẫn phải trở lại đọa trong ba đường dữ. Ví như có người đi qua biển lớn, sắp đến bờ mà bị chết đuối. Phàm phu trên đây cũng vậy, sắp ra khỏi ba cõi trở lại đọa nơi tam đồ. Đó là do vì không có thiện giác, chính là không có sáu chánh niệm.

(*) Hán bộ quyển thứ 23

Phàm phu tâm lành kém yếu, tâm ác lại lẫy lừng. Vì tâm lành kém nên trí huệ cũng kém. Vì trí huệ kém nên thêm lớn những ác lậu.

Bồ Tát nhờ huệ nhãn thanh tịnh thấy lỗi của ba thứ giác quán, biết ba thứ giác quán này có những họa hoạn thường làm oán thù đối với ba thừa. Do ba thứ giác quán này làm cho vô lượng phàm phu chẳng thấy Phật tánh, trong vô lượng kiếp điên đảo cho rằng Phật Thế Tôn không có thường, lạc và ngã, chỉ có tịnh thôi; lại cho rằng Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn. Tất cả chúng sanh là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, mà điên đảo cho là có thường, lạc, ngã, tịnh. Thiệt không có tam thừa mà điên đảo cho là thật có tam thừa. Đạo nhứt thừa chơn thật mà điên đảo cho là không có nhứt thừa.

Ba thứ giác quán này thường bị chư Phật và Bồ Tát quở trách. Ba thứ giác quán này thường hại nơi mình cũng hại đến kẻ khác. Có ba thứ giác quán này thời sanh ra tất cả điều ác. Ba thứ giác quán này chính là ba sợi dây trói liền chúng sanh trong sanh tử vô biên.

Bồ Tát thường quán sát ba thứ giác quán này. Hoặc có lúc vì nhơn duyên đáng lẽ phải sanh dục giác Bồ Tát yên lặng chẳng lãnh thọ. Ví như người xinh đẹp sạch sẽ chẳng nhận lãnh tất cả phẩn nhơ, như hoàn sắt nóng không ai cầm lấy, như giòng Bà La Môn chẳng nhận thịt bò; như người no bụng

chẳng nhận đồ ăn dở, như vua Chuyển Luân chẳng ngồi chung một giường với Chiên Đà La. Bồ Tát khinh ghét ba thứ ác giác chẳng nhận chẳng ham. Cũng như vậy, Bồ Tát thường suy nghĩ : Chúng sanh biết rằng ta là ruộng phước tốt, ta đâu nên nhận pháp ác ấy, nếu ta nhận pháp ác thời chẳng đáng là ruộng phước của chúng sanh. Dầu ta chẳng tự nói mình là ruộng phước tốt, nhưng chúng sanh thấy hình tướng bèn nói ta là ruộng phước. Nếu ta sanh ác giác như vậy thời là khi dối tất cả chúng sanh. Thuở quá khứ, vì khi dối nên trong vô lượng kiếp đọa ba đường ác trôi lăn trong sanh tử. Nếu ta có ác tâm nhận của người cúng thí, tất cả Thiên nhơn và Ngũ thông tiên đều sẽ rõ biết, sẽ bị quở trách. Nếu ta có ác giác nhận sự cúng thí của người, sẽ làm cho thí chủ được phước đức kém ít, hoặc không phước đức, như thế ta là kẻ thù oán của thí chủ. Tất cả thí chủ thường mến kính ta, sao ta lại khi dối họ mà cho làm kẻ oán thù của họ, vì ta làm cho họ được ít phước đức, hoặc không phước đức.

Bồ Tát thường suy nghĩ : Ta thường tự xưng là người xuất gia. Luận về người xuất gia chẳng sanh ác giác, nếu sanh ác giác thời chẳng phải xuất gia. Người xuất gia thân cùng miệng phải tương ưng, nếu chẳng tương ưng thời chẳng phải xuất gia. Ta bỏ cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, bạn bè

để xuất gia tu hành, chính là thời kỳ tu tập những thiện giác, chẳng phải là thời gian sanh ác giác. Ví như có người vào biển tìm châu báu, chẳng lấy chơn châu mà lại lấy thủy tinh. Cũng như có người bỏ âm nhạc mà đi chơi giỡn trên đống phẩn nhơ. Như bỏ bảo nữ mà giao thông với tớ gái. Như bỏ bồn vàng mà dùng chậu sành. Như bỏ vị cam lộ mà uống thuốc độc. Như bỏ y sĩ thân thiện tài giỏi mà cầu thuốc với y sĩ oán thù dở. Cũng vậy, ta bỏ lìa pháp vị cam lồ của đại sư Như Lai Thế Tôn, mà nhận lấy các thứ ác giác của ma oán. Thân người khó đặng như hoa Ưu Đàm mà ta đã được. Như Lai khó gặp như hoa Ưu Đàm mà ta đã gặp. Pháp bửu thanh tịnh khó được thấy nghe mà ta được nghe. Như con rùa đui gặp được bộng cây nổi. Mạng người chẳng dừng qua mau hơn thác nước đổ, ngày nay dầu còn khó bảo đảm được ngày mai, sao lại buông lung ở nơi pháp ác ? Thời tráng kiện chẳng dừng qua mau như ngựa chạy, sao lại tự thị sanh lòng kiêu mạn ? Bốn ác ma rình rập tìm cầu lỗi lầm của ta, sao lại để cho ác giác sanh khởi ! Ví như nhà hư mục sắp sập, mạng sống của ta cũng vậy, đâu nên sanh việc ác. Phàm Sa Môn gọi là tỏ ngộ nơi thiện giác, ta là Sa Môn sao lại sanh ác giác ? Người xuất gia phải tu đạo lành, nay ta làm ác đâu đáng gọi là xuất gia. Bà La Môn gọi là người tu hạnh thanh tịnh, nay ta thật hành ác

giác chẳng thanh tịnh đâu gọi là chơn thật Bà La Môn. Nay ta cũng gọi là giòng Sát Đế Lợi. Luận về giòng Sát Đế Lợi thời hay trừ được kẻ oán địch, nay ta chẳng trừ được oán địch ác giác, đâu đáng gọi là giòng Sát Đế Lợi. Tỳ Kheo gọi là phá phiền não, nay ta chẳng phá được ác giác phiền não đâu đáng gọi là Tỳ Kheo.

Trong đời có sáu chỗ khó được gặp gỡ, nay ta đã được, đâu nên để ác giác ở nơi lòng. Những gì là sáu chỗ khó được ? - Một là Phật ra đời khó gặp; hai là chánh pháp khó nghe; ba là tâm lo sợ khó sanh; bốn là khó được ở trung quốc; năm là khó được thân người; sáu là năm căn khó đầy đủ. Sáu việc như vậy khó được mà ta đã được, vì thế nên chẳng nên sanh ác giác.

Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn này thường siêng quán sát những ác giác như vậy.

Hàng phàm phu chẳng thấy lỗi họa của ác giác, nên lãnh thọ ba thứ ác giác, gọi đó là lãnh thọ ác lậu.

Bồ Tát thấy như thế nên chẳng lãnh chẳng ham, nương nơi tám Thánh đạo để trừ bỏ đó, để chặt đứt đó. Do đây nên Bồ Tát không thọ ác lậu. Sao lại nói rằng Như Lai có ác lậu ? Do nghĩa này nên Như Lai chẳng phải là hữu lậu.

Này Thiện nam tử ! Phàm phu nếu gặp lúc thân tâm khổ não thời sanh các sự ác. Lúc bị thân bịnh

hay tâm bịnh, khiến thân, khẩu, ý tạo những nghiệp ác. Vì tạo nghiệp ác nên luân hồi trong ba đường dữ thọ những sự khổ. Tại sao vậy ? Vì phàm phu không có niệm huệ.

Bồ Tát thường tự suy xét rằng : Ta từ vô số kiếp xưa đến nay, vì thân tâm này mà gây tạo những nghiệp ác, nên phải lưu chuyển trong sanh tử đọa nơi ác đạo chịu đủ sự khổ, làm cho ta xa lìa con đường chơn chánh ba thừa. Suy nghĩ như vậy rồi Bồ Tát rất sợ sệt đối với thân tâm của mình, lìa bỏ việc ác mà thẳng đến đạo lành.

Ví như có Quốc Vương đem bốn con rắn độc đựng chung trong một cái trấp, sai người nuôi dưỡng cho ăn, tắm rửa. Vua ra lịnh nếu để một con rắn giận dữ không vừa lòng, thời ta sẽ xử tử nhà ngươi.

Người đó nghe lịnh nghiêm khắc của Quốc Vương, sợ quá bỏ trấp rắn chạy trốn. Vua liền sai năm Chiên Đà La cầm dao rượt theo. Người ấy ngó ngoái lại thấy phía sau năm người rượt gấp bèn vội chạy đi. Năm người lập kế giấu dao, rồi bí mật sai một người giả dạng hiền lành đến khuyên bảo người ấy trở lại. Người ấy chẳng tin chạy thẳng đến một tụ lạc kia để ẩn trốn. Lúc đã vào trong tụ lạc, xem thấy những nhà cửa đều không có người, cũng không có đồ vật, bèn ngồi trên đất. Thoạt nghe trên không có tiếng nói : Này nam tử ! Tụ lạc này hoang vắng không có cư dân, đêm nay sẽ có sáu tên cướp đến. Nếu người

gặp cướp thời khó bảo tồn tánh mạng. Người ấy nghe tiếng trên hư không bảo như vậy sợ hãi quá bèn bỏ tụ lạc mà đi. Dọc đường gặp một con sông nước chảy gấp. Tìm không có thuyền bè, vì sợ nên lấy các thứ cỏ cây kết làm bè. Tự nghĩ rằng : Nếu ta dừng ở nơi đây tất sẽ bị rắn độc, năm Chiên Đà La, một người dối hiền lành và sáu tên cướp làm nguy hại. Còn nếu qua sông thời chiếc bè này không bảo đảm có thể sẽ phải chìm chết. Nhưng thà chết đuối, trọn chẳng để kẻ ác kia làm hại. Suy nghĩ xong, kéo bè cỏ xuống nước, thân nằm trên bè, tay ôm bè, chưn đạp nước vượt dòng nước chảy xiết mà qua sông.

Lúc đã được qua đến bờ bên kia an ổn không họa hoạn, hết kinh sợ trong lòng rất thơ thới vui vẻ.

Bồ Tát đặng nghe và trọ trì kinh Đại Niết Bàn suy xét thân này như cái trấp, địa, thủy, hỏa, phong như bốn rắn độc : Kiến độc, xúc độc, khí độc, nọc độc. Tất cả chúng sanh gặp bốn rắn độc này thời phải mất thân mạng. Tứ đại cũng như vậy : Hoặc kiến chấp làm độc, hoặc chạm xúc làm độc, hoặc hà khí làm độc, hoặc cắn nọc làm độc, do đây nên xa lìa những điều lành.

Bồ Tát suy xét bốn rắn độc có bốn dòng họ : Giòng Sát Đế Lợi, giòng Ba La Môn, giòng Tỳ Xá, giòng Thủ Đà. Tứ đại cũng có bốn chủng tánh : Tánh cứng, tánh ướt, tánh nóng, tánh động. Vì thế nên Bồ Tát xem tứ đại đồng chủng tánh với bốn rắn độc.

Bồ Tát lại suy xét bốn rắn độc này thường rình hại người : Lúc nào sẽ nhìn ngó, lúc nào sẽ chạm xúc, lúc nào sẽ hà hơi, lúc nào sẽ cắn. Tứ đại cũng như vậy thường rình chờ dịp để hại chúng sanh.

Nếu bị bốn rắn độc hại chết chẳng đến nỗi phải đọa trong ba đường ác. Nếu bị tứ đại giết hại tất sa vào ba đường ác. Bốn rắn độc này dầu săn sóc nuôi dưỡng nó nhưng nó cũng thường muốn giết người. Cũng vậy, dầu thường cung cấp, nhưng tứ đại cũng luôn kéo dắt người tạo những nghiệp ác. Bốn rắn độc ấy nếu một con sân giận thời sẽ giết người. Tánh tứ đại nếu một đại phát lên cũng có thể hại người. Bốn rắn độc ấy dầu ở chung một chỗ, nhưng tâm tánh của nó đều riêng khác. Tứ đại dầu đồng ở một thân mà tánh của mỗi đại khác nhau. Bốn rắn độc ấy dầu có cung kính nó cũng khó có thể gần gũi nó, tứ đại cũng như vậy. Bốn rắn độc ấy nếu lúc hại người, có được phù chú thuốc men của Sa Môn hay Bà La Môn thời có thể chữa trị. Tứ đại giết người dầu có Sa Môn hay Bà La Môn dùng thần chú phép tắc cũng chẳng trị được. Như người trí nghe hơi tanh của rắn độc liền tránh xa. Chư Phật, Bồ Tát nghe hơi hôi của tứ đại cũng liền tránh xa.

Bồ Tát lại suy nghĩ tứ đại như rắn độc, nên rất sợ sệt chạy đi lo tu tám Thánh đạo.

Năm Chiên Đà La dùng lệ cho năm ấm. Bồ Tát quán sát năm ấm như Chiên Đà La.

Chiên Đà La thường hay làm cho người phải xa lìa ân ái mà hội họp với oán thù. Cũng vậy năm ấm khiến người tham gần pháp ác mà xa lìa những pháp lành.

Như Chiên Đà La võ trang để tự vệ : Hoặc dao, gậy, cung tên hoặc thuẩn giáp, họ có thể hại người. Cũng vậy, năm ấm dùng các thứ phiền não để tự võ trang, hại những người ngu si làm cho sa vào trong ba cõi.

Như Chiên Đà La bắt được người có tội lỗi bèn giết hại. Cũng vậy, năm ấm có những kiết sử thường hay hại người.

Do nghĩa này nên Bồ Tát quán sát năm ấm như Chiên Đà La.

Lại như Chiên Đà La không tâm từ mẫn họ hại cả người thân cũng như kẻ thù. Cũng vậy, năm ấm hại cả pháp lành, pháp ác, không lòng từ mẫn.

Như Chiên Đà La não hại tất cả mọi người, ngũ ấm dùng các thứ phiền não thường não hại tất cả chúng sanh trong dòng sanh tử.

Chiên Đà La luôn luôn có tâm niệm muốn giết hại, năm ấm cũng thường có những kiết sử não hại.

Như người cụt chân lại không dao gậy không người hộ vệ, phải biết người này ắt bị Chiên Đà La giết hại. Cũng vậy, chúng sanh không chân, không dao, không hộ vệ, thời bị giặc năm ấm làm hại. Chân

lệ cho giới, dao lệ cho trí huệ, người hộ vệ lệ cho Thiện tri thức. Nếu không ba điều này tất bị năm ấm làm hại. Do đây nên Bồ Tát xem năm ấm như Chiên Đà La.

Bồ Tát lại quán sát năm ấm còn hơn Chiên Đà La. Vì người bị Chiên Đà La giết hại chẳng đọa địa ngục, còn bị năm ấm giết hại thời đọa địa ngục. Do đây nên Bồ Tát lập thệ rằng : Tôi thà trọn đời gần Chiên Đà La, chớ chẳng gần năm ấm dầu chỉ tạm thời.

Chiên Đà La chỉ có thể hại nơi người ngu si ở cõi Dục. Giặc ngũ ấm hại khắp tất cả phàm phu chúng sanh trong ba cõi.

Chiên Đà La chỉ có thể giết hại người có tội, năm ấm giết hại chúng sanh không luận có tội hay không tội.

Chiên Đà La chẳng giết hại người già cả, phụ nữ và trẻ thơ, năm ấm giết tất cả chúng sanh không luận già trẻ cùng phụ nữ.

Vì thế nên Bồ Tát quán sát năm ấm còn hơn Chiên Đà La, lập thệ trọn đời thà ở gần Chiên Đà La chớ chẳng gần gũi năm ấm dầu chỉ tạm thời.

Chiên Đà La chỉ hại người khác không bao giờ tự hại mình, giặc năm ấm hại mình hại người hơn Chiên Đà La.

Chiên Đà La có thể dùng lời lành, tiền của, châu báu lo lót mà được thoát khỏi. Năm ấm chẳng như vậy, không thể dùng lời lành để khuyến dụ cũng không thể dùng tiền của châu báu lo lót mà được thoát khỏi.

Trong ngày đêm Chiên Đà La chẳng ắt luôn luôn giết hại, năm ấm thời niệm niệm thường giết hại chúng sanh.

Chiên Đà La chỉ ở một chỗ, có thể trốn lánh khỏi, năm ấm thời ở khắp tất cả chỗ nên không thể trốn lánh.

Chiên Đà La dầu hại người, lúc hại xong, thời chẳng theo nữa. Năm ấm khi đã giết hại chúng sanh lại theo dõi luôn chẳng rời.

Do đây nên Bồ Tát lập thệ thà trọn đời ở gần Chiên Đà La, quyết không gần gũi năm ấm dầu chỉ tạm thời.

Người có trí huệ dùng phương tiện lành khéo thoát khỏi đặng năm ấm. Chính là thật hành tám Thánh đạo, sáu Ba La Mật, bốn Vô lượng tâm mà được giải thoát, thân tâm chẳng bị năm ấm làm hại. Vì thân như kim cương, tâm như hư không.

Do nghĩa này nên Bồ Tát quán sát năm ấm có những điều chẳng lành, lòng rất sợ sệt lo tu tám Thánh đạo. Cũng như người kia sợ bốn rắn độc cùng năm Chiên Đà La, kiếm đường chạy trốn không dám ngó ngoái lại.

Kẻ giả làm bạn thân chính là để lệ cho tham ái. Bồ Tát quán sát kỹ tham ái như kẻ địch giả làm người thân. Nếu đã biết được là giả thời không bị hại, còn nếu chẳng rõ biết tất sẽ bị hại. Cũng vậy, nếu biết được tánh của tham ái thời nó chẳng thể làm cho chúng sanh luân chuyển sanh tử, như không rõ biết thời phải luân hồi trong sáu loài chịu đủ mọi sự khổ. Vì tham ái làm hại khó bỏ lìa, như kẻ địch giả làm người thân nên khó xa lìa. Kẻ oán địch giả làm người thân, luôn rình chờ có dịp để hại người, tham ái làm cho người xa lìa tất cả pháp lành ,gần gũi tất cả pháp ác cũng như vậy. Bồ Tát quán sát kỹ tham ái như kẻ địch giả người thân, vì thấy mà chẳng thấy, vì nghe mà chẳng nghe, như người phàm phu thấy lỗi sanh tử, dầu có trí huệ nhưng vì si mê che đậy nên rồi lại chẳng thấy lỗi. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác cũng như vậy : Dầu thấy nhưng chẳng thấy, dầu nghe nhưng chẳng nghe. Do tâm tham ái nên dầu thấy lỗi sanh tử mà không thể mau đến Vô Thượng Bồ Đề. Do nghĩa này nên Bồ Tát xem tham ái như kẻ địch giả người thân.

Như kẻ oán địch chẳng thân mà giả là người thiệt thân, chẳng thể gần gũi mà giả gần gũi, là ác mà giả là lành, chẳng thân yêu mà giả là thân yêu, để luôn luôn chờ dịp hại người. Tham ái cũng như vậy.

Kẻ địch giả người thân, chỉ thấy được thân và miệng của họ mà chẳng biết được tâm của họ, nên

họ có thể phỉnh gạt. Tham ái hư dối khó biết nên nó có thể làm mê lầm tất cả chúng sanh.

Kẻ địch giả người thân thời có trước, có sau có thể dễ xa lìa, tham ái không trước, không sau nên khó xa lìa được.

Kẻ địch giả người thân, ở xa thời khó biết, gần gũi thời dễ biết. Tham ái gần gũi còn khó rõ biết huống là ở xa.

Tất cả chúng sanh vì tham ái mà xa Đại Niết Bàn gần gũi sanh tử, xa thường, lạc, ngã, tịnh mà gần vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Do đây nên trong các kinh Phật nói là nhơ nhớp trong ba cõi. Nơi việc hiện tại vì vô minh nên chẳng thấy lỗi họa chẳng xa lìa được. Kẻ địch giả người thân trọn chẳng hại được người có trí. Do đây nên Bồ Tát quán sát kỹ tham ái này, lòng rất sợ lo tu tám Thánh đạo. Như người kia sợ bốn rắn độc, năm Chiên Đà La và một kẻ giả người thân nên kiếm đường chạy trốn chẳng trở lại.

Tụ lạc trống rỗng không cư dân chính là lệ cho lục nhập. Bồ Tát quán sát nội lục nhập trống rỗng không chỗ có như tụ lạc trống. Như người sợ chết kia đã vào tụ lạc nhẫn đến chẳng thấy có một người ở, tìm khắp nơi cũng chẳng gặp được một món đồ. Cũng vậy, Bồ Tát quán sát kỹ lục nhập trống rỗng không chỗ có, chẳng thấy chúng sanh, chẳng thấy một vật thật có.

Tụ lạc trống rỗng đó, đảng cướp ở xa trọn chẳng tưởng là trống rỗng. Phàm phu cũng như vậy, đối với lục nhập chẳng nghĩ là trống rỗng, do đó nên luân chuyển trong sanh tử thọ vô lượng sự khổ. Bồ Tát quán sát lục nhập này luôn nghĩ tưởng là trống rỗng, nên chẳng bị khổ luân hồi sanh tử. Bồ Tát đối với lục nhập thường không có quan niệm điên đảo, nên chẳng còn luân hồi sanh tử. Như đảng cướp, lúc vào tụ lạc trống rỗng này thời được an vui. Giặc phiền não cũng như vậy, lúc vào trong lục nhập thời được an vui. Như đảng cướp vào tụ lạc này thời không lòng sợ sệt.

Giặc phiền não ở nơi lục nhập này cũng không sợ sệt như vậy. Như tụ lạc trống rỗng là chỗ ở của các loài ác thú : sư tử, cọp, sói. Lục nhập này cũng là chỗ ở của tất cả phiền não ác.

Do đây nên Bồ Tát quán sát kỹ lục nhập trống rỗng không chỗ có là chỗ ở của tất cả việc ác. Tụ lạc này trống rỗng không vui, mà đảng cướp tưởng là có người, có vật là an vui. Đối với lục nhập trống rỗng không chỗ có, mà người ngu tưởng là có, là vui, chỉ có người trí mới biết được sự thật.

Tụ lạc kia lúc thời có người, lúc thời không người. Lục nhập một mặt luôn không người, vì tánh nó vốn là không, chỉ có người trí biết rõ, chẳng phải là mắt thấy được. Do đây nên Bồ Tát quán sát lục nhập nhiều sự oán thù tai hại, lo tu tám đạo Thánh chẳng

thôi chẳng nghĩ. Như người kia sợ bốn rắn độc, năm Chiên Đà La, một kẻ giả bạn thân cùng sáu tên cướp mà vội vã lên đường chạy thẳng.

Sáu tên cướp dùng lệ cho sáu trần : Bồ Tát quan sát sáu trần này như sáu tên cướp hung dữ, vì chúng nó có thể cướp tất cả những pháp lành, như sáu tên cướp có thể cướp tài vật của tất cả nhơn dân.

Như sáu tên cướp vào nhà người thời có thể cướp đoạt tất cả tài sản hiện có trong nhà chẳng chọn tốt xấu, làm cho người giàu to thoạt vậy nghèo cùng. Giặc sáu trần này lúc vào nơi sáu căn thời nó có thể cướp giựt tất cả pháp lành của người, làm cho người hết lành hết phước thành kẻ bần cùng nhứt xiển đề. Vì thế nên Bồ Tát quán sát sáu trần như sáu tên cướp.

Như sáu tên cướp lúc muốn cướp nhà người phải nhờ người trong nhà làm nội ứng, nếu không người nội ứng thời bọn cướp bèn trở lại. Giặc sáu trần này cũng như vậy, lúc muốn cướp pháp lành cần phải do bề trong chúng sanh có những tướng tri kiến : Thường, lạc, ngã, tịnh, bất không v.v.. nếu không có những tướng bề trong như vậy, thời giặc sáu trần chẳng thể cướp được pháp lành.

Người trí trong tâm không có những tướng như vậy, phàm phu thời có, nên sáu trần thường đến xâm đoạt pháp lành của phàm phu.

Người trí có thể khéo dùng trí huệ đề phòng giữ gìn nên chẳng bị cướp đoạt. Do đây nên Bồ Tát quán sát sáu trần này như sáu tên cướp.

Như sáu tên cướp có thể làm khổ não thân tâm của nhơn dân, giặc sáu trần thường làm thân tâm chúng sanh khổ não cũng như vậy.

Sáu tên cướp chỉ có thể đoạt tài sản hiện có của người, giặc sáu trần thường cướp đoạt pháp lành của chúng sanh cả ba đời.

Sáu tên cướp đến đêm tối thời vui mừng, giặc sáu trần ở trong vô minh hắc ám thời nó vui thích. Sáu tên cướp chỉ có nhà vua mới có thể dẹp bắt, giặc sáu trần chỉ có Phật, Bồ Tát mới ngăn dứt được nó.

Sáu tên cướp này, lúc muốn cướp giựt, chẳng lựa chọn người xinh đẹp, thông minh, học rộng, giàu sang hay nghèo hèn. Giặc sáu trần lúc muốn cướp pháp lành cũng chẳng lựa chọn người xinh đẹp nhẫn đến nghèo hèn.

Sáu tên cướp này, dầu nhà vua bắt được, chặt tay chân, nhưng vẫn không thể làm cho tâm chúng nó hết hung ác. Giặc sáu trần cũng như vậy, dầu Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, chặt đứt nó, cũng chẳng thể làm cho nó chẳng cướp pháp lành. Như người dũng kiện mới có thể dẹp hẳn sáu tên cướp này. Cũng vậy, Chư Phật và Bồ Tát mới có thể dẹp hẳn giặc sáu trần.

Như có người quyến thuộc đông, giòng họ lớn, bà con nhiều, thời chẳng bị sáu tên cướp xâm đoạt tài sản. Cũng vậy, chúng sanh nếu có Thiện tri thức thời chẳng bị giặc sáu trần cướp hại.

Sáu tên cướp này nếu thấy tài vật của người, thời có thể trộm cướp. Giặc sáu trần nếu thấy, nếu biết, nếu nghe, nếu ngửi, nếu chạm, nếu hay biết, thời đều có thể cướp đoạt.

Sáu tên cướp chỉ có thể cướp đoạt tài sản của người cõi Dục, giặc sáu trần có thể cướp đoạt tất cả của báu pháp lành ba cõi.

Do đây nên Bồ Tát quán sát kỹ sáu trần còn hơn sáu tên cướp kia, do đây nên lo tu tám Thánh đạo thẳng tiến chẳng trở lại. Như người kia sợ bốn rắn độc, năm Chiên Đà La, một kẻ giả bạn thân, cùng sáu tên cướp rời bỏ tụ lạc trống rỗng theo đường thẳng chạy đi.

Dọc đường gặp một con sông, chính là lệ cho phiền não.

Bồ Tát quán sát phiền não này như sông lớn, nước sông chảy xiết có thể làm trôi hương tượng. Phiền não cũng có thể làm trôi bực Duyên Giác.

Sâu khó đến đáy nên gọi là "sông", bờ xa khó qua đến nên gọi là "lớn". Giữa sông có nhiều lcài cá hung dữ. Phiền não cũng như vậy, chỉ có Phật và Bồ Tát mới có thể cùng tột nên gọi là rất sâu, chỉ có Phật và Bồ Tát mới qua đến bờ nên gọi là rộng

lớn, thường hại tất cả chúng sanh si mê nên gọi là hung dữ. Do đây nên Bồ Tát quán sát phiền não này dường như sông lớn.

Như nước sông lớn có thể sanh trưởng tất cả cỏ cây, lùm rừng, phiền não cũng có thể sanh trưởng chúng sanh hai mươi lăm cõi. Như có người té xuống sông lớn mà không hổ thẹn, chúng sanh sa vào trong phiền não cũng không hổ thẹn, như té xuống sông chìm chưa đến đáy mà đã chết, chúng sanh sa vào phiền não luân hồi trong hai mươi lăm cõi vẫn chưa đến đáy. Trên đây nói đáy sông là lệ cho tướng không, nếu chẳng tu tướng không này, thời chẳng đặng ra khỏi hai mươi lăm cõi. Tất cả chúng sanh vì chẳng thể khéo tu tướng không nên thường bị phiền não nhận chìm : Do đây nên Bồ Tát quán sát phiền não này dường như sông lớn.

Như sông lớn kia chỉ có thể làm hại thân mạng mà chẳng phá được pháp lành, phiền não thời có thể phá hoại tất cả pháp lành của thân tâm.

Sông lớn kia chỉ có thể làm trôi chìm người trong cõi Dục, phiền não thời có thể hại tất cả Nhơn Thiên trong ba cõi.

Sông lớn trong đời nếu tay ôm phao, vịn bè, chân đạp, thời có thể đến bờ bên kia. Với phiền não thời chỉ có Bồ Tát tu sáu pháp Ba La Mật mới qua khỏi được.

Như sông lớn người khó lội qua, chúng sanh cũng khó thoát qua khỏi phiền não. Thế nào gọi là khó ? Đến bực Thập trụ Bồ Tát vẫn còn chưa rốt ráo thoát khỏi hẳn phiền não, chỉ có chư Phật mới rốt ráo. Do đây nên gọi là khó qua khỏi được.

Như có người bị nước sông đẩy trôi chẳng có thể làm được việc gì, chúng sanh bị phiền não lôi cuốn cũng không thể tu tập pháp lành. Như người té sông bị nước cuốn đi, người có đủ sức thời cứu vớt được. Chúng sanh sa vào phiền não làm nhứt xiển đề, hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, chư Phật đều không cứu tế được. Sông lớn trong đời phải khô cạn lúc kiếp tận. Với phiền não hàng Thanh Văn, Duyên Giác dầu tu Thất giác chi vẫn còn chẳng làm khô được. Vì thế nên Bồ Tát quán sát các phiền não dường như sông lớn.

Như người kia sợ bốn rắn độc, năm Chiên Đà La, một kẻ giả bạn thân, cùng sáu tên cướp mà bỏ tụ lạc trống rỗng thẳng đường chạy đi đến bên sông lớn, rồi lấy cỏ kết làm bè. Cũng vậy, Bồ Tát sợ tứ đại, ngũ ấm, tham ái, lục nhập, lục trần, đến sông phiền não, rồi tu giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, sáu môn Ba la mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, dùng đây làm thuyền bè để vượt qua sông phiền não đến bờ Niết Bàn : thường, lạc, ngã, tịnh kia. Bồ Tát tu kinh Đại Niết Bàn suy nghĩ như vầy : Nếu tôi không suy nghĩ nhận lấy sự khổ

đạo, mà dứt được kiết sử cõi Dục thời được an vui. Có thể dứt kiết sử cõi Sơ thiền nhẫn đến có thể dứt kiết sử cõi Phi Phi Tưởng thời được an vui. Những sự an vui này cũng gọi là Niết Bàn, nhưng chẳng được gọi là Đại Niết Bàn, vì còn tập khí phiền não.

Thế nào gọi là tập khí phiền não ?

Hàng Thanh Văn, Duyên Giác còn có tập khí phiền não, chính là những quan niệm : Thân tôi, áo tôi, tôi đi, tôi đến, tôi nói, tôi nghe, chư Phật Như

nơi thân, sự khổ nơi tâm, thời không thể làm cho tất cả chúng sanh qua khỏi sông phiền não. Nhờ suy nghĩ như vậy nên dầu có khổ não, Bồ Tát vẫn yên lặng nhẫn thọ. Vì nhẫn thọ thời chẳng sanh ác lậu. Bồ Tát còn không có những ác lậu, huống là Như Lai. Do đây nên chư Phật là vô lậu. Vì Như Lai thường đi trong hữu lậu, chính là hiện thân trong hai mươi lăm cõi, nên hàng Thanh Văn cùng kẻ phàm phu cho rằng Phật là hữu lậu. Thật ra chư Phật Như Lai chơn thật vô lậu. Do nhơn duyên trên đây nên chư Phật Như Lai không có tướng quyết định. Và cũng do những cớ trên đây nên người phạm bốn tội nặng, hủy báng kinh Đại thừa và nhứt xiển đề đều không quyết định".

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát nói : "Phải lắm ! Phải lắm ! Đúng như lời đức Phật dạy, tất cả pháp đều không quyết định, do đây nên biết Như Lai cũng chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn.

Như vừa rồi đức Phật nói trong đoạn đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn nghe chỗ chẳng nghe, có nói đến Niết Bàn cùng Đại Niết Bàn. Bạch Thế Tôn ! Thế nào là Niết Bàn ? Thế nào là Đại Niết Bàn ?".

Đức Phật khen : "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát đặng niệm tổng trì, mới có thể thưa hỏi như ông.

Này Thiện nam tử ! Như người đời nói : Có biển, có biển lớn; có sông, có sông lớn; có núi, có núi lớn, có thành, có thành lớn; có chúng sinh, có chúng sinh lớn; có vua, có vua lớn; có người, có người lớn; có trời, có trời lớn; có đạo, có đạo lớn; Niết Bàn cũng vậy : Có Niết Bàn và có Đại Niết Bàn.

Thế nào là Niết Bàn ?

Như người đói đặng chút ít cơm ăn thời gọi là được an vui. Như người bịnh được lành thời gọi là an vui. Như người kinh sợ đặng chỗ nương dựa thời được an vui. Như người nghèo cùng đặng châu báu thời được an vui. Như người quán xương trắng chẳng sanh lòng tham dục thời được an vui. Tất cả sự an vui trên đây cũng gọi là Niết Bàn, nhưng chẳng được gọi là Đại Niết Bàn, vì còn trong phạm vi tương đối.

Này Thiện nam tử ! Nếu người phàm phu nhẫn đến hàng Thanh Văn, hoặc nhơn thế tục, hoặc nhơn Thánh đạo, mà dứt được kiết sử cõi Dục thời được an vui. Có thể dứt kiết sử cõi Sơ thiền nhẫn đến có thể dứt kiết sử cõi Phi Phi Tưởng thời được an vui. Những sự an vui này cũng gọi là Niết Bàn, nhưng chẳng được gọi là Đại Niết Bàn, vì còn tập khí phiền não.

Thế nào gọi là tập khí phiền não ?

Hàng Thanh Văn, Duyên Giác còn có tập khí phiền não, chính là những quan niệm : Thân tôi, áo tôi, tôi đi, tôi đến, tôi nói, tôi nghe, chư Phật Như

Lai nhập Niết Bàn, bổn tánh Niết Bàn không ngã, không lạc, chỉ có thường và tịnh, Phật, Pháp, và Tăng có tướng sai khác, Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn, chỗ chứng đặng Niết Bàn của Thanh Văn, Duyên Giác cùng chư Phật đồng nhau không sai khác, những quan niệm trên đây là tập khí phiền não. Vì thế nên chỗ chứng đặng của hàng Nhị thừa chẳng phải là Đại Niết Bàn, vì không có thường, lạc, ngã, tịnh. Có thường,lạc, ngã, tịnh mới được gọi là Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Ví như vùng nào có thể chứa đựng tất cả những dòng nước thời gọi là biển lớn. Chỗ nào Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và chư Phật chứng nhập thời gọi là Đại Niết Bàn. Tứ thiền, ba môn Tam muội, tám pháp Bội xả, tám pháp Thắng xứ, mười pháp Nhứt thiết xứ, vị nào có thể nhiếp thủ vô lượng pháp lành như vậy thời gọi là Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Ví như có con sông, hương tượng lớn nhứt lội không đến đáy thời gọi là sông lớn. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác nhẫn đến Thập trụ Bồ Tát chẳng thấy Phật tánh thời gọi là Niết Bàn, chẳng phải Đại Niết Bàn. Nếu có thể thấy rõ Phật tánh thời được gọi là Đại Niết Bàn.

Chỉ có đại Tượng vương mới có thể tột đến đáy sông lớn Đại Niết Bàn. Đại Tượng vương đây là lệ cho chư Phật.

Này Thiện nam tử ! Nếu các đại lực sĩ trải qua nhiều thời gian không thể leo lên được, mới gọi là núi lớn. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát không thể thấy được mới gọi là Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Nơi trấn giữ của các vị tiểu vương thời gọi là thành nhỏ, chỗ của vua Chuyển luân vương trấn đóng mới gọi là thành lớn. Chỗ chứng nhập của Thanh Văn, Duyên Giác : Tám muôn, sáu muôn, bốn muôn, hai muôn, một muôn kiếp, thời gọi là Niết Bàn. Chỗ chứng nhập của Như Lai Vô thượng Pháp vương mới được gọi là Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người thấy bốn đội binh lòng chẳng sợ sệt, nên biết người này gọi là đại chúng sanh. Nếu có chúng sanh đối với ác đạo phiền não ác nghiệp mà chẳng sợ sệt, có thể ở trong đó rộng độ chúng sanh, nên biết người này đặng Đại Niết Bàn.

Nếu có người cúng dường cha mẹ, cung kính Sa Môn và Bà La Môn thật hành pháp lành, lời nói thành thật không có khi dối, có thể nhẫn những sự ác hại, lại hay bố thí cho kẻ nghèo thiếu, thời gọi là bực Đại trượng phu. Cũng vậy, Bồ Tát có đại từ bi thương xót tất cả, xem chúng sanh như cha mẹ, đưa chúng sanh qua khỏi sông sanh tử, đem đạo Nhứt thừa chơn thật chỉ dạy cho chúng sanh, đây gọi là Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Chữ Đại là nói chẳng thể nghĩ bàn, nếu chẳng thể nghĩ bàn mà chúng sanh chẳng thể tin được, thời gọi là Đại Niết Bàn, chỉ có Phật và Bồ Tát thấy được. Lại do vô lượng nhơn duyên rồi sau mới có thể được nên gọi là Đại. Vì có đại ngã nên gọi là Đại Niết Bàn. Vì Niết Bàn không có đại ngã là tự tại nên gọi là Đại ngã. Đại tự tại là vì có tám điều tự tại : Một là có thể thị hiện một thân làm nhiều thân, số thân lớn nhỏ nhiều như vi trần đầy khắp mười phương vô lượng thế giới. Thân Như Lai thiệt chẳng phải vi trần vì sức đại tự tại mà thị hiện vi trần thân. Tự tại như vậy thời gọi là Đại ngã.

Hai là thị hiện một thân vi trần đầy khắp cõi Đại Thiên, thiệt ra thân Như Lai chẳng đầy nơi cõi Đại Thiên, vì là vô biên, do sức tự tại nên thị hiện đầy khắp nơi cõi Đại Thiên. Tự tại như vậy gọi là Đại ngã.

Ba là có thể đem thân khắp cõi Đại Thiên này bay trên hư không nhẹ nhàng đến nơi hai mươi hằng hà sa thế giới mà không chướng ngại. Thiệt ra thân Như Lai không có nặng nhẹ, do sức tự tại nên làm có nhẹ, có nặng, đây gọi là Đại ngã.

Bốn là Như Lai chỉ có nhứt tâm an trụ chẳng động, do sức tự tại, vô lượng thân hình hóa hiện ra đều làm cho có tâm. Cũng do sức tự tại, có lúc Như Lai làm một việc mà khiến cho tất cả chúng

sanh đều được thành tựu. Do sức tự tại thân Như Lai thường ở một cõi mà làm cho tất cả chúng sanh ở cõi khác đều thấy. Tự tại như vậy gọi là Đại ngã.

Năm căn là căn tự tại, với một căn Như Lai có thể thấy sắc, nghe tiếng, ngửi mùi, nếm vị, cảm xúc, hay biết. Sáu căn của Như Lai thật ra chẳng thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm biết, do sức tự tại nên làm cho sáu căn đều tự tại, do đây gọi là Đại ngã.

Sáu là vì tự tại nên chứng đặng tất cả pháp, thật ra tâm Như Lai không có quan niệm chứng đặng, vì là Vô sở đắc. Nếu pháp là có thời có thể gọi là chứng đắc, pháp vẫn không thật có, đâu được gọi là chứng đắc. Giả sử Như Lai có quan niệm chứng đắc thời chư Phật chẳng được Niết Bàn. Do vì không chứng đắc nên gọi là được Niết Bàn. Do tự tại mà chứng được tất cả pháp nên gọi là Đại ngã.

Bảy là diễn thuyết tự tại. Như Lai diễn thuyết nghĩa một bài kệ trải qua vô lượng kiếp cũng chẳng hết như nói về giới, định, thí, huệ v.v... Đức Như Lai chẳng có quan niệm rằng ta nói người nghe, cũng chẳng nghĩ là một bài kệ. Người đời dùng bốn câu làm một bài kệ, Như Lai thuận theo thế tục nên cũng nói là bài kệ. Tất cả pháp tánh cũng không có ngôn thuyết, do sức tự tại nên Như Lai diễn thuyết, vì diễn thuyết nên gọi là Đại ngã.

Tám là Như Lai khắp đầy tất cả chỗ như hư không. Tánh hư không chẳng thể thấy được, Như Lai thiệt cũng chẳng thể thấy được, vì tự tại nên làm cho chúng sanh được thấy. Tự tại như vậy gọi là Đại ngã.

Do nghĩa tự tại này nên gọi là Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Như kho báu chứa nhiều thứ châu báu lạ kỳ nên gọi là Đại tạng. Cũng vậy, tạng pháp rất sâu, rất diệu của Như Lai chứa đầy những pháp kỳ lạ chẳng thể nghĩ bàn, nên gọi là Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Phật nhiều vô biên mới gọi là Đại, Niết Bàn vô biên, vô lượng nên gọi là Đại. Này Thiện nam tử ! Lại vì có đại lạc nên gọi là Đại Niết Bàn. Niết Bàn vốn không sự vui, do vì bốn điều vui nên gọi là Đại Niết Bàn. Một là vì dứt những sự vui, chẳng dứt sự vui thời gọi là khổ, nếu có khổ thời chẳng gọi là thiệt vui. Vì dứt sự vui nên không có khổ, không khổ không vui mới gọi là đại lạc. Tánh Niết Bàn không khổ không vui nên Niết Bàn gọi là đại lạc. Do nghĩa này mà gọi là Niết Bàn.

Vui có hai thứ : Vui của phàm phu và vui của chư Phật. Vui của phàm phu là vô thường bại hoại, nên không có thiệt vui. Vui của chư Phật là thường là không biến đổi nên gọi là đại lạc. Lại có ba thứ thọ : Một là khổ thọ, hai là lạc thọ, ba là bất khổ bất lạc thọ. Bất khổ bất lạc đây cũng là khổ. Niết

Bàn dầu cũng chẳng khổ, chẳng vui nhưng là thật vui, do đây nên gọi là Đại Niết Bàn.

Hai là vì đại tịch tịnh gọi là đại lạc. Tánh Niết Bàn là đại tịch tịnh, vì xa lìa tất cả sự ồn náo, do đại tịch tịnh nên gọi là Đại Niết Bàn.

Ba là vì biết tất cả nên gọi là đại lạc. Như Lai biết tất cả nên gọi là Đại Niết Bàn.

Bốn là vì thân chẳng hư hoại nên gọi là đại lạc. Thân Như Lai là thân kim cương không hư hoại, chẳng phải thân phiền não, chẳng phải thân vô thường, nên gọi là đại lạc, là Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Danh tự của thế gian hoặc có nhơn duyên đặt ra hoặc không nhơn duyên đặt ra. Có nhơn duyên đặt ra, như Xá Lợi Phất, vì bà mẹ tên là Xá Lợi, nhơn tên mẹ mà đặt tên ông là Xá Lợi Phất. Như Ma Vu La đạo nhơn, vì sanh quán tại nước Ma Vu La, nhơn tên nước mà đặt tên cho đạo nhơn. Như Mục Kiền Liên, Mục Kiền Liên chính là họ, nhơn họ đặt tên gọi là Mục Kiền Liên. Như ta sanh trong dòng Cù Đàm, nhơn giòng họ đặt tên gọi ta là Cù Đàm. Như nhà thông thái Tỳ Xá Khư, Tỳ Xá Khư chính là tên một ngôi sao, nhơn ngôi sao này đặt tên là Tỳ Xá Khư. Như người có sáu ngón tay, nhơn đây gọi là người sáu ngón. Như danh từ Phật nô, Thiên nô, nhơn nơi Phật, nhơn nơi Thiên, mà gọi là Phật nô, Thiên nô. Như nhơn nơi ẩm ướt

sanh ra nên gọi là loài thấp sanh. Như nhơn nơi tiếng mà gọi là Ca Ca La, gọi là Cứu Cứu La. Những danh từ như vậy là có nhơn duyên mà đặt tên.

Không nhơn duyên mà đặt ra, như hoa sen, như đất, nước, gió, lửa, hư không. Như một danh từ Mạn Đà Bà chỉ cho hai vật : điện đường và uống nước, điện đường chẳng phải uống nước nhưng cũng đều được gọi là Mạn Đà Bà. Như Tát Bà Sa Đa gọi là Xà cái, thiệt chẳng phải là Xà cái. Như trên đây gọi là không nhơn mà lập danh tự.

Này Thiện nam tử ! Đại Niết Bàn đây cũng không có nhơn duyên mà lập danh tự. Như hư không chẳng nhơn sự trống rỗng nhỏ mà gọi là đại không, Niết Bàn cũng chẳng nhơn nơi tướng nhỏ mà gọi là Đại Niết Bàn. Ví như có một vật chẳng thể cân lường chẳng thể nghĩ bàn thời gọi là Đại, Niết Bàn cũng chẳng thể cân lường chẳng thể nghĩ bàn nên gọi là Đại Niết Bàn.

Do vì thuần thanh tịnh nên gọi là Đại Niết Bàn. Thanh tịnh có bốn thứ : Một là hai mươi lăm cõi gọi là bất tịnh, vì có thể dứt hẳn nên gọi là thanh tịnh. Thanh tịnh đây tức là Niết Bàn. Niết Bàn này cũng đặng gọi là có. Nhưng thiệt ra Niết Bàn chẳng phải là có, Như Lai thuận theo thế tục nên nói Niết Bàn lấ có. Ví như người đời chẳng phải cha gọi là cha, chẳng phải mẹ gọi là mẹ, chẳng phải thiệt cha mẹ mà nói là cha mẹ. Cũng vậy, tùy thuận theo thế tục nên nói chư Phật có Đại Niết Bàn.

Hai là vì nghiệp thanh tịnh. Tất cả phàm phu vì nghiệp chẳng thanh tịnh nên không có Niết Bàn. Như Lai vì nghiệp thanh tịnh nên gọi là đại tịnh, do đại tịnh nên gọi là Đại Niết Bàn.

Ba là vì thân thanh tịnh. Thân vô thường thời gọi là chẳng thanh tịnh. Thân Như Lai thường trụ không biến đổi nên gọi là đại tịnh, vì đại tịnh nên gọi là Đại Niết Bàn.

Bốn là vì tâm thanh tịnh. Tâm nếu có ác lậu thời gọi là chẳng thanh tịnh. Tâm của Phật vô lậu nên gọi là đại tịnh, vì đại tịnh nên gọi là Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là nam tử, nữ nhơn tu hành kinh Đại Niết Bàn này thành tựu đầy đủ phần công đức thứ nhứt.

(*) NàyThiện nam tử ! Kế đây là đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ hai.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, xưa chỗ chẳng được mà nay được; xưa chỗ chẳng thấy mà nay được thấy; xưa chỗ chẳng nghe mà nay được nghe; xưa chỗ chẳng đến mà nay được đến; xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết.

Thế nào gọi là xưa chẳng được mà nay được ? Chính là nói về thần thông. Thần thông có hai thứ : Một là ngoài, hai là trong. Thần thông ngoài thời cùng ngoại

(*) Hán bộ quyển thứ 34.

đạo giống nhau. Thần thông trong lại có hai thứ : Một là của Nhị thừa, hai là của Bồ Tát. Thần thông của Bồ Tát, hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng có được. Hàng Nhị thừa biến hóa một tâm hiện làm một chẳng hiện được nhiều. Bồ Tát ở trong một tâm thời có thể hiện đủ tất cả thân trong lục đạo, do vì được thế lực của kinh Đại Niết Bàn. Đây gọi là xưa chỗ chẳng được mà nay được. Lại Bồ Tát được thân tự tại, tâm tự tại. Tất cả phàm phu thân cũng như tâm đều chẳng tự tại hoặc tâm theo nơi thân, hoặc thân theo nơi tâm. Ví như người say, rượu ở trong thân, lúc bấy giờ thân động tâm cũng động theo, cũng như thân mỏi mệt thì tâm cũng mỏi mệt theo, đây thời gọi là tâm theo nơi thân. Lại như trẻ thơ, thân nó nhỏ bé, tâm nó nhỏ theo, người lớn thân lớn thì tâm cũng lớn theo. Lại như có người thân thể thô rít, tâm họ thường nghĩ đến dầu mỡ muốn thoa cho được trơn nhuyễn, đây cũng gọi là tâm theo nơi thân.

Thế nào gọi là thân theo nơi tâm ? Chính là đi, đến, ngồi, nằm, thật hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, người sầu não thời thân gầy héo, người vui mừng thời thân tươi nở, người kinh sợ thời thân run rẩy, chuyên tâm thính pháp thời thân vui vẻ, người buồn khóc thời nước mũi,nước mắt chảy tuôn đầy thời gọi là thân theo nơi tâm.

Bồ Tát thời chẳng như vậy thân tâm đều được tự tại. Đại Bồ Tát hiện thân tướng như vi trần,

thân vi trần này có thể khắp đến vô lượng vô biên hằng hà sa thế giới không bị chướng ngại, mà tâm Bồ Tát thường định vẫn không di động, đây thời gọi là tâm chẳng theo nơi thân và cũng gọi là xưa chỗ chẳng đến mà nay được đến, vì tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng thể đến được mà Bồ Tát đến được. Tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật dầu dùng thần thông chẳng có thể biến thân nhỏ như vi trần khắp đến vô lượng hằng hà sa thế giới. Thanh Văn, Bích Chi Phật lúc thân động thời tâm cũng động theo. Bồ Tát chẳng như vậy, tâm dầu chẳng động mà thân đến khắp tất cả chỗ, đây gọi là tâm chẳng theo nơi thân. Lại Bồ Tát hóa thân lớn bằng đại thiên thế giới, đem thân to lớn này chui vào thân nhỏ như vi trần, tâm của Bồ Tát cũng chẳng nhỏ theo. Thanh Văn, Bích Chi Phật dầu có thể hóa thân to lớn như Đại Thiên thế giới nhưng chẳng thể đem thân to lớn này chui vào thân nhỏ như vi trần.

Trong việc này Nhị thừa còn chẳng làm được huống là có thể khiến tâm chẳng động theo. Đây gọi là Bồ Tát tâm chẳng theo nơi thân.

Đại Bồ Tát dùng một âm thanh có thể làm cho tất cả chúng sanh trong Đại Thiên thế giới đều nghe, trong tâm Bồ Tát trọn chẳng nghĩ rằng khiến âm thanh này khắp đến các thế giới làm cho chúng sanh được nghe, Bồ Tát nói rằng do tôi thuyết pháp

làm cho chúng sinh được nghe, nên biết người này trọn chẳng thể đặng Vô thượng Chánh giác. Vì tâm tưởng như trên đây là tâm sanh tử. Tất cả đại Bồ Tát đã hết tâm sanh tử này vì thế nên thân tâm của Bồ Tát chẳng theo dõi nhau.

Này Thiện nam tử ! Tất cả phàm phu thân tâm theo nhau. Bồ Tát chẳng như vậy, vì hóa độ chúng sanh nên dầu hiện thân nhỏ nhưng tâm chẳng bé nhỏ vì tâm tánh của Bồ Tát luôn rộng lớn. Dầu lúc hiện thân lớn như Đại Thiên thế giới, nhưng tâm cũng chẳng lớn. Do nghĩa này nên tâm của Bồ Tát chẳng theo nơi thân đại Bồ Tát đã từ vô lượng, vô số kiếp xa lìa rượu chẳng uống, nhưng tâm cũng động, tâm không buồn khổ mà thân cũng rơi lệ, thiệt không kinh sợ mà thân cũng run rẩy, do đây nên biết rằng Bồ Tát thân tâm tự tại, chẳng theo dõi nhau. Đại Bồ Tát dầu hiện một thân, mà các chúng sanh mỗi người tự thấy sai khác.

Thế nào là Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, xưa chỗ chẳng nghe mà nay được nghe ? Đại Bồ Tát trước lấy tướng các thứ tiếng : Tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng người, tiếng ốc, tiếng trống, tiếng ống tiêu, tiếng ca, tiếng cười, v.v...

Mà luyện tập đó, do luyện tập nên có thể nghe tất cả tiếng của những địa ngục trong vô lượng Đại Thiên thế giới, lại càng tu tập thêm nên được nhĩ căn khác lạ, khác hơn thiên nhĩ của Thanh Văn, Bích

Chi Phật. Vì nhĩ căn thanh tịnh của Nhị thừa nếu nương tứ đại tịnh diệu của Sơ thiền thời chỉ nghe tiếng cõi Sơ thiền chẳng nghe được cõi Nhị Thiền, nhẫn đến Tứ Thiền cũng như vậy, dầu có thể trong một lúc được nghe tất cả tiếng trong Đại Thiên thế giới nhưng chẳng thể nghe được tiếng trong vô lượng vô biên hằng sa thế giới. Do nghĩa này nên gọi là Bồ Tát xưa chỗ chẳng nghe mà nay được nghe, Bồ Tát dầu nghe tiếng tâm mà trong lòng vẫn không có tướng nghe tiếng chẳng có tướng thường, lạc, ngã, tịnh, tướng chủ, tướng y, tướng tác, tướng nhơn, tướng định, tướng quả. Do nghĩa này nên các vị Bồ Tát xưa chỗ chẳng nghe mà nay được nghe".

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Như Phật nói Bồ Tát chẳng thấy có tướng định, không tướng quả thời không được đúng. Vì trước kia Như Lai nói : Nếu có người nghe một chữ một câu kinh Đại Niết Bàn này quyết định được thành Vô Thượng Bồ Đề. Giờ đây sao Như Lai lại nói là không định không quả ? Nếu được Vô Thượng Bồ Đề thời chính là tướng quyết định, chính là tướng quả, sao lại nói rằng không định không quả ? Vì nghe tiếng ác thời sanh tâm ác vì sanh tâm ác thời đọa tam đồ, nếu đọa tam đồ thời là định quả, sao lại nói rằng không định không quả ?".

Như Lai khen rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Ông có thể thưa hỏi như vậy. Giả sử chư Phật nói

các âm thanh là có tướng định quả, đây thời chẳng phải là tướng chư Phật, mà là tướng Ma vương, là tướng sanh tử, là tướng xa lìa Niết Bàn. Vì tất cả chư Phật chỗ nói ra không có tướng định quả. Ví như dùng lưỡi dao sáng soi mặt người : Dựng đứng thời thấy mặt dài, để ngang thời thấy mặt rộng. Do nghĩa đây nên chư Phật phàm nói ra không có tướng định quả. Đại Niết Bàn thiệt chẳng phải là kết quả của tiếng. Giả sử Niết Bàn là quả của tiếng thời Niết Bàn chẳng phải là pháp thường trụ. Ví như những pháp trong đời theo nhơn mà sanh, có nhơn thời có quả, không nhơn thời không quả, vì nhơn vô thường nên quả cũng vô thường, nhơn cũng làm quả, quả cũng làm nhơn, do nghĩa này nên tất cả pháp không có tướng nhứt định. Giả sử Niết Bàn từ nhơn mà sanh, vì nhơn vô thường nên quả cũng vô thường. Nhưng Niết Bàn chẳng từ nhơn mà sanh, thể Niết Bàn chẳng phải là quả, vì thế nên Niết Bàn là thường trụ. Do nghĩa đây nên thể của Niết Bàn là không định không quả.

Này Thiện nam tử ! Luận về Niết Bàn, cũng có thể nói là định, cũng có thể nói là quả. Niết Bàn của tất cả chư Phật là thường, lạc, ngã, tịnh, nên nói là định, không sanh già hư hoại nên nói là định. Nhứt xiển đề phạm bốn tội nặng, hủy báng Đại thừa, tạo tội ngũ nghịch, rời bỏ bổn tâm, thời quyết định chứng đặng Niết Bàn, nên gọi là định.

Này Thiện nam tử ! Như ông vừa nói : Nếu có người nghe một chữ, một câu kinh Đại Niết Bàn, thời đặng Vô Thượng Bồ Đề. Đối với nghĩa này, ông còn chưa hiểu rõ. Ông nên lóng nghe ! Nếu có người nghe một câu, một chữ kinh Đại Niết Bàn, trong tâm chẳng có quan niệm tướng chữ, tướng câu, chẳng có tướng nghe, tướng Phật, tướng nói pháp, đây gọi là tướng vô tướng. Do tướng vô tướng nên đặng Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Như ông vừa nói vì nghe tiếng ác, mà đến tam đồ, nghĩa đó không phải. Vì chẳng phải tiếng ác mà đến tam đồ. Phải biết quả này là do tâm ác. Vì như có người nghe tiếng ác mà tâm chẳng sanh ác, do đây nên biết chẳng phải do tiếng ác mà đọa trong tam đồ. Nhưng chúng sanh do nơi phiền não ác tâm quá nhiều mà phải sanh vào ba đường ác, chẳng phải là do nơi tiếng ác. Nếu tiếng có tướng quyết định, những người nghe tiếng ác, lẽ ra tất cả đều sanh tâm ác. Nay nghe tiếng ác, mà có người sanh tâm ác, có người chẳng sanh tâm ác, nên biết rằng tiếng không có tướng quyết định. Do vì không tướng quyết định nên dầu nghe tiếng ác mà chẳng sanh tâm ác".

- Bạch Thế Tôn ! Tiếng nếu không quyết định, cớ sao Bồ Tát nay đặng nghe chỗ xưa chẳng nghe ?

- Này Thiện nam tử ! Tiếng không có tướng quyết định nên làm cho Bồ Tát nay được nghe chỗ xưa

chẳng nghe. Do nghĩa này nên Như Lai nói xưa chỗ chẳng nghe, mà nay được nghe.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là chỗ xưa chẳng thấy mà nay được thấy ? Đại Bồ Tát tu kinh Đại Niết Bàn, trước lấy tướng sáng : Những ánh sáng mặt trời, mặt trăng, tinh tú, đèn đuốc, bảo châu, lửa. Do tu tập ánh sáng mà đặng nhãn căn khác lạ, khác hơn thiên nhãn của Thanh Văn, Duyên Giác. Thiên nhãn của Nhị thừa nếu nương nơi nhãn căn tứ đại cõi Dục thời chẳng thấy Sơ thiền, nếu nương nơi nhãn căn Sơ thiền thời chẳng thấy cõi trên, cũng chẳng thấy nhãn căn của chính mình, nhiều lắm là thấy tột đến Đại Thiên thế giới. Đại Bồ Tát chẳng tu thiên nhãn, thấy sắc thân tốt đẹp đều là tướng xương trắng, dầu thấy sắc tướng trong hằng hà sa thế giới khác, nhưng chẳng tưởng là sắc tướng, chẳng tưởng là tướng thường, tướng có, tướng vật, tướng danh tự, chẳng tưởng là tướng thấy, cũng chẳng nói nhãn căn này có tướng thanh tịnh vi diệu, chỉ thấy là tướng nhơn duyên, cùng tướng chẳng phải nhơn duyên. Thế nào là nhơn duyên ? Sắc là cảnh duyên của nhãn căn. Giả sử sắc chẳng phải là nhơn duyên, thời tất cả phàm phu lẽ ra chẳng thấy tướng sắc. Thế nào là chẳng phải nhơn duyên ? Đại Bồ Tát dầu thấy sắc nhưng chẳng phải tưởng là tướng sắc, do đây nên chẳng phải là duyên. Vì thế nên thiên nhãn thanh tịnh của Bồ Tát khác với thiên nhãn của Thanh

Văn, Duyên Giác. Trong một lúc, Bồ Tát thấy khắp chư Phật hiện tại ở mười phương thế giới. Cũng có thể thấy vi trần. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác chẳng thấy được như thế. Bồ Tát dầu thấy nhãn căn của mình mà vẫn không có tướng thấy, thấy tướng vô thường, thấy thân của phàm phu có ba mươi sáu vật, chứa đầy những thứ bất tịnh, thấy rõ như xem trái A Ma Lặc trong bàn tay. Nếu thấy sắc tướng của chúng sanh, Bồ Tát biết người này là căn tánh Đại thừa hay Tiểu thừa. Đụng chạm đến y phục của họ, Bồ Tát cũng biết người đó có những căn lành hay căn chẳng lành. Do đây nên gọi là xưa chỗ chẳng thấy mà nay được thấy, cũng gọi là xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết. Vì khi thấy thời biết chỗ xưa chẳng biết, do vì biết nên thấy chỗ xưa chẳng thấy.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là Bồ Tát xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết ? Đại Bồ Tát dầu biết tâm tham, sân, si của phàm phu, nhưng vẫn chẳng tưởng là tâm và tâm sở, chẳng tưởng là chúng sanh cùng vật. Thường tu tướng rốt ráo không đệ nhứt nghĩa, do tu tập tướng không, nên biết được chỗ xưa chẳng biết.

Biết như thế nào ? Biết không có ngã không có ngã sở, biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Vì có Phật tánh nên hàng nhứt xiển đề rời bỏ được bổn tâm thời sẽ đặng Vô thượng Chánh giác. Những điều trên đây hàng Thanh Văn, Duyên Giác chẳng biết

được mà Bồ Tát có thể biết. Vì thế nên gọi là xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết.

Đại Bồ Tát tu kinh Đại Niết Bàn nhớ đời quá khứ tất cả chúng sanh bao nhiêu những dòng họ cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, bạn thân, kẻ thù. Trong một niệm Bồ Tát đặng trí khác lạ, khác với trí huệ của Thanh Văn, Duyên Giác. Thế nào là khác ? Trí huệ của Thanh Văn, Duyên Giác nhớ đến dòng họ cha mẹ v.v... của chúng sanh đời quá khứ mà có tướng dòng họ cha mẹ v.v.. Bồ Tát dầu nghĩ nhớ dòng họ cha mẹ thuở quá khứ, nhưng trọn chẳng tưởng có tướng dòng họ cha mẹ v.v... mà thường thấy tướng không tịch. Đây gọi là Bồ Tát xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn đặng tha tâm trí khác với Thanh Văn, Duyên Giác. Thế nào là khác ? Hàng Thanh Văn, Duyên Giác lúc dùng một niệm trí biết tâm của người, thời chẳng thể biết tâm của chư Thiên, ngạ quỉ, súc sanh, địa ngục. Trong một niệm Bồ Tát biết khắp tất cả tâm của lục đạo chúng sanh. Đây gọi là Bồ Tát xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết. Bồ Tát lại ở nơi trong một tâm rõ biết từ sơ tâm đến tâm thứ mười sáu của Tu Đà Hoàn. Do đây nên gọi là xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết. Đây là Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ hai.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ ba ? Đại Bồ Tát bỏ lòng từ đặng lòng từ, lúc đặng lòng từ chẳng do nhơn duyên. Thế nào là bỏ lòng từ đặng lòng từ ? Từ gọi là thế đế. Đại Bồ Tát bỏ lòng từ thế đế đặng lòng từ đệ nhứt nghĩa. Lòng từ đệ nhứt nghĩa chẳng do nhơn duyên. Lòng từ nếu là có thể bỏ thời gọi là lòng từ của phàm phu, lòng từ nếu thể được thời gọi là lòng từ vô duyên của Bồ Tát, đặng lòng từ lân mẫn, đặng lòng từ của Như Lai, lòng từ này là lòng từ không nhơn duyên. Lại bỏ lòng từ của Hoàng môn, của người không căn, hai căn, nữ nhơn, đồ tể, thợ săn v.v.. cũng bỏ lòng từ của Thanh Văn, Duyên Giác, đặng lòng từ vô duyên của Bồ Tát. Chẳng còn thấy lòng từ của mình cũng chẳng thấy lòng từ của người, cũng chẳng thấy trì giới phá giới. Dầu tự thấy lòng bi nhưng chẳng thấy tướng chúng sanh. Dầu có chịu khổ nhưng chẳng thấy người chịu khổ. Vì Bồ Tát tu hành chơn thật không đệ nhứt nghĩa nên thành tựu đầy đủ phần công đức thứ ba như vậy.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ tư ? Nơi đây có mười việc : Một là căn lành sâu không bị lay động, hai là đối với thân mình có quan niệm quyết định, ba là chẳng thấy

phước điền và chẳng phải phước điền, bốn là tu tập công hạnh thanh tịnh Phật độ, năm là diệt trừ ba thứ hữu dư, sáu là dứt trừ nghiệp duyên, bảy là tu thân thanh tịnh, tám là rõ biết các duyên, chín là lìa những oán địch, mười là dứt trừ nhị biên.

Thế nào là căn lành sâu khó lay động. Căn lành đấy là nói chẳng phóng dật, chẳng phóng dật là căn lành của Vô Thượng Bồ Đề. Cội gốc pháp lành của tất cả chư Phật đều do chẳng phóng dật. Vì chẳng phóng dật nên những căn lành khác lần lần được tăng trưởng. Như trong các thứ dấu chân, dấu chân của voi là hơn hết, ở trong các pháp lành chẳng phóng dật cũng là hơn hết. Như trong các thứ ánh sáng, ánh sáng mặt trời là hơn hết, chẳng phóng dật là hơn hết các pháp lành khác. Như Vua Chuyển luân là bực nhứt trong các vua chúa, chẳng phóng dật cũng là bực nhứt trong các pháp lành. Như trong các dòng nước, bốn sông là hơn hết, chẳng phóng dật cũng là hơn hết trong các pháp lành. Như núi Tu Di là bực nhứt trong các núi, chẳng phóng dật cũng là hạng bực nhứt trong các pháp lành. Như hoa sen xanh hơn tất cả những hoa mọc trong nước, chẳng phóng dật cũng là hơn hết trong các pháp lành. Như hoa Bà Lợi Sư Ca hơn tất cả thứ hoa mọc trên đất, chẳng phóng dật cũng hơn hết các pháp lành khác. Như trong các loài thú, sư tử là hơn hết, chẳng phóng dật hơn những pháp lành khác. Như trong các loài

chim, Kim súy điểu là bực nhứt, chẳng phóng dật cũng là bực nhứt trong các pháp lành. Như trong các loài thân to lớn, vua A Tu La, La Hầu La, là to hơn cả, chẳng phóng dật cũng là hơn hết trong các pháp lành. Như trong tất cả chúng sanh, đức Như Lai là tôn quí nhứt, chẳng phóng dật cũng là bực nhứt trong các pháp lành. Như trong các đoàn thể, chư Tăng là hơn hết, chẳng phóng dật cũng hơn hết trong các pháp lành. Như trong giáo pháp của Phật, kinh Đại Niết Bàn là hơn hết, chẳng phóng dật cũng là hơn hết trong các pháp lành. Do những nghĩa này nên căn lành chẳng phóng dật sâu bền khó lay động.

Thế nào là do chẳng phóng dật mà được thêm lớn các căn lành ? Những căn lành : Tín, Giới, Bố thí, trí huệ, nhẫn nhục, đa văn, tinh tấn, niệm, định, Thiện tri thức đều do chẳng phóng dật mà được thêm lớn.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là đối với thân mình Bồ Tát có quan niệm quyết định ? Bồ Tát quyết định biết rằng thân của ta đây quyết định sẽ làm pháp khí Vô Thượng Bồ Đề ở đời vị lai, chẳng có tâm hẹp nhỏ, chẳng có tâm biến đổi, chẳng sanh tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, chẳng sanh tâm ma, tâm tự hưởng vui, tâm sanh tử. Thường vì chúng sanh cầu tâm từ bi. Đây gọi là đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn đối với thân mình sanh lòng quyết định.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là Bồ Tát chẳng thấy phước điền và chẳng phải phước điền ? Những gì

là phước điền ? Ngoại đạo trì giới trên đến chư Phật đây gọi là phước điền. Nếu có người nghĩ rằng những bực này thuộc về phước điền nên biết tâm niệm này hẹp kém.

Đại Bồ Tát quán sát tất cả chúng sanh không ai chẳng phải là phước điền, do vì Bồ Tát khéo tu tập niệm xứ khác lạ, nên quán sát chúng sanh không thấy có trì giới cùng hủy giới. Thường quán sát bốn pháp bố thí của Phật nói ra đều đặng quả báo thanh tịnh. Những gì là bốn thứ bố thí ? Một là thí chủ thanh tịnh, người thọ chẳng thanh tịnh. Hai là thí chủ chẳng thanh tịnh, người thọ thanh tịnh. Ba là thí chủ cùng người thọ đều thanh tịnh. Bốn là thí chủ cùng người thọ đều chẳng thanh tịnh.

Thí chủ có đủ trì giới đa văn trí huệ rõ biết nhơn cùng quả bố thí, người thọ thời phá giới tà kiến không tin bố thí cùng quả báo, đây gọi thí chủ thanh tịnh mà người thọ chẳng thanh tịnh.

Nếu thí chủ phá giới tà kiến không tin bố thí cùng quả báo, người thọ thời trì giới đa văn trí huệ biết có nhơn cùng quả bố thí, đây gọi là thí chủ chẳng thanh tịnh người thọ thời thanh tịnh.

Nếu người bố thí cùng người thọ đều trì giới đa văn trí huệ biết cỡ bố thí cùng quả báo, đây gọi là người thí người thọ đều thanh tịnh.

Nếu người thí người thọ đều phá giới tà kiến không tin nhơn cùng quả bố thí, đây gọi là người thí kẻ thọ đều chẳng thanh tịnh.

- Bạch Thế tôn ! Nếu như vậy, tại sao lại nói Bồ Tát được quả báo thanh tịnh, vì không thí, không báo nên gọi là thanh tịnh ?

- Này Thiện nam tử ! Nếu có người chẳng thấy bố thí cùng quả báo bố thí, nên biết rằng, người này chẳng gọi là phá giới tà kiến.

Này Thiện nam tử ! Nếu y theo Nhị thừa nói rằng chẳng thấy bố thí cùng quả báo, đây gọi là phá giới tà kiến. Nếu nương kinh Đại Niết Bàn này mà chẳng thấy bố thí cùng quả báo thời gọi là trì giới chánh kiến. Đại Bồ Tát có niệm xứ khác lạ, do tu tập niệm xứ này nên chẳng thấy chúng sanh trì giới, phá giới, người thí, người thọ và quả báo bố thí, nên được gọi là trì giới chánh kiến. Vì những nghĩa trên đây nên Đại Bồ Tát chẳng thấy phước điền và chẳng phải phước điền.

Thế nào gọi là thanh tịnh cõi Phật ? Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn vì Vô Thượng Bồ Đề vì độ chúng sanh, nên lìa tâm giết hại. Do căn lành này nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật, nguyện chúng sanh đặng thọ mạng dài lâu có thế lực lớn được thần thông lớn. Do sức thệ nguyện này, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, tất cả chúng

trong cõi nước được thọ mạng dài lâu có thế lực lớn và thần thông lớn.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, vì Vô Thượng Bồ Đề vì độ chúng sanh, nên lìa tâm trộm cướp. Đem căn lành này nguyện cùng tất cả chúng sanh, đồng thành Phật. Nguyện cõi nước thuần là bảy báu, chúng sanh đầy đủ vật cần dùng tùy theo ý muốn. Do sức thệ nguyện này, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, cõi nước thuần là bảy báu, chúng sanh giàu đủ tùy ý tự tại.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, vì Vô Thượng Bồ Đề, vì độ chúng sanh, nên lìa tâm tham dục. Đem căn lành này nguyện cùng chúng sanh đồng thành Phật. Nguyện tất cả chúng sanh không có tham dục, sân khuể, ngu si, cũng không có người đói khát, khổ não. Do sức thệ nguyện này, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật chúng sanh trong cõi nước xa lìa tâm tham dục, sân khuể, ngu si, không có người đói khát khổ não.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, vì Vô Thượng Bồ Đề vì độ chúng sanh nên lìa tâm vọng ngữ. Đem căn lành này nguyện tất cả chúng sanh cùng thành Phật. Nguyện các cõi nước thường có cây bông, cây trái, cây mùi thơm, chúng sanh đều được tiếng nói tốt. Do sức thệ nguyện này nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, cõi nước thường có cây bông, cây trái, cây mùi thơm, chúng sanh đều được tiếng nói tốt thanh tịnh.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn vì Vô Thượng Bồ Đề vì độ chúng sanh nên xa lìa tâm lưỡng thiệt. Đem căn lành này nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật. Nguyện các cõi nước tất cả chúng sanh thường hòa hiệp nhau, cùng nhau giảng nói chánh pháp. Do sức thệ nguyện này, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, tất cả chúng sanh trong cõi nước đều hòa hiệp nhau cùng nhau giảng luận pháp yếu.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, vì Vô Thượng Bồ Đề, vì độ chúng sanh nên xa lìa tâm ác khẩu. Đem căn lành này nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật, nguyện các cõi nước mặt đất bằng thẳng, không có sạn sỏi gai góc, chúng sanh đều có tâm bình đẳng. Do sức thệ nguyện này, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, cõi nước bằng thẳng không có sạn sỏi gai góc, tâm chúng sanh đều bình đẳng.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, vì Vô Thượng Bồ Đề, vì độ chúng sanh nên lìa lời nói vô nghĩa. Đem căn lành này nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật. Nguyện chúng sanh không có khổ não. Do sức thệ nguyện này, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, tất cả chúng sanh trong cõi nước không có khổ não.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, vì Vô Thượng Bồ Đề vì độ chúng sanh nên xa lìa tâm tham

lam tật đố. Đem căn lành này nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật. Nguyện chúng sanh không có tham lam, tật đố, não hại, tà kiến. Do sức thệ nguyện này, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, chúng sanh trong cõi nước đều không có tâm tham lam, tật đố, não hại, tà kiến.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn vì Vô Thượng Bồ đề vì độ chúng sanh, nên xa lìa tâm não hại. Đem căn lành này nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật. Nguyện chúng sanh đồng tu tập đại từ đại bi, đặng bực nhứt tử. Do sức thệ nguyện này nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, chúng sanh trong cõi nước đều tu tập đại từ đại bi, được bực nhứt tử.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn vì Vô Thượng Bồ Đề vì độ chúng sanh nên xa lìa tà kiến. Đem căn lành này nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật. Nguyện chúng sanh đều được Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật. Do sức thệ nguyện này, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, chúng sanh trong cõi nước đều được thọ trì Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật, đây gọi là Bồ Tát tu hành thanh tịnh cõi Phật.

Thế nào đại Bồ Tát dứt trừ hữu dư ? Hữu dư có ba thứ : Một là phiền não dư báo, hai là dư nghiệp, ba là dư hữu.

Nếu có chúng sanh quen gần tham dục, báo này thành thục phải đọa nơi địa ngục, ra khỏi địa ngục phải thọ thân súc sanh : Bồ câu, se sẻ v.v... các loài chim, cá, trạch cùng khỉ, vượn, cheo, nai v.v... Nếu được làm người, thời phải thọ thân Hoàng môn, phụ nữ, hai căn, không căn, dâm nữ. Nếu được xuất gia thời phạm giới trọng ban đầu. Đây gọi là dư báo.

Nếu có chúng sanh quen gần sân khuể, báo này thành thục phải đọa địa ngục. Ra khỏi địa ngục phải thọ thân súc sanh : Rắn độc, sư tử, cọp, sói, beo, gấu, mèo, chồn, ó, diều v.v... Nếu được làm người thời đủ cả mười sáu nghiệp ác. Nếu được xuất gia thời phạm giới trọng thứ ba. Đây gọi là dư báo.

Nếu có chúng sanh quen gần ngu si, báo này thành thục sẽ đọa địa ngục. Ra khỏi địa ngục phải thọ thân súc sanh : Voi, heo, bò, trâu, dê, rận, rệp, muỗi, ruồi, kiến, mối v.v... Nếu được làm người thời bị đui, điếc, câm, ngọng, lưng gù, tàn tật, thời không thể học tập. Nếu được xuất gia thời ưa phạm giới trọng. Đây gọi là dư báo.

Nếu có người quen gần kiêu mạn, báo này thành thục sẽ đọa địa ngục. Ra khỏi địa ngục thọ thân súc sanh : Lạc đà, lừa, ngựa, chó v.v... Nếu được làm người thọ thân tôi tớ nghèo cùng ăn xin. Nếu được xuất gia thường bị chúng sanh khinh tiện, phạm giới thứ tư. Đây gọi là dư báo.

Như trên đây gọi là phiền não dư báo, đại Bồ Tát do tu tập kinh Đại Niết Bàn đều có thể trừ diệt.

Thế nào là dư nghiệp ? Tất cả nghiệp của phàm phu, nghiệp của Thanh Văn : Tu Đà Hoàn có nghiệp bảy lần thọ thân, Tư Đà Hàm có nghiệp hai lần thọ thân, A Na Hàm có nghiệp thọ thân cõi Sắc, đây gọi là dư nghiệp. Đại Bồ Tát tu tập kinh Đại Niết Bàn đều có thể dứt trừ những nghiệp dư này.

Thế nào lã dư hữu ? A La Hán đặng quả A La Hán, Bích Chi Phật đặng quả Bích Chi Phật, không nghiệp, không kiết sử, mà còn hai quả, đây gọi là dư hữu.

Đại Bồ Tát tu tập kinh Đại Niết Bàn đều có thể trừ diệt ba thứ hữu dư trên đây, nên gọi là đại Bồ Tát diệt trừ hữu dư.

Thế nào là Bồ Tát tu thân thanh tịnh ? Đại Bồ Tát tu giới bất sát có năm thứ tâm : Hạ, trung, thượng, thượng thượng, thượng trung thượng, nhẫn đến chánh kiến cũng lại như vậy. Năm mươi tâm này gọi là sơ phát tâm. Quyết định đầy đủ thành tựu năm mươi tâm này đây gọi là viên mãn. Một trăm tâm như vậy gọi là một trăm phước đức. Đầy đủ một trăm phước làm thành một tướng tốt. Lần lượt đầy đủ thành tựu ba mươi hai tướng tốt, thời gọi là thân thanh tịnh. Sở dĩ lại tu tám mươi vẻ đẹp, vì trong đời có chúng sanh phụng thờ tám

mươi vị Thiên thần : Thập nhị nhựt thần, mười hai vị trời lớn, năm ngôi sao lớn, sao Bắc Đẩu, Mã thiên, Hành Đạo thiên, Bà La Đọa Bạt Xà thiên, Công Đức thiên, Nhị thập bát tú, Địa thiên, Phong thiên, Thủy thiên, Hỏa thiên, Phạm thiên, Lâu Đà thiên, Nhơn Đề thiên, Câu Ma La thiên, Bát Tý thiên, Ma Hê Thủ La thiên, Bàn Xà La thiên, Quỉ Tử Mẫu thiên, Tứ Thiên Vương thiên, Tạo Thơ thiên, Bà Tẩu thiên, đây gọi là tám mươi. Vì những chúng sanh này mà Bồ Tát tu tập tám mươi vẻ đẹp để trang nghiêm nơi thân. Đây gọi là Bồ Tát tu thân thanh tịnh. Vì tám mươi Thiên thần này được chúng sanh kính trọng, nên Bồ Tát tu tập tám mươi vẻ đẹp, thân thể không đổi dời, làm cho chúng sanh, tùy theo lòng tin, đều được thấy, sanh lòng tôn kính mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Ví như có người muốn thỉnh Quốc Vương, thời phải sửa sang trần thiết nhà cửa cho thật sạch sẽ khéo léo, sắm đủ trăm thứ thực phẩm thơm ngon rồi sau mới rước Quốc Vương ngự đến nhà. Cũng vậy, đại Bồ Tát muốn thỉnh đấng Pháp Vương Vô Thượng Bồ Đề, thời phải trước tu thân cho thật thanh tịnh, rồi sau Pháp Vương mới đến ngự.

Ví như có người muốn uống chất cam lộ thời phải trước rửa thân thật sạch. Cũng vậy, đại Bồ Tát muốn uống Pháp vị Vô thượng Bát Nhã Ba La Mật, trước phải tu tám mươi vẻ đẹp để trang nghiêm nơi thân.

Ví như đem bình vàng, chậu bạc đựng nước trong sạch thời cả trong lẫn ngoài đều trong sạch. Cũng vậy, đại Bồ Tát dùng thân thanh tịnh chứa Vô Thượng Bồ Đề, thời trong ngoài đều thanh tịnh.

Như y trắng Ba La Nại dễ ăn màu thuốc nhuộm, vì chất y vốn trắng sạch. Cũng vậy, đại Bồ Tát do thân thanh tịnh nên mau thành Vô Thượng Bồ Đề.

Do nghĩa này nên đại Bồ Tát tu thân thanh tịnh.

Thế nào là Bồ Tát khéo biết các duyên ?

Đại Bồ Tát chẳng thấy sắc tướng, chẳng thấy sắc duyên, chẳng thấy sắc thể, chẳng thấy sắc sanh, chẳng thấy sắc diệt, chẳng thấy một tướng, chẳng thấy nhiều tướng, chẳng thấy người thấy, chẳng thấy tướng mạo, chẳng thấy người thọ, vì đã rõ nhơn duyên. Như đối với sắc, tất cả pháp cũng như vậy. Đây gọi là Bồ Tát rõ biết các duyên.

Thế nào là Bồ Tát lìa các thù địch ?

Bực Ngũ Trụ Bồ Tát chẳng xem phiền não là oán thù. Vì do phiền não mà Bồ Tát có thọ sanh, do thọ sanh nên có thể xoay vần giáo hóa chúng sanh.

Những gì là oán thù đối với Bồ Tát ?

Chính là kẻ hủy báng kinh điển Đại thừa, Bồ Tát thọ sanh không sợ địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ, chỉ sợ kẻ hủy báng kinh điển Đại thừa. Có tám thứ ma

này là oán thù của Bồ Tát, xa lìa được tám thứ ma này thời gọi là lìa thù địch.

Thế nào là Bồ Tát xa lìa hai bên ?

Hai bên là hai mươi lăm cõi và ái phiền não. Bồ Tát luôn xa lìa hai mươi lăm cõi cùng ái phiền não.

Đây gọi là đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ tư.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như lời đức Phật vừa nói : Nếu Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thời thành tựu mười công đức như vậy. Cớ sao đức Như Lai chỉ tu có chín điều mà không tu Tịnh độ ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Từ xưa ta thường tu tập đủ cả mười điều. Tất cả đại Bồ Tát cùng tất cả Như Lai không có ai là chẳng tu tập trọn cả mười điều như vậy.

Giả sử thế giới đầy dẫy nhơ uế, không bao giờ Như Lai xuất hiện nơi ấy.

Này Thiện nam tử ! Ông chớ cho rằng chư Phật xuất hiện nơi thế giới nhơ uế. Nên biết rằng tâm tưởng như vậy là kém hẹp chẳng tốt. Ông nên biết rằng thiệt ra ta không có xuất hiện nơi Diêm Phù Đề.

Như có người nói riêng cõi này có mặt nhựt, mặt nguyệt, cõi khác không có. Lời nói này không có nghĩa lý.

Nếu có Bồ Tát nói cõi này nhơ uế xấu xa, cõi khác thanh tịnh xinh đẹp, đây cũng là lời không có nghĩa lý.

Này Thiện nam tử ! Về phương Tây, cách cõi Ta Bà này bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên là Vô Thắng, những sự trang nghiêm xinh đẹp trong cõi đó đều bình đẳng, như cõi Cực Lạc, như cõi Mãn Nguyệt. Hiện tại Ta xuất hiện trong cõi Vô Thắng đó. Vì hóa độ chúng sanh nên Ta thị hiện Chuyển pháp luân nơi Diêm Phù Đề này.

Chẳng phải riêng gì thân Ta thị hiệnChuyển pháp luân nơi cõi này, mà tất cả chư Phật cũng Chuyển pháp luân trong cõi này.

Do nghĩa này nên chư Phật đều tu đủ cả mười điều như vậy.

Này Thiện nam tử ! Do thệ nguyện, nên đời đương lai, Từ Thị Bồ Tát làm cho cõi này trở thành thanh tịnh trang nghiêm.

Do nghĩa này nên tất cả thế giới của chư Phật đều thanh tịnh trang nghiêm.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, thành tựu đầy đủ phần công đức thứ năm ? Nơi đây có năm điều công đức: Một là nơi thân các căn đều toàn vẹn; hai là chẳng sanh chốn biên địa; ba là chư Thiên Thần mến tưởng; bốn là thường được chư Thiên, Ma Vương, Sa Môn,

Bà La Môn v.v... cung kính; năm là được trí túc mạng. Do năng lực kinh Đại Niết Bàn mà Bồ Tát đồng đủ năm công đức như vậy".

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Ngày trước Phật dạy : Nếu có người bố thí thời được năm công đức. Sao nay Như Lai lại bảo nhơn kinh Đại Niết Bàn mà đặng năm công đức ?".

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Các công đức ấy đều có nghĩa sai khác. Nay Ta sẽ vì ông mà giải nói.

Năm điều công đức do bố thí mà được là không định, không thường, không tịnh, không thắng, không lạ, không phải vô lậu, không thể lợi ích an lạc xót thương tất cả chúng sanh.

Nếu là năm điều công đức do y theo kinh Đại Niết Bàn mà được thời là định, là thường, là tịnh, là thắng, là lạ, là vô lậu, có thể lợi ích an lạc xót thương tất cả chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Xét về người bố thí thời xa lìa đói khát. Kinh Đại Niết Bàn có thể làm cho chúng sanh đều được xa lìa bịnh khát ái trong hai mươi lăm cõi. Do nơi bố thí làm cho sanh tử nối luôn, kinh Đại Niết Bàn có thể làm cho sanh tử phải dứt. Nhơn bố thí nên thọ lấy pháp phàm phu, nhơn kinh Đại Niết Bàn mà được pháp Bồ Tát. Do bố thí nên dứt được sự nghèo cùng khổ não, kinh

Đại Niết Bàn có thể dứt tất cả sự nghèo thiếu về pháp. Do bố thí mà có phần, có quả, do kinh Đại Niết Bàn mà được Vô Thượng Bồ Đề không phần không quả.

Đây gọi là Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ năm.

Thế nào là Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ sáu ?

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn được Kim Cang Tam muội. An trụ trong chánh định này thời phá tan được tất cả pháp. Thấy tất cả pháp đều là vô thường, đều là tướng lay động, là nhơn duyên của sự khủng bố, bịnh khổ, cướp trộm, niệm niệm dứt hoại không chơn thiệt. Tất cả đều là cảnh giới của ma, không có tướng đáng thấy.

Đại Bồ Tát an trụ trong Tam muội này, nhẫn đến không thấy một chúng sanh thiệt. Vì chúng sanh mà Bồ Tát tinh cần tu tập Thi La Ba la mật, nhẫn đến Bát Nhã Ba la mật. Nếu Bồ Tát còn thấy có một chúng sanh thời không thể rốt ráo đầy đủ Đàn Ba la mật nhẫn đến Bát Nhã Ba la mật.

Này Thiện nam tử ! Ví như vật gì bị chất kim cang dóa đập thời đều bể tan, mà chất kim cang này không hề hư tổn. Cũng vậy, pháp gì bị Kim cang Tam muội chiếu đến thời đều nát rã, mà Tam muội này không hề hao tổn.

Trong các thứ châu báu, chất kim cang là hơn tất cả. Cũng vậy, trong các Tam muội, Kim cang Tam muội là thứ nhứt. Vì Bồ Tát tu tập Tam muội này thời tất cả Tam muội đều đến quy thuộc.

Như các vua chúa nhỏ đều đến quy thuộc Chuyển Luân Thánh Vương, tất cả chánh định đều đến quy thuộc Kim cang Tam muội.

Ví như có người là kẻ thù địch của quốc gia mọi người đều nhàm ghét, ai giết được người này thời cả nước đều ngợi khen công lao. Cũng vậy, Bồ Tát tu tập Kim cang Tam muội có thể phá hoại oán thù của tất cả chúng sanh, thế nên thường được tất cả Tam muội tôn kính.

Ví như có người mạnh mẽ không ai cự lại, nếu có người thắng được người này thời được người đời khen tặng. Cũng vậy, Kim cang Tam muội có sức phá dẹp những pháp khó phá, nên được tất cả Tam muội đến quy thuộc.

Như người đến tắm nơi biển lớn, phải biết rằng người này đã dùng nước của các sông ngòi, suối ao. Cũng vậy, Bồ Tát tu tập Kim cang Tam muội, thời là đã tu tập tất cả Tam muội khác.

Như trong Hương Sơn có một suối nước tên A Na Bà Đạp Đa, người nào được uống nước suối này thời không có những bịnh hoạn, vì nước suối này đủ tám vị. Cũng vậy, Kim cang Tam muội đủ tám

chánh đạo, Bồ Tát tu tập Tam muội này thời dứt sạch những bịnh nặng phiền não tội lỗi.

Như người cúng dường trời Ma Hê Thủ La, thời là đã cúng dường tất cả chư Thiên. Cũng vậy, người tu tập Kim cang Tam muội thời là đã tu tập tất cả Tam muội khác.

Này Thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát an trụ trong Kim cang Tam muội thời thấy tất cả pháp không bị chướng ngại, như xem trái A Ma Lặc trong bàn tay. Bồ Tát này dầu được thấy như vậy, nhưng trọn không có quan niệm là thấy tất cả pháp.

Như có người ngồi nơi ngã tư đường, thấy mọi người đi, đứng, ngồi, nằm. Cũng vậy, Bồ Tát an trụ Kim cang Tam muội thời thấy sự sanh diệt mọc lặn của tất cả pháp.

Như người lên núi cao trông xa thấy rõ tất cả cảnh vật. Cũng vậy, Bồ Tát lên núi Kim cang Chánh định thời thấy rõ tất cả pháp.

Như mùa xuân, trời mưa lất phất, giọt mưa li ti không có chỗ hở trống, người mắt sáng thời thấy rõ ràng. Cũng vậy, Bồ Tát đặng mắt thanh tịnh Kim cang Tam muội, thấy rõ những thế giới thành hoại ở mười phương, không chướng ngại.

Như do núi Càn Đà, bảy mặt trời đồng mọc, bao nhiêu cây cỏi nơi núi ấy đều cháy cả. Cũng vậy, Bồ Tát tu tập Kim cang Tam muội thời bao nhiêu rừng rậm phiền não liền tiêu diệt.

Như chất Kim cang dầu có thể phá nát tất cả vật, nhưng trọn không có quan niệm rằng ta hay phá nát. Cũng vậy, Bồ Tát tu tập Kim cang Tam muội có thể phá phiền não mà trọn chẳng có quan niệm rằng ta hay phá hoại phiền não. Như quả đất có thể giữ gìn muôn vật nhưng trọn chẳng có quan niệm rằng sức ta có thể giữ gìn; lửa cũng chẳng nghĩ rằng ta hay đốt cháy; nước cũng chẳng nghĩ rằng ta hay thấm nhuần; gió cũng chẳng nghĩ rằng ta hay thổi động; hư không cũng chẳng nghĩ rằng ta hay dung chứa; Niết Bàn cũng chẳng nghĩ rằng ta làm cho chúng sanh đặng diệt độ. Cũng vậy, Kim cang Tam muội dầu có thể diệt trừ tất cả phiền não, nhưng vẫn không nghĩ rằng ta hay diệt trừ.

Nếu có Bồ Tát an trụ nơi Kim cang Tam muội này, trong khoảng một niệm biến vô lượng thân như Phật, khắp cả hằng hà sa thế giới ở mười phương, dầu biến hóa như vậy nhưng Bồ Tát vẫn không có lòng kiêu mạn. Vì Bồ Tát thường nghĩ rằng : Ai có chánh định này và biến hóa được như vậy ? Chỉ có Bồ Tát an trụ Kim cang Tam muội này mới có thể biến hóa như vậy. Bồ Tát này trong một niệm đi khắp hằng hà sa thế giới ở mười phương rồi trở về bổn xứ, dầu có thần lực như vậy nhưng cũng chẳng nghĩ rằng ta được thần lực ấy đó là do sức của Kim cang Tam muội. Bồ Tát này lại ở trong một niệm có thể dứt những phiền não

của chúng sanh trong hằng hà sa thế giới ở mười phương, mà vẫn không có quan niệm rằng ta hay dứt phiền não của chúng sanh, đó là do sức Kim cang Tam muội. Bồ Tát này dùng một tiếng nói để thuyết pháp làm cho tất cả chúng sanh riêng theo loài của mình mà đặng hiểu rõ, lại thị hiện một sắc thân mà làm cho tất cả chúng sanh đều riêng thấy sắc thân riêng khác. Bồ Tát ở an một chỗ thân không dời đổi mà có thể làm cho chúng sanh theo chỗ ở của nó đều đặng thấy Bồ Tát diễn nói một pháp : Hoặc giới, hoặc nhập, mà tất cả chúng sanh đều riêng theo chỗ đã hiểu biết mà đặng nghe đó.

Bồ Tát an trụ Kim cang Tam muội dầu thấy chúng sanh mà vẫn không có tướng chúng sanh, dầu thấy nam nữ nhưng không tướng nam nữ, dầu thấy sắc thọ vị nhưng không có tướng sắc thọ vị, dầu thấy ngày đêm mà không có tướng ngày đêm, dầu thấy tất cả pháp nhưng không có tướng tất cả pháp, dầu thấy tất cả phiền não kiết sử cũng không có tướng tất cả phiền não, dầu thấy tám Thánh đạo mà không có tướng tám Thánh đạo, dầu thấy Bồ Đề, thấy Niết Bàn nhưng không có tướng Bồ Đề, vì tất cả pháp vốn không có tướng. Bồ Tát này do sức Kim Cang Tam muội nên thấy tất cả pháp bổn lai không có tướng.

Này Thiện nam tử ! Thế nào gọi là Kim Cang Tam muội ? Như chất Kim Cang nếu ở trong ánh nắng thời màu sắc chẳng nhứt định. Cũng vậy, Kim

Cang Tam muội ở trong đại chúng cũng chẳng nhứt định, vì thế nên gọi là Kim Cang Tam muội.

Như chất Kim Cang tất cả người đời không thể bình luận giá cả. Cũng vậy, Kim Cang Tam muội có bao nhiêu công đức tất cả trời người không thể nghĩ lường được, do đây nên lại gọi là Kim Cang Tam muội.

Như người nghèo đặng báu Kim Cang thời hết nghèo cùng khốn khổ, lại khỏi ác quỉ tà độc. Cũng vậy, đại Bồ Tát được tam muội này thời có thể dứt hết phiền não khổ hoạn xa lìa các ma tà độc, do đây nên gọi là Kim cang Tam muội.

Đây gọi là Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ sáu.

(*) Thế nào là đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu công đầy đủ phần công đức thứ bảy ?

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát này nghĩ rằng : Pháp gì có thể làm nhơn duyên gần với Đại Niết Bàn ? Bồ Tát này liền biết có bốn điều làm nhơn duyên gần, nếu rời bốn pháp này thời không thể được Đại Niết Bàn : Vì thế nếu nói rằng siêng tu tất cả khổ hạnh mà được Đại Niết Bàn, thời không đúng.

Đây là bốn điều : Một là gần gũi bạn lành; hai là chuyên tâm nghe pháp; ba là nhiếp niệm tư duy; bốn là tu hành đúng pháp.

(*) Hán bộ quyển thứ 25

Như có người mang bịnh : Hoặc nóng, hoặc lạnh, hư lao, các tà quỉ độc, người bịnh này tìm đến lương y, lương y liền theo bịnh cho thuốc. Người bịnh này hết lòng y theo lời chỉ dẫn của lương y, uống thuốc đúng cách, bịnh được lành, thân được an. Người bịnh dụ cho Bồ Tát. Lương y dụ cho Thiện tri thức. Phương thuốc của lương y nói dụ cho kinh Đại thừa. Y theo lời chỉ dẫn của lương y dụ cho khéo suy nghĩ nghĩa lý của kinh Đại thừa. Hiệp thuốc uống đúng cách dụ cho tu hành đúng pháp. Bịnh lành dụ cho dứt hết phiền não. Thân an dụ cho đặng Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh.

Ví như có Quốc Vương muốn cai trị đúng pháp, làm cho nhơn dân được an vui, nhà vua hỏi cách cai trị nơi các quan. Các quan bèn đem cách thức của Tiên Vương tâu với Quốc Vương. Quốc Vương liền chí tâm tin tưởng thật hành theo, đúng như pháp cai trị nước nhà, làm cho cả nước không giặc cướp, nhơn dân an vui. Quốc Vương dụ cho Bồ Tát, các quan dụ cho bạn lành. Cách thức cai trị của các quan tâu dụ cho mười hai bộ kinh. Quốc Vương hết lòng tin tưởng thật hành dụ cho Bồ Tát nhiếp tâm tư duy nghĩa lý của mười hai bộ kinh. Quốc Vương cai trị đúng pháp dụ cho Bồ Tát tu hành đúng theo sáu môn Ba La Mật. Cả nước không giặc cướp dụ cho Bồ Tát đã lìa phiền não kiết sử. Nhơn dân được an vui dụ cho Bồ Tát chứng được Đại Niết Bàn thường, lạc, ngã tịnh.

Như có người bịnh phong hủi, có trí thức bảo rằng : Nếu ông đến được bên núi Tu Di thời bệnh có thể lành. Vì nơi đó có vị thuốc hay như cam lộ, uống được thuốc đó thời bịnh gì cũng lành. Người bịnh tin theo lời đi đến bên núi hái lấy thuốc cam lồ mà uống, tật bịnh liền hết, thân được an vui. Người bịnh dụ cho phàm phu. Trí thức dụ cho đại Bồ Tát. Tin theo lời bảo dụ cho bốn tâm vô lượng. Núi Tu Di dụ tám Thánh đạo. Vị thuốc cam lồ dụ cho Phật tánh. Bịnh hủi được lành dụ lìa phiền não. Đặng an vui dụ đặng Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh.

Ví như có người nuôi những đệ tử thông minh trí huệ, ngày đêm người này luôn dạy dỗ chẳng biết mỏi. Bồ Tát cũng như vậy, tất cả chúng sanh hoặc tin, hoặc chẳng tin, Bồ Tát luôn giáo hóa không biết nhàm mỏi.

Này Thiện nam tử ! Thiện tri thức là nói chư Phật Bồ Tát và hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, cùng những người tin kinh Đại thừa. Thế nào gọi là Thiện tri thức ? Hàng Thiện tri thức có thể chỉ dạy cho chúng sanh xa lìa mười điều ác, tu hành mười điều lành, do nghĩa này nên gọi là Thiện tri thức. Lại hàng Thiện tri thức lời nói đúng như pháp thật hành đúng như lời nói, chính là tự mình chẳng sát sanh cũng bảo người chẳng sát sanh, nhẫn đến tự mình có chánh kiến, cũng đem chánh kiến dạy cho người.

Nếu có thể được như đây thời gọi là chơn thiệt Thiện tri thức. Tự mình tu tập Bồ Đề cũng có thể dạy người tu hành Bồ Đề. Tự mình tu hành chánh tín, trì giới, bố thí, đa văn, trí huệ, cũng có thể dạy người như vậy, do đây nên gọi là Thiện tri thức.

Này Thiện nam tử ! HàngThiện tri thức có thiện pháp. Những gì là thiện pháp ? Những việc của mình thật hành chẳng mong cầu tự vui, mà thường vì chúng sanh cầu an vui, thấy người khác có lỗi chẳng rao nói, miệng thường tuyên nói những việc thuần thiện, do đây nên gọi là Thiện tri thức.

Này Thiện nam tử ! Như mặt trăng từ đêm mùng một đến đêm rằm lần lần thêm lớn đầy đủ. Cũng vậy, Thiện tri thức làm cho những người học đạo lần lần xa lìa pháp ác, thêm lớn pháp lành. Nếu người gần gũi Thiện tri thức, từ trước chưa có giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến nay bèn có đó, người chưa đầy đủ thời được thêm rộng, do vì gần gũi Thiện tri thức. Sự gần gũi này làm cho người lại được rõ thấu nghĩa sâu của mười hai bộ kinh. Nếu có thể chăm nghe nghĩa sâu của mười hai bộ kinh thời gọi là thính pháp. Nghe kinh Đại thừa thời gọi là chơn thật thính pháp. Chơn thật thính pháp chính là nghe kinh Đại Niết Bàn, nghe có Phật tánh, Như Lai rốt ráo chẳng nhập Niết Bàn, do đây nên gọi là chuyên tâm thính pháp. Chuyên tâm thính pháp gọi là tám Thánh đạo, do tám Thánh đạo có thể dứt tham dục, sân khuể, ngu

si nên gọi là thính pháp. Xét về người thính pháp gọi là mười một pháp không, do pháp không này đối với tất cả pháp chẳng thấy có tướng mạo. Xét về người thính pháp gọi là sơ phát tâm nhẫn đến rốt ráo tâm Vô Thượng Bồ Đề, nhơn nơi sơ tâm mà đặng Đại Niết Bàn, chẳng phải do nghe pháp mà đặng Đại Niết Bàn. Chính là do tu tập nên chứng Đại Niết Bàn. Như người bịnh dầu nghe lời chỉ dẫn của lương y cùng tên của món thuốc nhưng chẳng thể lành bịnh, phải do uống thuốc bịnh mới được lành. Dầu nghe mười hai nhơn duyên nhưng chẳng thể dứt được tất cả phiền não, cần phải nhiếp niệm khéo tư duy mới dứt được phiền não. Đây gọi là pháp nhiếp niệm tư duy thứ ba. Lại do nghĩa gì gọi là nhiếp niệm tư duy ? Đây là nói ba môn tam muội : Không tam muội, vô tướng tam muội, vô tác tam muội. Không là đối với hai mươi lăm cõi chẳng thấy một cõi nào là có thật. Vô tác là đối với hai mươi lăm cõi chẳng mong cầu. Vô tướng là không có mười tướng, chính là không có sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, sanh tướng, trụ tướng, diệt tướng, nam tướng, nữ tướng. Tu tập ba môn tam muội như vậy thời gọi là Bồ Tát nhiếp niệm tư duy.

Thế nào gọi là tu hành đúng pháp ? Chính là tu hành Đàn Ba la mật nhẫn đến Bát Nhã Ba la mật, biết tướng chơn thật của ấm, nhập, giới, cũng biết Thanh Văn, Duyên Giác, chư Phật đồng một đạo mà

nhập Niết Bàn, chính là thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng sanh, già, bịnh, chết, chẳng đói khát, khổ não, chẳng thối chuyển, chẳng hư mất.

Này Thiện nam tử ! Người hiểu nghĩa sâu của Đại Niết Bàn, thời biết chư Phật trọn chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Bực Thiện tri thức chơn thật thứ nhứt là Bồ Tát và chư Phật, vì bực này thường dùng ba pháp khéo điều ngự : Một là lời nói hoàn toàn dịu hòa, hai là hoàn toàn quở trách, ba là dịu hòa cùng quở trách. Do đây nên Bồ Tát và chư Phật là bực Thiện tri thức chơn thật. Phật và Bồ Tát là bực đại lương y nên gọi là Thiện tri thức, vì biết bịnh, biết thuốc, cho thuốc đúng bịnh.

Ví như lương y thông thạo tám môn trị bịnh xem bịnh có ba tướng : Phong, nhiệt, hàn. Người bịnh phong cho uống dầu tô, người bịnh nhiệt cho uống thạch mật, người bịnh hàn cho uống nước gừng. Do biết gốc bịnh cho thuốc được lành nên gọi là lương y. Cũng vậy, chư Phật và Bồ Tát biết phàm phu có ba thứ bịnh : Tham dục, sân khuể, ngu si. Người tham dục dạy quán tướng xương trắng, người sân khuể dạy quán từ bi, người ngu si dạy quán mười hai nhơn duyên. Do đây nên chư Phật và Bồ Tát gọi là Thiện tri thức.

Như thuyền chủ vì giỏi đưa người nên gọi là Đại thuyền chủ. Cũng vậy, chư Phật và Bồ Tát đưa chúng sinh khỏi biển sanh tử nên gọi là Thiện tri thức.

Này Thiện nam tử ! Do Phật và Bồ Tát làm cho chúng sanh được tu hành đầy đủ những căn lành. Ví như núi Tuyết là nơi sản xuất những cội gốc thuốc hay vi diệu. Cũng vậy, chư Phật và Bồ Tát là chỗ xuất sanh tất cả căn lành, do đây nên gọi là Thiện tri thức.

Trong núi Tuyết có vị hương dược tên là Ta Ha, người nào thấy thuốc này thời được sống lâu, không có bịnh khổ, bốn thứ độc không làm hại được. Người nào rờ đụng thuốc này thời sống lâu đủ một trăm hai mươi tuổi. Người nào nhớ thuốc này thời được Trí túc mạng. Đó là do thế lực của vị thuốc này. Cũng vậy, chư Phật và Bồ Tát, nếu ai được thấy thời tất cả phiền não đều trừ, bốn ma chẳng nhiễu loạn được. Người nào gần gũi chư Phật và Bồ Tát vì được nghe pháp, nên được trường thọ chẳng bị sanh tử. Người nào tưởng niệm chư Phật và Bồ Tát thời được Vô Thượng Bồ Đề. Do đây nên chư Phật và Bồ Tát gọi là Thiện tri thức.

Như trong Hương Sơn có ao A Na Bà Đạp Đa, từ ao này thành nguồn bốn con sông lớn : sông Hằng, sông Vân Đầu, sông Tư Đà, sông Bác Xoa. Người đời thường nói rằng : Nếu người có tội tắm nơi bốn con sông này thời tội đều tiêu diệt. Nên biết lời nói này là hư vọng chẳng thật. Chỉ có chư Phật và Bồ

Tát mới là chơn thật. Vì người nào được gần gũi thời tất cả tội chướng đều tiêu trừ. Do đây nên chư Phật và Bồ Tát gọi là Thiện tri thức.

Ví như trên mặt đất có bao nhiêu cỏ thuốc, rừng cây trăm giống lúa, mía, nho, các thứ bông trái. Gặp trời nắng hạn sắp khô chết, Nan Đà Long Vương vì xót thương chúng sanh nên ra khỏi biển lớn làm mưa xối xuống, nhờ đó tất cả cỏ cây bông trái đều được tươi tốt. Cũng vậy, tất cả chúng sanh có bao nhiêu căn lành sắp tiêu diệt, chư Phật và Bồ Tát sanh lòng đại bi, từ biển trí huệ rưới pháp cam lồ, làm cho chúng sanh được mười hai pháp lành. Do đây nên chư Phật và Bồ Tát gọi là Thiện tri thức.

Ví như lương y thông thạo tám môn trị bịnh, thấy những người bịnh thời lo chữa trị, không ngó đến dòng họ, đẹp xấu, cũng không nghĩ đến châu báu, do đây nên người đời xưng tặng là Đại lương y. Cũng vậy, chư Phật và Bồ Tát thấy chúng sanh có bịnh phiền não, liền sanh lòng từ mẫn mà thuyết pháp, không ngó đến dòng họ, đẹp xấu cùng của cải, chúng sanh được nghe pháp, phiền não liền trừ diệt. Do đây nên chư Phật và Bồ Tát gọi là Thiện tri thức. Do vì gần gũi thiện hữu nên được gần Đại Niết Bàn.

Thế nào là Bồ Tát nhờ nghe pháp mà đặng gần với Đại Niết Bàn ? Tất cả chúng sanh do nghe pháp mà có tín căn, vì có tín căn nên thích thật hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí

huệ, được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả Phật. Do đây nên biết rằng được những pháp lành đều là thế lực của sự nghe pháp.

Ví như Trưởng giả chỉ có một con trai, ông sai con đến nước khác buôn bán đổi chác. Ông chỉ rành đường sá, rồi lại dặn rằng : Nếu gặp dâm nữ thời con phải cẩn thận, chớ gần gũi, nếu thương yêu gần gũi thời mất tiền của và thân mạng cũng khó bảo toàn, cũng chớ giao du với người tệ ác. Người con kính thuận theo lời dạy của cha, thân tâm an ổn được nhiều của báu mang về.

Đại Bồ Tát giáo hóa chúng sanh cũng như vậy, chỉ rành đường đạo cùng những pháp chướng ác. Nhờ nghe pháp mà chúng sanh xa lìa những điều ác, đầy đủ những pháp lành, đây là do sự thính pháp mà được gần với Đại Niết Bàn.

Ví như gương sáng soi rõ mặt người. Cũng vậy, người được nghe pháp thời thấy rõ pháp lành, pháp ác, do đây nên được gần Đại Niết Bàn.

Ví như nhà tìm châu bảo chẳng biết đường sá, có người hiểu biết chỉ đường, bèn đến được chỗ châu báu. Cũng vậy, tất cả chúng sanh muốn đến chỗ lành để lấy Pháp bảo, chẳng biết phương pháp tu hành, nhờ Bồ Tát chỉ dạy, chúng sanh tuân theo mà được đến chỗ lành đặng Pháp bảo Vô Thượng Đại Niết Bàn. Đây là do nghe pháp mà đặng gần với Đại Niết Bàn.

Ví như voi say hung dữ, có nhà điều tượng dùng móc sắt móc rách da đầu, voi say liền điều thuận hết tâm hung dữ. Cũng vậy, tất cả chúng sanh do tham, sân, si nên muốn gây tạo nhiều tội ác, Bồ Tát vì họ thuyết pháp, làm cho họ dứt hết tâm ác, do đây nên gần được Đại Niết Bàn. Vì thế nên Như Lai ở trong các kinh bảo hàng đệ tử phải nhiếp tâm lóng nghe và lãnh thọ mười hai bộ kinh, tu bảy giác chi, lìa năm thứ cái chướng. Do tu tập bảy giác chi thời được gần Đại Niết Bàn.

Do thính pháp mà Tu Đà Hoàn lìa những sự khủng bố.

Trưởng giả Tu Đạt Đa trước kia mang bịnh nặng, ông rất lo rầu sợ sệt. Sau khi được nghe Xá Lợi Phất nói bực Tu Đà Hoàn có bốn công đức, dùng mười thứ ví dụ để an ủi. Trưởng giả nghe rồi liền hết sợ sệt. Đây cũng là do thính pháp mà được gần Đại Niết Bàn, vì được mở thông pháp nhãn.

Trong đời có ba người : Một là không con mắt, hai là một con mắt, ba là đủ hai mắt. Người không con mắt dụ cho thường chẳng được nghe pháp. Người một con mắt dụ cho được tạm thời nghe pháp mà tâm không được an trụ. Người đủ hai mắt dụ cho chuyên tâm nghe pháp lãnh thọ và thực hành, do đây được gần Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Ngày trước lúc ta ở thành Câu Thi Na, Xá Lợi Phất đương bịnh khổ. Ta sai A Nan đến thuyết pháp. Lúc đó Xá Lợi Phất nghe A Nan thuyết pháp, bèn bảo bốn người đệ tử khiêng giường bịnh đến chỗ Phật để nghe pháp. Do phước lực nghe Phật thuyết pháp nên Xá Lợi Phất được lành bịnh thân thể an ổn. Vì thế nên nghe chánh pháp thời được gần Đại Niết Bàn.

Thế nào là Bồ Tát do tư duy mà được gần Đại Niết Bàn ? Nhơn sự tư duy này mà tâm được giải thoát ? Vì tất cả chúng sanh thường bị ngũ dục ràng buộc, do tư duy nên đều được giải thoát. Đây là do tư duy mà được gần Đại Niết Bàn.

Tất cả chúng sanh thường bị thường, lạc, ngã, tịnh làm điên đảo. Do tư duy nên được thấy các pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Nhờ sự thấy này mà hết điên đảo. Đây cũng là do tư duy mà được gần Đại Niết Bàn.

Tất cả pháp có bốn tướng : Sanh tướng, lão tướng, bịnh tướng, diệt tướng. Do bốn tướng này làm cho phàm phu đến Tu Đà Hoàn bị nhiều sự khổ não. Nếu người có thể nhiếp niệm khéo tư duy, dầu gặp bốn tướng này nhưng chẳng bị khổ não. Đây cũng là do tư duy mà được gần Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Tất cả pháp lành đều do tư duy mà được. Vì có người dầu trải qua vô lượng vô

biên vô số kiếp chuyên tâm thính pháp, nếu chẳng tư duy thời trọn không thể được Vô Thượng Bồ Đề. Đây cũng là do tư duy mà được gần Đại Niết Bàn.

Nếu có chúng sanh tin Phật, Pháp, Tăng không biến đổi nên sanh lòng cung kính. Nên biết rằng đây là do năng lực của sự nhiếp niệm tư duy mới được dứt trừ tất cả phiền não. Đây cũng là do tư duy mà được gần Đại Niết Bàn.

Thế nào là Bồ Tát tu hành đúng chánh pháp ? Này Thiện nam tử ! Dứt những pháp ác tu các pháp lành thời gọi là Bồ Tát tu hành đúng pháp. Lại thấy tất cả pháp trống rỗng không chỗ có, không thường, không lạc, không ngã, không tịnh, do sự thấy biết này nên thà bỏ thân mạng chẳng phạm cấm giới. Đây gọi là Bồ Tát tu hành đúng pháp.

Tu có hai thứ : Chơn thật và chẳng thật. Chẳng biết tướng của Niết Bàn, Phật Tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, thật tướng, tướng hư không v.v... đây gọi là chẳng thật. Nếu biết thời gọi là chơn thật.

Thế nào gọi là biết tướng của Niết Bàn ? Niết Bàn có tám điều : Một là sạch hết, hai là tánh lành, ba là thật, bốn là chơn, năm là thường, sáu là lạc, bảy là ngã, tám là tịnh. Niết Bàn lại có tám điều : Một là giải thoát, hai là tánh lành, ba là chẳng thật, bốn là chẳng chơn, năm là vô thường, sáu là vô lạc, bảy là vô ngã, tám là vô tịnh.

Niết Bàn lại có sáu tướng : Một là giải thoát, hai là tánh lành, ba là chẳng thật, bốn là chẳng chơn, năm là an lạc, sáu là thanh tịnh.

Nếu chúng sanh y theo đạo thế tục mà dứt phiền não, thời Niết Bàn đó có tám điều giải thoát chẳng chơn thật, vì là vô thường. Vì vô thường nên là không thật, vì không thật thời không chơn. Dầu dứt phiền não nhưng rồi sẽ khổ trở lại, do đây nên không có thường, lạc, ngã ,tịnh đây gọi là Niết Bàn có tám điều giải thoát không thật.

Thanh Văn, Duyên Giác vì dứt phiền não nên gọi là giải thoát nhưng chưa được Vô Thượng Bồ Đề, đây gọi chẳng thật vì chẳng thật nên chẳng chơn. Đời vị lai sẽ được Vô Thượng Bồ Đề nên là vô thường. Vì được tám Thánh đạo vô lậu nên gọi là thanh tịnh an lạc, đây gọi là Niết Bàn có sáu tướng.

Này Thiện nam tử ! Nếu biết như vậy đó là biết Niết Bàn, chẳng gọi là biết Phật tánh, Như Lai, Pháp Tăng, thật tướng, hư không.

Phật tánh có sáu điều : Một là thường, hai là tịnh, ba là thật, bốn là thiện, năm là sẽ thấy, sáu là chơn. Phật tánh lại có bảy điều : Sáu điều như trên, bảy là có thể chứng, đây gọi là Bồ Tát biết Phật tánh.

Như Lai chính là tướng giác ngộ, tướng lành, là thường, lạc, ngã, tịnh, là giải thoát chơn thật, dạy đạo có thể thấy được, đây gọi là Bồ Tát biết tướng Như Lai.

Pháp là hoặc lành chẳng lành, hoặc thường chẳng thường, hoặc lạc chẳng lạc, hoặc ngã chẳng ngã, hoặc tịnh chẳng tịnh, hoặc tri chẳng tri, hoặc giải chẳng giải, hoặc chơn chẳng chơn, hoặc tu chẳng tu, hoặc sư chẳng phải sư, hoặc thật chẳng thật, đây gọi là Bồ Tát biết pháp tướng.

Thế nào là Bồ Tát biết Tăng Tướng ?

Tăng là thường, lạc, ngã, tịnh, là tướng đệ tử, tướng có thể thấy, là thiện, là chơn, chẳng thật, vì tất cả Thanh Văn sẽ được thành Phật, vì tỏ ngộ chơn tánh nên gọi là chơn. Đây gọi là Bồ Tát biết tướng của Tăng.

Thiệt tướng là : Hoặc thường, vô thường, hoặc lạc, vô lạc, hoặc ngã, vô ngã, hoặc tịnh, vô tịnh, hoặc thiện, bất thiện, hoặc có, hoặc không, hoặc Niết Bàn, hoặc chẳng phải Niết Bàn, hoặc giải thoát, hoặc chẳng phải giải thoát, hoặc tri, hoặc bất tri, hoặc đoạn, hoặc bất đoạn, hoặc chứng, hoặc chẳng chứng, hoặc tu, hoặc chẳng tu, hoặc thấy, hoặc chẳng thấy, đây gọi là thiệt tướng, chẳng phải là Niết Bàn Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, hư không.

Đây gọi là Bồ Tát nhơn tu kinh Đại Niết Bàn này biết tướng sai khác của Niết Bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, thiệt tướng, hư không.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu kinh Đại Niết Bàn chẳng thấy hư không, vì Phật và Bồ Tát dầu có

ngũ nhãn nhưng chẳng thấy, chỉ có huệ nhãn mới thấy được. Chỗ thấy của huệ nhãn là không có pháp thấy được nên gọi là thấy. Nếu là không có vật gọi là hư không, thời hư không ấy gọi là thật, do vì thật thời gọi là thường không, vì thường không nên không có lạc, ngã và tịnh.

Này Thiện nam tử ! Trống không gọi là không có pháp, không có pháp gọi là trống không. Như trong đời chỗ không có vật gọi là trống không, tánh hư không cũng như vậy, vì không chỗ có nên gọi là hư không.

Này Thiện nam tử ! Tánh chúng sanh cùng tánh hư không đều không có thiệt tánh. Như có người nói rằng : Trừ dứt những vật có rồi sau mới là không. Nhưng hư không này thiệt chẳng thể làm ra, vì là không chỗ có, đã không chỗ có nên biết là không có hư không. Tánh hư không này nếu có thể làm ra thời gọi là vô thường, nếu là vô thường thời chẳng gọi là hư không.

Này Thiện nam tử ! Như người đời nói rằng hư không là không sắc chất, không cách ngại, là thường chẳng biến đổi, do đây nên trong đời gọi tánh hư không là đại chủng thứ năm. Nhưng hư không này thiệt ra không có tánh, do ánh sáng nên gọi là hư không, thật ra không có hư không. Như Thế đế thiệt ra không có tánh vì thuận theo chúng sanh mà nói là có Thế đế.

Này Thiện nam tử ! Thể Niết Bàn cũng không có chỗ trụ, chính nơi chư Phật dứt sạch phiền não mà gọi là Niết Bàn. Niết Bàn chính là thường, lạc, ngã tịnh. Niết Bàn dầu là lạc nhưng chẳng phải là thọ lạc, bèn là sự vui tịch diệt vi diệu vô thượng. Chư Phật có hai thứ vui : Một là tịch diệt lạc, hai là giác tri lạc. Thể thiệt tướng có ba thứ vui : Một là thọ lạc, hai là tịnh diệt lạc, ba là giác tri lạc. Phật tánh có một thứ vui, vì sẽ được thấy, lúc chứng Vô thượng Bồ Đề thời gọi là Bồ Đề lạc".

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật : "Bạch Thế Tôn ! Nếu chỗ phiền não dứt là Niết Bàn thời không phải. Vì xưa kia lúc đức Như Lai, mới thành Phật đi đến bờ sông Ni Liên Thiền, Ma Vương cùng quyến thuộc đến chỗ Phật thưa rằng : Thời kỳ Niết Bàn đã đến sao Thế Tôn chẳng nhập ?".

Phật bảo Ma Vương : Nay ta chưa có hàng đa văn đệ tử giới hạnh tinh nghiêm trí huệ thông minh, có thể giáo hóa chúng sanh, nên ta chẳng nhập Niết Bàn.

Nếu nói rằng chỗ phiền não dứt là Niết Bàn, Bồ Tát từ vô lượng kiếp đã dứt phiền não, cớ sao chẳng đặng gọi là Niết Bàn ? Đều đồng dứt, cớ sao gọi riêng chư Phật có Niết Bàn, còn Bồ Tát thời không ? Nếu dứt phiền não chẳng phải là Niết Bàn cớ sao ngày trước đức Như Lai bảo ông Sanh Danh : Chính thân của ta đây là Niết Bàn ?

Lúc Như Lai ở nước Tỳ Xá Ly, Ma Vương lại đến thưa : Thế Tôn ngày trước nói rằng vì chưa có hàng đệ tử đa văn, trì giới, thông minh trí huệ có thể giáo hóa chúng sanh, nên Thế Tôn chẳng nhập Niết Bàn. Nay đã đầy đủ cớ sao Thế Tôn chẳng nhập ? Như Lai bảo Ma Vương : Sau đây ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn ! Giả sử diệt độ chẳng phải nhập Niết Bàn, tại sao đức Như Lai lại hẹn ba tháng sẽ nhập Niết Bàn ?

Bạch Thế Tôn ! Nếu dứt phiền não là Niết Bàn, ngày trước lúc đức Như Lai ngồi nơi đạo tràng Bồ Đề dứt hết phiền não bèn là Niết Bàn, sao lại nói với Ma Vương sau ba tháng sẽ nhập Niết Bàn ?

Bạch Thế Tôn ! Nếu lúc đó là Niết Bàn, tại sao lại tuyên bố đến cuối đêm sẽ nhập Niết Bàn ?

Đức Như Lai là đấng thành thiệt, cớ sao lại nói những lời hư vọng như vậy ?".

Phật bảo Cao Quý Đức Vương Bồ Tát : "Này Thiện nam tử ! Như Lai đã đặng tướng lưỡi rộng dài, phải biết rằng Như Lai từ vô lượng kiếp đã lìa vọng ngữ. Tất cả chư Phật và Bồ Tát phàm có nói ra đều là lời thành thật chắc chắn không hư dối.

Này Thiện nam tử ! Ngày trước Ma Ba Tuần thỉnh Phật nhập Niết Bàn, mà Ma Vương chẳng biết tướng Niết Bàn. Ý Ma Vương cho rằng chẳng giáo

hóa chúng sanh yên lặng bất động đó là Niết Bàn. Ví như người đời thấy có ai chẳng nói chẳng làm, bèn cho rằng người này như chết. Ý Ma Vương cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như Lai chẳng nói Phật, Pháp và chúng Tăng không có tướng sai khác. Chỉ nói thường trụ và thanh tịnh hai pháp này không sai khác. Phật cũng chẳng nói Phật cùng Phật tánh và Niết Bàn không có tướng sai khác, chỉ nói thường hằng bất biến là không sai khác. Phật cũng chẳng nói Niết Bàn và thiệt tướng không có tướng sai khác, chỉ nói thường trụ và thật chẳng biến đổi không có sai khác.

Này Thiện nam tử ! Có lúc hàng Thanh Văn đệ tử của ta sanh sự tránh tụng, như các Tỳ Kheo ở nước Câu Viêm Di trái lời dạy của Phật phạm nhiều cấm giới, chẳng kính trọng Phật, Pháp, Tăng, giới luật hòa thượng. Những Tỳ Kheo ác này chẳng tin lời dạy của Phật. Vì những người này mà ta bảo ma Ba tuần ông chớ lo rằng chậm. Sau ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Nhơn vì các Tỳ Kheo ác này, khiến hàng Thanh Văn chẳng thấy thân của ta, chẳng nghe ta thuyết pháp, bèn cho rằng Như Lai nhập Niết Bàn. Chỉ hàng Bồ Tát thấy được thân ta, thường nghe ta thuyết pháp, nên chẳng cho rằng Phật nhập Niết Bàn.

Dầu hàng Thanh Văn nói rằng Như Lai nhập Niết Bàn, nhưng thật ra ta chẳng nhập Niết Bàn.

Nếu Thanh Văn đệ tử của ta nói rằng Như Lai nhập Niết Bàn, phải biết người này chẳng phải đệ tử của Phật, là bè đảng của ma, là người tà kiến chẳng phải chánh kiến. Nếu nói Như Lai chẳng nhập Niết Bàn, phải biết người này thiệt là đệ tử Phật, là người chánh kiến chẳng phải bè đảng của ma.

Này Thiện nam tử ! Ta chẳng thấy trong hàng đệ tử có người nào cho rằng Như Lai chẳng giáo hóa chúng sanh yên lặng bất động gọi là Niết Bàn.

Ví như Trưởng giả có đông con cái, đi đến xứ khác chưa trở về. Những người con đều cho rằng cha mình đã chết. Nhưng Trưởng giả này thiệt chẳng chết, mà những người con điên đảo tưởng rằng chết. Cũng vậy, hàng Thanh Văn đệ tử vì chẳng thấy Phật, bèn cho rằng Như Lai đã nhập Niết Bàn trong rừng Ta La nơi thành Câu Thi Na, nhưng thiệt ra ta chẳng nhập Niết Bàn, mà hàng Thanh Văn tưởng là nhập Niết Bàn.

Ví như ngọn đèn sáng, có người che kín đó, những kẻ không biết cho rằng đèn đã tắt, nhưng đèn sáng này thiệt chẳng tắt, vì không biết nên cho là tắt. Cũng vậy hàng Thanh Văn đệ tử dầu có huệ nhãn nhưng bị phiền não che đậy làm cho tâm điên đảo chẳng thấy được thân chơn thật của

Phật, bèn tưởng là Phật diệt độ, nhưng thiệt ra ta chẳng diệt độ.

Như người sanh manh chẳng thấy mặt trời mặt trăng, chẳng biết ngày đêm sáng tối, vì chẳng biết bèn nói rằng không có mặt trời mặt trăng thiệt, do vì không thấy nên sanh tưởng điên đảo. Cũng vậy hàng Thanh Văn đệ tử, vì chẳng thấy Như Lai bèn cho rằng Phật nhập Niết Bàn. Nhưng thật ra Như Lai chẳng nhập Niết Bàn.

Ví như mây mù che khuất mặt trời, mặt trăng, kẻ ngu si cho rằng không có mặt trời, mặt trăng. Cũng vậy, vì các phiền não che đôi mắt trí huệ nên hàng Thanh Văn chẳng thấy Như Lai bèn cho rằng Như Lai nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Đây là đức Như Lai thị hiện Anh Nhi Hạnh chớ chẳng phải diệt độ.

Này Thiện nam tử ! Như lúc mặt trời lặn, vì Hắc Sơn che khuất mặt trời, nên chúng sanh Diêm Phù Đề chẳng thấy, nhưng thật ra mặt trời không có lặn, vì không thấy nên chúng sanh tưởng là lặn. Cũng vậy, hàng Thanh Văn đệ tử bị phiền não che ngăn chẳng thấy thân Phật, vì chẳng thấy nên cho rằng Như Lai nhập Niết Bàn, nhưng thiệt ra Phật chẳng nhập Niết Bàn.

Do đây nên Phật ở nước Tỳ Da Ly bảo ma Ba Tuần : Sau ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Như Lai thấy trước rằng Ca Diếp Bồ Tát sau ba tháng căn lành sẽ thành thục, cũng thấy núi Hương Sơn ông Tu Bạt Đà La an cư xong sẽ đến chỗ ta, nên ta bảo ma Ba Tuần sau ba tháng sẽ nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Có năm trăm lực sĩ mãn ba tháng cũng sẽ phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, vì họ nên ta bảo ma Ba Tuần sau ba tháng Phật sẽ nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Bọn ông Thuần Đà năm trăm Lê Xa tử, và Am La nữ sau ba tháng thời đạo tâm Vô thượng sẽ thành thục, vì những người này nên ta bảo ma Ba Tuần sau ba tháng Như Lai sẽ nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Ông Tu Na Sát Đa theo hàng ngoại đạo Ni Kiền Tử, ta vì ông thuyết pháp trọn mười hai năm, ông chẳng tin chẳng thọ, chẳng bỏ tà kiến, ta biết ác tâm tà kiến của ông sau ba tháng quyết định có thể dứt trừ, nên ta bảo ma Ba Tuần sau ba tháng Phật sẽ nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Do nhơn duyên gì mà ngày trước ở bên sông Ni Liên, ta bảo ma Ba Tuần vì chưa có hàng đệ tử đa văn trí huệ nên Phật chẳng nhập Niết Bàn ?

Lúc đó ta muốn Chuyển pháp luân độ các ông Kiều Trần Như v.v..., cũng muốn độ các ông Da Xá,

muốn độ bọn ông Úc Dà trưởng giả, muốn độ Vua Tần Bà Ta La nước Ma Dà Đà cùng vô lượng nhơn Thiên, muốn độ thầy trò Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Dà Da Ca Diếp, cũng muốn độ các ông Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên v.v... Vì thế nên ta bảo ma Ba Tuần : Như Lai chẳng nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Có Niết Bàn chẳng phải Đại Niết Bàn. Chẳng thấy Phật tánh mà dứt phiền não thời gọi là Niết Bàn chẳng phải Đại Niết Bàn. Bởi chẳng thấy Phật tánh nên không có thường, ngã, chỉ có lạc và tịnh, do đây nên dầu dứt phiền não mà chẳng được gọi là Đại Niết Bàn. Nếu thấy Phật tánh dứt phiền não thời gọi là Đại Niết Bàn, vì thấy Phật tánh nên được gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Này Thiện nam tử ! "Niết" nghĩa là chẳng; "Bàn" nghĩa là dệt, nghĩa chẳng dệt gọi là Niết Bàn. "Bàn" lại có nghĩa là che, chẳng bị che bèn gọi là Niết Bàn. Bàn lại có nghĩa là đi đến, chẳng đi chẳng đến gọi là Niết Bàn. Bàn lại có nghĩa là bất định, không bất định gọi là Niết Bàn. "Bàn" lại có nghĩa là mới cũ, không mới cũ gọi là Niết Bàn. "Bàn" lại có nghĩa là chướng ngại, không chướng ngại gọi là Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Có hàng đệ tử của phái Ưu Lâu Khư, phái Ca Tỳ La nói "Bàn" là danh tướng, không danh tướng gọi là Niết Bàn. "Bàn" lại có nghĩa là có; không có thời gọi là Niết Bàn, "Bàn" lại có nghĩa là hòa hiệp; không hòa hiệp gọi là Niết

Bàn. "Bàn" lại có nghĩa là khổ không khổ gọi là Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Người dứt phiền não chẳng gọi là tu Niết Bàn, chẳng sanh phiền não thời gọi là Niết Bàn. Chư Phật Như Lai vĩnh viễn chẳng khởi phiền não nên gọi là Niết Bàn. Có trí huệ ở nơi tất cả pháp không có chướng ngại thời gọi là Như Lai. Như Lai chẳng phải phàm phu, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Đây gọi là Phật tánh.

Thân tâm trí huệ của Như Lai khắp đầy vô lượng vô biên, vô số cõi, không bị chướng ngại, đây gọi là hư không.

Như Lai thường trụ không có biến đổi, đây gọi là thật tướng.

Do nghĩa này nên Như Lai thiệt chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn.

Đây gọi là Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ bảy.

Thế nào là đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ tám ?

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn : Trừ dứt năm việc, xa lìa năm việc, thành tựu sáu việc, tu tập năm việc, giữ gìn một việc, gần gũi bốn việc, tin thuận nhứt thật, tâm thiện giải thoát, huệ thiện giải thoát.

Trừ dứt năm việc, chính là trừ năm ấm : sắc, thọ, tưởng, hành, thức; năm thứ này hay làm chúng sanh sống chết nối mãi, chẳng rời gánh nặng chia lìa tụ họp, buộc ràng trong ba đời, không thể cầu tìm cho ra nghĩa lý; do những lẽ này nên gọi là "ẤM".

Đại Bồ Tát dầu thấy sắc ấm, nhưng chẳng thấy tướng của nó, vì trong mười món sắc suy tìm tánh của nó trọn không thể được, vì thuận theo thế tục mà gọi là "ẤM".

Có một trăm lẻ tám thứ thọ, Bồ Tát dầu thấy thọ ấm, nhưng vẫn không thấy tướng của thọ. Vì thọ dầu có một trăm lẻ tám, nhưng tất cả không có nghĩa lý quyết định thật.

Như sắc và thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Vì thấy rõ năm ấm là cội gốc sanh ra phiền não, nên Đại Bồ Tát dùng phương tiện làm cho dứt.

Đại Bồ Tát xa lìa năm việc, chính là xa lìa năm kiến chấp : thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới thủ. Do năm kiến chấp này sanh ra sáu mươi hai thứ kiến chấp. Vì những kiến chấp này mà sanh tử nối mãi chẳng dứt, nên Bồ Tát ngăn ngừa không gần gũi.

Đại Bồ Tát thành tựu sáu việc, chính là thành tựu sáu chánh niệm : niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Thiên, niệm Thí, niệm Giới.

Đại Bồ Tát tu tập năm việc, chính là tu tập năm định : tri định, tịch định, thân tâm thọ khoái lạc định, vô lạc định, Thủ Lăng Nghiêm định. Tu tập năm thứ định tâm này thời gần với Đại Niết Bàn, vì thế nên Bồ Tát chuyên cần tu tập.

Bồ Tát giữ gìn một việc, chính là giữ gìn tâm Bồ Đề. Đại Bồ Tát luôn siêng năng gìn giữ tâm Bồ Đề, như người đời săn sóc đứa con một, như người chột mắt giữ gìn một mắt còn lại, như đi giữa rừng hoang vắng giữ gìn người dẫn đường. Do gìn giữ tâm Bồ Đề mà được Vô Thượng Bồ Đề, do được Vô Thượng Bồ Đề nên có đủ thường, lạc, ngã và tịnh, chính là Đại Niết Bàn, do đây nên Bồ Tát gìn giữ một tâm Bồ Đề này.

Bồ Tát gần gũi bốn việc, chính là gần bốn tâm vô lượng: đại từ, đại bi, đại hỉ, đại xả. Do bốn tâm này có thể làm cho vô lượng chúng sanh phát tâm Bồ Đề, nên Bồ Tát luôn gần gũi.

Bồ Tát tin thuận nhứt thật, chính là rõ biết tất cả chúng sanh đều về nơi đạo duy nhứt, đạo duy nhứt này là Đại thừa. Nơi Đại thừa này, chư Phật và Bồ Tát chia ra làm ba thừa để dụ dẫn chúng sanh.

Bồ Tát tâm thiện giải thoát chính là đã dứt hẳn tham, sân, si.

Bồ Tát huệ thiện giải thoát, chính là Đại Bồ Tát rõ biết tất cả pháp không chướng ngại. Do huệ giải

thoát nên những pháp từ xưa chưa nghe mà nay được nghe, từ xưa chưa thấy mà nay được thấy, từ xưa chưa đến mà nay được đến".

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như lời Phật nói : "Tâm giải thoát", xét ra không đúng nghĩa. Vì tâm vốn không hệ phược. Bổn tánh của tâm không bị tham, sân, si, hệ phược. Đã là vốn không hệ phược, sao lại nói là giải thoát ?

Thế Tôn ! Nếu bổn tánh của tâm chẳng bị tham kiết hệ phược, do nhơn duyên gì mà có thể hệ phược được tâm ? Ví như vắt sừng, vì vốn không sữa nên dầu tốn nhiều công lực vẫn không do đâu có sữa chảy ra. Nếu vắt vú bò, tốn công ít mà được nhiều sữa. Cũng vậy, tâm vốn không tham, sao nay lại có. Nếu trước vốn không mà sau mới có, thời chư Phật và Bồ Tát vốn không tham, nay đáng lẽ đều có.

Thế Tôn ! Như thạch nữ vốn không con, dầu tốn nhiều công lực, nhiều nhơn duyên vẫn không thể có con. Cũng vậy, tâm vốn không tham, dầu gây tạo nhiều duyên, cũng không do đâu sanh được tham.

Thế Tôn ! Như dùi cây ướt không thể được lửa. Cũng vậy, dầu dùi tìm nơi tâm vẫn không thể có tham. Tại sao tham kiết hệ phược được tâm ?

Thế Tôn ! Ví như ép cát không thể có dầu. Cũng vậy, dầu ép nơi tâm vẫn không có tham. Phải biết rằng tham cùng tâm, lý nghĩa của hai thứ riêng

khác nhau. Thiết sử có tham, đâu nhiễm ô được tâm.

Thế Tôn ! Ví như đem nọc cắm giữa hư không trọn không thể đứng cứng được. Cũng vậy, đem tham cắm vào tâm, trọn không thể hệ phược được tâm, dầu dùng nhiều nhơn duyên.

Thế Tôn ! Nếu tâm vốn không tham mà lại gọi là giải thoát, thời chư Phật và Bồ Tát sao chẳng nhổ gai trong hư không ?

Thế Tôn ! Tâm quá khứ không gọi là giải thoát. Tâm vị lai cũng không giải thoát; Tâm hiện tại chẳng cùng chung với đạo; thế thời Tâm nào gọi là được giải thoát ?

Thế Tôn ! Như ngọn đèn quá khứ không thể diệt tối; ngọn đèn vị lai cũng không thể diệt tối; ngọn đèn hiện tại lại không thể diệt tối; vì sáng cùng tối, hai thứ ấy không đồng thời có. Tâm cũng như vậy, sao lại nói rằng tâm được giải thoát ?

Thế Tôn ! Tham cũng là có. Nếu tham là không, thời lúc thấy người nữ lẽ ra chẳng sanh tham. Nếu do người nữ mà sanh tham, thời tham là có thật. Vì có tham nên đọa ba đường ác.

Thế Tôn ! Như có kẻ thấy tượng vẽ người nữ cũng sanh tham, vì sanh tham nên thành có nhiều tội lỗi. Nếu vốn không tham, tại sao thấy tướng vẽ lại sanh tham ? Nếu tâm không tham, tại sao Như Lai nói Bồ Tát tâm được giải thoát ? Nếu tâm có

tham, sao lại phải chờ thấy người nữ rồi sau mới sanh. Người không thấy thời không sanh ? Hiện tại tôi thấy có quả báo ác do tham gây ra, nên biết tham là có sân và si cũng như vậy.

Thế Tôn ! Như chúng sanh có thân không ngã, mà phàm phu chấp có ngã; dầu chấp có ngã nhưng không vì thế mà đọa ba ác đọa. Tại sao người tham đối với không tướng nữ sanh tưởng là nữ mà phải đọa ba ác đạo ?

Thế Tôn ! Ví như dùi cây sanh lửa, nhưng tánh lửa này trong các duyên đều không có, cớ gì mà được sanh ra lửa ?

Thế Tôn ! Cũng vậy, trong sắc không có tham, trong thinh, hương, vị, xúc, pháp cũng đều không có tham, tại sao nơi sắc v.v... lại sanh ra tham ? Nếu trong các duyên đều không có tham, tại sao riêng chúng sanh có tham, mà chư Phật và Bồ Tát không sanh tham ?

Thế Tôn ! Tâm cũng là bất định. Nếu tâm là nhứt định thời không có tham, sân, si. Nếu tâm đã là bất định, sao lại nói rằng tâm được giải thoát ? Tham cũng là bất định, nếu đã là bất định, tại sao lại nhơn nơi tham mà sanh ra ba ác đạo ? Kẻ tham cùng cảnh giới, cả hai đều bất định. Vì đồng chung duyên một cảnh sắc, hoặc sanh tham, hoặc sanh sân, hoặc sanh si. Nếu cả hai đều bất định, tại sao đức Như Lai nói

rằng Bồ Tát tu Đại Niết Bàn thời tâm được giải thoát ?".

(*) Phật bảo Cao Quý Đức Vương Bồ Tát : "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Tâm cũng chẳng bị tham kiết hệ phược, cũng chẳng phải chẳng bị hệ phược; chẳng phải giải thoát, cũng chẳng phải chẳng giải thoát; chẳng phải có; chẳng phải không; chẳng phải hiện tại, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai.

Vì tất cả pháp đều không tự tánh.

Này Thiện nam tử ! Có các nhà ngoại đạo cho rằng : Nhơn duyên hòa hiệp thời có quả sanh ra.

Nếu trong các duyên vốn không tánh sanh mà có thể sanh ra, thời hư không vốn chẳng sanh lẽ ra cũng sanh được quả. Nhưng hư không vẫn chẳng sanh vì chẳng phải là nhơn.

Do vì trong các duyên vốn có tánh của quả, nên hòa hiệp thời sanh được quả.

Như người đời khi muốn xây vách thời dùng bùn đất khô dùng cọ màu, lúc muốn vẽ vời thời dùng cọ màu mà chẳng dùng cỏ cây, may áo thời dùng kim chỉ mà chẳng dùng cây bùn, cất nhà thời dùng bùn cây mà chẳng dùng kim chỉ. Người dùng đến vật đó là vì nó có thể sanh ra quả, vì sanh được quả nên biết trong các nhơn tất đã có tánh.

(*) Hán bộ quyển thứ 26

Nếu là không tánh, thời trong một vật lẽ ra phải xuất sanh tất cả vật.

Nếu là đáng lấy, đáng làm, đáng đem ra, nên biết rằng trong đó tất cả trước có tánh của quả. Nếu là không có tánh của quả thời người chẳng lấy, chẳng làm, chẳng đem ra. Chỉ có hư không là chẳng lấy, chẳng làm nên có thể xuất sanh tất cả muôn vật, do vì có nhơn.

Như hột Ni Câu Đà mọc lên cây Ni Câu Đà; trong sữa có tánh chất đề hồ; trong sợi chỉ có tánh của vải; trong đất sét có tánh của cái bình.

Này Thiện nam tử ! Tất cả phàm phu bị vô minh làm mù lòa nên bày ra định thuyết : Sắc có nghĩa tham luyến, tâm có tánh tham. Họ lại cho rằng : Tâm phàm phu có tánh tham, cũng có tánh giải thoát gặp duyên tham thời tâm sanh tham, nếu gặp được duyên giải thoát thời tâm giải thoát.

Những thuyết này đều không đúng nghĩa.

Có hạng phàm phu lại cho rằng : Trong tất cả nhơn đều không có quả; nhơn có hai thứ : vi tế và thô đại; tế thời là thường, thô thời vô thường. Từ nhơn vi tế chuyển thành nhơn thô, từ nhơn thô này lại chuyển thành quả. Vì nhơn thô vô thường nên quả cũng vô thường.

Có hạng phàm phu lại cho rằng : Tâm không có nhơn, tham cũng không có nhơn, do thời tiết thời sanh tâm tham.

Vì không biết được tâm nhơn duyên, nên những hạng này luân hồi trong sáu đường, chịu đủ mọi sự sanh tử.

Ví như con chó bị xiềng, trọn ngày đi quanh cột không thể thoát lìa. Cũng vậy, tất cả phàm phu bị xiềng vô minh cột vào cột sanh tử, cứ vòng quanh mãi ở hai mươi lăm cõi không thoát ly được.

Ví như có kẻ sa vào hầm xí, đã được ra khỏi rồi lại té vào hầm. Như người bịnh được lành trở lại làm nhơn cho bịnh. Như người đi đường xa gặp phải chỗ hoang vắng, đã đi qua được rồi trở lại nữa. Như đã tắm rửa sạch sẽ trở lại lấy bùn đất trét vào. Cũng vậy, tất cả phàm phu đã được thoát khỏi cõi Vô Sở Hữu, chỉ chưa thoát khỏi cõi Phi Phi Tưởng, trở lại sa vào đến ba ác đạo. Vì tất cả phàm phu chỉ biết quán sát nơi quả, mà chẳng suy gẫm nhơn duyên.

Như con chó đuổi theo cục đất chẳng chạy theo người. Cũng vậy, hạng phàm phu chỉ nhìn nơi quả mà chẳng nhìn nơi nhơn duyên. Do chẳng thấy biết nhơn duyên nên từ cõi Phi Phi Tưởng sa đến ba ác đạo.

Này Thiện nam tử ! Chư Phật và Bồ Tát trọn không bảo nhứt định rằng : Trong nhơn có quả, trong nhơn không quả, trong nhơn cũng có cũng không quả, trong nhơn chẳng phải có chẳng phải không quả.

Nếu có kẻ nào cho rằng trong nhơn quyết định có quả, không quả, cũng có cũng không quả, chẳng phải có chỗ phải không quả, nên biết rằng đây là bè lũ của ma, là thuộc về loài ma, là người tham ái, chẳng thể dứt hẳn sự hệ phược của sanh tử, người này chẳng rõ biết tâm tướng và tham tướng.

Này Thiện nam tử ! Chư Phật và Bồ Tát hiển bày lý trung đạo : Dầu nói các pháp là chẳng phải có, chẳng phải không, nhưng chẳng quyết định. Vì nhơn nơi nhãn, sắc, minh, tâm và niệm mà có thức sanh ra. Thức này quyết định chẳng ở trong nhãn, chẳng ở trong sắc, chẳng ở trong minh, chẳng ở trong tâm, chẳng ở trong niệm, cũng chẳng ở chặng giữa, chẳng phải có chẳng phải không. Vì từ các duyên sanh ra nên gọi là có. Vì không tự tánh nên gọi là không. Do đây nên Như Lai nói các pháp là chẳng phải có chẳng phải không.

Này Thiện nam tử ! Chư Phật và Bồ Tát trọn không quyết định nói tâm có tánh thanh tịnh và tánh chẳng thanh tịnh, tánh tịnh cùng bất tịnh, vì tâm vốn vô trụ.

Do từ nơi duyên sanh ra tham nên nói là chẳng phải không, lại vốn vì không có tánh tham nên nói là chẳng phải có.

Này Thiện nam tử ! Do từ nơi nhơn duyên mà tâm sanh ra tham, do từ nơi nhơn duyên mà tâm

được giải thoát. Nhơn duyên có hai thứ : Một là theo sanh tử, hai là theo Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Vì có nhơn duyên mà tâm cùng giới tham sanh ra, chung với tham cùng diệt, có nhơn duyên tâm cùng với tham sanh mà chẳng chung với tham cùng diệt. Có nhơn duyên tâm chẳng cùng với tham sanh mà chung với tham cùng diệt. Có nhơn duyên tâm chẳng cùng với tham sanh cũng chẳng cùng với tham diệt.

Này Thiện nam tử ! Có hạng phàm phu chưa dứt tâm tham, huân tập tâm tham, những kẻ này, tâm của họ chung với tham cùng sanh cùng diệt.

Như chúng sanh cõi Dục, tất cả đều có khí vị Sơ thiền, hoặc tu hay chẳng tu, gặp nhơn duyên thời bèn được; nơi đây nói nhơn duyên chính là chỉ cho hỏa tai. Cũng vậy, tất cả phàm phu hoặc huân tập hay không huân tập, tâm của họ chung với tham cùng sanh, chung với tham cùng diệt, vì họ chẳng dứt tham vậy.

Hàng Thanh Văn vì có nhơn duyên nên sanh tâm tham, vì sợ tâm tham nên tu tập quán bạch cốt, đây gọi là tâm cùng tham sanh mà chẳng cùng tham diệt. Lại hàng Thanh Văn chưa chứng quả A La Hán vì có nhơn duyên nên sanh tâm tham, lúc đã chứng A La Hán thời tham liền diệt, đây cũng gọi là tâm cùng tham sanh mà chẳng chung với

tham cùng diệt. Đại Bồ Tát lúc chứng bực Bất Động cũng như vậy.

Thế nào là tâm chẳng cùng tham sanh mà chung với tham cùng diệt ?

Đại Bồ Tát đã dứt tâm tham, vì độ chúng sanh mà thị hiện có tham, vì thị hiện nên có thể làm cho vô lượng chúng sanh học tập thành tựu pháp lành. Đây gọi là tâm chẳng cùng tham sanh mà với tham cùng diệt.

A La Hán, Duyên Giác, chư Phật, chư Bồ Tát, trừ Bất Động Địa, gọi là tâm chẳng chung với tham cùng sanh cùng diệt.

Do những nghĩa trên đây, nên chư Phật và Bồ Tát chẳng quyết định nói tâm tánh vốn thanh tịnh, tâm tánh vốn không thanh tịnh.

Này Thiện nam tử ! Tâm này chẳng cùng với tham hòa hiệp, cũng chẳng cùng với sân, si hòa hiệp.

Như mặt trời, mặt trăng dầu bị khói, bụi, mây mù và La Hầu A Tu La che chướng, làm cho chúng sanh không thấy, nhưng tánh mặt trời, mặt trăng trọn chẳng cùng hòa hiệp với năm thứ ấy.

Cũng vậy, dầu do nhơn duyên mà tâm sanh tham, nhưng thật ra tâm tánh chẳng cùng tham hòa hiệp.

Nếu là tâm tham thời chính là tánh tham. Nếu là tâm chẳng tham thời chính là tánh chẳng tham.

Tâm chẳng tham không thể làm tham. Tâm tham không thể chẳng tham.

Do nghĩa trên đây nên kiết sử tham dục không thể làm nhiễm ô được tâm.

Chư Phật và Bồ Tát đã phá hẳn tham kiết, nên gọi là tâm được giải thoát.

Tất cả chúng sanh vì do nhơn duyên mà sanh tham kiết, vì do nhơn duyên mà được giải thoát.

Này Thiện nam tử ! Như núi Tuyết, chỗ cao vót, người cùng khỉ vượn đều không đi được, hoặc có chỗ vượn đi được mà người không đi được, hoặc có chỗ vượn cùng người đều đi được.

Chỗ mà người cùng vượn đều đi được đó, như thợ săn dùng keo nhựa bày trên bàn để bắt vượn. Vì ngu si, vượn đến lấy tay rờ bốc, tay dính vào nhựa. Muốn gỡ tay vượn dùng chân đạp lại dính luôn chân. Muốn gỡ chân vượn dùng miệng cạp, lại dính cả miệng. Hai tay, hai chân cùng miệng của vượn đều dính khắn vào nhựa không thể thoát được. Bấy giờ thợ lấy gậy xỏ vượn mang về nhà.

Chỗ cao vót của núi Tuyết dùng dụ cho chánh đạo của Phật và Bồ Tát chứng. Khỉ vượn dụ cho phàm phu. Thợ săn dụ cho ma Ba Tuần. Keo nhựa dụ cho tham dục.

Người cùng khỉ vượn đều không thể đi là dụ cho phàm phu và ma vương Ba Tuần đều không thể đi đến.

Khỉ vượn đi được mà người thời không, dụ hàng ngoại đạo, có trí huệ, các ác ma dầu có dùng ngũ dục cũng không hệ phược được họ.

Người cùng khỉ vượn đều đi được là dụ cho tất cả phàm phu cùng ma Ba Tuần luôn ở trong sanh tử không thể tu hành. Hàng phàm phu bị ngũ dục hệ phược nên ma Ba Tuần tha hồ mang đi. Như thợ săn kia bắt khỉ vượn mang về nhà.

Này Thiện nam tử ! Như Quốc Vương ở trong nước mình thời thân tâm an lạc, nếu qua đến nước khác thời tất phải gặp nhiều sự khổ não. Cũng vậy, tất cả chúng sanh nếu có tự trụ nơi cảnh giới của mình thời được an lạc, nếu đến cảnh giới khác tất gặp ác ma bị những khổ não.

Tự cảnh giới là chỉ tứ niệm xứ. Cảnh giới khác là nói ngũ dục.

Thế nào gọi là hệ thuộc nơi ma ? Có những chúng sanh nơi vô thường thấy là thường, nơi thường lại thấy là vô thường; nơi khổ thấy là lạc, nơi lạc lại thấy là khổ; nơi bất tịnh thấy là tịnh, nơi tịnh lại thấy là bất tịnh; nơi vô ngã thấy là ngã, nơi ngã lại thấy là vô ngã. Nơi chẳng phải giải thoát thấy là giải thoát, nơi thiệt giải thoát lại thấy là chẳng giải thoát. Nơi chẳng phải thừa thấy là thừa, nơi thừa lại thấy là chẳng phải thừa. Những hạng này gọi là kẻ hệ thuộc nơi ma. Phàm kẻ hệ thuộc nơi ma thời tâm họ không thanh tịnh.

Này Thiện nam tử ! Nếu thấy các pháp thiệt có tướng nhứt định là tổng là biệt, nên biết rằng người này lúc thấy sắc liền chấp tướng sắc, nhẫn đến lúc thấy thức cũng chấp tướng thức. Lúc thấy nam, nữ, nhựt, nguyệt, ấm, nhập, giới v.v... liền chấp tướng nam, tướng nữ nhẫn đến tướng nhập, tướng giới. Kẻ có kiến chấp này gọi là hệ thuộc nơi MA. Kẻ hệ thuộc nơi ma thời tâm họ không thanh tịnh.

Này Thiện nam tử ! Nếu thấy ngã là sắc, trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, sắc thuộc nơi ngã; nhẫn đến thấy ngã là thức, trong thức có ngã, trong ngã có thức, thức thuộc nơi ngã. Kiến chấp này hệ thuộc nơi ma, người này không phải đệ tử Phật.

Này Thiện nam tử ! Hàng Thanh Văn đệ tử của ta xa lìa mười hai bộ kinh của Như Lai, mà tu tập theo sách vở của những ngoại đạo, chẳng tu công hạnh tịch diệt xuất gia, thuần kinh doanh sự vụ tại gia thế tục. Những gì là sự vụ tại gia thế tục ? Nhận chứa tất cả vật bất tịnh, tôi tớ, ruộng, nhà, voi, ngựa, xe cộ, đà, lừa, gà, chó, khỉ, vượn, heo, dê, các thứ lúa bắp; xa lìa Sư trưởng, chúng Tăng, gần gũi cư sĩ bạch y, trái phản Thánh giáo. Bảo hàng bạch y rằng : Đức Phật cho phép Tỳ Kheo nhận chứa những vật bất tịnh. Đây gọi là sự vụ tại gia.

Có các đệ tử chẳng vì Niết Bàn, chỉ vì lợi dưỡng mà nghe thọ mười hai bộ kinh, ăn dùng của thường trụ như của riêng mình, tham tiếc nhà người cùng

danh tiếng, gần gũi Quốc Vương và các Vương Tử, bói xủ lành dữ, suy tính đầy vơi, bài bạc, thân thiện Tỳ Kheo Ni cùng các xử nữ, chứa hai hạng Sa Di, thường đến nhà hàng thịt, thợ săn, quán rượu, và chỗ ở của Chiên đà la, buôn bán các loại, tự tay làm đồ ăn, nhận đi xứ lân quốc, lãnh lịnh đi thơ. Nên biết rằng người như trên đây là quyến thuộc của ma, không phải đệ tử Phật. Do nhơn duyên này mà tâm cùng tham chung sanh, chung diệt. Sân và si cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Do đây nên tâm tánh chẳng phải tịnh, cũng chẳng phải bất tịnh. Vì thế nên ta nói rằng tâm được giải thoát.

Nếu có người không nhận, không chứa tất cả vật bất tịnh, vì Đại Niết Bàn mà thọ trì, đọc tụng mười hai bộ kinh, biên chép, giải thuyết. Nên biết rằng người này thật là đệ tử Phật. Người này không đi nơi cảnh giới của ác ma Ba Tuần. Người này chính là tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Vì tu tập nên chẳng cùng tham mà sanh, cũng chẳng cùng với tham mà diệt.

Đây gọi là đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ tám.

Thế nào là thành tựu đầy đủ phần công đức thứ chín ?

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu tập kinh Đại Niết Bàn, đầu tiên phát năm điều thời được thành

tựu phần công đức này : Một là tín tâm; hai là trực tâm; ba là giới; bốn là gần gũi bạn lành; năm là học rộng nghe nhiều.

Thế nào là tín tâm ?

Bồ Tát tin nơi TAM BẢO, bố thí cúng dường thời có quả báo. Tin nơi hai đế lý, đạo nhứt thừa không có nẻo nào khác, vì muốn chúng sanh mau được giải thoát mà chư Phật và Bồ Tát phân biệt làm ba thừa. Tin đế lý đệ nhứt nghĩa. Tin thiện phương tiện : Đây gọi là tin.

Người có lòng tin như trên đây, không ai phá hoại được. Do đức tin này mà được tánh Thánh nhơn. Người này tu hành bố thí không luận ít nhiều đều được gần nơi Đại Niết Bàn, chẳng đọa nơi sanh tử. Như bố thí, trì giới, đa văn và trí huệ cũng vậy. Dầu có tín tâm này nhưng cũng chẳng chấp. Đây là Bồ Tát tu Đại Niết Bàn thành tựu điều ban đầu.

Thế nào là trực tâm ?

Đại Bồ Tát đối với chúng sanh, có lòng chất trực.

Tất cả chúng sanh nếu gặp nhơn duyên thời móng lòng dua vạy. Bồ Tát thời không như vậy, vì hiểu rõ các pháp đều là nhơn duyên. Bồ Tát dầu thấy chúng sanh có những lỗi lầm, mà trọn không nói đến, vì sợ sanh phiền não, nếu sanh phiền não thời phải đọa ác thú.

Bồ Tát này nếu thấy chúng sanh có chút ít điều lành liền tán thán đó. Gì là lành ? Chính là Phật tánh. Do Bồ Tát tán thán Phật tánh nên chúng sanh phát tâm Bồ Đề".

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Như đức Phật vừa nói : Bồ Tát tán thán Phật tánh làm cho chúng sanh phát tâm Bồ Đề. Lời đây không đúng nghĩa. Vì đức Như Lai lúc mới khai kinh Niết Bàn nói có ba hạng : Một là nếu có người bịnh gặp được thầy giỏi thuốc hay, người khán bịnh khéo thời được lành mạnh, nếu không được như trên thời bịnh không lành; hai là được gặp hay không được gặp đều không được lành; ba là được gặp hay không được gặp bịnh đều lành.

Tất cả chúng sanh cũng có ba hạng như vậy : Một là hạng gặp bạn lành, gặp Phật, Bồ Tát, nghe nói diệu pháp thời được phát tâm Bồ Đề, nếu không gặp thời không phát, đây là chỉ cho các bực Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán và Bích Chi Phật.

Hai là hạng dầu được gặp bạn lành, gặp Phật, Bồ Tát, được nghe diệu pháp cũng chẳng phát tâm Bồ Đề, đây là nói hạng nhứt xiển đề.

Ba là hạng hoặc gặp hay chẳng gặp, tất cả đều có thể phát tâm Bồ Đề, đây là nói Bồ Tát.

Nếu đã nói rằng gặp cùng chẳng gặp tất cả đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, giờ đây tại sao đức

Như Lai lại nói : Do tán thán Phật tánh làm cho chúng sanh phát tâm Vô Thượng Bồ Đề ?

Thế Tôn ! Nếu nói rằng gặp cùng chẳng gặp đều không thể phát tâm Bồ Đề cả, lời này cũng không đúng nghĩa, vì hạng này sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Hạng nhứt xiển đề do vì có Phật tánh, nên hoặc được gặp hay không được gặp, cũng đều sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Thế Tôn ! Như đức Phật định nghĩa nhứt xiển đề là dứt thiện căn, cũng không đúng. Vì hạng này không dứt Phật tánh. Cứ lý thời Phật tánh không thể dứt, sao đức Phật nói là dứt thiện căn ?

Như trong mười hai bộ kinh của Phật nói ngày trước, có hai thứ thiện căn : thường và vô thường. Thiện căn thường thời không dứt, còn vô thường thời dứt.

Thiện căn vô thường có thể dứt nên đọa Địa ngục. Còn thường chẳng thể dứt, cớ sao đức Phật chẳng có lời ngăn ?

Chẳng dứt Phật tánh chẳng phải nhứt xiển đề, cớ sao đức Phật lại nói là nhứt xiển đề ?

Thế Tôn ! Nếu nhơn Phật tánh mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, cớ sao đức Như Lai lại vì chúng sanh nói rộng mười hai bộ kinh ?

Thế Tôn ! Như bốn con sông lớn từ ao A Na Bà Đạp Đa chảy ra, nếu có trời, người, cùng chư

Phật cũng không thể bảo rằng nước sông lớn này không chảy vào biển cả sẽ trở lại nguồn.

Cũng vậy, người có Phật tánh, không luận nghe pháp hay không nghe, có giới hay không giới, có bố thí hay không bố thí, có tu hay không tu, có trí hay không trí, tất cả lẽ ra đều được Vô Thượng Bồ Đề.

Thế Tôn ! Như từ núi A Đà Diên, mặt trời mọc lên đến hướng chánh Nam, không bao giờ mặt trời có thể nghĩ rằng ta không đến hướng Tây, ta trở lại phương Đông. Cũng vậy, đã có Phật tánh không có lẽ chẳng được Vô Thượng Bồ Đề mặc dù không nghe pháp, không trì giới, không bố thí, không tu, không trí huệ.

Thế Tôn ! Như Lai nói tánh nhơn quả là chẳng phải có chẳng phải không. Nghĩa này cũng chẳng đúng.

Vì như trong sữa có tánh của chất lạc, thời tất không có lạc. Như hột Ni Câu Đà không có tánh cây năm trượng cao, thời tất không mọc lên cây cao năm trượng. Nếu trong Phật tánh không có cội Vô Thượng Bồ Đề, sao lại có thể sanh cội Bồ Đề Vô Thượng. Cứ như nghĩa này, thời làm sao hiệp với nghĩa nhơn quả chẳng phải có chẳng phải không của Phật đã nói ?".

Đức Thế Tôn tán thán rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Trong đời có hai hạng

người rất là hi hữu như hoa Ưu Đàm : Một là người không phạm tội ác; hai là người có tội biết hối cải.

Lại có hai hạng người rất hi hữu : Một là làm ơn; hai là nhớ ơn.

Lại có hai hạng người rất hi hữu : Một là học hỏi điều mới; hai là ôn nhuần điều học cũ không quên.

Lại có hai hạng người rất hi hữu : Một là tạo ra mới; hai là tu sửa chỗ cũ.

Lại có hai hạng người rất hi hữu : Một là thích nghe pháp; hai là thích thuyết pháp.

Lại có hai hạng người rất hi hữu : Một là khéo gạn hỏi; hai là khéo giải đáp.

Người khéo gạn hỏi chính là ông vậy. Người khéo giải đáp chính là Như Lai vậy.

Này Thiện nam tử ! Do nơi khéo gạn hỏi bèn chuyển được Pháp luân Vô thượng, có thể làm khô cây do mười hai nhơn duyên, có thể qua khỏi sông lớn sanh tử vô biên, có thể chiến đấu với ma vương Ba Tuần, có thể xô ngã thắng tràng của Ba Tuần dựng.

Này Thiện nam tử ! Như trước kia Phật nói ba hạng bịnh nhơn, hạng gặp thầy giỏi, thuốc hay, khán bịnh khéo, cùng không gặp đều được lành mạnh, đó là vì thọ mạng quyết định, do vì người này trong vô

lượng đời đã tu được ba thứ thiện căn : Thượng, Trung và Hạ, nên được thọ mạng quyết định. Như người Uất Đơn Việt tuổi thọ ngàn năm, nếu mắc phải bịnh, dầu gặp thầy, gặp thuốc, được săn sóc kỹ, cùng không gặp đều sẽ được lành mạnh cả, vì họ đã được tuổi thọ quyết định.

Hạng bịnh nhơn nếu gặp thầy giỏi thuốc hay, khán bịnh khéo thời được lành, bằng không gặp thời chẳng lành, đây là những người thọ mạng không quyết định. Hạng người này dầu thọ mạng chưa hết, song có chín nhơn duyên có thể làm họ chết yểu : Một là biết ăn sẽ không an mà cứ ăn; hai là ăn quá nhiều; ba là ăn chưa tiêu mà lại ăn nữa; bốn là đại tiểu không điều hòa; năm là lúc bịnh không nghe theo lời chỉ dẫn của y sĩ; sáu là chẳng nghe lời dặn bảo của người khán bịnh; bảy là cố nín nhẫn không chịu ói; tám là đi đêm, vì đi đêm sẽ bị ác quỷ, ác trùng làm hại; chín là phòng thất quá độ. Do đây nên Phật nói hạng bịnh nhơn này gặp thầy gặp thuốc thời lành, nếu không gặp thời không lành.

Hạng bịnh nhơn gặp thầy gặp thuốc hay không gặp đều không được lành mạnh, đây là những người tuổi thọ đã hết.

Chúng sanh cũng như vậy. Người phát tâm Bồ Đề, nếu gặp bạn lành, chư Phật, Bồ Tát, được học hỏi pháp cao sâu, hoặc không được gặp được học, tất cả đều sẽ được thành, vì người này đã có thể

phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Như người Uất Đơn Việt có thọ mạng quyết định.

Hàng Nhị thừa từ Tu Đà Hoàn đến Bích Chi Phật, nếu được nghe Thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát giảng nói pháp Đại thừa thời có thể phát tâm Bồ Đề, nếu không gặp không nghe thời không thể phát tâm Bồ Đề Vô Thượng. Như người thọ mạng không quyết định, do chín duyên làm cho họ phải yểu thọ, nếu gặp thầy gặp thuốc thời lành, không gặp thời bịnh không lành.

Hạng nhứt xiển đề, dầu có gặp Thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát, có nghe pháp cao sâu, hay không nghe không gặp, đều không thể lìa tâm nhứt xiển đề, vì họ đã dứt thiện căn. Hạng nhứt xiển đề cũng được thành Vô Thượng Bồ Đề, vì nếu có thể phát tâm Bồ Đề Vô Thượng thời chẳng còn gọi là nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Tại sao nói hạng nhứt xiển đề được Vô Thượng Bồ Đề ?

Hạng nhứt xiển đề, thật ra không thể được Vô Thượng Bồ Đề, như người tuổi thọ đã hết, dầu gặp thầy gặp thuốc, cũng không lành bịnh được.

Này Thiện nam tử ! "Nhứt Xiển" gọi tín, "Đề" là bất cụ, bất cụ tín gọi là nhứt xiển đề.

Phật tánh chẳng phải là tín; chúng sanh chẳng phải cụ; bởi bất cụ nên thế nào dứt được.

"Nhứt xiển" gọi là thiện phương tiện; "Đề" là bất cụ, vì tu thiện phương tiện chẳng đầy đủ nên gọi là nhứt xiển đề.

Phật tánh chẳng phải là tu thiện phương tiện; chúng sanh chẳng phải là cụ; bởi bất cụ nên thế nào dứt được.

"Nhứt xiển" gọi là tiến; "Đề" là bất cụ; vì tinh tiến chẳng đầy đủ nên gọi là nhứt xiển đề.

Phật tánh chẳng phải là tiến; chúng sanh chẳng phải là cụ; vì bất cụ nên thế nào dứt được.

"Nhứt xiển" gọi là niệm; "Đề" là bất cụ; vì niệm chẳng đầy đủ nên gọi là nhứt xiển đề.

Phật tánh chẳng phải là niệm; chúng sanh chẳng phải là cụ; vì bất cụ nên thế nào dứt được.

"Nhứt xiển" gọi là định; "Đề" là bất cụ; vì định chẳng đầy đủ nên gọi là nhứt xiển đề.

Phật tánh chẳng phải là định; chúng sanh chẳng phải là cụ; vì bất cụ nên thế nào dứt được.

"Nhứt xiển" gọi là huệ; "Đề" là bất cụ; vì huệ chẳng đầy đủ nên gọi là nhứt xiển đề.

Phật tánh chẳng phải là huệ; chúng sanh chẳng phải là cụ; vì bất cụ nên thế nào dứt được.

"Nhứt xiển" gọi là vô thường thiện; "Đề" là bất cụ; vì vô thường thiện chẳng đủ nên gọi là nhứt xiển đề.

Phật tánh là thường, chẳng phải thiện, chẳng phải bất thiện. Vì thiện pháp là từ phương tiện mà được, mà Phật tánh chẳng phải từ phương tiện được, nên gọi là chẳng phải thiện.

Do Phật tánh có thể được thiện quả Vô Thượng Bồ Đề, nên nói là chẳng phải bất thiện.

Lại vì thiện pháp sanh rồi mà được, còn Phật tánh không phải sanh rồi mà được nên nói là chẳng phải thiện.

Bởi dứt cả thiện pháp sanh và được, nên gọi là nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Như ông gạn hỏi nếu nhứt xiển đề có Phật tánh, tại sao không ngăn tội địa ngục ?

Này Thiện nam tử ! Trong nhứt xiển đề không có Phật tánh.

Ví như nhà vua nghe tiếng đờn véo von thánh thót, quá thích thú say sưa, bèn bảo đại thần : Tiếng quá hay như thế từ đâu mà có ?

Đại thần tâu là từ cây đờn phát ra tiếng ấy.

Nhà vua truyền đem đờn đến trước mặt, rồi bảo cây đờn kêu đi ! Kêu đi ! Cây đờn vẫn không kêu. Nhà vua bèn bứt dây, rọc da, chẻ cây, tìm mãi vẫn không có tiếng. Nhà vua nổi giận trách đại thần là tâu dối.

Đại thần phân trần : Nếu muốn cho đờn kêu ra tiếng thời phải khéo khảy đánh, chớ không phải làm cách như vậy.

Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, vốn không chỗ trụ. Dùng phương tiện khéo thời thấy được. Vì được thấy nên được Vô Thượng Bồ Đề.

Hạng nhứt xiển đề không thấy Phật tánh, làm thế nào ngăn được tội ba ác đạo !

Này Thiện nam tử ! Nếu nhứt xiển đề tin có Phật tánh, nên biết rằng người này không bị sa vào ba ác đạo, cũng chẳng còn gọi là nhứt xiển đề.

Vì không tự tin có Phật tánh nên phải đọa ác đạo, vì đọa ác đạo nên gọi là nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Như lời ông gạn, nếu trong sữa không có tánh của chất lạc thời lẽ ra chẳng có lạc; nếu trong hột Ni Câu Đà không có tánh cao năm trượng thời lẽ ra không mọc lên cây cao năm trượng ?

Kẻ ngu si mới nói như thế, người trí không bao giờ nói như thế, vì là không có tánh vậy.

Này Thiện nam tử ! Nếu trong sữa có tánh của chất lạc lẽ ra chẳng cần nhờ công lực các duyên. Như nước và sữa trộn lộn, rồi nằm chờ đến mãn tháng trọn không thành lạc. Nếu dùng một giọt sữa rồi tìm nước cây nhiều vào bèn thành lạc. Nếu vốn đã có lạc sao lại phải nhờ duyên.

Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, nhờ các nhơn duyên thời được thấy, nhờ các nhơn duyên được thành Vô Thượng Bồ Đề. Nếu phải chờ các nhơn duyên rồi sau mới thành thời chính là vô tánh vậy. Do vô tánh nên có thể thành Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Do cớ trên đây nên đại Bồ Tát thường tán thán điều lành của người, chẳng rao nói lỗi xấu của kẻ khác, đây gọi là chất trực tâm.

Lại thế nào là Bồ Tát có tâm chất trực ? Bồ Tát thường không phạm lỗi ác. Thiết sử có lầm lỗi thời liền sám hối với thầy, với bạn đồng học, trọn chẳng che giấu. Tự hổ thẹn, tự trách, chẳng dám tái phạm. Nơi tội khinh xem dường rất nặng. Nếu người gạn hỏi liền đáp rằng thiệt có phạm, là chẳng tốt, là chẳng lành, tội này là quả ác, là chính tôi gây tạo đây là do phiền não cấu tập. Do trực tâm nên tin có Phật tánh, vì tin Phật tánh nên không gọi là nhứt xiển đề. Do trực tâm nên gọi là đệ tử Phật. Nếu lãnh thọ đồ cúng dường của người, dầu mỗi thứ cả ngàn muôn cũng chẳng đủ làm nhiều.

Đây gọi là Bồ Tát tâm chất trực.

Thế nào là Bồ Tát tu trì giới luật ?

Bồ Tát tu trì cấm giới, chẳng cầu sanh Thiên, chẳng vì khủng bố, nhẫn đến chẳng thọ cẩu giới, kệ giới, ngưu giới, trĩ giới. Chẳng thật hành phá giới, giới khuyết điểm, giới tỳ vết, giới tạp, giới Thanh

Văn, mà thọ trì giới đại Bồ Tát, thọ trì giới Thi La Ba la mật được giới đầy đủ chẳng sanh kiêu mạn.

Đây gọi là Bồ Tát tu Đại Niết Bàn trọn nên công hạnh thứ ba là giới.

Thế nào là Bồ Tát gần gũi thiện hữu ?

Đại Bồ Tát thường vì chúng sanh nói thiện đạo chẳng nói ác đạo. Nói ác đạo chẳng phải quả báo lành tốt.

Này Thiện nam tử ! Thân của Phật đây là nhơn Thiện tri thức của tất cả chúng sanh, vì thế nên có thể dứt tà kiến của Bà la môn Phú Dà La. Nếu có chúng sanh nào gần gũi Phật, dầu có tội địa ngục cũng liền được sanh Thiên, như gã Tu Na Sát Đa La v.v... đáng lẽ đọa địa ngục, do gặp được Phật, tội liền tiêu trừ mà sanh lên trời cõi Sắc.

Dầu có các ông Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên v.v..., nhưng chẳng gọi là chơn Thiện tri thức của chúng sanh, vì các ông ấy là nhơn duyên sanh tâm nhứt xiển đề vậy.

Này Thiện nam tử ! Ngày trước lúc Phật ở nước Ba La Nại, ông Xá Lợi Phất có dạy hai đệ tử : Một người tu bạch cốt quán, một người tu sổ tức quán. Trải qua nhiều năm tu tập, cả hai người đều không được chánh định bèn sanh tà kiến cho rằng không Niết Bàn vô lậu, giả sử có thời lẽ ra chúng tôi đã được, vì chúng tôi khéo trì giới, tinh tấn tu.

Phật rõ việc này bèn gọi Xá Lợi Phất mà quở rằng : Ông không khéo dạy dỗ. Sao ông thuyết pháp điên đảo cho hai đệ tử như vậy. Hai đệ tử của ông đó, căn tánh đều khác nhau : Một người vốn là thợ giặt, một người vốn là thợ kim hoàn. Thợ kim hoàn nên truyền pháp sổ tức quán, người thợ giặt phải dạy bạch cốt quán. Vì ông dạy lầm nên làm cho cả hai sanh tà kiến.

Quở xong, Phật chỉ dạy cho hai người đệ tử tu quán như đã bảo với ông Xá Lợi Phất. Sau đó, hai người đều chứng quả A La Hán. Vì thế nên Phật là chơn Thiện tri thức của tất cả chúng sanh.

Giả sử có chúng sanh nào kiết sử cực trọng mà được gặp Phật, Phật liền dùng phương tiện dứt trừ được cả.

Như em Phật, ông Nan Đà, có dục vọng rất nặng, Phật dùng phương tiện khéo làm cho Nan Đà hết dục vọng.

Như gã Ương Quật Ma La có lòng sân rất nặng, do gặp Phật mà hết sân.

Vua A Xà Thế có ngu si dày, đến ra mắt Phật liền hết ngu si.

Như trưởng giả Bà Hi Dà từ vô lượng kiếp quen tập phiền não rất nặng, quy y với Phật liền sạch phiền não.

Giả sử có kẻ tệ ác hèn hạ, được gần gũi Phật làm đệ tử, thời tất cả trời người đều cung kính mến tưởng.

Ông Thi Hội Cúc Đa tà kiến rất nặng, nhơn gặp Phật mà hết tà kiến.

Do gặp Phật nên tiêu tội địa ngục thành duyên sanh Thiên, như gã Chiên đà la Khí Hứ.

Do gặp Phật, nên lúc sắp chết trở lại được sống lâu, như Thiên Đế Kiều Thi Ca.

Do gặp Phật, nên hết điên cuồng, như Sấu Cù Đàm Di.

Do gặp Phật, nên bỏ nghề giết thịt, như Tỳ Kheo Xiển Đề.

Do gặp Phật, nên thà chết chớ không phạm cấm giới, như các Tỳ Kheo bị trói bằng dây cỏ tươi.

Do nghĩa trên đây, nên A Nan nói nửa phần phạm hạnh là Thiện tri thức, Phật bảo là không phải. Đầy đủ phạm hạnh mới gọi là Thiện tri thức.

Đây là Bồ Tát tu Đại Niết Bàn trọn nên điều thứ tư là gần gũi Thiện tri thức.

Thế nào là Bồ Tát đầy đủ đa văn ?

Đại Bồ Tát vì Đại Niết Bàn, mười hai bộ kinh mà biên chép, đọc tụng, giải thuyết, thời gọi là Bồ Tát đầy đủ đa văn.

Trừ mười một bộ kinh, chỉ thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết bộ Tỳ Phật Lược, cũng gọi là Bồ Tát đầy đủ đa văn.

Trừ cả mười hai bộ kinh, nếu có thể thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết kinh điển vi diệu Đại Niết Bàn này thời gọi là Bồ Tát đầy đủ đa văn.

Không đợi thọ trì toàn bộ kinh này, chỉ thọ trì một bài kệ bốn câu, hoặc chỉ có thể thọ trì câu : "Như Lai thường trụ tánh không biến đổi", đây gọi là Bồ Tát đầy đủ đa văn.

Không đợi như trên, hoặc chỉ biết rằng Như Lai thường không thuyết pháp, cũng gọi là Bồ Tát đầy đủ đa văn, vì pháp vốn vô tánh. Như Lai dầu giảng nói tất cả pháp nhưng thường không chỗ nói.

Đây gọi là Bồ Tát tu tập Đại Niết Bàn trọn nên điều thứ năm là đầy đủ đa văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu có nam tử cùng nữ nhơn nào vì Đại Niết Bàn mà trọn nên năm điều như trên thời làm được việc khó làm, nhẫn được việc khó nhẫn, thí được việc khó thí.

Thế nào là Bồ Tát làm được việc khó làm ?

Nếu nghe có người mỗi ngày ăn một hột mè mà được thành Vô Thượng Bồ Đề, vì tin theo đây, Bồ Tát, có thể trong vô lượng vô số kiếp, mỗi ngày thường ăn một hột mè.

Nếu nghe rằng vào lửa mà được thành Vô Thượng Bồ Đề, Bồ Tát có thể trong vô lượng kiếp vào trong lửa dữ ở ngục A Tỳ.

Thế nào là Bồ Tát nhẫn được việc khó nhẫn ?

Nếu nghe rằng chịu những đau khổ : Tay đánh gậy đập, đá ném, dao chém mà được Đại Niết Bàn, Bồ Tát có thể chịu đủ tất cả sự khổ ấy trong vô lượng kiếp mà không thấy là đau khổ.

Thế nào là Bồ Tát thí được việc khó thí ?

Nếu nghe rằng đem vợ con, nhà nước, đầu, mắt, tủy, não bố thí cho người thời được thành Vô Thượng Bồ Đề, Bồ Tát liền ở trong vô lượng vô số kiếp đem những thứ ấy bố thí cho người, không một niệm hối tiếc.

Bồ Tát dầu làm, dầu nhẫn, dầu bố thí như vậy, song trọn không có quan niệm rằng tôi làm, tôi nhẫn, tôi bố thí.

Ví như cha mẹ chỉ có một con trai, rất mến yêu con, cho con ăn ngon, mặc đẹp. Nếu bị con khinh khi mắng hỗn, cha mẹ cũng không hờn giận, cũng chẳng nghĩ công nuôi dưỡng.

Cũng vậy, Bồ Tát xem chúng sanh như con một.

Nếu con phải bịnh, thời cha mẹ cũng bịnh, lo tìm thầy chạy thuốc; khi con đã được lành mạnh, cha mẹ cũng chẳng nghĩ rằng ta lo chạy chữa cho con.

Cũng vậy, Bồ Tát thấy chúng sanh bị mắc bịnh phiền não, thương xót đem chánh pháp dạy cho. Nhờ nghe chánh pháp mà chúng sanh dứt được phiền não. Bồ Tát trọn không nghĩ rằng ta làm cho chúng sanh hết phiền não. Nếu có quan niệm chúng sanh được độ thời không thể thành Vô Thượng Bồ Đề. Chỉ có quan niệm rằng không có một chúng sanh nào được nghe ta thuyết pháp mà dứt phiền não.

Bồ Tát đối với chúng sanh không có lòng sân hận, không có lòng hỷ lạc, vì Bồ Tát khéo tu tập Không tam muội. Nếu là tu tập Không tam muội, thời Bồ Tát còn sanh sân, sanh hỷ đối với ai ?

Ví như cụm rừng kia bị người chặt đốn, bị lửa cháy, bị nước ngập, cụm rừng sẽ sanh sân hỷ với ai ? Cũng vậy, đối với chúng sanh Bồ Tát không có lòng sân hỷ, vì đã khéo tu tập Không tam muội vậy".

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Tất cả các pháp là tánh nó tự không, hay là vì không, không nên không ?

Nếu tánh nó tự không thời chẳng nên tu không rồi sau mới thấy được không. Tại sao đức Như Lai nói do tu không mà được thấy không ?

Nếu tánh nó tự chẳng không, thời dầu có tu không, cũng chẳng thể làm cho nó thành không ?".

Phật bảo : "Này Thiện nam tử ! Tất cả các pháp tánh của nó tự không, vì tánh của tất cả pháp vốn là bất khả đắc vậy.

Như sắc tánh bất khả đắc. Thế nào là sắc tánh ? Xét nơi sắc, chẳng phải là địa, thủy, hỏa, phong, cũng chẳng rời ngoài địa, thủy, hỏa, phong; chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, cũng chẳng rời ngoài xanh, vàng, đỏ, trắng; chẳng phải có chẳng phải không, đâu có thể nói là sắc có tự tánh. Vì tánh bất khả đắc nên gọi là không.

Tất cả pháp khác cũng như vậy.

Bởi tương tợ tương tục nên phàm phu theo kiến thức của mình mà cho là các pháp tánh chẳng không tịch. Còn đại Bồ Tát nhờ đầy đủ năm công hạnh nên thấy tất cả pháp, tánh vốn không tịch.

Này Thiện nam tử ! Nếu có Sa Mộn hay Bà La Môn nào thấy tất cả pháp, tánh chẳng không, phải biết rằng người đó không phải là Sa Môn, Bà La Môn, người đó không tu tập Bát Nhã Ba la mật, chẳng được vào Đại Niết Bàn, chẳng được hiện tiền thấy Phật, Bồ Tát; người đó là quyến thuộc của Ma.

Này Thiện nam tử ! Tất cả các pháp, tánh nó vốn tự không, cũng do Bồ Tát tu tập không mà thấy các pháp là không.

Này Thiện nam tử ! Như tất cả pháp vì tánh nó vô thường nên diệt có thể diệt được. Nếu chẳng phải là vô thường thời diệt chẳng thể diệt được.

Pháp hữu vi, vì có sanh tướng nên sanh có thể sanh nó, vì có diệt tướng nên diệt có thể diệt nó. Các pháp vì có tướng Khổ nên Khổ có thể làm cho Khổ.

Như tánh muối là mặn nên có thể ướp mặn vật khác. Vì tánh mật là ngọt nên có thể ướp ngọt vật khác. Vì tánh giấm là chua nên có thể ướp chua vật khác . Vì tánh gừng là cay nên có thể ướp cay vật khác. Vì A Lê Lặc đắng nên có thể ướp đắng vật khác. Vì trái Am La lạt nên có thể ướp lạt vật khác. Tánh chất độc có thể làm hại, nên ướp vật khác thành độc có thể làm hại. Tánh cam lộ làm cho người không chết, nếu đem hiệp với vật khác cũng có thể thành vị bất tử.

Bồ Tát tu Không cũng như vậy. Vì tu Không nên thấy tất cả pháp, tánh của nó đều không tịch".

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát lại bạch : "Thế Tôn ! Nếu như muối có thể làm cho vật không phải mặn thành ra mặn. Tu Không tam muội cũng như vậy, thời chánh định này không lành, không diệu, tánh cách điên đảo. Nếu Không tam muội chỉ thấy không, không là không có pháp thời là thấy những gì ?".

Phật bảo : "Này Thiện nam tử ! Không tam muội này thấy nơi pháp chẳng phải không, mà có thể làm thành không tịch, nhưng vẫn chẳng phải là điên đảo. Như muối làm vật không mặn thành mặn. Cũng vậy, Không tam muội làm pháp chẳng không thành không.

Này Thiện nam tử ! Tham là tánh có chẳng phải tánh không. Nếu tham là tánh không thời lẽ ra chúng sanh chẳng vì tham mà phải đọa địa ngục. Nếu bị đọa địa ngục, thời tham tánh đâu phải là Không !

Này Thiện nam tử ! Sắc tánh là có. Gì là sắc tánh ? Chính là điên đảo. Do điên đảo nên chúng sanh tham đắm. Nếu sắc tánh chẳng phải điên đảo thời đâu có thể làm cho chúng sanh tham đắm ! Vì sanh tham nên biết rằng sắc tánh chẳng phải là không có. Do cớ trên đây nên tu Không tam muội chẳng phải là điên đảo vậy.

Này Thiện nam tử ! Tất cả phàm phu nếu thấy người nữ liền sanh tướng nữ.

Bồ Tát thời không như vậy, dầu thấy người nữ nhưng không sanh tướng nữ, vì không sanh tướng nữ nên không sanh tham; tham không sanh chẳng phải là điên đảo vậy.

Vì người đời thấy có người nữ, nên Bồ Tát tùy thuận nói có người nữ. Nếu lúc thấy người nam mà nói là nữ, thời là điên đảo.

Do đây nên Phật bảo Xà Đề rằng : Này Bà La Môn ! Nếu cho ngày là đêm, thời là điên đảo, cho đêm là ngày cũng là điên đảo.

Này Thiện nam tử ! Tất cả Bồ Tát trụ bực Cửu địa thấy pháp có tánh, do đây nên không thấy Phật tánh, nếu đã thấy Phật tánh thời chẳng còn thấy tánh tất cả pháp. Do tu tập Không tam muội nên chẳng

thấy pháp tánh. Vì không thấy pháp tánh nên thấy Phật tánh.

Chư Phật và Bồ Tát có hai thuyết : Một là có tánh, hai là không tánh.

Vì chúng sanh nên nói có pháp tánh, vì các bực Hiền Thánh nên nói không pháp tánh.

Vì muốn người không thấy được pháp không, nên tu Không tam muội khiến thấy được không. Người không thấy pháp tánh cũng do tu Không nên Không. Do nghĩa này nên tu Không thời thấy được Không.

Nầy Thiện nam tử ! Ông gạn rằng : Người thấy không đó, không là không có pháp thời thấy những gì ?

Này Thiện nam tử ! Đúng như vậy, đại Bồ Tát thiệt không chỗ thấy, không chỗ thấy chính là không chỗ có, không chỗ có chính là tất cả pháp. Đại Bồ Tát tu Đại Niết Bàn nơi tất cả pháp đều không chỗ thấy. Nếu có chỗ thấy thời không thấy Phật tánh, không thể tu tập Bát Nhã Ba la mật. Chẳng được vào nơi Đại Niết Bàn. Vì thế nên Bồ Tát thấy tất cả pháp, tánh Vô sở đắc.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát chẳng những nhơn tu tam muội mà thấy không, Bát Nhã Ba la mật cũng không, thiền Ba la mật cũng không, Tỳ Lê Gia Ba la mật cũng không, Sằn Đề Ba la mật cũng không, Thi La Ba la mật cũng không, Đàn Ba la mật cũng không, sắc cũng không, nhãn cũng không, thức cũng không, Như

Lai cũng không, Đại Niết Bàn cũng không. Vì thế nên Bồ Tát thấy tất cả pháp đều là Không.

Do đây nên lúc ở thành Ca Tỳ La, Phật bảo A Nan : Ông chớ sầu não khóc lóc ! - A Nan bạch : Thế Tôn ! Nay quyến thuộc của tôi đều bị giết chết cả, làm sao tôi không sầu não khóc lóc được ! Như Lai cùng tôi đồng sanh trưởng tại thành này, đồng là thân thích của giòng Thích Ca, tại sao chỉ riêng có Như Lai là không sầu não, dung nhan lại tươi sáng như vậy ?

- Này A Nan ! Ông thấy thành Ca Tỳ La là có thật, còn Phật thời thấy là không tịch trọn không chỗ có. Ông thấy giòng Thích Ca là thân thích, còn Phật vì tu không nên đều không chỗ thấy. Vì thế nên ông sanh lòng sầu khổ, còn dung nhan của Phật càng thêm tươi sáng.

Này Thiện nam tử ! Vì chư Phật và Bồ Tát tu tập Không tam muội như vậy nên chẳng sanh sầu não.

Đây gọi là Bồ Tát tu tập kinh Đại Niết Bàn, thành tựu đầy đủ phần công đức thứ chín .

Này Thiện nam tử ! Thế nào là Bồ Tát tu tập kinh Đại Niết Bàn, thành tựu đầy đủ phần công đức thứ mười rốt sau cả ?

Bồ Tát tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo vào Đại Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh. Vì các chúng sanh phân biệt giải thuyết kinh Đại Niết Bàn hiển thị Phật tánh.

Nếu Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La

Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát tin lời trên đây thời đều được vào Đại Niết Bàn. Nếu người không tin thời luân hồi sanh tử".

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Những chúng sanh nào ở trong kinh này chẳng sanh lòng cung kính ?".

Phật bảo : "Này Thiện nam tử ! Sau khi ta nhập Niết Bàn có hàng Thanh Văn đệ tử ngu si phá giới ưa sanh sự đấu tranh, bỏ mười hai bộ kinh, mà đi đọc tụng văn kệ sách vở của ngoại đạo, nhận chứa tất cả vật bất tịnh, nói rằng Phật cho phép. Những người ngu si này đem Chiên đàn tốt đổi lấy gỗ tạp, đem vàng đổi lấy thau, đem bạc đổi lấy nhôm, hàng lụa đổi bố gai, đem vị cam lộ đổi lấy chất độc.

Thế nào là Chiên đàn đổi gỗ tạp ?

Như các đệ tử vì cúng dường mà thuyết kinh pháp cho hàng bạch y. Hàng bạch y phóng dật không thích nghe pháp. Bạch y ngồi cao, Tỳ Kheo ngồi thấp. Nhẫn đến đem những đồ ăn uống ngon để cung cấp mà họ vẫn chẳng bằng lòng nghe. Đây gọi là đem Chiên đàn đổi lấy gỗ tạp.

Thế nào là đem vàng đổi lấy thau ?

Thau là dụ cho sắc, thinh, hương, vị, xúc năm dục trần, vàng là dụ cho giới. Đệ tử của ta vì sắc mà phá giới đã thọ. Đây là đem vàng đổi lấy thau.

Thế nào là đem bạc đổi lấy nhôm ?

Bạc dụ cho Thập thiện, nhôm dụ cho Thập ác. Đệ tử của ta vất bỏ mười hạnh lành mà làm mười điều ác. Đây là đem bạc đổi nhôm vậy.

Thế nào là đem lụa đổi gai bố ?

Gai bố dụ cho vô tàm, vô quý. Lụa dụ cho tàm quý. Đệ tử của ta bỏ tàm quý quen tập vô tàm, vô quý. Đây là đem lụa đổi gai vậy.

Thế nào là vị cam lồ đổi chất độc ?

Chất độc dụ cho các thứ lợi dưỡng. Cam lồ dụ cho pháp vô lậu. Đệ tử của ta vì lợi dưỡng mà tự khen tự khoe với hàng bạch y rằng mình được vô lậu. Đây là cam lồ đổi chất độc.

Sau này kinh Đại Niết Bàn lưu hành ở Diêm Phù Đề, có các đệ tử Phật thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn thuyết sẽ bị các ác Tỳ Kheo đây giết hại.

Lúc đó các ác Tỳ Kheo nhóm họp nhau lập chế ước nghiệm rằng : Vị nào đọc tụng thọ trì, biên chép, diễn thuyết kinh Đại Niết Bàn, đều chẳng được cùng ở, cùng ngồi, cùng đàm luận chuyện trò. Vì kinh Đại Niết Bàn chẳng phải của Phật nói, do người tà kiến tạo ra. Người tà kiến là lục sư, kinh điển của lục sư chẳng phải kinh điển của Phật. Vì tất cả chư Phật đều nói các pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Nếu nói các pháp là thường, lạc, ngã, tịnh thời đâu phải là kinh do Phật nói.

Chư Phật cho các đệ tử chứa các thứ vật, còn lục sư chẳng cho các đệ tử cất chứa tất cả vật. Nếu cất chứa thời thế nào lại là lời của Phật ?

Chư Phật chẳng cấm đệ tử dứt hẳn năm vị sữa bò và ăn thịt. Còn lục sư chẳng cho ăn năm thứ muối, năm thứ vị sữa bò và huyết mỡ. Nếu cấm những thứ này thời đâu phải là kinh điển chánh của Phật !

Chư Phật nói ba thừa, mà kinh này thuần nói nhứt thừa là Đại Niết Bàn, thời đâu gọi là kinh điển chánh của Phật được !

Chư Phật rốt ráo nhập Niết Bàn, còn kinh này nói Phật là thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng nhập Niết Bàn.

Kinh này không ở trong số mười hai bộ, chính là ma thuyết, chẳng phải Phật thuyết.

Này Thiện nam tử ! Người như trên đây dầu là đệ tử Phật mà chẳng thể tin thuận kinh Đại Niết Bàn này.

Này Thiện nam tử ! Trong thời kỳ vậy, nếu có chúng sanh tin kinh điển này nhẫn đến nửa câu, phải biết rằng người này thiệt là đệ tử của Phật, do sự tin này mà thấy Phật tánh nhập Đại Niết Bàn".

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát nói : "Lành thay ! Lành thay ! Ngày nay đức Như Lai khéo khai thị kinh Đại Niết Bàn.

Thế Tôn ! Tôi nhơn việc này bèn được giải ngộ kinh Đại Niết Bàn một câu nửa câu. Do hiểu một câu đến nửa câu nên thấy chút phần Phật tánh. Cứ như lời Phật nói, tôi cũng sẽ vào được Đại Niết Bàn.

Đây gọi là Bồ Tát tu tập kinh Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ mười.

XXIII

PHẨM SƯ TỬ HỐNG BỒ TÁT

Thứ hai mươi ba

(*) Bấy giờ đức Phật bảo tất cả đại chúng : "Này các Thiện nam tử ! Các người nếu nghi là có Phật không Phật, có Pháp không Pháp, có Tăng không Tăng, có Khổ không Khổ, có Tập không Tập, có Diệt không Diệt, có Đạo không Đạo, có thiệt không thiệt, có ngã không ngã, có lạc không lạc, có tịnh không tịnh, có thường không thường, có thừa không thừa, có tánh không tánh, có chúng sanh không chúng sanh, có hữu không hữu, có chơn không chơn, có nhơn không nhơn, có quả không quả, có tác không tác, có nghiệp không nghiệp, có báo không báo, giờ đây tha hồ cho các người hỏi, ta sẽ phân biệt giải thuyết cho.

(*) Hán bộ quyển thứ 27

Ta thiệt chẳng thấy hoặc có Trời, Người, hoặc có Ma, Phạm, hoặc có Sa Môn hay Bà La Môn nào đến hỏi mà Ta không giải đáp được".

Trong pháp hội có Bồ Tát hiệu Sư Tử Hống đứng dậy nghiêm chỉnh y phục đảnh lễ đức Phật chấp tay quì bạch rằng : "Thế Tôn ! Tôi vừa muốn hỏi, đức Như Lai đại từ lại đã hứa cho".

Phật bảo đại chúng rằng : "Các người nên cung kính Bồ Tát này, cũng nên tôn trọng tán thán cùng đem các thứ hoa hương, kỹ nhạc, anh lạc, phan, lọng, y phục, đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men, phòng nhà, điện đường để cúng dường Bồ Tát. Vì Bồ Tát này từ quá khứ chư Phật đã sâu trồng thiện căn phước đức đã đầy đủ, vì thế nên muốn ở trước ta mà thưa hỏi :

Như Sư Tử chúa tự biết sức lực nanh răng nhọn bén, bốn chân chống đất đứng trong hang vẩy đuôi gầm ra tiếng. Nếu có người nào đủ những tướng như vậy phải biết rằng có thể rống như Sư Tử, thiệt là Sư Tử chúa sáng sớm ra khỏi hang vươn vai ngáp nhìn ngó bốn phương, cất tiếng rống to. Làm như thế là vì mười một điều : Một là vì muốn phá dẹp những loài chẳng phải thiệt Sư Tử mà dối làm Sư Tử; hai là vì muốn thử sức mình; ba là vì muốn khiến chỗ ở thanh tịnh; bốn là vì muốn bầy Sư Tử con biết chỗ nơi; năm là vì muốn đoàn Sư Tử không tâm kinh sợ; sáu là vì muốn kẻ ngủ được thức tỉnh; bảy là vì muốn tất cả những thú phóng dật được

siêng năng chẳng phóng dật; tám là vì muốn những thú khác đến chầu hầu; chín là vì muốn điều phục đại hương tượng; mười là vì muốn dạy bảo các con cái; mười một là vì muốn trang nghiêm quyến thuộc của mình.

Tất cả loài cầm thú nghe tiếng rống của Sư Tử, loài lội dưới nước liền lặn xuống vực sâu, loài chạy trên bờ thời nép trốn trong hang, loài chim bay thời rơi rớt, các đại hương tượng kinh hãi chạy té phẩn.

Như loài chồn cáo kia dầu đi theo Sư Tử trọn trăm năm nhưng chẳng thể rống lên tiếng như Sư Tử. Nếu là con Sư Tử, mới đầy ba năm thời có thể kêu rống như Sư Tử chúa.

Này Thiện nam tử ! Như Lai Chánh đẳng giác, Trí huệ là nanh vuốt, bốn Như ý túc là chân, đầy đủ sáu môn Ba la mật là thân, thập Trí lực hùng mãnh là sức lực, đại Từ bi là đuôi an trụ, Tứ Thiền là hang thanh tịnh, vì chúng sanh mà rống như Sư Tử, dẹp phá quân ma, hiện bày mười trí lực, mở mang chỗ đi của Phật, làm chỗ nương về cho bọn tà kiến, vỗ về những chúng sợ sệt sanh tử, giác ngộ chúng sanh vô minh ngủ nghỉ, làm cho người tạo ác sanh tâm ăn năn, khai thị tà kiến cho tất cả chúng sanh, làm cho họ biết hàng lục sư chẳng phải là tiếng rống của Sư Tử, để phá lòng kiêu mạn của ngoại đạo Phú Lâu Na v.v... Làm cho hàng Nhị thừa sanh lòng hối hận, dạy bảo các Bồ Tát bực ngũ trụ

cho họ sanh tâm đại lực, làm cho bốn bộ chúng chánh kiến chẳng sợ sệt những đồ chúng tà kiến, nên từ nơi Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, vươn vai mà ra. Muốn khiến các chúng sanh phá lòng kiêu mạn nên hà ngáp. Vì khiến chúng sanh thêm lớn pháp lành nên đoái ngó bốn phương. Vì khiến chúng sanh đặng Tứ Vô ngại biện nên bốn chân chấm đất. Vì khiến chúng sanh đầy đủ Thi La Ba la mật nên rống như Sư Tử.

Sư Tử rống gọi là quyết định thuyết : "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Như Lai thường trụ không có biến đổi".

Này Thiện nam tử ! Hàng Thanh Văn, Duyên Giác dầu theo đức Như Lai trong vô lượng vô số kiếp nhưng trọn không thể làm Sư Tử rống. Thập trụ Bồ Tát nếu có thể tu hành ba hạnh như trên, nên biết rằng đó là Sư Tử rống.

Này đại chúng ! Bồ Tát Sư Tử Hống đây, nay muốn làm đại Sư Tử rống, nên đại chúng phải nên thân tâm cúng dường cung kính tôn trọng tán thán".

Bây giờ Thế Tốn bảo Sư Tử Hống Bồ Tát : "Này Thiện nam tử ! Nếu ông muốn hỏi, giờ đây ông có thể hỏi".

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào là Phật tánh ? Do nghĩa gì nên gọi là Phật tánh ? Có gì lại gọi là thường, lạc, ngã, tịnh ? Nếu chúng sanh có Phật tánh, tại sao

lại chẳng thấy được Phật tánh của tất cả chúng sanh ? Thập trụ Bồ Tát trụ những pháp gì mà chẳng thấy Phật tánh rõ ràng ? Phật trụ những pháp gì mà thấy được rõ ràng ? Thập trụ Bồ Tát dùng con mắt gì mà thấy chẳng rõ ràng ? Phật dùng con mắt gì mà thấy Phật tánh được rõ ràng ? .

Phật bảo : " Này Thiện nam tử ! Lành thay ! Lành thay ! Nếu có ai vì pháp mà thưa hỏi thời là đầy đủ hai thứ trang nghiêm : Một là trí huệ, hai là phước đức. Nếu có Bồ Tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm như vậy thời biết Phật tánh, cũng lại rõ biết gọi là Phật tánh, nhẫn đến có thể biết Thập trụ Bồ Tát dùng con mắt gì, chư Phật Thế Tôn dùng con mắt gì".

Sư Tử Hống Bồ Tát thưa : "Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là trí huệ trang nghiêm ? Thế nào gọi là phước đức trang nghiêm ?".

- Này Thiện nam tử ! Trí huệ trang nghiêm chính là từ Nhứt địa đến Thập địa. Phước đức trang nghiêm chính là Đàn Ba la mật nhẫn đến Bát Nhã Ba la mật.

Lại này Thiện nam tử ! Huệ trang nghiêm là nói chư Phật và Bồ Tát. Phước đức trang nghiêm là nói Thanh Văn, Duyên Giác cùng cửu trụ Bồ Tát.

Lại này Thiện nam tử ! Phước đức trang nghiêm là hữu vi hữu lậu có quả báo, có ngại chẳng phải thường, là pháp phàm phu. Trí huệ trang nghiêm là vô vi vô lậu không quả báo, không ngại là thường trụ.

Này Thiện nam tử ! Nay ông đầy đủ hai thứ trang nghiêm này, nên ông có thể hỏi diệu nghĩa rất sâu. Phật cũng đầy đủ hai thứ trang nghiêm này nên có thể giải đáp những nghĩa ấy.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu có Bồ Tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm như vậy thời chẳng nên hỏi một thứ, hai thứ. Tại sao đức Thế Tôn nói rằng có thể đáp một thứ, hai thứ. Vì tất cả pháp không có một thứ, hai thứ. Một thứ, hai thứ là tướng phàm phu.

- Này Thiện nam tử ! Nếu có Bồ Tát không hai thứ trang nghiêm thời chẳng phải biết một thứ, hai thứ. Phải là Bồ Tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm mới có thể rõ biết một thứ, hai thứ. Nếu có các pháp không một hai đó, thời không đúng nghĩa. Vì nếu không một hai thế nào nói là tất cả pháp không một không hai.

Này Thiện nam tử ! Nếu nói một hai là tướng phàm phu, đây bèn gọi là bực Thập trụ Bồ Tát chẳng phải là phàm phu vậy. Tại sao vậy ? Một đó gọi là Niết Bàn, hai đó gọi là sanh tử.

Tại sao một đó gọi là Niết Bàn ? Vì Niết Bàn là thường. Tại sao hai đó là sanh tử ? Vì là ái và vô minh vậy.

Niết Bàn thường trụ đó chẳng phải là tướng phàm phu. Sanh tử là hai đó cũng chẳng phải tướng phàm phu. Do nghĩa này nên người đủ hai thứ trang nghiêm thời có thể hỏi có thể đáp.

Ông hỏi thế nào là Phật tánh đó ? Lóng nghe ! Ta sẽ phân biệt giải thuyết cho ông.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh đã gọi là đệ nhứt nghĩa không, đệ nhứt nghĩa không gọi là Trí huệ.

Không đây là chẳng thấy không cùng bất không. Người trí thấy không và bất không thường cùng vô thường, khổ với lạc, ngã cùng vô ngã. Không là nói tất cả sanh tử. Bất không là nói Đại Niết Bàn. Nhẫn đến vô ngã chính là sanh tử. Ngã đó chính là Đại Niết Bàn.

Thấy tất cả không mà chẳng thấy bất không thời chẳng gọi là Trung đạo. Nhẫn đến thấy tất cả vô ngã mà chẳng thấy ngã thời chẳng gọi là Trung đạo. Trung đạo đó gọi là Phật tánh. Do nghĩa này nên Phật tánh là thường hằng không biến đổi, vì vô minh che đậy làm cho chúng sanh chẳng thấy được. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác thấy tất cả không mà chẳng thấy bất không, nhẫn đến thấy tất cả vô ngã mà chẳng thấy ngã, do đây nên chẳng được đệ nhứt nghĩa không. Vì chẳng đặng đệ nhứt nghĩa không nên chẳng đi được nơi Trung đạo. Vì không trung đạo nên chẳng thấy Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Phàm có ba hạng chẳng thấy Trung đạo. Một là định lạc hành, hai là định khổ hành, ba là khổ lạc hành.

Định lạc hành chính là Đại Bồ Tát vì thương xót tất cả chúng sanh, nên dầu ở địa ngục A Tỳ nhưng an vui như đệ Tam thiền.

Định khổ hành là nói hàng phàm phu.

Khổ lạc hành là nói Thanh Văn, Duyên Giác. Thanh Văn, Duyên Giác hành nơi khổ lạc mà tưởng là trung đạo, do đây nên dầu có Phật tánh mà chẳng thấy được.

Như ông hỏi nghĩa gì gọi là Phật tánh ?

Này Thiện nam tử ! Phật tánh chính là Vô Thượng Bồ Đề của tất cả chư Phật, là chủng tử của trung đạo.

Lại này Thiện nam tử ! Đạo có ba : Thượng, trung và hạ.

Đạo bực hạ là Phạm thiên vô thường nhận lầm là thường. Đạo bực thượng là sanh tử vô thường nhận lầm là thường, Tam Bảo là thường chấp là vô thường. Cớ gì gọi là bực thượng ? Vì có thể đặng Vô Thượng Bồ Đề.

Đạo bực trung gọi là Đệ nhứt nghĩa không : Vô thường thấy là vô thường, thường thấy là thường. Đệ nhứt nghĩa không chẳng gọi là hạ, vì tất cả phàm phu không thể được, lại chẳng gọi là bực thượng, vì chính đây là thượng. Đạo của chư Phật, Bồ Tát tu hành chẳng phải thượng chẳng phải hạ nên gọi là Trung đạo.

Này Thiện nam tử ! Bờ mé sanh tử phàm có hai thứ cội gốc : Một là vô minh, hai là hữu ái. Chặng giữa hai thứ này thời có quả khổ, sanh, già, bịnh, chết, đây gọi là Trung đạo. Trung đạo như đây có thể phá sanh tử nên gọi là Trung. Do nghĩa này nên

pháp trung đạo gọi là Phật tánh. Vì thế nên Phật tánh là thường, lạc, ngã, tịnh. Bởi chúng sanh chẳng thấy được Phật tánh nên là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Phật tánh thiệt chẳng phải là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh.

Ví như người nghèo trong nhà có kho châu báu vì người này chẳng thấy nên không được sung sướng tự tại. Có người trí dùng phương tiện chỉ bảo cho được thấy. Nhờ thấy có châu báu người này hết khổ đặng sung sướng tự tại.

Cũng vậy, vì chúng sanh chẳng thấy Phật tánh nên là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Do Thiện tri thức, chư Phật và Bồ Tát dùng nhiều phương tiện dạy bảo mà chúng sanh thấy Phật tánh. Do thấy Phật tánh nên chúng sanh được thường, lạc, ngã, tịnh.

Kiến chấp của chúng sanh phàm có hai : Thường kiến và đoạn kiến. Hai thứ kiến chấp này chẳng gọi là Trung đạo. Không thường,không đoạn mới gọi là Trung đạo, không thường, không đoạn, tức là trí quán chiếu mười hai nhơn duyên. Quán trí này gọi là Phật tánh. Hàng Nhị thừa dầu quán nhơn duyên nhưng còn chẳng được gọi là Phật tánh. Phật tánh dầu là thường bởi chúng sanh bị vô minh che đậy nên không thấy được. Lội chưa qua được sông mười hai nhơn duyên, dụ như thỏ và ngựa kia, vì chẳng thấy Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Trí huệ quán chiếu mười hai nhơn duyên đây chính là chủng tử của Vô Thượng Bồ Đề. Do nghĩa này nên mười hai nhơn duyên gọi là Phật tánh.

Ví như dưa hấu gọi là bịnh nhiệt, vì dưa này có thể làm nhơn duyên bịnh nhiệt. Mười hai nhơn duyên cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh có nhơn, có nhơn nhơn, có quả, có quả quả.

Có nhơn đó chính là mười hai Nhơn duyên. Nhơn nhơn đó chính là Trí huệ. Có quả chính là Vô Thượng Bồ Đề. Quả quả đó chính là Vô Thượng Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Như vô minh là nhơn, hành là quả; hành là nhơn, thức là quả. Do nghĩa này nên thể vô minh kia cũng là nhơn, cũng là nhơn nhơn : Thức cũng là quả, cũng là quả quả. Phật tánh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này nên mười hai nhơn duyên chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng một, chẳng hai, chẳng đến, chẳng đi, chẳng nhơn, chẳng quả.

Là nhơn mà chẳng phải quả như Phật tánh.

Là quả mà chẳng phải nhơn như Đại Niết Bàn.

Là nhơn cũng là quả như những pháp do mười hai nhơn duyên sanh.

Chẳng phải nhơn, chẳng phải quả gọi là Phật tánh. Vì chẳng phải nhơn quả nên thường hằng không biến đổi.

Do nghĩa này nên trong kinh Phật nói mười hai nhơn duyên ý nghĩ rất sâu không thể biết, không thể thấy, chẳng thể nghĩ bàn, là cảnh giới của chư Phật và Bồ Tát, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác đến được.

Do nghĩa gì mà là rất sâu ? Nghiệp hạnh của chúng sanh chẳng thường chẳng đoạn mà có quả báo dầu niệm niệm diệt mà không mất, dầu không tác giả mà có tác nghiệp, dầu không thọ giả mà có quả báo. Thọ giả, dầu diệt mà quả chẳng hư. Không có lự tri nhưng hòa hiệp mà có. Tất cả chúng sanh dầu cùng đi với mười hai nhơn duyên mà chẳng thấy, chẳng biết. Vì chẳng thấy biết nên không có chung thỉ. Bực Thập trụ Bồ Tát chỉ thấy chung mà chẳng thấy thỉ. Chư Phật thấy thỉ thấy chung. Do nghĩa này nên chư Phật thấy Phật tánh được rõ ràng. Tất cả chúng sanh vì chẳng thấy được mười hai nhơn duyên nên phải luân chuyển.

Như tằm làm kén tự sống, tự chết. Tất cả chúng sanh cũng như vậy, vì chẳng thấy Phật tánh nên tự tạo nghiệp mà lưu chuyển sanh tử, dường như đánh trái cầu.

Vì thế nên trong các Kinh Phật nói : Nếu có người thấy được mười hai nhơn duyên thời là thấy pháp, thấy pháp đó chính là thấy Phật. Phật đó chính là Phật tánh, vì tất cả chư Phật dùng đây làm tánh.

Này Thiện nam tử ! Trí quán mười hai nhơn duyên có bốn hạng : Một là hạ, hai là trung, ba là thượng, bốn là thượng thượng.

Quán trí bực hạ chẳng thấy Phật tánh, vì chẳng thấy nên chứng được đạo Thanh Văn. Trí quán bực trung chẳng thấy Phật tánh, vì chẳng thấy nên chứng đặng đạo Duyên Giác. Trí quán bực thượng thấy Phật tánh chẳng rõ ràng, vì thấy chẳng rõ ràng nên trụ bực Thập trụ. Trí quán bực thượng thượng thấy Phật tánh rõ ràng nên chứng được Vô Thượng Bồ Đề. Do nghĩa đây nên mười hai nhơn duyên gọi là Phật tánh. Phật tánh chính là đệ nhứt nghĩa không. Đệ nhứt nghĩa không gọi là Trung đạo. Trung đạo đó gọi là Phật. Phật đây là Niết Bàn".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch Phật : "Thế Tôn ! Nếu Phật cùng Phật tánh không sai khác, thời tất cả chúng sanh cần gì tu hành ?".

Phật bảo : "Này Thiện nam tử ! Lời ông hỏi không đúng. Phật cùng Phật tánh dầu không sai khác, nhưng chúng sanh đều chưa đầy đủ. Ví như có người ác tâm muốn hại mẹ, hại rồi sanh lòng ăn năn, ba nghiệp dầu lành, nhưng người này vẫn gọi là người

địa ngục, vì người này quyết định sẽ đọa địa ngục vậy. Hiện tại người này dầu không thân địa ngục nhưng vẫn gọi là người địa ngục.

Do đây nên trong các kinh Phật nói nếu thấy có người tu hành hạnh lành thời gọi là thấy người trời. Thấy người tạo ác thời gọi là thấy địa ngục. Vì quyết định sẽ thọ quả báo.

Này Thiện nam tử ! Vì tất cả chúng sanh quyết định được Vô Thượng Bồ Đề nên Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nhưng thật ra tất cả chúng sanh chưa có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do nghĩa đây nên nơi kinh này Phật nói kệ rằng :

Trước có nay không
Trước không nay có
Ba đời có pháp
Nghĩa này không đúng.

Này Thiện nam tử ! Có ba thứ có : Một là vị lai có, hai là hiện tại có, ba là quá khứ có.

Tất cả chúng sanh vị lai sẽ có Vô Thượng Bồ Đề, đây gọi là Phật tánh. Tất cả chúng sanh hiện tại đều có phiền não, nên hiện tại không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tất cả chúng sanh quá khứ có dứt phiền não nên hiện tại được thấy Phật tánh. Do nghĩa này Phật thường tuyên nói : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhẫn đến nhứt xiển đề cũng có Phật tánh.

Nhứt xiển đề không có pháp lành. Phật tánh là pháp lành vị lai họ sẽ có. Nhứt xiển đề đều có Phật tánh, vì họ quyết định sẽ đặng thành Vô Thượng Bồ Đề.

Ví như có người trong nhà có sữa lạc. Có người hỏi : Ông có tô không ? Đáp rằng tôi có. Lạc thiệt chẳng phải tô, do phương tiện khéo, chắc sẽ đặng tô, nên đáp rằng có tô.

Chúng sanh cũng như vậy tất cả đều có tâm. Phàm người có tâm sẽ được thành Vô Thượng Bồ Đề. Do nghĩa đây nên Phật thường tuyên nói : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Tất cánh có hai thứ : Một là trang nghiêm tất cánh, hai là cứu cánh tất cánh. Và một là thế gian tất cánh, hai là xuất thế tất cánh.

Trang nghiêm tất cánh là sáu môn Ba la mật. Cứu cánh tất cánh là Nhứt thừa của tất cả chúng sanh chứng được. Nhứt thừa đó gọi là Phật tánh. Do nghĩa đây nên Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tất cả chúng sanh đều có Nhứt thừa, vì vô minh che đậy nên chẳng thấy được.

Như Châu Uất Đơn Việt, Đao Lợi Thiên, vì quả báo che ngăn nên chúng sanh ở đây chẳng thấy được.

Phật tánh cũng như vậy, do các phiền não kiết sử che ngăn nên chúng sanh chẳng thấy được.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh chính là Thủ Lăng Nghiêm Tam muội, tánh như đề hồ, chính là mẹ của

tất cả chư Phật. Do sức của Thủ Lăng Nghiêm Tam muội mà chư Phật được thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả chúng sanh đều có Thủ Lăng Nghiêm Tam muội vì chẳng tu hành nên không được thấy, vì thế nên không thể được thành Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Thủ Lăng Nghiêm Tam muội có năm tên : Một là Thủ Lăng Nghiêm Tam muội, hai là Bát Nhã Ba la mật, ba là Kim Cang Tam muội, bốn là Sư Tử Hống Tam muội, năm là Phật tánh. Tùy theo năng lực chỗ làm của tam muội mà có tên khác nhau.

Này Thiện nam tử ! Như một tam muội có nhiều tên, như thiền gọi là Tứ thiền, căn gọi là Định căn, lực gọi là Định lực, giác gọi là Định giác, chánh gọi là Chánh định, Bát đại nhơn giác gọi là Định giác, Thủ Lăng Nghiêm Tam muội cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đầy đủ ba môn định : Thượng, Trung và Hạ. Thượng là nói Phật tánh, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Trung là tất cả chúng sanh đầy đủ Sơ thiền, lúc có nhơn duyên thời có thể tu tập, nếu không nhơn duyên thời chẳng thể tu tập. Nhơn duyên đây có hai thứ : Một là hỏa tai, hai là phá kiết sử cõi Dục, do đây nên nói rằng tất cả chúng sanh đều đầy đủ Định bực trung.

Hạ định là Định tâm sở trong mười đại địa, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều đầy đủ Định bực hạ.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh vì phiền não che đậy nên chẳng được thấy. Thập trụ Bồ Tát dầu thấy Nhứt thừa nhưng chẳng biết Như Lai là pháp thường trụ, do đây nên nói rằng Thập trụ Bồ Tát dầu thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Thủ Lăng gọi là nhứt thiết sự tất cánh, "Nghiêm" là kiên, nhứt thiết sự tất cánh mà đặng kiên cố gọi là Thủ Lăng Nghiêm. Do đây nên nói rằng Thủ Lăng Nghiêm định gọi là Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Một lúc nọ ta ở bên sông Ni Liên Thiền, bảo A Nan rằng : Nay ta muốn tắm rửa, ông nên lấy y và đem tháo đậu. Ta vào trong nước, tất cả loài chim cùng những loài ở trên đất, ở dưới nước đều tụ đến xem ngó ta. Lúc đó lại có năm trăm vị Phạm Chí đi đến bờ sông bảo nhau rằng : Thế nào mà được thân Kim Cương ? Nếu giả sử ông Cù Đàm chẳng nói đoạn kiến, ta sẽ theo ông để thỉnh thọ trai pháp.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó ta dùng Tha tâm trí biết tâm niệm của các Phạm Chí, bèn bảo họ rằng : Tại sao cho rằng Ta nói đoạn kiến ? - Các Phạm Chí đáp : Lúc trước ở trong các kinh Cù Đàm nói tất cả chúng sanh đều không có ngã, đã nói không ngã sao lại chẳng phải đoạn kiến ? Nếu không ngã thời ai trì giới ? Ai phá giới ?

- Này các Phạm Chí ! Ta nói tất cả chúng sanh đều không ngã. Ta cũng thường tuyên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Phật tánh đó há chẳng phải là ngã ư ? Do nghĩa này nên ta chẳng nói đoạn kiến. Vì tất cả chúng sanh chẳng thấy Phật tánh nên là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, đây thời gọi là nói đoạn kiến vậy.

Lúc đó các Phạm Chí nghe nói Phật tánh chính là ngã, liền phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, đồng thời xuất gia tu đạo Bồ Đề. Tất cả những loài chim bay, cá lội, thú chạy cũng đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, đã phát tâm rồi chúng nó liền được bỏ thân chim thú.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh đây thiệt chẳng phải ngã, vì chúng sanh nên nói là ngã. Vì có nhơn duyên nên Như Lai nói vô ngã là ngã, mà thật là vô ngã. Dầu nói như vậy nhưng không hư vọng. Vì có nhơn duyên, Như Lai nói ngã là vô ngã mà thiệt là có ngã. Vì thế giới chúng sanh nên dầu nói vô ngã mà không hư vọng. Phật tánh vô ngã Như Lai nói là ngã, vì Phật tánh là thường. Như Lai là ngã mà nói là vô ngã, vì được tự tại".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh như kim cang lực sĩ, do cớ gì mà tất cả chúng sanh chẳng được thấy ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Như Sắc pháp dầu có màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hình chất dài ngắn,

mà kẻ mù chẳng thấy. Dầu chẳng thấy nhưng cũng chẳng thể nói rằng không có xanh, vàng, đỏ, trắng hình chất dài ngắn. Vì dầu rằng người mù chẳng thấy, nhưng người mắt sáng thời được thấy.

Phật tánh cũng như vậy, tất cả chúng sanh dầu chẳng được thấy, nhưng Thập trụ Bồ Tát thấy được một ít phần, đức Như Lai thời thấy rõ hoàn toàn. Thập trụ Bồ Tát thấy Phật tánh như đêm tối thấy hình sắc, đức Như Lai thấy Phật tánh như giữa ban ngày thấy hình sắc.

Như người mắt lòa thấy hình sắc chẳng rõ ràng, lương y điều trị, do công dụng của thuốc nên được rõ ràng. Thập Trụ Bồ Tát cũng như vậy, dầu thấy Phật tánh nhưng chẳng được rõ ràng, nhờ năng lực của Thủ Lăng Nghiêm tam muội mà được thấy rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Nếu có người thấy tất cả pháp là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, thấy chẳng phải tất cả pháp cũng là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, người như vậy thời chẳng thấy Phật tánh.

Trên đây nói tất cả pháp đó là nói sanh tử. Còn chẳng phải tất cả pháp đó là nói Tam Bảo.

Hàng Thanh Văn, Duyên Giác thấy tất cả pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh; thấy chẳng phải tất cả pháp cũng là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, vì thế nên chẳng thấy Phật tánh.

Thập Trụ Bồ Tát thấy tất cả pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, còn chẳng phải tất cả pháp thời phần ít là thường, lạc, ngã, tịnh do đây nên trong mười phần thấy được một phần.

Chư Phật Thế Tôn thấy tất cả pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, thấy chẳng phải tất cả pháp là thường, lạc, ngã, tịnh. Vì thế nên Như Lai thấy Phật tánh như xem trái A Ma Lặc trong bàn tay. Do nghĩa này nên Thủ Lăng Nghiêm định gọi là tất cánh.

Này Thiện nam tử ! Như đêm mùng một dầu chẳng thấy mặt trăng nhưng chẳng được nói là không. Phật tánh cũng như vậy, tất cả phàm phu dầu chẳng được thấy, cũng chẳng được nói rằng không có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh là mười trí lực, bốn vô sở úy, đại bi tam niệm. Tất cả chúng sanh thời có ba thứ ấy, vì sau khi phá trừ phiền não thời được thấy. Hàng nhứt xiển đề sau khi phá trừ nhứt xiển đề thời có thể được ba thứ ấy. Do nghĩa này nên Phật thường tuyên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đều đồng có mười hai nhơn duyên, cũng có nội, cũng có ngoại.

Những gì là mười hai ?

Phiền não quá khứ gọi là "Vô minh". Nghiệp quá khứ gọi là "Hành". Trong đời hiện tại, lúc sơ khởi

thọ thai gọi là "Thức". Năm phần nhập thai chưa đủ bốn căn gọi là "Danh sắc". Đầy đủ bốn căn gọi là "Lục nhập". Chưa phân biệt khổ vui gọi là "Xúc". Nhiễm tập một ái gọi là "Thọ". Quen gần ngũ dục thời gọi là "Ái". Tham cầu trong và ngoài thời gọi là "Thủ". Vì sự trong ngoài mà khởi nghiệp thân, khẩu, ý, đây gọi là "Hữu". Thức đời hiện tại gọi là vị lai "Sanh". Hiện tại danh sắc, lục nhập, xúc, thọ thời gọi là vị lai "Lão, Bịnh, Tử" vậy. Đây gọi là mười hai nhơn duyên.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh dầu có mười hai nhơn duyên như vậy, hoặc có kẻ chưa đủ như lúc Ca La Lã chết thời không có mười hai. Từ sanh đến lão tử thời đủ mười hai.

Chúng sanh cõi Sắc không có ba thứ thọ, ba thứ xúc, ba thứ ái, không có già bịnh, nhưng cũng được gọi là đầy đủ mười hai.

Chúng sanh cõi Vô sắc thời không có sắc nhẫn đến không lão bịnh, nhưng cũng được gọi là đủ mười hai, vì quyết định được vậy. Vì thế nên nói rằng chúng sanh đồng đầy đủ có mười hai nhơn duyên.

Phật tánh cũng như vậy, tất cả chúng sanh quyết định sẽ đặng thành Vô Thượng Bồ Đề. Do đây nên Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Núi Tuyết có thứ cỏ tên nhẫn nhục, nếu bò ăn cỏ này thời sanh chất đề hồ. Trên

núi ấy lại có thứ cỏ khác, nếu bò ăn thứ cỏ ấy thời không sanh chất đề hồ. Dầu không sanh chất đề hồ nhưng chẳng thể nói rằng trong núi Tuyết không có cỏ nhẫn nhục.

Phật tánh cũng như vậy. Núi Tuyết là nói Như Lai, cỏ nhẫn nhục là nói Đại Niết Bàn, những cỏ khác là nói mười hai bộ kinh. Chúng sanh nếu có thể được nghe, được học hỏi Đại Niết Bàn thời thấy được Phật tánh. Trong mười hai bộ kinh dầu chẳng nghe có, nhưng chẳng thể nói rằng không có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh đây cũng là sắc, cũng là chẳng phải sắc, chẳng phải sắc chẳng phải là chẳng phải sắc; cũng là tướng cũng là chẳng phải tướng, chẳng phải tướng chẳng phải là chẳng phải tướng; cũng là một cũng là chẳng phải một, chẳng phải một chẳng phải là chẳng phải một; chẳng phải thường chẳng phải đoạn; chẳng phải chẳng phải thường chẳng phải chẳng phải đoạn; cũng là có cũng là không, chẳng phải có chẳng phải không; cũng là tận cũng là chẳng phải tận, chẳng phải tận chẳng phải là chẳng phải tận; cũng là nhơn cũng là quả, chẳng phải nhơn chẳng phải quả; cũng là nghĩa cũng là chẳng phải nghĩa, chẳng phải nghĩa chẳng phải là chẳng phải nghĩa; cũng là danh tự cũng là chẳng phải danh tự, chẳng phải danh tự chẳng phải là chẳng phải danh tự; cũng là khổ cũng là lạc, chẳng phải khổ chẳng phải lạc; cũng là ngã cũng

là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã chẳng phải là chẳng phải ngã; cũng là không cũng là chẳng phải không, chẳng phải là không chẳng phải là chẳng phải không.

Thế nào là sắc ? Vì là thân kim cang. Thế nào là phi sắc ? Vì mười tám pháp bất cộng chẳng phải là sắc pháp. Thế nào là chẳng phải sắc chẳng phải là chẳng phải sắc ? Vì sắc cũng chẳng phải sắc không có tướng quyết định.

Thế nào là tướng ? Vì là ba mươi hai tướng. Thế nào là chẳng phải tướng ? Vì tất cả chúng sanh chẳng hiện được tướng tốt. Thế nào là chẳng phải tướng chẳng phải là chẳng phải tướng ? Vì tướng cùng chẳng phải tướng không quyết định vậy.

Thế nào là một ? Vì tất cả chúng sanh đều là Nhứt thừa. Thế nào là chẳng phải một ? Vì nói ba thừa vậy. Thế nào là chẳng phải một chẳng phải là chẳng phải một ? Vì vô số pháp vậy.

Thế nào là chẳng phải thường ? Vì từ nơi duyên mà thấy.

Thế nào là chẳng phải đoạn ? Vì lìa đoạn kiến vậy.

Thế nào chẳng phải là chẳng phải thường, chẳng phải là chẳng phải đoạn ? Vì không chung không thì vậy.

Thế nào là có ? Vì tất cả chúng sanh đều có. Thế nào là không ? Vì từ phương tiện khéo mà đặng

thấy vậy. Thế nào là chẳng phải có, chẳng phải không ? Vì hư không tánh vậy.

Thế nào gọi là tận ? Vì đặng Thủ Lăng Nghiêm tam muội. Thế nào là chẳng phải tận ? Vì là thường vậy. Thế nào là chẳng phải tận, chẳng phải là chẳng phải tận ? Vì tất cả tướng tận dứt hết vậy.

Thế nào là nhơn ? Vì liễu nhơn vậy. Thế nào là quả ? Vì quả quyết định vậy. Thế nào là chẳng phải nhơn chẳng phải quả ? Vì là thường vậy.

Thế nào là nghĩa ? Vì đều có thể nhiếp lấy nghĩa không ngại.

Thế nào là chẳng phải nghĩa ? Vì chẳng thể nói vậy. Thế nào là chẳng phải nghĩa chẳng phải là chẳng phải nghĩa ? Vì rốt ráo không vậy.

Thế nào là danh tự ? Vì có tên gọi vậy. Thế nào là chẳng phải danh tự ? Vì có tên mà thiệt không tên vậy. Thế nào là chẳng phải danh tự chẳng phải là chẳng phải danh tự ? Vì dứt tất cả danh tự vậy.

Thế nào là cũng khổ cũng lạc ? Vì các thọ duyên khởi vậy. Thế nào là chẳng phải khổ chẳng phải lạc ? Vì dứt tất cả thọ vậy.

Thế nào là chẳng phải ngã ? Vì chưa đầy đủ được tám thứ tự tại vậy. Thế nào là chẳng phải chẳng phải ngã ? Vì là thường vậy. Thế nào là chẳng phải ngã chẳng phải là chẳng phải ngã ? Vì chẳng tạo tác chẳng lãnh thọ vậy.

Thế nào là không ? Vì là đệ nhứt nghĩa không. Thế nào là chẳng phải không ? Vì là thường vậy. Thế nào là chẳng phải không chẳng phải là chẳng phải không ? Vì có thể là chủng tử cho pháp lành vậy.

Này Thiện nam tử ! Nếu có người tư duy hiểu rõ được kinh Đại Niết Bàn những nghĩa như vậy, nên biết rằng người này thấy được Phật tánh. Phật tánh đó chẳng thể nghĩ bàn, là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải Thanh Văn, Duyên Giác biết được.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh chẳng phải là ấm, giới, nhập, chẳng phải trước không nay có, chẳng phải đã có rồi trở lại không, từ nơi nhơn duyên lành mà chúng sanh đặng thấy.

Ví như khối sắt đen để vào lửa đốt thời đỏ, lấy ra nguội thời trở lại đen. Dầu vậy nhưng màu đen này chẳng phải trong chẳng phải ngoài, do nhơn duyên mà có.

Phật tánh cũng như vậy, lửa phiền não tắt dứt thời chúng sanh được nghe được thấy.

Này Thiện nam tử ! Như hột giống biến diệt thời mầm mộng mọc lên, nhưng tánh mầm mộng này chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Nhẫn đến, bông trái cũng như vậy, đều theo nơi duyên mà có.

Kinh Đại Niết Bàn vi diệu này thành tựu đầy đủ vô lượng công đức. Phật tánh cũng như vậy đều là vô lượng vô biên công đức kết hợp mà thành tựu".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Bồ Tát thành tựu đầy đủ bao nhiêu pháp thời đặng thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng ? Chư Phật Thế Tôn thành tựu bao nhiêu pháp mà được thấy rõ ràng ?".

Phật bảo : "Này Thiện nam tử ! Bồ Tát thành tựu đầy đủ mười pháp dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng : Một là thiểu dục, hai là tri túc, ba là tịch tịnh, bốn là tinh tấn, năm là chánh niệm, sáu là chánh định, bảy là chánh huệ, tám là giải thoát, chín là tán thán giải thoát, mười là dùng Đại Niết Bàn giáo hóa chúng sanh".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Thiểu dục cùng tri túc có gì sai khác ?".

Phật bảo : "Này Thiện nam tử ! Thiểu dục là chẳng cầu chẳng lấy. Tri túc là lúc đặng ít, lòng không hối hận. Thiểu dục là ít có mong muốn. Tri túc là chỉ vì pháp sự lòng chẳng sầu não.

Này Thiện nam tử ! Dục đó có ba : Một là ác dục, hai là đại dục, ba là dục dục.

Ác dục là nếu có Tỳ Kheo sanh lòng tham dục muốn làm thượng thủ của tất cả đại chúng, muốn cho tất cả chúng Tăng thuận theo phía sau ta, khiến bốn bộ chúng thảy đều cúng dường, cung kính, tán thán, tôn trọng ta. Khiến ta vì chúng thuyết pháp trước nhứt, đều muốn cho tất cả tin thọ lời của ta. Cũng khiến Quốc Vương, quan lớn, Trưởng giả đều

cung kính ta. Khiến ta được nhiều y phục, đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men, nhà cửa tốt đẹp. Đây là cầu muốn sanh tử nên gọi là ác dục.

Đại dục là thế nào ? Nếu có Tỳ Kheo sanh lòng cầu muốn làm thế nào cho bốn bộ chúng thảy đều biết ta được bực Sơ trụ những đến Thập trụ, được Vô Thượng Bồ Đề, được quả A La Hán nhẫn đến quả Tu Đà Hoàn, ta được Tứ thiền nhẫn đến bốn Trí vô ngại. Đây là vì lợi dưỡng nên gọi là đại dục.

Dục dục là nếu có Tỳ Kheo muốn sanh Phạm thiên, Ma thiên, Tự Tại thiên, Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc Sát Đế Lợi, Cư Sĩ, Bà La Môn, đều được tự tại. Vì lợi dưỡng nên gọi là dục dục.

Nếu chẳng bị ba thứ ác dục này làm hại thời gọi là thiểu dục.

Dục đó gọi là hai mươi lăm ái, không có hai mươi lăm ái như vậy thời gọi là thiểu dục. Chẳng cần những sự mong muốn vị lai thời gọi là thiểu dục. Được mà chẳng tham đắm thời gọi là tri túc. Chẳng cầu cung kính gọi là thiểu dục, được mà chẳng chứa nhóm gọi là tri túc.

Này Thiện nam tử ! Có lúc thiểu dục chẳng gọi là tri túc, cũng có tri túc chẳng gọi là thiểu dục, cũng có thiểu dục mà cũng tri túc, cũng có chẳng tri túc chẳng thiểu dục.

Thiểu dục đó là nói bực Tu Đà Hoàn. Tri túc đó là nói Bích Chi Phật. Thiểu dục tri túc đó là nói A La Hán. Chẳng thiểu dục chẳng tri túc đó là nói Bồ Tát.

Này Thiện nam tử ! Thiểu dục tri túc lại có hai thứ : Một là thiện, hai là bất thiện. Bất thiện là nói phàm phu. Thiện là nói Thánh nhơn và Bồ Tát. Tất cả Thánh nhơn dầu chứng được đạo quả mà chẳng tự xưng nói vì chẳng tự xưng nói nên trong lòng chẳng não hận, đây gọi là tri túc.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu tập kinh Đại Niết Bàn vì muốn thấy Phật tánh nên tu tập thiểu dục tri túc.

Thế nào là tịch tịnh ? Tịch tịnh có hai : Một là tâm tịnh, hai là thân tịnh. Thân tịch tịnh thời trọn chẳng gây tạo ba điều ác nơi thân. Tâm tịch tịnh cũng chẳng gây tạo ba điều ác nơi ý, đây gọi là thân tâm tịch tịnh.

Thân tịch tịnh trọn chẳng gần gũi bốn chúng, chẳng dự việc của bốn chúng. Tâm tịch tịnh là chẳng quen tập tham dục, sân khuể, ngu si. Đây gọi là thân tâm tịch tịnh. Hoặc có Tỳ Kheo thân dầu tịch tịnh mà tâm chẳng tịch tịnh. Có Tỳ Kheo thân chẳng tịch tịnh mà tâm tịch tịnh. Có Tỳ Kheo thân tâm đều tịch tịnh. Lại có Tỳ Kheo thân tâm đều chẳng tịch tịnh.

Người thân tịch tịnh mà tâm chẳng tịch tịnh, như có Tỳ Kheo ngồi thiền chỗ vắng vẻ xa lìa bốn chúng

mà trong lòng luôn chứa nhóm tham dục, sân khuể, ngu si.

Người tâm tịch tịnh mà thân chẳng tịch tịnh, như có Tỳ Kheo gần gũi bốn chúng cùng Quốc Vương, đại thần mà trong lòng dứt tham, sân, si. Người thân tâm đều tịch tịnh, chính là chư Phật và Bồ Tát.

Người thân tâm đều chẳng tịch tịnh chính là các phàm phu, vì phàm phu thân tâm dầu yên tịnh nhưng không thể quán sát sâu xa lý vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, do đây nên phàm phu không thể tịch tịnh được thân, khẩu, ý ba nghiệp.

Hạng nhứt xiển đề phạm bốn tội nặng, tạo năm tội nghịch cũng chẳng gọi là thân tâm tịch tịnh.

Thế nào là tinh tấn ? Nếu có Tỳ Kheo muốn cho thân, khẩu, ý ba nghiệp thanh tịnh nên xa lìa tất cả hạnh nghiệp bất thiện mà tu tập tất cả nghiệp lành, đây gọi là tinh tấn.

Siêng năng tinh tấn như đây thời chuyên niệm tưởng nơi sáu chỗ, chính là Phật, Pháp, Tăng, Giới, Thí và Thiên, đây gọi là chánh niệm.

Người có chánh niệm thời được tam muội, đây gọi là chánh định.

Người có chánh định, quán sát thấy các pháp dường như hư không, đây gọi là chánh huệ. Người có chánh huệ xa lìa tất cả kiết sử phiền não, đây gọi là Giải thoát.

Người được giải thoát vì chúng sanh mà khen ngợi giải thoát, nói rằng giải thoát là thường hằng chẳng biến đổi đây gọi là tán thán giải thoát. Giải thoát chính là Vô Thượng Đại Bát Niết Bàn. Niết Bàn chính là lửa phiền não kiết sử đã tắt mất. Lại Niết Bàn gọi là nhà cửa, vì có thể ngăn mưa gió phiền não. Lại Niết Bàn gọi là quy y, vì có thể qua khỏi tất cả những sự bố úy. Lại Niết Bàn gọi là cồn bãi, vì bốn con sông lớn hung bạo chẳng thể chảy trôi. Những gì là bốn ? Một là dục bạo, hai là hữu bạo, ba là kiến bạo, bốn là vô minh bạo. Do đây nên Niết Bàn gọi là cồn bãi. Lại Niết Bàn gọi là rốt ráo về, vì có thể được tất cả sự an lạc rốt ráo.

Nếu có đại Bồ Tát thành tựu đầy đủ mười pháp như vậy, thời dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Lại này Thiện nam tử ! Người xuất gia có bốn thứ bịnh nên chẳng chứng được bốn quả Sa Môn.

Những gì là bốn bịnh ? Chính là bốn ác dục : Một là y phục dục, hai là thực dục, ba là ngọa cụ dục, bốn là hữu dục.

Bịnh xuất gia này, có bốn thứ lương dược trị lành được : Phấn tảo y trị được bịnh y dục của Tỳ Kheo; khất thực trị được bịnh vì thực dục; thọ hạ trị được bịnh ngọa cụ dục; Thân tâm tịch tịnh phá được hữu dục của Tỳ Kheo.

Đây gọi là bốn thứ thuốc trị bốn thứ bịnh, gọi đó là Thánh hạnh. Thánh hạnh này được gọi thiểu dục tri túc.

Người tịch tịnh có bốn điều vui : Một là xuất gia vui, hai là tịch tịnh vui, ba là vĩnh diệt vui, bốn là tất cánh vui. Được bốn điều vui này gọi là tịch tịnh.

Đủ bốn hạnh tinh tấn nên gọi là Tinh tấn. Đủ tứ Niệm xứ nên gọi là chánh Niệm. Đủ tứ Thiền nên gọi là chánh Định. Thấy bốn điều chơn thật của Thánh nên gọi là chánh Huệ.

Dứt hẳn tất cả phiền não kiết sử gọi là giải thoát. Quở trách lỗi của tất cả phiền não gọi là tán thán giải thoát.

Đại Bồ Tát đầy đủ mười pháp như vậy, dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát nghe kinh này rồi gần gũi tu tập, xa lìa tất cả việc thế gian, đây gọi là thiểu dục. Đã xuất gia rồi chẳng sanh lòng hối hận, đây gọi là tri túc. Đã tri túc rồi gần ở nơi chỗ vắng vẻ rảnh rang xa lìa chỗ ồn ào thời gọi là tịch tịnh.

Người chẳng tri túc chẳng thích chỗ vắng vẻ rảnh rang. Luận về người tri túc thời thường thích ở chỗ vắng vẻ. Ở chỗ vắng vẻ rồi thường suy nghĩ rằng : Tất cả thế gian đều gọi tôi đặng đạo quả Sa Môn, nhưng nay thiệt ra tôi chưa đặng, nay tôi sao lại

phỉnh gạt mọi người, nghĩ như vậy rồi siêng năng tu tập đạo quả Sa Môn, đây gọi là tinh tấn.

Gần gũi tu tập Đại Niết Bàn, đây gọi là chánh Niệm. Tùy thuận Thiên hạnh gọi là chánh Định. An trụ trong định này có chánh kiến chánh tri, đây gọi là chánh Huệ. Người chánh tri kiến có thể xa lìa được kiết sử phiền não, đây gọi là Giải thoát.

Thập trụ Bồ Tát vì chúng sanh mà khen ngợi Niết Bàn, đây gọi là tán thán Giải thoát.

Đại Bồ Tát đầy đủ mười pháp như vậy, dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Lại này Thiện nam tử ! Luận về người thiểu dục như có Tỳ Kheo ở chỗ vắng vẻ ngồi ngay thẳng chẳng nằm, hoặc ở dưới cội cây, hoặc ở trong gò mả, hoặc ở chỗ trống, tùy chỗ có cỏ mà ngồi trên đó, khất thực mà ăn đặng gì cũng là đủ cả. Hoặc một lần ngồi ăn, chẳng quá một lần ăn. Chỉ chứa ba y, y phấn tảo, y bố, đây gọi là thiểu dục. Đã thật hành việc này trong lòng chẳng ăn năn, đây gọi là tri túc. Tu không tam muội, đây gọi là tịch tịnh. Đặng bốn quả Sa Môn rồi đối với Vô Thượng Bồ Đề tâm chẳng thôi dứt, đây gọi là tinh tấn. Chuyên tâm tư duy tánh Như Lai là thường không có biến đổi đây gọi là chánh niệm. Tu bát giải thoát đây gọi là chánh định. Đặng tứ vô ngại đây gọi là chánh huệ. Xa lìa bảy thứ lậu, đây gọi là giải thoát. Khen ngợi Niết

Bàn không có mười tướng, gọi là tán thán giải thoát. Mười tướng là : Sanh, già, bịnh, chết, sắc, thinh, hương, vị, xúc và vô thường. Xa lìa mười tướng này thời gọi là Đại Niết Bàn. Đây gọi là Đại Bồ Tát đầy đủ mười pháp như vậy, dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Vì đa dục nên gần gũi Quốc vương, Quan lớn, Trưởng giả, Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà, tự xưng là tôi đặng quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả A La Hán.

Vì lợi dưỡng nên đi, đứng, ngồi, nằm nhẫn đến đại tiện, tiểu tiện, nếu thấy đàn việt vẫn chào hỏi tiếp đãi chuyện vãn.

Người phá ác dục gọi là thiểu dục, dầu người này chưa có thể phá hoại phiền não kiết sử, nhưng có thể đồng hành vi với Như Lai, đây gọi là tri túc.

Này Thiện nam tử ! Hai pháp như vậy bèn là nhơn duyên gần của chánh niệm, chánh định, thường được Sư trưởng bạn học khen ngợi. Trong các kinh Phật cũng thường ngợi khen tán thán tôn trọng pháp như vậy. Nếu có thể đầy đủ hai pháp này thời được gần môn Đại Niết Bàn và năm điều vui, đây gọi là tịch tịnh. Người giữ giới bền chắc gọi là tinh tấn. Người có tàm quí gọi là chánh niệm, chẳng thấy tâm tướng gọi là chánh định, chẳng cầu tánh tướng nhơn duyên của các pháp thời gọi là chánh huệ. Vì không

có tướng nên phiền não dứt, đây gọi là giải thoát. Khen ngợi kinh Đại Niết Bàn này thời gọi là tán thán giải thoát.

Đây gọi là Đại Bồ Tát an trụ mười pháp dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Như ông hỏi Thập trụ Bồ Tát dùng con mắt gì thấy được Phật tánh mà chẳng rõ ràng, chư Phật dùng con mắt gì mà thấy được Phật tánh rõ ràng ?

Này Thiện nam tử ! Do huệ nhãn mà thấy Phật tánh thời chẳng được rõ ràng, dùng Phật nhãn mà thấy thời được rõ ràng. Vì hạnh Bồ Đề thời chẳng rõ ràng, nếu vô hành vô tác thời được rõ ràng. Trụ nơi Thập trụ thời dầu thấy mà chẳng rõ ràng, nếu chẳng trụ chẳng đi thời thấy được rõ ràng. Đại Bồ Tát vì nhơn trí huệ nên thấy chẳng rõ ràng, chư Phật vì dứt nhơn quả nên thấy rõ ràng. Bực nhứt thiết giác gọi là Phật tánh. Thập trụ Bồ Tát chẳng được gọi là nhứt thiết giác, nên dầu thấy mà chẳng rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Thấy có hai thứ : Một là con mắt thấy, hai là nghe thấy.

Chư Phật con mắt thấy Phật tánh như xem trái cây trong bàn tay. Thập trụ Bồ Tát nghe thấy Phật tánh nên chẳng rõ ràng. Thập trụ Bồ Tát dầu có thể tự biết quyết định đặng Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng biết được tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Lại có con mắt ngó thấy : Như chư Phật cùng Thập trụ Bồ Tát, con mắt thấy Phật tánh. Lại có nghe thấy : Như tất cả chúng sanh nhẫn đến Cửu trụ Bồ Tát nghe thấy Phật tánh.

Bồ Tát nếu nghe tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, chẳng sanh lòng tin thời chẳng gọi là nghe thấy.

Nếu có Thiện nam tử, thiện nữ nhơn muốn thấy Như Lai, nên phải tu tập mười hai bộ kinh thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh chẳng biết được tâm tướng của Như Lai, phải quán tưởng thế nào để được biết ?".

Phật bảo : "Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh thật ra chẳng biết được tâm tướng của Như Lai. Nếu muốn quan sát để được biết thời có hai nhơn duyên : Một là con mắt thấy, hai là nghe thấy. Nếu thấy thân nghiệp của Như Lai, nên biết rằng đây là Như Lai, đây gọi là con mắt thấy. Nếu xem thấy khẩu nghiệp của Như Lai, nên biết rằng đây là Như Lai, đây gọi là nghe thấy. Nếu thấy sắc mạo mà tất cả chúng sanh không sánh bằng được, nên biết rằng đây là Như Lai, đây là con mắt thấy. Nếu nghe tiếng tâm vi diệu tối thắng chẳng đồng với tiếng tâm của chúng sanh, nên biết rằng đây là Như Lai, đây gọi là nghe thấy. Nếu thấy thần thông của Như Lai hiện, thần thông

này là vì chúng sanh hay là vì lợi dưỡng ? Nếu là vì chúng sanh mà chẳng vì lợi dưỡng, nên biết rằng đây là Như Lai, đây là con mắt ngó thấy. Nếu xem thấy Như Lai lúc dùng Tha tâm trí quán sát chúng sanh, vì lợi dưỡng thuyết pháp hay vì chúng sanh thuyết pháp ?

Nếu vì chúng sanh mà chẳng vì lợi dưỡng, nên biết rằng đây là Như Lai, đây gọi là nghe thấy.

Tại sao Như Lai thọ thân này ? Cớ gì thọ thân ? Vì ai mà thọ thân ? Đây gọi là con mắt ngó thấy.

Nếu quan sát Như Lai thuyết pháp thế nào ? Cớ gì thuyết pháp ? Vì ai mà thuyết pháp ? Đây gọi là nghe thấy. Dùng nghiệp ác nơi thân gia hại đó mà chẳng sân hận, nên biết rằng đây là Như Lai vậy, đây gọi là con mắt thấy. Dùng nghiệp ác nơi miệng gia hại đó mà chẳng giận, nên biết rằng đây là Như Lai, đây gọi là nghe thấy.

Nếu thấy Bồ Tát lúc mới sanh, ở bốn phương đều đi bảy bước, các Thiên thần cầm phan lọng, chấn động vô lượng vô biên thế giới, ánh sáng vàng chói rực khắp hư không, Long Vương dùng thần lực phun nước tắm rửa cho Bồ Tát, chư Thiên hiện hình tiếp đỡ đảnh lễ, tiên A Tư Đà chấp tay cung kính, lớn khôn vứt bỏ ngũ dục như bỏ nước miếng, nước mũi, chẳng bị sự vui trong đời cám dỗ, xuất gia tu hành, thích ở chỗ vắng lặng, vì phá tà kiến

nên khổ hạnh sáu năm, đối với chúng sanh bình đẳng không sai khác, tâm thường ở trong chánh định không bao giờ tán loạn, tướng hảo trang nghiêm nơi thân, đi đến chỗ nào những gò nổng đều bằng, y phục cách rời nơi thân bốn tấc chẳng sa xuống, lúc đi nhìn thẳng chẳng ngó hai bên, vật thực của Phật ăn không có lỗi chẳng hoàn toàn, chỗ Phật ngồi đứng cỏ chẳng động loạn, vì điều phục chúng sanh nên qua thuyết pháp mà tâm không kiêu mạn, đây gọi là con mắt thấy.

Nếu nghe Bồ Tát đi bảy bước rồi xướng rằng : Nay thân này của ta là thân rốt sau cả. A Tư Đà Tiên chấp tay nói rằng :

- Tâu Đại Vương ! Thái tử Tất Đạt Đa quyết định sẽ thành Vô Thượng Bồ Đề, trọn chẳng ở nhà làm Chuyển Luân Vương, vì Chuyển Luân Vương thân tướng chẳng rõ ràng, còn Thái Tử Tất Đạt Đa tất cả tướng tốt nơi thân đều sáng rỡ, do đây quyết chắc sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Lúc thấy người già bịnh chết, Bồ Tát nói rằng : Tất cả chúng sanh thật đáng xót thương, thường ở trong sanh, già, bịnh, chết, mà chẳng biết quan sát, ta sẽ dứt trừ sự khổ ấy. Theo học định vô tưởng với Ngũ thông tiên nhơn là ông A La Lã, đã thành tựu rồi Bồ Tát bèn nói lỗi của môn Định ấy. Lại theo học Định Phi Phi Tưởng với tiên nhơn Uất Đà Dà, đã thành tựu rồi bèn nói định này chẳng phải Niết Bàn, chính là pháp sanh tử. Sáu

năm khổ hạnh không có kết quả : Tu khổ hạnh luống vô ích, nếu là hay thời ta đã được kết quả tốt, vì là hư vọng nên ta không được gì, đây gọi là tà thuật, chẳng phải là đạo chơn chánh.

Lúc đã thành đạo, Phạm Thiên thỉnh : "Ngữa mong đức Như Lai vì chúng sanh mà thuyết pháp cam lộ vô thượng".

Phật bảo : "Này Phạm Vương ! Tất cả chúng sanh thường bị phiền não che đậy chẳng thể lãnh thọ lời dạy về pháp chơn chánh của Phật".

Phạm Vương lại bạch : "Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh phàm có ba hạng : lợi căn, trung căn và hạ căn. Hạng lợi căn có thể lãnh thọ chánh pháp. Xin đức Thế Tôn vì họ mà thuyết pháp".

Phật nói : "Này Phạm Vương ! Lóng nghe ! Lóng nghe ! Nay Phật sẽ vì tất cả chúng sanh mở cửa cam lộ".

Ở thành Ba La Nại, chuyển chánh pháp luân, tuyên nói trung đạo, vì tất cả chúng sanh chẳng phá trừ các kiết sử, chẳng phải là không thể trừ, chẳng phải phá chẳng phải là chẳng phá, nên gọi là trung đạo.

Chẳng độ chúng sanh, chẳng phải là không độ được nên gọi là trung đạo.

Chẳng phải tất cả thành tựu, chẳng phải là chẳng thành tựu nên gọi là trung đạo.

Phàm có lời nói dạy ra, chẳng tự nói là thầy, chẳng nói là đệ tử, nên gọi là trung đạo.

Thuyết pháp chẳng vì lợi, chẳng phải là không được quả lành nên gọi là trung đạo.

Lời Phật là chánh ngữ, thiệt ngữ, thời ngữ, chơn ngữ, chẳng hư vọng, là vi diệu đệ nhứt.

Đây gọi là nghe thấy.

Này Thiện nam Tử ! Tâm tướng của Như Lai thiệt ra không thể thấy. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhơn nào muốn được thấy Như Lai, phải nên y theo hai nhơn duyên như vậy".

(*) Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Như trước kia nói điều dụ trái Am Ma La bốn hạng người v.v... Có hạng người việc làm kỹ mà tâm chẳng chánh thiệt. Có hạng người tâm kỹ mà việc làm chẳng chánh thiệt. Có hạng người tâm kỹ mà việc làm cũng chánh thiệt. Có hạng người tâm chẳng kỹ việc làm cũng chẳng chánh thiệt.

Thế Tôn ! Hai hạng đầu, làm thế nào biết được ? Như lời Phật nói, dầu y theo hai nhơn duyên ấy, cũng chẳng thể biết được".

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Điều dụ trái Am Ma La, hai hạng người này thiệt khó biết được. Vì khó biết, nên trong kinh Phật nói phải cùng họ ở chung. Ở chung nếu chẳng

(*) Hán bộ quyển thứ 28

biết được thời phải ở lâu. Ở lâu nếu chẳng biết được thời nên dùng trí huệ. Dùng trí mà chẳng biết thời nên quán sát suy gẫm kỹ. Do quán sát suy gẫm thời biết là trì giới cùng phá giới.

Này Thiện nam tử ! Đầy đủ bốn điều : Ở chung, ở lâu, trí huệ, quán sát rồi sau mới biết là trì giới cùng phá giới.

Này Thiện nam tử ! Giới có hai thứ, trì giới cũng hai : Một là giới cứu cánh, hai là giới chẳng cứu cánh.

Có người do nhơn duyên nên thọ trì cấm giới. Người trí phải quán sát người này trì giới là vì lợi dưỡng hay là vì cứu cánh.

Giới của đức Như Lai không có nhơn duyên, vì thế nên được gọi là giới cứu cánh.

Do nghĩa này nên Bồ Tát dầu bị chúng sanh ác làm tổn hại mà chẳng có lòng giận hờn. Do đây nên Như Lai đặng gọi là thành tựu trì giới cứu cánh.

Này Thiện nam tử ! Xưa kia có một lúc ta cùng Xá Lợi Phất và năm trăm đệ tử đồng ở nơi nước Ma Dà Đà trong thành Chiêm Bà. Có thợ săn đuổi theo một con bồ câu. Bồ câu này sợ hãi đến nơi bóng của Xá Lợi Phất vẫn còn run sợ, nó chạy đến trong bóng của ta thời thân tâm an ổn hết kinh sợ. Do đây nên biết đức Như Lai trì giới rốt ráo, nhẫn đến bóng của thân còn có năng lực như vậy.

Này Thiện nam tử ! Giới chẳng cứu cánh còn chẳng được quả Thanh Văn, Duyên Giác, huống là có thể được quả Vô Thượng Bồ Đề.

Lại có hai thứ : Một là vì lợi dưỡng, hai là vì chánh pháp. Vì lợi dưỡng mà thọ trì cấm giới, nên biết giới này chẳng thấy được Phật tánh cùng Như Lai. Dầu nghe Phật tánh và danh tự Như Lai nhưng vẫn chẳng được gọi là nghe thấy.

Nếu vì chánh pháp mà thọ trì cấm giới, nên biết giới này có thể thấy được Phật tánh cùng Như Lai, đây gọi là con mắt thấy cũng gọi là nghe thấy.

Lại có hai thứ : Một là căn sâu khó lay, khó nhổ, hai là căn cạn dễ động. Nếu có thể tu tập không, vô tướng, vô nguyện, đây gọi là căn sâu. Nếu chẳng tu tập ba môn tam muội này, hoặc dầu tu tập mà vì hai mươi lăm cõi, đây gọi là căn cạn.

Lại có hai thứ : Một là vì thân mình, hai là vì chúng sanh. Người vì chúng sanh thời có thể thấy Phật tánh và Như Lai.

Người trì giới lại có hai hạng, một là tánh tự hay trì giới, hai là cần phải người khác dạy bảo. Nếu đã thọ giới trải qua vô lượng đời không sai phạm, hoặc ở nhằm nước ác, gặp bạn ác, thời kỳ ác, đời ác, gặp pháp ác gian tà, ở chung với kẻ tà kiến, dầu như vậy, nhưng người này vẫn giữ gìn giới pháp như cũ không có hủy phạm, đây gọi là tánh tự hay trì giới.

Nếu là người gặp Sư Tăng bạch Tứ yết ma mà đắc giới, thời cần phải nương nhờ Hòa Thượng, các Sư Tăng, bạn lành dạy bảo, mới biết oai nghi cử chỉ đúng pháp, đây gọi là hạng người cần nhờ sự dạy bảo.

Người tánh tự hay trì giới thời con mắt thấy Phật tánh và thấy Như Lai, cùng gọi là nghe thấy.

Giới lại có hai : Một là giới Thanh Văn, hai là giới Bồ Tát từ sơ phát tâm nhẫn đến đặng Vô Thượng Bồ Đề, đây gọi là giới Bồ Tát. Nếu quán bạch cốt nhẫn đến chứng quả A La Hán đây gọi là giới Thanh Văn.

Nếu có người trì giới Thanh Văn, nên biết rằng người này chẳng thấy Phật tánh và Như Lai. Nếu có người trì giới Bồ Tát, nên biết rằng người này được Vô Thượng Bồ Đề, thấy được Phật tánh và Như Lai Niết Bàn".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Do nhơn duyên gì mà thọ trì cấm giới ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Vì tâm chẳng hối hận. Cớ gì chẳng hối hận ? Vì hưởng thọ an lạc. Cớ gì hưởng thọ an lạc ? Vì xa lìa. Cớ gì xa lìa ? Vì an ổn. Cớ gì an ổn ? Vì Thiền định. Cớ gì Thiền định ? Vì tri kiến chơn thật. Cớ gì tri kiến chơn thật ? Vì thấy những lỗi họa của sanh tử. Cớ gì thấy lỗi sanh tử ? Vì tâm chẳng tham đắm. Cớ gì tâm chẳng tham đắm ? Vì được giải thoát. Cớ gì được giải thoát ? Vì

được Vô Thượng Đại Niết Bàn. Cớ gì được Đại Niết Bàn ? Vì được thường, lạc, ngã, tịnh. Cớ gì được thường, lạc, ngã, tịnh ? Vì được bất sanh, bất diệt. Cớ gì được bất sanh, bất diệt ? Vì thấy Phật tánh. Do đây nên Bồ Tát tánh tự hay trì giới cứu cánh.

Này Thiện nam tử ! Tỳ Kheo trì giới dầu chẳng phát nguyện cầu tâm chẳng hối hận, mà tự nhiên được, vì pháp tánh như vậy. Dầu chẳng cầu vui, xa lìa, an ổn, tri kiến chơn thật, thấy lỗi sanh tử, tâm chẳng tham đắm, giải thoát, Niết Bàn, thường, lạc, ngã, tịnh, bất sanh, bất diệt, cùng thấy Phật tánh, nhưng tự nhiên được tất cả, vì pháp tánh như vậy".

Sư Tư Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Nếu do trì giới mà đặng quả chẳng ăn năn, nhơn nơi giải thoát mà đặng quả Niết Bàn, thời giới là không nhơn, Niết Bàn là không quả. Giới nếu không nhơn thời gọi là thường, Niết Bàn có nhơn thời là vô thường. Nếu như vậy, thời Niết Bàn là trước không mà nay có. Nếu trước không mà nay có thời là vô thường, như thắp ngọn đèn. Niết Bàn nếu như vậy thời thế nào được gọi là ngã, lạc, tịnh ư ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Lành thay ! Lành thay ! Ông đã từng ở nơi vô lượng chư Phật trồng những thiện căn, mới có thể hỏi Như Lai thâm nghĩa như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ông chẳng mất bổn niệm mới hỏi như vậy ư ?

Ta nhớ thuở xưa, cách đây vô lượng kiếp, nơi thành Ba La Nại có đức Phật ra đời hiệu là Thiện Đức. Đức Phật đó diễn nói kinh Đại Niết Bàn này, trong ba ức năm. Lúc đó ta cùng ông đều ở trong pháp hội đó. Ta đem việc này để hỏi đức Phật Thiện Đức. Lúc ấy đức Phật Thiện Đức vì chúng sanh mà nhập chánh định nên chưa đáp nghĩa này.

Lành thay ! Ông bèn có thể nhớ được việc cũ. Lóng nghe ! Lóng nghe ! Ta sẽ vì ông giải nói.

Này Thiện nam tử ! Giới cũng có nhơn, chính là nghe chánh pháp. Nghe chánh pháp cũng có nhơn, chính là gần bạn lành. Gần bạn lành cũng có nhơn, chính là tín tâm. Người có tín tâm cũng có nhơn, chính là nghe pháp và tư duy ý nghĩa. Tín tâm nhơn nơi nghe pháp, nghe pháp nhơn nơi tín tâm, hai pháp này cũng là nhơn mà cũng là nhơn nhơn, cũng là quả, mà cũng là quả quả. Như Ni Kiền Tử dựng ba cây treo để bình tròn, làm nhơn quả cho nhau chẳng rời được.

Này Thiện nam tử ! Như vô minh duyên hành, hành duyên vô minh, vô minh và hành này cũng là nhơn mà cũng là nhơn nhơn, cũng là quả mà cũng là quả quả. Sanh duyên lão tử, lão tử duyên sanh, sanh cùng lão tử này cũng là nhơn mà cũng là nhơn nhơn, cũng là quả mà cũng là quả quả.

Này Thiện nam tử ! Pháp sanh có thể sanh ra pháp mà chẳng thể tự sanh, vì chẳng tự sanh nên

do sanh và sanh sanh. Sanh sanh chẳng tự sanh lại nhờ sanh mà sanh, vì thế nên hai thứ sanh này cũng là nhơn mà cũng là nhơn nhơn, cũng là quả mà cũng là quả quả.

Này Thiện nam tử ! Tín tâm và nghe pháp cũng như vậy.

Là quả mà chẳng phải nhơn chính là Đại Niết Bàn.

Cớ gì gọi là quả ? Vì là quả Vô thượng, là quả Sa Môn, là quả Ba La Môn, vì dứt sanh tử, vì phá phiền não, do đây nên gọi là quả. Vì bị các phiền não quở trách nên Niết Bàn gọi là quả. Phiền não gọi là lỗi lầm trên lỗi lầm.

Này Thiện nam tử ! Niết Bàn không có nhơn mà thể của nó là quả. Vì nó không sanh diệt, vì không chỗ tạo tác, vì chẳng phải hữu vi, vì là vô vi, vì thường chẳng biến đổi, vì không chỗ nói, vì không thỉ chung.

Này Thiện nam tử ! Nếu Niết Bàn có nhơn thời chẳng đặng gọi là Niết Bàn. Bàn là nói nhơn, Niết là nói không, không có nhơn nên gọi là Niết Bàn".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Như lời Phật nói Niết Bàn là không nhơn. Lời này không đúng. Nếu nói là không thời hiệp sáu nghĩa : Một là tất cánh không nên gọi là không, như tất cả pháp không có ngã không có ngã sở. Hai là có lúc không nên gọi là không, như người đời nói sông ao không có nước, không có mặt trời mặt trăng. Ba là vì ít nên

nói là không, như người đời nói trong đồ ăn ít mặn thời gọi là không mặn, nước ngọt ít ngọt thời gọi là không ngọt. Bốn là không lãnh thọ nên gọi rằng không, như Chiên Đà La không thể thọ trì pháp Bà La Môn, nên gọi là không Bà La Môn. Năm là vì thọ pháp ác nên gọi là không, như người đời nói người thọ pháp ác chẳng gọi là Sa Môn, chẳng gọi là Bà La Môn, nên nói không có Sa Môn và Bà La Môn. Sáu là vì đối đãi mà gọi là không, như không trắng gọi đó là đen, không sáng gọi đó là vô minh.

Thế Tôn ! Niết Bàn cũng như vậy, có lúc không nhơn nên gọi là Niết Bàn".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Nay ông nói sáu nghĩa như vậy, cớ sao ông không dẫn rốt ráo không để dụ cho Niết Bàn, mà ông lại lấy có lúc không, để lệ cho Niết Bàn như vậy.

Này Thiện nam tử ! Thể của Niết Bàn rốt ráo không nhơn, cũng như không ngã và không ngã sở.

Này Thiện nam tử ! Pháp thế gian cùng Niết Bàn trọn chẳng tương đối nhau, vì thế nên sáu việc của ông dẫn ra chẳng làm ví dụ được.

Này Thiện nam tử ! Tất cả pháp đều không có ngã, mà Niết Bàn này thiệt không có ngã, do nghĩa này nên Niết Bàn không nhơn mà thể của nó là quả. Là nhơn mà chẳng phải quả gọi là Phật tánh, vì chẳng phải do nhơn sanh, vì chẳng phải quả của Sa

Môn nên gọi là chẳng phải quả. Cớ gì gọi là nhơn, vì là liễu nhơn vậy.

Này Thiện nam tử ! Nhơn có hai thứ : Một là sanh nhơn, hai là liễu nhơn. Hay sanh ra pháp thời gọi là sanh nhơn. Đèn hay chiếu rõ đồ vật, nên gọi là liễu nhơn. Phiền não kiết sử thời gọi là sanh nhơn. Cha mẹ của chúng sanh thời gọi là liễu nhơn. Như hột lúa v.v... thời gọi là sanh nhơn. Đất nước phân tro v.v... thời gọi là liễu nhơn. Lại có sanh nhơn, chính là sáu môn Ba la mật, Vô Thượng Bồ Đề. Lại có liễu nhơn, chính là Phật tánh Vô Thượng Bồ Đề. Lại có liễu nhơn, chính là sáu môn Ba la mật, Phật tánh. Lại có sanh nhơn, chính là Thủ Lăng Nghiêm Tam muội Vô Thượng Bồ Đề. Lại có liễu nhơn, chính là Bát chánh đạo Vô Thượng Bồ Đề. Lại có sanh nhơn, chính là tín tâm sáu môn Ba la mật.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Như Phật nói : Thấy Như Lai và Phật tánh, ý nghĩa đó như thế nào ?

Bạch Thế Tôn ! Thân Như Lai không có tướng mạo, chẳng phải dài, ngắn, trắng, đen, không có phương sở, chẳng ở trong tam giới, chẳng phải tướng hữu vi, chẳng phải nhãn thức thấy được, như thế thời làm sao có thể thấy được, Phật tánh cũng vậy".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Thân của Phật có hai thứ : Một là thường, hai là vô thường. Thân vô

thường chính là vì muốn độ thoát tất cả chúng sanh nên phương tiện thị hiện, thân này con mắt thấy được. Thân thường trụ chính là thân giải thoát của Như Lai, thân này cũng gọi là con mắt thấy, cũng gọi là nghe thấy.

Phật tánh cũng có hai thứ : Một là có thể thấy, hai là chẳng thể thấy. Có thể thấy là nói bực Thập trụ Bồ Tát và chư Phật. Chẳng thể thấy là nói tất cả chúng sanh. Con mắt có thấy, chính là Thập trụ Bồ Tát và chư Phật con mắt ngó thấy Phật tánh của chúng sanh. Có nghe thấy, là tất cả chúng sanh và Cửu trụ Bồ Tát nghe có Phật tánh.

Thân của Phật lại có hai thứ : Một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Là sắc chính là thân giải thoát của Như Lai. Là chẳng phải sắc vì đức Như Lai đã dứt hẳn sắc căn.

Phật tánh lại có hai thứ : Một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Là sắc chính là Vô Thượng Bồ Đề. Là chẳng phải sắc chính là phàm phu nhẫn đến Thập trụ Bồ Tát. Vì Thập trụ Bồ Tát thấy chẳng rõ ràng nên gọi là chẳng phải sắc. Phật tánh lại có hai thứ : Một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Là sắc chính là chư Phật và Bồ Tát. Là chẳng phải sắc chính là tất cả chúng sanh. Là sắc gọi rằng con mắt thấy. Là phi sắc gọi rằng nghe thấy.

Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, dầu chẳng phải trong ngoài nhưng chẳng phải là hư mất, nên gọi rằng chúng sanh đều có Phật tánh".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Như Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, như trong sữa có chất lạc. Kim Cang lực sĩ, chư Phật, Phật tánh như đề hồ trong sạch. Cớ sao đức Như Lai nói rằng Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Ta cũng chẳng nói rằng trong sữa có chất lạc. Vì chất lạc từ sữa sanh ra nên nói rằng có chất lạc".

- Thế Tôn ! Tất cả sanh pháp đều có thời tiết.

- Này Thiện nam tử ! Lúc là sữa thời không có chất lạc, cũng không có các chất sanh tô, thục tô, đề hồ. Tất cả chúng sanh cũng gọi đó là sữa. Vì thế nên ta nói rằng trong sữa không có chất lạc. Như trong sữa đồng thời có chất lạc, cớ sao chẳng đồng thời có hai thứ tên. Như người có hai nghề thời gọi rằng thợ vàng sắt. Lúc là chất lạc không có sữa cũng như không có sanh tô, thục tô và đề hồ. Chúng sanh cũng gọi là chất lạc chẳng phải sữa, sanh tô, thục tô và đề hồ.

Này Thiện nam tử ! Nhơn có hai thứ : Một là chánh nhơn, hai là duyên nhơn. Chánh nhơn là như sữa sanh chất lạc. Duyên nhơn là như ủ ấm. Vì từ sữa sanh nên gọi là trong sữa có tánh chất lạc.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Nếu sữa không tánh chất lạc, trong sừng bò cũng không có, cớ sao chẳng từ trong sừng bò mà sanh ?".

- Này Thiện nam tử ! Sừng bò cũng sanh chất lạc. Vì ta nói rằng duyên nhơn có hai thứ : Một là ủ, hai là ấm. Tánh sừng bò là ấm nên cũng có thể làm duyên sanh chất lạc.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu sừng bò có thể sanh chất lạc, người tìm chất lạc cớ sao lại tìm nơi sữa mà chẳng dùng sừng.

- Này Thiện nam tử ! Do cớ đó nên ta nói có chánh nhơn có duyên nhơn.

- Thế Tôn ! Nếu trong sữa vốn không tánh của chất lạc nay mới có, trong sữa vốn không tánh cây Am Ma La, cớ sao chẳng sanh cây Am Ma La, vì trong sữa cả hai tánh đều không.

- Này Thiện nam tử ! Sữa cũng có thể sanh cây Am Ma La, nếu dùng sữa tưới trong một đêm, cây Am Ma La cao thêm năm thước. Do nghĩa này nên ta nói có hai thứ nhơn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tất cả pháp chỉ có một nhơn sanh ra thời mới có thể vấn nạn như lời của ông vừa hỏi.

Này Thiện nam tử ! Như tứ đại làm nhơn duyên có ra tất cả sắc pháp. Nhưng sắc pháp mỗi mỗi riêng khác chẳng đồng nhau, do nghĩa này nên trong sữa chẳng sanh cây Am Ma La.

- Bạch Thế Tôn ! Như Phật nói có hai nhơn là chánh nhơn và duyên nhơn, Phật tánh của chúng sanh thuộc về nhơn nào ?

- Này Thiện nam tử ! Phật tánh của chúng sanh cũng hai thứ nhơn : Một là chánh nhơn, hai là duyên nhơn. Chánh nhơn đó chính là các chúng sanh. Duyên nhơn đó chính là sáu môn Ba la mật.

- Bạch Thế Tôn ! Nay tôi quyết định biết rằng trong sữa có tánh của chất lạc. Vì tôi thấy trong đời những người tìm chất lạc chỉ lấy nơi trong sữa mà trọn chẳng lấy trong những vật khác. Do đây nên biết rằng trong sữa có tánh của chất lạc.

- Này Thiện nam tử ! Như lời của ông hỏi, theo nghĩa thời chẳng đúng. Ví như có người muốn soi thấy hình bóng của mặt mình bèn lấy con dao sáng.

- Bạch Thế Tôn ! Do nghĩa này nên trong sữa có tánh của chất lạc, vì nếu trong dao không có hình bóng của gương mặt, cớ gì lại lấy dao.

- Này Thiện nam tử ! Nếu trong con dao này quyết định có hình bóng của gương mặt, cớ sao lại điên đảo : Dựng đứng thời thấy hình dài, cầm ngang thời thấy bóng rộng. Nếu là mặt của mình cớ sao lại thấy dài ? Nếu là mặt người khác thời đâu được gọi rằng là hình bóng của mặt mình. Nếu nhơn mặt mình mà thấy mặt người khác, cớ sao chẳng thấy bóng mặt của lừa của ngựa ?

- Bạch Thế Tôn ! Nhãn quang đến nơi kia nên thấy bóng mặt.

- Này Thiện nam tử ! Thật ra nhãn quang này chẳng đến nơi kia, vì xa gần đồng một thời đều được thấy cả, vì chẳng thấy những vật ở chặng giữa vậy.

Nhãn quang nếu đến nơi kia mà được thấy, thời tất cả chúng sanh đều thấy lửa cớ sao chẳng bị cháy ? Như người thấy vật trắng ở xa thời chẳng nên nghi rằng đó là chim hạc ? Là phan ? Là người ? Là cây ? Nếu nhãn quang đến nơi kia thế nào thấy được vật ở trong bình thủy tinh, cá cùng đá ở dưới vực sâu. Nếu nhãn quang chẳng đến mà thấy cớ sao thấy được vật trong bình thủy tinh, mà chẳng thấy được vật ở ngoài vách. Do lẽ này nên nếu nói rằng nhãn quang đến nơi kia mà được thấy đó là không đúng.

Này Thiện nam tử ! Như ông vừa nói trong sữa có tánh của chất lạc, cớ sao người bán sữa chỉ lấy giá tiền sữa mà chẳng đòi tiền chất lạc. Người bán ngựa cái cớ sao chỉ lấy tiền ngựa mà chẳng đòi tiền ngựa con.

Này Thiện nam tử ! Người đời vì không con cái nên cầu cưới vợ. Vợ nếu có thai nghén thời chẳng được gọi là con gái. Nếu nói là con gái có tánh của con cái nên phải cưới hỏi, thời không đúng. Vì nếu có tánh của con cái lẽ ra cũng phải có tánh của cháu. Nếu có tánh của cháu thời thành ra anh em, vì đồng

một bụng sanh ra vậy. Do đây nên ta nói rằng nơi người con gái không có tánh của con cái.

Nếu trong sữa kia có tánh của chất lạc, cớ sao chẳng thấy cả năm vị đồng một thời. Nếu trong hột cây có tánh chất của cây Ni Câu Đà cao năm trượng, cớ sao chẳng thấy mộng cây, nhánh lá, bông trái, hình sắc sai khác của cây đồng một thời.

Này Thiện nam tử ! Lúc là sữa thời màu khác, vị khác công dụng khác, nhẫn đến đề hồ cũng lại như vậy. Làm sao có thể nói được rằng trong sữa có tánh của chất lạc.

Này Thiện nam tử ! Như có người sáng ngày sẽ uống chất tô, giờ đây đã sợ hôi. Nếu nói rằng quyết định trong sữa có tánh của chất lạc thời cũng như vậy.

Ví như có người dùng viết giấy mực hòa hiệp thành chữ, mà trong giấy này vốn không có chữ, vì vốn không có nên nhờ duyên mà thành có, nếu vốn đã có thời cần gì các duyên.

Như xanh vàng hợp lại thành màu lục, nên biết hai màu này vốn không có tánh của màu lục, nếu vốn đã có cần gì phải hiệp lại mới thành.

Như chúng sanh do ăn mà được sống. Như trong vật thực này thiệt không có mạng sống. Nếu vốn đã có mạng sống, thời lúc chưa ăn lẽ ra vật thực này là mạng sống.

Này Thiện nam tử ! Tất cả các pháp vốn không có tánh, do nghĩa này nên ta nói kệ rằng :

Trước không nay có
Trước có nay không
Ba đời có pháp
Không có lẽ đó.

Này Thiện nam tử ! Tất cả pháp do nhơn duyên mà sanh cũng do nhơn duyên mà diệt.

Nếu chúng sanh có Phật tánh, thời tất cả chúng sanh lẽ ra có thân Phật như ta hôm nay.

Phật tánh của chúng sanh chẳng hư, chẳng hoại, chẳng bị kéo, bị bắt, chẳng bị trói, bị buộc. Như trong chúng sanh có hư không, vì tất cả chúng sanh đều có hư không chẳng chướng ngại, chúng sanh đều chẳng tự thấy mình có hư không này. Giả sử nếu chúng sanh chẳng có hư không thời không có những sự đến, đi, đứng, ngồi, nằm, chẳng sống chẳng lớn. Do nghĩa này nên trong kinh ta nói tất cả chúng sanh đều có hư không giới, hư không giới đây gọi là hư không. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Bực Thập trụ Bồ Tát thấy được phần ít như châu kim cương.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh của chúng sanh là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải là hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Tất cả chúng sanh vì chẳng thấy Phật tánh nên thường bị phiền não trói buộc mà phải

lưu chuyển trong sanh tử. Chư Phật vì thấy Phật tánh nên phiền não kiết sử chẳng trói buộc được, do đây giải thoát sanh tử đặng Đại Niết Bàn.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh có tánh của Phật tánh như tánh chất lạc trong sữa. Nếu sữa không tánh chất lạc, tại sao Phật nói có hai thứ nhơn : Chánh nhơn và duyên nhơn. Duyên nhơn có hai : Ủ và Ấm. Hư không vì là không tánh nên không có duyên nhơn.

- Này Thiện nam tử ! Giả sử trong sữa quyết định có tánh chất lạc, cần gì đến duyên nhơn ?

- Bạch Thế Tôn ! Vì có tánh nên phải cần duyên nhơn. Vì muốn thấy rõ vậy. Duyên nhơn đó chính là liễu nhơn. Như trong nhà tối đã trước có những đồ vật, vì muốn thấy rõ nên dùng đèn soi sáng. Nếu vốn không đồ vật thời đèn soi sáng những gì ? Như trong đất sét có bình, nên cần nhơn công, nước, vòng dây, gậy v.v... mà làm liễu nhơn. Như hột Ni Câu Đà cần đến đất, nước, phân mà làm liễu nhơn. Trong sữa cũng vậy, phải nhờ ủ ấm làm liễu nhơn. Vì thế nên dầu trước đã có tánh phải nhờ liễu nhơn rồi sau mới được thấy. Do nghĩa này nên quyết định biết trong sữa trước có tánh của chất lạc.

- Này Thiện nam tử ! Giả sử nếu trong sữa quyết định có tánh của chất lạc thời tánh này chính là liễu nhơn. Nếu đã là liễu nhơn lại cần gì phải dùng liễu.

- Này Thiện nam tử ! Nếu liễu nhơn đây tánh nó là liễu thời lẽ ra phải thường tự liễu. Nếu chẳng tự liễu thời đâu có thể liễu cái khác.

Nếu nói liễu nhơn có hai thứ tánh : Một là tự liễu, hai là liễu tha, thời không đúng nghĩa. Vì một pháp liễu nhơn làm sao lại có hai thứ tánh ? Nếu có hai tánh thời sữa lẽ ra cũng có hai thứ. Giả sử trong sữa không có hai thứ, tại sao liễu nhơn lại riêng có hai tánh ?

- Bạch Thế Tôn ! Như người đời nói rằng chúng tôi cộng có tám người : Liễu nhơn cũng như vậy : tự liễu và liễu tha.

- Này Thiện nam tử ! Liễu nhơn nếu như vậy thời chẳng phải là liễu nhơn, vì là số, có thể đếm, sắc của mình sắc của người nên được nói là tám, mà sắc tánh này tự nó không có liễu tướng, vì không liễu tướng, phải nhờ trí tánh mới đếm được tự và tha. Do đây nên liễu nhơn chẳng thể tự liễu cũng chẳng liễu được tha.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đã có Phật tánh cớ gì lại phải tu tập vô lượng công đức ? Nếu nói tu tập là liễu nhơn thời đã đồng hư hoại như chất lạc.

Nếu nói trong nhơn quyết định có quả thời giới, định, huệ lẽ ra không tăng trưởng. Nhưng người đời trước kia không giới, định, huệ, theo Sư trưởng học

tập thời lần lần được có giới, định, huệ. Nếu cho rằng Sư trưởng dạy dỗ là liễu nhơn, chính lúc dạy dỗ thời chưa có giới, định, huệ, nếu là liễu đó, lẽ ra là liễu thứ chưa có, sao lại gọi rằng liễu giới, định, huệ làm cho được tăng trưởng.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Nếu liễu nhơn là không, sao lại được gọi là có sữa có lạc ?".

- Này Thiện nam tử ! Sự đáp nạn của thế gian có ba : Một là chuyển đáp, như trước kia nói cớ gì gọi là giới ? Do vì chẳng ăn năn nhẫn đến vì được Đại Niết Bàn. Hai là nín lặng mà đáp, như có Phạm Chí đến hỏi ta rằng : Ngã là thường ư ? Lúc đó ta nín lặng. Ba là nghi đáp, như trong kinh đây nói : Nếu liễu nhơn có hai tánh cớ gì trong sữa chẳng được có hai thứ ?

Này Thiện nam tử ! Nay ta chuyển đáp, như người đời nói rằng có sữa có lạc, vì quyết định được, nên được gọi rằng có sữa có lạc. Phật tánh cũng như vậy có chúng sanh, có Phật tánh do vì sẽ được thấy.

- Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật vừa nói không được đúng nghĩa. Quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến thế nào gọi là có ? Nếu cho rằng sẽ có mà gọi là có đó, thời không đúng. Như người đời thấy không con cái bèn nói không con. Tất cả chúng sanh không có Phật tánh, tại sao nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

- Này Thiện nam tử ! Quá khứ gọi rằng có. Ví như trồng quít mộng mọc lên thời hột hư mất. Từ mộng lên cây nhánh lá nhẫn đến kết trái, lúc trái chín bèn có vị ngọt.

Này Thiện nam tử ! Vị ngọt này đều không từ nơi hột, mộng, cây, nhánh, bông v.v... lúc trái chín thời sanh vị ngọt, vị ngọt này trước không nay có. Dầu trước không nay có mà chẳng phải là chẳng do nơi hột lúc trước. Thế nên hột lúc trước dầu đã quá khứ nhưng được gọi là có. Do nghĩa này nên quá khứ gọi rằng có.

Thế nào lại gọi rằng vị lai là có ? Ví như có người gieo trồng cây mè. Có kẻ hỏi cớ gì trồng thứ này ? - Đáp rằng vì có dầu.

Thiệt ra thời chưa có dầu, khi cây mè đã già lấy hột hấp xôi giã, ép rồi sau mới có dầu chảy ra. Nên biết rằng người này trả lời như vậy chẳng phải là hư vọng. Do nghĩa này nên gọi rằng vị lai có.

Lại thế nào gọi rằng quá khứ có ư ? Ví như có người lén mắng nhà Vua trải qua nhiều năm. Lúc sau Vua nghe được đòi đến hỏi cớ sao mắng ta ? - Tâu Đại Vương ! Tôi chẳng mắng, vì người mắng đó mất. - Vua bảo : Kẻ mắng cùng thân ta cả hai đều còn tại sao lại nói rằng mất ? Người kia không trả lời được nên phải bị tội chết.

Này Thiện nam tử ! Hai tánh ấy thiệt không mà quả chẳng mất, đây gọi là quá khứ có.

Thế nào lại gọi rằng vị lai có ? Như có người đến nhà thợ gốm hỏi có bình không ? Đáp rằng có. Thiệt ra thợ gốm này chưa có bình, vì có đất sét nên đáp rằng có bình, phải biết rằng thợ gốm này chẳng phải vọng ngữ. Trong sữa có chất lạc, chúng sanh có Phật tánh cũng như vậy, muốn thấy Phật tánh phải nên quán sát thời tiết, hình sắc. Do đây nên ta nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh thiệt chẳng hư vọng.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh không có Phật tánh, làm sao mà được Vô Thượng Bồ Đề ?".

- Do chánh nhơn, nên khiến chúng sanh được Vô Thượng Bồ Đề. Gì là chánh nhơn ? Chính là Phật tánh.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu hột Ni Câu Đà không có cây Ni Câu Đà, tại sao gọi là hột Ni Câu Đà mà chẳng gọi là hột Khư Đà La ?

Bạch Thế Tôn ! Như họ Cù Đàm chẳng được gọi là họ A Kỳ Da. Họ A Kỳ Da lại cũng chẳng được gọi là họ Cù Đàm. Hột Ni Câu Đà chẳng được gọi là hột Khư Đà La, còn hột Khư Đà La cũng chẳng được gọi là hột Ni Câu Đà. Cũng như đức Thế Tôn chẳng được bỏ lìa họ Cù Đàm. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Do nghĩa này nên biết rằng chúng sanh đều có Phật tánh.

Phật bảo : "Này Thiện nam tử ! Nếu nói rằng trong hột có cây Ni Câu Đà thời không đúng, vì nếu là có cớ sao chẳng thấy ?

Này Thiện nam tử ! Như những vật trong đời vì có nhơn duyên nên chẳng thấy được. Ở xa chẳng thấy được như dấu chim bay giữa hư không. Vì gần nên chẳng thấy được như lông nheo rớt vào mắt. Vì hư hoại nên chẳng thấy như ngũ căn đã hư. Vì loạn tưởng nên chẳng thấy như tâm chẳng chuyên nhứt. Vì nhỏ nên chẳng thấy như vi trần. Vì bị che nên chẳng thấy như tinh tú bị mây phủ. Vì nhiều nên chẳng thấy như hột mè trên đống lúa. Vì tương tợ nên chẳng thấy như hột đậu trong đống đậu. Cây Ni Câu Đà chẳng đồng tám thứ nhơn duyên như vậy, nếu nó là có tại sao chẳng thấy ? Nếu cho rằng vì nhỏ bị che nên chẳng thấy thời không đúng, vì tướng cây to thô. Nếu cho rằng tánh vi tế thời thế nào lại thành cây lớn. Nếu cho rằng bị che ngăn thời lẽ ra luôn luôn chẳng được thấy. Cây trước kia không có tướng thô to, nay thời thấy cây to, nên biết rằng tướng to này vốn không có tánh. Trước kia không có tánh thấy nay thời thấy được, nên biết rằng sự thấy này cũng vốn không có tánh. Hột cũng như vậy : Trước không có cây nay thời có đó, như thế có lỗi gì ?

- Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật nói có hai thứ nhơn : Chánh nhơn và liễu nhơn. Hột Ni Câu Đà do đất, nước, phân làm liễu nhơn khiến nhỏ được thành to.

- Này Thiện nam tử ! Nếu trước đã có thời cần gì đến liễu nhơn ? Nếu trước là không thời liễu nhơn là liễu cái gì. Nếu trong hột Ni Câu Đà vốn không có tướng to, do liễu nhơn bèn sanh to, cớ sao chẳng sanh cây Khư Đà La, vì rằng hai thứ đều là không cả.

Này Thiện nam tử ! Nếu như nhỏ chẳng thấy được, thời lẽ ra to có thể thấy. Như một vi trần thời chẳng thấy được, nhiều vi trần hòa hiệp thời thấy được. Trong hột lẽ ra cũng như vậy, to thời có thể thấy, vì trong đó đã có mộng cây bông trái, trong mỗi mỗi trái có vô lượng hột, trong mỗi mỗi hột có vô lượng cây cho nên gọi là thô, vì là thô nên lẽ ra có thể thấy.

Nếu hột Ni Câu Đà có tánh cây Ni Câu Đà mà mọc lên cây, con mắt thấy hột này bị lửa đốt cháy thời lẽ ra tánh đốt cháy này cũng là đã có trước. Nếu tánh cháy vốn đã có thời lẽ ra cây chẳng mọc lên. Nếu tất cả pháp vốn đã có sanh diệt, cớ sao trước sanh rồi sau diệt mà chẳng đồng một thời ư ? Do nghĩa này nên biết là không có tánh.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu hột Ni Câu Đà vốn không tánh cây mà sanh ra cây, thời hột này cớ gì chẳng sanh ra dầu, vì cả hai tánh đều là không cả ?

- Này Thiện nam tử ! Hột ấy cũng có thể sanh ra dầu, dầu vốn không có tánh dầu, nhưng do nhơn duyên mà có.

- Bạch Thế Tôn ! Cớ sao không gọi là dầu mè ư ?

- Này Thiện nam tử ! Vì chẳng phải là mè.

Như duyên lửa sanh ra lửa, duyên nước sanh ra nước. Dầu hai thứ lửa và nước đều từ nơi duyên, nhưng chẳng thể có lẫn nhau được. Hột Ni Câu Đà và dầu mè cũng như vậy, tuy cả hai đều từ nơi duyên mà đều chẳng sanh lẫn nhau.

Tánh chất của hột Ni Câu Đà hay trị bịnh hàn lãnh. Tánh chất của dầu mè hay trị được bịnh phong.

Như cây mía, do nhơn duyên mà thành các thứ đường : đường phèn, đường đen. Dầu cả hai thứ đường đều từ nơi chất mía, nhưng sắc tướng khác nhau, đường phèn trị bịnh nhiệt, đường đen trị hàn lãnh.

- Bạch Thế Tôn ! Như trong sữa không tánh lạc, trong mè không tánh dầu, trong hột Ni Câu Đà không tánh cây, trong đất sét không tánh bình, tất cả chúng sanh không tánh Phật, cứ theo đây thời như trước kia đức Phật nói : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh vì thế nên được Vô Thượng Bồ Đề. Nghĩa này xét ra không được đúng, vì Trời và người đều vô tánh. Vì vô tánh nên người có thể sanh làm trời, trời có thể sanh làm người. Đều là do nhơn duyên của nghiệp, không phải do nơi tánh.

Đại Bồ Tát do nhơn duyên của nghiệp nên được Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu các chúng sanh có Phật tánh thời do nhơn duyên gì mà nhứt xiển đề dứt căn lành phải đọa địa ngục ? Nếu Bồ Đề tâm là Phật tánh, thời nhứt xiển đề lẽ ra chẳng dứt. Nếu là có thể dứt được, sao lại được nói rằng Phật tánh là thường ? Còn nếu chẳng phải là thường thời không gọi là Phật tánh.

Nếu chúng sanh có Phật tánh, cớ sao gọi là sơ phát tâm ư ? Tại sao lại gọi là bực thối chuyển, bực bất thối chuyển ? Nếu là bực thối chuyển thời nên biết rằng người này không có Phật tánh.

Bạch Thế Tôn ! Đại Bồ Tát nhứt tâm hướng đến Vô Thượng Bồ Đề, đại từ đại bi, thấy tội lỗi của phiền não sanh tử. Quán sát Đại Niết Bàn không có các lỗi sanh tử phiền não. Tin ngôi Tam Bảo và nghiệp nhơn quả báo, thọ trì giới cấm. Những tâm hạnh như vậy gọi là Phật tánh.

Nếu rời lìa những tâm hạnh này mà có Phật tánh, thời cần gì dùng những tâm hạnh này để làm nhơn duyên.

Bạch Thế Tôn ! Như sữa chẳng chờ duyên tất sẽ thành lạc, nhưng thành tô thời phải chờ đủ duyên : Nhơn công, nước, bình, dây, khuấy.

Cũng vậy, những chúng sanh có Phật tánh lẽ ra không cần nhơn duyên cũng được Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu là quyết định có Phật tánh, cớ sao người tu hành thấy sự khổ của ba ác đạo, sanh, già, bịnh,

chết mà thối tâm ? Nếu quyết định có Phật tánh, cũng chẳng cần tu sáu môn Ba la mật, lẽ ra được Vô Thượng Bồ Đề, như sữa chẳng cần duyên mà thành lạc. Nhưng thật ra phải nhờ tu sáu môn Ba la mật mới được Vô Thượng Bồ Đề.

Do những nghĩa này nên biết rằng chúng sanh đều không có Phật tánh.

Như trước kia đức Phật nói Tăng Bảo là thường trụ. Đã là thường thời tất chẳng phải là vô thường. Đã chẳng phải vô thường, tại sao Tăng Bảo được thành Vô Thượng Bồ Đề.

Tăng nếu là thường, sao lại nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh ?

Bạch Thế Tôn ! Giả sử nếu chúng sanh từ trước đến nay không tâm Bồ Đề, cũng không tâm Vô Thượng Bồ Đề, về sau mới có, thời Phật tánh của chúng sanh cũng lẽ ra trước không, sau mới có.

Do nghĩa trên đây nên tất cả chúng sanh lẽ ra không có Phật tánh.

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Ông từ lâu đã biết rõ nghĩa Phật tánh. Nay ông vì chúng sanh mà thỉnh hỏi như vậy.

Tất cả chúng sanh thiệt có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Ông nói rằng nếu chúng sanh có Phật tánh lẽ ra chẳng nên có người sơ phát

tâm. Phải biết rằng tâm không phải là Phật tánh, vì tâm vốn vô thường, còn Phật tánh là thường.

Ông nói có sao có người thối tâm. Thật ra không có thối tâm. Nếu tâm có thối thời tất là trọn chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề, vì được chậm nên gọi đó là thối.

Tâm Bồ Đề này thiệt chẳng phải là Phật tánh, vì nhứt xiển đề dứt căn lành đọa địa ngục.

Nếu tâm Bồ Đề là Phật tánh thời hạng nhứt xiển đề, chẳng được gọi là nhứt xiển đề. Tâm Bồ Đề cũng chẳng được gọi là vô thường. Do đây nên biết rằng tâm Bồ Đề thiệt chẳng phải là Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Ông nói nếu chúng sanh có Phật tánh thời lẽ ra chẳng cần nhờ nhơn duyên mới được Vô Thượng Bồ Đề, như sữa thành lạc. Lời này không đúng nghĩa. Vì ông đã nói phải có năm duyên mới thành sanh tô, nên biết rằng Phật tánh cũng như vậy.

Như trong các thứ đá có vàng, có bạc, có đồng, có sắt. Bốn thứ đá đều bổn thọ chất tứ đại, đồng tên là đá, đồng là vật có thiệt, nhưng mỗi thứ đá sản xuất mỗi chất không đồng nhau, phải cần nhờ đủ các duyên mới sản xuất ra chất vàng, bạc, đồng, sắt. Do đây nên biết rằng trước vốn không có, chờ đủ duyên mà sau mới có.

Phật tánh của chúng sanh chẳng gọi là Phật. Phải do công đức được thấy Phật tánh, rồi sau chúng sanh mới thành Phật.

Ông nói chúng sanh đều có Phật tánh tại sao lại không thấy. Lời này không đúng nghĩa. Vì các duyên công đức chưa đầy đủ nên không được thấy.

Do nghĩa này nên ta nói có hai nhơn : Chánh nhơn và duyên nhơn.

Chánh nhơn gọi là Phật tánh, duyên nhơn là phát tâm Bồ Đề. Do hai nhơn duyên này mà được Vô Thượng Bồ Đề, như đủ duyên thời sản xuất vàng.

Ông nói Tăng Bảo thường trụ thời lẽ ra chúng sanh không có Phật tánh đó. Phải biết rằng Tăng gọi là hòa hiệp. Hòa hiệp này có hai : Thế gian hòa hiệp và đệ nhứt nghĩa hòa hiệp.

Thế hòa hiệp gọi là Thanh Văn Tăng. Nghĩa hòa hiệp gọi là Bồ Tát Tăng.

Thế Tăng là vô thường. Phật tánh là thường trụ. Như Phật tánh, nghĩa Tăng cũng là thường trụ.

Lại có Tăng gọi là pháp hòa hiệp, chính là nói mười hai bộ kinh. Mười hai bộ kinh là thường, nên ta nói Pháp và Tăng là thường trụ.

Này Thiện nam tử ! Tăng gọi là hòa hiệp. Hòa hiệp đây chính là nói mười hai nhơn duyên. Trong mười hai nhơn duyên cũng có Phật tánh. Mười hai

nhơn duyên là thường, Phật tánh cũng vậy. Do đây nên Ta nói Tăng có Phật tánh.

Ông nói : Nếu chúng sanh có Phật tánh, tại sao có kẻ thối, người không thối ?

Này Thiện nam tử ! Lóng nghe ! Lóng nghe ! Ta sẽ phân biệt giải thuyết cho.

Có mười ba điều làm cho Bồ Tát thối chuyển đạo Vô Thượng Bồ Đề : Một là tâm chẳng tin; hai là tâm chẳng cố làm; ba là tâm nghi; bốn là tham tiếc thân mạng và của cải; năm là có quan niệm quá sợ sệt đối với Niết Bàn : "Thế nào làm cho chúng sanh diệt độ hẳn ?" ; sáu là tâm chẳng kham nhẫn; bảy là tâm chẳng điều nhu; tám là sầu não; chín là chẳng thích vui; mười là phóng dật; mười một là tự khinh thân mình; mười hai tự thấy phiền não không thể phá; mười ba là không thích những pháp môn tiến đến Bồ Đề.

Trên đây là mười ba điều làm cho Bồ Tát thối chuyển đạo Bồ Đề Vô Thượng.

Lại có sáu điều làm hư tâm Bồ Đề : Một là bỏn xẻn pháp; hai là có tâm chẳng lành chẳng đối với chúng sanh; ba là gần gũi bạn ác; bốn là chẳng siêng năng tinh tiến; năm là quá tự kiêu mạn; sáu là kinh doanh nghề nghiệp thế gian.

Này Thiện nam tử ! Có người được nghe chư Phật là bực thầy của cõi Trời và nhơn gian, là đấng

tối thượng trong tất cả chúng sanh, hơn tất cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác, là bực có pháp nhãn sáng suốt thấy rõ tất cả pháp, có thể đưa chúng sanh qua khỏi biển khổ lớn. Nghe như vậy rồi, người này phát nguyện lớn : Nếu trong đời có đấng Vô Thượng như vậy, tôi cũng sẽ được. Do đây nên người này phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Hoặc có người nhờ người khác khuyên dạy mà phát tâm Bồ Đề.

Hoặc có người nghe nói Bồ Tát trải qua vô số kiếp thật hành những khổ hạnh rồi sau mới được Vô Thượng Bồ Đề. Nghe rồi tự nghĩ rằng : Nay tôi không thể kham nổi những khổ hạnh như vậy, thời làm sao được Vô Thượng Bồ Đề. Do đây nên có thối tâm.

Lại còn có năm điều thối tâm Bồ Đề : Một là thích xuất gia theo ngoại đạo; hai là chẳng tu tâm đại từ; ba là ưa tìm lỗi Pháp sư; bốn là thường thích ở trong vòng sanh tử; năm là không thích thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết mười hai bộ kinh.

Lại cũng có hai pháp làm thối tâm Bồ Đề : Một là tham ưa ngũ dục; hai là chẳng thể cung kính tôn trọng ngôi Tam Bảo.

Này Thiện nam tử ! Do những nhơn duyên như vậy làm cho Bồ Tát thối tâm Bồ Đề.

Thế nào gọi là tâm bất thối ? Có người nghe rằng đức Phật có thể độ chúng sanh khỏi sanh, lão, bịnh, tử. Là đấng chẳng học với Thầy, tự tu tập được Vô Thượng Bồ Đề. Nếu đạo Bồ Đề là quả có thể được, tôi cũng tu tập quyết được quả ấy. Do đây nên người này phát tâm Bồ Đề. Bao nhiêu công đức tu tập không luận nhiều ít đều hồi hướng cả về Vô Thượng Bồ Đề.

Người này thệ nguyện thường được gặp Phật cùng đệ tử Phật, thường được nghe pháp Đại thừa thâm diệu, nhãn, nhĩ, tỹ, thiệt cả năm căn đều hoàn cụ, nếu gặp cảnh khổ nạn cũng quyết không mất tâm Bồ Đề này.

Lại nguyện rằng : Mong chư Phật, chư Bồ Tát luôn có lòng hoan hỷ đối với tôi, nguyện tôi đủ năm căn lành. Nếu có chúng sanh nào chặt, chém, đánh đập giết hại tôi, đối với kẻ này, tôi khởi lòng đại từ, lòng vui mừng, vì nhờ họ mà tôi được thêm lớn công hạnh Bồ Đề. Nếu không có họ, tôi làm sao được quả Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nguyện rằng : Đời đời tôi được khỏi những thân nữ, thân hai căn, không căn; không bị làm nô lệ; không gặp chủ hung ác; không thuộc dưới quyền vua chúa ác; chẳng sanh vào nước ác.

Nếu được thân xinh tốt, dòng họ cao sang, giàu có, nguyện tôi không có lòng kiêu mạn.

Nguyện tôi thường được nghe mười hai bộ kinh và thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết. Lúc tôi giảng thuyết cho chúng sanh, nguyện cho thính giả đều kính tin không nghi, chẳng sanh ác tâm đối với tôi.

Nguyện cho tôi thà nghe pháp ít mà hiểu được nhiều nghĩa vị, chẳng muốn nghe nhiều mà chẳng rõ nghĩa lý.

Nguyện là Thầy của tâm mình, chớ chẳng bị tâm sai sử. Thân, khẩu, ý, ba nghiệp chẳng giao tiếp với kẻ ác, điều ác. Có thể làm cho tất cả chúng sanh được an lạc. Giới hạnh nơi thân cũng như trí huệ nơi tâm đều vững chắc như núi không bị lay động. Vì muốn thọ trì Chánh pháp Vô thượng nên chẳng lẫn tiếc thân mạng và tài sản. Chẳng đem vật bất tịnh làm phước nghiệp. Tâm không tà vạy, tự sống với chánh mạng. Nếu thọ ơn thời nhớ mãi, trả nhiều hơn thọ. Biết rành những sự nghiệp thế gian; hiểu rành ngôn ngữ của các địa phương, của mọi loài chúng sanh.

Đọc tụng, biên chép mười hai bộ kinh không hề nhàm mỏi biếng lười.

Nếu có chúng sanh không thích nghe kinh, thời tôi tìm phương tiện tiếp dẫn cho họ ưa nghe kinh.

Tôi thường nói lời dịu hòa, miệng không tuyên điều xấu ác.

Chúng bất hòa, tôi làm cho họ hòa hiệp.

Người lo sợ, tôi làm cho họ được vững lòng.

Thời kỳ đói kém, tôi làm cho mọi người được no đủ. Đời tật bịnh thời tôi sẽ làm vị đại lương y tự có đủ tài bảo cũng như thuốc men, làm cho người bịnh đều được lành mạnh.

Kiếp binh đao, tôi sẽ có thế lực lớn trừ dứt hết sự tương tàn tương hại.

Tôi sẽ làm cho chúng sanh khỏi các điều kinh sợ như bị giết, bị bắt, giam nhốt, đánh đập, những nạn về nước lụt, hỏa hoạn, nạn vua chúa, nạn giặc cướp, sự nghèo khốn, phá giới, danh xấu, ác đạo.

Với cha mẹ, Sư trưởng, tôi rất kính mến, với kẻ thù nghịch, tôi khởi lòng từ.

Tôi thường tu tập sáu chánh niệm, môn không tam muội, mười hai nhơn duyên, quán sanh diệt vô thường, sổ tức, Thiên hạnh, Phạm hạnh, Thánh hạnh, Kim Cang Tam muội, Thủ Lăng Nghiêm định.

Nơi không có ngôi Tam Bảo, nguyện tôi được tâm tịch tịnh.

Nếu lúc thân tôi bị phải sự rất khổ, nguyện không hư mất tâm Bồ Đề Vô Thượng. Chẳng sanh lòng tri túc đối với Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Chỗ không ngôi Tam Bảo tôi thường xuất gia trong hàng ngoại đạo để phá tà kiến của họ, đặng pháp tự tại, đặng tâm tự tại, nơi pháp hữu vi thấy rõ sự lỗi lầm.

Nguyện tôi sợ sệt đạo quả Nhị thừa như người tiếc thân sợ chết.

Nguyện tôi vì chúng sanh nên thích ở trong ba ác đạo như chúng sanh thích ở cõi trời Đao Lợi.

Nguyện tôi vì mỗi mỗi chúng sanh mà chịu khổ địa ngục trong vô lượng kiếp chẳng sanh lòng hối hận.

Nguyện tôi thấy người khác được lợi ích chẳng sanh lòng ganh ghét, thường có lòng tùy hỷ như chính mình được.

Nếu gặp ngôi Tam Bảo, nguyện tôi sẽ đem y phục, đồ uống ăn, thuốc men, đồ nằm, nhà cửa, đèn sáng, hoa hương, kỹ nhạc, phan lọng, bảy báu cúng dường.

Nếu thọ giới pháp của Phật nguyện tôi giữ gìn bền chắc trọn chẳng sanh lòng hủy phạm. Nếu nghe khổ hạnh khó làm của Bồ Tát, trong lòng vui mừng chẳng hối hận. Tự biết những việc đời trước trọn chẳng gây nghiệp tham, sân, si. Chẳng vì quả báo mà chứa nhóm nghiệp nhơn. Đối với sự vui hiện tại chẳng sanh lòng tham đắm.

Này Thiện nam tử ! Nếu có người phát được những nguyện như vậy thời gọi là Bồ Tát trọn chẳng thối thất tâm Bồ Đề, cũng gọi là thí chủ, có thể thấy đức Như Lai, thấy rõ Phật tánh, có thể điều phục chúng sanh độ khỏi sanh tử, có thể hộ trì chánh pháp vô thượng, có thể được đầy đủ sáu môn Ba la mật.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này nên tâm bất thối chẳng gọi là Phật tánh !

(*) Này Thiện nam tử ! Ông chẳng nên vì tâm có thối chuyển mà cho rằng các chúng sanh không có Phật tánh. Thí như có hai người đều nghe phương khác có núi thất bảo, trong núi có suối nước trong vị ngọt. Nếu ai đến được núi ấy thời vĩnh viễn khỏi sự nghèo khốn. Ai uống được suối ấy thời sống lâu muôn tuổi. Chỉ vì đường sá xa xôi hiểm trở nhiều tai nạn. Hai người ấy đều muốn cùng nhau đi. Một người sắm sửa các thứ vật cần dùng đi đường, một người thời đi tay không, cùng nhau đồng tiến về hướng núi báu. Dọc đường gặp một người mang nhiều của báu đi ngược chiều. Hai người hỏi rằng : Xin hỏi ông xứ đó thiệt có núi bảy báu ư ? Đáp rằng : Thiệt có núi báu, chính tôi đã được bảo vật và được uống nước suối ngọt. Chỉ lo rằng đường xa hiểm trở, trộm cướp quá nhiều, hầm hố gai chông, lại thêm thiếu nước, thiếu cỏ. Muôn ngàn người đi ít người đến được.

Nghe khách nói, một người ăn năn cho rằng đường sá gian nan khốn khổ như vậy, vô lượng người đi không mấy người được đến, tôi làm thế nào có thể đến được núi báu. Hiện tại sản nghiệp của tôi cũng tạm đủ dùng. Nếu gắng gượng đi hoặc có thể chẳng toàn thân mạng. Thân mạng đã chẳng toàn còn mong gì được trường thọ.

(*) Hán bộ quyển thứ 29

Một người nói rằng : Có người đến được thời tôi cũng có thể đến được. Tôi quyết đến núi báu lượm lấy bảo vật cùng uống nước suối ngọt, nếu chẳng toại nguyện có chết cũng cam lòng.

Lúc đó hai người, một thời ăn năn trở về, một thời tiến đến núi báu. Người sau này đến được núi kia, uống nước suối ngọt, mang nhiều bảo vật trở về nhà, dùng của ấy phụng dưỡng cha mẹ, cung cấp họ hàng thân thuộc.

Bấy giờ người ăn năn thôi về trước kia thấy kết quả tốt đẹp của người này trong lòng phát phẫn : Anh ấy mang được bảo vật về nhà, tại sao ta cứ ở mãi bên đây mà chẳng dám đi ? Liền sắm sửa hành trang thẳng đến núi báu.

Này Thiện nam tử ! Núi báu kia dụ cho Đại Niết Bàn. Nước suối ngọt dụ cho Phật tánh. Hai người kia dụ cho hai vị Bồ Tát sơ phát tâm. Con đường hiểm ác dụ cho sanh tử. Người đi ngược chiều gặp dọc đường dụ cho đức Phật Thế Tôn. Trộm cướp dụ cho tứ ma. Hầm hố gai chông dụ cho các phiền não. Không nước không cỏ dụ chẳng tu tập đạo Bồ Đề. Người nghe khó ăn năn trở về dụ cho Bồ Tát thối chuyển. Người dũng mãnh thẳng tiến dụ cho Bồ Tát bất thối.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh của chúng sanh thường trụ chẳng biến đổi. Như con đường hiểm

trở kia, không ai có thể bảo rằng vì có người ăn năn trở lại mà làm cho con đường thành vô thường. Phật tánh cũng như vậy, trong đạo Bồ Đề trọn không có sự thối thất. Như người ăn năn kia thấy bạn mình đặng của báu mang về nhà, giàu có tự tại, cúng dường cha mẹ, cung cấp thân thuộc, an vui sung sướng.

Do đó bèn phát tâm thẳng đến núi báu chẳng tiếc thân mạng. Bồ Tát thối chuyển cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được thành Vô Thượng Bồ Đề. Do nghĩa này nên trong kinh Phật nói tất cả chúng sanh nhẫn đến kẻ tạo tội ngũ nghịch, phạm tứ trọng và nhứt xiển đề đều có Phật tánh.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Bồ Tát thế nào có thối cùng chẳng thối ?".

- Này Thiện nam tử ! Nếu có Bồ Tát tu tập nghiệp nhơn ba mươi hai tướng tốt của Như Lai thời được gọi là bực bất thối, thời được gọi là đại Bồ Tát, cũng gọi là bực bất động chuyển, là thương xót tất cả chúng sanh, gọi là hơn tất cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác, là bực A Bệ Bạt Trí.

Này Thiện nam tử ! Nếu đại Bồ Tát trì giới chẳng lay động, tâm bố thí chẳng dời đổi, lời nói chơn thật như núi Tu Di, nghiệp duyên trên đây được tướng tốt dưới bàn chân đầy bằng.

Nếu đại Bồ Tát ở nơi cha mẹ, Hòa thượng, Sư trưởng, nhẫn đến các loài súc sanh, đem của cải đúng pháp cúng dường cung cấp, do nghiệp duyên này được tướng tốt dưới lòng bàn chân có tướng Thiên Bức Luân.

Nếu đại Bồ Tát chẳng sát sanh, chẳng trộm cướp, đối với cha mẹ Sư trưởng thường có lòng hoan hỷ, do nghiệp duyên này được thành ba tướng tốt : Một là ngón tay dài vót, hai là gót chân dài, ba là thân mình vuông thẳng, ba là tướng tốt này đồng do một nghiệp duyên.

Nếu đại Bồ Tát tu tập Tứ nhiếp pháp để nhiếp thủ chúng sanh, do nghiệp duyên này được tướng tốt ngón tay có màn lưới như ngỗng chúa trắng.

Nếu đại Bồ Tát lúc cha mẹ, Sư trưởng có bịnh khổ, tự tay tắm rửa, lau chùi, dắt đỡ, thoa bóp, do nghiệp duyên này được tướng tốt, tay chân dịu dàng.

Nếu đại Bồ Tát trì giới, nghe pháp, cùng bố thí không nhàm chán, do nghiệp duyên này được tướng tốt mắt cá lóng đốt đều no đủ, lông trong thân đều xoắn lên trên.

Nếu đại Bồ Tát chuyên tâm nghe pháp và diễn thuyết chánh pháp, do nghiệp duyên này được tướng tốt đùi vế như nai chúa.

Nếu đại Bồ Tát đối với chúng sanh chẳng có lòng tổn hại, ăn uống biết đủ, thường ưa bố thí khám bịnh, cung cấp thuốc men, do nghiệp duyên này được

tướng tốt thân hình tròn đủ như cây Ni Câu Đà, lúc đứng hai tay dài quá đầu gối, đỉnh đầu có nhục kế Vô kiến đảnh tướng.

Nếu đại Bồ Tát thấy người gặp sự kinh sợ liền cứu hộ cho, thấy người lõa lồ rách rưới thời bố thí y phục, do nghiệp duyên này được tướng tốt mã âm tàng.

Nếu đại Bồ Tát gần gũi người trí, xa lìa kẻ ngu, vui vẻ hỏi đáp, quét dọn đường đi, do nghiệp duyên này da thưa mịn màng, lông trên thân xoay về phía hữu.

Nếu đại Bồ Tát thường dùng y phục, đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men, hương hoa, đèn đuốc bố thí cho người, do nghiệp duyên này đặng thân màu vàng ròng, thường có ánh sáng chói rỡ.

Nếu đại Bồ Tát lúc bố thí, những vật báu quí có thể đem cho chẳng tiếc chẳng nghĩ là phước điền hay chẳng phải phước điền, do nghiệp duyên này được tướng tốt bảy chỗ trên thân được no đủ.

Nếu đại Bồ tát lúc bố thí lòng chẳng nghi ngờ, do nghiệp duyên này được tiếng nói dịu dàng.

Nếu đại Bồ Tát đúng như pháp làm ra của cải đem bố thí, do nghiệp duyên này được tướng tốt nơi thân chỗ xương thiếu đều đầy đủ, thân như Sư Tử Vương, cánh tay thon dài.

Nếu đại Bồ Tát xa lìa lưỡng thiệt, ác khẩu và tâm giận hờn, do nghiệp duyên này được tướng tốt đủ bốn mươi cái răng trong trắng sạch sẽ, bằng thẳng khít khao.

Nếu đại Bồ Tát có lòng đại từ bi đối với chúng sanh, do nghiệp duyên này được tướng hai răng nanh tốt.

Nếu đại Bồ Tát thường phát nguyện : Có người đến cầu xin thời cấp cho theo ý của họ xin, do nghiệp duyên này được gò má như sư tử.

Nếu đại Bồ Tát cung cấp đồ uống ăn theo sở thích của chúng sanh, do nghiệp duyên này được tướng tốt trong cổ họng thường rịn chất cam lộ thượng vị.

Nếu đại Bồ Tát tự thật hành mười điều lành cùng giáo hóa người, do nghiệp duyên này được tướng tốt lưỡi rộng dài.

Nếu đại Bồ Tát chẳng rao nói lỗi xấu của người, chẳng hủy báng chánh pháp, do nghiệp duyên này đặng tướng tốt tiếng Phạm âm.

Nếu đại Bồ Tát thấy kẻ thù nghịch thời sanh lòng hoan hỷ, do nhơn duyên này được tướng tốt, tròng mắt màu xanh biếc.

Nếu đại Bồ Tát chẳng ẩn che tài đức của người mà phô dương điều hay của mình, do nghiệp duyên này được tướng tốt bạch hào.

Này Thiện nam tử ! Nếu đại Bồ Tát tu tập nghiệp duyên ba mươi hai tướng tốt như vậy thời được chẳng thối chuyển tâm Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn. Cảnh giới và nghiệp quả của chư Phật

cùng Phật tánh cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì bốn pháp này đều là thường, vì thường trụ nên chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sanh vì phiền não che đậy nên gọi là thường. Vì dứt phiền não thường nên gọi là vô thường. Nếu nói rằng tất cả chúng sanh là thường, cớ gì lại tu tập tám Thánh đạo ? Tu tập để dứt các sự khổ, các sự khổ nếu đã dứt thời gọi là vô thường, sự vui được hưởng thọ thời gọi là thường. Do đây nên ta nói tất cả chúng sanh bị phiền não che đậy mà chẳng thấy được Phật tánh, vì chẳng thấy nên chẳng được Niết Bàn.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Như lời Phật nói tất cả các pháp có hai thứ nhơn là chánh nhơn và duyên nhơn. Do hai nhơn này lẽ ra không có trói buộc, không có giải thoát : Thân ngũ ấm này niệm niệm sanh diệt, nó đã sanh diệt thời có gì là trói buộc và giải thoát.

Bạch Thế Tôn ! Nhơn thân ngũ ấm này mà sanh thân ngũ ấm sau. Thân này tự diệt chẳng đến thân kia, dầu chẳng đến kia nhưng có thể sinh ngũ ấm kia. Như do hột sanh mộng, hột chẳng đến mộng, dầu hột chẳng đến mộng mà có thể sanh mộng. Chúng sanh cũng như vậy, thế nào có trói buộc và giải thoát ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Lóng nghe ! Lóng nghe ! Ta sẽ vì ông phân biệt giải thuyết. Như người lúc chết rất khổ, quyến thuộc bao quanh kêu khóc

than thở, người này sợ hãi chẳng biết cầu cứu với ai, dầu có năm giác quan mà không hay, không biết, tay chơn run giựt, không thể tự chủ, thân thể lành lạnh sắp hết hơi nóng, thấy những tướng nghiệp báo thiện ác đã tạo từ trước. Như mặt trời sắp lặn, thời bóng của núi gò ngã về hướng Đông, không bao giờ trở qua Tây. Nghiệp quả của chúng sanh cũng như vậy, lúc thân ngũ ấm này diệt thời ngũ ấm kia liền nối sanh. Như đèn cháy lên thời bóng tối mất, đèn tắt thời bóng tối hiện ra. Như ấn sáp in vào đất sét, ấn cùng đất sét hiệp, ấn rã, lằn chữ nổi lên, mà ấn sáp này chẳng biến nơi đất sét, lằn chữ chẳng phải từ đất sét ra, cũng chẳng phải chỗ khác đến, do ấn làm nhơn duyên mà sanh lằn chữ. Ngũ ấm hiện tại diệt, thân trung ấm liền sanh. Ngũ ấm hiện tại này trọn chẳng biến làm thân trung ấm, thân trung ấm cũng chẳng phải tự sanh, cũng chẳng từ nơi khác đến, do thân hiện tại mà sanh thân trung ấm. Như ấn sáp in nơi đất sét, ấn rã lằn chữ thành, danh từ dầu không sai khác mà thời tiết đều riêng khác. Do đây nên ta nói thân trung ấm chẳng phải nhục nhãn thấy được, thiên nhãn mới ngó thấy. Thân trung ấm này có ba cách ăn : Tư thực, xúc thực, ý thực. Thân trung ấm có hai thứ : Một là nghiệp quả lành, hai là nghiệp quả ác. Do nghiệp lành nên được giác quán lành, do nghiệp ác nên được giác quán ác. Lúc cha mẹ giao hội phán hiệp, theo nhơn duyên của

nghiệp mà đến chỗ thọ sanh. Đối với mẹ sanh lòng thương, đối với cha sanh lòng sân. Lúc tinh của cha chảy ra cho rằng là của mình, sanh lòng vui mừng. Do nhơn duyên của ba thứ phiền não này, thân trung ấm diệt mà sanh thân ngũ ấm sau. Như ấn sáp in vào đất sét, ấn hư lằn chữ thành.

Lúc sanh ra những căn thân có đầy đủ cùng chẳng đủ. Người căn đầy đủ thấy sắc thời sanh lòng tham, vì tham nên gọi là ái. Do hư dối mà sanh lòng tham, đây gọi là vô minh. Do hai nhơn duyên tham ái và vô minh nên những cảnh giới xem thấy thảy đều điên đảo : Vô thường thấy là thường, vô ngã thấy là ngã, vô lạc thấy là lạc, bất tịnh thấy là tịnh. Do bốn thứ điên đảo này nên gây tạo những hạnh nghiệp thiện ác. Phiền não gây ra nghiệp, nghiệp sanh ra phiền não, đây gọi là hệ phược. Do nghĩa này nên gọi là ngũ ấm sanh.

Người này nếu được gần gũi chư Phật, đệ tử của Phật cùng những Thiện tri thức thời được nghe, được học mười hai bộ kinh. Do nghe pháp nên quán những cảnh giới lành. Do quán cảnh giới lành nên được trí huệ lớn, đây gọi là chánh tri kiến. Vì được chánh trị kiến nên sanh lòng hối hận đối với sanh tử. Do tâm hối hận này nên chẳng ưa thích sanh tử, vì chẳng ưa thích nên phá được lòng tham, vì phá lòng tham nên tu tám Thánh đạo, do tu tám Thánh đạo nên được không sanh tử, vì không sanh tử nên gọi là được giải thoát như lửa chẳng gặp củi gọi đó là tắt.

Vì tắt diệt sanh tử nên gọi là diệt độ. Do nghĩa này nên gọi là thân ngũ ấm diệt".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Trong hư không chẳng có gai thế nào nói rằng nhổ ? Ngũ ấm không cột trói thế nào gọi rằng hệ phược ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Vì xiềng xích phiền não trói buộc ngũ ấm, lìa ngũ ấm rồi thời không có phiền não riêng, lìa phiền não rồi thời không có ngũ ấm riêng.

Như cột chống đỡ nóc nhà, lìa nhà thời không cột, lìa cột thời không nhà. Thân ngũ ấm của chúng sanh cũng như vậy : Vì có phiền não gọi là hệ phược, vì không phiền não gọi là giải thoát.

Như nắm tay, chấp tay, cột gút, ba thứ hiệp tan sanh diệt không có thứ gì riêng. Ngũ ấm của chúng sanh cũng như vậy : Vì có phiền não gọi là hệ phược, vì không phiền não gọi là giải thoát.

Như nói danh sắc hệ phược chúng sanh. Nếu danh sắc diệt thời không chúng sanh. Lìa danh sắc không có chúng sanh riêng, lìa chúng sanh không có danh sắc riêng, cũng gọi là danh sắc hệ phược chúng sanh, cũng gọi là chúng sanh hệ phược danh sắc".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Như con mắt chẳng tự thấy, ngón tay chẳng tự chạm, dao chẳng tự cắt, thọ chẳng tự thọ, sao đức Thế Tôn nói rằng danh sắc hệ phược danh sắc ? Vì nói danh sắc

thời chính là chúng sanh, còn nói chúng sanh thời chính là danh sắc. Nếu nói danh sắc hệ phược chúng sanh thời là danh sắc hệ phược danh sắc".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Như lúc hai tay chấp lại, thời không có cái gì khác đến chấp. Danh cùng sắc cũng như vậy. Do đây nên ta nói danh sắc hệ phược chúng sanh. Nếu rời danh sắc thời được giải thoát. Vì thế nên ta nói chúng sanh giải thoát".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Nếu có danh sắc là hệ phược, các vị A La Hán chưa rời danh sắc, lẽ ra cũng là hệ phược !".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Có hai thứ giải thoát : Một là tử đoạn, hai là quả đoạn.

Tử đoạn là dứt phiền não. Các vị A La Hán đã dứt phiền não, các kiết sử đã phá hư, nên tử kiết sử dứt chẳng hệ phược được. Vì A La Hán chưa dứt quả nên gọi là quả hệ phược. Các vị A La Hán chẳng thấy Phật tánh. Vì chẳng thấy nên chẳng được Vô Thượng Bồ Đề. Do đây nên có thể gọi là quả hệ phược mà chẳng được gọi là danh sắc hệ phược.

Này Thiện nam tử ! Như thắp đèn, lúc dầu chưa hết thời ánh lửa chẳng tắt. Nếu đã hết dầu, thời lửa quyết phải tắt. Dầu là dụ cho phiền não. Đèn là dụ cho chúng sanh. Vì dầu phiền não nên chúng sanh chẳng nhập Niết Bàn. Nếu dứt hết phiền não, thời tất nhập Niết Bàn".

- Bạch Thế Tôn ! Đèn cùng dầu tánh cách riêng khác. Còn chúng sanh và phiền não thời không phải như vậy : Chúng sanh là phiền não, cũng như phiền não là chúng sanh. Chúng sanh gọi là ngũ ấm, chính ngũ ấm gọi là chúng sanh. Ngũ ấm gọi là phiền não, cũng như phiền não gọi là ngũ ấm. Sao đức Như Lai lại dụ như đèn ?

- Này Thiện nam tử ! Có tám thứ ví dụ : Một là thuận dụ, hai là nghịch dụ, ba là hiện dụ, bốn là phi dụ, năm là tiên dụ, sáu là hậu dụ, bảy là tiên hậu dụ, tám là biến dụ.

Thế nào là thuận dụ ?

Như trong kinh nói : Trời mưa lớn mương rãnh đều đầy nước; vì mương rãnh đầy nước nên hố nhỏ đầy, vì hố nhỏ đầy nên hố lớn đầy; vì hố lớn đầy; nên suối nhỏ đầy ; vì suối nhỏ đầy nên suối lớn đầy ; vì suối lớn đầy nên ao nhỏ đầy; vì ao nhỏ đầy nên ao lớn đầy; vì ao lớn đầy nên sông nhỏ đầy; vì sông nhỏ đầy nên sông lớn đầy vì sông lớn đầy nên biển lớn đầy.

Pháp võ của đức Như Lai cũng như vậy, làm cho chúng sanh đầy đủ giới hạnh; vì giới đầy đủ nên tâm chẳng hối hận được đầy đủ; vì tâm chẳng hối hận đầy nên lòng hoan hỷ đầy đủ vì lòng hoan hỷ đầy nên sự viễn ly đầy đủ; vì sự viễn ly đầy nên sự an ổn được đầy đủ; vì sự an ổn đầy nên chánh

định đầy đủ; vì chánh định đầy nên chánh tri kiến đầy đủ; vì chánh trỉ kiến đầy nên sự nhàm lìa đầy đủ; vì yểm ly đầy nên sự quở trách đầy đủ; vì sự quở trách đầy nên giải thoát đầy đủ; vì giải thoát đầy nên Niết Bàn đầy đủ. Đây gọi là thuận dụ vậy.

Thế nào là nghịch dụ ?

Biển lớn có nguồn chính là sông lớn; sông lớn có nguồn chính là sông nhỏ; sông nhỏ có nguồn chính là ao lớn; ao lớn có nguồn chính là ao nhỏ; ao nhỏ có nguồn chính là suối lớn; suối lớn có nguồn chính là suối nhỏ; suối nhỏ có nguồn chính là hố lớn; hố lớn có nguồn chính là hố nhỏ; hố nhỏ có nguồn chính là mương rãnh; mương rãnh có nguồn chính là mưa to.

Cũng vậy, Niết Bàn có nguồn chính là giải thoát; giải thoát từ quở trách; quở trách từ yểm ly; yểm ly từ chánh tri kiến; chánh tri kiến từ chánh định; chánh định từ an ổn; an ổn từ viễn ly; viễn ly từ hoan hỷ; hoan hỷ từ chẳng hối hận; chẳng hối hận từ trì giới; sự trì giới bắt nguồn từ nơi pháp võ của đức Như Lai. Đây gọi là nghịch dụ vậy.

Thế nào là hiện dụ ?

Như nói tâm tánh của chúng sanh như khỉ, vượn. Tánh của khỉ, vượn bỏ cái này liền bắt cái kia. Cũng vậy, tâm tánh của chúng sanh bắt lấy lục trần không lúc nào tạm dừng. Đây gọi là hiện dụ vậy.

Thế nào là phi dụ ?

Như xưa kia ta bảo vua Ba Tư Nặc : Đại vương ! Có người thân tín từ bốn phương đến báo với nhà vua rằng có bốn hòn núi lớn từ bốn phương đến muốn hại nhơn dân. Nếu nghe như vậy Đại vương sẽ lập kế gì ?

- Vua đáp : Bạch Thế Tôn ! Nếu có như vậy thời không còn có chỗ trốn tránh, chỉ phải chuyên tâm trì giới, bố thí.

- Ta khen rằng : Lành thay ! Đại vương ! Ta nói bốn hòn núi là sanh, lão, bịnh, tử của chúng sanh. Bốn sự khổ đó thường đến bức não chúng sanh, sao Đại vương chẳng trì giới, bố thí ? - Vua đáp : Bạch Thế Tôn ! Trì giới bố thí được quả báo gì ? Ta nói : Trì giới bố thí sẽ được hưởng sự vui sướng ở cõi Trời, cõi người. - Vua nói : Bạch Thế Tôn cây Ni Câu Đà trì giới bố thí cũng được hưởng phước ư ? - Ta nói cây Ni Câu Đà chẳng thể trì giới bố thí, nếu nó có thể làm được thời cũng được hưởng phước như người. Đây gọi là phi dụ.

Thế nào là tiên dụ ?

Trong kinh nói : Như có người ưa thích hoa đẹp, lúc hái lấy bị nước cuốn trôi. Chúng sanh cũng vậy vì tham ái ngũ dục mà bị sanh tử. Đây gọi là tiên dụ.

Thế nào là hậu dụ ?

Như kinh Pháp Cú nói :

Chớ khinh tội nhỏ,
Cho là không hại,
Giọt nước dầu ít,
Lần đầy lu lớn.

Đây gọi là hậu dụ.

Thế nào là tiên hậu dụ ?

Ví như cây chuối có trái thời chết. Người ngu được lợi dưỡng cũng như vậy. Như con la có thai thời mạng sống chẳng còn lâu. Đây là tiên hậu dụ.

Thế nào là biến dụ ?

Như trong kinh nói trời Đao Lợi có cây Ba Lợi Chất Đa, gốc nó sâu năm do diên, cao một trăm do diên, nhánh lá bủa ra bốn phía năm mươi do diên, lúc lá chín thời màu vàng, chư Thiên xem thấy sanh lòng vui mừng. Lá này chẳng bao lâu sẽ rơi rụng, chư Thiên thấy lá rụng lại sanh lòng vui mừng. Nhánh cây chẳng bao lâu sẽ đổi sắc, chư Thiên thấy nhánh đổi sắc lại sanh lòng vui mừng. Nhánh này chẳng bao lâu sẽ sanh nụ tròn, chư Thiên thấy nụ sanh lòng vui mừng. Những nụ này chẳng bao lâu sẽ dài nhọn, chư Thiên lại sanh lòng vui mừng. Những nụ dài nhọn này chẳng bao lâu sẽ nở ra, lúc nụ nở hơi thơm khắp năm mươi do diên, chiếu sáng tám mươi do diên. Lúc đó chư Thiên ba tháng mùa hạ chơi vui dưới cây này.

Này Thiện nam tử ! Hàng đệ tử của ta cũng như vậy. Lá sắc vàng dụ cho đệ tử của ta có tâm niệm muốn xuất gia. Lá rụng dụ cho đệ tử của ta cạo bỏ râu tóc. Nhánh cây đổi sắc dụ cho đệ tử của ta bạch tứ yết ma thọ giới cụ túc. Mới sanh nụ tròn dụ cho đệ tử của ta phát tâm Bồ Đề, nụ nhọn dài dụ cho Thập trụ Bồ Tát thấy được Phật tánh. Nở xòe ra dụ cho Bồ Tát được Vô Thượng Bồ Đề. Mùi thơm dụ cho vô lượng chúng sanh thọ trì cấm giới, chiếu sáng dụ cho Như Lai danh hiệu vô ngại cùng khắp mười phương. Ba tháng mùa hạ dụ cho ba môn chánh định. Chư Thiên chơi vui dụ cho chư Phật ở nơi Đại Niết Bàn được thường, lạc, ngã, tịnh. Đây gọi là biến dụ.

Này Thiện nam tử ! Phàm dẫn ví dụ bất tất phải lấy trọn hết, hoặc lấy phần ít, hoặc lấy phần nhiều, hoặc lấy hoàn toàn. Như nói gương mặt của Phật như mặt trăng tròn, đây gọi là lấy phần ít.

Ví như có người chưa bao giờ thấy sữa, hỏi người khác rằng : Sữa là giống gì ? Đáp : Như nước, mật, vỏ ốc; nước thời là tướng ướt, mật thời vị ngọt, vỏ ốc thời là màu sắc. Dầu dẫu ba thứ dụ nhưng chưa phải thiệt là sữa. Ta nói ví dụ cái đèn đem dụ cho chúng sanh cũng như vậy. Ta nói lìa nước thời không có con sông, chúng sanh cũng vậy lìa năm ấm thời không còn là chúng sanh. Như ngoài thùng, gọng, trục, bánh, căm thời không còn có cái xe. Chúng sanh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Nếu muốn đem pháp hiệp với ví dụ cái đèn kia, thời nên lóng nghe : Tim đèn dụ cho hai mươi lăm cõi; dầu dụ cho tham ái; ánh sáng dụ cho trí huệ trừ bóng tối dụ cho phá vô minh; hơi nóng dụ cho Thánh đạo. Như đèn hết dầu thời ngọn lửa tắt, chúng sanh hết tham ái thời thấy Phật tánh, tuy có danh sắc nhưng chẳng hệ phược được, tuy ở trong hai mươi lăm cõi nhưng chẳng bị các cõi làm nhiễm ô.

Bạch Thế Tôn ! Ngũ ấm của chúng sanh rỗng không chẳng có gì, ai lãnh thọ giáo pháp tu tập đạo hạnh ?

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đều có niệm tâm, huệ tâm, phát tâm, tinh tấn tâm, tín tâm, định tâm. Những tâm này như vậy dầu niệm niệm diệt nhưng vẫn tương tợ, tương tục chẳng dứt nên gọi là tu hành.

- Bạch Thế Tôn ! Những tâm như vậy đều niệm niệm diệt, niệm niệm diệt này cũng là tương tợ, tương tục, thời thế nào có sự tu tập ?

- Này Thiện nam tử ! Như ngọn đèn dầu niệm niệm diệt mà có ánh sáng trừ bóng tối. Như chúng sanh ăn uống dầu niệm niệm diệt nhưng cũng làm cho người đói đặng no. Như thuốc hay dầu niệm niệm diệt nhưng cũng có thể làm cho bịnh được lành. Như ánh sáng mặt trời mặt trăng dầu niệm niệm diệt nhưng cũng có thể làm cho cỏ cây sanh sống.

Ông nói niệm niệm diệt thế nào tu tập ?

Này Thiện nam tử ! Vì tâm nối luôn chẳng dứt nên gọi là tu tập thêm lên. Như người đọc tụng kinh sách, những chữ những câu đọc tụng chẳng đồng một thời gian : Chữ trước chẳng đến giữa, chữ giữa chẳng đến sau, người đọc cùng với chữ và tâm tướng tất cả đều niệm niệm diệt, do vì tập lâu mà được thông thuộc.

Này Thiện nam tử ! Như thợ kim hoàn từ lúc ban đầu tập nghề nhẫn đến đầu bạc, dầu niệm niệm diệt trước chẳng đến sau, nhưng do tích tập nghề giỏi khéo, do đây được gọi là thợ kim hoàn khéo. Đọc tụng kinh sách cũng như vậy.

Như hột giống kia, đất chẳng bảo rằng ngươi phải sanh mầm, vì tánh tự nhiên nên mầm tự mọc lên, nhẫn đến bông cũng chẳng bảo ngươi nên thành trái, vì tánh tự nhiên mà trái tự thành. Chúng sanh tu hành cũng như vậy.

Ví như đếm số một chẳng đến hai, hai chẳng đến ba, dầu niệm niệm diệt mà đếm đến ngàn muôn chúng sanh tu hành cũng như vậy.

Như ngọn đèn niệm niệm diệt, ngọn trước diệt chẳng bảo ngọn sau sanh. Như con nghé sanh ra bèn tìm sữa bú, trí khôn tìm sữa thiệt không ai dạy, dầu niệm niệm diệt mà trước thời đói lúc sau được no. Do đây nên biết rằng trước và sau chẳng giống nhau, nếu giống nhau thời lẽ ra chẳng sai khác.

Chúng sanh tu hành cũng như vậy, lúc mới tu dầu chưa tăng tiến nhưng vì tu tập lâu thời có thể phá hoại tất cả phiền não".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Như lời Phật nói người được chứng quả Tu Đà Hoàn rồi, dầu thác sanh cõi nước hung ác, vẫn trì giới chẳng sát sanh, trộm cướp, dâm dật, vọng ngữ, uống rượu. Thân ngũ ấm của Tu Đà Hoàn đã diệt chết ở đây chẳng qua đến nơi cõi nước hung ác. Người tu hành cũng chẳng đến cõi nước hung ác, nếu là tương tợ thời cớ sao chẳng sanh nơi cõi nước tịnh diệu ? Nếu thân ngũ ấm ở cõi nước hung ác chẳng phải là ngũ ấm của Tu Đà Hoàn, do đâu mà được chẳng gây tạo nghiệp ác ?".

- Này Thiện nam tử ! Vị Tu Đà Hoàn dầu thác sanh cõi nước hung ác, nhưng vẫn chẳng mất danh hiệu Tu Đà Hoàn, thân ngũ ấm thời chẳng tương tợ, nên ta dẫn con nghé làm dụ. Vị Tu Đà Hoàn dầu thác sanh cõi nước hung ác, do đạo lực nên chẳng gây tạo nghiệp ác.

Như núi Hương Sơn có Sư Tử chúa, do đây nên tất cả loài phi cầm tẩu thú không dám đến gần núi này. Có lúc Sư Tử chúa đây đến trong núi Tuyết, tất cả chim thú cũng vẫn chẳng đến gần núi Hương Sơn. Vị Tu Đà Hoàn cũng như vậy, dầu chẳng tu hành nhưng do đạo lực nên chẳng gây tạo nghiệp ác.

Ví như có người uống chất cam lộ, chất cam lộ này dầu đã tiêu hóa mất, nhưng thế lực có thể làm cho người uống chẳng già chẳng chết.

Như núi Tu Di có vị thuốc thượng diệu tên là Lăng Già Lợi, người uống vị thuốc này dầu niệm niệm diệt, nhưng do năng lực của thuốc làm cho người uống chẳng bao giờ phải bịnh khổ.

Như chỗ ngự của Chuyển Luân Vương, dầu vua chẳng ngự nơi đó nhưng không ai dám đến gần, đây là do oai lực của vua. Vị Tu Đà Hoàn cũng như vậy, dầu sanh nơi cõi nước hung ác, chẳng tu hành nhưng do đạo lực nên chẳng gây tạo nghiệp ác.

Thân ngũ ấm Tu Đà Hoàn chết mất ở đây, dầu sanh ngũ ấm khác, nhưng vẫn chẳng mất ngũ ấm Tu Đà Hoàn.

Ví như chúng sanh vì muốn được trái được hột nên đối với hột giống ra công săn sóc vun phân, bón tưới, chưa gặp được trái được hột mà hột giống lại đã hư diệt, dầu vậy nhưng cũng được gọi là nhơn hột giống mà được trái. Ngũ ấm của Tu Đà Hoàn cũng như vậy.

Như có người sản nghiệp to tát, chỉ có một đứa con trai chết sớm, người con này cũng có một đứa con trai ở xứ khác. Lúc người giàu có này qua đời đứa cháu nội nghe tin trở về lãnh lấy sản nghiệp, dầu mọi người đều biết tài sản đó chẳng phải của nó làm ra, nhưng không ai ngăn trở, vì nó là một

họ, cháu ruột của phú ông. Ngũ ấm của Tu Đà Hoàn cũng như vậy.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Như bài kệ của Phật nói :

Tỳ Kheo nếu tu tập
Giới định và trí huệ
Nên biết là bất thối
Gần đến Đại Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn ! Thế nào là tu giới ? Thế nào là tu định ? Thế nào là tu huệ ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Nếu có người trì giới chỉ vì muốn tự lợi hưởng thọ sự vui cõi Trời, cõi người, mà chẳng vì độ thoát tất cả chúng sanh, chẳng vì ủng hộ chánh pháp vô thượng, chỉ vì lợi dưỡng, sợ ba ác đạo, vì sống lâu, sắc đẹp, sức mạnh, an ổn, vô ngại biện, vì sợ luật pháp của vua, vì sợ tiếng xấu, vì sự nghiệp thế gian, vì những việc như trên mà hộ trì giới luật thời chẳng được gọi là tu tập giới luật.

Thế nào gọi là chơn thiệt tu tập giới luật ? Lúc trì giới nếu vì độ thoát tất cả chúng sanh, vì hộ trì chánh pháp để độ người chưa được độ, khai ngộ người chưa tỏ ngộ, quy y người chưa quy y, người chưa nhập Niết Bàn làm cho được nhập, lúc tu tập như vậy chẳng thấy giới, chẳng thấy giới tướng, chẳng thấy người trì, chẳng thấy quả báo, chẳng tìm

xem hủy phạm. Nếu có thể được như vậy thời mới gọi là tu tập giới luật.

Thế nào gọi là tu tập chánh định ? Lúc tu tam muội, vì tự độ, vì lợi dưỡng, mà chẳng vì chúng sanh, chẳng vì hộ pháp, vì thấy những lỗi tham dục ăn uống, vì thấy những căn nam nữ chín lỗ bất tịnh, vì tranh đấu cãi cọ đánh đâm, giết hại lẫn nhau. Nếu vì những việc nầy mà tu tam muội, đây thời chẳng gọi là tu tập tam muội.

Thế nào gọi là chơn thật tu tam muội ? Nếu tu tập tam muội là vì chúng sanh, đối với chúng sanh có tâm bình đẳng, vì làm cho chúng sanh được pháp bất thối, được Thánh tâm, được Đại thừa, vì muốn hộ trì pháp vô thượng, khiến cho chúng sanh chẳng thối tâm Bồ Đề, làm cho chúng sanh được Thủ Lăng Nghiêm tam muội, được Kim Cang tam muội, được Đà La Ni, được tứ vô ngại, được thấy Phật tánh. Lúc thật hành chẳng thấy tam muội, chẳng thấy tướng tam muội, chẳng thấy người tu, chẳng thấy quả báo. Nếu có thể như vậy thời gọi là tu tập chánh định.

Thế nào gọi là tu tập trí huệ ? Nếu có người tu hành suy nghĩ như vầy : Nếu tôi tu tập trí huệ nầy thời được thoát khỏi ba ác đạo ? Ai có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sanh ? Ai có thể ở trong đường sanh tử mà độ mọi người ? Phật xuất hiện ra đời khó gặp như hoa Ưu Đàm, nay tôi có thể dứt phiền não kiết sử được quả giải thoát, nên tôi phải siêng

năng tu hành trí huệ, để sớm dứt phiền não mau được giải thoát. Tu tập như vậy chẳng được gọi là tu tập trí huệ.

Thế nào gọi là chơn thật tu tập trí huệ ? Người trí nếu quan sát sự khổ, sanh, lão, bịnh, tử, tất cả chúng sanh bị vô minh che đậy, chẳng biết tu tập đạo vô thượng. Nguyện thân tôi nhận lấy sự khổ não thay thế chúng sanh. Bao nhiêu những sự bần cùng hạ tiện phá giới, những nghiệp tham, sân, si của chúng sanh, nguyện tất cả đều nhóm chất trên thân tôi. Nguyện cho chúng sanh chẳng tham đắm, chẳng bị danh sắc trói buộc mau thoát khỏi sanh tử, chỉ để một thân tôi ở nơi sanh tử chẳng mỏi nhàm. Nguyện cho tất cả chúng sanh đều được Vô Thượng Bồ Đề. Lúc tu tập như vậy chẳng thấy trí huệ, chẳng thấy tướng trí huệ, chẳng thấy người tu, chẳng thấy quả báo, đây thời gọi là tu tập trí huệ.

Này Thiện nam tử ! Người tu tập giới, định, huệ như vậy thời gọi là Bồ Tát. Người không thể tu tập giới, định, huệ như vậy thời gọi là Thanh Văn.

Thế nào lại gọi là tu tập giới hạnh ? Nếu có thể phá hoại mười sáu ác luật nghi của tất cả chúng sanh : Một là vì lợi mà nuôi dê, trừu cho mập để bán, hai là vì lợi mua dê trừu để làm thịt, ba là vì lợi nuôi heo cho mập để bán, bốn là vì lợi mua heo để làm thịt, năm là vì lợi nuôi bò con cho mập để bán, sáu là vì lợi mua bò để làm thịt, bảy là vì lợi

nuôi gà cho mập để bán, tám là vì lợi mua gà để làm thịt, chín là câu cá, mười là thợ săn, mười một là cướp giựt, mười hai là thái thịt, mười ba là lưới chim, mười bốn là lưỡng thiệt, mười lăm là lính giữ ngục, mười sáu là bùa chú bắt rồng. Có thể vì chúng sanh mà dứt hẳn mười sáu nghiệp ác như vậy thời gọi là tu tập giới hạnh.

Thế nào là tu định ? Có thể dứt tất cả tam muội thế gian, như vô thân tam muội có thể làm cho chúng sanh có tâm điên đảo cho là Niết Bàn, cùng những tam muội hữu biên tâm, vô biên tâm, tịnh tu, thế biên, thế đoạn, thế tánh, thế trượng phu, phi tưởng, phi phi tưởng, những môn định này có thể làm chúng sanh có tâm điên đảo cho là Niết Bàn. Nếu có thể dứt hẳn những tam muội như vậy thời gọi là tu tập chánh định.

Thế nào gọi là tu tập trí huệ ? Có thể phá những ác kiến của thế gian.

Tất cả chúng sanh đều có ác kiến : Chấp sắc là ngã là ngã sở, trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, nhẫn đến chấp thức cũng như vậy. Thường tức là ngã, sắc diệt ngã còn. Sắc tức là ngã sắc diệt ngã cũng diệt. Lại có người cho rằng : Tác giả là ngã, thọ giả là sắc. Lại có người nói : Không tác giả, không thọ giả, tự sanh, tự diệt đều chẳng phải nhơn duyên. Lại có người nói : Không tác giả, không thọ giả, đều là tự tại thiên chỗ tạo ra. Lại có người nói ;

Không tác giả, không thọ giả, tất cả đều do thời tiết làm ra. Lại có người nói : Không tác giả, không thọ giả. Địa, thủy, hỏa, phong, không, năm đại này gọi là chúng sanh.

Nếu có thể phá hoại những ác kiến của chúng sanh như vậy thời gọi là tu tập Trí huệ.

Này Thiện nam tử ! Tu tập giới hạnh để cho thân được tịch tịnh. Tu tập chánh định để cho tâm được tịch tịnh. Tu tập trí huệ để phá trừ lòng nghi. Phá trừ lòng nghi là để tu tập Phật đạo. Người tu tập Phật đạo là để được thấy Phật tánh. Thấy Phật tánh để được Vô Thượng Bồ Đề. Được Vô Thượng Bồ Đề thời được Vô Thượng Đại Niết Bàn. Được Đại Niết Bàn để dứt tất cả sanh tử, tất cả phiền não, tất cả cõi, tất cả đế của tất cả chúng sanh. Dứt sanh tử nhẫn đến dứt tất cả đế là để được thường, lạc, ngã, tịnh vậy".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Như lời Phật nói nếu bất sanh bất diệt gọi là Đại Niết Bàn, thời sanh cũng là bất sanh bất diệt như vậy, cớ sao chẳng được gọi là Niết Bàn ?".

Này Thiện nam tử ! Đúng như lời của ông nói. Sanh dầu cũng là bất sanh bất diệt nhưng có thỉ có chung.

- Bạch Thế Tôn ! Pháp sanh tử này cũng là vô thỉ vô chung. Nếu là vô thỉ vô chung thời gọi là thường, thường trụ tức là Niết Bàn, cớ sao chẳng gọi sanh tử là Niết Bàn ?

- Này Thiện nam tử ! Pháp sanh tử này đều có nhơn có quả, vì có nhơn quả nên chẳng được gọi là Niết Bàn. Thể tánh của Niết Bàn vốn không nhơn quả.

- Bạch Thế Tôn ! Luận về Niết Bàn cũng có nhơn quả như bài kệ của Phật nói :

Từ nhơn nên sanh cõi Trời,
Từ nhơn mà đọa ác đạo,
Từ nhơn nên được Niết Bàn,
Do đây nên đều có nhơn.

Xưa kia Phật bảo các Tỳ Kheo : Nay ta sẽ nói đạo quả của Sa Môn. Nói là Sa Môn đó nghĩa là người có thể tu tập hoàn toàn đạo hạnh giới, định, huệ, đạo hạnh này là bát Thánh đạo. Quả của Sa Môn chính là Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn ! Niết Bàn như vậy há chẳng phải là quả ư ? Cớ sao hôm nay đức Phật nói rằng thể của Niết Bàn không nhơn, không quả ?

Này Thiện nam tử ! Ta tuyên nói nhơn của Niết Bàn chính là Phật tánh, tánh của Phật tánh chẳng sanh Niết Bàn, nên ta nói Niết Bàn không có nhơn. Vì có thể phá phiền não nên gọi là quả Đại Niết Bàn, Niết Bàn này chẳng từ nơi đạo hạnh sanh ra nên gọi là không có quả. Do đây nên Niết Bàn là không nhơn, không quả.

- Bạch Thế Tôn ! Phật tánh của chúng sanh là chung có hay là riêng có ? Nếu là chung có thời một người lúc được Vô Thượng Bồ Đề lẽ ra tất cả chúng sanh cũng đồng được. Như hai mươi người đồng có một kẻ oán thù, nếu một người trừ được kẻ thù, thời mười chín người kia cũng đồng hết người thù. Phật tánh cũng như vậy, lúc một người đặng thời lẽ ra những người khác cũng đồng đặng.

Nếu mỗi chúng sanh riêng có Phật tánh thời Phật tánh là vô thường, vì có thể tính đếm được. Nhưng Phật nói : Phật tánh của chúng sanh chẳng phải một chẳng phải hai. Nếu là riêng có, thời lẽ ra chẳng nên nói rằng chư Phật bình đẳng, cũng chẳng nên nói rằng Phật tánh như hư không.

- Này Thiện nam tử ! Phật tánh của chúng sanh chẳng một chẳng hai. Chư Phật bình đẳng dường như hư không.

Tất cả chúng sanh đồng chung có đó. Nếu người có thể tu bát Thánh đạo, nên biết người này được thấy rõ.

Này Thiện nam tử ! Trên núi Tuyết có thứ cỏ tên nhẫn nhục, nếu bò ăn cỏ này thời sanh ra chất đề hồ, Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy.

- Bạch Thế Tôn ! Cỏ nhẫn nhục đó là một hay là nhiều ? Như là một, bò ăn thời hết. Nếu là nhiều sao Phật lại nói Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy ?

Như Phật nói : Nếu có người tu tập bát Thánh đạo thời được thấy Phật tánh. Lời đây chẳng đúng nghĩa, vì Thánh đạo nếu là một như cỏ nhẫn nhục thời lẽ ra phải hết. Nếu Thánh đạo có hết, thời một người tu xong những người khác không có phần. Thánh đạo nếu là nhiều, thời thế nào nói rằng tu tập đầy đủ, cũng chẳng được gọi là Tác Bà Nhã trí.

- Này Thiện nam tử ! Như đường bằng thẳng, tất cả chúng sanh đồng đi trên đường không chướng ngại nhau. Giữa đường có cây to bóng mát, người đi đường nghỉ ngơi dưới bóng cây. Bóng cây này vẫn thường như vậy, chẳng biến đổi, chẳng hư mất, cũng không ai mang đi.

Đường bằng thẳng dụ cho chánh đạo, bóng mát dụ cho Phật tánh.

Ví như thành lớn chỉ có một cửa, dầu đông người đồng do một cửa này ra vào nhưng đều không chướng ngại, cũng không ai phá hoại hoặc mang đem đi.

Ví như cây cầu nhiều người đi trên đó cũng không chướng ngại không ai phá hoại mang đi.

Ví như lương y trị đủ các chứng bịnh, không ai cấm ngăn lương y này trị người đây bỏ người kia.

Thánh đạo và Phật tánh cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn ! Những điều dụ của Phật dẫn ra đây, theo nghĩa thời chẳng phải. Vì người trước ở trên đường thời trở ngại cho người đi sau, sao lại

nói là không chướng ngại. Những điều dụ khác cũng như vậy.

Thánh đạo cùng Phật tánh nếu là như vậy, thời lúc một người tu hành lẽ ra trở ngại những người khác.

Này Thiện nam tử ! Như lời ông vừa gạn hỏi, xét nơi nghĩa thời chẳng tương ưng. Những điều dụ của ta dẫn ra là dụ phần ít chẳng phải dụ tất cả.

Này Thiện nam tử ! Con đường ở đời thường có chướng ngại, kia khác với đây, không có bình đẳng. Đạo vô lậu thời chẳng như vậy, có thể làm cho chúng sanh không có chướng ngại, luôn bình đẳng không hai, không có kia đây sai khác. Thánh đạo như vậy có thể làm liễu nhơn cho Phật tánh của tất cả chúng sanh, mà chẳng làm sanh nhơn. Như ngọn đèn sáng, soi rõ các đồ vật.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đều đồng vô minh làm nhơn duyên cho hành nghiệp. Không thể nói rằng một người vô minh làm nhơn duyên cho hành nghiệp rồi những người khác lẽ ra không có. Tất cả chúng sanh đều có vô minh làm nhơn duyên cho hành nghiệp, do đây nên nói rằng mười hai nhơn duyên tất cả đều bình đẳng.

Chúng sanh tu hành đạo vô lậu cũng như vậy, đồng dứt phiền não tứ sanh, các cõi các đường, do nghĩa này nên gọi là bình đẳng. Những người đã

chứng được, kia đây thấy biết không có chướng ngại, nên được gọi là Tát Bà Nhã trí.

- Bạch Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh chẳng phải đồng một thân : hoặc là thân người, thân súc sanh, thân ngạ quỉ, thân địa ngục, những thân sai khác như vậy tại sao nói rằng Phật tánh là một ?

- Này Thiện nam tử ! Như có người để chất độc trong sữa, sữa thành lạc nhẫn đến thành đề hồ, danh tự dầu biến đổi nhưng chất độc chẳng mất, nếu uống đề hồ cũng có thể bị độc mà chết, thật ra chẳng để độc trong đề hồ.

Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy dầu ở trong thân sai khác của năm loài, nhưng Phật tánh này vẫn thường trụ duy nhứt không biến đổi.

- Bạch Thế Tôn ! Trong mười sáu nước lớn, có sáu thành lớn : thành Xá Bà Đề, thành Bà Chỉ Đa, thành Chiêm Bà, thành Tỳ Xá Ly, thành Ba La Nại, thành Vương Xá, tại sao đức Như Lai bỏ những thành lớn ấy mà đến nơi thành Câu Thi Na nhỏ hẹp xấu xa này để nhập Niết Bàn ?

- Này Thiện nam tử ! Ông chẳng nên nói rằng thành Câu Thi Na là nhỏ hẹp xấu xa, mà nên nói rằng thành này có nhiều công đức trang nghiêm tốt đẹp, vì chỗ này là chỗ mà chư Phật và Bồ Tát thường đi đến. Như nhà của người dân hèn, nếu có vua đi qua, thời nên tán thán nhà này là phước đức trang nghiêm, nên nhà vua mới ngự giá đến.

Như người bịnh nặng uống chất thuốc dơ xấu, uống xong bịnh liền lành, thời nên vui mừng khen ngợi thuốc này là rất hay, rất tốt, chữa lành được bịnh của tôi.

Như người đi ghe ở trong biển lớn, bị ghe hư chìm nhơn ôm tử thi mà được vào bờ, đã đến bờ rồi thời nên vui mừng khen ngợi rằng tôi nhờ tử thi này mà được an ổn.

Thành Câu Thi Na này cũng như vậy, là chỗ đi của chư Phật, Bồ Tát, sao ông lại nói rằng là chỗ nhỏ hẹp xấu xa.

Này Thiện nam tử ! Ta nhớ thuở xa xưa cách đây hằng hà sa kiếp. Kiếp ấy hiệu là Thiện Giác. Lúc đó có vị Thánh vương họ Kiều Thi Ca, bảy báu, ngàn con đều đầy đủ. Vua này là người ban đầu xây dựng thành trì nơi đây, ngang rộng đều mười hai do diên, bảy báu trang nghiêm, có nhiều con sông, nước sông trong sạch nhu nhuyễn ngon ngọt : Sông Ni Liên Thiền, sông Y La Bạt Đề, sông Hy Liên Thiền, sông Y Sưu Mạc Hoàn, sông Tỳ Bà Xá Na. Tất cả có năm trăm con sông như vậy. Hai bên bờ sông cây cối rậm rạp, hoa trái sum suê. Người thời ấy sống lâu vô lượng. Vua Chuyển Luân Thánh Vương qua khỏi trăm năm bèn xướng lên rằng : Như lời Phật nói tất cả pháp đều vô thường, nếu ai có thể tu tập mười pháp lành thời dứt được sự vô thường khổ não ấy. Toàn thể nhơn dân nghe Thánh Vương truyền rao

như vậy, đều phụng trì mười pháp lành. Thuở đó ta nghe danh hiệu của Phật, suy nghĩ tu tập mười pháp lành, ban đầu phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Ta phát Bồ Đề tâm rồi lại đem pháp lành này chỉ dạy vô lượng vô biên chúng sanh, giảng nói tất cả pháp đều vô thường biến hoại.

Do cớ trên đây nên hôm nay ta ở nơi chỗ này tiếp tục giảng nói các pháp đều vô thường biến hoại, chỉ có thân của Phật là pháp thường trụ. Ta nhớ việc đời trước nên đến nơi đây để nhập Niết Bàn, cũng là muốn đền đáp ơn đời trước chính tại chỗ này ta thật hành pháp lành phát tâm Bồ Đề. Vì thế nên trong kinh ta nói : Quyến thuộc của ta thọ ơn đều có thể báo đáp.

Này Thiện nam tử ! Thuở xưa lúc chúng sanh tuổi thọ vô lượng, thời thành này hiệu là Câu Xá Bạt Đề, ngang rộng năm mươi do diên. Thuở ấy trong Diêm Phù Đề người ở khít nhau. Có vua Chuyển Luân Thánh Vương hiệu là Thiện Kiến, thất bảo và ngàn con đều đầy đủ, cai trị khắp bốn cõi. Vị Thái Tử thứ nhứt xuất gia tu hành được thành Bích Chi Phật. Thánh Vương thấy Thái Tử của mình thành Bích Chi Phật oai đức trang nghiêm, thần thông hi hữu, liền vất bỏ ngôi vua như nhổ bỏ nước mũi dãi, xuất gia ở nơi rừng Ta La này, trải qua tám muôn năm tu tập từ tâm, tám muôn năm tu tập bi tâm, tám muôn năm tu tập hỷ tâm, tám muôn năm tu tập xả tâm.

Này Thiện nam tử ! Nên biết rằng Thánh Vương Thiện Kiến thuở xưa chính là thân của ta. Do đây nên ngày nay ta thường ưa thích thật hành bốn pháp này, bốn pháp này gọi là chánh định. Do nghĩa này nên thân Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh.

Này Thiện nam tử ! Vì cớ trên đây hôm nay ta đến nơi thành Câu Thi Na này ở trong rừng Ta La Song Thọ mà nhập tam muội chánh định.

Này Thiện nam tử ! Ta nhớ thuở xưa cách đây vô lượng kiếp, thành này hiệu là Ca Tỳ La Vệ trong thành có vua hiệu là Bạch Tịnh, Phu nhơn hiệu là Ma Da, vua chỉ có một Thái Tử tên là Tất Đạt Đa. Lúc đó Thái Tử chẳng học với Thầy, tự mình tư duy tu tập chứng được Vô Thượng Bồ Đề. Có hai người đệ tử : Xá Lợi Phất và Đại Mục Kiền Liên. Đệ tử thị giả tên là A Nan. Đức Thế Tôn ấy ở trong rừng Song Thọ diễn nói Kinh Đại Niết Bàn.

Lúc đó ta được dự Pháp hội, nghe Phật nói chúng sanh đều có Phật tánh. Nghe xong ta liền được bực bất thối chuyển, liền phát nguyện rằng : Nguyện đời vị lai lúc tôi được thành Phật, cha, mẹ, cõi nước, danh hiệu, đệ tử, thị giả, thuyết pháp giáo hóa, tất cả đều đồng như đức Thế Tôn. Do nhơn duyên phát nguyện thuở xưa, nên hôm nay ta đến nơi đây diễn nói Kinh Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Lúc ta mới xuất gia chưa được Vô Thượng Bồ Đề, Vua Tần Bà Ta La sai sứ đến thưa với ta rằng : Thái Tử Tất Đạt Đa nếu làm Thánh Vương thời tôi sẽ là hạng thần thuộc. Nếu Thái Tử xuất gia được Vô Thượng Bồ Đề, xin trước đến nơi thành Vương Xá để thuyết pháp độ người và thọ sự cúng dường của tôi : Lúc đó ta yên lặng nhận lời thỉnh của vua Tần Bà Ta La.

Này Thiện nam tử ! Lúc ta mới được Vô Thượng Bồ Đề, bèn đi về hướng nước Kiệt Xà. Lúc đó nơi sông Y Liên Thiền có nhà Bà La Môn họ Ca Diếp cùng năm trăm đệ tử ở bên sông cầu đạo vô thượng. Ta vì người này nên đến thuyết pháp. Ca Diếp nói : Thưa Cù Đàm ! Nay tôi đã già một trăm hai mươi tuổi, trong nước Ma Già Đà, tất cả nhơn dân cùng vua Tần Bà Ta La, đều cho rằng tôi đã chứng quả A La Hán. Nếu nay tôi ở trước Cù Đàm mà nghe pháp thời tất cả mọi người sẽ sanh lòng nghi ngờ. Trông mong Cù Đàm mau đi chỗ khác. Nếu mọi người biết rõ rằng công đức của Cù Đàm hơn tôi, thời chúng tôi sẽ mất sự cúng dường.

Lúc đó ta đáp rằng : Này ông Ca Diếp. Nếu ông chẳng tôn trọng ta, chẳng thích ta ở đây, xin cho ta nghỉ nhờ một đêm sáng sớm sẽ đi.

Ca Diếp nói : Thưa Cù Đàm, tôi không có lòng gì khác, thật ra tôi rất kính mến Cù Đàm. Ngặt vì chỗ ở của tôi có một con rồng độc tánh nó hung dữ, sợ rằng nó làm hại Cù Đàm.

Ta nói : Ông Ca Diếp ! Độc trong các thứ độc không gì hơn ba thứ độc, nay ta đã dứt, tất cả thứ độc trong đời ta đều chẳng sợ.

Ca Diếp lại nói : Nếu Cù Đàm không sợ thời xin mời đến ở.

Lúc đó ta cố ý vì Ca Diếp mà hiện mười tám môn thần biến. Ca Diếp cùng năm trăm đệ tử thấy thần thông nghe ta thuyết pháp đều chứng quả A La Hán.

Lúc đó Ca Diếp lại có hai người em : Già Da Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp. Hai người nầy có năm trăm đệ tử, nghe ta thuyết pháp cũng đều chứng quả A La Hán.

Lúc đó trong thành Vương Xá, hàng lục sư ngoại đạo nghe việc này, liền sanh lòng rất ác đối với Ta. Lúc đó ta nhận lấy lời thỉnh của vua Tần Bà Ta La đi đến thành Vương Xá. Giữa đường gặp vua cùng trăm ngàn người đón rước. Ta vì đại chúng này thuyết pháp. Tám muôn sáu ngàn chư Thiên cõi Dục phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Mười hai muôn người đi theo vua Tần Bà Ta La được quả Tu Đà Hoàn. Vô lượng chúng sanh thành tựu nhẫn tâm.

Sau khi ta vào thành, độ ông Xá Lợi Phất và Đại Mục Kiền Liên cùng hai trăm năm mươi đệ tử của hai người, đều khiến bỏ tâm ngoại đạo theo ta xuất gia. Ta liền ở nơi thành Vương Xá nhận lấy sự cúng

dường của vua Tần Bà Ta La. Hàng lục sư ngoại đạo hợp nhau qua ở nơi thành Xá Vệ.

(*) Trong thành Xá Vệ có một Trưởng giả tên Tu Đạt Đa nhơn việc hỏi vợ cho con nên đến thành Vương Xá, ngụ ở nhà của Trưởng Giả San Đà Na. Giữa đêm Trưởng giả dạy bảo các quyến thuộc lo quét rửa trần thiết nhà cửa cùng sắm sửa những thức ăn uống.

Ông Tu Đạt Đa nghĩ rằng : Nhà này hoặc sắp sửa thỉnh vua, hay có lễ gả cưới hội hè gì chăng ? Ông đem ý mình nghĩ mà hỏi Trưởng giả San Đà Na. Được biết rằng sáng ngày sẽ thỉnh Phật cùng giáo hội chư Tăng đến phó trai.

Ông Tu Đạt Đa nghe đến danh hiệu Phật, cả mình rởn ốc, liền hỏi rằng thế nào gọi là Phật ? Trưởng giả đáp : Ông chẳng biết ư ? Thành Ca Tỳ La có Thái Tử Thích Ca hiệu là Tất Đạt Đa, họ Cù Đàm, Phụ Vương là Bạch Tịnh. Lúc Thái Tử sanh ra, các nhà tướng sư bàn quyết định sẽ được làm Chuyển Luân Thánh Vương. Lớn lên Thái Tử bỏ sự giàu sang mà xuất gia, không thầy được giác ngộ chứng Vô Thượng Bồ Đề, hết tham, sân, si, thường trụ không biến đổi, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng còn lo sợ. Đối với chúng sanh tâm Ngài bình đẳng thương đồng như cha mẹ thương con một. Dầu cao thượng hơn tất cả mà Ngài không kiêu mạn. Với người kính mến cũng như người ghét

(*) Hán bộ quyển thứ 30

hại, lòng Ngài không phân biệt. Trí huệ thông suốt đối với tất cả pháp không chướng ngại, đầy đủ mười trí lực, bốn vô sở úy, năm trí, đại từ, đại bi và tứ niệm xứ, do đầy đủ những công đức trên đây nên hiệu là Phật. Vì sáng ngày đức Phật sẽ đến nhà tôi thọ trai nên phải rộn ràng lo sắp đặt chẳng rỗi rảnh tiếp đãi nhau.

Tu Đạt Đa nói : Lành thay ! Thưa Trưởng giả ! Đức Phật thật là công đức vô thượng, hiện nay Phật ngự tại đâu ?

Trưởng giả đáp : Hiện nay Phật đang ở tại Trúc Lâm Tịnh Xá nơi thành Vương Xá này.

Lúc đó ông Tu Đạt Đa nhứt tâm nghĩ tưởng đến công đức của chư Phật. Bỗng nhiên có ánh sáng như ban ngày chiếu đến. Ông liền theo ánh sáng đi đến cửa thành, do thần lực của Phật nên cửa thành tự mở. Ra khỏi cửa thành bên đường có miễu thờ trời, ông Tu Đạt Đa vô miễu lễ cúng. Lúc đó trời tối lại như cũ, ông sanh lòng sợ sệt bèn muốn trở về nhà ngủ. Trên cửa thành có Thiên thần bảo Tu Đạt Đa rằng : Nếu ông đến chỗ đức Như Lai thời sẽ được nhiều lợi ích lành tốt.

Ông Tu Đạt Đa thưa với Thiên thần thế nào là lợi ích lành tốt ?

Thiên thần đáp : Này Trưởng giả ! Giả sử có người đem trăm xe châu báu vàng bạc cùng voi ngựa và mỹ nữ, nhà cửa chạm trổ tốt đẹp, mâm vàng đựng

lúa bạc, mâm bạc đựng lúa vàng, mỗi thứ đều đủ số một trăm, đem tất cả những thứ trên đây bố thí cho một người, lần lượt bố thí khắp tất cả người trong Diêm Phù Đề. Công đức bố thí này chẳng bằng có người phát tâm bước một bước đến chỗ Như Lai.

Tu Đạt Đa hỏi : Ngài là ai ?

Đáp rằng : Này Trưởng giả ! Tôi là Thắng Tướng Bà La Môn, bạn cũ của ông. Lúc còn sống, tôi thấy ngài Xá Lợi Phất và ngài Mục Kiền Liên sanh lòng hoan hỷ cung kính, do đó được sanh làm Thái Tử của Tỳ Sa Môn Thiên Vương, có bổn phận hộ trì thành Vương Xá này. Chỉ do cung kính ngài Xá Lợi Phất và ngài Đại Mục Kiền Liên mà tôi còn được thân trời tốt đẹp thế này, huống là được thấy đức Như Lai để đảnh lễ cúng dường !

Trưởng giả Tu Đạt Đa liền thẳng đường đến chỗ Phật, từ xa thấy Phật đi kinh hành thân chiếu sáng màu vàng, ông liền đến đảnh lễ dưới chơn Phật. Lúc đó đức Phật vì ông mà thuyết pháp. Sau khi nghe pháp, Trưởng giả Tu Đạt Đa chứng đặng quả Tu Đà Hoàn. Ông lại thỉnh Phật đến thành Xá Vệ để giáo hóa mọi người.

Đức Phật hỏi : "Nước Xá Vệ của ông có Tịnh Xá có thể dung nạp giáo hội của ta chăng ?" Tu Đạt Đa thưa : "Nếu đức Phật xót thương hứa khả, tôi xin tận lực về nước lo xây dựng. Ông lại bạch cùng Phật

từ nào tới giờ tôi chưa hiểu cách thức kiến trúc Tịnh Xá. Mong đức Phật cử một vị đến Xá Vệ chỉ bày cách thức cho".

Đức Phật liền sai ngài Xá Lợi Phất theo Trưởng giả Tu Đạt Đa qua thành Xá Vệ.

Về đến Xá Vệ, Trưởng giả Tu Đạt Đa thỉnh ngài Xá Lợi Phất chọn khu đất xứng đáng để lập Tịnh Xá. Ngài Xá Lợi Phất chọn được khu vườn của Kỳ Đà Thái Tử. Trưởng giả Tu Đạt Đa liền vào cung thưa với Thái Tử xin nhường khu vườn ấy để mình lập Tịnh Xá thỉnh Phật về ở.

Thái Tử đáp rằng : Tôi không bán vườn, hoặc giả có đem vàng lót khắp mặt đất ta sẽ đổi cho.

Trưởng giả Tu Đạt Đa mừng rỡ thưa rằng : "Khu vườn ấy sẽ thuộc về tôi, Thái Tử sẽ lấy vàng".

Thái Tử nói ta không bán vườn.

Trưởng giả Tu Đạt Đa thưa nếu Thái Tử không bằng lòng xin đến quan đoán sự để giải quyết.

Quan đoán sự phán rằng : Cứ theo lời của Thái Tử và Trưởng giả giao ước nhau thời vườn thuộc về Trưởng Giả, Thái Tử lấy vàng.

Trưởng giả Tu Đạt Đa liền cho voi ngựa chở vàng đến lót, trong một ngày lót gần khắp cả vườn chỉ còn năm trăm bước.

Thái Tử nói : "Nếu Trưởng giả hối hận thời tùy ý trả vườn lại tôi".

Trưởng giả thưa : "Tôi chẳng hối hận, tôi đương suy nghĩ coi kho vàng nào lót đủ khoảnh đất còn lại".

Thái Tử nghĩ rằng : "Có lẽ đức Phật thiệt là đấng Pháp vương Vô thượng, nên khiến ông này không tiếc vàng như vậy. Thái tử liền bảo Trưởng giả Tu Đạt Đa thôi đừng đem vàng lót nữa, tôi xin dâng hết đất vườn và tự xây dựng cửa ngõ lầu, để Như Lai thường do nơi đó mà ra vào.

Sau đó Thái Tử Kỳ Đà xây dựng cửa ngõ lầu. Trưởng giả Tu Đạt Đa trong bảy ngày dựng xong ba trăm căn phòng lớn, sáu mươi ba tòa thiền phòng tịch tịnh, cùng nhà mùa đông, nhà mùa hạ, nhà trù, nhà tắm, chỗ rửa chân, nhà đại tiểu tiện, tất cả cơ sở đều đầy đủ. Trưởng giả tay bưng lư hương quì hướng về thành Vương Xá mà bạch rằng : Tịnh Xá xây dựng đã xong, ngưỡng mong đức Như Lai xót thương vì chúng sanh mà nhận ở nơi Tịnh Xá này.

Lúc đó đức Phật ở thành Vương Xá rõ biết tâm niệm của Trưởng giả Tu Đạt Đa, liền cùng đại chúng rời thành Vương Xá đến nước Xá Vệ. Trưởng giả đem tất cả giường nhà đã xây dựng phụng thí nơi Phật. Phật nhận lấy rồi cùng chúng tăng ở lại Tịnh Xá Kỳ Hoàn.

Lúc đó hàng lục sư ngoại đạo sanh lòng tật đố, họp nhau đến ra mắt vua Ba Tư Nặc mà tâu rằng : "Tâu Đại Vương, đất nước của Đại Vương nhàn tịnh bằng thẳng, thiệt đáng chỗ cho người xuất gia tu, nên chúng tôi mới đến cư ngụ. Đại vương đem phép nước cai trị ngăn trừ sự tai hoạn cho nhơn dân. Nay có Sa Môn Cù Đàm tuổi đã nhỏ, học lực lại kém, đạo thuật không có gì, nay đến ở nơi thành Xá Vệ này, dùng ảo thuật phỉnh gạt nhơn dân, nói rằng các pháp đều là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã, là không tác giả, không thọ giả. Trong kinh của đạo chúng tôi có đoạn nói rằng qua khỏi ngàn năm có một người yêu thuật huyễn hóa ra đời : Lời trên đây chính là ứng chỉ Sa Môn Cù Đàm vậy. Cúi mong Đại Vương cho phép chúng tôi cùng Sa Môn Cù Đàm so sánh đạo lực. Nếu Cù Đàm hơn chúng tôi, chúng tôi sẽ qui thuộc về Cù Đàm. Nếu chúng tôi hơn Cù Đàm, thời họ phải qui thuộc về chúng tôi".

Vua bảo : "Này các Đại Đức ! Các ông đều có phương pháp tu hành riêng, có chỗ ở riêng. Tôi biết chắc rằng đức Như Lai không làm trở ngại các ông".

Sáu nhà ngoại đạo tâu rằng : "Tâu Đại Vương ! Sa Môn Cù Đàm đối với chúng tôi có nhiều sự trở ngại, họ dùng ảo thuật gạt gẫm dụ dỗ nhơn dân, làm cho mọi người qui phục theo họ đã hết. Xin Đại Vương theo lẽ công bình cho phép chúng tôi cùng Sa Môn Cù Đàm so sánh đạo lực".

Vua nói : "Này các Đại Đức ! Bởi các ông chưa biết đạo lực thần thông cao cả của đức Như Lai nên mới nài so sánh. Sợ rằng các ông chẳng bằng được".

- Tâu Đại Vương ! Nay có lẽ Đại Vương đã mắc ảo thuật của Sa Môn Cù Đàm. Ngưỡng mong Đại Vương xét kỹ lại, chấp thuận lời yêu cầu của chúng tôi.

- Được lắm ! Được lắm ! Ta chấp thuận lời yêu cầu của các ông.

Sáu nhà ngoại đạo cùng đồ chúng vui mừng tạ ơn vua mà lui về.

Vua Ba Tư Nặc liền xa giá đến lễ Phật và bạch rằng : "Thế Tôn ! Vừa rồi sáu nhà ngoại đạo yêu cầu tôi cho phép so đạo lực với đức Như Lai, tôi mạn phép đã hứa với họ".

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Này Đại Vương ! Chỉ có điều là nên ở trong nước này tạo lập thêm Tịnh Xá. Vì nếu ta cùng họ so sánh đạo lực thần thông, thời trong chúng của họ tất sẽ có nhiều người qui phục theo ta, Tịnh Xá Kỳ Hoàn này không đủ chỗ để dung nạp".

Lúc đó, đức Phật vì muốn điều phục sáu phái ngoại đạo, nên trong mười lăm ngày hiện đại thần thông. Vô lượng chúng sanh do đây mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, vô lượng chúng sanh qui tín ngôi Tam Bảo. Đồ chúng của sáu nhà ngoại đạo, vô lượng người bỏ tâm tà kiến, xuất gia theo chánh pháp. Vô

lượng chúng sanh được bất thối đạo Vô Thượng Bồ Đề. Vô lượng chúng sanh được Đà La Ni cùng chánh định. Vô lượng chúng sanh chứng quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán.

Lúc đó, sáu nhà ngoại đạo hổ thẹn dắt nhau qua thành Bà Chỉ Đa để truyền giáo.

Lúc đó, đức Phật lên cung trời Đao Lợi an cư nơi cây Ba Lợi Chất Đa, để vì mẹ và chư Thiên mà thuyết pháp.

Sáu nhà ngoại đạo hay tin mừng lắm, chia nhau đi truyền rao rằng : Nay thật là hân hạnh, nhà ảo thuật Cù Đàm đã diệt mất. Họ khuyến dụ vô số người tin theo tà kiến.

Vua Tần Bà Ta La, Vua Ba Tư Nặc và bốn bộ chúng thưa ngài Đại Mục Kiền Liên rằng : Bạch Đại Đức ! Nay cõi Diêm Phù Đề này tà kiến thạnh hành, chúng sanh đi vào chỗ tối tăm, thật đáng thương xót. Ngưỡng mong Đại Đức lên cung trời đảnh lễ Thế Tôn, thay lời chúng tôi bạch cùng đức Phật : Như con nghé mới sanh, nếu không nhờ sữa trâu mẹ chắc sẽ phải chết, chúng tôi và mọi người cũng như vậy. Ngưỡng mong đức Như Lai thương xót chúng sanh mà trở về.

Đại Mục Kiền Liên yên lặng hứa khả, như trong khoảng co duỗi cánh tay của đại lực sĩ, ngài đã lên đến cung trời Đao Lợi bạch Phật rằng : "Thế Tôn !

Tứ chúng trong cõi Diêm Phù Đề khao khát được thấy Phật và được nghe pháp của đức Như Lai. Vua Tần Bà Ta La, Vua Ba Tư Nặc và đại chúng đồng đảnh lễ đức Như Lai. Hiện nay chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề mê theo tà kiến, đi trong bóng tối tăm thật đáng thương xót, như con nghé mới sanh, nếu rời sữa mẹ chắc sẽ phải chết, chúng tôi cũng như vậy. Ngưỡng mong đức Như Lai vì thương xót chúng sanh mà trở lại Diêm Phù Đề".

Phật bảo : "Ông mau trở về bảo các Quốc Vương và bốn bộ chúng rằng : Sau bảy ngày đức Phật sẽ trở xuống. Vì sáu nhà ngoại đạo, đức Phật sẽ đến nơi thành Bà Chỉ Đa".

Qua bảy ngày, đức Phật cùng Đế Thích, Phạm Vương, với vô lượng chư Thiên rời cung trời xuống đến thành Bà Chỉ Đa. Đức Phật tuyên rằng : Chỉ trong Phật pháp mới thiệt có Sa Môn và Bà La Môn. Tất cả các pháp là vô thường, vô ngã, Niết Bàn tịch tịnh rời những lỗi ác, nếu nói giáo pháp khác cũng có Sa Môn và Bà La Môn, có thường có ngã Niết Bàn đó thời không bao giờ đúng.

Khi Phật tuyên những lời như trên, vô lượng vô biên chúng sanh phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Sáu nhà ngoại đạo bảo nhau rằng : "Nếu trong giáo pháp của chúng ta thiệt không có Sa Môn và Bà La Môn, tại sao lại được người đời cúng dường.

Bấy giờ sáu nhà ngoại đạo lại tựu hội đồ chúng đi đến thành Tỳ Xá Ly.

Một thời gian sau, đức Phật đến thành Tỳ Xá Ly ở trong rừng cây Am La.

Hay tin đức Phật ở trong rừng này, nàng Am La muốn đến ra mắt đức Phật.

Lúc đó đức Phật bảo các Tỳ Kheo : "Các ông phải quán Tứ niệm xứ, khéo tu trí huệ, phải tinh tấn, chớ phóng dật.

Thế nào gọi rằng quán Tứ niệm xứ ? Nếu có Thầy Tỳ Kheo quan sát trong thân mình chẳng thấy ngã chẳng thấy ngã sở, quan sát ngoài thân và quan sát cả trong thân ngoài thân, đều chẳng thấy có ngã và ngã sở. Quan sát thọ, tâm và pháp cũng như vậy. Đây gọi là quan sát niệm xứ.

Thế nào gọi là tu tập trí huệ ? Nếu có Thầy Tỳ Kheo chơn thật thấy tứ đế lý : Khổ, tập, diệt đạo, đây gọi thầy Tỳ Kheo tu tập trí huệ.

Thế nào gọi là tâm chẳng phóng dật ? Nếu có thầy Tỳ Kheo niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm thiện. Đây gọi là thầy Tỳ Kheo tâm chẳng phóng dật".

Bấy giờ nàng Am La đến đảnh lễ và đi nhiễu Phật ba vòng, rồi ngồi qua một bên.

Đức Phật vì nàng Am La mà giảng nói chánh pháp. Nàng Am La sau khi nghe pháp liền phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Lúc đó, trong thành Tỳ Xá Ly, có năm trăm Lê Xa Tử, đồng đến chỗ Phật đảnh lễ đi nhiễu, rồi ngồi qua một bên.

Đức Phật vì hàng Lê Xa Tử mà thuyết pháp rằng : Này các Thiện nam tử ! Luận về người phóng dật có năm kết quả không tốt : Một là chẳng được của cải tự tại, hai là tiếng xấu truyền xa, ba là chẳng thích bố thí cho người nghèo thiếu, bốn là chẳng thích thấy bốn bộ chúng, năm là chẳng đặng thân chư Thiên. Này các Thiện nam tử ! Do nơi chẳng phóng dật có thể sanh ra pháp lành thế gian và xuất thế gian. Nếu có người muốn được Vô Thượng Bồ Đề nên phải siêng năng tu hạnh chẳng phóng dật.

Luận về người phóng dật lại còn có mười ba quả báo : Một là thích vì đời mà làm lụng, hai là thích nói những lời vô ích, ba là thường thích nằm lâu ngủ nhiều, bốn là thích nói việc đời, năm là thích gần gũi bạn ác, sáu là thích biếng lười, bảy là thường bị người khác khinh dễ, tám là dầu có học hỏi liền quên mất, chín là thích ở nơi biên địa, mười là chẳng thể điều phục các căn, mười một là ăn chẳng biết đủ, mười hai là chẳng thích vắng vẻ, mười ba là chỗ thấy biết chẳng chơn chánh.

Này các Thiện nam tử ! Luận về người phóng dật dầu được gần Phật và Thánh chúng, nhưng vẫn là cách xa.

Các Lê Xa Tử bạch rằng : "Chúng tôi tự biết mình là người phóng dật. Vì nếu chúng tôi chẳng phóng dật, đấng Như Lai Pháp Vương sẽ ra đời trong cõi nước của chúng tôi".

Lúc đó trong đại hội có nhà Bà La Môn tên là Vô Thắng nói với các Lê Xa Tử rằng : "Phải lắm ! Đúng như lời các ông nói. Vua Tần Bà Ta La được lợi ích lớn, vì đức Như Lai Thế Tôn xuất hiện trong cõi nước đó. Như trong ao lớn mọc lên hoa sen đẹp, hoa sen dầu mọc trong nước, nhưng nước chẳng vấy lấm được.

Đức Phật cũng như vậy, dầu xuất hiện trong nước kia mà chẳng bị pháp thế gian làm trở ngại.

Chư Phật không có xuất hiện, nhưng vì chúng sanh mà xuất hiện ra đời, chẳng bị pháp thế gian làm trệ ngại.

Các ông tự mê tham đắm nơi ngũ dục, chẳng biết gần gũi đức Như Lai để nghe pháp, do đó nên gọi là hạng người phóng dật. Chẳng phải đức Phật xuất hiện nơi nước Ma Già Đà mà gọi các ông là người phóng dật. Vì đức Như Lai như mặt trời, mặt trăng kia, chẳng phải vì một người hai người mà xuất hiện ra đời".

Năm trăm Lê Xa Tử nghe ông Đức Vô Thắng Bà La Môn nói những lời như trên, liền phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Đồng tiếng tán thán rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Vô Thắng đồng tử nói những lời rất lành, rất hay như vậy".Các Lê Xa Tử mỗi người cởi y đang đắp trên thân đem cúng thí cho Vô Thắng.

Vô Thắng nhận lấy đem dâng lên Phật, bạch rằng : "Thế Tôn ! Những y này tôi nhận lấy của hàng Lê Xa Tử, xin dâng lên đức Thế Tôn. Ngưỡng mong đức Thế Tôn vì thương xót chúng sanh mà nạp thọ".

Đức Phật mở lòng từ bi liền lãnh lấy những y ấy.

Các Lê Xa Tử đồng chấp tay bạch rằng : "Ngưỡng mong đức Như Lai an cư nơi nước này một mùa, và nhận sự cúng dường của chúng tôi. Đức Phật yên lặng nhận lời thỉnh cầu của Lê Xa Tử.

Lúc đó, sáu nhà ngoại đạo nghe được việc này, thầy trò kéo nhau đi qua thành Ba La Nại.

Đức Phật lại đi qua thành Ba La Nại ở bên bờ sông Ba La.

Nơi thành Ba La Nại có vị Trưởng giả tên là Bửu Xưng, ông này say mê ngũ dục, chẳng biết lý vô thường. Do Phật đến ở, Trưởng giả Bửu Xưng tự nhiên chứng được bạch cốt quán : Tự thấy nhà cửa, điện đường, vợ con, quyến thuộc, tôi tớ, đều toàn là những bộ xương trắng. Lòng ông kinh sợ như sợ

dao, rắn độc, giặc cướp, lửa. Ông liền ra khỏi nhà, thẳng đến chỗ Phật, dọc đường, luôn miệng kêu rằng : Sa Môn Cù Đàm ! Nay tôi như là bị giặc rượt đuổi, lòng tôi quá kinh sợ, xin mau cứu tôi !

Phật bảo Trưởng giả : "Này Thiện nam tử ! Phật Pháp và chúng Tăng vẫn an ổn, không sự lo sợ".

Trưởng giả bạch rằng : "Nếu trong Tam Bảo không sự kinh sợ, nay tôi cũng sẽ được không kinh sợ".

Đức Phật liền cho Trưởng giả xuất gia tu hành.

Trưởng giả này lại có năm mươi người bạn thân, nghe tin trưởng giả Bửu Xưng nhàm chán dục lạc trong đời mà xuất gia, liền cùng nhau đồng xuất gia.

Sáu nhà ngoại đạo nghe việc này, liền dắt đồ chúng đi qua thành Chiêm Bà.

Lúc đó tất cả nhân dân trong nước Chiêm Bà đều cùng nhau phụng sự sáu nhà ngoại đạo, họ chưa từng nghe danh hiệu của Phật, Pháp, Tăng, phần đông gây tạo những nghiệp rất ác.

Đức Phật vì chúng sanh nên lại đi qua thành Chiêm Bà.

Trong thành này có vị đại Trưởng giả không con nối giòng, bèn phụng thờ sáu nhà ngoại đạo để cầu con. Thời gian sau vợ Trưởng giả có thai. Trưởng giả vui mừng đến thưa với sáu nhà ngoại đạo : Vợ tôi có thai là nam hay nữ ?

Sáu nhà ngoại đạo đáp rằng : "Chắc chắn sẽ sanh con gái".

Trưởng giả nghe lời này sanh lòng sầu não. Thân hữu hỏi trưởng giả : "Cớ sao ông quá sầu não như vậy ?".

Trưởng giả đáp vợ tôi có thai chưa biết là nam hay nữ nên tôi đến hỏi lục sư, các Ngài bảo chắc chắn là con gái. Tôi tự nghĩ tuổi đã già, sự nghiệp to lớn, tài sản vô lượng. Nếu không phải con trai thời không người giao phó. Do đây nên tôi sầu não.

Thân hữu nói rằng : "Ông không có trí huệ, ngày trước ông cũng đã nghe rằng anh em Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp là đệ tử của ai ? Đệ tử của Phật hay đệ tử của lục sư ? Nếu lục sư là bực nhứt thiết trí, sao ba anh em Ca Diếp bỏ họ mà làm đệ tử của Phật ? Lại Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, các vị Quốc vương như Tần Bà Ta La, các vị phu nhơn như bà Mạt Lợi, các vị đại Trưởng giả như ông Tu Đạt Đa, những người ấy chẳng phải là đệ tử của Phật ư ?

Khoáng Dã quỉ thần, vua A Xà Thế, voi say, Ương Quật Ma La ác tâm muốn hại mẹ, những người này há chẳng phải nhờ đức Phật điều phục ư ?

Đức Như Lai Thế Tôn biết rõ tất cả pháp không bị chướng ngại nên hiệu là Phật. Lời nói ra duy nhứt, không dời đổi, nên hiệu là Như Lai. Dứt hết phiền não nên gọi là A La Hán. Đức Thế Tôn phàm có nói ra trọn không sai. Lục sư chẳng phải như vậy, đâu đáng tin được.

Nay đức Như Lai đang ở nước này gần nơi đây, nếu ông muốn biết sự thiệt thời nên đến Phật".

Lúc đó Trưởng giả cùng thân hữu đến chỗ Phật đảnh lễ đi nhiễu ba vòng, rồi quì chấp tay bạch rằng : "Đức Thế Tôn đối với chúng sanh bình đẳng không oán không thân. Tôi còn bị tham ái ràng buộc, nay muốn hỏi đức Thế Tôn một việc, nhưng tự mình hổ thẹn chưa dám nói ra.

Bạch Thế Tôn ! Vợ tôi có thai, lục sư bảo rằng chắc chắn là con gái. Xin đức Phật phán việc ấy thế nào ?".

Phật nói : "Này Trưởng giả, vợ ông có thai quyết định là trai, đứa trẻ này sau khi sanh ra thời phước đức không ai bằng".

Trưởng giả nghe lời Phật dạy vui mừng làm lễ tạ đức Phật mà trở về nhà.

Sáu nhà ngoại đạo nghe Phật huyền ký vợ ông Trưởng giả quyết định sẽ sanh con trai có phước đức lớn, lòng họ ganh ghét, họ liền lấy trái Am La tẩm thuốc độc, rồi mang đến nhà biếu Trưởng giả mà nói rằng : Tốt thay ! Ông Cù Đàm bàn điều ấy rất hay. Gần ngày sanh vợ ông nên uống thuốc này sẽ bảo đảm cho mẹ cùng con lúc sanh sản không bịnh hoạn.

Trưởng giả mừng lắm nhận lấy thuốc của lục sư cho vợ uống. Uống xong vợ Trưởng giả trúng độc mà chết.

Lục sư vui mừng chia nhau đi khắp trong thành truyền rao rằng : Sa Môn Cù Đàm tự khoe là nhứt

thiết trí, nói vợ Trưởng giả sẽ sanh con trai phước không ai sánh bằng, nay con chưa sanh mà mẹ đã chết.

Trưởng giả lại đối với Phật mất cả lòng tin. Ông liền theo nghi lễ thế gian tẩn liệm thây vợ, rồi đưa ra ngoài thành chất củi để thiêu.

Do đạo nhãn thấy rõ việc này, đức Phật bảo A Nan đem y đến cho Phật đắp và bảo rằng : Ta muốn đến chỗ hỏa táng để trừ dứt tà kiến cho chúng sanh.

Lúc đó Tỳ Sa Môn Thiên Vương bảo Thiên tướng là Na Ni Bạt Đà rằng : Nay đức Như Lai muốn đến khu gò mả, khanh phải mau đến đó sửa sang quét tước trải tòa sư tử, rải những hoa đẹp hương thơm, trần thiết trang nghiêm chỗ ấy.

Lục sư thấy Phật đàng xa đi đến họ bảo nhau rằng : Sa Môn Cù Đàm đến trong gò mả này hoặc giả muốn ăn thịt ư ?

Lúc bấy giờ nơi ấy có nhóm Ưu Bà Tắc chưa chứng được pháp nhãn, nghe lời nói của lục sư thời đều hổ thẹn cùng nhau đến Phật bạch rằng : Vợ của Trưởng giả đã chết, xin Thế Tôn chớ đến đó.

A Nan liền nói với các vị Ưu Bà Tắc : "Các ông chờ giây lát, đức Như Lai sẽ hiển bày cảnh giới của chư Phật".

Phật đến gò mả lên ngồi tòa Sư Tử.

Trưởng giả đến trước Phật trách rằng : "Bực nhứt thiết trí lời nói ra đúng sự thật không sai mới đáng gọi là Thế Tôn. Nay mẹ thời đã chết làm sao sanh được con trai phước đức ?".

Phật bảo Trưởng giả : "Hôm trước ông chẳng hỏi tôi về sự chết sống của bà mẹ. Chỉ hỏi có thai là trai hay gái.

Chư Phật Như Lai phàm lời nói ra đúng thật không sai, do đây nên phải biết rằng ông quyết định sẽ được con trai phước đức".

Lúc đó lửa thiêu tử thi bụng nứt ra, có đứa trẻ trai từ trong bụng lọt ra ngồi ngay thẳng trong lửa như chim Oan Ương đậu trên gương sen.

Lục sư ngó thấy lại to tiếng la lên rằng : "Sa Môn Cù Đàm là yêu quái khéo làm ảo thuật".

Trưởng giả vui mừng quở trách lục sư : Nếu cho là ảo thuật tại sao các ông chẳng làm. Phật liền bảo Kỳ Bà : "Ông vào trong lửa bồng đứa trẻ lại đây".

Kỳ Bà đi đến gần đống lửa, lục sư lật đật đi đến kéo lại nói rằng : "Sa Môn Cù Đàm làm ảo thuật chưa ắt là luôn được hoàn toàn, nếu ông vào trong lửa e không khỏi bị hại. Sao ông lại quá tin lời của Cù Đàm".

Kỳ Bà đáp rằng : "Giả sử đức Như Lai ra vào địa ngục A Tỳ, lửa dữ trong địa ngục còn không đốt cháy được huống là lửa trong thế gian".

Lúc đó Kỳ Bà đi thẳng vào trong đống lửa như vào trong nước mát mẻ, bồng đứa trẻ trở ra đến chỗ Phật, hai tay trao đứa trẻ cho Phật.

Đức Phật tiếp lấy đứa trẻ mà bảo Trưởng giả rằng : "Tất cả chúng sanh thọ mạng chẳng quyết định như bóng nước nước nổi trên mặt nước. Nếu chúng sanh không có nghiệp quả sâu nặng thời lửa chẳng cháy được, độc chẳng hại được. Phước đức của trẻ này chẳng phải là ta làm ra".

Trưởng giả bạch rằng : "Lành thay ! Bạch Thế Tôn ! Ngưỡng mong đức Như Lai đặt tên cho nó". Đức Phật nói : "Này Trưởng giả ! Trẻ này sanh ở trong đống lửa lớn, lửa gọi là Thọ Đề, nên đặt tên cho nó là Thọ Đề".

Lúc đó quần chúng hiện diện nghe và thấy việc này vô lượng người phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Sau đó sáu nhà ngoại đạo kéo nhau đi khắp cả sáu nước lớn không chỗ nào ở yên được, họ lại đến nơi thành Câu Thi Na, họ chia nhau đi truyền rao rằng : Mọi người nên biết rằng Sa Môn Cù Đàm là nhà đại ảo thuật, phỉnh gạt trong thiên hạ khắp hết sáu nước lớn. Như nhà ảo thuật hóa làm bốn đại binh chiến xa, chiến mã, voi trận, bộ binh. Lại biến hóa làm các thứ châu báu, cung điện, thành trì, sông ngòi, cây cối. Sa Môn Cù Đàm cũng như vậy, huyễn hóa làm ra thân vua để thuyết pháp, hoặc biến làm Sa Môn, Bà La Môn, biến làm thân nam người nữ,

thân nhỏ, thân lớn, hoặc biến làm thân súc sanh, quỉ thần, hoặc nói vô thường, hoặc nói thường trụ, có lúc nói là khổ, có lúc nói là vui, hoặc nói có ngã, hoặc nói không ngã, có tịnh, không tịnh, lúc thời nói có lúc lại nói không, đó là những lời hư vọng nên gọi là ảo thuật.

Như nhơn hột giống mà có trái, Sa Môn Cù Đàm cũng như vậy, do bà Ma Da sanh ra, mẹ đã là huyễn ảo thời con không thể chẳng phải là huyễn ảo. Sa Môn Cù Đàm không có tri kiến chơn thật. Các vị Bà La Môn trải qua nhiều năm tu tập khổ hạnh giữ gìn cấm giới còn tự nói rằng chưa có tri kiến chơn thật. Huống là Cù Đàm tuổi còn trẻ, học lực cạn cợt, chẳng tu khổ hạnh, làm sao có được trí kiến chơn thật, nếu có thể khổ hạnh đủ bảy năm còn chẳng phải là nhiều, huống là Cù Đàm tu tập khổ hạnh chẳng đầy sáu năm. Có người ngu vô trí mới tin học theo giáo pháp của Cù Đàm. Như nhà huyễn thuật phỉnh gạt người ngu, Sa Môn Cù Đàm cũng như vậy. Sáu nhà ngoại đạo ở trong thành Câu Thi Na này làm cho chúng sanh thêm nhiều tà kiến.

Phật bảo Sư Tử Hống Bồ Tát : "Ta thấy việc như vậy sanh lòng xót thương, nên dùng thần lực triệu thỉnh các vị Bồ Tát ở mười phương vân tập trong rừng này chật cả bốn mươi do diên. Nay ở nơi đây ta hiện đại sư tử hống.

Ở nơi chỗ trống trải vắng vẻ dầu có thuyết pháp nhiều cũng chẳng được gọi là sư tử hống. Ở trong đại chúng toàn bực trí huệ như đây mà thuyết pháp mới được gọi là chơn thật đại sư tử hống.

Sư tử hống là thuyết minh tất cả pháp đều vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Chỉ nói Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh".

Lục sư lại nói rằng : Nếu Cù Đàm có ngã ta cũng có ngã. Chỗ nói là ngã đó : Cái thấy gọi là ngã.

Này Cù Đàm ! Ví như có người hướng trong đây thấy đồ vật, ngã cũng như vậy. Hướng là dụ cho con mắt, người thấy dụ cho ngã.

Phật bảo lục sư : "Nếu nói cái thấy gọi là ngã, thời không đúng nghĩa. Vì điều dụ của các ông vừa dẫn ra nhơn hướng mà thấy, người ở một hướng, sáu căn đều có tác dụng. Nếu quyết định có ngã nhơn nơi con mắt mà thấy, sao lại chẳng như trong một nhãn căn kia đều nhận biết các trần cảnh ? Nếu trong một căn chẳng thể đồng thời nghe cả sáu trần, phải biết rằng đó là không có ngã. Điều dụ hướng thấy vật, dầu trải qua trăm năm, người thấy nhơn nơi đó chỗ thấy vẫn không khác. Nhãn căn nếu như vậy, đến lúc tuổi già mắt kém lẽ ra không khác. Người cùng hướng khác nhau, thấy trong thấy ngoài, nhãn căn nếu như vậy lẽ ra cũng trong ngoài đồng một thời đều thấy. Nếu là chẳng thấy, sao lại có ngã".

Lục sư lại nói rằng : "Này Cù Đàm ! Nếu không có ngã, thời ai có thể thấy ? Phật nói có sắc, có ánh sáng, có tâm, có nhãn căn, bốn duyên này hòa hiệp nên gọi là có thấy. Trong đây thiệt không có người thấy người thọ. Vì điên đảo nên chúng sanh cho là có người thấy có kẻ thọ. Do nghĩa này nên tất cả chúng sanh chỗ thấy biết đều điên đảo, chỗ thấy biết của chư Phật và Bồ Tát là chơn thật".

- Này Lục Sư ! Nếu nói rằng sắc là ngã thời cũng chẳng phải. Vì sắc thiệt cũng chẳng phải là ngã. Sắc nếu là ngã lẽ ra chẳng nên có hình dạng xấu xa. Cớ sao lại có bốn tánh sai khác, chẳng đồng một giòng Bà La Môn ư ? Sao lại có kẻ nô lệ chẳng tự do ? Có người tàn tật, lúc sanh ra căn thân chẳng đầy đủ ? Cớ sao chẳng làm thân chư Thiên, mà lại thọ thân địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ ? Nếu chẳng có thể tùy ý để làm ra thân, nên biết rằng quyết định là không có ngã. Do vì không ngã nên gọi là vô thường. Vì vô thường nên phải khổ. Vì khổ nên là rỗng không. Vì rỗng không nên điên đảo. Vì điên đảo nên tất cả chúng sanh lưu chuyển trong dòng sanh tử.

Như sắc, thọ, tưởng, hành và thức cũng vậy.

Này Lục Sư, Đức Như Lai Thế Tôn dứt hẳn sự ràng buộc của sắc cũng như dứt hẳn sự ràng buộc của thức v.v... vì thế nên Như Lai gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Lại sắc chính là nhơn duyên. Nếu đã là nhơn duyên thời gọi là vô ngã. Nếu là vô ngã thời gọi là khổ không.

Thân của Như Lai chẳng phải nhơn duyên. Vì chẳng phải nhơn duyên nên gọi là có ngã. Nếu có ngã thời chính là thường, lạc, ngã, tịnh.

Lục sư lại nói : "Này Cù Đàm ! Sắc chẳng phải ngã nhẫn đến thức cũng chẳng phải ngã, thế thì ngã khắp tất cả chỗ như hư không".

Phật nói : "Nếu khắp mọi chỗ đều có ngã, thời lẽ ra chẳng nên nói rằng : Trước kia tôi chẳng thấy. Nếu trước kia chẳng thấy, thời biết rằng sự thấy này trước không nay có, nên gọi là vô thường. Nếu gọi là vô thường sao lại nói là khắp được.

Nếu ngã là khắp tất cả chỗ đều có, lẽ ra phải có đủ tất cả thân trong năm loài. Nếu có đủ thân, thời lẽ ra đều thọ báo. Nếu đã đều thọ báo, sao lại nói rằng trở lại thọ thân người, thân trời... ?

Các ông nói ngã là khắp đó, thời ngã là một hay là nhiều ?

Ngã nếu là một thời lẽ ra không có cha con, kẻ thù người thân. Ngã nếu là nhiều, căn thân của tất cả chúng sanh lẽ ra đều đồng như nhau, bao nhiêu những việc làm và trí huệ lẽ ra cũng đồng như vậy, nếu đồng như nhau, sao lại nói rằng có người thân căn đầy đủ, có người thiếu kém tàn tật, nghiệp lành nghiệp ác, kẻ ngu người trí khác nhau ?".

- Này Cù Đàm ! Ngã của chúng sanh không có ngằn mé, pháp cùng phi pháp thời có chừng ngằn. Chúng sanh thật hành đúng pháp thời được thân tốt đẹp. Nếu chúng sanh thật hành phi pháp thời mang thân xấu xa. Do nghĩa này nên nghiệp quả của chúng sanh chẳng được không sai khác.

- Này Lục Sư ! Nếu pháp cùng phi pháp là như vậy thời ngã chẳng cùng khắp. Nếu ngã, là cùng khắp thời lẽ ra đều đến tất cả. Nếu ngã đều đến tất cả thời người thật hành pháp lành lẽ ra cũng có ác, người thật hành điều ác lẽ ra cũng có lành. Nếu không như vậy sao lại nói rằng ngã là cùng khắp.

- Này Cù Đàm ! Như trong một nhà thắp trăm ngàn ngọn đèn, mỗi ngọn đèn tự chiếu sáng chẳng trở ngại nhau. Ngã của chúng sanh cũng như vậy, thật hành điều lành điều ác chẳng xen lộn nhau.

- Này Lục Sư ! Nếu các ông nói rằng ngã như ngọn đèn thời không đúng nghĩa. Vì ánh sáng ngọn đèn kia theo duyên mà có, ngọn đèn thêm lớn thời ánh sáng cũng thêm nhiều. Ngã của chúng sanh chẳng phải như vậy. Ánh sáng từ ngọn đèn chiếu ra, chỗ của ánh sáng khác chỗ với ngọn đèn. Ngã của chúng sanh chẳng được từ nơi thân mà ra ở nơi chỗ khác. Ánh sáng của ngọn đèn kia ở chung chỗ với bóng tối, vì như trong căn nhà tối, lúc thắp một ngọn đèn chiếu chẳng sáng tỏ, thắp nhiều ngọn đèn thời được tỏ sáng. Nếu ngọn đèn ban đầu phá hết bóng tối thời lẽ ra

chẳng cần đến ngọn đèn sau. Nếu cần phải nhờ ngọn đèn sau mới hết bóng tối, thời nên biết rằng ánh sáng của ngọn đèn ban đầu cùng ở chung chỗ với bóng tối.

- Này Cù Đàm ! Nếu là không có ngã thời ai làm lành làm ác ?

- Nếu là ngã tạo tác thời sao lại gọi là thường ? Nếu ngã là thường, tại sao có lúc làm lành, có lúc lại làm ác ? Nếu cho rằng có lúc làm lành, có lúc làm ác, tại sao lại nói rằng ngã không ngằn mé. Nếu là ngã tạo tác, cớ chi lại tập làm điều ác. Nếu như ngã là tác giả, là tri giả, cớ chi lại sanh nghi rằng chúng sanh không có ngã.

Do nghĩa trên đây nên biết rằng trong pháp của ngoại đạo quyết định không có ngã. Nếu nói là ngã, thời nên biết rằng chính là đức Như Lai, vì thân Như Lai không ngằn mé, không ngờ vực, chẳng làm chẳng thọ, nên gọi là thường trụ. Như Lai bất sanh bất diệt nên gọi là lạc, vì Như Lai không có phiền não nên gọi là tịnh, không có mười tướng nên gọi là không. Do đây nên Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh, rỗng rang không có các tướng.

Các nhà ngoại đạo nói rằng : "Nếu nói Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh, vì không có tướng nên là không, phải biết rằng giáo pháp của Cù Đàm nói ra thời chẳng phải là không vậy. Vì thế nên nay chúng ta phải cung kính thọ trì".

Lúc đó trong hàng ngoại đạo có vô lượng người sanh lòng kính tin xuất gia theo Phật pháp.

Phật bảo Sư Tử Hống Bồ Tát : "Này Thiện nam tử ! Do nhơn duyên nên ta ở nơi rừng Ta La Song Thọ này hiển bày đại sư tử hống. Sư tử hống gọi là Đại Niết Bàn".

Này Thiện nam tử ! Cặp cây bên hướng Đông tiêu biểu rằng phá vô thường mà được thường trụ. Cặp cây bên hướng Nam tiêu biểu rằng phá khổ mà được lạc. Cặp cây bên hướng Tây tiêu biểu rằng phá vô ngã mà được chơn ngã. Cặp cây bên hướng Bắc tiêu biểu rằng phá bất tịnh mà được chơn tịnh.

Này Thiện nam tử ! Chúng sanh trong đây vì bốn cặp cây Song Thọ nên bảo hộ rừng Ta La, chẳng cho người ngoài đến bẻ nhánh, hái lá, đốt chặt phá hoại. Ta cũng như vậy, vì bốn pháp thường, lạc, ngã, tịnh, nên khiến hàng đệ tử hộ trì Phật Pháp.

Bốn cặp Song Thọ này bốn Đại Vương quản trị săn sóc. Ta vì bốn Đại Vương hộ trì chánh pháp của ta, nên ta ở trong đây mà nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Bốn cặp cây Ta La này bông trái thường sum sê, thường có thể lợi ích cho vô lượng chúng sanh. Ta cũng như vậy, thường có thể lợi ích cho vô lượng Thanh Văn, Duyên Giác. Bông dụ cho ngã, trái dụ cho lạc. Do nghĩa này nên ta ở trong rừng cây Ta La Song Thọ nhập đại tịch diệt. Đại tịch diệt đây gọi là Đại Niết Bàn".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Cớ gì đức Như Lai nhập Niết Bàn trong tháng hai ?".

- Này Thiện nam tử ! Tháng hai gọi là mùa Xuân, tháng mùa Xuân muôn vật đều sanh trưởng, gieo trồng cây cối, bông trái tươi tắn xinh đẹp, sông rạch đầy nước, trăm thú sanh sản, do đây nên chúng sanh phần nhiều có quan niệm là thường là vui.

Vì phá quan niệm cho là thường như vậy, nên ta nói tất cả pháp đều là vô thường, chỉ nói đức Như Lai là thường trụ chẳng biến đổi.

Này Thiện nam tử ! Ở trong ba mùa sáu tiết, mạnh Đông cây cối khô héo, mọi người chẳng ưa thích. Mạnh Xuân hòa ấm mọi người tham ưa. Vì phá sự tham ưa thế gian của chúng sanh nên ta diễn nói thường, lạc, ngã, tịnh. Đức Như Lai vì phá thế ngã, thế tịnh, nên nói Như Lai là chơn thiệt ngã tịnh.

Nói tháng hai là dụ cho hai thứ Pháp thân của Như Lai.

Mùa Đông chẳng ưa thích, là người trí chẳng thích Như Lai vô thường nhập Niết Bàn. Tháng hai mùa Xuân vui thích, là dụ cho người trí ưa thích Như Lai : Thường, lạc, ngã, tịnh. Gieo trồng dụ cho chúng sanh nghe pháp vui mừng phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, vun trồng các căn lành. Sông rạch là dụ cho các đại Bồ Tát ở mười phương đến chỗ ta nghe học kinh Đại Niết Bàn.

Trăm thú sanh sản là dụ cho hàng đệ tử của ta sanh các căn lành.

Bông là dụ cho bảy giác chi. Trái là dụ cho bốn đạo quả.

Do những nghĩa này, nên ta nhập Niết Bàn trong tháng hai.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Đức Như Lai lúc sơ sanh, xuất gia, thành đạo chuyển pháp luân đều ở vào ngày mùng tám, cớ chi riêng nhập Niết Bàn ở đêm rằm ?".

Phật bảo : "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Như mặt trăng rằm tròn đầy không khuyết, chư Phật Như Lai cũng như vậy, nhập Đại Niết Bàn không có kém khuyết. Vì thế nên Như Lai nhập Đại Niết Bàn vào đêm rằm.

Này Thiện nam tử ! Như đêm rằm, lúc mặt trăng tròn có mười một điều : Một là phá tối tăm; hai là khiến chúng sanh thấy rõ đường sá, ba là khiến chúng sanh thấy đường ngay đường cong; bốn là trừ nóng nực được mát mẻ; năm là phá lòng cao ngạo của lửa đom đóm; sáu là dứt tất cả tưởng niệm trộm cướp; bảy là trừ lòng sợ ác thú của chúng sanh; tám là có thể làm cho hoa sen xanh nở; chín là làm cho hoa sen búp lại; mười là dẫn phát lòng tiến lên của kẻ đi đường; mười một là làm cho chúng sanh thích ngũ dục được nhiều khoái lạc.

Như Lai cũng như vậy : Một là phá hoại vô minh; hai là diễn thuyết chánh pháp, tà pháp; ba là chỉ bày sanh tử là tà hiểm, Niết Bàn là bằng thẳng; bốn là làm cho người xa lìa phiền não tham, sân, si; năm là phá hoại ánh sáng của ngoại đạo; sáu là phá hoại giặc kiết sử; bảy là trừ tâm lo sợ ngũ cái; tám là làm nẩy nở lòng vun trồng căn lành của chúng sanh; chín là che trùm tâm ngũ dục của chúng sanh; mười là phát khởi hạnh tiến tu công hạnh Đại Niết Bàn cho chúng sanh; mười một là làm cho chúng sanh thích tu hạnh giải thoát.

Do đây nên ta nhập Đại Niết Bàn vào ngày rằm. Dầu vậy, nhưng thật ra ta chẳng có nhập Đại Niết Bàn. Trong hàng đệ tử của ta, những kẻ ngu si, kẻ ác cho rằng Như Lai quyết định nhập Niết Bàn.

Như bà mẹ kia có đông con. Một hôm bà mẹ bỏ đi đến nước khác, trong thời gian chưa trở về, các con đều nói rằng mẹ đã chết mất, nhưng thật ra bà mẹ này không chết".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Hạng Tỳ Kheo này có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ này ?".

- Này Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ Kheo nào thọ trì đọc tụng mười hai bộ kinh, văn nghĩa đúng, thông đạt thâm nghĩa, giải thuyết cho mọi người, chỗ thuyết pháp trước sau giữa đều lành hay, vì muốn lợi ích cho vô

lượng chúng sanh mà diễn thuyết phạm hạnh. Tỳ Kheo này có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

- Bạch Thế Tôn ! Như chỗ tôi hiểu nghĩa của đức Phật vừa dạy, thời Tỳ Kheo A Nan chính là người trang nghiêm vậy. Vì A Nan thọ trì đọc tụng mười hai bộ kinh, vì đại chúng mà khai thị diễn thuyết, lời cùng nghĩa đều chơn chánh.

Như đem nước rót vào bình, A Nan cũng như vậy, đúng như chỗ đã nghe nơi đức Phật đem diễn thuyết lại cho mọi người.

Này Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ Kheo đặng thiên nhãn thanh tịnh, thấy Đại thiên thế giới ở mười phương như thấy trái Am Ma Lặc trong bàn tay, Tỳ kheo này cũng có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo A Nậu Lâu Đà chính là người trang nghiêm, vì A Nậu Lâu Đà có Thiên nhãn thấy rõ Đại thiên thế giới, tất cả những loài những vật cho đến thân trung ấm đều thấy rõ ràng không chướng ngại.

- Này Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ Kheo thiểu dục tri túc, tâm thích tịch tịnh, siêng tu tinh tấn chánh niệm, chánh định, chánh huệ, giải thoát, Tỳ Kheo này có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo Đại Ca Diếp chính là người trang nghiêm, vì Đại Ca Diếp khéo tu những công hạnh thiểu dục tri túc v.v...

- Này Thiện nam tử ! Nếu Tỳ Kheo vì lợi ích chúng sanh chẳng vì lợi dưỡng mà tu tập thông đạt Vô tránh Tam muội, Thánh hạnh, Không hạnh, Tỳ Kheo này thời có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo Tu Bồ Đề chính là người trang nghiêm. Vì Tu Bồ Đề khéo tu tập hạnh Vô tránh, Thánh hạnh, Không hạnh.

- Này Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ Kheo khéo tu tập thần thông, trong khoảng một niệm có thể hiện các thứ thần thông biến hóa, một tâm một định có thể hiện làm hai thứ là nước với lửa, Tỳ Kheo này thời có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo Đại Mục Kiền Liên chính là người trang nghiêm. Vì Đại Mục Kiền Liên khéo tu thần thông biến hóa vô lượng.

- Này Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ Kheo tu tập đại trí, lợi trí, tập trí, giải thoát trí, thậm thâm trí, quảng trí, vô biên trí, vô thắng trí, thật trí, thành tựu đầy đủ trí huệ như vậy, tâm bình đẳng đối với người thân kẻ thù nghe đức Phật Như Lai nhập Niết Bàn chẳng lo buồn, nếu nghe Như Lai thường trụ chẳng nhập Niết Bàn, cũng chẳng mừng rỡ, Tỳ Kheo này thời có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo Xá Lợi Phất chính là người trang nghiêm. Vì Xá Lợi Phất khéo thành tựu đầy đủ đại trí huệ như vậy.

- Này Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ Kheo có thể nói chúng sanh đều có Phật tánh, được thân Kim Cang không có ngằn mé, thường, lạc, ngã, tịnh, thân tâm vô ngại được tám môn tự tại, Tỳ Kheo này thời có thể trang nghiêm rừng Ta la Song Thọ.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời chỉ có đức Như Lai mới là người trang nghiêm. Vì thân Như Lai là thân Kim Cang không ngằn mé, là thường, lạc, ngã, tịnh, thân tâm vô ngại đủ tám môn tự tại.

Bạch Thế Tôn ! Chỉ có đức Như Lai mới có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ, nếu không đức Như Lai thời chẳng trang nghiêm. Ngưỡng mong đấng đại từ đại bi vì trang nghiêm mà thường ở trong rừng Ta La này.

- Này Thiện nam tử ! Tất cả các pháp tánh vốn trụ nơi vô trụ, sao ông lại cầu mong đức Như Lai trụ.

Này Thiện nam tử ! Phàm nói rằng trụ đó thời gọi là sắc pháp từ nơi nhơn duyên mà sanh, nên gọi là trụ. Nhơn duyên không nơi chỗ nên gọi là vô trụ.

Đức Như Lai đã dứt tất cả sự ràng buộc của sắc, sao lại nói rằng Như Lai trụ ? Như sắc pháp, thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy.

Này Thiện nam tử ! Trụ gọi là kiêu mạn, vì kiêu mạn nên chẳng được giải thoát, vì chẳng được giải thoát nên gọi là trụ. Ai có kiêu mạn ? Từ chỗ nào mà đến ? Do đây nên được gọi là trụ nơi vô trụ.

Đức Như Lai đã dứt tất cả kiêu mạn, sao lại nói rằng ngưỡng mong đức Như Lai trụ ?

Trụ đó gọi là Pháp hữu vi, đức Như Lai đã dứt pháp hữu vi, nên là chẳng trụ.

Trụ đó gọi là Pháp không. Đức Như Lai đã dứt Pháp không như vậy nên được thường, lạc, ngã, tịnh. Tại sao lại nói rằng ngưỡng mong đức Như Lai trụ ?

Trụ đó gọi là hai mươi lăm cõi. Đức Như Lai đã dứt hai mươi lăm cõi. Sao lại nói rằng ngưỡng mong đức Như Lai trụ ?

Trụ đó chính là tất cả phàm phu. Các bực Thánh nhơn thời không khứ, không lai, không trụ. Đức Như Lai đã dứt những tướng khứ, lai, trụ. Sao lại nói rằng ngưỡng mong đức Như Lai trụ ?

Luận về vô trụ gọi là vô biên thân. Vì thân vô biên nên chớ nói rằng ngưỡng mong đức Như Lai trụ nơi rừng Ta La. Nếu trụ nơi rừng này thời là hữu biên. Nếu là thân hữu biên thời là vô thường. Đức Như Lai là thường, sao lại nói rằng trụ ?

- Luận về vô trụ gọi là hư không, tánh của Như Lai đồng với hư không, sao lại nói rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là Kim Cang Tam muội. Kim Cang Tam muội phá hoại tất cả trụ. Kim Cang tam muội chính là Như Lai, sao lại nói rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là huyễn, Như Lai đồng huyễn, sao lại nói rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là vô chung vô thỉ, tánh Như Lai không có thỉ chung, sao lại gọi rằng trụ ?

Lại vô trụ là pháp giới vô biên, pháp giới vô biên chính là Như Lai, sao lại nói rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là Thủ Lăng Nghiêm tam muội. Tam muội này biết tất cả pháp mà không chấp trước nên gọi là Thủ Lăng Nghiêm. Đức Như Lai đầy đủ chánh định Thủ Lăng Nghiêm, sao lại gọi rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là Xứ phi Xứ trí lực. Đức Như Lai thành tựu trí lực này, sao lại gọi rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là Đàn Ba la mật. Nếu Đàn Ba la mật mà có trụ thời chẳng đến được Thi La Ba la mật, nhẫn đến Bát Nhã Ba la mật, do nghĩa này nên Đàn Ba la mật gọi là vô trụ. Đức Như Lai chẳng trụ Đàn Ba la mật nhẫn đến chẳng trụ Bát Nhã Ba la mật, sao lại nguyện rằng đức Như Lai thường trụ nơi rừng Ta La.

Lại vô trụ gọi là tu pháp Tứ niệm xứ. Nếu đức Như Lai trụ nơi pháp tứ niệm xứ, thời không thể được Vô Thượng Bồ Đề, đây gọi là trụ nơi chẳng trụ.

Lại vô trụ gọi là chúng sanh giới vô biên. Đức Như Lai đã đến tột ngằn mé vô biên của tất cả chúng sanh giới mà không chỗ trụ.

Lại vô trụ gọi là không nhà cửa, không nhà cửa gọi là không chỗ có, không chỗ có gọi là vô sanh, vô sanh gọi là vô diệt, vô diệt gọi là vô tướng, vô tướng gọi là không hệ phược, không hệ phược gọi

là không chấp trước, không chấp trước gọi là vô lậu, vô lậu chính là thiện, thiện chính là vô vi, vô vi chính là Đại Niết Bàn, Đại Niết Bàn chính là thường, thường chính là ngã, ngã chính là tịnh, tịnh chính là lạc. Thường, lạc, ngã, tịnh chính là Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Như hư không chẳng trụ mười phương, đức Như Lai cũng như vậy chẳng trụ mười phương.

Này Thiện nam tử ! Nếu có ai nói rằng thân, khẩu, ý ác mà được quả lành thời là không đúng. Thân, khẩu, ý lành mà được quả ác cũng là không đúng.

Nếu nói phàm phu đặng thấy Phật tánh, còn Thập trụ Bồ Tát chẳng được thấy, lời nói này không đúng.

Nếu nói hạng nhứt xiển đề phạm tội ngũ nghịch hủy báng kinh Đại thừa phá bốn giới trọng mà được Vô Thượng Bồ Đề, lời nói này cũng không đúng.

Nếu nói lục trụ Bồ Tát do phiền não mà đọa ba ác đạo, lời nói này cũng không đúng.

Nếu nói đại Bồ Tát dùng thân người nữ thật mà được Vô Thượng Bồ Đề, lời nói này cũng không đúng.

Nếu nói nhứt xiển đề là thường còn, Tam Bảo là vô thường, lời nói này cũng không đúng.

Nếu nói đức Như Lai trụ nơi thành Câu Thi Na, lời nói này cũng không đúng.

Này Thiện nam tử ! Nay đức Như Lai ở nơi thành Câu Thi Na này nhập đại tam muội, vào trong hang

Thiền định thậm thâm. Vì chúng sanh chẳng thấy Như Lai nên gọi là đại Niết Bàn.

- Bạch Thế Tôn ! Đức Như Lai cớ chi vào nơi hang Thiền định ?

Này Thiện nam tử ! Vì muốn độ thoát chúng sanh : Người chưa gieo trồng căn lành làm cho được gieo trồng. Người đã gieo trồng căn lành nay được tăng trưởng. Người quả lành chưa thành thục làm cho được thành thục. Đức Như Lai vì người căn lành đã thành thục mà nói thu hướng Vô Thượng Bồ Đề. Làm cho người khinh tiện pháp lành sanh lòng tôn trọng. Làm cho những kẻ phóng dật rời bỏ sự phóng dật. Vì cùng Văn Thù Sư Lợi các vị Đại Bồ Tát luận bàn diệu nghĩa. Vì muốn giáo hóa người thích đọc tụng làm cho ưa thích Thiền định. Vì đem Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh giáo hóa chúng sanh. Vì quan sát Pháp tạng bất cộng thậm thâm. Vì muốn quở trách hàng đệ tử phóng dật Đức Như Lai thường tịch tịnh mà còn ưa chuộng Thiền định, huống là các ông chưa dứt hết phiền não mà sanh lòng phóng dật. Vì muốn quở trách các Tỳ Kheo ác nhận tám thứ vật bất tịnh, vì chẳng biết thiểu dục, chẳng biết tri túc. Vì khiến chúng sanh tôn trọng pháp Thiền định đã nghe. Do những nhơn duyên trên đây nên đức Như Lai vào hang Thiền định.

(*) Bạch Thế Tôn ! Chánh định vô tướng gọi là Đại Niết Bàn, nên Đại Niết Bàn gọi là vô tướng. Do nhơn duyên gì gọi là vô tướng ?

- Này Thiện nam tử ! Vì không có mười tướng sắc, thinh, hương, vị, xúc, trụ, hoại, nam, nữ, đây gọi là mười tướng. Vì không mười tướng như vậy nên gọi là vô tướng.

Này Thiện nam tử ! Luận về người chấp tướng thời hay sanh ra si, vì si mà sanh ái, vì ái nên ràng buộc, vì ràng buộc nên thọ sanh, vì sanh nên có tử, vì tử nên là vô thường. Người chẳng chấp tướng thời chẳng sanh si, vì không si nên không ái, vì không ái nên không ràng buộc, vì không ràng buộc nên chẳng thọ sanh, vì chẳng thọ sanh nên không có tử, vì không có tử nên gọi là thường. Do nghĩa này nên Niết Bàn gọi là thường.

- Bạch Thế Tôn ! Tỳ Kheo nào có thể dứt được mười tướng ?

Này Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ Kheo luôn luôn tu tập ba tướng này thời dứt được mười tướng : Luôn luôn tu tập tướng tam muội chánh định, luôn luôn tu tập tướng trí huệ, luôn luôn tu tập tướng xả.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là tướng chánh định, tướng trí huệ và tướng xả ?

Chánh định là tam muội, tất cả chúng sanh đều có tam muội, tại sao nay mới nói rằng tu tập tam muội ?

(*) Hán bộ quyển thứ 31

Nếu tâm duyên ở một cảnh thời gọi là tam muội, nếu lại duyên cảnh khác thời chẳng gọi là tam muội. Nếu như chẳng định thời chẳng phải là nhứt thiết trí, chẳng phải là nhứt thiết trí sao lại gọi là định ? Nếu do một hạnh mà được tam muội, những hạnh khác thời chẳng phải là tam muội, nếu chẳng phải là tam muội, thời chẳng phải là nhứt thiết trí, nếu chẳng phải nhứt thiết trí sao lại gọi rằng tam muội ? Tướng trí huệ và tướng xả cũng như vậy.

- Này Thiện nam tử ! Như lời ông nói duyên nơi một cảnh được gọi là tam muội, nếu duyên các cảnh khác chẳng gọi là tam muội, lời nói này không đúng nghĩa. Vì duyên những cảnh khác như vậy cũng vẫn là một cảnh. Do một hạnh cùng những hạnh khác cũng như vậy.

Ông lại nói chúng sanh trước đã có tam muội chẳng cần tu tập, lời này cũng chẳng phải. Vì nói tam muội đây, là nói thiện tam muội, thật ra tất cả chúng sanh chưa có sao lại nói rằng chẳng cần tu tập ? Do trụ trong thiện tam muội như vậy mà quan sát tất cả pháp thời gọi là tướng Thiện trí huệ. Chẳng thấy tướng tam muội cùng tướng trí huệ sai khác nhau thời gọi là tướng xả.

Lại này Thiện nam tử ! Nếu chấp tướng sắc, không thể quan sát tướng thường, tướng vô thường của sắc thời gọi là tam muội. Nếu có thể quan sát tướng thường và tướng vô thường của sắc thời gọi là tướng

trí huệ. Tam muội cùng trí huệ đồng quan sát tất cả pháp thời gọi là tướng xả.

Này Thiện nam tử ! Như người đánh xe bốn ngựa giỏi, điều khiển chậm mau phải lúc. Bồ Tát cũng như vậy, nếu tam muội nhiều thời tu tập trí huệ, nếu trí huệ nhiều thời tu tập tam muội. Tam muội cùng trí huệ đồng nhau thời gọi là xả.

Này Thiện nam tử ! Thanh Văn và Duyên Giác sức tam muội nhiều sức trí huệ ít, do đây nên chẳng thấy Phật tánh. Thập trụ Bồ Tát sức trí huệ nhiều sức tam muội ít, nên thấy Phật tánh chẳng rõ ràng. Chư Phật Thế Tôn vì tam muội cùng trí huệ đồng, nên thấy Phật tánh rõ ràng không chướng ngại như xem trái Am Ma Lặc trong bàn tay. Thấy Phật tánh gọi đó là tướng xả.

Này Thiện nam tử ! Xa Ma Tha gọi là hay dứt trừ, vì hay dứt trừ tất cả phiền não. Lại Xa Ma Tha gọi là hay điều phục, vì hay điều phục những căn ác chẳng lành. Lại Xa Ma Tha gọi là tịch tịnh, vì có thể làm cho thân, khẩu, ý đều tịch tịnh. Lại Xa Ma Tha gọi là viễn ly, vì có thể làm cho chúng sanh xa lìa ngũ dục. Lại Xa Ma Tha gọi là hay lóng trong, vì hay lóng trong ba pháp nhơ đục tham dục, sân khuể, ngu si. Do những nghĩa này nên gọi là tướng chánh định.

Tỳ Bà Xá Na gọi là chánh kiến, cũng gọi là liễu kiến, năng kiến, biến kiến, thứ đệ kiến, biệt tướng kiến, đây gọi là trí huệ.

Ưu Tất Xoa gọi là bình đẳng, cũng gọi là vô tránh, vô quán, vô hành, đây gọi là xả.

Này Thiện nam tử ! Có hai thứ Xa Ma Tha : Thế gian và xuất thế gian.

Lại có hai thứ : Chẳng thành tựu và thành tựu. Chẳng thành tựu là nói Thanh Văn cùng Bích Chi Phật. Thành tựu là nói chư Phật và Bồ Tát.

Lại có ba thứ : Hạ, trung, và thượng. Hạ là nói hàng phàm phu. Trung là nói Thanh Văn và Duyên Giác. Thượng là nói chư Phật và Bồ Tát.

Lại có bốn thứ : Một là thối, hai là trụ, ba là tấn, bốn là có thể lợi ích lớn.

Lại có năm thứ chính là năm trí tam muội : Một là vô thực tam muội, hai là vô quá tam muội, ba là thân ý thanh tịnh, nhứt tâm tam muội, bốn là nhơn quả câu lạc tam muội, năm là thường niệm tam muội.

Lại có sáu thứ : Một là quán cốt tam muội, hai là từ tam muội, ba là quán thập nhị nhơn duyên tam muội, bốn là xuất tức nhập tức tam muội, năm là chánh niệm giác quán tam muội, sáu là quán sanh, trụ, dị, diệt tam muội.

Lại có bảy thứ chính là bảy giác chi : Một là niệm xứ giác chi, hai là trạch pháp giác chi, ba là tinh tấn giác chi, bốn là hỉ giác chi, năm là trừ giác chi, sáu là định giác chi, bảy là xả giác chi.

Lại có bảy thứ : Một là Tu Đà Hoàn tam muội, hai là Tư Đà Hàm tam muội, ba là A Na Hàm tam muội, bốn là A La Hán tam muội, năm là Bích Chi Phật tam muội, sáu là Bồ Tát tam muội, bảy là Như Lai giác tri tam muội.

Lại có tám thứ : Chính là tám môn giải thoát tam muội : Một là trong có sắc tướng, ngoài quán sắc giải thoát tam muội, hai là trong không sắc tướng, ngoài quán sắc giải thoát tam muội, ba là tịnh giải thoát thân chứng tam muội, bốn là không xứ giải thoát tam muội, năm là thức xứ giải thoát tam muội, sáu là vô sở hữu xứ giải thoát tam muội, bảy là phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ giải thoát tam muội, tám là diệt tận định xứ giải thoát tam muội.

Lại có chín thứ chính là cửu thứ đệ định : Tứ thiền, tứ không và diệt tận định tam muội.

Lại có mười thứ chính là mười nhứt thiết xứ tam muội : Một là địa nhứt thiết xứ tam muội, hai là thủy nhứt thiết xứ tam muội, ba là phong nhứt thiết xứ tam muội, bốn là thanh nhứt thiết xứ tam muội, năm là huỳnh nhứt thiết xứ tam muội, sáu là xích nhứt thiết xứ tam muội, bảy là bạch nhứt thiết xứ tam muội, tám là không nhứt thiết xứ tam muội, chín là thức nhứt thiết xứ tam muội, mười là vô sở hữu nhứt thiết xứ tam muội. Lại có vô số thứ chính là chư Phật và Bồ Tát. Đây gọi là tướng tam muội.

Này Thiện nam tử ! Huệ có hai thứ : Thế gian và xuất thế gian. Lại có ba thứ : Bát Nhã, Tỳ Bà Xá Na và Xà Na. Bát Nhã gọi là tất cả chúng sanh. Tỳ Bà Xá Na là tất cả Thánh nhơn. Xà Na là chư Phật và Bồ Tát. Lại Bát Nhã gọi là biệt tướng, Tỳ Bà Xá Na gọi là tổng tướng, Xà Na gọi là phá tướng.

Lại có bốn thứ Huệ, chính là quán tứ chơn đế.

Này Thiện nam tử ! Vì ba việc mà tu Xa Ma Tha : Một là vì chẳng phóng dật, hai là vì trang nghiêm đại trí, ba là vì được tự tại.

Lại vì ba việc mà tu Tỳ Bà Xá Na : Một là vì quán quả báo ác của sanh tử, hai là vì muốn tăng trưởng các căn lành, ba là vì phá tất cả phiền não.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Như trong kinh nói nếu Tỳ Bà Xá Na có thể phá phiền não cớ gì lại tu tập Xa Ma Tha ?".

Phật nói : Này Thiện nam tử ! Ông nói Tỳ Bà Xá Na phá phiền não, lời này không đúng. Vì lúc có trí huệ thời không phiền não, lúc có phiền não thời không trí huệ. Sao lại nói rằng Tỳ Bà Xá Na có thể phá phiền não ?

Ví như lúc sáng thời không tối, lúc tối thời không sáng. Nếu nói rằng sáng có thể phá tối, thời không đúng.

Này Thiện nam tử ! Ai có trí huệ ? Ai có phiền não ? Sao lại nói rằng trí huệ có thể phá phiền não. Nếu phiền não là không thời không chỗ phá.

Này Thiện nam tử ! Nếu nói trí huệ có thể phá phiền não, là đến mà phá, hay chẳng đến mà phá ? Nếu chẳng đến mà phá lẽ ra phàm phu cũng phá được. Nếu đến mà phá thời niệm ban đầu lẽ ra đã phá. Nếu niệm ban đầu chẳng phá thời niệm sau cũng chẳng phá. Nếu niệm ban đầu đến bèn đã phá đây thời là chẳng đến. Sao lại nói rằng trí huệ hay phá phiền não ? Nếu nói rằng đến cùng chẳng đến mà có thể phá đó thời không đúng nghĩa.

Lại Tỳ Bà Xá Na phá phiền não đó, là đơn độc có thể phá hay là có bạn mới phá ? Nếu đơn độc có thể phá cớ gì Bồ Tát tu Bát chánh đạo ? Nếu có bạn mới phá thời nên biết rằng đơn độc chẳng phá được. Nếu đơn độc chẳng phá được thời bạn cũng chẳng phá được. Như một người mù chẳng thấy được màu sắc, dầu dắt cả lũ bạn mù cũng chẳng thấy được. Tỳ Bà Xá Na cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như địa đại thời tánh chất là cứng, hỏa đại tánh chất là nóng, thủy đại tánh chất là ướt, phong đại tánh chất là động. Tánh chất cứng của địa đại nhẫn đến tánh chất động của phong đại, chẳng phải nhơn duyên làm ra, tánh của nó tự như vậy. Như tánh chất của tứ đại, phiền não cũng vậy, tánh của nó là tự phải dứt mất. Nếu là tự dứt mất sao lại nói rằng trí huệ hay dứt. Do nghĩa này nên biết rằng Tỳ Bà Xá Na quyết định chẳng thể phá các phiền não.

Này Thiện nam tử ! Như chất muối là mặn làm cho vật khác mặn. Chất mật là ngọt làm cho vật khác ngọt, chất nước là ướt làm cho vật khác ướt. Tánh của trí huệ là diệt làm cho các pháp diệt, nghĩa này chẳng đúng. Vì nếu pháp không diệt thời trí huệ làm thế nào diệt được. Nếu nói muối mặn làm cho vật khác mặn, tánh trí huệ là diệt cũng làm cho pháp khác diệt, lời này cũng chẳng đúng. Vì tánh của trí huệ niệm niệm diệt. Nếu niệm niệm diệt thời đâu có thể diệt pháp khác. Do nghĩa này nên biết rằng tánh trí huệ chẳng phá phiền não.

Này Thiện nam tử ! Tất cả các pháp có hai thứ diệt : Một là tánh diệt, hai là rốt ráo diệt. Nếu là tánh diệt sao lại nói rằng trí huệ có thể diệt.

Nếu nói trí huệ có thể diệt phiền não như lửa đốt cháy đồ vật, nghĩa này chẳng đúng. Vì như lửa đốt cháy đồ vật thời có tro tàn, trí huệ nếu như vậy thời lẽ ra cũng còn có tàn dư. Như búa chặt cây, chỗ bị chặt có thể thấy được, trí huệ nếu như vậy thời có gì là có thể thấy được ?

Trí huệ nếu có thể làm cho phiền não rời lìa đó, thời phiền não kia lẽ ra hiện ra chỗ khác. Như các ngoại đạo rời sáu thành lớn mà hiện đến ở nơi thành Câu Thi Na. Nếu phiền não này chẳng hiện ra nơi khác, thời biết rằng trí huệ chẳng có thể làm cho phiền não rời lìa.

Này Thiện nam tử ! Tất cả các pháp nếu tánh nó tự không, thời ai có thể làm cho nó sanh ? Ai có thể làm cho nó diệt ? Sanh khác diệt khác, không ai tạo tác. Nếu người tu tập chánh định thời được biết được thấy chơn chánh như vậy. Do nghĩa này nên trong kinh ta nói : Nếu có Tỳ Kheo tu tập chánh định, thời có thể thấy tướng sanh diệt của ngũ ấm.

Này Thiện nam tử ! Nếu chẳng tu tập chánh định, thời việc thế gian còn không thể rõ biết huống là ở nơi đạo xuất thế. Nếu người không có chánh định, thời té ngã nơi đất bằng, tâm duyên pháp khác, miệng nói lời khác, tai nghe tiếng khác, ý hiểu nghĩa khác, muốn đọc chữ khác, tay biên văn khác, muốn đi đường khác thân bước nẻo khác. Nếu người có tu tập tam muội chánh định thời được lợi ích lớn nhẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát đầy đủ hai pháp thời có lợi ích lớn : Một là định, hai là trí.

Này Thiện nam tử ! Như cắt cỏ ống nếu kéo mạnh quá thời đứt. Đại Bồ Tát tu tập hai pháp này cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như nhổ cây cứng, trước dùng tay lay động, lúc sau nhổ lên dễ. Bồ Tát cũng như vậy, trước dùng định để động, rồi sau dùng trí để nhổ.

Này Thiện nam tử ! Như giặt y dơ, trước dùng nước tro, sau dùng nước trong, thời y được sạch sẽ. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như trước đọc tụng rồi sau hiểu nghĩa. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Như người dũng kiện trước dùng khôi giáp đao trượng để tự võ trang, rồi sau ra trận có thể phá tan quân địch. Định huệ của đại Bồ Tát cũng như vậy.

Như người thợ dùng kềm cùng khuôn để gắp và đựng vàng tự tại theo ý muốn : khuấy,trộn,đốt cháy. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Ví như gương sáng chói rõ mặt, mắt. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Như trước dọn đất rồi sau mới gieo giống, trước theo thầy học rồi sau mới suy nghĩ nghĩa lý. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Do những nghĩa trên đây, nên Đại Bồ Tát tu tập hai pháp này thời được lợi ích rất lớn.

Đại Bồ Tát tu tập hai pháp định huệ này, điều nhiếp năm căn, kham nhẫn các sự khổ : Đói, khát, lạnh, nóng, đánh đập, mắng nhục, thú dữ cắn, muỗi mòng chích, thường nhiếp tâm mình chẳng cho phóng dật, chẳng vì lợi dưỡng mà làm việc phi pháp, khách trần phiền não chẳng nhiễm ô được, chẳng bị những thuyết tà ngoại đạo làm mê lầm, thường có thể xa lìa những ác giác quán, chẳng bao lâu sẽ thành tựu

Vô Thượng Bồ Đề, vì muốn thành tựu lợi ích tất cả chúng sanh.

Đại Bồ Tát tu hai pháp định huệ này thời bốn luồng gió dữ tứ đảo chẳng thể thổi động, như núi Tu Di. Các tà ma dị thuật chẳng thể phỉnh lầm. Thường hưởng thọ sự vui vi diệu đệ nhứt. Có thể hiểu nghĩa bí mật rất sâu của Như Lai. Được vui chẳng mừng, gặp khổ chẳng buồn. Chư Thiên và người đời cung kính tán thán. Thấy rõ sanh tử và chẳng sanh tử. Có thể rõ biết Pháp giới, Pháp tánh Pháp thân, thường, lạc, ngã, tịnh, đây thời gọi là Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Định tướng gọi là Không tam muội. Huệ tướng gọi là Vô nguyện tam muội. Xả tướng gọi là Vô tướng tam muội.

Này Thiện nam tử ! Nếu có đại Bồ Tát biết rành thời gian định, thời gian huệ, thời gian xả, và biết phi thời, đây gọi là Đại Bồ Tát thật hành đạo Bồ Đề.

Bạch Thế Tôn ! Thế nào là Bồ Tát biết thời cùng phi thời ?

- Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát vì hưởng thọ sự vui mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì thuyết pháp mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì tinh tấn mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì hiểu nghĩa vấn đáp giỏi mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì gần bạn ác mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì bố thí nhiều mà sanh lòng

kiêu mạn, hoặc vì có công đức lành thế gian mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì được người giàu sang cung kính mà sanh lòng kiêu mạn, nên biết những lúc như vậy chẳng nên tu tập trí huệ, mà phải tu tập chánh định, đây gọi là Bồ Tát biết thời cùng phi thời.

Nếu có Bồ Tát tinh tấn tu hành chưa được quả Niết Bàn an lạc, vì chẳng được mà sanh lòng hối hận, vì độn căn nên chẳng điều phục được ngũ căn, vì thế lực phiền não thạnh, vì tự nghi giới luật có kém tổn, nên biết rằng lúc như vậy chẳng nên tu chánh định, mà phải tu tập trí huệ, đây gọi là Bồ Tát biết thời và phi thời.

Nếu có Bồ Tát hai pháp Định Huệ chẳng bình đẳng, nên biết lúc như vậy chẳng nên tu hạnh xả, lúc định huệ bình đẳng thời nên tu hạnh xả, đây gọi là Bồ Tát biết thời và phi thời.

Nếu có Bồ Tát lúc tu tập Định Huệ nếu có phiền não khởi lên, nên biết lúc như vậy chẳng nên tu hạnh xả, mà phải đọc tụng, biên chép, giải thuyết, mười hai bộ kinh, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thiện, niệm thí xả, đây gọi là tu xả.

Nếu có Bồ Tát tu tập ba pháp tướng như vậy, do nhơn duyên này đặng Vô tướng Niết Bàn.

- Bạch Thế Tôn ! Vì không mười tướng gọi là Đại Niết Bàn là vô tướng. Lại do nhơn duyên gì gọi

là vô sanh, vô xuất, vô tác, là nhà cửa, cồn bãi, chỗ về, là an ổn, diệt độ Niết Bàn, tịch tịnh, không các bịnh khổ, là không chỗ có ?

- Này Thiện nam tử ! Vì không nhơn duyên nên gọi là vô sanh, vì vô sanh nên gọi là vô xuất. Vì không tạo nghiệp nên gọi là vô tác. Vì chẳng vào năm thứ tà kiến nên gọi là nhà cửa. Vì rời lìa bốn dòng nước mạnh nên gọi là cồn bãi. Vì điều phục chúng sanh nên gọi là quy y. Vì phá hoại giặc phiền não nên gọi là an ổn. Vì lửa kiết sử tắt nên gọi là diệt độ. Vì lìa giác quán nên gọi là Niết Bàn. Vì xa ồn náo nên gọi là tịch tịnh. Vì dứt hẳn sanh tử nên gọi là không bịnh tử. Vì tất cả không có nên gọi là không chỗ có. Nếu Đại Bồ Tát quan sát như vậy thời đặng thấy rõ Phật tánh.

- Bạch Thế Tôn ! Đại Bồ Tát thành tựu bao nhiêu pháp thấy được vô tướng Niết Bàn như vậy nhẫn đến không chỗ có ?

- Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát thành tựu mười pháp thời thấy rõ Niết Bàn vô tướng, nhẫn đến không chỗ có : Một là tín tâm đầy đủ, nghĩa là thâm tín Phật, Pháp và Tăng là thường trụ, thập phương chư Phật phương tiện thị hiện. Tất cả chúng sanh và nhứt xiển đề đều có Phật tánh. Chẳng tin đức Như Lai là sanh, lão, bịnh, tử và tu khổ hạnh. Chẳng tin Đề Bà Đạt Đa là thật phá Tăng làm thân Phật ra máu. Chẳng tin đức Như Lai rốt ráo nhập

Niết Bàn, chánh pháp diệt hết. Đây gọi là Bồ Tát đầy đủ tín tâm.

Hai là đầy đủ tịnh giới : Nếu có Bồ Tát tự nói rằng giới thanh tịnh, dầu chẳng cùng với người nữ kia hòa hiệp, lúc thấy người nữ hoặc cùng nhau nói chuyện cợt đùa cười giỡn Bồ Tát như vậy thành dục pháp hủy phá tịnh giới ô nhục phạm hạnh khiến giới tạp uế chẳng được gọi là đầy đủ tịnh giới. Lại có Bồ Tát tự nói giới thanh tịnh, dầu chẳng cùng người nữ hòa hiệp cợt đùa, giỡn cười, nhưng cách vách nghe những tiếng vòng vàng, chuỗi ngọc của người nữ khua động, trong lòng sanh niệm ái trước, Bồ Tát như vậy, làm thành dục pháp hủy phá giới thanh tịnh, ô nhục phạm hạnh, làm cho giới tạp uế chẳng được gọi là đầy đủ tịnh giới. Lại có Bồ Tát tự nói giới thanh tịnh, dầu chẳng cùng người nữ hòa hiệp cợt đùa giỡn cười nghe tiếng khua động, nhưng lúc thấy người nam đi theo người nữ, hoặc lúc thấy người nữ đi theo người nam, bèn sanh niệm tham đắm, Bồ Tát như vậy làm nên pháp dục, hủy phá tịnh giới, ô nhục phạm hạnh khiến giới tạp uế, chẳng được gọi là đầy đủ tịnh giới. Lại có Bồ Tát tự nói giới thanh tịnh, dầu chẳng cùng người nữ hòa hiệp cợt đùa nghe tiếng khua thấy nam nữ theo nhau, nhưng lại muốn sanh cõi trời thọ vui ngũ dục. Bồ Tát như vậy làm nên pháp dục, hủy phá tịnh giới ô nhục phạm hạnh khiến giới tạp uế, chẳng được gọi là đầy đủ tịnh giới.

Này Thiện nam tử ! Nếu có Bồ Tát trì giới thanh tịnh mà chẳng vì giới, chẳng vì Thi La Ba la mật, chẳng vì chúng sanh, chẳng vì lợi dưỡng, chẳng vì Niết Bàn, chẳng vì Bồ Đề, chẳng vì Thanh Văn và Bích Chi Phật, chỉ vì đệ nhứt nghĩa tối thượng mà hộ trì cấm giới, đây gọi là Bồ Tát đầy đủ tịnh giới.

Ba là gần gũi Thiện tri thức : Nếu có người có thể nói tín, giới, đa văn, bố thí, trí huệ, làm cho mọi người thọ trì thật hành, đây gọi là Bồ Tát Thiện tri thức vậy.

Bốn là ưa thích nơi tịch tịnh, nghĩa là thân tâm tịch tịnh quan sát pháp tánh thậm thâm của các pháp.

Năm là tinh tấn : Nghĩa là nhiếp tâm quán bốn chơn đế, giả sử lửa cháy trên đầu cũng chẳng buông bỏ.

Sáu là đầy đủ chánh niệm : Nghĩa là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thiện, niệm thí xả.

Bảy là nhuyến ngữ : Nghĩa là lời nói chơn thật, lời nói hòa diệu, hỏi thăm trước, nói phải thời, nói chơn chánh.

Tám là hộ pháp : Nghĩa là mến thích chánh pháp, thường ưa diễn thuyết, đọc tụng, biên chép, tư duy ý nghĩa, tuyên dương sâu rộng làm cho chánh pháp được lưu bố, nếu thấy người khác biên chép, giải thuyết, đọc tụng, tán thán, tư duy ý nghĩa, vì sanh sống mà cúng dường y phục, ẩm thực, đồ

nằm thuốc men, vì hộ pháp nên chẳng tiếc thân mạng.

Chín là Đại Bồ Tát thấy có bạn đồng học, đồng giới thiếu thốn đồ cần dùng, như y phục, thuốc men, đồ uống ăn, phòng nhà v.v... thời đi khất xin người khác để cung cấp các vị ấy.

Mười là đầy đủ trí huệ : Nghĩa là quan sát nơi đức Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, quan sát hai tướng không và bất không của các pháp, thường cùng vô thường, lạc cùng vô lạc, ngã cùng vô ngã, tịnh cùng bất tịnh, pháp khác có thể dứt, pháp khác chẳng thể dứt, pháp khác từ duyên sanh, pháp khác từ duyên thấy, pháp khác từ duyên thành quả, pháp khác chẳng phải duyên thành quả, đây gọi là đầy đủ trí huệ.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là Bồ Tát đầy đủ mười pháp, có thể thấy rõ Niết Bàn vô tướng.

- Bạch Thế Tôn ! Như trước kia đức Phật bảo Thuần Đà : Nay ông đã thấy được Phật tánh, được Đại Niết Bàn, thành Vô Thượng Bồ Đề, lời đó nghĩa là thế nào ?

Bạch Thế Tôn ! Như trong kinh nói : Nếu bố thí cho súc sanh thời được phước báo trăm lần hơn, bố thí cho nhứt xiển đề được phước báu ngàn lần hơn, bố thí cho người trì giới được phước báu trăm ngàn lần hơn, bố thí cho ngoại đạo dứt phiền não

được phước báu vô lượng, dưng cúng cho bực Tứ hướng nhẫn đến bực Tứ quả cùng Bích Chi Phật thời được phước báu vô lượng, dưng cúng cho bực Bất thối Bồ Tát, bực Đại Bồ Tát thân rốt sau, chư Phật Thế Tôn, thời đặng phước báu vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể tính đếm.

Bạch Thế Tôn ! Nếu ông Thuần Đà hưởng thọ vô lượng như vậy, phước báu này vô tận, thời chừng nào ông sẽ được Vô Thượng Bồ Đề ?

Bạch Thế Tôn ! Trong kinh lại có nói nếu có người do tâm ân trọng mà tạo nghiệp thiện, nghiệp ác, chắc chắn được quả báo : hiện hiện đời, hoặc đời kế hoặc đời sau. Nay ông Thuần Đà do tâm ân trọng mà tạo nghiệp thiện, quyết định được phước báu. Nếu quyết định được phước báu thời thế nào chứng được Vô Thượng Bồ Đề ? Thế nào lại được thấy Phật tánh.

Bạch Thế Tôn ! Trong kinh lại nói : Bố thí cho ba hạng người thời được phước báu vô tận : Một là người bịnh, hai là cha mẹ, ba là chư Phật Như Lai.

Bạch Thế Tôn ! Và lại trong kinh đức Phật bảo A Nan : Tất cả chúng sanh nếu không có nghiệp cõi dục thời được Vô Thượng Bồ Đề, không có nghiệp cõi sắc cõi vô sắc cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn ! Như bài kệ trong kinh Pháp Cú :

Chẳng phải hư không, trong biển cả,
Chẳng phải vào núi, trong kẹt đá,
Tất cả mọi nơi, tất cả chỗ,
Không chỗ nào thoát khỏi quả báo.

Lại thuở kia A Nậu Lâu Đà bạch Phật : Tôi nhớ đời trước nhờ bố thí một bữa ăn mà trong muôn kiếp chẳng đọa ác đạo.

Bạch Thế Tôn ! Bố thí một bữa ăn còn được phước báo như vậy, huống là Thuần Đà do tâm kính tin mà cúng dường Phật thành tựu đầy đủ đàn Ba la mật.

Bạch Thế Tôn ! Nếu phước báo lành là vô tận, thời hủy báng Đại thừa phạm tội ngũ nghịch phá bốn giới trọng, tội nhứt xiển đề thế nào hết được ? Nếu chẳng hết được thời thế nào có thể được thấy Phật tánh, thành Vô Thượng Bồ Đề ?

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Chỉ có hai hạng người có thể được vô lượng vô biên công đức chẳng thể tính đếm chẳng thể tính nói, có thể cạn giòng sông sanh tử, hàng phục ma oán, xô ngã tràng ma, có thể Chuyển pháp luân Vô thượng : Một là người khéo hỏi, hai là người khéo đáp.

Này Thiện nam tử ! Trong mười trí lực của Phật, nghiệp trí lực là rất sâu hơn cả.

Có những chúng sanh ở trong nghiệp duyên lòng khinh dể chẳng tin, vì độ họ mà Phật nói như vầy : Tất cả nghiệp gây tạo ra, có nghiệp nhẹ có nghiệp nặng. Hai nghiệp lại đều có hai : Một là quyết định, hai là bất định.

Này Thiện nam tử ! Hoặc có người cho rằng ác nghiệp không quả, nếu nói ác nghiệp quyết định có quả báo, tại sao Khí Hứ Chiên Đà La mà được sanh lên trời ? Ương Quật Ma La được quả giải thoát ? Do đây nên biết tạo nghiệp có quyết định được quả báo và chẳng quyết định được quả báo.

Ta vì trừ tà kiến này, nên trong kinh ta nói rằng tất cả nghiệp tạo ra không nghiệp nào chẳng có quả báo.

Này Thiện nam tử ! Hoặc có nghiệp nhẹ có thể làm cho nặng. Chẳng phải tất cả người chỉ có ngu và trí. Do đây nên biết chẳng phải tất cả nghiệp đều quyết định có quả, dầu chẳng quyết định có quả nhưng cũng chẳng phải là chẳng có.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh có hai hạng : Người trí và kẻ ngu. Người trí nhờ sức trí huệ có thể làm cho nghiệp địa ngục rất nặng trở thành quả báo nhẹ hiện đời. Người ngu si thời hoặc lại làm cho nghiệp nhẹ hiện đời trở thành quả báo nặng nơi địa ngục.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời chẳng nên cầu phạm hạnh thanh tịnh cùng quả giải thoát.

- Này Thiện nam tử ! Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả thời chẳng nên cầu phạm hạnh giải thoát. Vì nghiệp bất định nên phải tu phạm hạnh và quả giải thoát.

Này Thiện nam tử ! Nếu xa lìa được tất cả nghiệp ác thời được quả lành. Nếu xa lìa nghiệp lành thời mang quả báo ác. Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả, thời chẳng nên cần tu tập Thánh đạo, nếu chẳng nên tu tập Thánh đạo, nếu chẳng nên tu Thánh đạo thời không được giải thoát. Tất cả Thánh nhơn sở dĩ tu tập Thánh đạo vì để phá hoại định nghiệp thành quả báo nhẹ, và làm cho nghiệp bất định không có quả báo. Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả, thời chẳng nên cầu tu tập Thánh đạo. Nếu ai xa lìa Thánh đạo thời không bao giờ được giải thoát. Chẳng được giải thoát thời không được Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tất cả nghiệp quyết định có ngã, thời một đời tạo nghiệp thuần thiện lẽ ra phải mãi mãi thường hưởng thọ quả an vui. Một đời gây tạo tội ác rất nặng lẽ ra cũng mãi mãi chịu quả khổ lớn. Nếu nghiệp quả như vậy thời không có sự tu Thánh đạo cùng giải thoát và Niết Bàn, người làm người thọ : Bà La Môn làm Bà La Môn thọ. Nếu như vậy thời lẽ ra chẳng có giòng hạ tiện người hạ tiện. Người lẽ ra luôn luôn là người, Bà La Môn lẽ ra mãi mãi là Bà La Môn. Lúc nhỏ tạo nghiệp lẽ ra

lúc nhỏ thọ báo chẳng nên đến lúc trung niên và lúc già mới thọ. Lúc già tạo nghiệp ác khi sanh vào trong địa ngục, thân địa ngục lúc trẻ lẽ ra chẳng phải chịu khổ. Nếu lúc già chẳng sát sanh chẳng nên thuở tráng niên được sống còn, nếu thuở tráng niên chẳng sống còn thời thế nào có tuổi già, vì nghiệp không mất, nếu nghiệp không mất thế nào mà có tu hành Thánh đạo đến quả Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Có hai thứ nghiệp : Định và bất định. Định nghiệp có hai : Báo định và thời định. Hoặc có báo định mà thời gian bất định, lúc duyên hiệp thời thọ báo, hoặc ba thời gian thọ báo nghĩa là đời hiện tại thọ, đời kế thọ, đời sau thọ.

Này Thiện nam tử ! Nếu định tâm làm những nghiệp lành, nghiệp ác, làm rồi sanh lòng rất tin vui mừng, nếu phát nguyện cúng dường Tam Bảo, đây gọi là định nghiệp.

Này Thiện nam tử ! Người trí căn lành sâu chắc khó lay động nên có thể làm cho nghiệp nặng thành nhẹ. Người ngu si điều bất thiện sâu dày nên có thể làm cho nghiệp nhẹ trở thành quả báo nặng. Do nghĩa này nên tất cả nghiệp chẳng gọi là quyết định.

Đại Bồ Tát không có nghiệp địa ngục, vì chúng sanh mà phát nguyện sanh trong địa ngục.

Này Thiện nam tử ! Thuở xưa lúc chúng sanh tuổi thọ trăm năm, có hằng sa chúng sanh bị quả

báo địa ngục, lúc đó ta thấy như vậy liền phát nguyện thọ thân địa ngục. Nên biết rằng lúc đó Bồ Tát thiệt không có nghiệp địa ngục, vì chúng sanh mà thọ thân địa ngục. Ở trong địa ngục cả vô lượng năm, và vì những người tội mà phân biệt giảng nói mười hai bộ kinh. Những người tội được nghe kinh pháp thoát khỏi quả báo ác làm cho địa ngục trống không, trừ hạng nhứt xiển đề.

Đây gọi là đại Bồ Tát chẳng phải nơi đời hiện tại, đời kế, đời sau thọ lấy nghiệp ác.

Này Thiện nam tử ! Trong Hiền kiếp này có vô lượng chúng sanh đọa trong loài súc sanh chịu phải nghiệp báo ác. Ta thấy như vậy, vì muốn thuyết pháp độ chúng sanh, nên phát nguyện làm cheo, nai, gấu, khỉ, rồng, voi, kim sí điểu, bồ câu, cá, trạnh, thỏ, rắn, bò, ngựa.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát thiệt không có nghiệp súc sanh như vậy, vì nguyện lực muốn độ chúng sanh, nên hiện thọ thân súc sanh. Đây gọi là đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ nghiệp ác như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trong Hiền kiếp này, lại có vô lượng vô biên chúng sanh đọa trong loài ngạ quỉ, hoặc ăn đờm dãi, mỡ, thịt, máu mủ, phẩn dãi, thọ mạng vô lượng trăm ngàn muôn năm, không bao giờ nghe đến tên nước huống là con mắt ngó thấy mà

được uống. Giả sử thấy nước đằng xa trong lòng muốn đến để uống, nhưng khi đến gần thời nước biến thành lửa đỏ và máu mủ. Hoặc có lúc nước chẳng biến khác, nhưng lại có nhiều người tay cầm binh khí ngăn cản không cho đến uống. Hoặc có lúc trời mưa, nước mưa rớt đến thân họ liền thành lửa. Đây gọi là nghiệp báo ác.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát thiệt không những nghiệp quả ác như vậy, vì hóa độ chúng sanh làm cho được giải thoát, nên phát nguyện thọ những thân như vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ lấy nghiệp quả ác như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trong Hiền kiếp này, ta từng sanh vào nhà hàng thịt, nuôi gà, nuôi heo, nuôi bò, dê, đi săn bắn, lưới chim, bắt cá, sanh trong nhà Chiên Đà La, làm kẻ cướp kẻ trộm. Đại Bồ Tát thiệt không nghiệp ác như vậy, vì muốn độ chúng sanh cho được giải thoát, nên dùng nguyện lực lớn thọ những thân như vậy. Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ nghiệp báo ác như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trong Hiền kiếp này, ta lại sanh vào chốn biên địa, làm nhiều việc tham dục, sân khuể, ngu si quen làm những điều phi pháp, chẳng tir Tam Bảo và quả báo đời sau, chẳng cung kính cha mẹ Tôn trưởng. Thiệt ra lúc đó Bồ Tát không có những ác nghiệp như vậy. Vì muốn làm cho chúng sanh được

giải thoát, nên dùng nguyện lực lớn mà thọ sanh. Đây gọi là đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ ác nghiệp như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trong Hiền kiếp này ta lại thọ lấy thân nữ, thân ác, thân tham, thân sân, thân si, thân tật đố, thân bỏn xẻn, thân ảo thuật, thân dối trá, thân đần độn. Thiệt ra lúc đó Bồ Tát không có những nghiệp như vậy chỉ vì muốn độ chúng sanh cho được giải thoát, nên dùng nguyện lực lớn mà được thọ sanh. Đây gọi là đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ lấy nghiệp ác như vậy.

Đại Bồ Tát hiện thọ những thân Huỳnh môn, không căn, hai căn và căn bất định cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trong Hiền kiếp này, ta lại học tập giáo pháp của ngoại đạo Ni Kiền Tử, tin thọ giáo pháp của họ : không bố thí không thờ phụng, không báo bố thí thờ phụng, không nghiệp thiện nghiệp ác, không quả báo thiện ác, không đời hiện tại, không đời vị lai, không đây không kia, không Thánh nhơn, không thân biến hóa, không đạo Niết Bàn. Thiệt ra Bồ Tát không có những ác nghiệp như vậy, vì muốn độ chúng sanh cho được giải thoát, nên dùng nguyện lực lớn mà thọ học những tà pháp như vậy. Đây gọi là đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế đời sau thọ những ác nghiệp như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ta nhớ thuở xưa cùng Đề Bà Đạt Đa đồng làm chủ đoàn con buôn, mỗi người

đều có năm trăm khách buôn, đem nhau đến trong biển lớn để tìm châu báu. Vì nghiệp duyên ác nên dọc đường gặp gió to ghe thuyền hư bể, khách buôn đều chết cả. Lúc đó ta cùng Đề Bà Đạt Đa nhờ nghiệp duyên bất sát được quả báo trường thọ, nên gió thổi tấp vào đất liền. Đề Bà Đạt Đa vì tham tiếc của cải châu báu, nên quá sầu khổ mà khóc lóc. Ta bảo Đề Bà Đạt Đa chẳng nên kêu khóc. Đề Bà Đạt Đa liền nói với ta rằng : Như có người nghèo cùng khốn khổ, đến trong gò mả tay nắm tử thi mà nói rằng trông mong người bố thí sự chết vui cho ta, ta sẽ bố thí đời sống nghèo cùng này cho ngươi. Lúc đó tử thi liền ngồi dậy bảo người nghèo cùng rằng : Đời sống nghèo cùng người tự thọ lấy, nay ta rất thích sự chết vui này thiệt chẳng ham đời sống nghèo cùng của người.

Đề Bà Đạt Đa nói tiếp : Nhưng ngày nay tôi đã không được chết vui mà lại gồm cả sự nghèo cùng, bảo tôi chẳng khóc sao được.

Lúc đó ta lại an ủi rằng : Ông chớ sầu khổ, hiện nay tôi còn được hai viên bảo châu giá trị vô lượng, tôi sẽ chia cho ông. Ta liền chia một viên bảo châu cho Đề Bà Đạt Đa, rồi đến nằm ngủ dưới một cội cây.

Vì quá tham lam nên Đề Bà Đạt Đa sanh ác tâm đâm đui hai mắt của ta để cướp lấy viên bảo châu còn lại rồi bỏ đi.

Lúc đó vì quá đau đớn nên ta rên rỉ. Có một cô gái nghe tiếng rên đến gạn hỏi ta. Ta liền đem tất cả việc trước thuật lại. Cô gái nghe rồi lại hỏi ta : Ông danh hiệu là gì ? Ta đáp rằng : Tôi tên là Thật Ngữ. Cô gái lại nói : Làm thế nào biết được ông là Thật Ngữ. Ta liền phát thệ rằng : Nếu hiện nay tôi có lòng quấy nói vu cho Đề Bà Đạt Đa, thời cặp mắt tôi phải mù lòa vĩnh viễn, nếu tôi không hư dối thời xin đôi mắt sáng lại như cũ. Ta phát thệ vừa xong thời đôi mắt ta bình phục như cũ.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là đại Bồ Tát nói về quả báo đời hiện tại.

Này Thiện nam tử ! Ta nhớ thuở xưa ta sanh trong nhà Ba La Môn nơi thành Phú Đơn Na ở Nam Thiên Trúc. Thuở đó có Quốc Vương tên Ca La Phú tánh tình hung dữ tự cao tự mạn, tuổi trẻ say đắm sắc đẹp ngũ dục.

Vì muốn độ chúng sanh, nên ta ở ngoài thành ngồi yên lặng tham thiền. Lúc đó Quốc Vương cùng với cung nhơn thể nữ ra ngoài thành dạo chơi, dừng ở dưới rừng cây. Các thể nữ nhơn đi chơi giỡn bỏ Quốc Vương mà đến chỗ ta ngồi thiền. Ta liền vì các thể nữ thuyết pháp cho họ bỏ lòng tham dục.

Quốc Vương đi tìm các thể nữ, thấy họ đang ngồi quì xung quanh ta. Quốc Vương giận dữ hỏi ta rằng : Nay nhà ngươi đã chứng quả A La Hán

chưa ? Ta nói chưa chứng. Quốc Vương lại hỏi nhà ngươi đã được quả A Na Hàm chưa ? Ta đáp chưa được. Quốc Vương lại nói : "Nay nhà ngươi chưa được hai quả ấy thời là người còn đầy đủ tham dục, tại sao nhà ngươi dám buông lung nhìn ngó các thể nữ của ta ?

Ta liền thưa rằng : "Đại Vương nên biết cho, nay tôi dầu chưa dứt phiền não tham dục, nhưng trong tâm tôi thiệt không có niệm tham đắm".

Quốc Vương nói : "Người ngu si ! Trong đời có các Tiên nhơn khổ hạnh thấy sắc đẹp còn tham, huống là nhà ngươi tuổi còn trai trẻ, chưa dứt tham dục, làm sao thấy sắc đẹp mà chẳng tham đắm ?

- Tâu Đại Vương ! Người thấy sắc đẹp chẳng tham đắm, thiệt chẳng phải do khổ hạnh, mà do nhiếp tâm quán Vô thường bất tịnh.

Quốc Vương nói : "Nếu khinh khi người khác mà phỉ báng, thời thế nào đặng gọi là tu trì tịnh giới ?

- Tâu Đại Vương ! Nếu có tâm đố kỵ thời có phỉ báng, tôi không tâm đố kỵ thời đâu có phỉ báng.

Quốc Vương nói : "Này Đại Đức ! Thế nào gọi là giới ?

- Tâu Đại Vương ! Nhẫn nhục gọi là giới.

Quốc Vương nói : Nếu nhẫn nhục là giới, ta sẽ cắt lỗ tai của nhà ngươi; nếu nhà ngươi nhẫn chịu được thời biết là nhà ngươi trì giới.

Quốc Vương liền cắt hai tai. Ta dầu bị cắt tai, nhưng nhan sắc chẳng biến đổi. Các quan theo vua thấy việc như vậy liền can gián rằng : Bực Đại sĩ như vậy, Đại Vương chẳng nên làm hại.

Quốc Vương càng thêm giận bảo các quan : Tại sao các khanh biết là bực Đại sĩ ?

- Tâu Đại Vương ! Vì lúc bị cắt hai tai, chúng tôi thấy dung sắc chẳng biến đổi.

Quốc Vương nói : "Ta sẽ thí nghiệm coi dung sắc biến đổi hay chẳng biến đổi. Nói xong, Quốc Vương liền thẻo mũi, chặt tay, chặt chưn của ta".

Vì Bồ Tát đã trải qua vô lượng vô biên đời tu tập từ bi thương xót chúng sanh, nên không khổ cũng không giận.

Lúc đó Tứ Thiên Vương bất bình liền làm mưa cát mưa đá. Quốc Vương sợ hãi quì trước ta mà thưa rằng : Ngưỡng mong xót thương cho tôi sám hối.

Ta nói : "Đại Vương ! Trong lòng của tôi không sân hận cũng như không tham đắm".

Quốc Vương nói : "Này Đại Đức ! Làm thế nào biết được rằng tâm Đại Đức không sân hận ?"

Ta liền phát thệ : "Nếu tôi thiệt không sân hận nguyện cho thân của tôi bình phục như cũ". Phát nguyện vừa xong thân thể của ta liền bình phục.

Đây gọi là đại Bồ Tát nói quả báo đời hiện tại.

Này Thiện nam tử ! Nghiệp lành có quả báo đời kế, quả báo đời sau, nghiệp chẳng lành cũng như vậy.

Đại Bồ Tát lúc được Vô Thượng Bồ Đề, tất cả các nghiệp đều được quả báo hiện tại.

Nghiệp ác chẳng lành mắc lấy quả báo hiện tại như Quốc Vương làm ác bị trời mưa cát mưa đá. Cũng như có người chỉ chỗ ở của gấu và nai bảo sắc, tay người chỉ liền rụng rớt. Đây gọi là nghiệp ác thọ lấy quả báo trong hiện tại.

Đời kế thọ quả báo, như nhứt xiển đề phạm bốn tội trọng và tội ngũ nghịch.

Quả báo đời sau, như người trì giới phát nguyện lớn : Nguyện đời vị lai thường được giới thân thanh tịnh như vậy. Như có chúng sanh lúc tuổi thọ trăm năm, tám chục năm, trong thời kỳ sẽ làm Chuyển luân Thánh vương giáo hóa chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Nếu là nghiệp quyết định được quả báo trong hiện đời, thời không thể được quả báo đời kế cùng đời sau.

Đại Bồ Tát tu nghiệp nhơn ba mươi hai tướng tốt, thời không thể được quả báo trong đời hiện tại.

Nếu là nghiệp chẳng thọ lấy ba thứ quả báo như vậy thời gọi là nghiệp bất định.

Này Thiện nam tử ! Nếu cho rằng những nghiệp nhơn quyết định có quả báo, thời chẳng được có sự tu tập phạm hạnh, giải thoát Niết Bàn. Nên biết rằng người nói lời này chẳng phải là đệ tử của Phật mà chính là quyến thuộc của ma.

Nếu nói rằng các nghiệp có định nghiệp và bất định nghiệp. Định nghiệp có quả báo hiện tại, quả báo đời kế, quả báo đời sau. Bất định nghiệp thời lúc nhơn duyên hội hiệp bèn thọ báo, chẳng hội hiệp thời chẳng thọ báo. Do đây nên có tu Phạm hạnh, giải thoát Niết Bàn. Nên biết rằng người nói lời này thiệt là đệ tử Phật.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh gây tạo nghiệp bất định thời nhiều, tạo định nghiệp thời ít. Vì thế nên có tu tập đạo hạnh. Do tu tập đạo hạnh nên định nghiệp trọng có thể làm cho thọ báo nhẹ, những nghiệp bất định chẳng thọ quả báo đời kế.

Này Thiện nam tử ! Có hai hạng người : Một là hạng người với nghiệp bất định làm thành quả quyết định, quả báo hiện đời làm thành quả báo đời kế, quả báo nhẹ làm thành quả báo nặng, đáng lẽ thọ báo trong loài người mà lại thọ báo ở địa ngục. Hai là hạng người với định nghiệp làm thành bất định nghiệp, đáng lẽ thọ báo đời kế làm cho thọ báo đời,

hiện tại, báo nặng làm thành báo nhẹ, đáng thọ báo địa ngục làm cho thọ báo nhẹ trong loài người. Hai hạng này : Một là kẻ ngu, một là người trí. Người trí làm thành nhẹ. Người ngu khiến cho nặng.

Này Thiện nam tử ! Ví như hai người mắc tội với nhà vua, người có quyến thuộc đông đảo thời tội tất sẽ nhẹ, người quyến thuộc ít tội nhẹ trở thành nặng. Người trí kẻ ngu si cũng như vậy : Người trí nhờ nghiệp lành nhiều nên tội trọng mà thọ quả báo nhẹ. Người ngu vì nghiệp lành ít nên tội nhẹ mà thọ quả báo nặng.

Này Thiện nam tử ! Ví như hai người một thời mập mạnh, một thời gầy yếu, hai người này đều té xuống bùn sâu. Người mập mạnh lên được, người gầy yếu thời lún mất.

Này Thiện nam tử ! Ví như hai người đồng uống thuốc độc. Một người có thần chú và thuốc A dà đà. Một người không có. Người có thần chú và thuốc thời độc chẳng làm hại được. Người không có bị chất độc hại chết.

Này Thiện nam tử ! Ví như hai người đồng uống nước trái cây ép : Một người nhiệt lực thạnh, một người suy yếu. Người nhiệt lực nhiều thời tiêu hóa được. Người suy yếu thời bị nước ấy làm thành bịnh.

Này Thiện nam tử ! Ví như hai người bị nhà vua bắt trói : Một người có trí huệ, một người thời ngu

si. Người có trí thời có thể được thoát khỏi. Người ngu si thời không có thời kỳ thoát khỏi.

Này Thiện nam tử ! Ví như hai người đồng đi trên đường hiểm trở. Một thời mắt sáng. Một thời mù lòa. Người mắt sáng đi thẳng qua không hại gì. Người mù bị sụp té xuống hố sâu.

Này Thiện nam tử ! Ví như hai người đồng uống rượu. Một thời ăn nhiều. Một thời ăn ít. Người ăn nhiều uống rượu không bị hại. Người ăn ít uống rượu thời thành bịnh.

Này Thiện nam tử ! Ví như hai người đều đối địch với giặc thù. Một người thời võ trang đầy đủ, một người thời tay không. Người có võ trang ắt phá được kẻ thù. Người tay không tất chẳng khỏi bị hại.

Này Thiện nam tử ! Ví như hai người bị phẩn nhơ vấy vào y phục. Một người vừa biết liền giặt y phục. Một người biết mà chẳng chịu giặt. Người giặt liền đó thời y phục sạch sẽ. Người chẳng chịu giặt thời nhơ uế càng tăng thêm.

Này Thiện nam tử ! Lại có hai người đều ngồi xe. Một xe trục có căm, một xe thời không trục không căm. Người ngồi xe có trục có căm thời tùy ý mà đi. Người ngồi xe không trục không căm thời không đi đâu được.

Lại có hai người đều đi trên đường hoang vắng. Một người có mang lương thực, một người thời đi

không. Người có mang lương thời qua khỏi được con đường hiểm. Người đi không ắt chẳng qua được.

Lại có hai người bị kẻ cướp giựt. Một người có kho báu kín, một người thời không. Người có kho báu kín thời không lo rầu. Người không có kho báu thời sầu khổ.

Kẻ ngu người trí cũng như vậy : Người trí có kho báu lành nên nghiệp nặng mà thọ báo nhẹ. Người không có báu lành thời nghiệp nhẹ phải thọ báo nặng.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Như lời Phật nói chẳng phải là tất cả nghiệp đều thành quả nhứt định cũng chẳng phải tất cả chúng sanh quyết định thọ báo. Bạch Thế Tôn ! Chúng sanh làm thế nào khiến quả báo nhẹ hiện tại phải thọ báo nặng ở địa ngục ? Làm thế nào khiến quả báo nặng địa ngục trở thành báo nhẹ trong đời hiện tại ?".

Phật nói : "Có hai hạng chúng sanh : Một là trí ? hai là ngu. Nếu có thể tu tập thân, giới, tâm, huệ, nơi tâm thời gọi là người trí. Nếu chẳng thể tu tập thời gọi là kẻ ngu.

Nếu chẳng thể điều nhiếp năm căn thời gọi là chẳng tu thân. Nếu chẳng thể thọ trì bảy thứ tịnh giới thời gọi là chẳng tu giới. Vì chẳng điều tâm nên gọi là chẳng tu tâm. Chẳng tu tập Thánh hạnh thời gọi là chẳng tu huệ.

Lại người chẳng tu thân thời không thể đầy đủ giới thể thanh tịnh. Người chẳng tu giới thời nhận chứa tám thứ vật bất tịnh. Người chẳng tu tâm thời chẳng thể tu tập ba thứ tướng. Người chẳng tu huệ thời chẳng tu tập phạm hạnh.

Lại người chẳng tu thân thời chẳng thể quán thân, quán sắc, và quán sắc tướng, chẳng quán thân tướng, chẳng biết thân số, chẳng biết thân này từ đây đến kia, ở trong chẳng phải thân mà tưởng là thân, ở trong chẳng phải sắc mà tưởng là sắc, do đây nên tham đắm thân và thân số, đây gọi là chẳng tu thân.

Người chẳng tu giới nếu thọ hạ giới thời chẳng gọi là tu giới, thọ trì biên giới, giới gì tự lợi, giới gì tự điều phục, chẳng thể làm cho khắp chúng sanh được an vui, chẳng phải vì hộ trì chánh pháp vô thượng, vì sanh lên cõi trời hưởng thọ ngũ dục, đây chẳng gọi là tu giới.

Người chẳng tu tâm thời tâm tán loạn không thể chuyên nhứt duyên nơi tự cảnh. Tự cảnh chính là tứ niệm xứ. Cảnh khác là nói ngũ dục. Nếu không thể tu tập tứ niệm xứ thời gọi là chẳng tu tâm.

Ở trong nghiệp ác nếu chẳng khéo giữ gìn tâm niệm thời gọi là chẳng tu huệ.

Lại người chẳng tu thân thời không thể quan sát thấu đáo thân này là vô thường, là vô trụ, là mỏng manh, là niệm niệm diệt hoại, là cảnh giới của ma.

Người chẳng thể tu giới thời không thể đầy đủ Thi la Ba la mật. Người chẳng tu tâm thời không thể đầy đủ Thiền na Ba la mật. Người chẳng tu huệ thời không thể đầy đủ Bát Nhã Ba la mật.

Lại người chẳng tu thân thời tham đắm thân ta và thân sở hữu của ta, cho rằng thân ta thường hằng không có biến đổi. Người chẳng tu giới thời vì tự thân mà tạo mười nghiệp ác. Người chẳng tu tâm thời ở trong nghiệp ác không thể nhiếp tâm. Người chẳng tu huệ do vì không nhiếp tâm nên không phân biệt được những pháp thiện ác.

Lại người chẳng tu thân thời chẳng dứt ngã kiến. Người chẳng tu giới thời không dứt được giới thủ. Người chẳng tu tâm thời tạo nghiệp tham sân mà phải đọa địa ngục. Người chẳng tu huệ thời không dứt được tâm si.

Lại người chẳng tu thân thời không thể quán thân, dầu thân không lỗi lầm nhưng nó luôn là kẻ oán thù. Ví như có người bị kẻ thù theo dõi, nếu người này có trí thời cẩn thận giữ gìn, nếu không thận trọng ắt bị kẻ thù làm hại, thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, thường phải dùng đồ uống món ăn, đồ lạnh đồ ấm để nuôi dưỡng, nếu chẳng khéo giữ gìn nuôi dưỡng thời nó sẽ tan rã.

Như Bà La Môn kính thờ lửa, họ thường dưng hương hoa tán thán lễ bái, hạn kỳ phải đủ trăm năm,

nếu lúc chạm đến liền đốt cháy tay người. Dầu lửa này được cung kính cúng dường như vậy, nhưng trọn không một niệm báo ân cho người phụng sự. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, dầu trong nhiều năm dùng hương hoa, châu ngọc, y phục, đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men tẩm bổ mà cung cấp đó, nếu gặp những duyên xấu hoặc trong hoặc ngoài thời liền hoại diệt, nó trọn chẳng nhớ tưởng đến ơn cung cấp ngày trước.

Ví như có Quốc Vương nuôi bốn con rắn độc trong một cái rương, giao phó cho một người bảo phải nuôi nấng săn sóc. Trong bốn con rắn này, nếu một con nổi giận thời có thể giết hại chết người. Người có phận sự săn sóc rắn luôn luôn lo sợ thường tìm món ăn thức uống giữ gìn nuôi nấng. Thân tứ đại của tất cả chúng sanh cũng như vậy, nếu một đại nổi giận thời có thể làm cho thân phải hư hoại.

Như người mang bệnh lâu phải nên hết lòng tìm y sĩ chữa trị, nếu chẳng siêng lo điều trị ắt phải chết. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, thường phải nhứt tâm chẳng nên buông lung, nếu buông lung thời hoại diệt.

Ví như bình đất chưa hầm thời không chịu được gió mưa, đập ném, dằn đè. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, chẳng chịu được đói khát lạnh nóng, gió mưa đánh đập mắng nhiếc.

Như mụn nhọt chưa mùi phải thường giữ gìn chớ cho người chạm đến, nếu để đụng chạm thời đau đớn lắm. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy.

Ví như con la mang thai nghén thời tự hại lấy thân nó. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, nếu trong thân có phong lãnh thời thân phải bị hại.

Ví như cây chuối trổ buồng thời phải khô chết. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy.

Như cây chuối không có lõi cứng. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy.

Như rắn, chuột, chó sói, mỗi con thường sanh lòng oán hại lẫn nhau. Tứ đại của chúng sanh cũng như vậy.

Ví như con ngỗng chúa chẳng thích gò mả. Bồ Tát cũng như vậy đối với thân thể cũng chẳng ưa thích.

Như giòng Chiên Đà La bảy đời nối nhau chẳng bỏ nghiệp hèn, do đây nên bị người khinh tiện. Chủng tử của thân này cũng như vậy, tinh huyết hôi tanh hoàn toàn bất tịnh. Vì bất tịnh nên chư Phật và Bồ Tát quở khinh. Thân này chẳng phải như núi Ma La Da mọc cây Chiên đàn, cũng chẳng thể sanh hoa Ưu bát la, hoa Phân đà lợi, hoa Chiêm bà, hoa Ma lợi ca, hoa Bà sư ca. Chín lỗ của nó thường chảy ra máu mủ bất tịnh, chỗ nó sanh hôi dơ xấu xa đáng gớm, nó thường cùng các loài trùng đồng ở một chỗ.

Ví như trong đời dầu có vườn rừng thanh tịnh xinh đẹp, nhưng trong nhà chứa tử thi thời là bất

tịnh, mọi người đều lìa bỏ chẳng ưa thích. Cõi Sắc cũng như vậy, dầu là thanh tịnh tốt đẹp, nhưng vì có thân nên bị chư Phật cùng Bồ Tát lìa bỏ đó.

Này Thiện nam tử ! Nếu người chẳng thể quan sát như vậy thời chẳng gọi là tu thân.

Này Thiện nam tử ! Nếu chẳng thể quan sát giới luật là thần thang của tất cả pháp lành, cũng là cội gốc của tất cả pháp lành, như mặt đất là chỗ dựa nương của tất cả cây cỏi, là đạo thủ của các thiện căn, như thương chủ dẫn dắt đoàn người buôn. Giới là thắng tràng của tất cả pháp lành như thắng tràng của Thiên Đế Thích dựng. Giới có thể dứt hẳn tất cả nghiệp ác và ba ác đạo, có thể trị lành những bịnh dữ như dược thọ. Giới là tư lương trên con đường hiểm sanh tử. Giới là giáp trượng đánh dẹp những giặc phiền não hung ác. Giới là thần chú hay diệt rắn độc kiết sử. Giới là cây cầu đi qua khỏi nghiệp ác. Nếu chẳng thể quan sát như vậy thời gọi là chẳng tu giới.

Nếu không thể quan sát tâm niệm động chuyển lăng xăng, khó nắm lấy khó điều phục, lung chạy như voi dữ, niệm niệm mau chóng như chớp nhoáng, nhảy nhót chẳng dừng như khỉ vượn, như huyễn, như dương diệm, tâm niệm này là cội gốc của tất cả điều ác, ngũ dục khó vừa lòng như lửa thêm củi, như biển cả nuốt hết các dòng sông, như núi Mạn Đà cỏ cây quá nhiều, chẳng thể thấy biết sanh tử

hư vọng, mê lầm say đắm đến nỗi thành bịnh, như cá nuốt lưỡi câu. Thường đi trước dẫn theo những tội nghiệp như con bồi mẫu dắt đàn con. Tham đắm ngũ dục chẳng thích Niết Bàn, như lạc đà ăn mật nhẫn đến chết chẳng đoái cỏ non. Quá tham đắm sự vui hiện tại chẳng nhìn đến lỗi lầm ngày sau, như bò tham ăn lúa mạ chẳng sợ roi gậy. Chạy khắp hai mươi lăm cõi, như gió mạnh thổi bông Nâu La. Chỗ chẳng đáng tìm cầu mà cầu đó không nhàm đủ như người vô trí cầu lửa không nóng. Thường thích sanh tử chẳng ưa giải thoát, như trùn Nhiệm Bà thích cây Nhiệm Bà. Mê lầm tham đắm sanh tử hôi nhơ, như kẻ ngục tù thích gái ngục tốt, cũng như heo trong chuồng ưa chỗ bất tịnh. Nếu có người không thể quan sát như vậy thời gọi là chẳng tu tâm.

Người chẳng tu huệ, chẳng quan sát trí huệ có thế lực lớn, như Kim sí điểu có thể hoại nghiệp ác, như ánh sáng mặt trời phá tan tối tăm, trí huệ có thể nhổ cây ngũ ấm như nước đẩy trôi đồ vật, đốt cháy tà kiến như lửa hừng, trí huệ là cội gốc của tất cả pháp lành, là chủng tử của Phật và Bồ Tát. Nếu không thể quan sát như vậy thời gọi là chẳng tu trí huệ.

Này Thiện nam tử ! Trong đệ nhứt nghĩa, nếu thấy thân, thân tướng, thân nhơn, thân quả, nhiều thân, thân một, thân hai, thân đây, thân kia, thân diệt, thân bình đẳng, thân tu, người tu, nếu có thấy như vậy thời gọi là chẳng tu thân.

Này Thiện nam tử ! Nếu thấy giới, giới tướng, giới nhơn, giới quả, giới thượng, giới hạ, giới tụ, giới một, giới hai, giới đây, giới kia, giới diệt, giới bình đẳng, giới tu, người tu, giới Ba la mật, nếu có thấy như vậy thời gọi là chẳng tu giới.

Này Thiện nam tử ! Nếu thấy tâm, tâm tướng, tâm nhơn, tâm quả, tâm tu, tâm vương, tâm sở, tâm một, tâm hai, tâm đây, tâm kia, tâm diệt, tâm bình đẳng, tâm tu, người tu, tâm thượng trung hạ, tâm thiện, tâm ác, nếu có thấy như vậy thời gọi là chẳng tu tâm.

Này Thiện nam tử ! Nếu thấy huệ, huệ tướng, huệ nhơn, huệ quả, huệ tu, huệ một, huệ hai, huệ đây, huệ kia, huệ diệt, huệ bình đẳng, huệ thượng trung hạ, huệ lợi, huệ độn, huệ tu, người tu, nếu có thấy như vậy thời gọi là chẳng tu huệ.

Này Thiện nam tử ! Nếu chẳng tu thân giới tâm huệ, những người như vậy ở nơi nghiệp ác nhỏ mà mắc phải quả báo lớn. Do vì khủng bố nên thường nghĩ rằng : Tôi thuộc người địa ngục làm hạnh địa ngục. Dầu nghe người trí nói khổ, địa ngục, thường nghĩ rằng như sắt đập sắt, như đá trở lại đập đá, như gỗ tự đập gỗ, như vi trùng lửa thích lửa, thân địa ngục trở lại giống địa ngục, nếu giống địa ngục thời có gì là khổ.

Ví như con lằn xanh bị dính nơi nước miếng chẳng thể bay được, người này cũng vậy ở trong tội nhỏ không

thể thoát khỏi, trọn không lòng ăn năn, chẳng thể tu pháp lành, che giấu tội lỗi, dầu có tất cả nghiệp lành thuở quá khứ, nhưng đều bị tội này làm cấu nhơ. Người này có quả báo nhẹ đáng lẽ hiện đời thọ lấy mà trở lại thành quả báo rất nặng nơi địa ngục.

Như trong chậu nước nhỏ để vào một thăng muối, nước đó mặn chát khó uống được, tội nghiệp của người này cũng như vậy.

Ví như có người mắc nợ một tiền chẳng trả được nên thân bị trói buộc chịu nhiều sự khổ, tội nghiệp của người này cũng như vậy".

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Cớ gì người này làm cho quả báo nhẹ hiện thời trở thành quả địa ngục ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh nếu đủ năm việc thời làm cho quả báo nhẹ hiện đời trở thành quả địa ngục : Một là vì ngu si, hai là vì căn lành kém ít, ba là vì ác nghiệp sâu nặng, bốn là vì chẳng sám hối, năm là vì chẳng tu nghiệp lành hiện đang tu tập.

Lại có năm việc : Một là vì tu tập nghiệp ác, hai là vì không giới đức, ba là vì xa lìa căn lành, bốn là vì chẳng tu thân giới tâm huệ, năm là vì gần gũi bạn ác.

Này Thiện nam tử ! Do vì đủ những việc trên đây, nên chúng sanh làm cho quả báo nhẹ hiện đời thành quả địa ngục.

- Bạch Thế Tôn ! Những người nào có thể chuyển báo địa ngục thành quả báo nhẹ hiện đời ?

- Này Thiện nam tử ! Nếu có người tu tập thân giới tâm huệ như đã nói ở trên, có thể thấy các pháp đồng với hư không, chẳng thấy trí huệ cũng như chẳng thấy người trí, chẳng thấy ngu si cũng như chẳng thấy kẻ ngu, chẳng thấy tu tập và người tu tập, đây gọi là người trí. Người này có thể tu tập thân giới tâm huệ. Người này có thể làm cho quả báo địa ngục trở thành quả nhẹ hiện đời : Giả sử người này gây tạo ác nghiệp rất nặng, nhờ tư duy quan sát có thể làm cho nghiệp nặng thành nhẹ. Người này nghĩ rằng : Nghiệp của ta dầu nặng nhưng chẳng bằng nghiệp lành. Như bông vải dầu nhiều nặng cả trăm cân, nhưng chẳng thể sánh bằng một lượng vàng ròng. Như đem một thăng muối ném vào trong sông Hằng, nước sông không vị mặn người uống chẳng biết. Như người giàu to dầu thiếu người ngàn muôn vật báu cũng không ai bắt bớ làm khổ được. Như đại Hương tượng có thể bứt dây xích sắt mà đi tự tại. Người trí huệ cũng như vậy, thường suy nghĩ rằng công đức lành của tôi nhiều, nghiệp ác kém yếu, tôi có thể phát lồ sám hối trừ hết tội ác, tôi có thể tu tập trí huệ làm cho sức trí huệ nhiều, sức vô minh ít.

Nghĩ như vậy rồi, gần gũi bạn lành tu tập chánh kiến, thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết mười

hai bộ kinh. Sanh lòng cung kính đối với những người trì tụng, biên chép, giải thuyết mười hai bộ kinh, và đem những y phục, đồ uống ăn, phòng nhà, giường nệm, thuốc men, hoa hương mà cúng dường, thường tôn trọng tán thán, đi đến đâu cũng đều khen ngợi hạnh lành của người đó, chẳng nói đến việc kém dở của người đó. Thường cúng dường Tam Bảo kính tin pháp Đại thừa kinh Đại Niết Bàn, tin đức Như Lai thường hằng không có biến đổi. Tin tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Người này có thể làm cho quả báo nặng địa ngục trở thành quả nhẹ hiện đời.

Này Thiện nam tử ! Do những nghĩa trên đây nên chẳng phải tất cả nghiệp đều quyết định có quả, cũng chẳng phải tất cả chúng sanh đều quyết định thọ báo.

Bạch Thế Tôn ! Nếu tất cả nghiệp chẳng quyết định có quả, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, lẽ ra phải tu tập tám Thánh đạo, cớ gì tất cả chúng sanh đều chẳng được Đại Niết Bàn này ?

Bạch Thế Tôn ! Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh thời sẽ quyết định được Vô Thượng Bồ Đề, cần gì phải tu tập tám Thánh đạo ?

Bạch Thế Tôn ! Như trong kinh này nói người có bịnh nếu gặp đặng thuốc hay và người khám bịnh tùy theo bịnh mà cho ăn uống, hoặc chẳng được như vậy tất

cả cũng đều được lành mạnh. Tất cả chúng sanh cũng như vậy, nếu gặp Thanh Văn, Bích Chi Phật, chư Phật, Bồ Tát, những bựcThiện tri thức, nghe chánh pháp, tu tập Thánh đạo, hoặc chẳng được gặp được nghe, được tu tập, cũng đều sẽ được thành Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao vậy ? Vì do Phật tánh vậy.

Bạch Thế Tôn ! Ví như không ai có thể ngăn mặt trời, mặt trăng đi vòng khắp bốn châu thiên hạ, tất cả chúng sanh cũng như vậy, không ai có thể ngăn trở làm cho có thể được đến Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao vậy ? Vì do Phật tánh vậy.

Bạch Thế Tôn ! Cứ theo nghĩa này thời tất cả chúng sanh chẳng cần tu hành, do năng lực của Phật tánh đều đáng được Vô Thượng Bồ Đề.

Bạch Thế Tôn ! Nếu nhứt xiển đề phạm bốn tội trọng,năm tội nghịch chẳng được Vô Thượng Bồ Đề lẽ ra cần phải tu tập, vì do Phật tánh quyết định sẽ được, chẳng phải do tu tập rồi sau mới được.

Bạch Thế Tôn ! Ví như đá nam châm dầu cách xa sắt, nhưng do sức của nó mà sắt bị hút dính. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, nên chẳng cần siêng năng tu tập Thánh đạo.

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Như bên sông Hằng có bảy hạng người hoặc vì tắm rửa, hoặc vì sợ giặc cướp, hoặc vì hái hoa mà vào trong sông :

Người thứ nhứt vào nước thời chìm, vì yếu đuối lại chẳng biết lội.

Người thứ hai dầu bị chìm lại nổi lên nổi rồi lại chìm, vì người này có sức mạnh nên có thể nổi lên, vì chẳng biết lội nên lại chìm.

Người thứ ba chìm rồi liền nổi lên, nổi lên chẳng chìm nữa, vì người này thân nặng nên chìm, do sức mạnh nên nổi lên, vì biết lội nên không bị chìm nữa.

Người thứ tư vào nước bèn chìm, chìm rồi lại nổi lên, nổi lên rồi bèn chẳng chìm nữa mà ngó khắp bốn phương, vì người này thân nặng nên chìm, sức mạnh lại nổi lên, biết lội nên không chìm nữa, chẳng biết lên phía nào nên ngó khắp bốn phương.

Người thứ năm vào nước liền chìm, lại nổi lên rồi không chìm nữa, nhìn ngó phương hướng mà lội đi, vì có lòng sợ sệt.

Người thứ sáu vào nước liền lội đi, đến chỗ cạn thời đứng lại, vì để xem giặc cướp gần hay xa.

Người thứ bảy đã qua đến bờ kia leo lên núi lớn không còn sợ sệt, thoát khỏi giặc cướp lòng rất vui sướng .

Này Thiện nam tử ! Sông lớn sanh tử cũng như vậy, có bảy hạng người vì sợ giặc phiền não mà muốn lội qua sông sanh tử, nên xuất gia cạo tóc thân mặc pháp phục. Đã xuất gia rồi gần gũi bạn ác nghe theo lời của họ mà lãnh thọ tà pháp. Họ bảo rằng

thân chúng sanh tức là năm ấm, năm ấm gọi là năm đại, chúng sanh nếu chết thời năm đại dứt hẳn, đã dứt hẳn cần gì tu tập những hạnh nghiệp lành dữ, do đây nên biết rằng không có lành dữ cũng như không có quả báo lành dữ. Hạng người này gọi là nhứt xiển đề, gọi là dứt căn lành, vì căn lành đã dứt nên chìm trong sông sanh tử không thể ra được, vì nghiệp ác của họ quá nặng, vì họ không có đức tin, như người thứ nhất bên bờ sông Hằng.

Này Thiện nam tử ! Nhứt xiển đề có sáu nhơn duyên phải chìm trong ba đường ác không thể thoát được : Một là vì tâm ác quá thạnh, hai là vì chẳng thấy đời sau, ba là vì ưa huân tập phiền não, bốn là vì xa lìa căn lành, năm là vì nghiệp ác ngăn cách, sáu là vì gần gũi bạn ác. Lại có năm điều khiến họ chìm trong ba đường ác : Một là làm việc phi pháp đối với các Tỳ Kheo, hai là làm việc phi pháp đối với các Tỳ Kheo Ni, ba là tự do dùng của vật của chúng Tăng, bốn là làm việc phi pháp với mẹ, năm là sanh sự thị phi đối với năm bộ Tăng. Lại có năm điều làm cho họ chìm trong ba đường ác : Một là nói không quả báo thiện ác, hai là giết chúng sanh phá Bồ Đề tâm, ba là ưa nói lỗi lầm của Pháp sư, bốn là chánh pháp nói là phi pháp, còn phi pháp nói là chánh pháp, năm là vì tìm lỗi của chánh pháp mà đến nghe học. Lại có ba điều làm cho họ chìm trong ba đường ác : Một là nói đức Như Lai vô

thường nhập diệt vĩnh viễn, hai là nói chánh pháp vô thường dời đổi, ba là nói chúng Tăng thiệt có thể hoại diệt.

Người thứ hai muốn qua khỏi sông lớn sanh tử, vì dứt mất căn lành nên chìm không thoát được. Nói rằng thoát khỏi tức là gần gũi bạn lành thời được tín tâm, chính là tin bố thí và quả bố thí, tin nghiệp lành và quả lành, tin nghiệp ác và quả ác, tin sanh tử là khổ, là vô thường hư hoại. Do được tín tâm nên tu tập tịnh giới, trì tụng, biên chép, giải thuyết mười hai bộ kinh, thường thích bố thí, khéo tu trí huệ. Vì độn căn nên lại gặp bạn ác, do đây nên không thể tu tập thân giới tâm huệ, trở lại thọ lấy tà pháp, hoặc gặp thời kỳ ác ở nơi cõi nước ác, nên dứt mất những căn lành mà phải chìm luôn trong sanh tử, như người thứ hai bên sông Hằng.

Người thứ ba muốn qua khỏi sông sanh tử, vì dứt mất căn lành nên chìm đắm ở trong sông. Người này gần gũi bạn lành nên được nổi lâu, tin đức Như Lai là bực Nhứt thiết trí thường hằng không biến đổi, vì chúng sanh mà nói đạo vô thượng, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Như Lai chẳng phải diệt độ, Pháp và Tăng cũng không hoại diệt. Nhứt xiển đề nếu chẳng dứt ác pháp của họ thời trọn không thể được Vô Thượng Bồ Đề. Phải biết rằng cần phải xa lìa rồi sau mới đặng. Do tín tâm nên tu tịnh giới, tu tịnh giới rồi thọ trì, đọc, biên chép, giải

thuyết mười hai bộ kinh, vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ, do căn trí lanh lợi nên trụ vững nơi tín huệ không thối chuyển, như người thứ ba bên sông Hằng.

Người thứ tư muốn qua khỏi sông sanh tử, vì dứt căn lành nên chìm trong sông, vì gần gũi bạn lành nên được tín tâm đây gọi là nổi lên. Vì được tín tâm nên được thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết mười hai bộ kinh, rồi vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ, do lợi căn nên đứng vững nơi tín huệ tâm không thối chuyển, quan sát khắp bốn phương, quan sát bốn phương đây là nói bốn quả Sa Môn, như người thứ tư bên sông Hằng.

Người thứ năm muốn lội qua sông sanh tử, vì dứt mất căn lành nên phải chìm trong sông, nhờ gần gũi bạn lành nên được tín tâm đây gọi là nổi lên, do tín tâm nên thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết mười hai bộ kinh, rồi vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ vì lợi căn nên đứng vững nơi tín huệ không thối chuyển, không thối chuyển rồi bèn thẳng đến trước, thẳng đến trước, đây là nói quả Bích Chi Phật, dầu có thể tự độ nhưng chẳng độ đến chúng sanh, đây gọi là đi, như người thứ năm bên sông Hằng.

Người thứ sáu muốn qua khỏi sông sanh tử, vì mất thiện căn nên chìm trong sông, nhờ gần gũi bạn

lành mà được tín tâm, đây gọi là nổi lên, do tín tâm nên thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết mười hai bộ kinh, rồi vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ, do lợi căn nên đứng vững nơi tín huệ không thối chuyển, rồi bèn thẳng đến trước gặp chỗ cạn đứng lại chẳng đi nữa. Đứng lại chẳng đi là nói Bồ Tát vì muốn độ chúng sanh nên trụ lại quán sát phiền não, như người thứ sáu bên sông Hằng.

Người thứ bảy muốn thoát khỏi sông sanh tử, vì mất căn lành nên chìm trong sông, nhờ gần gũi bạn lành mà được tín tâm đây gọi là nổi lên, do tín tâm nên thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết mười hai bộ kinh, rồi vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ, do lợi căn nên đứng vững nơi tín huệ tâm không thối chuyển, liền thẳng đến bờ kia, leo lên núi cao, lìa khỏi những sự khủng bố, hưởng nhiều sự an vui.

Này Thiện nam tử ! Núi cao bên bờ kia dụ cho đức Như Lai, hưởng sự an vui dụ cho Phật thường trụ, núi cao lớn dụ cho Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Những người ở bên sông Hằng kia đều có đủ tay chân mà không thể qua được. Tất cả chúng sanh cũng như vậy, thiệt có Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo, đức Như Lai thường nói pháp yếu, có tám Thánh đạo, có Đại Niết Bàn, mà chúng sanh đều chẳng thể được, đây chẳng phải

lỗi của Như Lai, cũng chẳng phải lỗi của Thánh đạo và chúng sanh, nên biết rằng đều là lỗi ác của phiền não, do đây nên tất cả chúng sanh chẳng được Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Như lương y biết rõ bịnh nói phương thuốc, người bịnh chẳng chịu uống, đây chẳng phải là lỗi của lương y.

Này Thiện nam tử ! Như có thí chủ đem tiền của bố thí cho mọi người, có người chẳng chịu nhận lấy, đây chẳng phải là lỗi của thí chủ.

Này Thiện nam tử ! Như nước sông Hằng có thể giải trừ sự khát nước, có kẻ khát nước chẳng chịu uống, đây chẳng phải là lỗi của nước.

Này Thiện nam tử ! Như mặt đất bình đẳng nuôi sống tất cả cây cỏ, có nông phu kia chẳng chịu gieo trồng, đây chẳng phải là lỗi của mặt đất.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai khắp vì tất cả chúng sanh mà rộng mở bày phân biệt mười hai bộ kinh, chúng sanh chẳng chịu tin thọ, đây chẳng phải là lỗi của Như Lai.

Này Thiện nam tử ! Nếu người tu tập Thánh đạo thời được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Vừa rồi ông nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh đáng được Vô Thượng Bồ Đề, như đá nam châm hút sắt.

Lành thay ! Lành thay ! Do có năng lực nhơn duyên của Phật tánh nên chúng sanh được Vô Thượng Bồ Đề.

Nhưng nếu nói rằng chẳng cần tu tập Thánh đạo thời không đúng.

Này Thiện nam tử ! Như có người đi trong đồng hoang vắng khát nước gặp giếng, giếng này sâu thẳm tối đen, người này dầu chẳng thấy nước nhưng biết rằng chắc có nước, người này tìm dây gầu múc lên thời thấy nước. Phật tánh cũng vậy, tất cả chúng sanh mặc dầu đều có, nhưng cần phải tu tập vô lậu Thánh đạo rồi sau mới đặng thấy.

Này Thiện nam tử ! Như người có hột mè thời tất được thấy dầu, nhưng rời bỏ phương tiện thời chẳng thấy được. Nơi mía thấy đường cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như cung trời Đao Lợi và Bắc Cu Lô Châu dầu là có, nhưng nếu không nghiệp lành, hoặc thần thông, hoặc đạo lực, thời chẳng thấy được.

Như rễ cỏ trong đất, như mạch nước dưới đất, vì đất che nên chúng sanh chẳng thấy. Phật tánh cũng vậy, vì chẳng tu tập Thánh đạo nên chẳng thấy được.

Này Thiện nam tử ! Như vừa rồi ông nói trong đời có người bịnh nếu gặp được lương y, thuốc hay, người khám bịnh giỏi, ăn uống phải cách, hoặc chẳng gặp, đều được lành mạnh.

Này Thiện nam tử ! Đó là ta vì bực Lục trụ Bồ Tát mà nói nghĩa ấy.

Này Thiện nam tử ! Như hư không đối với chúng sanh, nó chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, vì không phải trong ngoài nên cũng không trở ngại. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như có người để tài sản ở xứ khác, dầu của cải không hiện có, nhưng người này vẫn được tùy ý thọ dụng. Có người hỏi đến tiền của, người này đáp rằng tôi hứa cho. Tại sao vậy ? Vì người này quyết định có của. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, chẳng phải đây chẳng kia, vì quyết định được nên ta nói tất cả chúng sanh đều có.

Này Thiện nam tử ! Như chúng sanh gây tạo các nghiệp, hoặc nghiệp lành, hoặc nghiệp ác, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, nghiệp tánh này chẳng phải có chẳng phải không, lại cũng chẳng phải là trước không mà nay có, cũng chẳng phải không nhơn mà có ra, chẳng phải đây làm rồi đây thọ, chẳng phải đây làm mà kia thọ, chẳng phải kia làm mà kia thọ, nghiệp tánh này không tác giả không thọ giả, lúc thời tiết hòa hiệp thời có quả báo. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, chẳng phải là trước không mà nay có, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải đây chẳng phải kia, chẳng phải chỗ khác đến, chẳng phải không

nhơn duyên, cũng chẳng phải là tất cả chúng sanh chẳng thấy, có những Bồ Tát lúc thời tiết nhơn duyên hòa hiệp mà được thấy. Thời tiết đây là nói bực Thập trụ Bồ Tát tu tám Thánh đạo được tâm bình đẳng đối với chúng sanh, lúc bấy giờ được thấy Phật tánh, chẳng gọi là tạo tác.

Này Thiện nam tử ! Ông nói rằng như đá nam châm hút sắt, cứ nơi nghĩa thời chẳng đúng. Tại sao vậy ? Vì đá ấy chẳng hút sắt, bởi đá ấy không tâm nghiệp. Này Thiện nam tử ! Do pháp kia có nên pháp này sanh ra, do pháp kia không nên pháp này diệt hoại, không có tác giả cũng không có hoại giả.

Này Thiện nam tử ! Như ngọn lửa mạnh chẳng thể đốt cháy củi, lửa ra củi hư gọi đó là cháy củi.

Như bông quì xoay theo mặt trời, dầu vậy nhưng bông quì này không có tâm cung kính, không thức cũng không nghiệp, vì tánh chất riêng của nó mà tự xoay chuyển.

Như cây chuối nhơn tiếng sấm mà được tăng trưởng, cây này không lỗ tai, không có tâm ý thức, do vì có pháp kia nên pháp này tăng trưởng, vì không pháp kia nên pháp này hư hoại.

Như cây A Thúc Ca, người nữ rờ đụng đến thời cây này trổ bông, cây này không tâm ý, cũng không giác xúc, do vì có pháp kia nên pháp này sanh ra, vì không pháp kia nên pháp này hư hoại.

Như cây quít được tử thi thời trái thêm nhiều, cây quít này không tâm ý cũng không giác xúc, vì có pháp kia nên pháp này thêm nhiều, vì không pháp kia nên pháp này hư hoại.

Như cây An thạch lựu do phân gạch xương thời trái thêm nhiều, cây An thạch lựu này cũng không tâm ý không giác xúc, vì có pháp khác nên pháp này thêm nhiều, vì pháp khác không nên pháp này hư hoại.

Như đá nam châm hút sắt cũng như vậy, do pháp này có nên pháp kia sanh, vì pháp này không nên pháp kia hư hoại.

Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, chẳng thể đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Vô minh chẳng thể hút lấy hành nghiệp, hành cũng chẳng thể hút lấy thức, dầu vậy nhưng cũng gọi là vô minh duyên hành, hành duyên thức.

Hoặc có Phật hay không Phật, pháp giới vẫn thường trụ. Nếu nói rằng Phật tánh ở trong chúng sanh, nên biết rằng pháp thường hằng thời vô trụ, nếu có chỗ ở thời là vô thường. Như mười hai nhơn duyên không chỗ ở nhứt định, nếu có chỗ ở thời mười hai nhơn duyên chẳng được gọi là thường. Pháp thân của Như Lai cũng không chỗ ở. Pháp giới, pháp nhập, pháp ấm, hư không đều không chỗ ở. Phật tánh cũng không chỗ ở như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như tứ đại dầu thế lực đồng nhau, nhưng có cứng, có nóng, có ướt, có động, có nặng, có nhẹ, có đỏ, có trắng, có vàng, có đen, mà tứ đại này cũng không có nghiệp, vì pháp giới khác nên đều chẳng giống nhau. Phật tánh cũng như vậy vì pháp giới khác đến thời kỳ thời hiện.

Này Thiện nam tử ! Vì tất cả chúng sanh chẳng thôi mất Phật tánh nên gọi là có, vì bất thôi chuyển, vì sẽ có, vì quyết định được, vì quyết định sẽ thấy, nên gọi là tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Ví như có Quốc Vương bảo một đại thần dắt một con voi đem chỉ cho người mù. Đại thần được lịnh Quốc Vương liền họp bọn người mù đến bên con voi. Lúc đó bọn người mù đều lấy tay rờ voi. Đại thần trở về tâu với Quốc Vương đã đem voi chỉ cho bọn người mù rồi. Quốc Vương liền kêu bọn người mù đến hỏi riêng từng người. Con voi hình dạng thế nào ? Trong bọn người mù kia, kẻ rờ ngà bèn nói voi hình như củ cải; kẻ rờ tai nói rằng voi giống như cái ki; kẻ rờ đầu nói rằng voi giống như khối đá, kẻ rờ vòi nói rằng voi giống như cái chày; kẻ rờ chân nói rằng voi giống như cái cối gỗ, kẻ rờ lưng nói rằng voi như cái giường; kẻ rờ bụng nói rằng voi như cái lu; kẻ rờ đuôi nói voi như sợi dây.

Này Thiện nam tử ! Bọn mù kia chẳng nói trúng thân hình của voi, nhưng cũng chẳng phải là chẳng nói, các hình tướng đó đều chẳng phải hình voi, nhưng rời ngoài những hình này lại không có voi.

Này Thiện nam tử ! Quốc Vương là dụ cho Như Lai đấng Chánh Biến Tri vậy. Đại thần dụ cho kinh Đại thừa Đại Niết Bàn. Voi dụ cho Phật tánh. Bọn mù dụ cho tất cả chúng sanh vô minh.

Những chúng sanh này cho rằng Phật đã nói xong, hoặc có kẻ nói sắc là Phật tánh, vì sắc này dầu diệt, nhưng tuần tự nối luôn do đây được ba mươi hai tướng tốt vô thượng của Như Lai, sắc tướng Như Lai là thường, vì sắc tướng Như Lai thường hằng chẳng dứt, do đây nên nói sắc là Phật tánh, như vàng thật, chất vàng dầu thay đổi nhưng màu sắc vẫn thường chẳng đổi khác, hoặc làm vòng, làm roi, làm mâm, màu vàng vẫn không đổi khác. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, tánh chất dầu vô thường mà sắc là thường, do đây nên nói sắc là Phật tánh.

Hoặc có kẻ nói thọ là Phật tánh, vì do thọ mà được chơn lạc của Như Lai, thọ của Như Lai là thọ rốt ráo, là thọ đệ nhứt nghĩa. Tánh thọ của chúng sanh dầu là vô thường nhưng nó tuần tự nối nhau chẳng dứt, nên được lạc thọ chơn thường của Như Lai. Như người họ Kiều Thi Ca thân người dầu vô thường mà họ vẫn thường, trải qua ngàn muôn đời không đổi khác. Phật tánh chúng sanh cũng như vậy. Do đây nên nói thọ ấm là Phật tánh.

Lại có kẻ nói tưởng ấm là Phật tánh, vì do tưởng mà được chơn thật tưởng của Như Lai. Tưởng của

Như Lai gọi là tưởng mà không tưởng chẳng phải tưởng của chúng sanh, chẳng phải tưởng của nam của nữ, chẳng phải tưởng trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chẳng phải tâm tưởng dứt tưởng như tưởng của chúng sanh. Dầu tưởng này vô thường nhưng do tuần tự nối nhau chẳng dứt, nên được tưởng thường hằng của Như Lai. Như mười hai nhơn duyên của chúng sanh, dầu chúng sanh diệt mất mà nhơn duyên vẫn thường. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, do đây nên nói tưởng là Phật tánh.

Lại có kẻ nói hành ấm là Phật tánh, vì hành gọi là thọ mạng. Thọ mạng làm nhơn duyên nên được thọ mạng thường trụ của Như Lai. Thọ mạng của chúng sanh dầu là vô thường, nhưng vì tuần tự nối nhau chẳng dứt, nên được thọ mạng chơn thường của Như Lai. Như mười bộ kinh, người nói người nghe dầu là vô thường, nhưng kinh điển này thường còn chẳng biến đổi. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Do đây nên nói hành là Phật tánh.

Lại có kẻ nói thức ấm là Phật tánh. Do thức làm nhơn duyên mà được tâm bình đẳng của Như Lai. Ý thức của chúng sanh dầu là vô thường, nhưng thức tuần tự nối nhau chẳng dứt, nên được tâm chơn thường của Như Lai. Như lửa tánh nóng, dầu ngọn lửa vô thường, nhưng tánh nóng chẳng phải vô thường. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Do đây nên nói thức là Phật tánh.

Lại có kẻ nói rời năm ấm có ngã, ngã này là Phật tánh, vì ngã làm nhơn duyên mà được ngã tự tại của Như Lai. Có các nhà ngoại đạo nói rằng : Đứng, đi, thấy, nghe, buồn, vui, nói năng chính đó là ngã, ngã tướng ấy dầu vô thường nhưng ngã của Như Lai chơn thiệt thường trụ. Như ấm, nhập, giới dầu là vô thường nhưng vẫn gọi là thường. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như bọn mù kia mỗi người tự nói hình tướng của voi, dầu chẳng được đúng, nhưng chẳng phải là chẳng nói tướng của voi.

Những người nói Phật tánh cũng như vậy, Phật tánh chẳng phải tức sáu pháp, nhưng cũng chẳng ly sáu pháp. Vì thế nên ta nói Phật tánh của chúng sanh chẳng phải sắc chẳng phải ly sắc, nhẫn đến chẳng phải ngã, chẳng phải ly ngã.

Có các nhà ngoại đạo dầu nói có ngã, nhưng thiệt ra không có ngã. Ngã của chúng sanh chính là ngũ ấm, rời ngoài ngũ ấm không có ngã riêng biệt.

Ví như cọng, cánh, tua, gương hiệp lại làm hoa sen, lìa ngoài những thứ này thời không có hoa sen riêng biệt. Ngã của chúng sanh cũng như vậy.

Như tường, vách, gỗ, tranh hòa hiệp gọi đó là nhà, lìa ngoài những thứ này thời không có nhà riêng biệt.

Như cây Khư đà la, cây Ba la xa, cây Ni câu đà, cây Uất đàm bát hiệp lại thành rừng, rời ngoài những thứ này thời không có rừng riêng biệt.

Như chiến xa, voi, ngựa, bộ binh hiệp lại thành quân đội, rời ngoài những thứ này thời không có quân đội riêng biệt.

Như những chỉ năm màu hiệp lại dệt thành vải ngũ sắc, rời ngoài những chỉ này thời không có vải ngũ sắc riêng biệt.

Như bốn họ hiệp lại gọi là đại chúng, rời ngoài những người này thời không có đại chúng riêng biệt.

Ngã của chúng sanh cũng như vậy, rời ngoài năm ấm thời không có ngã riêng biệt.

Này Thiện nam tử ! Như Lai thường trụ thời gọi là ngã. Pháp thân của Như Lai là vô biên vô ngại, là chẳng sanh chẳng diệt, được đủ tám tự tại nên gọi là ngã.

Thiệt ra chúng sanh không có ngã như vậy, chỉ vì quyết định sẽ được rốt ráo đệ nhứt nghĩa không, nên gọi là Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Đại từ đại bi gọi là Phật tánh, vì đại từ đại bi thường theo dõi Bồ Tát như bóng theo hình. Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được đại từ đại bi, do đây nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đại từ đại bi gọi là Phật tánh, Phật tánh gọi là Như Lai.

Đại hỷ đại xả gọi là Phật tánh, vì đại Bồ Tát nếu chẳng xả được hai mươi lăm cõi, thời không thể được Vô Thượng Bồ Đề. Bởi chúng sanh quyết định sẽ được, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đại hỷ đại xả chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là đại tín tâm. Vì do tín tâm mà đại Bồ Tát được đầy đủ Đàn Ba la mật nhẫn đến Bát Nhã Ba la mật. Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được đại tín tâm, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đại tín tâm chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là nhứt tử địa. Vì do nhứt tử địa nên Bồ Tát được tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh. Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được nhứt tử địa, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nhứt tử địa chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là trí lực thứ tư. Vì do trí lực thứ tư, nên Bồ Tát có thể giáo hóa chúng sanh. Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được trí lực thứ tư, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Trí lực thứ tư chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là mười hai nhơn duyên. Vì do nhơn duyên nên đức Như Lai được thường trụ. Tất

cả chúng sanh quyết định có mười hai nhơn duyên như vậy, do đây nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Mười hai nhơn duyên chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là bốn trí vô ngại. Do bốn trí vô ngại nên giảng thuyết chữ nghĩa vô ngại. Do chữ nghĩa vô ngại nên có thể giáo hóa chúng sanh. Bốn trí vô ngại chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như Lai.

Phật tánh gọi là Đảnh tam muội. Vì do tu Đảnh tam muội này nên có thể tổng nhiếp tất cả Phật pháp, do đây nên nói Đảnh tam muội gọi là Phật tánh. Thập trụ Bồ Tát tu tam muội này chưa được đầy đủ, nên dầu thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng. Vì tất cả chúng sanh quyết định được, nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Như các thứ pháp đã nói ở trên, vì tất cả chúng sanh quyết định sẽ được, nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Nếu ta nói sắc là Phật tánh, chúng sanh nghe lời này tất sanh tà kiến điên đảo, do tà kiến điên đảo tất sẽ phải đọa A Tỳ địa ngục. Đức Như Lai thuyết pháp để dứt địa ngục nên chẳng nói sắc là Phật tánh, nhẫn đến chẳng nói thức là Phật tánh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Nếu chúng sanh thấy rõ Phật tánh thời chẳng cần tu tập Thánh đạo. Thập trụ Bồ

Tát tu tám Thánh đạo còn thấy Phật tánh một phần ít, huống là người chẳng tu mà được thấy ư !

Này Thiện nam tử ! Các vị đại Bồ Tát như Văn Thù Sư Lợi tu tập Thánh đạo đã trải qua vô lượng đời nên thấy rõ Phật tánh. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác làm thế nào biết Phật tánh được !

Nếu chúng sanh muốn biết rõ Phật tánh, thời phải nhứt tâm thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết, cúng dường, cung kính, tôn trọng tán thán kinh Đại Niết Bàn này. Thấy người nào trì tụng nhẫn đến tán thán kinh Đại Niết Bàn này thời phải đem bốn thứ cúng dường thật tốt mà cung cấp cho người ấy, cùng tán thán lễ bái hỏi thăm.

Này Thiện nam tử ! Nếu người nào đã trải qua vô lượng vô biên đời gần gũi cúng dường vô lượng chư Phật trồng sâu các căn lành, rồi sau mới đặng nghe tên của kinh này.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng chẳng biết được, dầu vậy mà cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Tất cả chúng sanh nếu ai tin được kinh đại Niết Bàn này, kẻ ấy cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Bạch Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói tất cả chúng sanh có thể tin kinh Đại Niết Bàn chẳng thể nghĩ bàn như đây. Bạch Thế Tôn ! Trong đại chúng này có tám muôn năm ngàn ức người không có lòng tin đối với kinh này, do đây nên người nào tin kinh này thời gọi người đó chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Số người trên đây đến đời vị lai cũng sẽ quyết định tin được kinh điển này, được thấy Phật tánh và được Vô Thượng Bồ Đề.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào bất thối Bồ Tát tự biết quyết định có tâm bất thối.

- Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát sẽ dùng khổ hạnh để thí nghiệm lấy tâm của mình : Mỗi ngày ăn một hột mè trọn bảy ngày; gạo trắng, đậu xanh, đậu trắng v.v... mỗi thứ bảy ngày, mỗi ngày một hột cũng như vậy.

Lúc ăn một hột mè, Bồ Tát nghĩ rằng : Khổ hạnh như vậy đều không lợi ích, việc không lợi ích còn làm được huống là việc lợi ích mà lại không làm.

Đối với việc không lợi ích, trong lòng có thể nhẫn được sự khổ chẳng thối chẳng chuyển, do đây nên quyết định đặng Vô Thượng Bồ Đề.

Trong những ngày tu khổ hạnh như vậy, da thịt ốm khô lần lần, như cắt trái bầu tươi phơi trong nắng. Mắt của Bồ Tát thụt sâu vào như đáy giếng.

Hết thịt lòi gân như nhà tranh hư mục, xương sống lộ lên như dây thừng. Chỗ Bồ Tát ngồi như dấu chân ngựa. Muốn ngồi thời mọp xuống, muốn đứng thời ngã nghiêng. Dầu chịu lấy sự khổ không lợi ích như vậy, nhưng chẳng thối chuyển tâm Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát vì phá các sự khổ, ban sự an vui cho chúng sanh, nên có thể xả thí của, vật, ngoài thân trong thân đến thân mạng của mình như bỏ cỏ khô.

Nếu có thể chẳng tiếc thân mạng như vậy, Bồ Tát này tự biết quyết định có tâm bất thối, tự biết tôi quyết định sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Đại Bồ Tát vì pháp mà khoét thân làm đèn lấy Tô du đổ vào đặt tim để đốt.

Lúc Bồ Tát thọ sự khổ lớn như vậy tự trách tâm mình rằng : Sự khổ này đối với sự khổ ở địa ngục trăm ngàn muôn phần chưa bằng một phần. Ở trong vô lượng trăm ngàn kiếp, ta chịu nhiều sự khổ não đều không đem lại mảy may lợi ích, nếu ta không chịu được sự khổ nhẹ này, thời làm sao có thể ở nơi trong địa ngục để có thể cứu khổ chúng sanh.

Lúc Bồ Tát suy nghĩ như vậy thời thân chẳng biết khổ, tâm chẳng thối chuyển, do đây Bồ Tát tự biết chắc rằng tôi quyết định sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó Bồ Tát còn đầy đủ phiền não, vì chánh pháp mà có thể đem đầu, mắt

óc, tủy, tay chân, máu thịt bố thí cho người, lấy đinh đóng trên thân, nhảy từ gộp đá cao xuống, nhảy vào lửa. Dầu chịu lấy vô lượng sự khổ như vậy, nhưng nếu trong lòng chẳng có niệm thối chuyển, Bồ Tát này nên biết rằng nay tôi quyết định có tâm bất thối, sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát vì phá trừ khổ não cho tất cả chúng sanh, nên nguyện làm thân súc sanh to lớn, đem máu thịt bố thí cho chúng sanh.

Lúc chúng sanh đến lấy máu ăn, Bồ Tát lại sanh lòng thương xót, lúc đó Bồ Tát nín hơi chẳng thở làm như chết, để cho những kẻ đến lấy thịt chẳng có quan niệm giết hại.

Dầu Bồ Tát thọ thân súc sanh nhưng trọn chẳng tạo nghiệp súc sanh. Vì Bồ Tát đã được tâm bất thối chuyển, thời trọn chẳng gây tạo ác nghiệp. Nếu đời vị lai Bồ Tát có nghiệp quả ác nhỏ nhặt bất định, do sức nguyện lớn vì độ chúng sanh nên đều thọ lấy đó. Như người bịnh bị quỉ dựa ở ẩn trong thân, do oai lực của chú thuật, nên liền hiện tướng quỉ : hoặc nói hoặc cười, hoặc mừng hoặc giận, hoặc mắng hoặc khóc. Đại Bồ Tát thọ lấy nghiệp quả đời vị lai cũng như vậy.

Lúc Bồ Tát thọ lấy thân gấu, thường vì chúng sanh mà diễn nói chánh pháp. Hoặc lúc thọ thân chim Ca Tân Xà La, lúc thọ thân Cù Đà, thân nai,

thân thỏ, thân voi, thân dê núi, thân khỉ vượn, thân bồ câu trắng, thân Kim sí điểu, thân rồng, thân rắn, lúc thọ những thân súc sanh như vậy, nhưng trọn chẳng gây tạo nghiệp ác súc sanh, mà thường vì những súc sanh khác diễn thuyết chánh pháp, làm cho những súc sanh kia nhờ nghe pháp mà được mau khỏi thân súc sanh.

Lúc Bồ Tát thọ thân súc sanh mà chẳng gây tạo nghiệp ác nên biết rằng quyết định có tâm bất thối.

Đại Bồ Tát ở đời đói khát, thấy chúng sanh đói khát, nên nguyện làm thân cá lớn dài nhiều do diên, lại nguyện những chúng sanh nào lấy thịt của tôi, lấy rồi liền sanh trở lại, ai ăn thịt của tôi thời được khỏi đói khỏi khát, tất cả đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, do nơi tôi mà kẻ nào được khỏi đói khát, thời vị lai họ sẽ mau được xa lìa khổ hoạn đói khát trong hai mươi lăm cõi.

Lúc đại Bồ Tát chịu sự khổ như vậy mà tâm chẳng thối chuyển, thời nên biết quyết định sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Nhằm đời tật dịch, Bồ Tát thấy nhiều người phải bịnh khổ, bèn suy nghĩ rằng như cây dược thọ, nếu người bịnh lấy rễ lấy cây, lấy nhánh lấy lá, lấy bông lấy trái, lấy vỏ đều trị được lành bịnh. Nguyện thân của tôi đây cũng như vậy, nếu người bịnh nghe tiếng chạm đến thân ăn thịt uống máu, nhẫn

đến xương tủy đều trị lành bịnh. Nguyện chúng sanh lúc ăn thịt tôi chẳng sanh lòng ác, đều có quan niệm như ăn thịt con. Tôi trị cho họ được lành bịnh rồi sẽ thường vì họ mà thuyết pháp. Nguyện họ nghe pháp kính tin lãnh thọ suy gẫm rồi đem dạy lại người khác.

Bồ Tát đầy đủ phiền não lúc chịu sự khổ nơi thân như vậy vẫn chẳng thôi chuyển tâm Bồ Đề, nên biết quyết định được tâm bất thôi, sẽ thành Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu có chúng sanh bị quỉ làm bịnh, Bồ Tát thấy việc này liền phát nguyện làm thân quỉ to lớn mạnh mẽ quyến thuộc đông, khiến người bịnh kia nghe thấy liền hết bịnh quỉ.

Đại Bồ Tát vì độ chúng sanh nên siêng tu khổ hạnh, dầu có phiền não nhưng tâm chẳng nhiễm ô.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát dầu tu hành lục Ba la mật, chẳng cũng cầu quả lục Ba la mật.

Lúc tu hành lục Ba la mật vô thượng, Bồ Tát nguyện rằng : Nay tôi đem lục Ba la mật này bố thí cho tất cả chúng sanh, mỗi chúng sanh nhận lấy sự bố thí của tôi rồi thời đều sẽ được thành Vô Thượng Bồ Đề. Tôi cũng tự vì lục Ba la mật mà siêng tu khổ hạnh chịu những sự khổ não. Lúc đương chịu khổ nguyện tôi chẳng thôi tâm Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn, vì biết rõ sanh tử, có nhiều tội lỗi, quan sát Đại Niết Bàn có công đức lớn, vì chúng sanh mà ở nơi sanh tử chịu những sự khổ tâm chẳng thôi chuyển, do đây nên gọi là Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát không có nhơn duyên mà vẫn sanh lòng thương xót tất cả chúng sanh, thiệt chẳng thọ ơn mà còn thi ơn. Dầu thi ơn mà chẳng cần đền trả, do đây nên lại gọi đại Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Hoặc có chúng sanh vì lợi ích cho mình mà tu các khổ hạnh. Đại Bồ Tát vì lợi ích cho người, cho chúng sanh mà tu hành khổ hạnh, dầu vậy nhưng vẫn gọi là lợi ích cho mình, do đây nên đại Bồ Tát lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát đầy đủ phiền não, vì phá hoại quan niệm kẻ oán người thân nên thọ những sự khổ để tu tâm bình đẳng, do đây nên Bồ Tát lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát nếu thấy những chúng sanh hung ác thời hoặc quở trách, hoặc nói dịu ngọt, hoặc đuổi, hoặc bỏ.

Với những kẻ tánh ác, Bồ Tát thị hiện nói lời dịu dàng.

Với kẻ kiêu mạn, Bồ Tát thị hiện làm ngã mạn lớn, nhưng trong tâm của Bồ Tát thiệt không kiêu mạn. Đây gọi là phương tiện của Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát đầy đủ phiền não, lúc của cải ít mà người cầu xin nhiều, lòng Bồ Tát trọn chẳng hẹp nhỏ. Đây gọi là Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Lúc đức Phật ra đời, Bồ Tát biết công đức của Phật, nhưng vì chúng sanh mà thọ thân biên địa nơi chỗ không Phật, như đui, như điếc, như què, như thọt. Đây gọi là Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát biết rõ chúng sanh có những tội lỗi, vì muốn độ họ nên Bồ Tát thường cùng đi chung với họ, dầu làm theo ý của họ nhưng vẫn không nhiễm lấy tội lỗi. Do đây nên lại gọi Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát thấy biết rõ ràng không tướng chúng sanh, không phiền não nhiễm ô, không người tu tập Thánh đạo xa lìa phiền não. Dầu vì Bồ Đề nhưng không hạnh Bồ Đề, cũng không có người thành tựu hạnh Bồ Đề, không người thọ khổ và người phá khổ mà cũng có thể vì chúng sanh phá hoại sự khổ thật hành hạnh Bồ Đề. Do đây nên gọi Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát thọ thân rốt sau ở cung trời Đâu Suất, đây cũng gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Vì trời Đâu Suất

là hơn tất cả trong cõi Dục, cõi trời dưới thời tâm phóng dật, cõi trời trên thời căn tánh ám độn, do đây nên trời Đâu Suất gọi là hơn. Tu thí, tu giới thời được thân trời cõi trên và cõi dưới. Tu thí, tu giới và tu định thời được thân trời Đâu Suất.

Tất cả Bồ Tát đã tự phá hoại tất cả cõi, trọn chẳng tạo nghiệp trời Đâu Suất để thọ thân nơi cõi trời đó. Vì Bồ Tát nếu ở nơi các cõi khác, cũng đều có thể giáo hóa thành tựu chúng sanh, thiệt không có dục tâm mà lại sanh vào cõi Dục, do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát sanh ở trời Đâu Suất có ba việc thù thắng : Một là mạng, hai là sắc, ba là danh.

Đại Bồ Tát thiệt chẳng cầu mạng, sắc và danh, dầu không có tâm mong cầu mà chỗ được lại thù thắng. Đại Bồ Tát rất ưa thích Niết Bàn, nhưng có nhơn duyên nên mạng, sắc và danh cũng thù thắng. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát mạng, sắc là danh dầu hơn chư Thiên, nhưng chư Thiên đối với Bồ Tát chẳng có lòng giận, lòng ganh ghét, lòng kiêu mạn, thường có lòng hoan hỷ. Bồ Tát đối với chư Thiên cũng chẳng kiêu mạn, nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát chẳng tạo nghiệp nhơn thọ mạng, mà ở nơi trời Đâu Suất kia, Bồ Tát được thọ mạng rốt ráo, đây gọi là mạng thù thắng.

Bồ Tát không tạo nghiệp nhơn sắc đẹp, mà thân sắc của Bồ Tát xinh đẹp đầy đủ ánh sáng, đây gọi là sắc thù thắng.

Bồ Tát ở cung trời Đâu Suất chẳng ưa ngũ dục chỉ làm pháp sự, nên tiếng đồn khắp cả mười phương, đây gọi là danh thù thắng. Do đây nên lại gọi Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Lúc đại Bồ Tát từ trời Đâu Suất giáng sanh, cả đại địa sáu thứ chấn động, nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Vì lúc Bồ Tát giáng sanh, chư Thiên cõi Dục và cõi Sắc đều đến hầu hạ đưa đi, lớn tiếng tán thán Bồ Tát, do hơi gió nơi miệng chư Thiên làm cho đại địa chấn động. Lại lúc Bồ Tát mới nhập thai, có các Long Vương ở dưới đại địa này hoặc khủng bố, hoặc hoan hỷ, nên đại địa chấn động. Do đây nên lại gọi Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát biết rõ lúc nhập thai, lúc trụ thai, lúc xuất thai, biết cha, biết mẹ, chẳng nhiễm ô bất tịnh, như bảo châu màu xanh trên búi tóc của Đế Thích, nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như biển cả có tám điều chẳng thể nghĩ bàn : Một là lần lần càng sâu, hai là sâu khó đến đáy, ba là đồng một vị mặn, bốn là thủy triều chẳng quá hạn, năm là có nhiều thứ kho

báu, sáu là những chúng sanh thân to lớn ở trong đó, bảy là chẳng chứa tử thi, tám là tất cả muôn dòng đổ về cùng mưa to xối xuống mà biển vẫn chẳng thêm chẳng bớt.

Này Thiện nam tử ! Biển lần lần càng sâu là vì có ba điều : Một là phước lực của chúng sanh, hai là thuận theo gió mà chảy, ba là vì nước trong sông đổ ra. Nhẫn đến chẳng thêm chẳng bớt cũng đều có ba việc.

Kinh Đại Niết Bàn này cũng có tám điều chẳng thể nghĩ bàn như vậy : Một là lần lần càng sâu, nghĩa là từ giới Ưu Bà Tắc, giới Sa Di, giới Tỳ Kheo, giới Bồ Tát, quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, quả Bích Chi Phật, quả Bồ Tát, quả Vô Thượng Bồ Đề. Kinh Đại Niết Bàn này thuyết minh những pháp như vậy, đây gọi là lần lần càng sâu.

Hai là sâu khó đến đáy : Đức Như Lai Thế Tôn bất sanh bất diệt, chẳng được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng chuyển pháp luân, chẳng ăn chẳng thọ, chẳng thật hành bố thí, do đây nên đặng thường, lạc, ngã, tịnh.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Phật tánh này chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chẳng rời sắc, thọ, tưởng, hành, thức, là thường trụ có thể thấy; là liễu nhơn chẳng phải tác nhơn. Tu Đà Hoàn nhẫn đến Bích Chi Phật sẽ được Vô Thượng Bồ

Đề, cũng không phiền não cũng không trụ xứ, dầu không phiền não nhưng chẳng gọi là thường, do đây nên nói là sâu.

Trong kinh này hoặc có lúc nói là ngã, hoặc có lúc nói vô ngã, hoặc có lúc nói là thường, hoặc có lúc nói là vô thường, hoặc có lúc nói là tịnh, hoặc có lúc nói là bất tịnh, hoặc có lúc nói là lạc, hoặc có lúc nói là khổ, hoặc có lúc nói là không, hoặc có lúc nói là bất không, hoặc có lúc nói tất cả đều có, hoặc có lúc nói tất cả đều không, hoặc nói Nhị thừa hoặc nói Nhứt thừa, hoặc nói ngũ ấm tức là Phật tánh, là Kim Cang tam muội, là trung đạo, Thủ Lăng Nghiêm tam muội, mười hai nhơn duyên, đệ nhứt nghĩa không, từ bi bình đẳng đối với chúng sanh, đảnh trí, tín tâm, trí lực biết các căn, trí không chướng ngại đối với tất cả pháp, dầu có Phật tánh nhưng chẳng nói quyết định. Do đây nên gọi là rất sâu.

Ba là đồng một vị : Tất cả chúng sanh đồng có Phật tánh, đều đồng Nhứt thừa, đồng một giải thoát một nhơn một quả, đồng một cam lộ, tất cả đều sẽ được thường, lạc, ngã, tịnh, đây gọi là đồng một vị.

Bốn là thủy triều chẳng quá hạn : Như trong kinh này chế các Tỳ Kheo chẳng được lẫn chứa tám vật bất tịnh. Nếu đệ tử của ta có thể thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết phân biệt kinh Đại Niết Bàn này, thà chết chớ trọn chẳng hủy phạm, đây gọi là thủy triều chẳng quá hạn.

Năm là có nhiều thứ kho báu : Kinh này tức là kho báu vô lượng, nghĩa là Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, bát Thánh đạo, Anh Nhi Hạnh, Thánh Hạnh, Phạm Hạnh, Thiên Hạnh, những thiện phương tiện, Phật tánh của chúng sanh, công đức của Bồ Tát, công đức của Như Lai, công đức của Thanh Văn, công đức của Duyên Giác, lục Ba la mật, vô lượng tam muội, vô lượng trí huệ, đây gọi là những kho báu.

Sáu là chúng sanh thân to lớn ở trong đó : Vì chư Phật và Bồ Tát có trí huệ lớn nên gọi là chúng sanh lớn, vì thân lớn, vì tâm lớn, vì trang nghiêm lớn, vì điều phục lớn, vì phương tiện lớn, vì thuyết pháp lớn, vì thế lực lớn, vì đồ chúng lớn, vì thần thông lớn, vì từ bi lớn, vì thường chẳng biến đổi, vì tất cả chúng sanh thân không chướng ngại, vì dung thọ tất cả chúng sanh. Đây gọi là chỗ ở của những chúng sanh thân to lớn.

Bảy là chẳng chứa tử thi, tử thi là nói nhứt xiển đề phạm bốn tội trọng, năm tội vô gián, phỉ báng Đại thừa, tà pháp nói là chánh pháp, chánh pháp nói là tà pháp, nhận chứa tám thứ vật bất tịnh, tùy ý dùng vật của Phật, vật của Tăng, đối với Tỳ Kheo, với Tỳ Kheo Ni làm việc phi pháp, đây gọi là tử thi. Kinh Đại Niết Bàn này lìa những việc như vậy nên gọi rằng chẳng chứa tử thi.

Tám là chẳng thêm chẳng bớt, vì không ngằn mé, vì không thỉ chung, vì chẳng phải sắc, vì chẳng phải tạo tác, vì là thường trụ, vì chẳng sanh diệt, vì đều bình đẳng với tất cả chúng sanh, vì tất cả đồng một tánh Phật tánh, đây gọi là không thêm không bớt. Do đây nên kinh Đại Niết Bàn này có tám điều chẳng thể nghĩ bàn như biển cả kia.

(*) Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Nếu cho rằng Như Lai bất sanh bất diệt là thậm thâm đó, thời tất cả chúng sanh có bốn loài sanh : noãn, thai, thấp, hóa. Trong bốn loài sanh này thời loài người có đủ, như Tỳ Kheo Thi Bà La, Tỳ Kheo Ưu Bà Thi Bà La, mẹ của Trưởng giả Di Ca La, mẹ của Trưởng giả Ni Câu Đà, mẹ củaTrưởng giả Bán Xà La, mỗi người đều sanh năm trăm con trai đồng là noãn sanh. Do đây nên biết rằng trong loài người cũng có noãn sanh.

Trong loài người mà thấp sanh, như Phật từng nói rằng : Thuở trước lúc ta tu hạnh Bồ Tát làm Đảnh Sanh Vương và Thủ Sanh Vương, và như nay cô gái Am La, cô gái Ca Bất Ba, nên biết rằng trong loài người cũng có thấp sanh.

Thuở kiếp sơ tất cả chúng sanh đều là hóa sanh.

Đức Thế Tôn đã được tám thứ tự tại, do nhơn duyên gì mà chẳng hóa sanh ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh từ nơi bốn loài sanh mà sanh ra, khi đã được Thánh

(*) Hán bộ quyển thứ 33.

pháp thời chẳng được noãn sanh và thấp sanh như trước.

Này Thiện nam tử ! Chúng sanh thuở kiếp sơ, thảy đều hóa sanh, trong thời kỳ đó, không có Phật ra đời.

Này Thiện nam tử ! Nếu có chúng sanh lúc mang bịnh khổ thời cần thầy, cần thuốc, thuở kiếp sơ chúng sanh đều hóa sanh dầu có phiền não nhưng bịnh phiền não chưa phát, do đây nên đức Như Lai chẳng hiện ra đời. Lại chúng sanh thuở kiếp sơ, thân tâm của họ chẳng phải pháp khí, nên đức Như Lai chẳng hiện ra trong thời kỳ đó.

Này Thiện nam tử ! Phàm tất cả sự nghiệp của đức Như Lai đều hơn chúng sanh, như giòng họ, quyến thuộc, cha mẹ. Do hơn chúng sanh, nên chỗ thuyết pháp của Như Lai mọi người đều tin thọ. Do đây nên đức Như Lai chẳng hóa sanh.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh, hoặc là cha làm theo nghề nghiệp của con, hoặc là con làm theo nghề nghiệp của cha. Đức Như Lai nếu hóa sanh thời không có cha mẹ, nếu không có cha mẹ thời làm sao khiến tất cả chúng sanh thật hành những nghiệp lành. Do đây đức Như Lai chẳng hóa sanh.

Này Thiện nam tử ! Trong chánh pháp của Phật có hai thứ hộ trì : Một là nội, hai là ngoại. Nội hộ là giới cấm. Ngoại hộ là thân tộc, quyến thuộc. Nếu đức Như Lai hóa sanh thời không ngoại hộ. Do đây nên đức Như Lai chẳng hóa sanh.

Này Thiện nam tử ! Có người ỷ giòng họ mà sanh kiêu mạn. Vì phá sự kiêu mạn như vậy, nên đức Như Lai giáng sanh trong giòng họ cao sang, mà chẳng hóa sanh.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai có cha mẹ thật, cha là Vua Tịnh Phạn, mẹ là Hoàng hậu Ma Da, mà còn có chúng sanh nói rằng Như Lai là người huyễn hóa, như thế thời đâu nên hóa sanh.

Này Thiện nam tử ! Nếu Như Lai hóa sanh, thời làm thế nào có thân thể nát ra thành Xá Lợi. Đức Như Lai vì muốn cho chúng sanh tăng trưởng phước đức, nên nát rã thân thể mình thành Xá Lợi để cho chúng sanh cúng dường. Do đây nên đức Như Lai chẳng hóa sanh.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chư Phật đều không hóa sanh, thời làm sao ta lại riêng mình hóa sanh".

Sư Tử Hống Bồ Tát liền quì chấp tay nói kệ tán thán Phật :

Như Lai có vô lượng công đức
Tôi chẳng thể trình bày đủ hết
Nay vì chúng sanh nói một phần
Xin Phật xót thương cho tôi nói :
Chúng sanh đi trong tối vô minh
Chịu đủ vô biên trăm thứ khổ
Phật có thể khiến họ xa lìa
Nên đời gọi Phật là đại bi.
Chúng sanh đi trên dây sanh tử

Phóng dật mê hoang không an vui
Phật có thể ban cho an vui
Do đây dứt hẳn dây sanh tử.
Vì Phật cho chúng sanh an vui
Nên chẳng tham đắm vui của mình
Phật vì chúng sanh tu khổ hạnh
Nên trong đời đều cúng dường Phật.
Thấy người chịu khổ thân run rẩy
Nên ở địa ngục chẳng biết đau
Phật vì chúng sanh chịu khổ nhiều
Nên là vô lượng không ai hơn.
Phật vì chúng sanh tu khổ hạnh
Đầy đủ sáu môn Ba la mật
Ở trong gió tà tâm chẳng động
Nên hơn được Đại sĩ trong đời.
Chúng sanh thường muốn được an vui
Mà chẳng biết tu nhơn an vui
Phật có thể dạy bảo tu tập
Dường như cha lành thương con một.
Phật thấy chúng sanh khổ phiền não
Lòng khổ như mẹ lo con bịnh
Thường nghĩ những phương tiện lìa bịnh
Nên thân Phật hệ thuộc nơi người.
Tất cả chúng sanh làm điều khổ

Lòng họ điên đảo cho là vui
Phật diễn nói khổ vui chơn thật
Nên đời gọi Phật là đại bi.
Đời đều ở trong vỏ vô minh
Không có mỏ trí mổ lủng được
Mỏ trí của Phật mổ lủng được
Nên gọi Phật là mẹ lớn nhứt.
Chẳng bị nhiếp trì trong ba đời
Không có danh tự và hiệu giả
Hiểu biết nghĩa sâu của Niết Bàn
Nên gọi Phật là bực Đại giác.
Ba cõi xoay chuyển nhận chúng sanh
Vô minh mù lòa chẳng biết ra
Phật tự độ mình độ được người
Nên gọi Phật là đại Thuyền sư.
Biết rõ được tất cả nhơn quả
Cũng lại thông đạt đạo tịch diệt
Thường ban pháp dược cho chúng sanh
Nên đời gọi Phật là Y vương.
Ngoại đạo tà kiến nói khổ hạnh
Nhơn hạnh này được vui Vô thượng
Đức Phật diễn nói hạnh chơn lạc
Làm cho chúng sanh hưởng an vui.
Như Lai Thế Tôn phá đạo tà

Chỉ dạy chúng sanh đường chơn chánh.
Ai đi đường này được an vui
Nên đời gọi Phật là Đạo sư.
Chẳng phải mình và người làm ra
Chẳng phải chung làm vô nhơn làm
Đức Phật giảng nói những sự khổ
Đúng thật không như các ngoại đạo
Thành tựu đầy đủ giới định huệ
Cũng đem pháp này dạy chúng sanh
Đem pháp bố thí không lẫn tiếc
Phật hiệu là đấng vô duyên từ.
Không tạo tác cũng không nhơn duyên
Chứng đặng báo không nhơn không quả
Do đây tất cả bực trí giả
Khen nói đức Phật chẳng cầu báo.
Thường cùng thế gian hành phóng dật
Mà thân chẳng làm phóng dật hạnh
Nên gọi Phật là bất tư nghì
Tám pháp thế gian chẳng nhiễm ô.
Như Lai Thế Tôn không thân thù
Nên tâm của Phật thường bình đẳng
Tôi Sư Tử Hống, tán thán Phật
Rống như vô lượng sư tử rống.

XXIV

PHẨM CA DIẾP BỒ TÁT

Thứ hai mươi bốn

Ca Diếp Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Đức Như Lai thương xót tất cả chúng sanh. Có thể điều phục, kẻ chẳng điều phục, có thể thanh tịnh kẻ chẳng thanh thịnh, có thể quy y kẻ chẳng quy y, có thể giải thoát kẻ chưa giải thoát, được tám môn tự tại là bực đại Y Sư, đại Dược Vương.

Bạch Thế Tôn ! Thiện Tinh Tỳ Kheo là con trai của đức Phật lúc chưa xuất gia, sau khi làm Tỳ Kheo, Thiện Tinh thọ trì, đọc tụng, giải thuyết mười hai bộ kinh, phá kiết sử cõi Dục chứng được Tứ thiền. Tại sao đức Như Lai nói Thiện Tinh là hạng nhứt xiển đề, là người hạ tiện người không thể trị được phải ở nơi địa ngục cả kiếp. Cớ gì đức Như Lai chẳng trước diễn nói chánh pháp cho Thiện Tinh, để được làm Bồ Tát. Nếu đức Thế Tôn chẳng

cứu được Thiện Tinh Tỳ Kheo, thời đâu được gọi là có đại từ bi, có đại phương tiện ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Ví như cha mẹ chỉ có ba người con trai : Người trai thứ nhứt cung kính cha mẹ có lòng tin thuận, thông minh trí huệ có thể làm xong được sự nghiệp trong đời; người trai thứ hai không cung kính tin thuận cha mẹ, thông minh trí huệ có thể làm xong sự nghiệp trong đời; người trai thứ ba không cung kính tin thuận cha mẹ, ngu si vô trí.

Này Thiện nam tử ! Nếu lúc cha mẹ muốn dạy bảo điều gì, thời nên dạy đứa con nào trước, thân ái đứa con nào trước, nên bảo đứa nào làm sự nghiệp trước ?

- Bạch Thế Tôn ! Cha mẹ đó nên trước dạy bảo đứa con có lòng cung kính tin thuận thông minh trí huệ hiểu biết sự nghiệp trong đời, kế đến dạy bảo đứa thứ hai, rồi sau mới đến đứa con thứ ba. Hai đứa sau dầu không lòng cung kính tin thuận, nhưng vì xót thương nên cũng lần lượt dạy bảo.

- Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai cũng như vậy. Đứa con thứ nhứt dụ cho Bồ Tát, đứa giữa dụ cho hàng Thanh Văn, đứa thứ ba dụ cho hạng nhứt xiển đề.

Như trong khế kinh, những nghĩa lý vi tế ta đã trước giảng nói cho các vị Bồ Tát. Những nghĩa cạn cợt thời giảng nói cho hàng Thanh Văn. Những

nghĩa thế gian thời giảng nói cho hạng nhứt xiển đề phạm tội ngũ nghịch, dầu trong đời hiện tại họ không được lợi ích, nhưng cũng làm chủng tử lành cho đời sau.

Này Thiện nam tử ! Ví như ba hạng ruộng : Hạng thứ nhứt nước chảy lưu thông, không có ngói đá gai gốc, trồng một thâu được trăm. Hạng thứ hai dầu không ngói đá gai gốc, nhưng đường nước không được lưu thông nên hoa mầu kém ruộng trên phân nửa. Hạng thứ ba đường nước khó khăn lại nhiều ngói đá gai gốc cỏ mọc lan tràn trồng một chỉ thâu được một.

Này Thiện nam tử ! Đến mùa gieo trồng thời nông phu nên gieo trồng ruộng nào trước ?

- Bạch Thế Tôn ! Nông phu kia nên gieo trồng ruộng thứ nhứt trước, kế đến ruộng thứ hai, sau rốt đến ruộng thứ ba.

- Này Thiện nam tử ! Ruộng thứ nhứt dụ cho Bồ Tát, ruộng thứ hai dụ cho Thanh Văn, ruộng thứ ba dụ cho hạng nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Ví như ba cái chậu : Cái thứ nhứt nguyên vẹn, cái thứ hai rịn chảy, cái thứ ba bể. Nếu muốn đựng sữa, lạc, nước, tô, thời trước nên dùng chậu nào ?

- Bạch Thế Tôn ! Nên trước dùng chậu lành, kế dùng chậu nứt, sau rốt mới đến chậu bể.

- Này Thiện nam tử ! Chậu lành dụ cho Bồ Tát, chậu nứt dụ cho hàng Thanh Văn, chậu bể dụ hạng nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Như có ba người bịnh đồng đến y sĩ : Người thứ nhứt dễ trị, người thứ hai khó trị, người thứ ba không thể trị. Y sĩ nên trước trị cho người nào ?

- Bạch Thế Tôn ! Nên trị cho người dễ trước, kế đến người thứ hai, sau rốt đến người thứ ba, vì là hàng thân thuộc.

- Này Thiện nam tử ! Người bịnh dễ trị dụ cho Bồ Tát, người bịnh khó trị dụ cho Thanh Văn, người bịnh không thể trị dụ cho hạng nhứt xiển đề. Dầu hạng sau rốt này đối với chánh pháp không được quả lành trong đời hiện tại, nhưng vì xót thương nên đức Như Lai cũng gieo trồng chủng tử lành cho họ ở đời sau.

Này Thiện nam tử ! Ví như nhà vua có ba hạng ngựa : Hạng thứ nhứt điều thuận mạnh mẽ, hạng thứ hai không điều thuận nhưng mạnh mẽ, hạng thứ ba không điều thuận là già yếu. Lúc muốn cỡi, nhà vua nên cỡi hạng ngựa nào trước ?

- Bạch Thế Tôn ! Nhà vua nên trước cỡi hạng ngựa điều thuận mạnh mẽ, kế đến hạng thứ hai, sau cùng đến hạng thứ ba.

- Này Thiện nam tử ! Hạng điều thuận mạnh mẽ dụ cho Bồ Tát, hạng thứ hai dụ cho Thanh Văn,

hạng thứ ba dụ cho nhứt xiển đề. Dầu hạng sau rốt này không được lợi ích trong đời hiện tại, nhưng vì xót thương nên đức Như Lai vun trồng chủng tử lành đời sau cho họ.

Này Thiện nam tử ! Như lúc bố thí lớn có ba hạng người đến xin : Hạng thứ nhứt giòng sang thông minh giữ giới hiền lành, hạng thứ hai giòng trung lưu ngu tối nhưng cũng giữ giới hiền lành, hạng thứ ba giòng hạ tiện ngu tối phá giới hung ác.

Này Thiện nam tử ! Thí chủ kia nên bố thí cho hạng nào trước ?

- Bạch Thế Tôn ! Nên trước bố thí cho hạng thứ nhứt, kế đến hạng thứ hai, sau rốt đến hạng thứ ba.

- Này Thiện nam tử ! Hạng thứ nhứt dụ cho Bồ Tát, hạng thứ hai dụ cho Thanh Văn, hạng thứ ba dụ cho nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Như đại sư tử lúc giết hương tượng thời dùng hết sức lực, lúc giết thỏ cũng dùng hết sức lực chẳng khinh thường. Chư Phật cũng như vậy, lúc thuyết pháp cho chư vị Bồ Tát dụng công cũng như lúc thuyết pháp cho hạng nhứt xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Trước kia lúc ta ở thành Vương Xá, Thiện Tinh Tỳ Kheo làm thị giả. Đầu hôm ta nói pháp cho Thiên Đế Thích. Theo phép của thị giả, phải đi nằm sau thầy.

Lúc đó vì ta ngồi lâu nên Thiện Tinh sanh niệm ác bạch với ta rằng mau đi vào thiền thất quỉ Bạt Câu La đến kia kìa. Ta bảo Thiện Tinh, người là kẻ ngu si, ngươi chẳng biết rằng đức Như Lai là bực Vô sở úy ư !

Đế Thích hỏi ta rằng : Bạch Thế Tôn ! Hạng người như vậy mà cũng được vào trong Phật pháp ư ?

Ta nói với Thiên Đế : Hạng người ấy cũng đặng vào trong Phật pháp, họ cũng có Phật tánh sẽ chứng được Vô Thượng Bồ Đề.

Dầu ta vì Thiện Tinh mà thuyết pháp, nhưng Thiện Tinh vẫn không có lòng tin.

Này Thiện nam tử ! Lại có một lúc ta ở nước Ca Thi, thành Thi Bà Phú La, ta muốn vào thành khất thực. Vô lượng chúng sanh khao khát muốn thấy dấu chưn của ta. Thiện Tinh Tỳ Kheo theo hầu phía sau chà bỏ dấu chưn của ta, nhưng không chà mất được, lại làm cho chúng sanh có quan niệm chẳng lành.

Khi vào thành rồi, thấy trong nhà cất rượu có một Ni Kiền Tử ngồi xổm khum lưng ăn bã rượu.

Thiện Tinh bạch với ta rằng : Nếu trong đời có bực A La Hán thời người đó là hơn tất cả, vì người đó tuyên bố rằng không nhơn không quả. Ta bảo Thiện Tinh : Ngươi là người ngu si. Ngươi chẳng nghe rằng bực A La Hán chẳng uống rượu, chẳng

hại người, chẳng khi dối, chẳng trộm cướp, chẳng dâm dật ư ! Ni Kiền Tử đó giết hại cha mẹ, ăn bã rượu sao người nói là bực A La Hán. Người đó sau khi chết quyết định đọa địa ngục A Tỳ. Bực A La Hán dứt hẳn ba đường ác, sao ngươi gọi người đó là A La Hán.

Thiện Tinh liền nói : Tánh của tứ đại còn có thể chuyển đổi, quyết không có lẽ người đó đọa địa ngục A Tỳ.

Ta nói : Ngươi là người ngu si. Ngươi chẳng thường nghe rằng chư Phật luôn luôn nói lời thành thật ư ?

Dầu ta khuyên dạy Thiện Tinh, nhưng Thiện Tinh tuyệt không có lòng tin.

Này Thiện nam tử ! Có một lúc kia ta cùng Thiện Tinh ở thành Vương Xá, trong thành có một Ni Kiền Tử tên là Khổ Đắc. Người này thường tuyên bố rằng : Chúng sanh phiền não không nhơn không duyên, chúng sanh giải thoát cũng không nhơn không duyên.

Thiện Tinh bạch với ta rằng : Nếu trong đời có bực A La Hán thời ông Khổ Đắc là trên hết.

Ta nói ngươi là kẻ ngu si. Ni Kiền Tử Khổ Đắc thiệt chẳng phải A La Hán chẳng hiểu được đạo A La Hán.

Thiện Tinh nói rằng : Tại sao bực A La Hán lại tật đố với A La Hán ?

Ta nói ngươi là người ngu. Ta chẳng sanh tật đố với A La Hán, chính là người tự sanh quan niệm ác tà. Nếu người nói Khổ Đắc là A La Hán, thời ông nên nghe đây, bảy ngày sau Khổ Đắc sẽ bị trúng thực đau bụng mà chết, chết rồi sẽ sanh trong loài quỉ ăn đồ ói mửa khạc nhổ của người. Bạn đồng học sẽ mang thây của Khổ Đắc bỏ trong rừng Tha Ma.

Thiện Tinh liền đem lời này thuật lại với Khổ Đắc rồi bảo Khổ Đắc rằng : Trưởng lão nên khéo tư duy, tu tập phương tiện, làm cho lời ông Cù Đàm thành vọng ngữ.

Sau khi nghe Thiện Tinh nói, Khổ Đắc liền đoạn thực, từ một ngày đến ngày thứ sáu, nhịn đói đủ bảy ngày, Khổ Đắc bèn ăn đường đen, rồi uống nước lã, đau bụng mà chết. Bạn của Khổ Đắc liền mang thi hài bỏ trong rừng Tha Ma, Khổ Đắc sanh làm quỉ đói ăn đồ ói mửa, quanh quẩn ở bên tử thi.

Thiện Tinh hay được việc này liền đến trong rừng Tha Ma, thấy Khổ Đắc thọ thân quỉ đói, ở bên tử thi ngồi xổm khum lưng. Thiện Tinh hỏi quỉ đói : Đại Đức đã chết rồi ư ?

Khổ Đắc đáp : Tôi đã chết.

- Tại sao mà chết ?

- Vì đau bụng mà chết.

- Ai mang thây Đại Đức ra đây ?

- Bạn học của tôi.

- Mang thây bỏ chỗ nào ?

- Ông là người ngu ! Ông há chẳng biết rằng đây là rừng Tha Ma ư !

- Đại Đức thọ thân gì ?

- Tôi mang lấy thân quỉ ăn đồ ói mửa. Ông nên nghe kỹ ! Lời nói của đức Như Lai, là lời lành, lời chơn thật, lời phải thời, lời đúng nghĩa, lời đúng pháp. Sao ông lại chẳng tin lời chơn thật của Như Lai. Nếu có kẻ nào chẳng tin lời nói chơn thật của Như Lai thời kẻ đó cũng sẽ phải thọ lấy thân như tôi.

Thiện Tinh trở về bạch với ta rằng : "Thế Tôn ! Ni Kiền Tử Khổ Đắc sau khi chết được sanh lên cõi Trời Đao Lợi.

Ta nói : Này người ngu ! Bực A La Hán là bực Vô sanh, sao người lại nói Khổ Đắc được sanh lên cõi trời Đao Lợi ?

Thiện Tinh bạch rằng : Thế Tôn ! Ni Kiền Tử Khổ Đắc thiệt chẳng sanh lên cõi trời, hiện nay đương thọ thân quỉ đói.

Ta nói : Này người ngu ! Lời của chư Phật là lời thành thật, không bao giờ nói sai.

Thiện Tinh liền bạch rằng : "Dầu lúc đó đức Như Lai nói như vậy, nhưng tôi trọn không có lòng tin".

Này Thiện nam tử ! Ta cũng thường thuyết pháp cho Thiện Tinh Tỳ Kheo, mà Thiện Tinh tuyệt đối không có lòng tin thuận.

Này Thiện nam tử ! Dầu Thiện Tinh đọc tụng mười hai bộ kinh, chứng được Tứ thiền, nhưng chẳng hiểu nghĩa một kệ một câu nhẫn đến một chữ. Vì gần gũi bạn ác nên mất Tứ thiền, sanh kiến chấp tà ác mà nói rằng không Phật, không Pháp, không có Niết Bàn. Sa Môn Cù Đàm giỏi tướng số nên có thể biết được tâm niệm của người.

Ta bảo Thiện Tinh : "Những pháp của ta giảng nói : Ban đầu, chặng giữa, rốt sau, điều lành, lời khéo, nghĩa chánh, không xen tạp, thành tựu đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh.

Thiện Tinh lại nói rằng : Dầu đức Như Lai vì tôi mà thuyết pháp, nhưng tôi vẫn nói quyết rằng không nhơn không quả.

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Này Thiện nam tử ! Nếu ông chẳng tin những việc như vậy, nay Thiện Tinh ở gần sông Ni Liên Thiện, ta cùng ông có thể đến đó để hỏi".

Liền đó đức Như Lai cùng Ca Diếp Bồ Tát đến chỗ Thiện Tinh Tỳ Kheo.

Thiện Tinh thấy Phật từ xa đi đến liền sanh tâm tà ác. Do tâm ác này, hiện thân đọa vào địa ngục A Tỳ.

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : "Này Thiện nam tử ! Thiện Tinh dầu vào trong Phật pháp vô lượng công đức, nhưng trọn không đẳng mảy mún lợi ích, đó là vì phóng dật, vì gần bạn ác.

Ví như có người dù vào biển lớn thấy nhiều châu báu, nhưng vì phóng dật nên không được của báu.

Lại như người vào biển thấy châu báu, hoặc tự giết mình chết, hoặc bị ác quỉ giết chết. Cũng vậy, Thiện Tinh dầu vào trong Phật pháp nhưng bị bạn ác giết hại.

Này Thiện nam tử ! Do đây nên đức Như Lai xót thương thường bảo rằng Thiện Tinh phóng dật quá nhiều.

Này Thiện nam tử ! Nếu là người trước kia nghèo cùng, với người này dầu có xót thương nhưng lòng thương không nhiều lắm. Nếu là người trước kia giàu lớn, về sau suy sụp nghèo cùng với người này, lòng xót thương sâu đậm hơn.

Thiện Tinh Tỳ Kheo cũng như vậy, đã thọ trì, đọc tụng mười hai bộ kinh, chứng đặng Tứ thiền, rồi để thối thất rất đáng xót thương. Do đây nên ta nói Thiện Tinh phóng dật quá nhiều nên dứt mất những căn lành. Hàng đệ tử của ta người nào nghe thấy việc này đều sanh lòng xót thương sâu đậm đối với Thiện Tinh Tỳ Kheo.

Từ nhiều năm ta thường cùng Thiện Tinh Tỳ Kheo gần gũi nhau, mà Thiện Tinh tự sanh lòng tà ác, chẳng bỏ ác kiến.

Này Thiện nam tử ! Từ xưa ta thấy Thiện Tinh có chút ít căn lành như lông tóc, trọn chẳng huyền ký Thiện Tinh là dứt tuyệt căn lành, là hạng hạ tiện nhứt xiển đề phải đọa địa ngục. Bởi Thiện Tinh tuyên bố rằng không nhơn không quả, không có tạo nghiệp, do đây nên ta huyền ký Thiện Tinh là hạng nhứt xiển đề hạ tiện dứt hẳn căn lành phải đọa địa ngục cả kiếp.

Này Thiện nam tử ! Như có người té chìm trong hầm phẩn, có bạn lành đưa tay mò đó, nếu nắm đặng đầu tóc, bèn muốn kéo lên, mò lâu chẳng được mới có tâm niệm thôi vớt. Cũng vậy, ta tìm chút ít căn lành nơi Thiện Tinh để cứu vớt, nhưng trọn ngày tìm cầu mà chẳng được mảy lông tóc căn lành, do đây nên chẳng cứu được tội đọa địa ngục của Thiện Tinh".

Ca Diếp Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Đức Như Lai cớ gì huyền ký Thiện Tinh sẽ đọa địa ngục A Tỳ ?".

- Này Thiện nam tử ! Thiện Tinh Tỳ Kheo có quyến thuộc đông, đều cho rằng Thiện Tinh đã chứng được đạo quả A La Hán. Vì ta muốn phá tâm niệm tà ác của họ nên huyền ký Thiện Tinh do phóng dật phải đọa địa ngục.

Này Thiện nam tử ! Ông nên biết rằng lời nói của Như Lai là lời chơn thật không sai. Nếu Phật huyền ký sẽ đọa địa ngục, thời chẳng bao giờ không đọa.

Hàng Thanh Văn,Duyên Giác huyền ký thời có hai thứ hoặc đúng, hoặc chẳng đúng. Như Mục Kiền Liên bảo người nước Ma Già Đà sau bảy ngày trời sẽ mưa, đến kỳ trời trọn chẳng mưa. Có lúc ông dự ký bò cái sẽ đẻ bò con trắng, đến lúc sanh sản lại đẻ bò con vá. Ông ấy dự ký sanh trai, về sau lại sanh con gái.

Này Thiện nam tử ! Thiện Tinh thường tuyên bố với vô lượng chúng sanh rằng tất cả đều không có quả lành quả dữ, do đó dứt hẳn tất cả căn lành không còn mảy mún như lông tóc.

Từ lâu ta biết rõ Thiện Tinh sẽ dứt mất căn lành, ta vẫn cố ý cùng Thiện Tinh ở chung cả hai mươi năm. Vì nếu ta không ở gần Thiện Tinh, thời Thiện Tinh sẽ khuyên bảo vô lượng chúng sanh tạo những nghiệp ác. Đây gọi là trí lực thứ năm của đức Như Lai".

- Bạch Thế Tôn ! Hạng nhứt xiển đề do nhơn duyên gì mà không có pháp lành ?

- Này Thiện nam tử ! Vì hạng nhứt xiển đề dứt căn lành. Chúng sanh đều có năm căn : Tín, tấn, niệm, định và huệ, mà hạng nhứt xiển đề dứt hẳn căn lành này. Do nghĩa đây nên giết hại con kiến còn mắc phải tội sát sanh, nhưng giết hại hạng nhứt xiển đề không mắc tội sát sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Vì nhứt xiển đề trọn không pháp lành nên gọi là nhứt xiển đề ư ?

- Đúng như vậy !

- Bạch Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh có ba thứ pháp lành : Quá khứ, vị lai và hiện tại. Hạng nhứt xiển đề không thể dứt được pháp lành đời vị lai, sao lại nói rằng dứt hết pháp lành gọi là nhứt xiển đề.

- Này Thiện nam tử ! Luận về sự dứt có hai thứ : Một là hiện tại dứt, hai là hiện tại chướng ngại vị lai. Hạng nhứt xiển đề đủ cả hai thứ này nên ta nói rằng nhứt xiển đề dứt hết căn lành.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người té chìm trong hầm phẩn, dầu còn một sợi tóc chưa chìm, nhưng một sợi tóc không thể kéo nổi toàn thân. Hạng nhứt xiển đề cũng như vậy, dầu đời vị lai sẽ có căn lành nhưng không thể cứu được khổ địa ngục. Đời vị lai dầu có thể cứu khỏi, nhưng đời hiện tại không thể làm sao được. Do đây nên gọi là kẻ không thể cứu vớt.

Do Phật tánh làm nhơn duyên thời cứu vớt được, vì Phật tánh chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai chẳng phải hiện tại, nên Phật tánh không bị dứt mất.

Như hột mục hư thời không thể mọc mộng, hạng nhứt xiển đề cũng như vậy.

- Bạch Thế Tôn ! Hạng nhứt xiển đề chẳng dứt Phật tánh, Phật tánh là pháp lành, tại sao nói rằng dứt tất cả pháp lành ?

Này Thiện nam tử ! Nếu chúng sanh nào trong đời hiện tại có Phật tánh thời chẳng được gọi là nhứt xiển đề. Như ngã tánh trong thế gian. Phật tánh là thường chẳng thuộc về ba đời. Nếu thuộc về ba đời thời gọi là vô thường. Vì đời vị lai sẽ thấy Phật tánh, nên nói rằng chúng sanh đều có Phật tánh. Do nghĩa này nên bực Thập trụ Bồ Tát trang nghiêm đầy đủ công hạnh mới thấy được phần ít.

- Bạch Thế Tôn ! Phật tánh là thường dường như hư không, tại sao đức Như Lai nói rằng vị lai ?

Nếu đức Như Lai nói rằng hạng nhứt xiển đề không có pháp lành, lẽ đâu hạng này không có lòng thương tưởng đối với bạn bè, cha mẹ, vợ con, thân quyến. Nếu họ có lòng thương tưởng thời lòng thương này chẳng phải là lành ư ?

- Lành thay ! Lành thay ! Lời ông hỏi rất hay Phật tánh dường như hư không, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Tất cả chúng sanh có ba thứ thân : Thân quá khứ, thân vị lai, thân hiện tại. Đời vị lai chúng sanh trang nghiêm đầy đủ thân thanh tịnh thấy được Phật tánh, nên ta nói rằng Phật tánh đời vị lai.

Này Thiện nam tử ! Ta vì chúng sanh có lúc hoặc nói nhơn là quả, có lúc hoặc nói quả là nhơn, do đây nên trong kinh nói rằng mạng căn là ăn

uống, thấy sắc là chạm xúc. Vì thân đời vị lai thanh tịnh nên nói Phật tánh.

- Bạch Thế Tôn ! Như ý nghĩa của đức Phật nói như vậy, sao lại nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh ?

- Này Thiện nam tử ! Dầu Phật tánh hiện tại không, nhưng chẳng được nói rằng chúng sanh không Phật tánh. Như tánh hư không kia, dầu không hiện tại mà chẳng được nói là không. Dầu tất cả chúng sanh là vô thường, còn Phật tánh là thường trụ không biến đổi, do đây nên trong kinh ta nói rằng Phật tánh của chúng sanh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, dường như hư không. Nếu có trong có ngoài thời chẳng được gọi là duy nhứt, là thường trụ, cũng chẳng được gọi là tất cả chỗ đều có. Dầu hư không chẳng phải trong chẳng phải ngoài nhưng tất cả chúng sanh đều có, Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy.

Ông nói rằng hạng nhứt xiển đề có pháp lành đó, lời này không đúng nghĩa. Vì hạng nhứt xiển đề tất cả hành động nói năng đều là tà nghiệp, vì họ chẳng tin chẳng cầu nhơn quả. Như gốc, cây, nhánh, lá, bông, hột, trái A Lê Lặc đều đắng, tất cả hành nghiệp của nhứt xiển đề cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai thành tựu đầy đủ tri chư căn trí lực, do đây nên biết rõ căn tánh

thượng, trung, hạ của tất cả chúng sanh : Biết rõ rằng người này từ bực hạ lên bực trung, biết rõ rằng người này từ bực trung lên bực thượng, biết rõ rằng người này từ bực thượng thành bực trung, biết rõ rằng người này từ bực trung thành bực hạ. Do đây nên biết rằng căn tánh của chúng sanh không quyết định. Vì không quyết định nên hoặc đã dứt căn lành rồi trở lại sanh căn lành. Nếu căn tánh của chúng sanh là quyết định thời trọn không có đã dứt mà lại sanh, cũng chẳng nên nói rằng hạng nhứt xiển đề đọa địa ngục một kiếp.

Này Thiện nam tử ! Do đây nên đức Như Lai nói rằng tất cả pháp không có tướng quyết định.

- Bạch Thế Tôn ! Đức Như Lai đầy đủ tri chư căn trí lực, biết chắc rằng Thiện Tinh sẽ dứt mất căn lành, tại sao lại cho Thiện Tinh xuất gia ?

- Này Thiện nam tử ! Thuở ta mới xuất gia, em ta là Nan Đà, em họ là A Nan và Đề Bà Đạt Đa, con trai ta là La Hầu La, những người đó đều theo ta xuất gia tu hành. Nếu ta chẳng cho Thiện Tinh xuất gia, thời Thiện Tinh sẽ nối ngôi vua có quyền thế sẽ phá hoại Phật Pháp, do đó nên ta cho Thiện Tinh xuất gia.

Này Thiện nam tử ! Nếu Thiện Tinh chẳng xuất gia cũng dứt mất căn lành trong vô lượng đời đều không lợi ích. Nay đã xuất gia dầu mất căn lành, nhưng có thể

trì giới, cung kính, cúng dường bực đức hạnh, tu tập Sơ thiền nhẫn đến Tứ thiền, những điều này gọi là nhơn lành, nhơn lành này có thể sanh pháp lành, pháp lành đã sanh thời có thể tu tập đạo hạnh, đã có thể tu tập đạo hạnh thời có thể được Vô Thượng Bồ Đề, do đây nên ta cho Thiện Tinh xuất gia.

Nếu ta chẳng cho Thiện Tinh xuất gia thọ giới, thời ta chẳng được gọi là Như Lai Thế Tôn đầy đủ mười trí lực.

Này Thiện nam tử ! Đức Phật quán sát chúng sanh đủ cả pháp lành và pháp chẳng lành. Vì những người này dầu đủ hai pháp như vậy, nhưng chẳng bao lâu sẽ dứt mất tất cả căn lành mà đủ cả pháp chẳng lành. Vì những chúng sanh này chẳng gần gũi bạn lành, chẳng nghe chánh pháp, chẳng khéo tư duy, chẳng thật hành đúng pháp, do đây nên sẽ dứt mất căn lành.

Đức Như Lai lại biết người này hiện đời hoặc đời vị lai, lúc trẻ hoặc lúc già, sẽ gần gũi bạn lành được nghe chánh pháp, thời có thể sanh căn lành trở lại.

Ví như có khe suối gần xóm làng, nước suối ngọt ngon đủ tám công đức. Có người nóng nảy khát nước muốn đến khe suối, người trí quyết định biết rằng người khát này sẽ đến bên nước, vì không còn con đường nào khác. Đức Như Lai quán sát

chúng sanh cũng như vậy. Do đây nên Như lai gọi là có đủ tri chư căn trí lực.

Đức Thế Tôn lấy chút đất để trên móng tay rồi bảo Ca Diếp Bồ Tát rằng : "Đất này nhiều hay đất nơi mười phương thế giới nhiều ?".

- Bạch Thế Tôn ! Đất dính trên móng tay đâu có thể sánh với đất trong mười phương thế giới !

- Này Thiện nam tử ! Có người đã chết trở lại được thân người, bỏ thân trong ba đường ác mà được thân người, căn thân đầy đủ, sanh nơi trung quốc, có đủ chánh tín, có thể tu tập đạo hạnh, có thể tu tập chánh đạo, có thể được giải thoát, có thể nhập Đại Niết Bàn. Được những điều trên đây thật là hy hữu như số lượng đất trên móng tay.

Bỏ thân người mang thân ba đường ác, bỏ thân ba đường ác trở lại thọ thân ba đường ác, thân căn chẳng đầy đủ, sanh nơi biên địa, tà kiến điên đảo, thật hành đạo tà, chẳng được giải thoát, chẳng được Niết Bàn, những hạng này đông nhiều như số lượng đất trong mười phương thế giới.

Này Thiện nam tử ! Người hộ trì cấm giới tinh tấn chẳng biếng trễ, chẳng phạm bốn tội trọng, chẳng gây năm tội nghịch, chẳng lạm dụng vật của Tăng, chẳng dứt căn lành, chẳng làm nhứt xiển đề, tin thọ kinh điển Đại Niết Bàn này, những người đây rất hy hữu như lượng số đất trên móng tay.

Người lười biếng phá giới, phạm bốn tội trọng, gây năm tội nghịch, lạm dụng của Tăng, làm nhứt nhứt xiển đề dứt mất căn lành, chẳng tin kinh Niết Bàn này, số lượng đông nhiều như đất trong mười phương thế giới.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai biết rõ căn tánh thượng, trung, hạ của chúng sanh như vậy nên gọi là đầy đủ tri chư căn trí lực.

Bạch Thế Tôn ! Đức Như Lai có đủ tri chư căn trí lực như vậy, nên biết rõ căn tánh thượng, trung hạ của tất cả chúng sanh, biết rõ căn tánh của chúng sanh đời hiện tại, cũng biết rõ căn tánh của chúng sanh đời vị lai, biết rõ những chúng sanh này sau khi Phật nhập diệt sẽ nói rằng đức Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn, hoặc nói rằng đức Như Lai không rốt ráo nhập Niết Bàn, hoặc nói có ngã, hoặc nói không ngã, hoặc cho rằng có trung ấm, hoặc không trung ấm, hoặc nói có thối thất, hoặc không thối thất, hoặc nói thân Như Lai là hữu vi, hoặc nói là vô vi, hoặc có kẻ nói mười hai nhơn duyên là pháp hữu vi, hoặc nói là pháp vô vi, hoặc nói tâm là thường trụ, hoặc nói tâm là vô thường, hoặc có người nói hưởng vui ngũ dục thời hay chướng Thánh đạo, hoặc nói chẳng chướng ngại, hoặc có kẻ nói thế đệ nhứt chỉ thuộc về cõi Dục hoặc nói thuộc về cả ba cõi, hoặc nói bố thí chỉ thuộc nơi ý nghiệp, hoặc nói bố thí thuộc nơi ngũ ấm, hoặc

nói có ba pháp vô vi, hoặc nói không ba pháp vô vi, hoặc nói có tạo sắc, hoặc nói không tạo sắc, hoặc nói có vô tác sắc, hoặc nói không vô tác sắc, hoặc nói có tâm sở, hoặc nói không tâm sở; hoặc nói có năm đại chủng, hoặc nói có sáu đại chủng; hoặc nói giới Ưu Bà Tắc thọ đầy đủ Bát quan trai, hoặc nói chẳng thọ được đầy đủ; hoặc nói Tỳ Kheo đã phạm tội tứ trọng mà giới Tỳ Kheo vẫn còn, hoặc nói chẳng còn; hoặc nói bực Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, đều được thành Phật, hoặc nói chẳng được thành ; hoặc nói chính nơi chúng sanh có Phật tánh, hoặc nói rời chúng sanh có Phật tánh; hoặc nói hạng nhứt xiển đề phạm bốn tội trọng, năm tội nghịch đều có Phật tánh, hoặc nói không có Phật tánh; hoặc nói có chư Phật mười phương, hoặc nói không có chư Phật mười phương.

Đức Như Lai thành tựu đầy đủ tri chư căn trí lực như vậy, tại sao hôm nay chẳng nói quyết định ?

Này Thiện nam tử ! Những nghĩa như vậy chẳng phải là nhãn thức biết được nhẫn đến chẳng phải là ý thức biết được, đây là chỗ biết của trí huệ. Nếu với người có trí huệ, thời ta trọn chẳng nói phân hai, người trí này cũng cho rằng Phật chẳng nói phân hai. Với người vô trí thời ta nói bất định, người vô trí này cũng cho rằng Phật nói bất định.

Này Thiện nam tử ! Tất cả công hạnh lành của Như Lai đều vì điều phục chúng sanh. Như tất cả

phương thuốc của lương y đều để chữa trị những bịnh khổ.

Này Thiện nam tử ! Vì quốc độ, vì thời tiết, vì ngôn ngữ của người, vì độ người, vì căn tánh sai khác, nên đức Như Lai ở trong một pháp mà nói phân hai, nơi một danh từ nói thành vô lượng danh từ, nơi trong một nghĩa nói thành vô lượng, nơi trong vô lượng nghĩa nói thành vô lượng.

Thế nào là một danh từ nói thành vô lượng danh từ ? Như Niết Bàn, cũng gọi là Niết Bàn, là vô sanh, là vô xuất, là vô tác, là vô vi, là quy y, là nhà cửa, là giải thoát, là quang minh, là đèn sáng, là bờ kia, là vô úy, là bất thối, là chỗ an ổn, là tịch tịnh, là vô tướng, là bất nhị, là nhứt hạnh, là thanh lương, là không tối tăm, là không chướng ngại, là vô tránh, là vô trược, là quảng đại, là cam lộ, là cát tường.

Thế nào là một nghĩa nói thành vô lượng ? Như Đế Thích, cũng gọi là Đế Thích, cũng gọi là Kiều Thi Ca, là Bà Ta Bà, là Phú Lan Đà La, là Ma Pháp Bà, là Nhơn Đà La, là Thiên Nhãn, là Xá Chỉ Thiên, là Kim Cang, là Bửu Đảnh, là Bửu Tràng.

Thế nào là nơi vô lượng nghĩa nói thành vô lượng ? Như Phật Như Lai cũng gọi là Như Lai, vì nghĩa khác nên tên cũng khác, gọi là A La Ha, cũng gọi là Tam Miệu Tam Phật Đà, cũng gọi là Thuyền Sư, cũng gọi là Đạo Sư, là Chánh Giác, là Minh Hạnh Túc, là Sư Tử

Vương, là Sa Môn, là Bà La Môn, là Tịch Tịnh, là Thí Chủ, là Đáo Bĩ Ngạn, là Đại Y Vương, là Đại Tượng Vương, là Đại Long Vương, là Thí Nhãn, là Đại Lực Sĩ, là Đại Vô Úy, là Bửu Tự, là Thượng Chủ, là Đắc Thoát, là Đại Trượng Phu, là Thiên Nhơn Sư, là Đại Vân Đà Lợi, là Vô Đẳng Lữ, là Đại Phước Điền, là Trí Huệ Hải, là Vô Tướng, là Bát Trí.

Lại có một nghĩa mà nói thành vô lượng danh từ, như ấm, cũng gọi là ấm, cũng gọi là điên đảo, là đế, là tứ niệm xứ, là tứ thực, là chỗ ở của tứ thức, là hữu, là đạo, là thời, là chúng sanh, là thế, là đệ nhứt nghĩa, là ba pháp tu : thân, giới và tâm, là nhơn quả, là phiền não, là giải thoát, là mười hai nhơn duyên, là Thanh Văn, là Bích Chi Phật, là Phật, là địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, nhơn, Thiên, là quá khứ, hiện tại, vị lai.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai vì chúng sanh nên trong rộng mà nói lược, trong lược mà nói rộng, nơi đệ nhứt nghĩa đế nói thành thế đế, nơi thế đế nói thành đệ nhứt nghĩa đế.

Thế nào là trong rộng mà nói lược ? Như ta bảo các Tỳ Kheo : Hôm nay ta giảng nói mười hai nhơn duyên. Thế nào gọi là mười hai nhơn duyên ?

Chính là nhơn quả.

Thế nào gọi là trong lược mà nói rộng ? Như ta bảo các Tỳ Kheo : Hôm nay ta giảng nói khổ, tập,

diệt, đạo. Khổ là vô lượng sự khổ, tập là vô lượng phiền não, diệt là vô lượng giải thoát, đạo là vô lượng phương tiện.

Thế nào gọi là nơi đệ nhứt nghĩa đế nói là thế đế ? Như ta bảo các Tỳ Kheo. Thân của ta đây có già, bịnh, chết.

Thế nào gọi là nơi thế đế nói là đệ nhứt nghĩa đế ? Như ta bảo Kiều Trần Như : Vì ông đắc pháp nên gọi là A Nhã Kiều Trần Như.

Do vì tùy theo người, tùy theo ý, tùy theo thời như vậy, nên gọi đức Như Lai có đủ tri chư căn trí lực.

Này Thiện nam tử ! Đối với những nghĩa như vậy nếu ta nói quyết định thời ta chẳng được gọi là đức Như Lai có đủ tri chư căn trí lực. Người có trí biết rằng chỗ mang chở của hương tượng chẳng phải lừa ngựa mang nổi. Tất cả chúng sanh có vô lượng hành nghiệp, nên đức Như Lai vì họ mà nói vô lượng pháp, đó là do vì chúng sanh có vô lượng phiền não. Nếu đức Như Lai nói một hạnh một pháp thời chẳng gọi là đức Như Lai có đủ tri chư căn trí lực. Do đây nên trong các kinh khác ta nói rằng có năm hạng chúng sanh chẳng nên vì họ nói năm thứ pháp : Vì người chẳng có lòng tin thời chẳng tán thán Chánh tín ; vì người phá giới cấm thời chẳng tán thán Trì giới ; vì người xan tham thời chẳng tán thán Bố thí ; vì người giải đãi thời

chẳng tán thán Đa văn ; vì người ngu si thời chẳng tán thán Trí huệ. Nếu người trí vì năm hạng này mà nói năm việc trên đây, thời nên biết rằng người thuyết pháp này chẳng có đủ tri chư căn trí lực, cũng chẳng được gọi là thương xót chúng sanh. Vì năm hạng này nếu nghe giảng nói năm điều trên đây thời họ sẽ sanh lòng nghi, lòng ác, lòng sân hận, mà phải chịu quả báo khổ trong vô lượng đời. Do đây nên trước kia trong các kinh khác ta bảo Xá Lợi Phất rằng : Ông phải cẩn thận chớ vì người lợi căn mà rộng thuyết pháp, chớ vì người độn căn mà lược thuyết pháp. Xá Lợi Phất bạch rằng tôi chỉ vì thương xót mà thuyết pháp, chẳng phải là có đủ tri chư căn trí lực mà thuyết pháp.

Này Thiện nam tử ! Thuyết pháp hoặc rộng hoặc lược là cảnh giới của Phật, chẳng phải hàng Thanh Văn và Duyên Giác biết được.

Này Thiện nam tử ! Như ông nói rằng sau khi Phật nhập Niết Bàn hàng đệ tử đều nói khác nhau, những người đó đều vì điên đảo nên chẳng được chánh kiến, chẳng thể lợi mình lợi người.

Này Thiện nam tử ! Chúng sanh chẳng phải chỉ có một tánh, một hạnh, một căn, một quốc độ, một Thiện tri thức. Do đây nên đức Như Lai vì chúng sanh mà tuyên nói nhiều pháp yếu. Do nhơn duyên này nên chư Phật trong mười phương ba đời vì chúng sanh mà khai thị diễn thuyết mười hai bộ kinh.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai nói mười hai bộ kinh đây chẳng phải để lợi cho mình mà chỉ vì lợi ích cho người, nên trí lực thứ năm của Như Lai gọi là giải lực. Do hai trí lực này nên đức Như Lai biết rõ người này hiện tại có thể dứt căn lành người này đời sau có thể dứt căn lành, người này hiện tại có thể được giải thoát, người này đời sau có thể được giải thoát, do đây nên đức Như Lai được là Vô thượng Lực sĩ.

Này Thiện nam tử ! Nếu nói rằng đức Như Lai rốt ráo nhập Niết Bàn, hoặc nói chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn, những người này chẳng hiểu ý của Như Lai nên nói những lời như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trong núi Hương Sơn có năm mươi ba ngàn vị Tiên nhơn, những vị này đã tu tập công đức nơi đức Phật Ca Diếp thuở quá khứ, họ chưa được chánh đạo, chưa được gần gũi Phật để nghe chánh pháp. Vì muốn độ những vị Tiên nhơn này nên đức Như Lai bảo A Nan rằng ba tháng sau ta sẽ nhập Niết Bàn. Chư Thiên truyền lời này đến núi Hương Sơn. Các vị Tiên nhơn nghe tin Phật sắp nhập Niết Bàn bèn sanh lòng hối hận mà bảo nhau rằng tại sao chúng ta được sanh trong nhơn đạo mà chẳng được gần gũi Phật. Chư Phật ra đời rất khó gặp như hoa Ưu Đàm. Nay chúng ta nên đến ra mắt đức Thế Tôn để được nghe chánh pháp.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó năm mươi ba ngàn Tiên nhơn liền đến ra mắt ta. Ta bèn theo cơ của

họ mà thuyết pháp : Này các Đại sĩ ! Sắc là vô thường, vì nhơn duyên của sắc là vô thường. Đã từ nhơn vô thường mà sanh thời sắc đâu phải là thường trụ. Như sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Các Tiên nhơn sau khi nghe pháp yếu trên đây tất cả đều chứng được quả A La Hán.

Này Thiện nam tử ! Trong thành Câu Thi Na Kiệt có ba mươi muôn lực sĩ tự thị sức mạnh của mình ngạo nghễ không chịu tùng phục ai.

Vì muốn điều phục các lực sĩ này nên ta bảo Mục Liên đến điều phục các lực sĩ ấy. Lúc đó Mục Kiền Liên tuân lịnh ta, trọn năm năm giáo hóa nhiều cách, nhưng chẳng thể điều phục được một lực sĩ. Do đây nên ta bảo A Nan rằng sau ba tháng đức Phật sẽ nhập Niết Bàn.

Các lực sĩ nghe được tin này bèn họp nhau sửa sang đường sá.

Đến ngày ta từ nước Tỳ Xá Ly đến thành Câu Thi Na. Giữa đường thấy các lực sĩ, ta liền hóa thân làm vị Sa Môn hỏi các lực sĩ rằng : Bọn đồng tử kia làm việc gì thế ? - Các lực sĩ đều nổi giận nói rằng : "Này Sa Môn ! Tại sao ông gọi chúng ta là đồng tử ?".

- Ta bảo các lực sĩ bọn ngươi đến ba mươi muôn người mà không đủ sức dời nổi hòn đá nhỏ nhít này, nên ta gọi là đồng tử đâu phải lời quá đáng.

- Các lực sĩ nói nếu ông gọi chúng ta là đồng tử, thời ông phải là bực Đại nhơn.

- Này Thiện nam tử ! Lúc đó ta dùng hai ngón chơn hất văng hòn đá ấy. - Các lực sĩ thấy như vậy liền hết khinh ngạo mà nói rằng : Này Sa Môn ! Nay ông có thể dời hòn đá này ra khỏi đường chăng ? - Ta nói này các đồng tử ! Do nhơn duyên gì mà các người sửa sang con đường này ?

- Các lực sĩ nói : Này Sa Môn ! Đức Thích Ca Như Lai sẽ do con đường này đi đến rừng Ta La mà nhập Niết Bàn, nên chúng ta họp nhau lại sửa sang.

- Ta khen rằng : Lành thay ! Các đồng tử đã phát tâm tốt như vậy, ta sẽ dời hòn đá này cho các ông.

Nói xong ta liền lấy tay bưng hòn đá dồi lên giữa hư không. Các lực sĩ kinh hãi muốn chạy tránh. Ta liền bảo họ rằng : Các ngươi chẳng nên kinh sợ ! Rồi ta lấy tay hứng bắt hòn đá để trên bàn tay mặt.

- Các lực sĩ đều vui mừng khen ngợi hỏi rằng : Này Sa Môn ! Hòn đá ấy là thường hay vô thường ?

- Ta liền dùng miệng thổi hòn đá tan nát ra như cát bụi.

- Các lực sĩ thấy như vậy đồng cất tiếng xướng rằng : Hòn đá ấy là vô thường ! Họ sanh lòng hổ thẹn không còn có tâm niệm kiêu mạn.

- Ta liền hiện lại hình Phật mà vì họ thuyết pháp. Ba mươi muôn lực sĩ đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Nơi thành Câu Thi Na có người thợ tên Thuần Đà. Người này nơi thời kỳ đức Phật Ca Diếp đã phát nguyện rằng : Lúc Thích Ca Như Lai nhập Niết Bàn ta sẽ là người cúng dường bữa ăn cuối cùng cho Phật. Do đây nên ta ở nước Tỳ Xá Ly bảo Tỳ Kheo Ưu Bà Ma Na rằng sau ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn nơi rừng Ta La trong thành Câu Thi Na, ông nên qua cho Thuần Đà hay !

Này Thiện nam tử ! Trong thành Vương Xá có vị ngũ thông Tiên nhơn tên là Tu Bạt Đà La được một trăm hai mươi tuổi. Tiên nhơn này thường tự xưng là bực Nhứt thiết trí sanh lòng kiêu mạn. Tiên nhơn này đã vun trồng căn lành nơi vô lượng chư Phật thuở quá khứ.

Vì muốn điều phục Tiên nhơn này nên ta bảo A Nan rằng sau ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn ! Tu Bạt Đà La nghe tin này sẽ sanh lòng kính tin mà đến ra mắt ta. Ta sẽ độ ông chứng quả A La Hán.

Này Thiện nam tử ! Nơi thành La Duyệt Kỳ, Thái Tử Thiện Kiến muốn hại vua cha là Tần Bà Ta La, mà chưa có dịp hại được. Lúc đó Đề Bà Đạt Đa cũng muốn hại ta, bèn tu tập chứng được ngũ thông, làm bạn thân với Thái Tử Thiện Kiến. Vì Thái Tử mà hiện thần thông. Thái Tử rất kính mến cúng dường trọng hậu.

Một lúc kia Thái Tử thưa với Đề Bà Đạt Đa rằng : Bạch Đại sư Thánh nhơn nay tôi muốn thấy hoa Mạn Đà La.

Đề Bà Đạt Đa liền đến cung trời Đao Lợi, xin bông Mạn Đà La, vì phước đã hết nên không vị trời nào chịu cho. Xin không được bông, Đề Bà Đạt Đa suy nghĩ rằng : Cây Mạn Đà La vốn không ngã không ngã sở, nếu ta tự lấy bông nào có tội gì. Nghĩ xong Đề Bà Đạt Đa đến bên cây muốn lấy bông, liền mất thần thông, trở lại thấy thân mình ở nơi Vương Xá, sanh lòng hổ thẹn chẳng dám đến gặp Thái Tử Thiện Kiến. Đề Bà Đạt Đa lại nghĩ rằng nay ta nên đến chỗ Phật đòi đại chúng. Nếu Phật cho ta sẽ tùy ý sai bảo Xá Lợi Phất v.v...

Đề Bà Đạt Đa liền đến chỗ Phật mà bạch rằng : Ngưỡng mong đức Như Lai đem đại chúng này giao phó cho tôi, tôi sẽ thuyết pháp giáo hóa họ.

Phật nói : Ngươi ngu si ! Xá Lợi Phất v.v..., là bực thông minh đại trí mọi người tin phục, mà ta còn chẳng đem đại chúng giao phó, huống người là người ngu si ăn nước miếng của kẻ khác ư !

Lúc đó Đề Bà Đạt Đa càng sanh ác tâm nói rằng : Này Cù Đàm. Này dầu ông điều phục đại chúng, nhưng thế cũng chẳng được lâu sẽ phải bị tiêu diệt ! Vừa nói xong đất liền rúng động, Đề Bà Đạt Đa té xuống đất, bên ông ấy thân phát ra luồng gió mạnh thổi bụi đất lấm dơ cả mình.

Đề Bà Đạt Đa thấy tướng xấu này lại nói rằng : Nếu thân ta hiện đời phải đọa A Tỳ địa ngục, ta phải báo sự oán thù lớn này.

Đề Bà Đạt Đa liền đến chỗ Thái Tử Thiện Kiến. Thái Tử hỏi : Đại sư Thánh nhơn cớ sao dung nhan tiều tụy sắc diện lo buồn ?

Đề Bà Đạt Đa nói : Ta luôn luôn như vậy mà Thái Tử chẳng biết ư ?

Thái Tử hỏi : Có nhơn duyên gì như vậy ? Xin Đại sư dạy rõ.

Đề Bà Đạt Đa nói : Nay ta cùng Thái Tử thân mến nhau. Người ngoài mắng nhiếc Thái Tử, lẽ đâu ta chẳng lo buồn.

Thái Tử hỏi : Người ta mắng nhiếc tôi như thế nào ?

Đề Bà Đạt Đa nói : Mọi người mắng Thái Tử là Vị Sanh Oán.

Thái Tử hỏi : Sao lại gọi tôi là Vị Sanh Oán ? Ai đặt ra danh từ này ?

Đề Bà Đạt Đa nói : Lúc chưa sanh Thái Tử, tất cả tướng sư đều bảo rằng lúc đứa trẻ này lớn lên sẽ giết cha do đó người ngoài đều gọi Thái Tử là Vị Sanh Oán. Người trong cung vì muốn Thái Tử vui lòng nên đặt tên là Thiện Kiến.

Vi Đề Hy Phu nhơn nghe lời tướng sư, lúc sanh Thái Tử từ trên lầu cao ném xuống đất, làm gãy mất

một ngón tay của Thái Tử. Do cớ này nên mọi người lại gọi tên Thái Tử là Chiết Chỉ. Ta nghe những việc này trong lòng lo buồn, nhưng lại chẳng dám nói với Thái Tử.

Đề Bà Đạt Đa đem những việc ác như vậy xúi Thái Tử giết vua cha mà bảo rằng : "Nếu Thái Tử giết vua cha, thời ta cũng có thể giết Sa Môn Cù Đàm".

Thái Tử hỏi đại thần Võ Hành. Đại thần thuật sự tích đặt tên đúng như lời của Đề Bà Đạt Đa.

Thái Tử nghe xong liền cùng đại thần bắt Vua cha giam ở ngoài thành sai bốn đội binh giữ gìn nghiêm ngặt. Phu nhơn Vi Đề Hy đến thăm Vua. Người giữ cửa nhà giam chẳng cho vào. Phu nhơn cả giận bèn quở mắng. Người giữ cửa đem việc này thưa với Thái Tử. Thái Tử Thiện Kiến giận dữ vào cung nắm tóc mẹ rút gươm muốn chém.

Kỳ Bà liền đến can rằng : Tâu Đại Vương ! Từ khi lập quốc đến nay, dầu tội rất nặng cũng chẳng xử đến người nữ, huống là mẹ đẻ.

Thái Tử vì nể Kỳ Bà nên không giết Phu nhơn. Dứt hẳn sự uống ăn thuốc men của vua cha. Quá bảy ngày vua cha chết. Thiện Kiến Thái Tử mới sanh lòng hối hận.

Đại thần Võ Hành tâu rằng : "Tất cả hành nghiệp đều không có tội, sao Đại vương lại sanh lòng hối hận buồn rầu".

Kỳ Bà tâu rằng : "Đại Vương nên biết rằng việc làm của Đại Vương gồm hai tội nặng : Một là tội giết cha, hai là tội giết Tu Đà Hoàn. Tội nặng như vậy trừ Phật không ai có thể làm cho tội đó được trừ diệt".

Vua nói đức Như Lai thanh tịnh ta là người tội nhơ uế làm sao dám đến thấy Phật.

Này Thiện nam tử ! Ta biết việc này nên bảo A Nan rằng sau ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn.

Thái Tử Thiện Kiến nghe tin này liền đến ra mắt ta. Ta vì Thiện Kiến mà thuyết pháp, do đây tội nặng được bớt nhẹ, Thiện Kiến được vô căn tín.

Này Thiện nam tử ! Hàng đệ tử của ta nghe những lời này chẳng hiểu ý của ta, nên cho rằng đức Như Lai quyết định nói rốt ráo nhập Niết Bàn.

(*) Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát : Này Thiện nam tử ! Bồ Tát có hai hạng : Một là thật nghĩa, hai là giả danh.

Giả danh Bồ Tát nghe tin Phật sau ba tháng sẽ nhập Niết Bàn, đều sanh lòng thối thất mà nói rằng : Đức Như Lai còn là vô thường, tại sao chúng ta lại vì sự vô thường mà phải cần khổ trong vô lượng đời. Đức Như Lai thành tựu đầy đủ vô lượng công đức mà còn không thể phá hoại được tử ma, huống là bọn ta.

Này Thiện nam tử ! Ta vì hạng Bồ Tát này mà nói rằng : Như Lai thường trụ không có biến đổi.

(*) Hán bộ quyển thứ 34.

Các đệ tử của ta nghe lời trên đây chẳng hiểu ý của ta bèn xướng rằng đức Như Lai trọn chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Có những chúng sanh chấp đoạn kiến bảo rằng tất cả chúng sanh sau khi thân thể chết mất, những nghiệp thiện, nghiệp ác không có người lãnh thọ. Tà vì những người này mà nói rằng quả báo lành cũng như quả báo ác thiệt có người lãnh thọ. Do đâu biết rằng có ?

Như thuở quá khứ nơi thành Câu Thi Na có Thiện Kiến Vương : Lúc làm đồng tử trải qua tám muôn bốn ngàn tuổi, thời kỳ làm Thái Tử trải qua tám muôn bốn ngàn tuổi, đến lúc lên ngôi vua cũng trải qua tám muôn bốn ngàn tuổi. Thiện Kiến Vương ngồi riêng một mình suy nghĩ rằng : Chúng sanh phước mỏng tuổi thọ ngắn ngủi, thường có bốn thứ oan gia theo dõi mà chúng sanh chẳng hay biết, mãi phóng dật. Ta nên xuất gia tu hành dứt tuyệt bốn thứ oan gia sanh, già, bịnh, chết. Nhà Vua sai quan xây nhà thất bảo ở ngoài thành rồi bảo quần thần, hậu phi, các vương tử cùng tất cả quyến thuộc : Nay ta muốn xuất gia các người có bằng lòng chăng ? Các đại thần cùng quyến thuộc đều bằng lòng. Thiện Kiến Vương đem theo một người hầu hạ qua ở nơi nhà thất bảo tu tập từ tâm trải qua tám muôn bốn ngàn năm. Do sự tu tập từ tâm này nên sau đó trải qua tám muôn bốn ngàn đời thường làm Chuyển

luân Thánh vương, ba mươi đời làm Thích Đề Hoàn Nhơn, vô lượng đời làm tiểu Quốc vương.

Này Thiện nam tử ! Thiện Kiến Vương thuở xưa đó chính là tiền thân của ta. Các đệ tử của ta nghe những lời trên đây chẳng hiểu được ý của ta bèn nói rằng : "Đức Như Lai quyết định nói có ngã và có ngã sở".

Lại một thời kỳ kia ta vì chúng sanh mà nói rằng ngã chính là tánh, nghĩa là những nhơn duyên trong thân ngoài cảnh, mười hai nhơn duyên, ngũ ấm, tâm, giới, công đức, hành nghiệp, Tự Tại Thiên chính đây gọi là Ngã. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói có ngã.

Này Thiện nam tử ! Ngày kia có một Tỳ Kheo đến bạch rằng : Thế Tôn ! Thế nào gọi là ngã ? Ai là ngã ? Duyên gì mà có ngã ? Ta bảo Tỳ Kheo đó rằng : Này Tỳ Kheo không có ngã không có ngã sở. Ngã đó chính là trước không mà nay có, có rồi trở lại không. Lúc nó sanh không từ đâu lại, lúc nó diệt cũng không đến đâu. Dầu có nghiệp quả mà không có tác giả, không có ai rời bỏ ngũ ấm cũng như không có ai thọ lấy ngũ ấm. Như lời ông hỏi thế nào là ngã ? Ngã đó chính là thời kỳ vậy. Ai là ngã ? Chính là nghiệp vậy. Duyên gì mà có ngã ? Chính là ái vậy. Này Tỳ Kheo ! Như hai tay vỗ nhau trong đó phát ra tiếng. Ngã cũng như vậy, chúng

sanh, nghiệp, ái, do ba nhơn duyên này mà gọi đó là ngã. Này Tỳ Kheo ! Nơi tất cả chúng sanh, sắc chẳng phải là ngã, trong ngã không có sắc, trong sắc không có ngã, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Này Tỳ Kheo ! Các ngoại đạo dầu nói là có ngã nhưng trọn chẳng lìa ngũ ấm. Không bao giờ có thể nói rằng riêng có ngã rời ngoài ngũ ấm. Tất cả chúng sanh, hành nghiệp như huyễn hóa, như dương diệm. Này Tỳ Kheo ! Ngũ ấm đều là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh.

Này Thiện nam tử ! Lúc ta giảng dạy những lời trên đây, có vô lượng Tỳ Kheo quán ngũ ấm là vô ngã, là không ngã sở, mà chứng đặng quả A La Hán.

Này Thiện nam tử ! Các đệ tử của ta nghe lời nói trên đây chẳng hiểu được ý của ta cho rằng đức Như Lai quyết định nói vô ngã.

Này Thiện nam tử ! Trong khế kinh ta lại nói rằng do ba sự hòa hiệp mà có thân : Cha, mẹ, trung ấm. Hoặc có lúc ta nói bực A Na Hàm nơi hiện thân nhập Niết Bàn, hoặc nói nơi thân trung ấm nhập Niết Bàn. Hoặc nói rằng thân căn của trung ấm minh mẫn sáng suốt đều do nơi hạnh nghiệp đời trước, như đề hồ trong sạch.

Này Thiện nam tử ! Có lúc ta nói rằng chúng sanh tệ ác thọ thân trung ấm xấu xí như vải bố thô. Chúng sanh thuần thiện thọ thân trung ấm tốt đẹp

như lụa trắng. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói có thân trung ấm.

Này Thiện nam tử ! Ta lại vì những chúng sanh phạm tội nghịch mà nói rằng kẻ tạo tội ngũ nghịch sau khi chết chẳng vào địa ngục A Tỳ.

Ta lại nói rằng Tỳ Kheo Đàm Ma Lưu Chi, sau khi chết chẳng vào địa ngục A Tỳ, nơi khoảng giữa không chỗ dừng ở.

Ta lại bảo Phạm Chí Độc Tử : Này Phạm Chí ! Nếu có thân trung ấm thời có sáu sự có. Ta lại nói chúng sanh cõi Vô sắc không có thân trung ấm. Các đệ tử của ta nghe lời trên đây chẳng hiểu được ý của ta bèn nói rằng đức Phật quyết định nói không thân trung ấm.

Này Thiện nam tử ! Trong khế kinh ta lại nói có thối thất. Nhơn nơi vô lượng sự giải đãi biếng trễ, các Tỳ Kheo chẳng tu hành đạo hạnh nên nói có năm điều thối thất : Một là thích nhiều việc ; hai là thích nói việc đời ; ba là ưa ngủ nghỉ ; bốn là ưa gần người tại gia ; năm là ưa thường dạo đi, do năm nhơn duyên này làm cho Tỳ Kheo thối thất.

Nhơn duyên thối thất lại có hai thứ : Một là nội nhơn, hai là ngoại nhơn, bực A La Hán dầu rời khỏi nội nhơn chẳng lìa ngoại nhơn. Do nhơn duyên ngoài nên sanh phiền não. Vì sanh phiền não thời thối thất.

Có Tỳ Kheo tên là Cù Đàm, sáu phen thối thất, sanh lòng hổ thẹn lại tiến tu lần thứ bảy bèn được, được rồi sợ thối thất lấy dao tự đâm mình mà chết.

Ta lại nói có lúc giải thoát, hoặc nói sáu hạng A La Hán. Các đệ tử ta nghe những lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói có thối thất.

Này Thiện nam tử ! Trong kinh lại nói như đã cháy thành than thời chẳng còn trở lại làm cây gỗ. Như bình đã bể thời không còn công dụng của bình. Phiền não cũng như vậy, A La Hán đã dứt thời trọn chẳng có lại nữa.

Ta cũng nói chúng sanh nhơn duyên có phiền não do ba điều : Một là chưa dứt phiền não, hai là chẳng dứt nhơn duyên, ba là chẳng khéo suy nghĩ. Bực A La Hán không có hai điều : Nghĩa là đã dứt phiền não và đã khéo suy nghĩ. Các đệ tử của ta nghe lời này, chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói không thối thất.

Trong khế kinh ta nói thân của Như Lai có hai thứ : Một là sanh thân, hai là Pháp thân. Sanh thân là thân phương tiện ứng hóa. Thân này có thể nói là sanh, già, bịnh, chết, cao thấp, đen trắng, là đây là kia, là học là vô học. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói thân Phật là pháp Hữu vi.

Pháp thân là thường, lạc, ngã, tịnh, lìa hẳn tất cả sanh, già, bịnh, chết, chẳng phải trắng đen, chẳng phải cao thấp, chẳng phải đây kia, chẳng phải học vô học, Phật ra đời hoặc chẳng ra đời vẫn thường trụ chẳng động không biến đổi. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta, bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói thân Phật là pháp Vô vi.

Này Thiện nam tử ! Trong khế kinh ta nói mười hai nhơn duyên : Từ vô minh sanh ra hành, từ hành sanh ra thức, từ thức sanh ra danh sắc, từ danh sắc sanh ra lục nhập, từ lục nhập sanh ra xúc, từ xúc sanh ra thọ, từ thọ sanh ra ái, từ ái sanh ra thủ, từ thủ sanh ra hữu, từ hữu sanh ra sanh, từ sanh thời có già chết buồn khổ. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói mười hai nhơn duyên quyết định là Hữu vi.

Lại một ngày kia ta bảo các Tỳ Kheo rằng mười hai nhơn duyên tánh tướng là thường trụ không luận có Phật hay không Phật. Có mười hai duyên chẳng từ duyên sanh, có từ duyên sanh chẳng phải mười hai duyên, có từ duyên sanh cũng là mười hai duyên, có chẳng phải duyên sanh mà cũng chẳng phải là mười hai duyên.

Có mười hai duyên chẳng phải là duyên sanh, chính là mười hai chi đời vị lai. Có từ duyên sanh mà chẳng phải là mười hai duyên chính là thân ngũ ấm của A La Hán. Có từ duyên sanh cũng là mười

hai duyên chính là thân ngũ ấm của phàm phu. Mười hai nhơn duyên chẳng phải duyên sanh, chẳng phải mười hai duyên chính là hư không Niết Bàn.

Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta, bèn cho rằng đức Như Lai nói mười hai nhơn duyên quyết định là Vô vi.

Này Thiện nam tử ! Trong khế kinh ta nói tất cả chúng sanh tạo nghiệp thiện ác, lúc chết, tứ đại này liền hư hoại. Người tạo nghiệp thuần thiện tâm thức liền đi lên, người tạo nghiệp thuần ác tâm thức liền đi xuống. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói tâm quyết định là thường trụ.

Này Thiện nam tử ! Một thuở kia ta nói với vua Tần Bà Ta La rằng : Này Đại Vương ! Sắc là vô thường vì từ nhơn vô thường mà sanh ra sắc. Nếu sắc đã từ nhơn vô thường mà sanh, người trí không bao giờ nói sắc là thường. Nếu sắc là thường lẽ ra chẳng hoại diệt sanh các khổ não. Nay thấy sắc hoại diệt nên biết rằng sắc là vô thường. Như sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói tâm quyết định đoạn diệt.

Này Thiện nam tử ! Trong khế kinh ta nói hàng đệ tử lãnh thọ những hoa hương, vàng, bạc ,vật báu,

vợ con, tôi tớ, tám vật bất tịnh, chứng được chánh đạo, đã chứng được chánh đạo cũng chẳng rời bỏ những vật ấy. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói hưởng thọ ngũ dục chẳng chướng ngại Thánh đạo.

Lại có lúc ta nói người tại gia không thể chứng được chánh đạo. Hàng đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói hưởng thọ ngũ dục quyết định chướng ngại chánh đạo.

Trong khế kinh ta nói xa lìa phiền não chưa được giải thoát như cõi Dục tu tập pháp thế đệ nhứt. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói pháp thế đệ nhứt chỉ là cõi Dục.

Trong khế kinh ta lại nói noãn pháp, đảnh pháp, nhẫn pháp, thế đệ nhứt pháp thuộc nơi Sơ thiền đến Tứ thiền. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói bốn pháp ấy thuộc nơi cõi Sắc. Trong khế kinh ta lại nói hàng ngoại đạo đã dứt được phiền não cõi Tứ thiền tu tập noãn pháp, đảnh pháp, nhẫn pháp, thế đệ nhứt pháp, quán tứ đế chứng quả A Na Hàm. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói thế đệ nhứt pháp thuộc nơi cõi vô Sắc.

Trong khế kinh ta từng nói trong bốn thứ bố thí có ba điều trong sạch : Một là thí chủ tin nhơn tin quả tin bố thí ; người thọ chẳng tin nhơn, chẳng tin quả cùng bố thí, hai là thí chủ chẳng tin nhơn quả và bố thí, người thọ tin nhơn quả và bố thí; ba là thí chủ và người thọ cả hai đều có lòng tin; bốn là thí chủ và người thọ cả hai đều chẳng tin. Bốn thứ bố thí trên đây ba hạng ban đầu là trong sạch. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói bố thí chỉ thuộc nơi ý.

Có một lúc kia ta lại nói rằng người bố thí lúc bố thí đem năm việc ra bố thí : Một là bố thí sắc, hai là bố thí sức lực, ba là bố thí an ổn, bốn là bố thí mạng sống, năm là bố thí biện tài, do nhơn duyên này nên thí chủ trở lại được năm quả báo. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Phật nói bố thí tức là năm ấm.

Có một lúc ta nói rằng : Niết Bàn tức là viễn ly, phiền não dứt hẳn không còn thừa sót, như đèn đã tắt, không còn pháp gì sanh trở lại, Niết Bàn cũng như vậy.

Nói hư không đó tức là không chỗ có, như trong đời gọi chỗ không có là hư không, chẳng phải do trí dứt mới không chỗ có. Nếu hư không là có lẽ ra phải có nhơn duyên nếu đã có nhơn duyên lẽ ra phải có dứt diệt, bởi hư không vốn là không nên

không có dứt diệt. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Phật nói không có ba pháp Vô vi.

Một lúc kia ta bảo Mục Kiền Liên rằng luận về Niết Bàn tức là chương cú, tức là dấu vết, tức là chỗ rốt ráo, là chỗ vô sở úy, là bực đại sư, là đại quả, là trí rốt ráo, là đại nhẫn, là Vô ngại tam muội, là đại pháp giới, là cam lộ vị, là khó thấy biết. Này Mục Kiền Liên ! Nếu nói rằng không Niết Bàn, tại sao có người sanh lòng hủy báng Niết Bàn lại phải đọa địa ngục. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói có Niết Bàn.

Lại một lúc kia ta bảo Mục Kiền Liên rằng nhãn căn chẳng bền chắc nhẫn đến thân cũng chẳng bền chắc. Vì chẳng bền chắc nên gọi là hư không. Ăn nuốt xuống rồi xoay chuyển tiêu hóa. Tất cả âm thanh đều gọi là hư không. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói có hư không Vô vi.

Ta lại bảo Mục Kiền Liên có người chưa được quả Tu Đà Hoàn, lúc trụ nơi nhẫn pháp, dứt vô lượng quả báo trong ba đường dữ, nên biết rằng chẳng phải trừ nơi trí mà dứt diệt. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta, bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói có chẳng phải do trí mà dứt diệt. Lại một lúc kia ta nói với Tỳ Kheo Bạt Ba nếu

Tỳ Kheo quán nơi sắc : Hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc gần hoặc xa, hoặc thô hoặc tế, những sắc như vậy chẳng phải là ngã chẳng phải ngã sở : Quán như vậy có thể dứt được lòng tham ái nơi sắc. - Bạt Ba bạch rằng : Thế nào gọi là sắc ? - Ta đáp : Tứ đại gọi rằng sắc, thọ, tưởng, hành, thức bốn ấm này gọi là danh. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai quyết định nói sắc là tứ đại.

Này Thiện nam tử ! Ta lại nói rằng như nhơn nơi mặt gương mà có bóng hình hiện ra, sắc cũng như vậy nhơn nơi tứ đại tạo thành. Chính là những thứ to, nhỏ, rít, trơn, xanh, vàng, đỏ, trắng, dài vắn, vuông tròn, cong ngay, nhẹ nặng, lạnh nóng, đói khát, khói mây, bụi mù, đây gọi là những sắc do tứ đại tạo thành dường như vang bóng. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói có tứ đại thời có sắc do tứ đại tạo thành, hoặc nói có tứ đại mà không có sắc.

Này Thiện nam tử ! Trước kia Phương Tử Bồ Đề nói rằng nếu có Tỳ Kheo trì giới lúc phát tâm ác, nên biết rằng lúc đó mất giới Tỳ Kheo. Ta nghe lời này bèn bảo rằng : Này Phương Tử ! Giới có bảy thứ từ nơi thân và miệng mà có vô tác biểu sắc. Do nhơn duyên vô tác biểu sắc này nên dầu tâm của Tỳ Kheo ở trong ác vô ký nhưng chẳng gọi là mất giới, vẫn còn gọi là trì giới. Các đệ tử

của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Phật nói có vô tác biểu sắc.

Này Thiện nam tử ! Trong các kinh khác ta có nói rằng giới chính là ngăn chế pháp ác, nếu chẳng làm ác đây gọi là trì giới. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn xướng rằng đức Như Lai quyết định nói không có vô tác biểu sắc.

Này Thiện nam tử ! Trong khế kinh ta từng nói sắc ấm của Thánh nhơn nhẫn đến thức ấm đều là do vô minh sanh ra. Tất cả phàm phu cũng như vậy, từ vô minh sanh ra ái, nên biết rằng ái này chính là vô minh, từ ái sanh ra thủ, nên biết rằng thủ này chính là vô minh ái. Từ thủ sanh ra hữu, hữu này chính là vô minh ái thủ. Từ hữu sanh ra thọ, nên biết rằng thọ này chính là hành hữu. Từ nơi thọ sanh ra danh sắc, vô minh, ái, thủ, hữu, hành, thọ, xúc, thức, lục nhập v.v..., do đây nên thọ chính là mười hai chi. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói không có tâm sở.

Này Thiện nam tử ! Trong khế kinh ta từng nói từ nơi nhãn, sắc, minh, và ác dục, do bốn thứ này làm nhơn duyên sanh ra nhãn thức. Ác dục trong đây chính là vô minh, lúc dục cầu thời gọi là ái, do ái mà có thủ, thủ đây gọi là nghiệp, nghiệp làm duyên cho thức, thức làm duyên cho danh sắc, danh sắc làm duyên cho lục nhập, lục nhập làm duyên

cho xúc, xúc làm duyên cho tưởng, thọ, ái, tín, tinh tấn, định và huệ, những pháp này nhơn nơi xúc mà sanh nhưng chẳng phải là xúc. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói có tâm sở.

Này Thiện nam tử ! Hoặc có lúc ta nói chỉ có một cõi, hoặc nói hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám chín nhẫn đến hai mươi lăm cõi. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói có năm cõi, hoặc nói có sáu cõi.

Này Thiện nam tử ! Ngày trước lúc ở nơi rừng Ni Câu Đà tại thành Ca Tỳ La Vệ, Thích Ma Nam bạch với ta rằng : Thế Tôn ! Sao gọi là Ưu Bà Tắc ? Ta nói nếu có Thiện nam tử hoặc Thiện nữ nhơn nào căn thân đầy đủ thọ ba pháp qui y thời gọi là Ưu Bà Tắc. Thích Ma Nam lại hỏi Thế Tôn sao gọi là nhứt phần Ưu Bà Tắc ? Ta nói nếu thọ ba pháp qui y và thọ một giới thời gọi là nhứt phần Ưu Bà Tắc. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Ưu Bà Tắc được thọ từ phần.

Lại một lúc kia ta ở bên sông Hằng, Ca Chiên Diên đến bạch với ta rằng : Thế Tôn ! Tôi giáo hóa chúng sanh khiến họ thọ pháp Bát quan trai : Hoặc một ngày, hoặc một đêm, hoặc một giờ, hoặc một niệm, những người này được thành trai pháp chăng ? Ta nói : Này Ca Chiên Diên, những người này chỉ

được điều lành mà chẳng được gọi là được trai pháp. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn nói rằng đức Như Lai nói pháp Bát quan trai thọ đủ mới được.

Trong khế kinh ta từng nói rằng nếu có Tỳ Kheo đã phạm bốn tội trọng thời chẳng gọi là Tỳ Kheo, gọi là phá Tỳ Kheo, hư mất Tỳ Kheo chẳng còn có thể sanh chủng tử pháp lành, như hột giống đã cháy chẳng còn mọc mầm sanh bông trái, như cây Đa La nếu ngọn đã bị đứt thời chẳng còn sanh trái. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói các Tỳ Kheo phạm giới trọng rồi bèn mất giới Tỳ Kheo.

Trong khế kinh, ta vì Thuần Đà mà nói bốn hạng Tỳ Kheo : Một là hạng rốt ráo đến chánh đạo, hai là hạng chỉ bày chánh đạo, ba là hạng lãnh thọ chánh đạo, bốn là hạng nhiễm ô chánh đạo. Người phạm bốn tội trọng là hạng nhiễm ô chánh đạo. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói các Tỳ Kheo đã phạm bốn tội trọng chẳng mất giới.

Trong khế kinh ta bảo các Tỳ Kheo có nhứt thừa, nhứt đạo, nhứt hạnh, nhứt duyên, bốn pháp này có thể làm cho chúng sanh được đại tịch tịnh, dứt hẳn tất cả sự ràng buộc sầu khổ, khổ quả cùng khổ nhơn, làm cho tất cả chúng sanh đến nơi Nhứt thừa. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn

cho rằng đức Như Lai nói Tu Đà Hoàn nhẫn đến A La Hán đều được Phật đạo.

Này Thiện nam tử ! Trong khế kinh ta nói Tu Đà Hoàn bảy lần sanh qua lại trong nhơn gian cùng cõi trời, bèn chứng A La Hán nhập Niết Bàn. Tư Đà Hàm một lần sanh trong nhơn gian và cõi trời bèn nhập Niết Bàn. A Na Hàm phàm có năm hạng : Hoặc có trung gian nhập Niết Bàn nhẫn đến thượng lưu nhập Niết Bàn. A La Hán phàm có hai hạng : Một là hiện tại, hai là vị lai, hiện tại cũng dứt phiền não ngũ ấm, vị lai cũng dứt phiền não ngũ ấm. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Tu Đà Hoàn đến A La Hán chẳng được Phật đạo.

Trong khế kinh ta từng nói Phật tánh đủ có sáu điều : Một là thường, hai là thật, ba là chơn, bốn là thiện, năm là tịnh, sáu là có thể thấy. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói Phật tánh của chúng sanh như hư không. Hư không chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, chẳng phải nội ngoại, chẳng phải sắc, thinh, hương vị, xúc, Phật tánh cũng như vậy. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói Phật tánh của chúng sanh dường như kho châu báu ẩn kín trong nhà của bần nữ, như Kim Cang bảo châu ẩn trên trán của lực sĩ, như suối cam lộ của Chuyển Luân Thánh Vương. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói hàng nhứt xiển đề phạm bốn tội trọng, hủy báng kinh điển Đại thừa, tạo tội ngũ nghịch đều có Phật tánh. Những chúng sanh này đều không có pháp lành. Phật tánh là lành. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói chúng sanh chính là Phật tánh, vì nếu rời chúng sanh thời chẳng được Vô Thượng Bồ Đề. Do đây nên ta vì vua Ba Tư Nặc mà nói ví dụ rờ voi : Như bọn người mù nói hình dạng của voi, dầu chẳng trúng nhưng đều chẳng rời ngoài voi. Chúng sanh nói sắc, nói thọ, tưởng, hành, thức là Phật tánh. Cũng như vậy, dầu là chẳng phải là Phật tánh nhưng chẳng phải rời Phật tánh. Như ta vì vua Ba Tư Nặc mà nói ví dụ ống không hầu Phật tánh cũng như vậy. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn lập ra nhiều thuyết khác nhau, như người mù hỏi màu của sữa, Phật tánh cũng như vậy. Do cớ này, hoặc có người nói hàng nhứt xiển đề phạm bốn

tội trọng hủy báng kinh Đại thừa tạo tội ngũ nghịch đều có Phật tánh. Hoặc có người nói là không có Phật tánh.

Trong khế kinh nhiều lần ta nói rằng một người xuất thế thời nhiều người được lợi ích. Trong một cõi nước không có hai vua Chuyển Luân. Trong một thế giới không có hai đức Phật xuất thế. Một tứ thiên hạ không có tám Tứ Thiên Vương, nhẫn đến không có hai Tha Hóa Tự Tại Thiên. Ta nói từ Diêm Phù Đề, dưới đến địa ngục A Tỳ, trên đến trời Sắc Cứu Cánh. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như Lai nói không có Phật mười phương. Thật ra trong các kinh Đại thừa ta nói có thập phương chư Phật.

Này Thiện nam tử ! Những điều tránh tụng như vậy là cảnh giới của chư Phật chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Nếu người nào đối với những việc này sanh lòng nghi còn có thể phá hoại được vô lượng phiền não. Nếu người nào ở trong những việc này sanh lòng quyết định thời gọi là chấp trước.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : "Thế nào là chấp trước ?".

- Này Thiện nam tử ! Những người như vậy hoặc do người khác dạy bảo, hoặc nghe người khác nói, hoặc tự tìm kinh điển, với những điều ham thích chẳng thể buông bỏ đây gọi là chấp trước.

- Bạch Thế Tôn ! Sự chấp trước này là thiện hay là bất thiện ?

- Này Thiện nam tử ! Sự chấp trước như vậy chẳng gọi là thiện, vì không thể phá hoại những lưới nghi.

- Bạch Thế Tôn ! Những người này vốn tự chẳng nghi, sao lại nói rằng chẳng phá hoại lưới nghi ?

- Này Thiện nam tử ! Luận về người chẳng nghi chính là nghi.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu có người nói rằng bực Tu Đà Hoàn chẳng đọa ba ác đạo. Người này cũng nên gọi là chấp trước, là nghi.

- Này Thiện nam tử ! Nên gọi là quyết định, mà chẳng được gọi là nghi. Tại sao vậy ? Này Thiện nam tử ! Như có người trước kia thấy cây thấy người, về sau đi ban đêm từ xa thấy gốc cây trụi, bèn nghi rằng đó là người hay là cây ? Như người trước thấy Tỳ Kheo và Phạm Chí, lúc sau đi đường từ xa thấy Tỳ Kheo bèn nghi rằng đó là Sa Môn hay là Phạm Chí ? Như người trước thấy bò và trâu, lúc sau từ xa thấy bò, bèn nghi rằng đó là bò hay trâu ?

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh trước thấy hai vật về sau bèn sanh nghi, vì trong tâm họ chẳng nhận được rõ ràng.

Ta cũng chẳng nói rằng bực Tu Đà Hoàn có đọa ba đường ác hay chẳng đọa ba đường ác, cớ gì người này lại sanh lòng nghi !

- Bạch Thế Tôn ! Như Phật nói phải trước có thấy rồi sau mới nghi. Nhưng có người lúc chưa thấy hai vật cũng lại sanh nghi. Như đối với Niết Bàn. Như có người đi đường gặp dòng nước đục, trước kia chưa từng thấy mà cũng sanh nghi rằng dòng nước này sâu hay cạn.

- Này Thiện nam tử ! Luận về Niết Bàn chính là dứt khổ, chẳng phải là Niết Bàn thời chính là khổ. Tất cả chúng sanh thấy có khổ cùng chẳng phải khổ. Như thấy đói khát, lạnh nóng, giận mừng, bịnh gầy, an ổn, trẻ, già, sống chết, trói buộc, cởi mở, ân ái, biệt ly, oán thù gặp gỡ, sau khi thấy những việc này, chúng sanh bèn nghi rằng sẽ có những gì xa lìa vĩnh viễn những sự khổ não này chăng ? Do đây nên chúng sanh đối với Niết Bàn mà sanh nghi.

Nếu ông cho rằng người đó từ trước đến nay chưa từng thấy dòng nước đục này sao lại sanh nghi. Lời nói này không đúng nghĩa, vì người đó ở nơi chỗ khác đã từng thấy rồi, nên ở nơi chỗ mới đến này mà sanh nghi.

- Bạch Thế Tôn ! Người đó lúc trước thấy nước sâu cạn đã chẳng sanh nghi, nay cớ gì mà sanh nghi ?

- Này Thiện nam tử ! Vì trước kia chưa đi nên sanh nghi. Do đây nên ta nói rằng vì trong tâm họ chẳng nhận được rõ ràng nên sanh nghi.

- Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật nói nghi chính là chấp trước, chấp trước chính là nghi, đây là người nào ?

- Này Thiện nam tử ! Là người dứt căn lành.

- Bạch Thế Tôn ! Những hạng người nào có thể dứt căn lành.

- Này Thiện nam tử ! Người thông minh lanh lợi có thể khéo phân biệt, nếu xa lìa bạn lành chẳng nghe chánh pháp, chẳng khéo tư duy, chẳng thật hành đúng pháp, người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này vì thiếu bốn điều trên mà tự suy nghĩ rằng : Không có vật bố thí, vì người thí là rời bỏ của cải, nếu bố thí mà có quả báo, thời thí chủ phải thường nghèo cùng, vì nhơn cùng quả giống nhau. Do suy nghĩ những việc như vậy nên người này nói rằng không nhơn không quả. Nếu nói không nhơn không quả như vậy thời gọi là dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng : Thí chủ, người thọ và tài vật đều là vô thường biến đổi, nếu không biến đổi sao lại nói rằng đây là thí chủ, đây là người thọ, đây là của cải, nếu không người thọ sao lại được quả báo, do nghĩa này nên biết rằng không nhơn không quả. Nếu nói không nhơn không quả như vậy thời gọi là dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng lúc thí chủ bố thí có năm sự bố thí : Người thọ thí khi

lãnh được của cải rồi hoặc làm lành, hoặc làm điều chẳng lành, mà thí chủ nầy cũng chẳng mắc phải quả báo lành hay chẳng lành, như trong đời từ hột sanh ra trái, rồi từ trái trở lại có hột. Nhơn chính là thí chủ, quả chính là người thọ, mà người thọ này không thể đem điều thiện, điều bất thiện của mình đã làm khiến cho thí chủ được quả báo thiện cùng bất thiện, do nghĩa này nên không nhơn không quả. Nếu nói không nhơn không quả như vậy, nên biết người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng : Không có vật bố thí, vì vật bố thí là vô ký, đã là vô ký thời đâu có quả báo lành, không quả báo lành tức là vô ký, của vật nếu là vô ký nên biết rằng không có quả báo thiện ác, nên không có sự bố thí không nhơn không quả. Nếu nói rằng không nhơn không quả như vậy phải biết người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng : Người bố thí do nơi ý, ý này chẳng phải là sắc pháp, không thể thấy không đối tượng, đã chẳng phải là sắc pháp thời đâu có thể bố thí, do đây nên không có sự bố thí không nhơn, không quả. Nếu nói không nhơn, không quả như vậy, phải biết rằng người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh lại suy nghĩ rằng : Nếu thí chủ cúng thí cho tượng Phật, tượng chư Thiên, cho cha mẹ đã qua đời, như vậy là có người thí mà

không người thọ, nếu không người thọ thời lẽ ra không quả báo, nếu không quả báo thời là không nhơn, nếu đã không nhơn thời là không quả. Nếu nói không nhơn quả như vậy, phải biết rằng người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng : Không cha không mẹ. Nếu nói cha mẹ là nhơn sanh ra chúng sanh, đúng lý phải thường sanh không có đoạn tuyệt, vì nhơn là thường có, nhưng chẳng thường sanh, do đây nên biết rằng không có cha mẹ. Người này lại nghĩ rằng không cha không mẹ. Vì nếu thân chúng sanh do cha mẹ mà có, lẽ ra một người phải đủ cả hai căn nam nữ, nhưng sự thật không có đủ, do đây biết rằng chúng sanh chẳng phải do cha mẹ mà có. Người này lại nghĩ rằng chẳng phải do cha mẹ mà có ra chúng sanh, vì chính mắt họ thấy chúng sanh chẳng giống với cha mẹ, nghĩa là thân hình diện mạo tâm tánh, đi đứng, cử động chẳng giống với cha mẹ, nên cha mẹ chẳng phải là nhơn sanh ra chúng sanh. Người này lại nghĩ rằng trong đời có bốn thứ không có : Một là chưa sanh gọi là không có, như lúc còn là viên đất sét thời chưa có công dụng của cái bình; hai là đã diệt mất gọi là không có, như cái bình đã bể hư thời gọi là không có; ba là riêng khác nhau nên lẫn không có, như trong bò không có ngựa trong ngựa không có bò; bốn là rốt ráo gọi là không có, như sừng thỏ lông rùa. Cha mẹ

cũng đồng như bốn thứ không có này. Nếu nói cha mẹ là nhơn có ra chúng sanh, lúc cha mẹ chết đứa con bất tất cũng chết, do đây nên cha mẹ chẳng phải là nhơn sanh ra chúng sanh. Người này lại nghĩ rằng : Nếu nói cha mẹ là nhơn sanh ra chúng sanh, lẽ ra nhơn nơi cha mẹ thường sanh ra chúng sanh, nhưng lại có hóa sanh và thấp sanh, do đây nên biết chẳng phải nhơn nơi cha mẹ sanh ra chúng sanh. Người này lại nghĩ rằng : Tự có chúng sanh chẳng phải nhơn nơi cha mẹ mà được sanh trưởng như chim công nghe tiếng sấm nổ mà có trứng, như chim thanh tước uống nước mắt của chim tước trống mà có trứng, như chim cộng mạng thấy chim trống múa bèn có trứng. Người nầy lúc suy nghĩ những điều trên đây nếu chẳng gặp được bực Thiện tri thức khai thị, phải biết rằng người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này lại nghĩ rằng : Trong đời không có quả thiện ác, vì có những chúng sanh tu tập đủ mười điều lành, ưa thật hành bố thí siêng làm công đức, mà những người này cũng lại bị các bịnh tật nhóm trên thân, hoặc chết yểu, hoặc mất của, hoặc nhiều sự lo khổ. Cũng có những người tạo đủ mười điều dữ, tham lam, bỏn xẻn, tật đố, giải đãi, mà lại mạnh khỏe sống lâu, hoặc giàu có không sầu khổ, do đây nên biết rằng không có quả thiện ác. Người này lại nghĩ rằng : Tôi cũng từng nghe cácThánh nhơn nói có người tu tập pháp lành khi chết bị đọa trong ba đường dữ. Có người

làm điều ác khi chết sanh trong loài người trên trời, do đây nên biết rằng không quả thiện ác. Người này lại nghĩ rằng : Các Thánh nhơn nói hai thuyết : Hoặc nói sát sanh được quả báo lành, hoặc nói sát sanh mắc quả báo dữ. Thánh nhơn còn nói bất định, tại sao tôi lại nói quyết định, do đây nên biết không có quả thiện ác.

Người thông minh này lại nghĩ rằng : Trong đời không có Thánh nhơn, vì nếu nói là Thánh nhơn thời phải chứng được Thánh đạo. Tất cả chúng sanh lúc có đủ phiền não tu hành chánh đạo, nên biết rằng người này đồng thời đủ có phiền não và chánh đạo. Nếu đồng thời có, thời chánh đạo chẳng phá được kiết sử. Nếu không phiền não mà tu hành chánh đạo, thời chánh đạo ấy dùng làm gì ? Do đây nên người đủ phiền não thời chánh đạo chẳng thể phá hoại được, người không phiền não thời chánh đạo lại vô dụng. Do đây nên biết trong đời không có bực Thánh nhơn.

Người thông minh này lại nghĩ rằng : Vô minh làm duyên cho hành, nhẫn đến sanh làm duyên cho lão tử, mười hai nhơn duyên này tất cả chúng sanh đồng có. Tám Thánh đạo tánh nó bình đẳng cũng như vậy, lúc một người được, thời tất cả người lẽ ra cũng được, lúc một người tu hành lẽ ra tất cả khổ đều diệt, vì phiền não bình đẳng. Mà nay chẳng đồng chứng đặng, do đây nên biết rằng không có chánh đạo.

Người thông minh này lại nghĩ rằng : Các Thánh nhơn đều có những pháp đồng với phàm phu, như là uống ăn, đi đứng, ngồi nằm, ngủ nghỉ, vui cười, đói khát, lạnh nóng, lo buồn, sợ sệt. Nếu đã đồng với phàm phu có những việc như vậy, nên biết rằng bực Thánh nhơn chẳng chứng được Thánh đạo, nếu đã được Thánh đạo lẽ ra phải dứt hẳn những việc như vậy. Những việc như vậy nếu đã chẳng dứt, do đây nên biết rằng không Thánh đạo.

Người thông minh này lại nghĩ rằng : Thánh nhơn có thân thọ vui ngũ dục, cũng mắng nhiếc đánh đập người, cũng tật đố kiêu mạn thọ những sự khổ vui, tạo nghiệp thiện ác, do đây nên biết rằng không có Thánh nhơn. Nếu có chánh đạo lẽ ra đã dứt những việc này, nếu những việc này chẳng dứt nên biết rằng không chánh đạo.

Người thông minh này lại nghĩ rằng : Người nhiều lòng từ mẫn gọi là Thánh nhơn. Do nhơn duyên gì gọi là Thánh nhơn ? Nhơn nơi Thánh đạo mà gọi là Thánh nhơn. Nếu tánh của Thánh đạo là từ mẫn, thời nên thương xót tất cả chúng sanh, chẳng cần chờ tu hành rồi mới đặng. Nếu như không từ mẫn cớ sao Thánh nhơn chứng được Thánh đạo lại hay từ mẫn, do đây nên biết trong đời không có Thánh đạo.

Người thông minh này lại nghĩ rằng : Tất cả tứ đại chẳng từ nhơn duyên sanh. Chúng sanh đồng có tánh tứ đại này. Chẳng quán sát chúng sanh đáng

đến bờ này, chẳng đáng đến bờ kia, nếu là có thánh đạo, thời tánh của Thánh đạo lẽ ra cũng như vậy, nhưng nay chẳng phải như vậy, do đây nên biết rằng trong đời không có Thánh nhơn.

Người thông minh này lại nghĩ rằng nếu các bực Thánh nhơn có một Niết Bàn thời nên biết rằng không có Thánh nhơn. Vì Niết Bàn là bất khả đắc. Pháp thường trụ là bất khả đắc chẳng thể lấy chẳng thể bỏ. Nếu các bực Thánh nhơn có nhiều Niết Bàn thời là vô thường, vì là pháp có thể đếm được. Niết Bàn nếu là một, lúc một người được thời lẽ ra tất cả đều được. Nếu Niết Bàn là nhiều thời là có chừng ngằn, nếu là có chừng ngằn thời đâu được gọi là Thường trụ. Nếu nói rằng thể của Niết Bàn là một, mà người giải thoát là nhiều, như một cây lọng là một mà cọng cánh lá nhiều, lời nói này chẳng đúng nghĩa, vì mỗi người chứng đặng chẳng phải tất cả người chứng đặng, bởi có chừng ngằn lẽ ra là vô thường nếu đã là vô thường thời đâu được gọi là Niết Bàn. Nếu không có Niết Bàn thời ai là bực Thánh nhơn ? Do đây nên biết rằng không có Thánh nhơn.

Người thông minh này lại nghĩ rằng : Chánh đạo của Thánh nhơn chẳng phải do nhơn duyên mà được. Nếu chánh đạo của Thánh nhơn đã chẳng phải do nhơn duyên mà được, cớ sao tất cả chúng sanh chẳng làm Thánh nhơn. Nếu tất cả người chẳng

phải là Thánh nhơn, thời biết rằng không có Thánh nhơn và không có Thánh đạo.

Người thông minh lại nghĩ rằng : Thánh nhơn nói có hai nhơn duyên được chánh kiến : Một là nghe người khác thuyết pháp, hai là tự mình tư duy. Hai nhơn duyên này đã từ duyên sanh, thời duyên này lại từ duyên khác mà sanh, xoay vần mãi như vậy thành ra có lỗi vô cùng. Nếu hai nhơn duyên này chẳng từ duyên sanh, thời tất cả chúng sanh do cớ gì mà chẳng đều được.

Lúc người thông minh này suy nghĩ những điều như trên thời có thể dứt mất căn lành.

Này Thiện nam tử ! Nếu có chúng sanh nào chấp chặt những điều không nhơn không quả như vậy người này có thể dứt mất năm căn : tín, tấn, niệm, định và huệ. Người dứt mất căn lành chẳng phải là người hạ liệt, ngu độn, cũng chẳng phải chư Thiên, chẳng phải ba ác đạo. Người phá Tăng cũng như vậy.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng : Thế Tôn ! Người như vậy, lúc nào sẽ có thể sanh căn lành trở lại ?

- Này Thiện nam tử ! Người này có hai lúc sanh căn lành trở lại : Lúc mới vào địa ngục và lúc ra khỏi địa ngục.

Này Thiện nam tử ! Căn lành có ba thứ : Quá khứ, hiện tại và vị lai. Nếu là quá khứ thời tánh nó tự diệt, dầu nhơn diệt nhưng quả báo chưa thục

nên chẳng gọi là dứt quả quá khứ. Vì dứt nhơn lành ba đời nên gọi là dứt mất.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu dứt nhơn lành ba đời mà gọi là mất căn lành, người dứt căn lành vẫn có Phật tánh, Phật tánh này là quá khứ, là hiện tại, là vị lai, hay là khắp cả ba đời ? Nếu là quá khứ thế nào gọi là thường ? Phật tánh là thường trụ nên biết rằng không phải là quá khứ. Nếu là vị lai thế nào gọi là thường ? Cớ sao Phật nói rằng tất cả chúng sanh quyết định sẽ được ? Nếu quyết định được thời sao lại nói rằng dứt mất ? Nếu là hiện tại sao lại là thường ? Cớ sao lại nói rằng quyết định có thể thấy ?

Đức Như Lai cũng nói rằng Phật tánh cũng có sáu : Một là thường, hai là chơn, ba là thật, bốn là thiện, năm là tịnh, sáu là có thể thấy. Nếu người dứt mất thiện căn mà có Phật tánh thời chẳng được gọi là dứt mất căn lành. Nếu không có Phật tánh sao lại nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nếu nói rằng Phật tánh cũng có, cũng dứt, thế nào đức Như Lai lại nói Phật tánh là thường trụ ?

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai vì chúng sanh nên có ba thứ giải đáp : Một là đáp quyết định, hai là phân biệt mà đáp, ba là theo lời hỏi mà đáp, bốn là yên lặng mà đáp.

Thế nào là quyết định đáp ? Nếu có ai hỏi rằng nghiệp ác cảm quả lành hay quả chẳng lành ? Thời

nên quyết định đáp rằng cảm quả chẳng lành. Hỏi thiện nghiệp cũng đáp như vậy. Nếu hỏi đức Như Lai có phải là bực Nhứt thiết trí chăng ? Thời nên quyết định đáp rằng là bực Nhứt thiết trí. Nếu hỏi Phật pháp là thanh tịnh chăng ? Thời nên quyết định đáp rằng là thanh tịnh. Nếu hỏi đệ tử của Phật có ăn ở đúng như pháp chăng ? Thời nên quyết định đáp rằng có đúng như pháp mà ở. Đây gọi là quyết định đáp.

Thế nào là phân biệt mà đáp ? - Như đức Phật giảng nói bốn chơn đế. - Thế nào là bốn ? - Là khổ, tập diệt, đạo. - Sao gọi rằng Khổ đế ? - Vì có tám điều khổ nên gọi là Khổ đế. - Thế nào là Tập đế ? - Vì là nhơn của ngũ ấm nên gọi là Tập đế. - Thế nào là Diệt đế ? - Vì đã dứt hẳn tham sân si nên gọi là Diệt đế - Thế nào là Đạo đế ? - Ba mươi bảy pháp trợ đạo gọi đó là Đạo đế. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

Thế nào là theo lời hỏi mà đáp ? Hỏi rằng đức Thế Tôn nói những pháp gì là vô thường ? - Đáp rằng đức Như Lai nói pháp hữu vi là vô thường. Vô ngã cũng như vậy. - Hỏi rằng đức Thế Tôn vì những pháp gì mà nói tất cả đốt cháy ? - Đáp rằng đức Như Lai vì tham, sân, si mà nói tất cả đốt cháy.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai có mười Trí lực, bốn Vô sở úy, ba Niệm xứ, Đại từ Đại bi, Thủ Lăng Nghiêm v.v... tám muôn ức môn tam muội, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, năm trí ấm v.v... ba muôn năm

ngàn môn tam muội, Kim Cang định v.v... ?, bốn ngàn hai trăm môn tam muội, vô lượng vô biên phương tiện tam muội, những công đức trên đây là Phật tánh của Phật. Phật tánh này có bảy điều : Thường, lạc, ngã, tịnh, chơn, thật và thiện. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh của Bồ Tát thân rốt sau có sáu điều :Thường, tịnh, chơn, thật, thiện và thiểu kiến. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

Như trước kia ông hỏi : Người dứt mất căn lành có Phật tánh. Người này cũng có Phật tánh của Như Lai, cũng có Phật tánh của Bồ Tát thân rốt sau. Hai Phật tánh này vì chướng ngại vị lai nên được gọi là không, vì rốt ráo sẽ được nên gọi là có. Đây gọi là phân biệt mà đáp.

Phật tánh của Như Lai chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai.

Phật tánh của Bồ Tát thân rốt sau là hiện tại và vị lai : Vì có thể thấy phần ít nên gọi là hiện tại, vì chưa thấy đầy đủ nên gọi là vị lai.

Đức Như Lai lúc chưa chứng được Vô Thượng Bồ Đề, về nhơn Phật tánh cũng là quá khứ, hiện tại và vị lai. Về quả Phật tánh thời chẳng như vậy : Có là ba đời, có chẳng phải ba đời.

Phật tánh của Bồ Tát thân rốt sau về nhơn cũng là ba đời, về quả cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà đáp.

Phật tánh của Cửu Trụ Bồ Tát có sáu điều : Thường, thiện, chơn, thật, tịnh, khả kiến. Nhơn Phật tánh cũng là ba đời, quả cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà nói.

Bát Trụ Bồ Tát xuống đến bực Lục Trụ, Phật tánh có năm điều : Chơn, thật, tịnh, thiện và khả kiến. Nhơn Phật tánh cũng là ba đời, quả cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà đáp.

Ngũ Trụ Bồ Tát xuống đến bực Sơ Trụ, Phật tánh có năm điều : Chơn, thật, tịnh, khả kiến và thiện bất thiện.

Này Thiện nam tử ! Năm thứ Phật tánh, sáu thứ Phật tánh, bảy thứ Phật tánh, người dứt mất căn lành quyết sẽ được nên gọi là có, đây gọi là phân biệt mà đáp.

Nếu nói rằng người dứt mất căn lành quyết định có Phật tánh, quyết định không Phật tánh. Đây gọi là yên lặng mà đáp.

- Bạch Thế Tôn ! Tôi nghe rằng chẳng đáp mới gọi là yên lặng mà đáp. Nay cớ gì đức Như Lai đáp mà lại gọi là yên lặng đáp ?

- Này Thiện nam tử ! Ta cũng chẳng nói ra, để đó chẳng giải đáp nên gọi là yên lặng mà đáp.

Này Thiện nam tử ! Yên lặng đáp như vậy lại có hai thứ : Một là ngăn dứt, hai là chẳng chấp trước. Do nghĩa này nên được gọi là yên lặng đáp.

(*) - Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật nói, thế nào gọi rằng nhơn Phật tánh cũng là ba đời, quả cũng là ba đời, lại chẳng phải là ba đời ?

- Này Thiện nam tử ! Ngũ ấm có hai thứ : Một là nhơn, hai là quả. Nhơn ngũ ấm này cũng là ba đời, quả ngũ ấm này cũng là ba đời mà cũng chẳng phải là ba đời.

Này Thiện nam tử ! Tất cả những kiết sử vô minh phiền não đều là Phật tánh, vì là nhơn của Phật tánh. Từ vô minh, hành và các phiền não mà được ngũ ấm lành, đây gọi là Phật tánh. Từ ngũ ấm lành nhẫn đến chứng đặng Vô Thượng Bồ Đề. Do đây nên trong kinh ta nói trước rằng Phật tánh của chúng sanh như sữa lẫn lộn trong máu. Máu là nói vô minh, hành v.v... tất cả những phiền não. Sữa là nói ngũ ấm lành. Nên ta nói rằng do từ những phiền não và ngũ ấm lành mà chứng được Vô Thượng Bồ Đề như thân chúng sanh đều do từ tinh huyết mà được thành, Phật tánh cũng như vậy.

Bực Tu Đà Hoàn và Tư Đà Hàm dứt phần ít phiền não, Phật tánh của những bực này như sữa. Bực A Na Hàm Phật tánh như lạc. Bực A La Hán Phật tánh như sanh tô. Từ bực Bích Chi Phật đến Thập Trụ Bồ Tát, Phật tánh như thục tô, Phật tánh của đức Như Lai như đề hồ.

(*) Hán bộ quyển thứ 35.

Này Thiện nam tử ! Vì phiền não hiện tại chướng ngăn làm cho chúng sanh chẳng thấy được Phật tánh. Như trong núi Hương Sơn có cỏ nhẫn nhục chẳng phải tất cả bò đều có thể được ăn. Phật tánh cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

- Bạch Thế Tôn ! Năm thứ, sáu thứ, bảy thứ Phật tánh, nếu là đến vị lai sẽ có, tại sao nói rằng người dứt căn lành có Phật tánh ?

- Này Thiện nam tử ! Như các chúng sanh có nghiệp quá khứ, do nghiệp này mà chúng sanh thọ lấy quả báo hiện tại. Có nghiệp vị lai vì chưa sanh nên trọn chẳng thành quả. Chúng sanh hiện tại có phiền não, nếu không phiền não thời tất cả chúng sanh lẽ ra phải thấy rõ Phật tánh hiện tại. Do đây nên có thể dứt căn lành, do năng lực Phật tánh đời vị lai nên căn lành sanh trở lại.

- Bạch Thế Tôn ! Đời vị lai thế nào có thể sanh căn lành ?

- Này Thiện nam tử ! Như ngọn đèn và mặt trời dầu lại là vị lai mới sáng nhưng cũng phá tối tăm. Tánh vị lai có thể sanh ra chúng sanh, Phật tánh đời vị lai cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu nói ngũ ấm là Phật tánh tại sao nói rằng Phật tánh của chúng sanh chẳng phải trong chẳng phải ngoài.

Này Thiện nam tử ! Cớ sao quên mất như vậy. Trước kia ta chẳng nói rằng Phật tánh của chúng sanh là trung đạo ư ?

- Bạch Thế Tôn ! Thiệt ra tôi chẳng quên lời Phật dạy. Chỉ vì chúng sanh chẳng hiểu được trung đạo này nên bạch hỏi đức Phật như vậy.

- Này Thiện nam tử ! Chỗ mà chúng sanh chẳng hiểu được chính đó là trung đạo. Có lúc hoặc có hiểu hoặc có người chẳng hiểu. Ta vì muốn làm cho chúng sanh được hiểu rõ nên nói Phật tánh của chúng sanh chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Vì kẻ phàm phu cho rằng Phật tánh ở trong ngũ ấm, như trái cây đựng trong chậu. Cũng có kẻ cho rằng rời ngoài ngũ ấm mà có Phật tánh, như hư không. Do đây nên đức Như Lai nói nghĩa trung đạo : Phật tánh của chúng sanh chẳng phải là sáu căn ở trong, chẳng phải là sáu trần ở ngoài. Vì hiệp trong và ngoài nên gọi là trung đạo. Do đây đức Như Lai nói rằng : Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, nên gọi là trung đạo, đây là phân biệt mà giải đáp.

Này Thiện nam tử ! Thế nào gọi là chẳng phải trong chẳng phải ngoài ?

Này Thiện nam tử ! Có người nói rằng Phật tánh chính là ngoại đạo, vì các bực đại Bồ Tát trải qua vô lượng kiếp ở trong ngoại đạo, mà dứt phiền não

điều phục tâm của mình, giáo hóa vô lượng chúng sanh, rồi sau mới được Vô Thượng Bồ Đề.

Hoặc có người cho rằng Phật tánh chính là nội đạo. Vì đại Bồ Tát dầu trong vô lượng kiếp tập học ngoại đạo, nhưng nếu rời nội đạo thời chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Đức Như Lai vì ngăn hai thứ chấp trước này nên nói rằng Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng gọi là trong ngoài, đây là Trung đạo.

Có người nói Phật tánh chính là thân Kim Cang của Như Lai : ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Có người nói Phật tánh chính là mười trí lực, bốn món vô sở úy, đại từ đại bi, tam niệm xứ, Thủ Lăng Nghiêm v.v... Tất cả môn tam muội, vì do những tam muội này mà sanh ra thân Kim Cang ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Đức Như Lai vì ngăn hai sự chấp trước này nên nói rằng Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài cũng là trong ngoài, đây gọi là trung đạo.

Này Thiện nam tử ! Có người cho rằng Phật tánh chính là trong tâm khéo tư duy, vì rời khéo tư duy thời chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề. Có người nói rằng Phật tánh chính là do nghe pháp với người khác, vì nghe pháp với người khác thời có thể trong tâm khéo tư duy, nếu chẳng nghe pháp thời không tư duy.

Do đây nên Như Lai vì ngăn hai sự chấp trước này nên nói Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài cũng là trong ngoài, đây gọi là trung đạo.

Lại có người nói Phật tánh là ngoài nghĩa là Đàn Ba la mật. Từ Đàn Ba la mật mà chứng được Vô Thượng Bồ Đề. Có người nói Phật tánh là trong nghĩa là năm môn Ba la mật, vì rời năm môn này thời không có nhơn quả Phật tánh.

Do đây nên Như Lai vì ngăn hai thứ chấp trước này mà nói Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, đây gọi là trung đạo.

Này Thiện nam tử ! Có người nói Phật tánh ở nơi trong, như viên bảo châu trên trán của lực sĩ, vì thường, lạc, ngã, tịnh như bảo châu. Có người nói Phật tánh ở nơi ngoài như kho báu của bần nữ, vì do phương tiện mà được thấy.

Vì ngăn hai thứ chấp trước này nên đức Như Lai nói rằng Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài cũng là trong ngoài, đây gọi là trung đạo.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh của chúng sanh chẳng phải có chẳng phải không. Vì Phật tánh dầu là có nhưng chẳng phải như hư không, vì hư không của thế gian dầu dùng vô lượng thiện xảo phương tiện cũng chẳng thể thấy được, còn Phật tánh thời có thể thấy, do đây nên Phật tánh dầu là có nhưng chẳng phải như hư không.

Phật tánh dầu là không nhưng chẳng đồng như sừng thỏ. Vì lông rùa, sừng thỏ dầu dùng vô lượng thiện xảo phương tiện cũng chẳng thể sanh lên được, còn Phật tánh thời có thể sanh. Do đây nên Phật tánh chẳng phải có chẳng phải không, cũng là có cũng là không.

Thế nào gọi là có ? Tất cả chúng sanh đều có chẳng dứt chẳng diệt, dường như ngọn đèn, mãi đến chứng đặng Vô Thượng Bồ Đề, nên gọi là có Phật tánh.

Thế nào gọi là không ? Tất cả chúng sanh hiện tại chưa có đủ tất cả Phật pháp thường, lạc, ngã, tịnh, nên gọi là không Phật tánh.

Vì có và không hiệp lại chính là Trung đạo, nên đức Như Lai nói Phật tánh chúng sanh chẳng phải có chẳng phải không.

Này Thiện nam tử ! Như có người hỏi trong hột giống này có trái hay không ? Tất phải đáp rằng cũng có cũng không. Vì ngoài hột giống thời không thể sanh ra trái nên gọi là có, còn hột giống chưa mọc mộng nên gọi rằng không. Do nghĩa này nên nói cũng có cũng không. Vì thời tiết có khác, nhưng thể chất của hột giống là một. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Nếu nói rằng trong chúng sanh riêng có Phật tánh thời không đúng nghĩa. Vì chúng sanh là Phật tánh, Phật tánh là chúng sanh, chỉ do thời gian có tịnh và bất tịnh sai khác.

- Này Thiện nam tử ! Nếu có người hỏi hột này có thể sanh trái chăng, trái này có thể sanh hột chăng ? Tất phải đáp rằng cũng sanh cũng chẳng sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Như người đời nói rằng trong sữa có chất lạc, nghĩa này như thế nào ?

- Này Thiện nam tử ! Nếu nói trong sữa có chất lạc thời là chấp trước. Nếu nói trong sữa không chất lạc thời là hư vọng. Tất phải nói rằng cũng có cũng không. Từ sữa sanh ra chất lạc : Nhơn là sữa, quả là lạc, đây gọi là có. Màu sắc cùng mùi vị đều khác nhau, ăn dùng cũng chẳng đồng : Bịnh nóng thời dùng sữa, bịnh lạnh thời dùng lạc, sữa sanh bịnh lạnh, lạc sanh bịnh nóng.

Nếu nói trong sữa có tánh của lạc, sữa là lạc, lạc là sữa, hai thứ đồng một tánh, nhơn duyên gì mà sữa lại có trước, còn lạc chẳng sanh ra trước ? Nếu có nhơn duyên tại sao tất cả người đời chẳng nói ? Nếu không nhơn duyên cớ sao lạc chẳng sanh ra trước ? Nếu lạc chẳng sanh ra trước thời ai làm ra có thứ tự : Sữa, lạc, sanh tô, thục tô, đề hồ ? Do đây nên biết rằng chất lạc trước không có nay mới có, nếu là trước không nay có thời là pháp vô thường.

Này Thiện nam tử ! Nếu nói rằng trong sữa có chất lạc có thể sanh ra lạc, trong nước không có chất lạc nên chẳng sanh ra lạc, lời này không đúng nghĩa. Vì nước cỏ cũng có tánh chất của sữa và lạc, vì do

nước cỏ mà sanh ra sữa và lạc. Nếu nói trong sữa quyết định có chất lạc, còn nước cỏ không chất lạc, lời này gọi là hư vọng, vì tâm chẳng bình đẳng nên gọi là hư vọng.

Này Thiện nam tử ! Nếu nói trong sữa quyết định có chất lạc, thời lẽ ra trong chất lạc cũng quyết định có chất sữa. Cớ gì trong sữa sanh ra lạc mà trong lạc chẳng sanh ra sữa ? Nếu là không duyên cớ thời nên biết rằng chất lạc này trước không mà nay có. Do đây nên người trí phải nói rằng trong sữa chẳng phải có chất lạc chẳng phải không chất lạc.

Này Thiện nam tử ! Do đây nên đức Như Lai từng nói trong khế kinh rằng : Nếu cho tất cả chúng sanh quyết định có Phật tánh thời gọi là chấp trước, nếu cho không Phật tánh thời gọi là hư vọng. Người trí nên nói rằng : Phật tánh của chúng sanh cũng có cũng không.

Này Thiện nam tử ! Do bốn pháp hòa hiệp mà có nhãn thức : Nhãn căn, sắc trần, ánh sáng, tác ý. Tánh nhãn thức này chẳng phải là nhãn căn, chẳng phải sắc trần, chẳng phải ánh sáng, chẳng phải tác ý. Do bốn pháp này hòa hiệp mà nhãn thức được sanh. Nhãn thức như vậy là trước không mà nay có, đã có trở lại không. Do đây nên biết rằng nhãn thức vốn không có tánh. Chất lạc ở trong sữa cũng như vậy.

Nếu nói rằng trong nước không chất lạc nên chẳng xuất sanh ra lạc, còn trong sữa sanh ra lạc, nên trong sữa quyết định có chất lạc. Lời nói trên đây không đúng nghĩa. Vì tất cả pháp : Nhơn khác, quả khác, cũng chẳng phải một nhơn sanh tất cả quả, chẳng phải tất cả quả từ một nhơn sanh. Như do bốn pháp sanh ra nhãn thức, chẳng nên nói rằng từ bốn pháp này phải sanh ra nhĩ thức hay tỹ thức.

Này Thiện nam tử ! Rời các phương tiện thời không thể được chất lạc trong sữa, cũng không thể từ chất lạc sanh ra chất tô. Do đây nên cần phải có phương tiện. Người trí chẳng nên có quan niệm rằng rời các phương tiện mà được chất lạc từ nơi sữa. Được sanh tô cũng như vậy.

Do đó nên trong khế kinh Ta từng nói : Vì "nhơn sanh nên có pháp, vì "Nhơn" diệt nên không pháp.

Này Thiện nam tử ! Như muối tánh chất là mặn có thể làm cho vật chẳng phải mặn thành mặn. Nếu vật chẳng phải mặn mà trước có tánh chất mặn, cớ sao người đời cho rằng chẳng phải là muối ư ! Nếu trước không mặn thời nên biết rằng trước không mà nay có, do các duyên khác mà thành mặn.

Nếu nói rằng tất cả vật chẳng mặn đều có tánh chất mặn vì quá ít nên chẳng biết, do tánh chất quá ít này nên muối có thể làm cho vật ấy thành mặn, nếu vốn không tánh chất mặn thời dầu có muối cũng

chẳng thể làm thành mặn được. Như hột giống tự nó có tứ đại, duyên nhờ tứ đại ngoài mà nó được tăng trưởng : Nẩy mầm, lên cây, đâm chồi, ra lá, tánh chất của muối cũng vậy. Lời nói trên đây không đúng nghĩa, vì vật chẳng mặn nếu trước đã có tánh chất mặn, muối lẽ ra cũng có tánh chất chút ít chẳng mặn. Muối này nếu có hai tánh chất như vậy, duyên cớ gì rời vật chẳng mặn nó không thể riêng dùng ? Do đây nên biết muối vốn không có hai tánh. Như muối không có hai tánh, tất cả vật chẳng mặn cũng không có hai tánh như vậy.

Nếu nói rằng tứ đại ngoài có năng lực làm tăng trưởng tứ đại trong. Lời nói này không đúng nghĩa, vì là theo thứ tự mà nói chẳng phải từ phương tiện : Trong sữa được chất lạc, chất sanh tô, nhẫn đến tất cả pháp đều cũng chẳng phải do phương tiện mà được, tứ đại cũng như vậy. Nếu nói từ tứ đại trong tăng trưởng tứ đại ngoài. Như trái Thi Lợi Sa, từ trước không hình chất, lúc gặp sao Mão mọc thời sanh trái lớn đủ năm tấc. Trái này thiệt chẳng do nơi tứ đại ngoài mà tăng trưởng.

Này Thiện nam tử ! Như mười hai bộ kinh của ta nói : Hoặc tùy tự ý mà nói, hoặc tùy tha ý mà nói, hoặc tùy tự tha ý mà nói.

Thế nào gọi là tùy tự ý mà nói ? Như năm trăm Tỳ Kheo hỏi Xá Lợi Phất : Bạch Đại Đức ! Phật nói nhơn của thân là những gì ? Xá Lợi Phất nói : Chư

Đại Đức cũng đều được chánh giải thoát tự mình nên biết đó, duyên cớ gì mà hỏi như vậy ? Có Tỳ Kheo nói : Bạch Đại Đức ! Lúc tôi chưa được chánh giải thoát, cho rằng vô minh là nhơn của thân, lúc quán sát như vậy chứng được quả A La Hán.

Lại có Tỳ Kheo nói : Bạch Đại Đức ! Lúc tôi chưa được chánh giải thoát, cho rằng thọ và vô minh là nhơn của thân, lúc quán sát như vậy đặng quả A La Hán.

Hoặc có Tỳ Kheo nói : Hành, thức, danh, sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, ẩm thực, ngũ dục là nhơn của thân.

Lúc đó năm trăm Tỳ Kheo mỗi người tự nói chỗ hiểu biết của mình rồi, bèn cùng nhau đến đảnh lễ chơn Phật, đi nhiễu ba vòng rồi ngồi qua một bên. Mỗi người tự đem chỗ hiểu của mình như đã nói ở trên mà bạch với Phật. Xá Lợi Phất bạch rằng : Thế Tôn ! Những Tỳ Kheo này ai là chánh thuyết, ai là không chánh thuyết?

Phật nói : Lành thay ! Lành thay ! Tất cả Tỳ Kheo đây đều là chánh thuyết cả.

Xá Lợi Phất bạch rằng : Thế Tôn ! Ý của đức Phật thế nào ?

- Này Xá Lợi Phất ! Ta vì chúng sanh trong cõi Dục mà nói cha mẹ là nhơn của thân.

Những kinh như vậy gọi là tùy tự ý mà nói.

Thế nào gọi là tùy tha ý mà nói ? Như Bả Tra La Trưởng giả đến hỏi ta rằng : Thưa Cù Đàm ! Ngài có biết ảo thuật chăng ? Nếu biết ảo thuật thời Ngài là nhà đại ảo thuật, còn nếu không biết thời Ngài chẳng phải là Nhứt thiết trí.

Phật nói : Này Trưởng giả ! Người biết ảo thuật có gọi là người ảo thuật chăng ?

Trưởng giả nói : Đúng vậy ! Đúng vậy ! Người biết ảo thuật chính là người ảo thuật.

Phật nói : Này Trưởng giả ! Trong nước Xá Vệ vua Ba Tư Nặc có gã Chiên Đà La tên là Khí Hứ, ông có biết không ?

Trưởng giả thưa rằng : Từ lâu tôi đã biết người ấy.

Phật nói : Từ lâu ông đã biết người ấy mà ông có thể chính là Chiên Đà La không ?

Trưởng giả thưa : Tôi dầu biết gã Chiên Đà La ấy, nhưng thân của tôi chẳng phải Chiên Đà La.

Phật nói : Ông biết được nghĩa ấy : Người biết Chiên Đà La chẳng phải là Chiên Đà La. Nay cớ sao ta chẳng được biết ảo thuật mà chẳng phải là ảo thuật ? Này Trưởng giả, thiệt ra ta biết ảo thuật, biết người ảo thuật, biết quả báo ảo thuật, biết nghề ảo thuật. Ta biết sát nghiệp, biết người sát nghiệp, biết quả báo sát nghiệp, biết giải thoát sát nghiệp, nhẫn

đến biết tà kiến, biết người tà kiến, biết quả báo tà kiến, biết giải thoát tà kiến.

Nếu Trưởng giả nói người chẳng phải ảo thuật gọi là người ảo thuật, người chẳng phải tà kiến gọi là người tà kiến, thời mắc vô lượng tội.

Trưởng giả nói : "Thưa Cù Đàm ! Cứ như lời của Ngài nói thời tôi mắc tội rất lớn. Nay tất cả của cải của tôi, tôi đem dâng cho Ngài tất cả. Mong Ngài chớ cho vua Ba Tư Nặc biết việc của tôi".

Phật nói : "Này Trưởng giả ! Tội của ông bất tất mất của. Ông sẽ do tội này mà phải bị đọa trong ba ác đạo".

Trưởng giả nghe nói đến ba ác đạo, kinh sợ bạch Phật rằng : "Thưa Thánh nhơn ! Nay tôi vì quên sót mà mắc lấy tội lớn. Thánh nhơn là bực Nhứt thiết trí tất là biết rõ con đường giải thoát. Nay tôi phải thế nào để được thoát khỏi địa ngục, ngạ quỉ và súc sanh ?".

Lúc đó đức Phật giảng giải về bốn lý chơn đế. Nghe xong, Trưởng giả chứng được quả Tu Đà Hoàn. Trong lòng hổ thẹn hướng về đức Phật mà sám hối : "Tôi vốn ngu si, đức Phật không phải người ảo mà nói là ảo. Ngày nay tôi xin quy y Tam Bảo".

Đức Phật nói : "Lành thay ! Lành thay !".

Đây gọi là tùy tha ý mà nói.

Thế nào gọi là tùy tự tha ý mà nói ? Như ta từng nói : Trong tất cả thế gian, người Trí nói có thời ta cũng nói có, người Trí nói không thời ta cũng nói không.

Người Trí nói trong đời nói sự vui ngũ dục có vô thường, khổ, vô ngã, đáng dứt diệt, thời ta cũng nói là có như vậy.

Người Trí trong đời nói không bao giờ có vui ngũ dục, mà có thường, lạc, ngã, tịnh, thời ta cũng nói là không bao giờ có.

Đây gọi là tùy tự tha ý mà nói.

Này Thiện nam tử ! Như ta nói bực Thập Trụ Bồ Tát thấy Phật tánh một phần ít. Đây gọi là tùy tha ý mà nói.

Thế nào gọi là thấy phần ít ? Thập Trụ Bồ Tát được ba ngàn môn Thủ Lăng Nghiêm Tam muội v.v... nên biết rõ mình sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng thấy tất cả chúng sanh quyết định được Vô Thượng Bồ Đề, do đây nên ta nói bực Thập Trụ Bồ Tát thấy Phật tánh phần ít.

Này Thiện nam tử ! Ta thường tuyên nói : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đây gọi là tùy tự ý mà nói.

Tất cả chúng sanh chẳng đoạn chẳng diệt mãi đến chứng được Vô Thượng Bồ Đề. Đây gọi là tùy tự ý mà nói.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì phiền não che ngăn nên chẳng thể thấy được. Ta nói như vậy, ông cũng nói như vậy. Đây gọi là tùy tự tha ý mà nói.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai có lúc vì một pháp mà nói vô lượng pháp. Như trong khế kinh nói : Tất cả phạm hạnh nhơn nơiThiện tri thức. Tất cả phạm hạnh dầu có vô lượng nhơn, nhưng nói Thiện tri thức thời đã nhiếp hết cả.

Như ta từng nói : Tất cả ác hạnh nhơn nơi tà kiến. Tất cả ác hạnh dầu có vô lượng nhơn nhưng nói tà kiến thời đã nhiếp hết cả.

Hoặc như Ta nói : Tín tâm là nhơn của Vô Thượng Bồ Đề, dẫu Bồ Đề có vô lượng nhơn, nhưng nói tín tâm thời đã nhiếp hết cả.

Này Thiện nam tử ! Dầu đức Như Lai nói vô lượng pháp là Phật tánh, nhưng chẳng rời ấm, nhập, giới.

Này Thiện nam tử ! Vì chúng sanh nên đức Như Lai thuyết pháp có bảy thứ từ ngữ : Một là từ ngữ về nhơn, hai là từ ngữ về quả, ba là từ ngữ về nhơn quả, bốn là từ ngữ về ví dụ, năm là từ ngữ bất ưng thuyết, sáu là từ ngữ về thế đế lưu bố, bảy là từ ngữ như ý.

Thế nào gọi là từ ngữ về Nhơn ?

Trong Nhơn hiện tại nói quả báo vị lai. Như ta từng bảo Tỳ Kheo : Ông xem chúng sanh ưa sát hại nhẫn đến ưa tà kiến, phải biết đó là người địa ngục vậy. Nếu có người chẳng ưa sát hại nhẫn đến chẳng

ưa tà kiến, phải biết đó là người cõi trời. Đây gọi là từ ngữ về Nhơn.

Thế nào là từ ngữ về Quả ?

Trong quả báo hiện tại nói nhơn quá khứ. Như trong khế kinh ta bảo Tỳ Kheo : Như ông thấy mấy người nghèo khó, hình dung xấu xa, không được thong thả, phải biết rằng những người ấy quyết định đời trước có phá giới, tật đố, sân hận, không lòng hổ thẹn. Nếu thấy người giàu có, lành mạnh, có thế lực, phải biết rằng người này đời trước quyết định có trì giới, bố thí, tinh tấn, hổ thẹn, không lòng tật đố, sân hận. Đây gọi là từ ngữ về Quả.

Thế nào là từ ngữ về Nhơn Quả ?

Như trong khế kinh ta bảo các Tỳ Kheo chúng sanh hiện tại lục nhập, xúc làm nhơn đây gọi là nghiệp quả quá khứ. Đức Như Lai cũng gọi đó là nghiệp, nghiệp này làm nhơn duyên sẽ có quả vị lai. Đây gọi là từ ngữ về Nhơn Quả.

Thế nào là từ ngữ về Ví dụ ?

Như nói rằng Sư Tử Vương dụ cho thân của Phật. Cũng nói những ví dụ : Đại Tượng Vương, Đại Long Vương, cây Ba Lợi Chất Đa La, đấng Thất Bảo, Đại Hải, núi Tu Di, quả đất, mưa to, Thuyền Sư, Đạo Sư, Điều Ngự Trượng Phu, Đại Lực Sĩ, Ngưu Vương, Bà La Môn, Sa Môn, Đại Thành, cây Đa La, đây gọi là từ ngữ về Ví dụ.

Thế nào là từ ngữ Bất ưng thuyết ? Như trong kinh ta từng nói : Trời đất có thể hiệp, con sông chẳng chảy vào biển. Như ta nói với vua Ba Tư Nặc bốn phía núi đồng đến. Như ta vì Lộc Mẫu Ưu Bà Di nói nếu cây Ta La có thể thọ giới Bát quan trai thời nó được hưởng thọ sự vui sướng cõi trời cõi người. Thà nói Thập trụ Bồ Tát có tâm thối chuyển chẳng nên nói đức Như Lai nói hai lời. Thà nói bực Tu Đà Hoàn đọa ba ác đạo chẳng nên nói Thập trụ Bồ Tát có tâm thối chuyển. Đây gọi là từ ngữ Bất ưng thuyết.

Thế nào là từ ngữ Thế đế lưu bố ? Như Phật nói : Nam, nữ, lớn, nhỏ, đến, đi, nằm, ngồi, xe cộ, nhà cửa, bình, áo, chúng sanh, thường, lạc, ngã tịnh, quân, rừng, thành, ấp, tăng, phường, hiệp, tan. Đây gọi là từ ngữ về Thế đế lưu bố.

Thế nào là từ ngữ Như ý ? Như ta quở trách người hủy phạm cấm giới khiến họ tự trách hộ trì cấm giới. Như ta khen ngợi bực Tu Đà Hoàn, khiến hàng phàm phu sanh tâm lành. Ngợi khen Bồ Tát làm cho chúng sanh phát tâm Bồ Đề, nói những sự khổ não của ba ác đạo khiến chúng sanh tu tập các pháp lành. Chỉ vì tất cả pháp hữu vi mà nói tất cả đều đốt cháy, vô ngã cũng như vậy, nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh khiến mọi người chẳng phóng dật. Đây gọi là từ ngữ Như ý.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai lại có từ ngữ tùy tự ý : Như nói Phật tánh của Như Lai có hai thứ : Một là có, hai là không.

Có, là Như Lai có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười trí lực, bốn vô sở úy, ba niệm xứ, đại từ, đại bi, Thủ Lăng Nghiêm v.v... Vô lượng tam muội, Kim cang v.v... Vô lượng tam muội, phương tiện v.v... Vô lượng tam muội, năm trí ấn v.v... Vô lượng tam muội.

Không, là Như Lai không có các điều thiện, bất thiện, vô ký, nghiệp nhơn quả báo, phiền não, ngũ ấm, mười hai nhơn duyên.

Này Thiện nam tử ! Như có và không, thiện bất thiện, hữu lậu vô lậu, thế gian phi thế gian, thánh phi thánh, hữu vi vô vi, thật bất thật, tịch tịnh, phi tịch tịnh, tránh phi tránh, giới phi giới, phiền não phi phiền não, thủ phi thủ, thọ ký phi thọ ký, hữu phi hữu, tam thế phi tam thế, thời phi thời, thường vô thường, ngã vô ngã, lạc vô lạc, tịnh vô tịnh, sắc thọ tưởng hành thức, phi sắc thọ tưởng hành thức, nội nhập phi nội nhập, ngoại nhập phi ngoại nhập, thập nhị nhơn duyên phi thập nhị nhơn duyên. Đây là Phật tánh của Như Lai hai thứ có và không, nhẫn đến nhứt xiển đề Phật tánh hai thứ có và không cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Dầu ta nói rằng : Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng chúng sanh chẳng hiểu

những từ ngữ tùy tự ý của Phật như vậy. Những lời như vậy bực tối hậu thân Bồ Tát còn chẳng hiểu được huống là những Bồ Tát khác và hàng Nhị thừa.

Này Thiện nam tử ! Trước kia có một lúc tại núi Kỳ Xà Quật, ta cùng Di Lặc Bồ Tát luận về Thế đế, mà Xá Lợi Phất v.v... Năm trăm vị Thanh Văn đều chẳng hiểu biết những việc ấy, huống là việc xuất thế Đệ nhứt nghĩa đế.

Này Thiện nam tử ! Hoặc có Phật tánh nhứt xiển đề có mà người thiện căn thời không. Hoặc có Phật tánh người thiện căn thời có còn nhứt xiển đề thời không. Hoặc có Phật tánh cả hai đều có, hoặc cả hai đều không. Nếu hàng đệ tử của ta hiểu bốn nghĩa như vậy, chẳng nên gạn rằng nhứt xiển đề quyết định có Phật tánh hay quyết định không Phật tánh.

Như nói chúng sanh đều có Phật tánh, đây là từ ngữ tùy tự ý của Như Lai. Từ ngữ tùy tự ý của Như Lai như vậy, sao chúng sanh lại nhận hiểu quyết định một bề.

Này Thiện nam tử ! Như trong sông Hằng có bảy hạng chúng sanh : Một là chìm luôn, hai là tạm nổi lên lại chìm, ba là nổi lên rồi thời dừng lại, bốn là nổi lên rồi xem khắp bốn phương, năm là xem khắp rồi thời đi, sáu là đi rồi lại đứng lại, bảy là dưới nước trên bờ đều đi.

Nói chìm luôn, là cá lớn mang nghiệp ác lớn thân nặng ở sâu nên chìm luôn.

Nói tạm thời nổi lên rồi lại chìm, là cá lớn vì nghiệp ác thân nặng ở chỗ cạn tạm thời thấy ánh sáng, do ánh sáng tạm thời nổi lên, rồi vì thân nặng mà lại chìm xuống.

Nói nổi lên rồi ở lại, là cá Kỳ Di ở chỗ nước cạn thích thấy ánh sáng nên nổi lên rồi ở lại.

Nói xem khắp bốn phương, là cá Tích vì kiếm ăn mà xem khắp bốn phương.

Xem khắp rồi đi, là nói cá Tích ấy thấy vật đằng xa cho là ăn được nên mau lội đến.

Đi rồi lại đứng lại, là cá này đi rồi đã đặng đồ ăn bèn dừng lại.

Nói dưới nước trên bờ đều đi tức là Linh Qui vậy.

Này Thiện nam tử ! Con sông Đại Niết Bàn vi diệu này, trong đó cũng có bảy hạng chúng sanh : Từ hạng ban đầu thường chìm, nhẫn đến hạng thứ bảy hoặc xuống nước hoặc lên bờ.

Nói thường chìm, là như có người nghe kinh Đại Niết Bàn, nói rằng đức Như Lai thường trụ không có biến đổi, là thường, lạc, ngã, tịnh trọn chẳng nhập Niết Bàn, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đến hạng nhứt xiển đề cũng ắt sẽ thành đạo Bồ Đề, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích

Chi Phật v.v... ắt sẽ được thành Vô Thượng Bồ Đề. Người này nghe lời trên đây không tin mà nghĩ và nói rằng kinh điển Đại Niết Bàn này là sách ngoại đạo chẳng phải kinh Phật. Lúc bây giờ người này xa lìa bạn lành, chẳng nghe chánh pháp, dầu có lúc được nghe nhưng chẳng thể tư duy, dầu có tư duy nhưng chẳng tư duy pháp lành, vì chẳng tư duy pháp lành nên trụ nơi pháp ác. Người trụ nơi pháp ác có sáu hạng : Một là ác, hai là vô thiện, ba là ô pháp, bốn là tăng hữu, năm là não nhiệt, sáu là thọ quả ác, do đây nên gọi là chìm.

Cớ sao gọi là chìm ? Vì không tâm lành mà thường làm việc ác, vì chẳng tu tập pháp đối trị, nên gọi là chìm.

Nói rằng ác là vì Thánh nhơn quở trách, vì tâm sợ sệt, vì xa lìa người lành, vì không lợi ích chúng sanh, nên gọi là ác.

Nói rằng vô thiện là vì có thể sanh vô lượng quả báo ác, vì thường bị vô minh buộc ràng, vì thích cùng người ác làm bạn, vì không tu tập những phương tiện lành, vì tâm họ điên đảo luôn sai lầm.

Nói rằng ô pháp là vì thân khẩu thường nhiễm ô, vì nhiễm ô chúng sanh thanh tịnh, vì thêm lớn nghiệp chẳng lành, vì xa lìa pháp lành, đây gọi là ô pháp.

Nói tăng hữu là ba người như trên thật hành những pháp ác, có thể thêm địa ngục, súc sanh, ngạ

quỉ, chẳng thể tu tập pháp giải thoát, thân, khẩu, ý chẳng nhàm các cõi, đây gọi là tăng hữu.

Nói rằng não nhiệt là những người này, làm đủ bốn việc như trên có thể khiến thân tâm não nhiệt, xa lìa tịch tịnh thời gọi là nhiệt, bị quả báo địa ngục nên gọi là nhiệt, đốt cháy các chúng sanh nên gọi là nhiệt, đốt cháy các pháp lành nên gọi là nhiệt, người này chẳng có tín tâm mát mẻ nên gọi là nhiệt.

Nói rằng thọ lấy quả ác là người này làm đủ năm việc trên khi chết đọa địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh. Có ba việc ác nên gọi là quả ác : Một là phiền não ác, hai là nghiệp ác, ba là báo ác, đây gọi là thọ lấy quả báo ác. Người này có đủ sáu việc như trên thời có thể làm dứt mất căn lành tạo tội ngũ nghịch, phạm bốn tội trọng, hủy báng Tam Bảo, dùng của vật của chúng Tăng, có thể làm những việc phi pháp, do đây nên chìm đắm ở trong địa ngục A Tỳ, thân hình rộng lớn tám muôn bốn ngàn do diên, vì người này nghiệp ác nơi thân, khẩu, ý quá nặng nên không thể ra khỏi được, vì tâm họ chẳng thể sanh pháp lành, dầu có vô lượng chư Phật ra đời cũng chẳng được nghe được thấy, đây gọi là thường chìm. Như cá lớn trong sông Hằng.

Này Thiện nam tử ! Dầu ta nói nhứt xiển đề gọi là thường chìm, nhưng lại có hạng thường chìm, mà chẳng phải nhứt xiển đề : Như người vì cõi hữu lậu mà bố thí trì giới làm các việc lành, đây cũng gọi là thường chìm.

Này Thiện nam tử ! Có bốn việc lành mang lấy quả ác : Một là vì hơn người mà đọc tụng kinh điển, hai là vì lợi dưỡng mà thọ trì cấm giới, ba là vì hệ thuộc người khác mà làm việc bố thí, bốn là vì cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng mà nhiếp niệm tư duy, đây là bốn điều lành được quả báo ác. Nếu người thật hành bốn việc như vậy thời gọi là chìm rồi lại nổi lên, nổi lên rồi lại chìm xuống. Vì ưa thích ba cõi hữu lậu nên gọi là chìm. Vì thấy ánh sáng tức là được nghe pháp trì giới, bố thí, thiền định đây gọi là nổi lên. Thêm lớn tà kiến sanh kiêu mạn nên gọi là lại chìm xuống. Do đây nên trong khế kinh ta nói kệ rằng :

Nếu có chúng sanh thích các cõi
Vì các cõi mà tạo nghiệp ác
Người này mê mất đạo Niết Bàn
Đây là tạm nổi lại chìm xuống.
Đi nơi biển sanh tử tối tăm
Dầu được giải thoát xen phiền não
Người này lại thọ quả báo ác.
Đây là tạm ra lại chìm xuống.

Này Thiện nam tử ! Như cá lớn kia do thấy ánh sáng tạm thời nổi lên khỏi nước, vì thân nặng nên lại chìm xuống, hai hạng người trên đây cũng lại như vậy.

Này Thiện nam tử ! Hoặc có người tham đắm ba cõi hữu lậu đây gọi là chìm. Được nghe kinh Đại Niết Bàn này mà sanh lòng tin, đây gọi là nổi lên. Duyên cớ gì gọi đó là nổi lên ? Vì nghe kinh này rồi xa lìa pháp ác tu tập pháp lành, nên gọi là nổi lên. Người này dầu tin nhưng cũng chẳng đầy đủ. Duyên cớ gì tín tâm chẳng đầy đủ ? Người này dầu tin Đại Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh, mà nói rằng thân Như Lai là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Đức Như Lai có hai thứ Niết Bàn : Một là hữu vi, hai là vô vi. Hữu vi Niết Bàn không có thường, lạc, ngã, tịnh. Vô vi Niết Bàn có thường, lạc, ngã, tịnh. Dầu tin Phật tánh là chúng sanh có, nhưng bất tất là tất cả đều có. Do đây nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Này Thiện nam tử ! Tín tâm có hai thứ : Một là tin, hai là cầu. Người như trên đây dầu có tín tâm, nhưng chẳng thể suy cầu, nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Tín tâm lại có hai thứ : Một là từ nghe pháp mà sanh lòng tin, hai là từ tư duy mà sanh lòng tin. Tín tâm của người này do nghe pháp mà sanh chẳng phải do tư duy, nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Tín tâm lại có hai thứ : Một là tin có Thánh đạo, hai là tin người đắc đạo. Người này dầu tin có Thánh đạo, nhưng trọn chẳng tin có người đắc đạo, nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Tín tâm lại có hai thứ : Một là tin chánh, hai là tin tà. Nói rằng có nhơn quả, có Phật, Pháp, Tăng, đây gọi là tin chánh. Nói rằng không nhơn quả, tánh Tam Bảo khác nhau, tin theo những lời tà của ngoại đạo, đây gọi là tin tà. Người này dầu tin Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo, nhưng chẳng tin Tam Bảo đồng một tánh tướng, dầu tin nhơn quả nhưng chẳng tin người đắc quả, nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Người này trọn nên tín tâm chẳng đầy đủ, thọ trì cấm giới cũng chẳng đầy đủ. Vì nhơn chẳng đầy đủ nên chỗ được cấm giới cũng chẳng đầy đủ. Lại giới có hai thứ : Một là oai nghi, hai là tùng giới. Người này dầu đầy đủ những giới về oai nghi nhưng chẳng đầy đủ những giới về tùng giới, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ : Một là tác giới, hai là vô tác giới. Người này dầu có tác giới nhưng chẳng đủ vô tác giới, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ : Một là từ thân khẩu mà được chánh mạng, hai là từ thân khẩu chẳng được chánh mạng. Người này dầu từ thân khẩu nhưng chẳng được chánh mạng, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ : Một là cầu giới, hai là xả giới. Người này dầu đủ giới do cầu mà có nhưng chẳng được giới do xả mà có, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ : Một là tùy hữu, hai là tùy đạo. Người này dầu đủ giới tùy hữu nhưng chẳng đủ giới tùy đạo, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ : một là thiện giới, hai là ác giới. Thân khẩu, ý lành gọi là thiện giới. Ngưu giới, Cẩu giới v.v... gọi là ác giới. Người này rất tin cả hai thứ giới đây đều có quả lành, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Người này chẳng đầy đủ hai điều : Tín tâm và giới, nên chỗ tu tập đa văn cũng chẳng đầy đủ. Thế nào gọi là đa văn chẳng đầy đủ ? Mười hai bộ kinh của đức Như Lai nói ra người này chỉ tin sáu bộ, mà chẳng tin sáu bộ, nên gọi là đa văn chẳng đầy đủ. Người này dầu thọ trì sáu bộ kinh đây nhưng không thể đọc tụng cùng giảng giải cho người, không chỗ lợi ích, nên gọi là đa văn chẳng đầy đủ. Hoặc người này thọ trì sáu bộ kinh đây rồi mà vì luận nghị, vì hơn người, vì lợi dưỡng, vì các cõi hữu lậu mà đọc tụng giảng thuyết nên gọi là đa văn chẳng đầy đủ.

Này Thiện nam tử ! Ở trong khế kinh ta từng nói đa văn đầy đủ. Thế nào là đầy đủ ? Nếu có Tỳ Kheo thân, khẩu, ý đều lành, trước có thể cúng dường Hòa Thượng, chư Sư, những người có đức. Chư Sư này đối với người ấy sanh lòng thương mến, nên đem kinh pháp truyền dạy cho. Người này chí tâm thọ trì, tụng tập, được trí huệ. Được trí huệ rồi có

thể khéo tư duy thật hành đúng như pháp. Khéo tư duy rồi thời được chánh nghĩa. Được chánh nghĩa rồi thân tâm tịch tịnh. Thân tâm đã tịch tịnh thời sanh hỷ tâm. Do hỷ tâm mà được định. Do được định nên được chánh tri kiến. Được chánh tri kiến rồi sanh lòng ăn năn nhàm chán các cõi hữu lậu. Vì nhàm chán các cõi nên được giải thoát.

Người trên đây không có những việc như vậy nên gọi là đa văn chẳng đầy đủ.

Người này chẳng đầy đủ ba việc như vậy nên bố thí cũng chẳng đầy đủ.

Bố thí có hai thứ : Một là tài thí, hai là pháp thí, người này dầu thật hành về tài thí nhưng vì cầu cõi hữu lậu, dầu thật hành pháp thí nhưng cũng chẳng đầy đủ, vì bí lẫn chẳng nói hết sợ người hơn mình, nên gọi là bố thí chẳng đầy đủ.

Hai thứ tài thí, pháp thí đều riêng có hai : Một là Thánh, hai là chẳng phải Thánh. Thánh nhơn bố thí rồi chẳng cầu quả báo. Người chẳng phải Thánh bố thí rồi cầu quả báo. Thánh nhơn bố thí pháp để làm cho pháp được tăng trưởng. Người chẳng phải Thánh bố thí pháp để tăng trưởng các cõi hữu lậu.

Người này vì tăng trưởng của cải mà thật hành tài thí, vì tăng trưởng cõi hữu lậu mà thật hành pháp thí, nên gọi là bố thí chẳng đầy đủ.

Lại người này lãnh thọ sáu bộ kinh, thấy người thọ pháp thời cung cấp cho, gặp người chẳng thọ pháp thời chẳng cung cấp, nên gọi là bố thí chẳng đầy đủ.

Người này chẳng đủ bốn điều như trên nên chỗ tu trí huệ cũng chẳng đầy đủ. Tánh của trí huệ là hay phân biệt. Người này chẳng thể phân biệt Như Lai là thường hay vô thường. Trong kinh Đại Niết Bàn này đức Phật nói Như Lai chính là giải thoát, giải thoát chính là Như Lai. Như Lai là Niết Bàn, Niết Bàn là giải thoát. Trong những nghĩa đây người này chẳng thể phân biệt được.

Đức Phật lại nói Phạm hạnh là Như Lai, Như Lai là từ, bi, hỷ, xả. Từ, bi, hỷ, xả là giải thoát, giải thoát là Niết Bàn, Niết Bàn là từ, bi, hỷ, xả. Trong những nghĩa đây, người này không phân biệt được, nên gọi là trí chẳng đầy đủ.

Người này lại chẳng phân biệt được Phật tánh, Phật tánh là Như Lai, Như Lai là tất cả pháp bất cộng, pháp bất cộng là giải thoát, giải thoát là Niết Bàn, Niết Bàn là pháp bất cộng. Người này lại chẳng phân biệt được bốn đế lý khổ, tập, diệt, đạo, vì không phân biệt được bốn đế lý nên chẳng biết Thánh hạnh, vì chẳng biết Thánh hạnh nên chẳng biết Như Lai, vì chẳng biết Như Lai nên chẳng biết giải thoát, vì chẳng biết giải thoát nên chẳng biết Niết Bàn, do đây nên gọi là trí chẳng đầy đủ.

Người này chẳng có đủ năm điều như vậy, thời thêm lớn hai pháp : Một là thêm pháp lành, hai là thêm pháp ác.

Thế nào gọi là thêm lớn pháp ác ? Người này chẳng biết rằng mình không đầy đủ, tự cho rằng đầy đủ mà sanh tâm tham trước, đối với người đồng hàng cho mình là hơn, do đây bèn gần gũi những bạn ác đồng với mình đã gần gũi bạn ác rồi lại được nghe những pháp chẳng đầy đủ, sanh tâm vui mừng nhiễm trước, kiêu mạn phóng dật, do phóng dật mà gần gũi người tại gia, thích nghe nói những việc tại gia, xa lìa pháp xuất gia thanh tịnh, do đây nên thêm lớn pháp ác, vì đã thêm pháp ác nên thân, khẩu, ý gây nghiệp chẳng thanh tịnh, vì ba nghiệp chẳng thanh tịnh nên thêm lớn địa ngục, súc sanh,ngạ quỉ. Đây gọi là tạm nổi lên lại chìm xuống.

Trong Phật pháp của ta ai là kẻ tạm nổi lên lại chìm xuống ? Chính là Đề Bà Đạt Đa, Cù Hòa Ly Tỳ Kheo, Uyển Thủ Tỳ Kheo, Thiện Tinh Tỳ Kheo, Tỳ Xá Tỳ Kheo, Mãn Tú Tỳ Kheo, Từ Địa Tỳ Kheo Ni, Khoáng Dã Tỳ Kheo Ni, Phương Tỳ Kheo Ni, Mạn Tỳ Kheo Ni, Tịnh Khiết Trưởng Giả, Cầu Hữu Ưu Bà Tắc, Kim Lặc Thích Chủng, Tượng Trưởng Giả, Danh Xưng Ưu Bà Di, Quang Minh Ưu Bà Di, Nan Đà Ưu Bà Di, Quân Ưu Bà Di, Linh Ưu Bà Di. Như cá lớn thấy ánh sáng nên nổi lên, vì thân nặng lại chìm xuống.

Thế nào gọi là thân lớn pháp lành ? Người này biết rõ mình công hạnh chẳng đầy đủ, vì tự biết chẳng đầy đủ nên cầu gần bạn lành, vì gần bạn lành nên thích nghe hỏi chỗ chưa được nghe, nghe rồi thích thọ trì, thọ rồi thích tư duy, khéo tư duy rồi có thể ở đúng như pháp, vì ở đúng như pháp nên thêm lớn pháp lành, vì thêm lớn pháp lành nên trọn chẳng còn chìm, đây gọi là nổi lên rồi ở lại.

Trong Phật pháp của ta ai là người nổi lên rồi ở lại ? Chính là Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, A Nhã Kiều Trần Như v.v... Năm vị Tỳ Kheo Da Xá v.v... Năm mươi vị Tỳ Kheo, A Nâu Lâu Đà, Ma Ha Ca Diếp, Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp v.v... Ba vị Tỳ Kheo Thập Lực Ca Diếp, Sấu Cù Đàm Di Tỳ Kheo Ni, Ba Tra La Hoa Tỳ Kheo Ni, Thắng Tỳ Kheo Ni, Thiệt Nghĩa Tỳ Kheo Ni, Hải Ý Tỳ Kheo Ni, Bạt Đà Tỳ Kheo Ni, Tịnh Tỳ Kheo Ni, Bất Thối Chuyển Tỳ Kheo Ni, Tần Bà Ta La Vương, Úc Dà Trưởng Giả, Tu Đạt Đa Trưởng Giả, Thích Ma Ha Nam Trưởng Giả, Bần Tu Đạt Đa Thử Lang Trưởng Giả, Danh Xưng Trưởng Giả, Cụ Túc Trưởng Giả, Sư Tử Tướng Quân, Ưu Bà Ly Trưởng Giả, Đao Trưởng Giả, Vô Úy Ưu Bà Di, Thiện Trụ Ưu Bà Di, Ái Pháp Ưu Bà Di, Dũng Kiện Ưu Bà Di, Thiên Đắc Ưu Bà Di, Thiện Sanh Ưu Bà Di, Cụ Thân Ưu Bà Di, Ngưu Đắc, Ưu Bà Di, Khoáng Dã Ưu Bà Di, Ma Ha Tư Na Ưu Bà Di v.v...

Thế nào gọi là ở lại ? Vì thường thích xem thấy ánh sáng pháp lành. Do nhơn duyên này, hoặc Phật xuất thế, hoặc chẳng xuất thế, những người trên đây trọn chẳng tạo nghiệp ác nên gọi là ở lại. Như cá Kỳ Di thích thấy ánh sáng nên chẳng lặn chẳng chìm. Hạng tứ chúng trên đây cũng như vậy. Trong kinh ta từng nói kệ rằng :

Nếu người khéo phân biệt pháp nghĩa
Chí tâm cầu được quả Sa Môn
Quở trách tất cả cõi hữu lậu
Người này gọi là ở đúng pháp.
Nếu hay cúng dường vô lượng Phật
Trong vô lượng đời tu Thánh đạo
Hưởng thọ vui sướng chẳng phóng dật
Người này gọi là ở đúng pháp.
Gần gũi bạn lành nghe chánh pháp
Tâm khéo tư duy ở đúng pháp
Thích thấy ánh sáng tu Thánh đạo
Chứng được giải thoát thường an ổn.

(*) Này Thiện nam tử ! Trí chẳng đầy đủ phàm có năm điều, người này biết rồi cầu gần bạn lành. Bạn lành này nên xem xét người trên đây nhiều tham dục hay nhiều sân khuể, ngu si, tư giác, chấp ngã ?

(*) Hán bộ quyển thứ 36.

Nếu biết là nhiều tham dục thời nên dạy cho pháp quán Bất tịnh; nhiều sân khuể dạy pháp quán Từ bi; nhiều ngu si dạy pháp quán Nhơn duyên; nhiều tư giác dạy pháp quán Sổ tức; nhiều chấp ngã nên dạy phân tích Thập bát giới v.v...

Người này nghe rồi chí tâm thọ trì, thọ trì rồi tu hành đúng như pháp, thật hành đúng như pháp rồi lần lượt chứng được Tứ niệm xứ quán thân thọ tâm pháp, đặng pháp quán này rồi lại quán mười hai nhơn duyên, quán rồi chứng được noãn pháp.

Ca Diếp Bồ Tát bạch rằng : "Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh đều có noãn pháp. Vì đức Phật nói ba pháp hòa hiệp gọi là chúng sanh : Một là thọ, hai là noãn, ba là thức. Nếu theo nghĩa này thời tất cả chúng sanh lẽ ra trước đã có noãn. Tại sao đức Như Lai nói rằng noãn pháp do bạn lành mà có ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Như Noãn pháp của ông hỏi thời tất cả chúng sanh đến nhứt xiển đề đều có. Noãn pháp của ta nói hôm nay phải do phương tiện rồi sau mới được, chẳng phải tất cả chúng sanh đều có trước.

Nay ông chẳng nên gạn rằng tất cả chúng sanh đều có noãn pháp.

Này Thiện nam tử ! Noãn pháp này thuộc về cõi Sắc, chẳng phải cõi Dục có được. Vì cõi Dục không có, nên biết rằng tất cả chúng sanh bất tất đều có.

Này Thiện nam tử ! Cõi Sắc dầu có noãn pháp nhưng chẳng phải tất cả đều có, vì đệ tử của ta thời có, còn ngoại đạo thời không.

Này Thiện nam tử ! Tất cả ngoại đạo chỉ quán được sáu hạnh. Đệ tử của ta thời quán đủ cả mười sáu hạnh. Mười sáu hạnh này tất cả chúng sanh bất tất đều có.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là noãn ? Là tánh nó tự noãn hay vì pháp khác mà noãn ?

- Này Thiện nam tử ! Noãn pháp này tánh nó là noãn chẳng phải do pháp khác mà noãn.

- Bạch Thế Tôn ! Đức Như Lai trước kia nói rằng Mã Sư và Mãn Tú không có noãn pháp, vì hai người này không có tín tâm đối với Tam Bảo. Do đây nên biết rằng tín tâm chính là noãn pháp.

- Này Thiện nam tử ! Tín tâm chẳng phải là noãn pháp, vì do tín tâm mà chứng noãn pháp.

Này Thiện nam tử ! Luận về noãn pháp chính là Trí huệ, vì quán Tứ đế nên gọi là mười sáu hạnh. Hạnh đây chính là trí.

Này Thiện nam tử ! Như lời ông hỏi duyên cớ gì mà gọi là noãn ?

Này Thiện nam tử ! Luận về Noãn pháp chính là tướng lửa của tám Thánh đạo.

Như cọ lửa : Trước có hơi nóng, kế có lửa, rồi sau có khói, đạo vô lậu này cũng như vậy : Hơi nóng

là mười sáu hạnh, lửa là quả Tu Đà Hoàn, khói là trong vị tu đạo dứt kiết sử.

- Bạch Thế Tôn ! Noãn pháp này cũng là pháp có, cũng là hữu vi. Noãn pháp này được quả báo thân ngũ ấm cõi Sắc nên gọi là có. Vì là nhơn duyên nên lại gọi là hữu vi. Nếu là hữu vi tại sao có thể làm tướng đạo vô lậu ?

- Này Thiện nam tử ! Đúng như vậy ! Noãn pháp này dầu là pháp hữu vi hữu lậu, nhưng trở lại có thể phá hoại pháp hữu vi hữu lậu, nên có thể làm tướng đạo vô lậu. Như người cỡi ngựa cũng thương ngựa nhưng cũng đánh ngựa. Noãn pháp cũng vậy : Vì ái mà thọ sanh, vì nhàm mà tu quán hạnh, do đây nên dầu là hữu lậu hữu vi mà có thể làm tướng cho chánh đạo kia.

Có bảy mươi ba hạng người được noãn pháp : cõi Dục mười hạng người. Mười hạng người này đầy đủ tất cả phiền não : Từ dứt một phần đến chín phần. Như cõi Dục, Sơ thiền nhẫn đến Vô Sở Hữu xứ cũng như vậy. Đây gọi là bảy mươi ba. Những người này được noãn pháp rồi thời chẳng còn lại có thể dứt căn lành tạo tội ngũ nghịch phạm bốn tội trọng. Những người này có hai hạng : Một là gặp bạn lành, hai là gặp bạn ác.

Người gặp bạn ác tạm thời nổi lên rồi chìm trở lại.

Người gặp bạn lành thời quan sát khắp bốn phương. Quan sát bốn phương chính là đảnh pháp, đảnh pháp này dầu cũng là tánh ngũ ấm, nhưng vẫn duyên nơi bốn đế lý, nên được gọi là quan sát khắp bốn phương. Được đảnh pháp rồi kế được nhẫn pháp. Nhẫn pháp này tánh nó cũng là ngũ ấm, cũng duyên bốn đế lý. Người này kế được Thế đệ nhứt pháp, pháp này dầu tánh là ngũ ấm nhưng cũng duyên bốn đế lý. Người này kế được khổ pháp nhẫn, tánh của nhẫn là huệ duyên nơi một đế lý. Pháp nhẫn này duyên một đế lý rồi nhẫn đến kiến đạo dứt phiền não đặng quả Tu Đà Hoàn. Đây gọi là quan sát khắp bốn phương, bốn phương chính là bốn đế lý.

- Bạch Thế Tôn ! Trước kia đức Phật nói rằng những phiền não của bực Tu Đà Hoàn dứt, dường như dòng nước rộng bốn mươi dặm, những phiền não còn lại như giọt nước đầu sợi lông.

Nơi đây sao lại nói dứt ba món kiết sử gọi là bực Tu Đà Hoàn : Một là ngã kiến, hai là chẳng phải nhơn thấy là nhơn, ba là lưới nghi.

Bạch Thế Tôn ! Nhơn duyên gì gọi là Tu Đà Hoàn xem khắp bốn phương ? Lại do duyên gì mà gọi là Tu Đà Hoàn ? Duyên cớ gì đem cá Tích để dụ bực Tu Đà Hoàn ?

- Này Thiện nam tử ! Bực Tu Đà Hoàn dầu có thể dứt vô lượng phiền não, nhưng ba món kiết này nặng

nhứt và cũng nhiếp tất cả những kiết sử của bực Tu Đà Hoàn dứt, nên nói là dứt ba món kiết sử.

Như Quốc Vương lúc đi tuần du, dầu có các quan và bốn đạo binh, nhưng người đời chỉ nói rằng nhà vua đến, nhà vua đi. Trong đây nói dứt ba món phiền não này cũng như vậy. Duyên cớ gì ba món kiết này là nặng ? Vì tất cả chúng sanh thường khởi phiền não này và vì vi tế khó biết, nên gọi là nặng. Vì ba món kiết này khó dứt được, vì nó có thể làm nhơn cho tất cả phiền não, là oán địch bị đối trị của giới, định, huệ.

Này Thiện nam tử ! Có những chúng sanh nghe bực Tu Đà Hoàn có thể dứt vô lượng phiền não như vậy, thời chúng nó sanh lòng thối chuyển mà nói rằng : Chúng ta thế nào có thể dứt vô lượng phiền não như vậy. Do đây nên đức Như Lai phương tiện nói dứt ba kiết sử.

Này Thiện nam tử ! Bực Tu Đà Hoàn quán Tứ đế được bốn điều : Một là kiên cố trụ chánh đạo, hai là có thể khắp quan sát, ba là có thể thấy đúng như thật, bốn là có thể phá hoại oán địch lớn. Bực Tu Đà Hoàn thành tựu tín v.v... Ngũ căn không ai có thể lay động, nên gọi là kiên cố trụ nơi chánh đạo. Bực này đều có thể quở trách những phiền não trong và ngoài, nên gọi là khắp quan sát. Thấy đúng như thật chính là nhẫn trí. Oán địch lớn là nói bốn thứ điên đảo.

Này Thiện nam tử ! Chữ Tu là vô lậu, chữ Đà Hoàn là tu tập, vì tu tập vô lậu nên gọi là Tu Đà Hoàn. Lại có nghĩa chữ Tu là dòng, vì ngược dòng nên gọi là Tu Đà Hoàn.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu theo nghĩa này, duyên cớ gì những bực Tư Đà Hàm, A Na Hàm và A La Hán chẳng được gọi là Tu Đà Hoàn ?

- Này Thiện nam tử ! Từ bực Tu Đà Hoàn nhẫn đến chư Phật cũng đều được gọi là Tu Đà Hoàn cả. Nếu bực Tư Đà Hàm đến chư Phật mà không có danh nghĩa Tu Đà Hoàn, thời đâu được gọi là Tư Đà Hàm nhẫn đến Phật.

Tất cả chúng sanh về danh tự có hai thứ : Một là tên cũ, hai là tên mới. Lúc còn phàm phu có danh tự thế tục, lúc đã đắc đạo lại đặt tên gọi là Tu Đà Hoàn. Trước gọi là Tu Đà Hoàn, vì lúc sau đắc quả nên gọi là Tư Đà Hàm. Người này cũng gọi là Tu Đà Hoàn, cũng gọi là Tư Đà Hàm, nhẫn đến chư Phật cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Có hai thứ dòng : Một là Giải thoát, hai là Niết Bàn. Tất cả Thánh nhơn đều có hai dòng này, nên cũng được gọi là Tu Đà Hoàn cũng gọi là Tư Đà Hàm, nhẫn đến Phật cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Bực Tu Đà Hoàn cũng gọi là Bồ Tát. Vì Bồ Tát chính là tận trí và vô sanh trí.

Bực Tu Đà Hoàn cũng mong cầu hai trí này, nên được gọi là Bồ Tát.

Bực Tu Đà Hoàn cũng được gọi là giác. Vì Chánh giác Kiến đạo dứt phiền não, vì Chánh giác nhơn quả, vì Chánh giác cộng đạo và bất cộng đạo. Bực Tư Đà Hàm nhẫn đến bực A La Hán cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Có hai hạng Tu Đà Hoàn : Lợi căn và độn căn. Bực độn căn bảy lần sanh cõi người cõi trời, hoặc sáu lần, năm lần, bốn lần, ba lần, hai lần sanh cõi người cõi trời mới chứng quả A La Hán. Bực lợi căn hiện đời chứng quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán.

Này Thiện nam tử ! Cá Tích có bốn điều : Một là xương nhỏ nên nhẹ, hai là có cánh nên nhẹ, ba là thích thấy ánh sáng, bốn là ngậm được vật thời giữ chặt.

Bực Tu Đà Hoàn cũng có bốn điều : Một là phiền não nhỏ nhẹ như cá Tích nhỏ xương, hai là có chỉ có quán như cá Tích có cánh, ba là kiến đạo, như Cá Tích thích thấy ánh sáng, bốn là nghe thấy đức Phật nói nghĩa vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, thời kiên trì chẳng bỏ như cá Tích ngậm được vật thời giữ chặt.

Như trước kia Ma vương hóa làm thân Phật, Thủ La Trưởng Giả xem thấy trong lòng kính sợ. Ma thấy tâm Trưởng giả động bèn bảo Trưởng giả rằng : Trước kia ta nói bốn chơn đế, thuyết đó không chơn

thật. Nay ta vì ông mà nói năm đế, sáu ấm, mười ba nhập, mười chín giới. Thủ La Trưởng Giả nghe lời này liền quan sát pháp tướng đều không có lý đó, nên kiên trì nghĩa cũ, tâm ông chẳng lay động.

- Bạch Thế Tôn ! Bực Tu Đà Hoàn này vì đắc đạo trước mà gọi là Tu Đà Hoàn hay là vì chứng sơ quả mà gọi là Tu Đà Hoàn ? Nếu vì đắc đạo trước, thời lúc được khổ pháp nhẫn cớ sao chẳng gọi là Tu Đà Hoàn mà gọi là Hướng ? Nếu vì được sơ quả, thời người ngoại đạo trước dứt phiền não đến Vô sở Hữu xứ tu đạo vô lậu được quả A Na Hàm, cớ sao chẳng gọi là Tu Đà Hoàn ?

- Này Thiện nam tử ! Vì được sơ quả mà gọi là Tu Đà Hoàn, lúc đó người này đầy đủ tám trí và mười sáu hạnh.

- Bạch Thế Tôn ! Người được A Na Hàm cũng đầy đủ tám trí và mười sáu hạnh, cớ sao chẳng được gọi là Tu Đà Hoàn ?

- Này Thiện nam tử ! Mười sáu hạnh hữu lậu có hai thứ : Cộng và bất cộng. Mười sáu hạnh vô lậu cũng có hai : Hướng quả và đắc quả. Tám trí cũng có hai : Hướng quả và đắc quả. Bực Tu Đà Hoàn rời bỏ mười sáu hạnh cộng, chứng được mười sáu hạnh bất cộng, rời bỏ tám trí hướng quả chứng được tám trí đắc quả. Bực A Na Hàm thời chẳng như vậy. Do đây nên sơ quả gọi là Tu Đà Hoàn.

Này Thiện nam tử ! Bực Tu Đà Hoàn duyên nơi Tứ đế, bực A Na Hàm chỉ duyên nhứt đế, nên sơ quả gọi là Tu Đà Hoàn.

Do nhơn duyên trên đây nên dùng cá Tích để ví dụ, ngó khắp bốn phương rồi bèn đi. Nói đi là chỉ cho bực Tư Đà Hàm nhiếp tâm tu hành để dứt trừ tham, sân, si, mạn.

Như cá Tích kia nhìn xem khắp bốn phương rồi vì kiếm ăn nên đi, đi rồi lại đứng lại, đây là dụ bực A Na Hàm được món ăn rồi thời dừng lại. Có hai hạng A Na Hàm : Một là hiện tại được quả A Na Hàm rồi tiến tu được quả A La Hán, hai là hạng tham trước Tam muội tịch tịnh trong cõi Sắc và cõi Vô sắc, bực này chẳng thọ thân cõi Dục nên gọi là A Na Hàm. Bực A Na Hàm này lại có năm hạng : Một là trung bát Niết Bàn, hai là thọ thân bát Niết Bàn, ba là hành bát Niết Bàn, bốn là vô hành bát Niết Bàn, năm là thượng lưu bát Niết Bàn. Lại có sáu hạng là thân hiện tại bát Niết Bàn. Lại có bảy hạng là thân vô sắc giới bát Niết Bàn.

Hạng hành bát Niết bàn có hai : Hoặc thọ hai thân, hoặc thọ bốn thân. Nếu thọ hai thân thời gọi là lợi căn, nếu thọ bốn thân thời gọi là độn căn. Lại có hai hạng, một là tinh tấn mà không chánh định tự tại, hai là giải đãi mà có chánh định tự tại. Lại có hai hạng : Một là có đủ tinh tấn và chánh định tự tại, hai là chẳng có cả hai.

Này Thiện nam tử ! Chúng sanh trong cõi Dục, cõi Sắc có hai thứ nghiệp : Tác nghiệp và thọ sanh nghiệp. Bực A Na Hàm trung bát Niết Bàn chỉ có tác nghiệp mà không thọ sanh nghiệp, nên bỏ thân cõi Dục lúc chưa đến cõi Sắc, vì lợi căn mà bát Niết Bàn. Bực A Na Hàm trung bát Niết Bàn này có bốn tâm : Một là phi học, phi vô học, hai là học, ba là vô học, bốn là phi học, phi vô học nhập Niết Bàn. Thế nào lại gọi là trung bát Niết Bàn ?

Này Thiện nam tử ! Trong bốn thứ tâm của bực A Na Hàm này hai tâm là Niết Bàn, hai tâm là chẳng phải Niết Bàn, do đây nên gọi là trung bát Niết Bàn.

Bực A Na Hàm thọ thân bát Niết Bàn có hai thứ : Một là tác nghiệp, hai là sanh nghiệp. Bực này bỏ thân Dục giới thọ thân Sắc giới, tinh tấn tu hành mãn thọ mạng thời nhập Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn ! Nếu là thọ mạng hết nhập Niết Bàn, tại sao gọi rằng thọ thân Niết Bàn.

- Này Thiện nam tử ! Bực này thọ thân rồi sau mới dứt hết phiền não trong tam giới, nên gọi là thọ thân Niết Bàn.

Bực A Na Hàm thường tu hành do sức Tam muội hữu vi có thể dứt phiền não nhập Niết Bàn, do đây nên gọi là hành bát Niết Bàn.

Bực A Na Hàm rõ biết quyết định sẽ chứng được Niết Bàn nên giải đãi, cũng do sức Tam muội hữu

vi mãn thọ mạng thời được nhập Niết Bàn, do đây nên gọi là Vô hành bát Niết Bàn.

Nếu bực A Na Hàm được đệ Tứ thiền rồi lại sanh lòng mến Sơ thiền do đây sanh xuống trời Sơ thiền. Nơi đây có hai dòng : Dòng phiền não và dòng đạo mà mến Nhị thiền, nên sanh lên trời Nhị thiền, lần đến trời Tứ thiền cũng như vậy.

Bực này trong trời Tứ thiền lại có hai hạng : Một là vào cõi Vô sắc, hai là vào trời Ngũ Tịnh Cư. Hai bực này, bực thích tam muội thời vào cõi Vô sắc. Bực thích trí huệ thời vào trời Ngũ Tịnh Cư. Hai bực trên đây, một hạng tu đệ Tứ thiền có năm từng cấp, một hạng chẳng tu.

Thế nào là năm từng cấp ? Là hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng. Bực tu thượng thượng thời ở trời Sắc Cứu Cánh, bực tu trung thượng thời ở trời Thiện Hiện, bực tu thượng phẩm thời ở trời Thiện Kiến, bực tu trung phẩm thời ở trời Vô Nhiệt, bực tu hạ phẩm thời ở trời Vô Phiền.

Hai bực này, một thời ưa luận nghị ở trời Ngũ Tịnh Cư, một thời ưa tịch tịnh vào cõi Vô Sắc.

Lại có hai hạng : Một thời tu huân thiền vào trời Ngũ Tịnh Cư, một thời chẳng tu huân thiền sanh cõi Vô Sắc mãn thọ mạng mà nhập Niết Bàn, do đây gọi là thượng lưu bát Niết Bàn. Nếu muốn vào cõi Vô Sắc thời không thể tu năm từng cấp Tứ thiền.

Nếu tu năm từng cấp này thời có thể quở trách định vô sắc.

- Bạch Thế Tôn ! Bực trung bát Niết Bàn là lợi căn. Nếu là lợi căn cớ sao chẳng hiện tại nhập Niết Bàn ? Cớ sao Dục giới có hạng trung bát Niết Bàn mà sắc giới thời không.

- Này Thiện nam tử ! Người này thân tứ đại hiện tại yếu kém không thể hành đạo. Dầu có Tỳ Kheo thân thể tráng kiện nhưng những duyên nhà cửa, y phục, uống ăn, thuốc men v.v... chẳng đủ, nên chẳng được hiện tại bát Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Ngày trước có một lúc ta ở nước Xá Vệ tại Tịnh Xá A Na Phân Chỉ, có một Tỳ Kheo đến bạch với ta rằng ông luôn tu hành mà chẳng thể được quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán. Lúc đó ta liền bảo A Nan rằng : Nay ông nên lo đủ đồ cần dùng cho Tỳ Kheo này.

A Nan liền dắt Tỳ Kheo đó đến rừng Kỳ Đà cho ở phòng nhà tốt. Tỳ Kheo đó nói với A Nan rằng : Trông mong Đại Đức vì tôi mà trần thiết phòng nhà, dọn dẹp thật sạch sẽ, dùng thất bảo trang nghiêm, treo phan lọng bằng lụa.

A Nan nói : Người nghèo trong thế gian mới gọi là Sa Môn, tôi làm sao sắm được những đồ như vậy ?

Tỳ Kheo nói : Nếu Đại Đức có thể sắm sửa được cho tôi thời tốt lắm, bằng không thời tôi sẽ trở về ra mắt Phật.

A Nan liền trở về đem việc ấy bạch với Phật. Đức Phật liền bảo A Nan sắm sửa tất cả đồ dùng theo ý của Tỳ Kheo đó.

Tỳ Kheo đó được những đồ cần dùng theo ý mình muốn, liền nhiếp niệm tu hành, không bao lâu chứng được quả Tu Đà Hoàn lần đến quả A La Hán.

Này Thiện nam tử ! Vô lượng chúng sanh đáng được nhập Niết Bàn, nhưng vì thiếu thốn chướng ngại loạn động tâm niệm của họ, nên chẳng chứng được.

Này Thiện nam tử ! Lại có chúng sanh thích giáo quá nhiều, tâm họ bực bội nhiều việc chẳng thể được chánh định nên hiện tại không được bát Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Như lời ông hỏi, duyên cớ gì bỏ thân Dục giới có hạng trung bát Niết Bàn, còn Sắc giới thời không ?

Này Thiện nam tử ! Người này quán phiền não cõi Dục có hai nhơn duyên : Nội và ngoại, mà trong cõi Sắc thời không ngoại nhơn duyên. Cõi Dục lại có hai thứ ái tâm : Dục ái và sắc ái, quán hai ái tâm này rồi hết lòng quở trách, do quở trách này mà được nhập Niết Bàn. Trong cõi Dục có thể quở trách được những phiền não thô : Xan tham, sân hận, tật đố, vô tàm, vô quí, do đây nên được nhập Niết Bàn.

Lại người trong cõi Dục tánh chất dũng kiện, vì được hưởng quả, nên trong cõi Dục có trung bát Niết Bàn, trong cõi Sắc thời không.

Này Thiện nam tử ! Trung bát Niết Bàn có ba hạng : Thượng, trung và hạ. Hạng thượng lúc bỏ thân chưa rời cõi Dục bèn được Niết Bàn. Hạng trung mới rời cõi Dục chưa đến cõi Sắc bèn được Niết Bàn. Hạng hạ rời khỏi cõi Dục đến ranh cõi Sắc bèn được Niết Bàn.

Như cá Tích khi đi kiếm được đồ ăn thời dừng lại, hạng này cũng vậy, ở nơi cõi Sắc và cõi Vô Sắc mà được thọ thân nên gọi là dừng lại. Và cũng do chẳng còn thọ thân nhơn, Thiên, địa ngục, súc sanh, ngạ quỉ trong cõi Dục nên gọi là dừng lại. Vì đã dứt vô lượng phiền não kiết sử còn thừa lại chút ít nên gọi là dừng lại. Lại vì vĩnh viễn chẳng gây tạo nghiệp phàm phu nên gọi là dừng lại. Lại vì tự mình chẳng còn sợ sệt, cũng chẳng làm cho người khác sợ sệt nên gọi là dừng lại. Vì xa lìa hai ác tâm : Xan tham, sân hận nên gọi là dừng lại.

Này Thiện nam tử ! Bực đến bờ kia là A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật Thế Tôn, dụ như Thần qui trên bờ dưới nước đều đi tự tại.

Duyên cớ gì dùng Thần qui để ví dụ ? Vì Thần qui khéo giấu năm chi.

Bực A La Hán nhẫn đến chư Phật cũng khéo giấu che năm căn. Dưới nước là dụ thế gian, trên bờ là

dụ xuất thế. Các bực Thánh này có thể quán sát tất cả ái phiền não lên đến bờ kia, nên dụ như Thần qui dưới nước trên bờ đều đi tự tại.

Này Thiện nam tử ! Như bảy hạng chúng sanh trong sông Hằng, dầu có tên cá rùa nhưng chẳng rời khỏi nước, kinh Đại Niết Bàn này từ nhứt xiển đề lên đến chư Phật, dầu có tên khác nhau nhưng cũng chẳng rời khỏi Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Bảy hạng chúng sanh đây, hoặc pháp lành hoặc pháp ác, hoặc đạo phương tiện, hoặc đạo giải thoát, hoặc đạo thứ đệ, hoặc nhơn, hoặc quả, tất cả đều là Phật tánh. Đây gọi là từ ngữ Tùy tự ý của Như Lai.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu có nhơn thời có quả, không nhơn thời không quả. Niết Bàn gọi là quả, là thường trụ nên không nhơn. Nếu đã không nhơn tại sao gọi là quả ? Niết Bàn đây cũng gọi là Sa Môn, cũng gọi là Sa Môn quả. Thế nào là Sa Môn ? Thế nào là Sa Môn quả ?

- Này Thiện nam tử ! Trong thế gian có bảy thứ quả : Một là phương tiện quả, hai là báo ân quả, ba là thân cận quả, bốn là dư tàn quả, năm là bình đẳng quả, sáu là quả báo quả, bảy là viễn ly quả.

Như người đời, mùa Thu thâu gặt được nhiều lúa, bảo nhau rằng được phương tiện quả. Phương tiện quả gọi là nghiệp hành quả. Quả này có hai

nhơn : Cận nhơn và viễn nhơn. Cận nhơn là hột giống, viễn nhơn là nước, phân, nhơn công. Đây gọi là phương tiện quả.

Như người đời phụng dưỡng cha mẹ. Cha mẹ nói rằng chúng tôi đã được quả báo ơn phụng dưỡng. Người con có thể báo ơn gọi đó là quả. Quả này có hai nhơn : Cận nhơn và viễn nhơn, cận nhơn là nghiệp thuần thiện đời quá khứ của cha mẹ, viễn nhơn là sanh ra người con có hiếu. Đây gọi là báo ân quả.

Như có người gần gũi bạn lành, hoặc được quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán. Người này nói rằng nay tôi được quả báo thân cận. Quả báo này có hai nhơn : Cận nhơn và viễn nhơn. Cận là tín tâm, viễn là bạn lành. Đây gọi là thân cận quả.

Như do chẳng sát sanh mà được thân thứ ba sống lâu, đây gọi là dư tàn quả. Quả này cũng có hai nhơn : Cận nhơn và viễn nhơn. Cận là thân, khẩu, ý thanh tịnh, viễn là sống lâu. Đây gọi là dư tàn quả.

Bình đẳng quả là nói khí thế giới, quả này cũng có hai nhơn : Một là cận nhơn, hai là viễn nhơn. Cận nhơn là chúng sanh tu mười nghiệp lành. Viễn nhơn là đại tam tai.

Quả báo quả là như người chứng đặng thân thanh tịnh rồi tu ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh, người này bèn nói tôi được quả báo. Quả này có hai nhơn :

Cận nhơn và viễn nhơn. Cận nhơn là hiện tại thân, khẩu, ý thanh tịnh. Viễn nhơn là quá khứ thân, khẩu, ý thanh tịnh.

Viễn ly quả tức là Niết Bàn lìa các phiền não, tất cả nghiệp lành là nhơn Niết Bàn. Nhơn Niết Bàn này có hai : Cận nhơn và viễn nhơn. Cận nhơn là ba môn giải thoát, viễn nhơn tức là pháp lành đã tu từ vô lượng đời.

Này Thiện nam tử ! Như pháp thế gian hoặc nói sanh nhơn, hoặc nói liễu nhơn. Pháp xuất thế cũng như vậy, cũng nói sanh nhơn cũng nói liễu nhơn. Ba môn giải thoát, ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể làm cho sanh nhơn của tất cả phiền não chẳng sanh được, mà cũng làm liễu nhơn cho Niết Bàn. Xa lìa phiền não thời đặng thấy rõ Niết Bàn, nên Niết Bàn chỉ có liễu nhơn mà không có sanh nhơn.

Này Thiện nam tử ! Như lời ông hỏi : Thế nào là Sa Môn ? Thế nào là Sa Môn quả ?

Này Thiện nam tử ! Sa Môn Na tức là Bát chánh đạo. Sa Môn Quả là từ nơi đạo rốt ráo xa lìa tất cả tham, sân, si v.v... đây gọi là Sa Môn Na và Sa Môn Quả.

- Bạch Thế Tôn ! Duyên cớ gì Bát chánh đạo gọi là Sa Môn Na.

Này Thiện nam tử ! Trong đời nói Sa Môn gọi đó là thiếu thốn, Na gọi là đạo. Đạo này dứt tất cả thiếu thốn, và dứt tất cả đạo, do nghĩa này gọi Bát

chánh đạo là Sa Môn Na. Từ trong đạo này chứng được Thánh quả nên gọi là Sa Môn Quả.

Lại Sa Môn Na, như người đời có ai thích tịch tịnh cũng gọi là Sa Môn, đạo này cũng như vậy, có thể làm cho người tu hành xa lìa những sự ác tà mạng v.v... của thân, khẩu, ý đặng vui tịch tịnh, nên gọi đó là Sa Môn Na.

Như trong đời người dưới có thể làm người trên, đây gọi là Sa Môn. Đạo này cũng như vậy, có thể làm cho người dưới thành người trên nên được gọi là Sa Môn Na.

Bực A La Hán tu đạo này được quả Sa Môn, được gọi là đến nơi bờ kia. Quả A La Hán chính là năm phần pháp thân vô học : Giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Do năm phần này được đến bờ kia, nên gọi là đến bờ kia. Do đến bờ kia nên tự nói rằng tôi đã hết sanh tử, phạm hạnh đã trọn, chỗ làm đã xong, chẳng thọ thân đời sau.

Này Thiện nam tử ! Bực A La Hán dứt hẳn nhơn duyên sanh tử ba đời, nên tự nói tôi đã hết sanh tử. Bực này cũng dứt thân ngũ ấm trong ba cõi nên lại nói rằng tôi đã hết sanh tử. Chỗ tu Phạm hạnh đã rốt ráo, nên xướng rằng phạm hạnh đã trọn, lại vì xả học đạo nên cũng gọi là đã trọn. Như chỗ mong cầu, lúc trước ngày nay đã được, nên lại xướng rằng chỗ làm đã xong. Hành đạo

được quả cũng nói rằng đã xong. Vì được tận trí và vô sanh trí nên nói rằng tôi đã hết sanh tử, dứt hết kiết sử hữu lậu. Do nghĩa này nên gọi bực A La Hán đặng đến bờ kia.

Như A La Hán, bực Bích Chi Phật cũng lại như vậy.

Bồ Tát và Phật thành tựu đầy đủ sáu môn Ba la mật gọi là đến bờ kia. Phật và Bồ Tát được Vô thượng Chánh giác rồi gọi là đầy đủ sáu môn Ba la mật, vì được quả của sáu môn Ba la mật như vậy. Do được quả nên gọi là đầy đủ.

Này Thiện nam tử ! Bảy chúng sanh đây vì chẳng thể tu tập bốn điều : Thân giới, tâm và huệ, nên hay gây tạo tội ngũ nghịch, dứt căn lành, phạm bốn tội trọng, hủy báng Phật, Pháp, Tăng, do đây nên gọi là thường chìm đắm.

Này Thiện nam tử ! Trong bảy hạng chúng sanh này ai có thể gần gũi Thiện tri thức chí tâm nghe và nhận lấy chánh pháp của Như Lai, trong tâm khéo tư duy ở đúng pháp, siêng năng tu tập thân, giới, tâm, huệ, do đây nên được gọi là qua khỏi sông sanh tử đến nơi bờ kia.

Nếu có người nói rằng : Nhứt xiển đề được Vô thượng Chánh giác, lời này gọi là nhiễm trước. Nếu nói rằng chẳng được, thời gọi là lời hư vọng.

Này Thiện nam tử ! Bảy hạng này, hoặc có một người đủ cả bảy, hoặc mỗi người mỗi hạng.

Nếu có người nào tâm tưởng khác, miệng nói khác, cho rằng nhứt xiển đề đặng Vô thượng Chánh giác, phải biết người này hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu nói không được thời cũng gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng Bát chánh đạo của phàm phu được, hoặc nói chẳng phải phàm phu được, đều gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng tất cả chúng sanh quyết định có Phật tánh, hoặc nói quyết định không Phật tánh, đều gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Này Thiện nam tử ! Do đây nên trong khế kinh ta nói rằng có hai hạng người hủy báng Phật, Pháp, Tăng : Một là người chẳng tin, vì họ giận hờn; hai là người dầu tin nhưng vì chẳng hiểu nghĩa.

Nếu người tin mà không có trí huệ thời hay thêm lớn vô minh. Nếu người có trí huệ mà không có tín tâm thời hay tăng trưởng tà kiến.

Người chẳng tin vì tâm họ giận hờn nên nói rằng không có Phật, Pháp, Tăng. Người tin mà không trí huệ giải nghĩa điên đảo làm cho người nghe pháp hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Do đây nên ta nói người chẳng tin vì lòng hờn giận, người tin lại không trí huệ, những người này hay hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Này Thiện nam tử ! Nếu nói rằng nhứt xiển đề chưa sanh pháp lành bèn được Vô thượng Chánh

giác, người này cũng gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu nói nhứt xiển đề rời bỏ nhứt xiển đề ở trong thân khác được Vô thượng Chánh giác, người này cũng gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng nhứt xiển đề có thể sanh căn lành, sanh căn lành rồi nối luôn chẳng dứt chứng được Vô thượng Chánh giác, nên gọi rằng nhứt xiển đề được Vô Thượng Bồ Đề, phải biết rằng người này chẳng hủy báng Tam Bảo.

Nếu có người nói rằng tất cả chúng sanh quyết định có Phật tánh thường, lạc, ngã, tịnh, bất tác, bất sanh, do vì phiền não nên chẳng thấy được, người này là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng tất cả chúng sanh đều không có Phật tánh cũng như sừng thỏ, do từ phương tiện mà sanh, trước kia không nay mới có, có rồi trở lại không, người này là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng Phật tánh của chúng sanh chẳng phải có như hư không, chẳng phải không như sừng thỏ. Vì hư không là thường, sừng thỏ là không, nên được nói là cũng có cũng không. Vì có nên phá sừng thỏ, vì không nên phá hư không. Thuyết trên đây chẳng hủy báng Tam Bảo.

Này Thiện nam tử ! Luận về Phật tánh chẳng gọi là một pháp, chẳng gọi là mười pháp, chẳng gọi là trăm pháp, chẳng gọi là ngàn pháp, chẳng gọi là muôn pháp.

Lúc chưa được Vô thượng Chánh giác, tất cả thiện, bất thiện, vô ký đều gọi là Phật tánh. Có lúc đức Như Lai trong nhơn nói quả, trong quả nói nhơn, đây gọi là từ ngữ tùy tự ý của Như Lai. Vì tùy tự ý mà nói nên gọi là Như Lai, Ứng cúng, Chánh đẳng, Chánh giác.

- Bạch Thế Tôn ! Như lời của Phật nói : Phật tánh của chúng sanh dường như hư không. Thế nào gọi là như hư không ?

- Này Thiện nam tử ! Tánh hư không chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại.

Phật tánh cũng như vậy.

Hư không chẳng phải quá khứ, vì không phải hiện tại. Nếu pháp là hiện tại mới có thể nói là quá khứ, vì không hiện tại nên không quá khứ. Hiện tại cũng không, vì không vị lai. Nếu pháp là vị lai mới có thể nói là hiện tại. Vì không vị lai nên không hiện tại. Vị lai cũng không vì không hiện tại và quá khứ. Nếu pháp có hiện tại và quá khứ thời có vị lai, vì không quá khứ hiện tại nên không vị lai.

Do nghĩa trên đây nên tánh của hư không chẳng phải nhiếp trong ba đời.

Này Thiện nam tử ! Vì hư không là không nên không có ba đời, chẳng phải vì có mà không có ba đời. Như hoa đốm hư không vì chẳng phải là có nên không có ba đời. Hư không cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Không có vật chính đó là hư không, Phật tánh cũng như vậy. Vì hư không là không nên chẳng nhiếp trong ba đời. Vì Phật tánh là thường nên chẳng nhiếp trong ba đời.

Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai đã được Vô Thượng Bồ Đề, đức Như Lai chỗ được Phật tánh và tất cả Phật Pháp là thường trụ không biến đổi. Do nghĩa này nên không có ba đời dường như hư không.

Này Thiện nam tử ! Vì hư không là không nên chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Vì Phật tánh là thường trụ nên chẳng phải trong chẳng phải ngoài, do đây nên nói rằng Phật tánh dường như hư không.

Này Thiện nam tử ! Nhưng trong đời chỗ không chướng ngại thời gọi là hư không.

Đức Như Lai được Vô Thượng Bồ Đề rồi, nói tất cả Phật pháp đều không có chướng ngại, nên nói rằng Phật tánh dường như hư không.

- Bạch Thế Tôn ! Phật tánh và Niết Bàn của Như Lai chẳng nhiếp trong ba đời mà gọi là có, hư không cũng chẳng nhiếp trong ba đời cớ sao chẳng được gọi là có ư ?

- Này Thiện nam tử ! Vì chẳng phải Niết Bàn gọi là Niết Bàn, vì chẳng phải Như Lai gọi là Như Lai, vì chẳng phải Phật tánh gọi là Phật tánh.

Thế nào gọi là chẳng phải Niết Bàn ? Nghĩa là tất cả phiền não những pháp Hữu vi. Vì phá những phiền não Hữu vi này mà gọi là Niết Bàn.

Thế nào là chẳng phải Như Lai ? Chính là nhứt xiển đề nhẫn đến bực Bích Chi Phật. Vì phá nhứt xiển đề nhẫn đến Bích Chi Phật này mà gọi là Như Lai.

Thế nào là chẳng phải Phật tánh ? Chính là tất cả vật vô tình như tường, vách, ngói, đá v.v... lìa những vật vô tình này gọi là Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Tất cả thế gian không gì chẳng phải hư không đối với hư không.

- Bạch Thế Tôn ! Thế gian cũng không gì chẳng phải là đối với tứ đại, mà còn được gọi tứ đại là có, hư không chẳng có đối cớ sao chẳng được gọi đó là có ?

- Này Thiện nam tử ! Nếu cho rằng Niết Bàn chẳng nhiếp trong ba đời, hư không cũng như vậy. Lời nói này chẳng đúng nghĩa. Vì Niết Bàn là có thấy được chứng được, là dấu vết của sắc của sắc pháp, là có chương cú, là tướng, là duyên, là chỗ quy y, là bờ kia, tịch tịnh sáng suốt an ổn, do đây nên được gọi là nhiếp trong ba đời. Tánh hư không chẳng có những pháp như vậy, nên gọi là không. Nếu có cái gì lìa những pháp như vậy mà lại là có thời nhiếp trong ba đời. Hư không nếu đồng là pháp có thời chẳng được chẳng nhiếp trong ba đời.

Này Thiện nam tử ! Như người đời cho rằng hư không là không sắc, không đối, không thể xem thấy. Nếu là không sắc không đối không thể thấy thời chính là tâm sở pháp. Hư không nếu đồng tâm sở pháp, thời chẳng được chẳng nhiếp trong đời. Nếu nhiếp trong ba đời tức là bốn ấm. Do đây nên rời bốn ấm thời không có hư không.

Này Thiện nam tử ! Những nhà ngoại đạo nói rằng : Hư không chính là quang minh. Nếu là quang minh thời là sắc pháp hư không, nếu là sắc pháp như vậy bèn là vô thường. Vì là vô thường nên nhiếp trong ba đời. Sao ngoại đạo lại nói là chẳng phải ba đời. Nếu đã nhiếp trong ba đời thời chẳng phải là hư không. Sao lại nói rằng hư không là thường.

Này Thiện nam tử ! Lại có người cho rằng : Hư không là chỗ an trụ. Nếu có chỗ an trụ thời là sắc pháp. Tất cả chỗ đều là vô thường nhiếp trong ba đời, hư không cũng là thường chẳng phải nhiếp trong ba đời. Nếu nói là chỗ thời biết rằng không phải hư không.

Lại có người nói rằng hư không là thứ đệ. Nếu là thứ đệ thời là pháp số. Nếu đã là có thể tính đếm được thời nhiếp trong ba đời, nếu nhiếp trong ba đời sao lại gọi rằng thường ?

Này Thiện nam tử ! Lại có người nói rằng luận về hư không thời lìa ba pháp, một là không, hai là thật, ba là không thật. Nếu nói là không thời nên

biết rằng hư không là pháp vô thường, vì không có trong phạm vi thật. Nếu nói là thật thời nên biết hư không cũng là vô thường, vì không có trong phạm vi không. Nếu nói là không thật thời nên biết rằng hư không cũng là vô thường, vì không có trong phạm vi không. Do những nghĩa này nên trong phạm vi không là không có.

Này Thiện nam tử ! Có người nói hư không là pháp bị làm ra, như nói bỏ cây bỏ nhà mà làm hư không, san bằng cho trống không, che hư không, lên hư không, cùng tận hư không như nước biển cả, do đây nên hư không là pháp bị làm ra. Tất cả pháp làm ra đều là vô thường, dường như ngói bình v.v... Hư không nếu như vậy thời phải là vô thường.

Này Thiện nam tử ! Người đời nói trong tất cả pháp chỗ không chướng ngại gọi đó là hư không. Chỗ không chướng ngại này nơi tất cả pháp là có tất cả hay là có từng phần ? Nếu là có tất cả thời những chỗ khác không có hư không. Nếu có từng phần thời là pháp kia và pháp đây có thể tính đếm. Nếu đã là tính đếm được thời là vô thường.

Có người cho rằng hư không gồm hiệp không chướng ngại cùng có chướng ngại. Và lại nói rằng hư không ở nơi sự vật như trái đựng trong bình chậu. Hai thuyết trên đều chẳng đúng. Nếu nói gồm cả hai thời có ba thứ : Một là nghiệp khác nhau mà cùng hiệp, như chim bay đậu trên cây. Hai là

cộng nghiệp cùng hiệp, như hai con dê đụng nhau. Ba là đã hiệp rồi lại cùng hiệp như hai đôi ngón tay hiệp ở một chỗ.

Nếu nói nghiệp khác nhau cùng hiệp, khác nhau đây có hai : Một là nghiệp sự vật, hai là nghiệp hư không. Nếu nghiệp hư không hiệp với vật thời hư không là vô thường. Nếu nghiệp sự vật hiệp với hư không, sự vật thời chẳng cùng khắp, đã chẳng cùng khắp thời chẳng là vô thường. Nếu nói hư không là thường, tánh của nó chẳng lay động mà cùng với động vật hiệp, thời không đúng nghĩa. Vì nếu hư không là thường thời vật lẽ ra cũng là thường. Nếu vật là vô thường thời hư không cũng là vô thường. Không thể nói rằng hư không cũng là thường cũng là vô thường.

Thuyết cộng nghiệp hiệp nhau cũng không đúng nghĩa. Vì hư không gọi là cùng khắp, nếu hiệp với nghiệp thời lẽ ra nghiệp cũng cùng khắp, nếu là cùng khắp thời phải khắp tất cả, nếu khắp tất cả thời lẽ ra hiệp với tất cả, chẳng nên nói rằng có hiệp cùng chẳng hiệp.

Thuyết đã hiệp rồi lại cùng hiệp như hai đôi ngón tay hiệp nhau cũng không đúng nghĩa. Vì trước không có hiệp về sau mới hiệp, trước không sau có là pháp vô thường. Nên chẳng được nói rằng hư không đã hiệp rồi lại cùng hiệp. Như các pháp trong đời trước không sau có là vô thường, nếu hư không như vậy thời cũng phải là vô thường.

Thuyết hư không ở nơi sự vật như trái đựng trong bình chậu cũng không đúng nghĩa. Vì lúc chưa có bình chậu hư không kia ở chỗ nào ? Nếu có chỗ ở thời có nhiều hư không. Đã là nhiều sao lại nói là thường, là duy nhứt, là cùng khắp. Giả sử hư không rời hư không có chỗ ở, thời sự vật lẽ ra cùng rời hư không có chỗ ở, do đây nên biết rằng không có hư không.

Này Thiện nam tử ! Nếu cho rằng chỗ ngón tay ở gọi là hư không, theo thuyết này thời hư không là pháp vô thường, vì ngón tay có bốn phương hướng, hư không cũng phải có bốn phương, tất cả pháp thường trụ đều không có phương sở. Nếu có phương sở thời hư không là vô thường. Nếu là vô thường thời chẳng rời năm ấm. Nếu muốn rời năm ấm thời thành ra không chỗ có.

Này Thiện nam tử ! Nếu có pháp nào do nhơn duyên mà tồn tại thời pháp đó là vô thường. Như tất cả chúng sanh cùng cây cỏi do nơi đất mà tồn tại. Vì đất là vô thường nên những vật trên đây cũng là vô thường. Như đất nhơn nơi nước, vì nước vô thường nên đất cũng vô thường. Như nước nhơn nơi gió vì gió vô thường nên nước cũng vô thường. Gió nương nơi hư không, vì hư không vô thường nên gió cũng vô thường. Sao lại nói rằng hư không là thường khắp tất cả chỗ ?

Vì hư không là không chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, cũng như sừng thỏ là vật không có nên

chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Do đây nên ta nói Phật tánh thường trụ chẳng nhiếp trong ba đời. Vì hư không là không nên chẳng nhiếp trong ba đời.

Này Thiện nam tử ! Ta trọn chẳng trái cãi với thế gian. Vì người trí nói có thời ta cũng nói có, vì người trí nói không thời ta cũng nói không.

- Bạch Thế Tôn ! Bồ Tát có đủ mấy pháp thời chẳng trái cãi với thế gian, chẳng bị pháp thế gian làm ô nhiễm ?

- Này Thiện nam tử ! Bồ Tát có đủ mười pháp thời được hai điều trên : Một là tín tâm, hai là có giới, ba là gần gũi bạn lành, bốn là trong tâm khéo tư duy, năm là có tinh tấn, sáu là có chánh niệm, bảy là có trí huệ, tám là có chánh ngữ, chín là thích chánh pháp, mười là thương xót chúng sanh. Bồ Tát có đủ mười pháp này thời chẳng trái cãi với thế gian, chẳng bị pháp thế gian làm ô nhiễm, như hoa Ưu Bát La.

- Bạch Thế tôn ! Như lời Phật nói : Người trí trong đời nói có Phật cũng nói có, người trí trong đời nói không Phật cũng nói không. Những gì là có với không ?

- Này Thiện nam tử ! Người trí trong đời nói sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã, nhẫn đến thức cũng như vậy. Đây là người trí trong đời nói có, ta cũng nói có. Người trí nói sắc chẳng có thường, lạc,

ngã, tịnh, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đây là người trí trong đời nói không, ta cũng nói không.

- Bạch Thế Tôn ! Người trí trong đời chính là Phật và Bồ Tát tất cả Thánh nhơn. Nếu sắc ấm của các Thánh nhơn là vô thường, khổ, không, vô ngã, tại sao đức Như Lai nói sắc thân của Phật là thường hằng không biến đổi. Người trí trong đời nói chẳng có thường, lạc, ngã, tịnh, tại sao đức Như Lai nói là có. Đức Thế Tôn nói những lời như vậy sao lại nói rằng chẳng tranh cãi với thế gian, chẳng bị pháp thế gian làm nhiễm ô. Đức Như Lai đã lìa ba thứ điên đảo : tưởng đảo, tâm đảo và kiến đảo. Lẽ ra nên nói rằng sắc thân của Phật thiệt là vô thường. Nay lại nói là thường, thế nào đặng gọi là xa lìa điên đảo chẳng tranh cãi với thế gian ?

- Này Thiện nam tử ! Sắc thân của phàm phu từ phiền não mà sanh, nên người trí nói sắc thân là vô thường, khổ, không, vô ngã. Sắc thân của Như Lai xa lìa phiền não, nên nói là thường hằng không biến đổi.

(*) - Bạch Thế Tôn ! Sắc ấm do phiền não sanh ra như thế nào ?

- Này Thiện nam tử ! Phiền não có ba thứ : Dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Người trí phải quán sát tội lỗi của ba thứ lậu này. Vì có biết tội

(*) Hán bộ quyển thứ 37.

thời có thể xa lìa. Như y sư coi mạch biết bịnh rồi mới cho thuốc.

Như dắt người mù đến trong rừng gai rồi bỏ đó mà trở về, người mù này rất khó ra khỏi rừng, dầu được ra khỏi nhưng thân thể phải bị trầy trụa.

Phàm phu trong đời cũng như vậy, vì không biết được tội lỗi của ba món lậu nên đi theo nó. Nếu người nào thấy được tội lỗi của ba món lậu thời có thể xa lìa. Người đã biết tội lỗi dầu có thọ quả báo nhưng quả báo cũng nhẹ nhàng.

Này Thiện nam tử ! Có bốn hạng người : Một là lúc tạo nghiệp thời nặng lúc thọ báo thời nhẹ, hai là lúc tạo nghiệp thời nhẹ lúc thọ báo thời nặng, ba là lúc tạo nghiệp thời nặng lúc thọ báo cũng nặng, bốn là lúc tạo nghiệp thời nhẹ lúc thọ báo cũng nhẹ.

Này Thiện nam tử ! Nếu có người có thể quán sát tội lỗi của phiền não thời tạo nghiệp cùng thọ báo đều nhẹ.

Này Thiện nam tử ! Người có trí nghĩ rằng : Ta nên xa lìa ba thứ lậu như vậy, chẳng nên gây tạo những nghiệp xấu xa như vậy, vì ngày nay ta chưa được giải thoát lục đạo. Nếu ta tu hành phải nương sức này để phá hoại các sự khổ. Suy nghĩ như vậy rồi thời tham, sân, si của người này kém yếu. Người này thấy phiền não của mình nhẹ nên lòng họ vui mừng, lại nghĩ rằng ta được như vầy đều do công

đức tu hành, làm cho ta lìa đặng pháp ác, gần gũi pháp lành, nên hiện tại ta được thấy Thánh đạo, vậy ta phải nên siêng năng tu tập thêm. Do công đức siêng năng tu hành, người này xa lìa vô lượng phiền não và thoát khỏi lục đạo luân hồi.

Do đây nên trong khế kinh Phật nói phải quán sát tất cả phiền não hữu lậu và nhơn của hữu lậu. Vì người trí nếu chỉ quán hữu lậu mà chẳng quán nhơn của hữu lậu thời không thể dứt các phiền não. Vì người trí quán sát hữu lậu do nhơn này mà sanh, nay ta dứt nhơn này thời lậu chẳng còn sanh. Như y sư trước trừ nhơn của bịnh thời bịnh chẳng còn. Do đây nên người trí phải trước quán sát nhơn, kế đó quán sát quả báo, biết rằng từ nhơn lành sanh ra quả lành, từ nhơn ác sanh quả ác. Khi rõ biết quả báo rồi thời xa lìa nhơn ác. Lại phải quán phiền não nhẹ hay nặng, trước lìa phiền não nặng thời phiền não nhẹ tự mất.

Này Thiện nam tử ! Người trí nếu biết phiền não, biết nhơn của phiền não, biết quả báo của phiền não, biết phiền não nhẹ hay nặng, bấy giờ người này siêng năng tu hành chẳng ngừng nghỉ, chẳng hối tiếc, thường gần gũi bạn lành chí tâm nghe pháp để dứt trừ những phiền não như vậy.

Như người bịnh tự biết bịnh nhẹ có thể trị lành, nên dầu uống thuốc đắng vẫn không ăn năn. Người trí siêng tu Thánh đạo thường vui mừng chẳng sầu, chẳng nghĩ, chẳng ăn năn.

Này Thiện nam tử ! Nếu người biết được phiền não, nhơn của phiền não, quả báo của phiền não, biết phiền não nhẹ nặng, vì trừ phiền não mà tu Thánh đạo, người này chẳng do phiền não sanh sắc thân, cũng chẳng do phiền não sanh thọ, tưởng, hành, thức. Nếu chẳng biết được phiền não v.v... chẳng siêng tu tập, người này từ phiền não sanh thân ngũ ấm.

Này Thiện nam tử ! Người rõ biết phiền não v.v... vì dứt trừ phiền não mà tu hành Thánh đạo, đây chính là đức Như Lai do nhơn duyên này nên sắc thân của Như Lai cùng thọ, tưởng, hành, thức đều là thường trụ.

Kẻ chẳng biết phiền não v.v..., chẳng tu hành Thánh đạo, đây là phàm phu. Do nhơn duyên này nên sắc, thọ, tưởng, hành, thức của phàm phu đều là vô thường.

Này Thiện nam tử ! Người trí trong đời : Tất cả Thánh nhơn, Bồ Tát, chư Phật đều nói hai nghĩa trên đây, ta cũng nói hai nghĩa như vậy, do đây nên ta nói rằng chẳng tranh cãi với người trí trong đời, chẳng bị thế pháp làm nhiễm ô.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu ?

- Này Thiện nam tử ! Do trong tâm có giác quán chẳng lành, nhơn nơi duyên ngoài mà sanh ra dục lậu.

Ngày trước lúc ở thành Vương Xá, ta bảo A Nan rằng : Nay ông thọ lấy bài kệ tụng của cô gái này nói. Bài kệ đây là lời của chư Phật quá khứ. Do đây nên tất cả giác quán chẳng lành trong tâm cùng những nhơn duyên ngoài gọi đó là dục, đây là dục lậu.

Trừ dục lậu ở cõi Dục, những ác pháp nơi trong cùng các nhơn duyên nơi ngoài của cõi Sắc và Vô sắc gọi là hữu lậu.

Chẳng thể rõ biết ngã cùng ngã sở, chẳng biện biệt được trong cùng ngoài, đây gọi là vô minh lậu.

Này Thiện nam tử ! Vô minh là cội gốc của tất cả các lậu, vì tất cả chúng sanh do vô minh nên ức tưởng chấp trước nơi ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới, đây gọi là chúng sanh, cũng gọi là tưởng đảo, tâm đảo, kiến đảo. Do nhơn duyên này sanh ra tất cả các lậu. Vì thế nên trong mười hai bộ kinh, ta nói vô minh là nhơn của tham, sân, si.

- Bạch Thế Tôn ! Trước kia đức Như Lai nói rằng do chẳng khéo tư duy mà có tham, sân, si. Nay duyên cớ gì mà nói do vô minh ?

- Này Thiện nam tử ! Hai pháp đây làm nhơn quả lẫn nhau, tăng trưởng lẫn nhau : Chẳng khéo tư duy sanh vô minh, do vô minh nên chẳng khéo tư duy.

Này Thiện nam tử ! Những gì có thể sanh trưởng các phiền não thời đều gọi là nhơn duyên của phiền

não. Gần gũi những nhơn duyên của phiền não như vậy thời gọi là vô minh. Chẳng khéo tư duy dụ như hột giống lên mộng : Hột giống là cận nhơn, nước đất là viễn nhơn. Phiền não cũng như vậy.

- Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật nói vô minh tức là lậu, sao lại nói rằng nhơn nơi vô minh mà sanh các lậu.

- Này Thiện nam tử ! Vô minh lậu là nội vô minh. Nhơn nơi vô minh sanh ra các lậu là nội ngoại nhơn. Nếu nói vô minh lậu thời gọi là nội đảo : Chẳng biết vô thường, khổ, không và vô ngã. Nếu nói nhơn duyên của tất cả phiền não, đây gọi là chẳng rõ biết ngoại ngã và ngã sở. Nếu nói vô minh lậu, đây gọi là vô thỉ vô chung : Từ nơi vô minh sanh ra ấm, nhập, giới v.v...

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là biết nhơn của các lậu ?

- Này Thiện nam tử ! Người trí nên quán sát rằng : Nhơn duyên gì sanh ra phiền não này ? - Làm hạnh nghiệp gì sanh ra phiền não này ? - Trong thời kỳ nào sanh ra phiền não này ? - Lúc ở chung với ai sanh ra phiền não này ? - Ở chỗ nào sanh ra phiền não này ? - Quán sát việc gì sanh ra phiền não này ? - Thọ lãnh đồ ăn đồ dùng của ai sanh ra phiền não này ? - Duyên cớ gì chuyển hạ làm trung, chuyển trung làm thượng ? - Hạ nghiệp làm trung, trung nghiệp làm thượng ?

Bồ Tát lúc quán sát như vậy thời xa lìa được nhơn duyên sanh ra các lậu. Lúc quán sát như vậy những phiền não chưa sanh ngăn ngừa làm cho chẳng sanh, những phiền não đã sanh thời trừ diệt được. Do đây nên trong khế kinh ta nói rằng người trí phải quán sát nhơn duyên sanh ra phiền não.

- Bạch Thế Tôn ! Chúng sanh có một thân làm sao có thể khởi ra các thứ phiền não ?

- Này Thiện nam tử ! Như trong một cái chậu đựng nhiều thứ hột giống, lúc có nước mưa thời mỗi hột giống đều tự mọc lên. Chúng sanh cũng như vậy, thân dầu chỉ có một, do nhơn duyên tham ái mà có thể sanh trưởng các thứ phiền não.

- Bạch Thế Tôn ! Người trí quán sát quả báo như thế nào ?

- Này Thiện nam tử ! Người trí nên quán sát nhơn duyên của các lậu có thể sanh thân tam đồ, nhơn duyên của các lậu được thân Nhơn thiên, đều là vô thường, khổ, không, vô ngã. Trong thân này có ba thứ khổ, ba thứ vô thường. Nhơn duyên của các lậu này có thể làm cho chúng sanh tạo tội ngũ nghịch thọ lấy ác báo, có thể dứt mất căn lành, phạm bốn tội trọng, hủy báng Tam Bảo.

Người trí lại nên quán sát ngày nay ta đã có thân như vầy, chẳng nên sanh khởi những phiền não như vậy để khỏi mang lấy những ác quả.

- Bạch Thế Tôn ! Cả quả vô lậu. Lúc người trí dứt những quả báo, quả báo vô lậu này có ở trong số bị dứt đây chăng ?

Những người đắc đạo có quả vô lậu. Người trí kia cầu quả vô lậu. Tại sao đức Phật nói rằng tất cả người trí nên dứt quả báo. Nếu dứt quả báo thời ngày nay làm sao có các bực Thánh nhơn ?

- Này Thiện nam Tử ! Có lúc đức Như Lai trong nhơn mà nói quả, có lúc trong quả mà nói nhơn.

Như người đời nói đất sét chính là cái bình, những sợi chỉ chính là cái áo, đây gọi là trong nhơn mà nói quả.

Như người đời nói con bò chính là nước và cỏ, người chính là đồ ăn, đây là trong quả mà nói nhơn. Ta cũng ở trong nhơn mà nói quả như vậy. Như trong khế kinh trước kia ta từng nói rằng : Ta từ nơi tâm mà thân đến cõi Phạm Thiên, đây gọi là trong nhơn mà nói quả. Lục nhập này là nghiệp quá khứ, đây gọi trong quả mà nói nhơn.

Này Thiện nam Tử ! Thật ra tất cả Thánh nhơn không có quả báo vô lậu. Tất cả Thánh nhơn tu hành Thánh đạo được quả báo chẳng còn sanh các lậu do đây nên gọi là quả báo vô lậu.

Này Thiện nam Tử ! Người trí lúc quán sát như vậy liền dứt hẳn được quả báo của phiền não. Vì dứt quả báo phiền não này mà tu tập Thánh đạo :

Không, vô tướng và vô nguyện. Tu tập Thánh đạo này có thể dứt tất cả quả báo của phiền não.

- Bạch Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh đều do phiền não mà có quả báo. Phiền não chính là ác. Từ phiền não ác sanh ra phiền não cũng gọi là ác. Phiền não như vậy có hai thứ : Nhơn và quả. Vì nhơn ác nên quả ác, vì quả ác nên nhơn ác.

Như trái Nhâm Bà vì hột nó đắng, nên bông trái cây lá tất cả đều đắng. Như cây độc vì hột nó độc nên trái cũng độc.

Nhơn là chúng sanh quả cũng chúng sanh. Nhơn là phiền não quả cũng phiền não. Nhơn quả phiền não chính là chúng sanh. Chúng sanh chính là nhơn quả phiền não.

Nếu cứ theo nghĩa này, cớ sao đức Như Lai trước kia nói dụ núi Tuyết cũng có cỏ độc, cũng có cây thuốc hay ?

Nếu nói phiền não là chúng sanh, chúng sanh là phiền não, sao Phật lại nói trong thân chúng sanh có thuốc hay ?

- Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Vô lượng chúng sanh đều đồng nghi như vậy. Nay ông vì chúng sanh mà thưa hỏi. Ta cũng có thể giải thích để trừ nghi.

Ông nên lóng nghe khéo suy nghĩ và ghi nhớ đó.

Này Thiện nam tử ! Núi Tuyết kia dụ cho chúng sanh, cỏ độc là nói phiền não, cây thuốc hay là chỉ cho phạm hạnh thanh tịnh.

Này Thiện nam tử ! Nếu có chúng sanh tu tập phạm hạnh thanh tịnh như vậy, thời gọi là trong thân có thuốc hay.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào chúng sanh có phạm hạnh thanh tịnh ?

- Này Thiện nam tử ! Như trong đời, từ hột sanh ra trái. Trái này có thứ sanh ra hột, có thứ chẳng sanh. Thứ có thể sanh hột thời gọi là quả tử. Thứ không thể sanh chỉ được gọi là quả chẳng được gọi là tử.

Tất cả chúng sanh cũng như vậy, có hai hạng : Một là có quả phiền não là nhơn phiền não, hai là có quả phiền não chẳng phải nhơn phiền não. Hạng sau đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Này Thiện nam tử ! Chúng sanh quán sát thọ ấm, biết nó là cận nhơn của tất cả lậu. Vì thọ ấm làm nhơn duyên nên không thể dứt tuyệt tất cả các lậu, cũng không thể ra khỏi ngục tam giới. Nhơn nơi thọ mà chúng sanh chấp ngã và ngã sở, sanh ra tâm đảo, tưởng đảo và kiến đảo. Do đây nên chúng sanh trước phải quán sát thọ ấm. Thọ này là cận nhơn của tất cả ái. Do đây nên người trí muốn dứt tham ái, trước phải quán sát thọ.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh, mười hai nhơn duyên chỗ gây tạo nghiệp thiện ác đều nhơn nơi thọ. Do đây nên ta từng bảo A Nan rằng : Tất cả chúng sanh tạo nghiệp thiện ác đều do nơi thọ. Nên người trí trước phải quán sát thọ.

Đã quán sát thọ rồi lại phải quán sát thọ này do nhơn duyên gì mà sanh ? Nếu do nhơn duyên sanh, thời nhơn duyên đó lại từ đâu mà sanh ? Nếu không nhơn duyên mà sanh, thời không nhơn kia cớ sao chẳng sanh không thọ ?

Lại quán sát thọ này chẳng phải do Tự Tại Thiên sanh, chẳng do sĩ phu sanh, chẳng do vi trần sanh, chẳng phải thời tiết sanh, chẳng do tưởng sanh, chẳng do tánh sanh, chẳng phải tự sanh, chẳng phải tha sanh, chẳng phải vô nhơn sanh. Thọ này từ các duyên hòa hiệp mà sanh, duyên đây chính là ái. Trong sự hòa hiệp này chẳng phải có thọ chẳng phải không thọ. Do đây nên ta phải dứt sự hòa hiệp này. Vì dứt hòa hiệp nên chẳng sanh ra thọ.

Này Thiện nam tử ! Người trí quán sát nhơn rồi kế quán sát quả báo : Chúng sanh do nơi thọ mà thọ báo địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, nhẫn đến thọ vô lượng sự khổ não trong tam giới. Do nơi thọ mà thọ lấy sự vui hư huyễn vô thường. Do nơi thọ mà dứt căn lành. Do nơi thọ mà được giải thoát. Lúc quán sát như vậy thời chẳng làm nhơn cho thọ.

Thế nào gọi là chẳng làm nhơn cho thọ ? Chính là phân biệt thọ : Những thọ gì có thể làm nhơn cho ái ? Những ái gì có thể làm nhơn cho thọ ?

Này Thiện nam tử ! Nếu chúng sanh có thể quán sát rành rẽ ái nhơn và thọ nhơn như vậy, thời có thể dứt ngã và ngã sở.

Này Thiện nam tử ! Nếu người nào có thể quán sát những điều như vậy, thời nên biện biệt ái cùng thọ dứt tại chỗ nào ? Bèn thấy ái và thọ có chỗ diệt phần ít, do đây nên biết rằng cũng phải có diệt hoàn toàn. Bấy giờ ở nơi giải thoát người này sanh tín tâm, quán sát chỗ giải thoát này do đâu mà được. Quán sát rồi biết rõ từ Bát chánh đạo nên liền tu tập.

Thế nào gọi là Bát chánh đạo ? Đạo này quán sát thọ có ba tướng : Một là khổ, hai là lạc, ba là bất khổ bất lạc. Ba tướng này đều có thể làm cho thân tâm tăng trưởng.

Nhơn duyên gì mà có thể tăng trưởng ? Vì xúc làm nhơn duyên. Xúc này có ba : Một là vô minh xúc, hai là minh xúc, ba là phi minh phi vô minh xúc. Minh xúc đây chính là Bát chánh đạo. Hai xúc kia thời tăng trưởng thân tâm và ba món thọ. Do đây nên phải dứt hai món xúc này. Xúc đã dứt nên chẳng sanh ba món thọ.

Này Thiện nam tử ! Thọ này cũng gọi là nhơn cũng gọi là quả. Người trí phải quán sát cũng nhơn

cũng quả này : Nhơn thọ sanh ra ái gọi đó là nhơn. Thọ nhơn nơi xúc mà sanh đây gọi là quả.

Người trí quán sát thọ như vậy rồi, kế lại quán sát ái. Quả báo của thọ gọi là ái. Quán sát ái có hai thứ : Một là tạp thực, hai là vô thực.

Tạp thực ái làm nhơn sanh ra già bịnh chết tất cả những cõi Hữu lậu. Vô thực ái thời dứt sanh, già, bịnh, chết tất cả các cõi mà tham ưa đạo vô lậu.

Lại nên nghĩ rằng : Nếu ta sanh tạp thực ái này thời không thể dứt được sanh, lão, bịnh, tử. Nay dầu ta tham đạo vô lậu, nếu chẳng dứt thọ nhơn, thời không thể được đạo quả vô lậu. Do đây nên phải dứt xúc này trước. Xúc đã dứt thời thọ tự diệt. Thọ đã diệt thời ái cũng mất theo. Đây gọi là Bát chánh đạo.

Này Thiện nam tử ! Nếu có chúng sanh nào quán sát như vậy, dầu hiện tại có thân ác độc, nhưng trong đó cũng có cây thuốc hay. Như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc tốt.

Những chúng sanh này dầu do phiền não mà có quả báo, nhưng quả báo này chẳng còn lại sanh phiền não, đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Này Thiện nam tử ! Người trí phải quán sát hai thứ thọ và ái do nhơn duyên gì sanh ra ? Biết do nơi tưởng mà sanh. Vì chúng sanh lúc thấy sắc cũng chẳng sanh tham. Đến lúc quán thọ cũng chẳng sanh tham. Nếu ở trong sắc mà sanh tưởng điên đảo, cho rằng sắc là

thường, lạc, ngã, tịnh. Thọ là thường hằng không biến đổi. Do tưởng điên đảo này mà sanh tham, sân, si. Do đây nên người trí phải quan sát.

Và phải suy nghĩ rằng : Tất cả chúng sanh lúc chưa được chánh đạo đều có tưởng điên đảo : Ở trong chẳng phải thường, lạc, ngã, tịnh mà nhận là thường, lạc, ngã, tịnh. Nơi pháp chẳng phải nam, nữ, lớn, nhỏ, ngày, đêm, năm, tháng, y phục, nhà cửa v.v... mà tưởng là nam, là nữ v.v...

Tưởng này có ba thứ : Tiểu, đại và vô lượng. Vì nhơn duyên nhỏ nên sanh tưởng nhỏ. Vì nhơn duyên lớn nên sanh tưởng lớn. Vì vô lượng duyên nên sanh tưởng vô lượng.

Lại có tưởng nhỏ chính là chưa nhập định, tưởng lớn là nói đã nhập định, vô lượng tưởng là nói mười Nhứt thiết nhập.

Lại có tưởng nhỏ là tất cả tưởng ở cõi Dục, tưởng lớn là tất cả tưởng ở cõi Sắc, vô lượng tưởng là tất cả tưởng ở cõi Vô Sắc.

Vì ba thứ tưởng này diệt nên thọ cũng tự diệt. Vì tưởng thọ diệt nên gọi là giải thoát.

- Bạch Thế Tôn ! Diệt tất cả pháp gọi là giải thoát, sao đức Như Lai nói tưởng thọ diệt gọi là giải thoát ?

- Này Thiện nam tử ! Như Lai có lúc nhơn chúng sanh mà thuyết pháp, người nghe hiểu được pháp.

Như trước kia ta bảo đại Ca Diếp : Lúc chúng sanh diệt thời pháp lành diệt. Hoặc có lúc ta nhơn nơi pháp mà nói chúng sanh, người nghe cũng hiểu là nói chúng sanh. Như trước kia ta bảo A Nan rằng : Đức Phật cũng chẳng nói gần gũi tất cả pháp, lại cũng chẳng nói chẳng gần gũi tất cả pháp. Nếu đã gần nơi pháp mà pháp lành kém suy, pháp ác lừng thạnh, thời chẳng nên gần pháp đó. Nếu đã gần nơi pháp nào mà điều ác suy diệt, điều lành thêm lớn, thời nên gần gũi pháp đó.

Này Thiện nam tử ! Dầu đức Như Lai nói tưởng thọ diệt, nhưng đã tổng nói dứt tất cả pháp nên dứt.

Người trí đã quán tưởng như vậy rồi, kế lại quán nhơn của tưởng : Vô lượng tưởng này nhơn đâu mà sanh ? Biết rằng nhơn xúc mà sanh. Xúc này có hai : Một là do phiền não mà có xúc, hai là do giải thoát mà có xúc. Do vô minh sanh gọi là phiền não xúc, do minh sanh gọi là giải thoát xúc. Nhơn nơi phiền não xúc sanh ra đảo tưởng. Nhơn nơi giải thoát xúc sanh ra bất đảo tưởng. Quán sát nhơn của tưởng rồi kế lại quán sát quả báo.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu vì nhơn nơi tưởng phiền não này mà sanh đảo tưởng, thời tất cả Thánh nhơn thiệt có đảo tưởng mà không phiền não.

- Này Thiện nam tử ! Thế nào là Thánh nhơn mà có đảo tưởng ?

- Bạch Thế Tôn ! Tất cả Thánh nhơn đối với con bò, con ngựa tưởng là bò là ngựa rồi cũng nói là bò là ngựa. Đối với nam, nữ, lớn, nhỏ, nhà cửa v.v... cũng như vậy, do đây nên gọi là đảo tưởng.

- Này Thiện nam tử ! Tất cả phàm phu có hai thứ tưởng : Một là thế lưu bố tưởng, hai là chấp trước tưởng. Tất cả Thánh nhơn chỉ có thể lưu bố tưởng, không có chấp trước tưởng. Tất cả phàm phu vì ác giác quan nên đối với thế lưu bố sanh ra chấp trước tưởng. Tất cả Thánh nhơn vì thiện giác quán nên đối với thế lưu bố chẳng sanh tưởng chấp trước. Do đây nên phàm phu gọi là đảo tưởng. Thánh nhơn dầu biết các pháp mà chẳng gọi là đảo tưởng.

Người trí quán sát nhơn của tưởng rồi kế lại quán quả báo : Ác tưởng này thọ quả nơi địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, nhơn và Thiên. Như ta do vì dứt ác giác quán nên vô minh xúc dứt, do đây mà tưởng dứt, vì tưởng dứt nên quả báo cũng dứt. Người trí vì dứt nhơn của tưởng nên tu Bát chánh đạo.

Nếu có người quán sát được như vậy, thời gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

Này Thiện nam tử ! Như trên đây gọi là trong thân ác độc của chúng sanh mà có thuốc hay. Như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc hay.

Này Thiện nam tử ! Người trí kế lại quán sát dục, tức là sắc, thinh, hương, vị, xúc. Đây là đức Như Lai ở

trong nhơn mà nói quả, vì từ năm trần này mà sanh ra Dục, thiệt ra năm trần chẳng phải dục.

Này Thiện nam tử ! Người ngu si vì tham cầu thọ lấy nên đối với sắc sanh ra tưởng điên đảo, đối với thanh, hương, vị, xúc cũng sanh ra tưởng điên đảo. Do đảo tưởng làm nhơn duyên mà sanh ra thọ. Do đây nên trong đời nói rằng nhơn đảo tưởng sanh ra mười món tưởng.

Do dục làm nhơn duyên mà thọ lấy quả báo ác nơi thế gian. Đem sự ác làm hại cha mẹ, Sa Môn, Bà La Môn v.v.., chỗ chẳng nên làm ác mà cố làm chẳng tiếc thân mạng. Người trí quán sát ác tưởng này làm nhơn duyên mà sanh ra dục tâm.

Quán sát nhơn duyên của dục rồi kế lại quán sát quả báo : Dục này có nhiều quả báo ác : Địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, nhơn và Thiên.

Nếu những ác tưởng này đã trừ diệt được, thời vĩnh viễn chẳng sanh dục tâm này, vì không dục tâm nên chẳng sanh ác thọ, đã không ác thọ thời không ác quả, do đây nên phải dứt ác tưởng trước. Ác tưởng đã dứt thời những pháp ác khác tự nhiên đều dứt. Do cớ trên đây nên người trí vì dứt ác tưởng mà tu Bát chánh đạo, đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh, cũng gọi là trong thân độc của chúng sanh có vị thuốc hay. Như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc.

Này Thiện nam tử ! Người trí quán dục như vậy rồi kế nên quán nghiệp. Phải suy nghĩ rằng : Bốn thứ thọ, tưởng, xúc và dục chính là phiền não. Phiền não này có thể làm sanh nghiệp mà chẳng làm thọ nghiệp. Phiền não này cùng đi với nghiệp có hai thứ : Một là làm sanh nghiệp, hai là làm tác nghiệp.

Do đây nên người trí phải quán sát nơi nghiệp. Nghiệp này có ba : thân, khẩu và ý. Hai nghiệp thân, khẩu tên là nghiệp mà cũng gọi là nghiệp quả, ý chỉ gọi là nghiệp, vì là nhơn của nghiệp nên gọi là nghiệp. Hai nghiệp thân, khẩu là nghiệp ngoài, ý gọi là nghiệp trong. Ba thứ nghiệp này đi chung với phiền não làm thành hai thứ nghiệp : Một là sanh nghiệp, hai là thọ nghiệp.

Này Thiện nam tử ! Chánh nghiệp tức là ý, kỳ nghiệp tức là thân khẩu. Phát sanh trước gọi là ý nghiệp, từ ý nghiệp sanh ra gọi là thân khẩu nghiệp. Do đây nên ý nghiệp được gọi là chánh.

Người trí đã quán nghiệp rồi kế lại quán nghiệp nhơn. Nghiệp nhơn đây là vô minh xúc. Do nơi vô minh xúc mà chúng sanh cầu lấy có. Nhơn duyên cầu lấy có tức là ái. Nhơn nơi ái mà gây tạo ba thứ nghiệp thân, khẩu, ý.

Người trí quán nghiệp nhơn rồi kế lại quán quả báo. Quả báo đây có bốn : Một là hắc hắc quả báo,

hai là bạch bạch quả báo, ba là tạp tạp quả báo, bốn là bất hắc bất bạch quả báo.

Hắc hắc quả báo là lúc tạo nghiệp nhơ đục quả báo cũng nhơ đục. Bạch bạch quả báo là lúc tạo nghiệp thanh tịnh quả báo cũng thanh tịnh.

Tạp tạp quả báo là lúc tạo nghiệp tạp quả báo cũng tạp. Bất bạch bất hắc quả báo là nói vô lậu nghiệp.

- Bạch Thế Tôn ! Trước kia đức Như Lai nói vô lậu không có quả báo, cớ sao nay lại nói vô lậu là bất bạch bất hắc quả báo ?

- Này Thiện nam tử ! Nghĩa này có hai : Một là cũng quả cũng báo, hai là chỉ quả chẳng phải báo. Hắc hắc quả báo là quả cũng là báo : Do nghiệp nhơn hắc mà sanh ra nên gọi là quả, nó lại có thể làm nhơn nên lại gọi là báo. Bạch bạch và tạp tạp cũng như vậy. Quả vô lậu nhơn nơi hữu lậu mà sanh nên gọi là quả, nó chẳng làm nhơn cho pháp khác nên chẳng gọi là báo. Do đây nên vô lậu gọi là quả mà chẳng gọi là báo.

- Bạch Thế Tôn ! Nghiệp vô lậu này chẳng phải là hắc pháp, duyên cớ gì chẳng gọi nó là bạch ?

- Này Thiện nam tử ! Vì vô lậu không có báo nên chẳng gọi là bạch. Vì đối trị hắc nên gọi là bạch. Nay ta nói thọ quả báo gọi là hắc bạch. Vì nghiệp vô lậu này chẳng thọ báo nên chẳng gọi là bạch mà gọi là tịch tịnh.

Nghiệp như vậy có chỗ định thọ báo, như mười pháp ác quyết định ở địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, mười nghiệp lành quyết định ở nhơn, Thiên.

Mười pháp ác có thượng, trung và hạ : Nghiệp thượng thọ thân địa ngục, nghiệp trung thọ thân súc sanh, nghiệp hạ thọ thân ngạ quỉ.

Mười nghiệp lành về nhơn đạo có bốn hạng : Nghiệp hạ sanh Bắc Câu Lô Châu, nghiệp trung sanh Tây Ngưu Hóa Châu, nghiệp thượng sanh Đông Thắng Thần Châu, nghiệp thượng thượng sanh Diêm Phù Đề.

Người trí quán sát như vậy rồi liền nghĩ rằng : Ta phải làm thế nào dứt những quả báo ấy ? Lại nghĩ rằng nhơn duyên của những nghiệp này do vô minh xúc sanh ra, nếu ta dứt trừ vô minh cùng xúc, thời nghiệp quả này dứt mất chẳng còn sanh. Vì dứt trừ vô minh và xúc nên người trí tu Bát chánh đạo, đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh. Cũng gọi là trong thân độc của chúng sanh có vị thuốc hay, như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc.

Này Thiện nam tử ! Người trí quán sát nghiệp và quán sát phiền não rồi, kế lại quán sát quả báo của hai thứ này : tức là khổ. Đã biết là khổ thời có thể xa lìa tất cả sự thọ sanh.

Người trí lại quán sát phiền não làm nhơn duyên sanh ra phiền não, nghiệp cũng làm nhơn duyên sanh

ra phiền não. Phiền não lại làm nhơn duyên sanh ra nghiệp, nghiệp làm nhơn duyên sanh ra khổ, khổ làm nhơn duyên sanh ra phiền não, phiền não làm nhơn duyên sanh ra khổ hữu, hữu làm nhơn duyên sanh ra khổ, khổ làm nhơn duyên sanh ra hữu, hữu làm nhơn duyên sanh ra nghiệp, nghiệp làm nhơn duyên sanh ra phiền não, phiền não làm nhơn duyên sanh ra khổ, khổ làm nhơn duyên sanh ra nghiệp.

Này Thiện nam tử ! Nếu ai có thể quán sát như vậy, nên biết rằng người này có thể quán sát nghiệp khổ, vì những điều quán sát như vậy chính là mười hai nhơn duyên sanh tử, người này chẳng gây tạo nghiệp mới, có thể phá hoại nghiệp cũ.

Này Thiện nam tử ! Người trí quán sát sự khổ nơi địa ngục. Quán sát nơi địa ngục nhẫn đến ba trăm ba mươi sáu sở. Mỗi địa ngục đều có các sự khổ, đều do phiền não và nghiệp sanh ra. Quán sát địa ngục rồi kế lại quán sát những sự khổ của ngạ quỉ và súc sanh. Kế lại quán sát những sự khổ của nhơn gian và của chư Thiên. Những sự khổ như vậy đều do nơi phiền não và nghiệp sanh ra.

Này Thiện nam tử ! Trên các cõi trời dầu không những sự khổ não lớn, nhưng thân thể của chư Thiên mềm dịu mịn trơn, lúc năm tướng suy hiện ra họ cũng thọ lấy sự khổ lớn, như sự khổ của địa ngục.

Này Thiện nam tử ! Người trí quán sát những sự khổ của tam giới đều do nơi phiền não và nghiệp mà sanh. Như đồ bằng đất chưa hầm thời dễ bể hư. Thân thể của chúng sanh cũng như vậy, là những đồ đầy sự khổ. Như cây to bông trái sum sê bầy chim có thể làm hư hại. Như nhiều cỏ khô chút lửa cũng có thể cháy hết. Thân thể của chúng sanh bị những sự khổ làm hư hoại cũng như vậy. Người trí nếu có thể quán sát tám thứ khổ, người này có thể dứt được những sự khổ.

Này Thiện nam tử ! Đã quán sát tám sự khổ rồi kế lại quán sát khổ nhơn.

Khổ nhơn đây là ái cùng vô minh. Có hai thứ : Một là cầu thân thể, hai là cầu của cải, hai thứ này đều là khổ, do đây nên biết ái cùng vô minh là khổ nhơn. Lại có hai thứ : Một là nội, hai là ngoại. Nội có thể gây nghiệp, ngoại có thể làm tăng trưởng. Nội lại có thể gây nghiệp, ngoại làm thành nghiệp quả.

Đã dứt nội ái thời nghiệp cũng dứt, dứt được ngoại ái thời quả cũng dứt. Nội ái có thể sanh khổ đời vị lai, ngoại ái có thể sanh khổ đời hiện tại. Do đây nên ái là khổ nhơn.

Đã quán khổ nhơn rồi kế lại quán sát quả báo. Quả báo của khổ chính là thủ, ái quả gọi là thủ. Nhơn duyên của thủ này tức là nội ái và ngoại ái do đây có ái khổ.

Người trí phải quán sát ái làm nhơn duyên cho thủ, thủ nhơn duyên nơi ái, nếu có thể dứt ái và thủ thời chẳng tạo nghiệp thọ khổ. Do đây nên người trí vì dứt trừ ái khổ mà tu Bát chánh đạo. Đây gọi là Phạm hạnh thanh tịnh, cũng gọi là trong thân độc của chúng sanh có vị thuốc hay. Như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là phạm hạnh thanh tịnh ?

- Này Thiện nam tử ! Chính là tất cả pháp.

- Bạch Thế tôn ! Nghĩa của tất cả pháp chẳng nhứt định. Vì đức Như Lai có lúc nói là thiện, bất thiện. Có lúc nói là tứ niệm xứ quán. Hoặc nói là thập nhị nhập. Hoặc nói là Thiện tri thức. Hoặc nói là thập nhị nhơn duyên. Hoặc nói là chúng sanh. Hoặc nói là chánh kiến, tà kiến. Hoặc nói là mười hai bộ kinh. Hoặc nói là nhị đế.

Hôm nay đức Như Lai lại nói tất cả pháp là phạm hạnh thanh tịnh, đó là những tất cả pháp gì ?

Này Thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn vi diệu này là bảo tạng trong tất cả pháp.

Như biển cả là kho chứa những châu báu, kinh Đại Niết Bàn này cũng như vậy, là bí tạng của tất cả chữ nghĩa.

Như núi Tu Di là cội gốc của các vị thuốc, kinh này cũng là cội gốc của giới Bồ Tát.

Như hư không là chỗ ở của tất cả vật, kinh này cũng là chỗ ở của tất cả pháp lành.

Như luồng gió mạnh không gì trói buộc được. Tất cả Bồ Tát thật hành kinh này cũng chẳng bị tất cả phiền não trói buộc.

Như chất kim cương không gì phá hoại được, kinh này dầu có ngoại đạo ác tà cũng chẳng phá hoại được.

Như cát sông Hằng không ai đếm được, ý nghĩa của kinh này cũng không ai đếm được.

Kinh này là pháp tràng của Bồ Tát, như Bảo tràng của Thiên Đế Thích.

Kinh này là vị thương chủ thẳng đến thành Niết Bàn, như bực Đạo sư dẫn các thương nhơn thẳng đến biển cả.

Kinh này có thể làm ánh sáng pháp cho Bồ Tát, như mặt trời mặt trăng có thể phá tối tăm ở thế gian.

Kinh này có thể làm vị thuốc hay cho chúng sanh mang bịnh khổ, như trong núi Tuyết có cây thuốc hay trị được các thứ bịnh.

Kinh này có thể làm gậy cho nhứt xiển đề, như người quá yếu nhờ gậy mà đứng dậy được.

Kinh này có thể làm cầu đò cho tất cả người ác, như cây cầu là chỗ tất cả người đi qua.

Kinh này làm bóng mát cho những ai bị nóng phiền não trong hai mươi lăm cõi, như cây lọng che nắng nóng.

Kinh này là vua đại vô úy có thể phá hoại tất cả ác ma phiền não, như sư tử vương hàng phục bầy thú.

Kinh này là đại thần chú có thể phá hoại tất cả ác quỉ phiền não, như chú sư trong đời có thể đuổi trừ quỉ vọng lượng.

Kinh này là mưa đá vô thượng có thể phá hoại tất cả quả báo sanh tử.

Kinh này có thể làm vị thuốc hay cho người hư con mắt giới, như thuốc An Xà Na trị lành con mắt đau.

Kinh này có thể làm chỗ ở cho tất cả pháp lành, như mặt đất làm chỗ ở cho muôn vật.

Kinh này là gương sáng của chúng sanh phá giới, như gương sáng soi các hình tượng.

Kinh này có thể làm y phục cho người không tàm quí, như áo xiêm che đậy thân thể của người đời.

Kinh này làm của báu lớn cho người nghèo pháp lành, như Công Đức Thiên lợi ích ban sự lợi ích cho người nghèo.

Kinh này làm nước cam lộ cho chúng sanh khát ngưỡng chánh pháp, như nước bát công đức làm no đủ cho người khát nước.

Kinh này làm giường pháp cho người phiền não, như người đời gặp được giường nằm an ổn.

Kinh này là cỗ xe trân bảo, chuỗi ngọc hoa hương trang nghiêm thanh tịnh của bực Sơ địa Bồ Tát nhẫn

đến bực Thập địa Bồ Tát, hơn tất cả chỗ vui vi diệu của sáu môn Ba la mật, như cây Ba Lợi Chất Đa La trên cung trời Đao Lợi.

Kinh này là cây búa trí huệ cứng bén có thể chặt tất cả cây to phiền não, là dao bén có thể cắt đứt tập khí, là lực sĩ dũng kiện có thể trừ dẹp ma tà oán địch, là ngọn lửa trí huệ đốt củi phiền não, là tạng nhơn duyên xuất sanh Bích Chi Phật, là tạng Thanh Văn sanh ra bực Thanh Văn, là con mắt của tất cả chư Thiên, là con đường chánh của mỗi người, là chỗ nương của tất cả loài súc sanh, là chỗ giải thoát của ngạ quỉ, là đấng Vô thượng tôn của địa ngục, là chỗ vô thượng của tất cả chúng sanh trong mười phương, là phụ mẫu của chư Phật.

Do đây nên kinh này nhiếp tất cả pháp.

Này Thiện nam tử ! Trước kia Ta nói kinh này dầu nhiếp tất cả pháp, nhưng ta nói phạm hạnh là ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Nếu rời ba mươi bảy phẩm này thời trọn chẳng được quả Thanh Văn nhẫn đến quả Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng thấy Phật tánh cùng quả Phật tánh. Do đây nên phạm hạnh là ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

Vì ba mươi bảy phẩm này tánh của nó chẳng phải điên đảo, nó có thể phá hoại điên đảo; tánh của nó chẳng phải ác kiến, nó có thể phá hoại ác kiến; tánh của nó chẳng phải bố úy, nó có thể phá hoại bố úy;

tánh của nó là phạm hạnh, nó có thể làm cho chúng sanh rốt ráo thật hành phạm hạnh thanh tịnh.

- Bạch Thế Tôn ! Pháp hữu lậu cũng có thể làm nhơn cho pháp vô lậu, cớ sao đức Như Lai chẳng nói pháp hữu lậu là phạm hạnh thanh tịnh ?

- Này Thiện nam tử ! Tất cả pháp hữu lậu là điên đảo, nên tất cả pháp hữu lậu chẳng được gọi là Phạm hạnh thanh tịnh.

- Bạch Thế Tôn ! Pháp thế đệ nhứt là hữu lậu hay là vô lậu.

- Này Thiện nam tử ! Là hữu lậu.

- Bạch Thế Tôn ! Pháp thế đệ nhứt dầu là hữu lậu nhưng tánh nó chẳng phải điên đảo, cớ sao chẳng gọi nó là phạm hạnh thanh tịnh ?

- Này Thiện nam tử ! Pháp thế đệ nhứt là nhơn của pháp vô lậu, vì giống với vô lậu và hướng về vô lậu nên chẳng gọi là điên đảo. Phạm hạnh thanh tịnh phát tâm tương tục mãi đến rốt ráo. Còn pháp thế đệ nhứt chỉ là một niệm, nên chẳng được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

- Bạch Thế Tôn ! Năm thức của chúng sanh cũng là hữu lậu nhưng chẳng phải là điên đảo, lại chẳng phải là một niệm, cớ sao chẳng gọi là phạm hạnh thanh tịnh ?

- Này Thiện nam tử ! Năm thức của chúng sanh dầu chẳng phải một niệm nhưng là hữu lậu lại là

điên đảo. Vì thêm các lậu nên gọi là hữu lậu, thể của nó chẳng phải chơn thật vì là tưởng chấp trước nên là điên đảo.

Thế nào gọi là thể của nó chẳng phải chơn thật vì tưởng chấp trước nên điên đảo ? Vì trong vật chẳng phải nam nữ nó sanh tưởng nam nữ, nhẫn đến nhà cửa xe cộ v.v... cũng như vậy, nên gọi là điên đảo.

Này Thiện nam tử ! Ba mươi bảy phẩm trợ đạo tánh của nó không điên đảo nên được gọi là Phạm hạnh thanh tịnh.

Này Thiện nam tử ! Nếu có Bồ Tát đối với ba mươi bảy phẩm này mà biết căn, biết nhơn, biết nhiếp, biết tăng, biết chủ, biết đạo, biết thắng, biết thật và biết rốt ráo, Bồ Tát này được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là biết căn, nhẫn đến biết rốt ráo ?

- Này Thiện nam tử ! Bồ Tát thưa hỏi thường vì hai điều : Một là vì mình, hai là vì người. Nay ông đã biết mà vì vô lượng chúng sanh nên thưa hỏi những việc như vậy. Lành thay ! Lành thay !

Này Thiện nam tử ! Căn bổn của ba mươi bảy phẩm trợ đạo là dục, nhơn là minh xúc, nhiếp thủ là thọ, tăng trưởng là thiện tư duy, chủ là niệm, đạo dẫn là định, thắng là trí huệ, thật là giải thoát, rốt ráo là Đại Bát Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Thiện dục là căn bổn của sơ phát tâm nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề, do đây nên ta nói dục là căn bổn.

Như người đời nói tất cả khổ não do ái làm căn bổn. Tất cả bịnh tật do ăn cách đêm làm căn bổn. Tất cả sự phán đoán do đấu tranh làm căn bổn. Tất cả việc ác do hư vọng làm căn bổn.

- Bạch Thế Tôn ! Trong kinh này trước kia đức Như Lai nói rằng tất cả pháp lành do bất phóng dật làm căn bổn. Sao nay đức Phật lại nói rằng dục là căn bổn ?

- Này Thiện nam tử ! Nếu luận về sanh nhơn thời là thiện dục, còn liễu nhơn thời là bất phóng dật. Như người đời nói rằng tất cả trái cây do hột làm nhơn, hoặc có người nói hột là sanh nhơn, đất là liễu nhơn.

- Bạch Thế Tôn ! Trong những kinh khác đức Phật từng nói rằng Phật là cội gốc của ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Nghĩa này như thế nào ?

- Này Thiện nam tử ! Đức Như Lai ngày trước nói rằng chúng sanh mới biết ba mươi bảy phẩm trợ đạo thời Phật là căn bổn. Nếu tự chứng đặng thời Dục là căn bổn.

- Bạch Thế Tôn ! Sao minh xúc gọi là nhơn ?

- Này Thiện nam tử ! Có lúc đức Như Lai nói minh là huệ, hoặc nói minh là tín. Do tín tâm mà gần gũi

bạn lành đây gọi là xúc. Do gần gũi bạn lành được nghe chánh pháp, đây gọi là xúc. Do nghe chánh pháp mà thân, khẩu, ý thanh tịnh, đây gọi là xúc. Do ba nghiệp thanh tịnh mà được chánh mạng, đây gọi là xúc. Do chánh mạng được giới căn thanh tịnh, do giới căn thanh tịnh mà thích nơi tịch tịnh, do thích tịch tịnh nên có thể tư duy hiểu biết, do thiện tư duy mà được an trụ đúng pháp, do an trụ đúng pháp mà được ba mươi bảy phẩm trợ đạo, do đây có thể phá hoại vô lượng phiền não ác, đây gọi là xúc.

Này Thiện nam tử ! Thọ gọi là nhiếp thủ, vì lúc chúng sanh cảm thọ có thể làm việc lành việc ác. Do nơi thọ mà sanh các phiền não. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể phá hoại những phiền não này, nên dùng thọ làm nhiếp thủ.

Do thiện tư duy có thể phá phiền não, nên gọi là tăng trưởng. Vì siêng năng tu tập nên được ba mươi bảy phẩm trợ đạo như vậy.

Nếu quán lực có thể phá những phiền não ác cần phải nhờ chuyên niệm, do đây nên dùng niệm làm chủ. Như trong đời tất cả binh chủng đều theo ý của chủ tướng. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo cũng đều theo nơi niệm chủ.

Này Thiện nam tử ! Đã nhập chánh định rồi thời ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể khéo phân biệt tất cả pháp tướng, nên dùng làm dẫn đạo.

Phân biệt pháp tướng này do trí huệ là tối thắng, nên dùng huệ làm thắng.

Trí huệ này rõ biết phiền não, vì năng lực của trí huệ và phiền não tiêu diệt. Như trong đời bốn binh chủng phá hoại oán địch, hoặc một hoặc hai người dũng kiện có công năng phá địch. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo cũng như vậy, do năng lực của trí huệ có thể phá hoại phiền não, nên lấy trí huệ làm thắng.

Này Thiện nam tử ! Dầu do tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo mà chứng được Tứ thiền thần thông an lạc nhưng cũng chẳng gọi là thật. Nếu phá hoại phiền não lúc chứng được giải thoát mới gọi là thật.

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo này từ khi phát tâm tu hành, dầu được thế lạc và xuất thế lạc, chứng bốn quả Sa Môn được giải thoát, cũng chẳng gọi là rốt ráo. Nếu có thể dứt trừ được những công hạnh do ba mươi bảy phẩm trợ đạo này thật hành, đây gọi là Niết Bàn, nên ta nói rốt ráo là Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Lại tâm thiện ái niệm chính là dục. Do thiện ái niệm mà gần gũi bạn lành nên gọi là xúc, đây là nhơn. Do gần gũi bạn lành nên gọi là thọ, đây là nhiếp thủ. Do gần bạn lành mà có thể thiện tư duy nên gọi là tăng trưởng. Do bốn pháp này có thể sanh trưởng chánh đạo : Dục, niệm, định và trí, đây gọi là chủ, là dẫn đạo, là tối thắng vậy.

Do ba pháp này mà được hai thứ giải thoát, do dứt trừ ái nên tâm được giải thoát, do dứt trừ vô minh nên huệ được giải thoát, đây gọi là thật.

Tâm pháp như vậy rốt ráo được quả gọi là Niết Bàn, nên Đại Niết Bàn gọi là rốt ráo.

Này Thiện nạm tử ! Lại dục chính là phát tâm xuất gia, xúc là bạch tứ yết ma, đây gọi là nhơn. Nhiếp thủ chính là thọ hai thứ giới : Một là Ba La Đề Mộc Xoa giới, hai là tịnh căn giới, đây gọi là thọ, đây gọi là nhiếp thủ.

Tăng trưởng là tu tập Tứ thiền. Chủ là quả Tu Đà Hoàn và quả Tư Đà Hàm. Dẫn đạo là quả A Na Hàm. Tối thắng là quả A La Hán.Thật là quả Bích Chi Phật. Rốt ráo là quả Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Lại dục gọi là thức, xúc gọi là lục nhập, nhiếp gọi là thọ, tăng trưởng gọi là vô minh, chủ gọi là danh sắc, dẫn đạo gọi là ái, thắng gọi là thủ, thật gọi là hữu, rốt ráo gọi là sanh, lão, bịnh, tử.

(*) - Bạch Thế Tôn ! Căn bổn cùng nhơn với tăng, ba pháp này khác nhau thế nào ?

Này Thiện nam tử ! Căn bổn tức là sơ phát tâm. Nhơn là tương tợ chẳng dứt. Tăng trưởng là tương tợ dứt rồi có thể sanh tương tợ.

Lại căn là tạo tác. Nhơn chính là quả. Tăng trưởng là có thể dùng.

(*) Hán bộ quyển thứ 38.

Này Thiện nam tử ! Đời vị lai dầu có quả báo, nhưng vì chưa thọ nên gọi là nhơn. Đến khi thọ thời gọi là tăng trưởng.

Lại căn là mong cầu. Được tức là nhơn. Dùng được tức là tăng trưởng.

Này Thiện nam tử ! Trong kinh này, căn là kiến đạo, nhơn là tu đạo, tăng là vô học đạo. Lại căn là chánh nhơn, phương tiện gọi là nhơn, từ chánh nhơn này chứng được quả báo gọi là tăng trưởng.

- Bạch Thế Tôn ! Như đức Phật nói rốt ráo là Đại Niết Bàn, Đại Niết Bàn này làm thế nào chứng được ?

- Này Thiện nam tử ! Hoặc Bồ Tát hoặc Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, hoặc Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di có thể tu tập mười quán tưởng, thời người này có thể được Niết Bàn : Một là vô thường tưởng, hai là khổ tưởng, ba là vô ngã tưởng, bốn là yểm ly thực tưởng, năm là nhứt thiết thế gian bất khả lạc tưởng, sáu là tự tưởng, bảy là đa tội quá tưởng, tám là lý tưởng, chín là diệt tưởng, mười là vô ái tưởng. Người nào tu tập mười thứ quán tưởng như vậy thời rốt ráo quyết định được Niết Bàn. Chẳng do nơi người, tự mình có thể phân biệt thiện bất thiện v.v..., đây gọi là thật xứng nghĩa Tỳ Kheo, nhẫn đến xứng nghĩa Ưu Bà Di.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là Bồ Tát nhẫn đến Ưu Bà Di tu tập vô thường tưởng ?

- Này Thiện nam tử ! Có hai hạng Bồ Tát : Một là sơ phát tâm, hai là đã hành đạo.

Vô thường tưởng cũng có hai thứ : Thô và tế. Bồ Tát sơ phát tâm lúc quán vô thường tưởng, suy nghĩ rằng : Vạn vật trong đời phàm có hai loại : Nội và ngoại. Những loại thuộc về nội vật đều vô thường biến đổi. Tôi thấy lúc sanh, lúc nhỏ, lúc lớn, lúc mạnh, lúc già, lúc chết đều khác nhau, do đây nên biết những loại thuộc về nội vật đều vô thường.

Lại suy nghĩ rằng tôi thấy chúng sanh hoặc có kẻ mập mạnh tươi tốt, hoặc có kẻ bịnh hoạn héo gầy, hoặc có người giàu có dư giả, hoặc thấy người nghèo cùng thiếu thốn, hoặc thấy người có vô lượng công đức, hoặc thấy người tạo vô lượng tội lỗi, do đây nên quyết định biết rằng những loại thuộc về nội vật là vô thường.

Lại suy nghĩ rằng những vật ngoài thời kỳ hột, thời kỳ mọc mộng, lên cây, ra lá, trổ bông, kết trái đều chẳng đồng, lại có thứ đầy đủ, có thứ chẳng đầy đủ, do đây nên biết rằng tất cả vật ngoài quyết định là vô thường.

Đã quán sát những vật bị thấy là vô thường, kế lại là quán sát những pháp bị nghe : Tôi từng nghe chư Thiên có thần thông tự tại hưởng sự vui rất vi diệu nhưng cũng có năm tướng suy, do đây nên biết rằng là vô thường. Tôi lại từng nghe thuở kiếp

sơ có các chúng sanh đầy đủ công đức, thân thể sáng chói chẳng cầu mặt trời mặt trăng, vì vô thường biến đổi mà công đức hao tổn, ánh sáng tắt mất. Tôi lại nghe thuở xưa có Chuyển Luân Thánh Vương thống lãnh bốn châu thiên hạ, có đủ thất bảo thế lực tự tại, dầu vậy nhưng cũng không thể tránh khỏi vô thường. Lại quán quả địa cầu, ngày xưa người ở đông đảo, có đủ cây thuốc hay, rừng cây bông trái sum sê. Ngày nay vì chúng sanh phước bạc, nên những sanh vật trên mặt đất thành hư hao. Do đây nên biết rằng tất cả vật trong thân ngoài cảnh đều vô thường. Đây gọi là tướng vô thường thô.

Đã quán tưởng tướng thô rồi, kế lại quán sát tướng vô thường tế.

Bồ Tát quán sát tất cả vật trong ngoài, nhẫn đến vi trần, tại thời kỳ vị lai đã là vô thường, vì tất cả đều có đủ tướng phá hoại vậy. Nếu sắc uẩn vị lai chẳng phải là vô thường, thời chẳng nên nói sắc uẩn có mười thời kỳ sai biệt : Thời kỳ đông lại, thời kỳ nổi bóng, thời kỳ ung nhọt, thời kỳ khối thịt, thời kỳ mọc đầu và tứ chi, thời kỳ bé thơ, thời kỳ trẻ, thời kỳ thiếu niên, thời kỳ tráng niên, thời kỳ già suy. Nếu không phải là vô thường thời đông váng không thành bóng, nhọt nhẫn đến không có già suy.

Nếu những thời kỳ chẳng phải niệm niệm hoại diệt, thời trọn chẳng có lần lần lớn lên, đáng lẽ phải đồng

thời trưởng thành tất cả. Do đây biết rằng quyết định có niệm niệm vi tế vô thường.

Lại thấy có người thân thể toàn vẹn, nhan sắc tươi đẹp, lúc sau lại thấy người ấy gầy gò tiều tụy. Do đây biết rằng người này quyết định có niệm niệm vô thường.

Lại quán sát tứ đại và bốn oai nghi, trong ngoài đều có hai khổ nhơn : Đói khát và lạnh nóng. Nếu không có niệm niệm vi tế vô thường, thời cũng lẽ ra không có bốn điều khổ ấy.

Suy xét như trên đây gọi là quán tưởng vô thường tế.

Như trong thân và ngoại cảnh, tâm pháp cũng như vậy, vì tâm duyên theo sáu trần hoặc sanh lòng mừng, lòng giận, lòng yêu v.v... lần lượt thay đổi khác, không trụ một niệm. Do đây nên biết rằng tất cả sắc pháp và tâm pháp đều vô thường cả.

Nếu Bồ Tát có thể ở trong một niệm thấy rõ tất cả pháp đều sanh diệt vô thường, đây gọi là Bồ Tát có đủ vô thường tưởng.

Này Thiện nam tử ! Người trí tu tập vô thường tưởng rồi thời xa lìa quan niệm điên đảo chấp thường.

Kế lại tu tập khổ tưởng. Duyên cớ gì có sự khổ như vậy ? Biết rõ rằng sự khổ này do nơi vô thường. Do vô thường mà có sanh, già, bịnh, chết. Vì có sanh già bịnh

chết nên gọi là vô thường. Vì vô thường mà chịu lấy những sự khổ : Đói, khát, lạnh, nóng v.v...

Lại quán sát thân thể này chính là khí cụ vô thường, là khổ. Vì là khí cụ khổ nên bao nhiêu sự nhận lấy của thân đều là khổ cả.

Lại quán sát sanh là khổ, diệt là khổ. Sanh diệt chính là vô thường, chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở, nên tu vô ngã tưởng.

Lại quán sát khổ là vô thường, vô thường tức là khổ. Nếu đã là khổ vô thường, người trí đâu nên cho rằng có ngã ! Khổ không phải là ngã, vô thường cũng vậy. Cả năm ấm đều là khổ là vô thường, sao chúng sanh lại cho là có ngã !

Lại quán sát tất cả pháp có nhiều thứ hòa hiệp sai khác. Chẳng phải từ một hòa hiệp sanh tất cả pháp. Lại một pháp chẳng phải là quả của tất cả hòa hiệp. Tất cả hòa hiệp đều không tự tánh, cũng không một tánh, cũng không tánh sai khác, cũng không vật tánh, cũng không tự tại. Các pháp đã có những tướng như vậy, người trí đâu nên nói là có ngã.

Lại suy nghĩ rằng : Trong tất cả pháp không có một pháp nào là tác giả. Một pháp đã không phải tác giả, thời nhiều pháp hòa hiệp cũng không thể là tác giả. Tánh của các pháp không thể tự sanh tự diệt, do hòa hiệp mà diệt, do hòa hiệp mà sanh. Khi pháp đã sanh, chúng sanh điên đảo tưởng rằng là

hòa hiệp, từ hòa hiệp sanh. Chúng sanh điên đảo tưởng niệm không có chơn thật. Như thế thời đâu có thật ngã ! Do đây nên người trí quán sát vô ngã.

Lại quán sát duyên cớ gì mà chúng sanh nói là ngã ? Ngã này nếu là có, thời là một hay nhiều. Nếu ngã chỉ có một, thời sao lại có Sát Đế Lợi, Bà La Môn v.v... nhẫn đến nhơn, Thiên, quỉ, súc ? Nếu ngã là nhiều, sao lại nói rằng ngã của chúng sanh là duy nhứt, là khắp, là không biên tế. Cho là một hay là nhiều, cả hai đều không có ngã cả.

Người trí đã quán vô ngã rồi, kế lại quán tưởng yểm ly thực.

Nên suy nghĩ rằng : Nếu tất cả pháp là vô thường, khổ, vô ngã, sao lại vì sự ăn mà thân, khẩu, ý gây tạo ác nghiệp ! Nếu có chúng sanh nào vì tham ăn mà thân, khẩu, ý gây tạo nghiệp ác, bao nhiêu của cải có ra, mọi người đều cùng hưởng dụng, về sau lúc mắc quả khổ, không một ai cùng chia.

Lại quán sát tất cả chúng sanh vì ăn uống mà thân tâm chịu khổ. Nếu từ các sự khổ mà được ăn uống, sao ta lại đối với sự ăn uống mà sanh lòng tham đắm.

Kế lại nên quán sát thân nhơn. Do nơi uống ăn mà thân thể tăng trưởng. Nay ta xuất gia vì muốn xả thân nên thọ giới tu hành, nếu tham đắm ăn uống thời sao gọi là xả thân ! Quán sát như vậy rồi, dầu có ăn uống,

nhưng coi như quỉ Khoáng Dã ăn thịt con của nó, trong lòng nhàm ghét không biết ngon ngọt.

Quán sát rõ món ăn uống có lỗi như vậy rồi, kế lại quán xúc thực : Như con bò bị lột da, có vô số kiến ruồi bu cắn. Kế quán tư thực như đống lửa lớn. Quán thức thực như ba trăm mâu nhọn.

Người trí quán sát bốn thứ thực này rồi thời không còn có quan niệm tham ưa. Nếu còn tham ưa thời nên quán bất tịnh để lìa hẳn sự ái nhiễm đối với tứ thực. Phải khéo phân biệt sự bất tịnh của tất cả thứ uống ăn. Lúc thọ ăn món ngon món dở, xem như thuốc thoa ghẻ, trọn không sanh lòng tham ái. Nếu có thể quán sát như trên đây thời gọi là người trí trọn nên quán tưởng yểm ly thực.

- Bạch Thế Tôn ! Người trí quán sát món ăn là bất tịnh, đó là thật quán hay hư quán ? Nếu là thật quán thời thức ăn đương quán thật chẳng phải bất tịnh. Nếu là hư quán, thời sao lại gọi là thiện tưởng ?

- Này Thiện nam tử ! Quán tưởng như vậy, cũng là thật cũng là hư : Vì có thể trừ quan niệm tham ăn nên gọi là thật; vì không phải trùng dòi mà thấy là trùng dòi nên gọi là hư.

Này Thiện nam tử ! Tất cả pháp hữu lậu đều gọi là hư, mà cũng có thể được thật.

Này Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ Kheo lúc muốn đi khất thực, tự nghĩ rằng : Tôi sẽ đi khất thực,

mong được món ăn ngon, nhiều và mau được, đừng được món ăn dở, ít và chậm lâu. Tỳ Kheo này chẳng được gọi là có yểm ly tưởng đối với sự ăn uống, pháp lành sẽ suy hao lần, pháp chẳng lành sẽ càng ngày càng tăng trưởng.

Này Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ Kheo lúc muốn đi khất thực, phải nguyện trước rằng : Cầu mong cho những người khất thực đều được no đủ, người bố thí vô lượng phước. Nếu tôi được món ăn, cũng chỉ là dùng để chữa bịnh cho thân thể ác độc này, để tu tập pháp lành, cho thí chủ được lợi ích. Tỳ Kheo lúc phát nguyện trên đây thời pháp lành lần tăng trưởng, pháp chẳng lành tiêu diệt lần. Tỳ Kheo này chẳng luống ăn của tín thí.

Này Thiện nam tử ! Người trí có đủ bốn pháp quán tưởng như vậy thời có thể tu pháp quán tưởng "Thế gian không đáng ưa thích". Suy nghĩ rằng : Tất cả thế gian không chỗ nào chẳng có sự sanh, già, bịnh, chết, mà thân của tôi không chỗ nào chẳng sanh. Thế gian đã không có một chỗ nào lìa được sự sanh, già, bịnh, chết, như vậy tại sao tôi lại ưa thích thế gian ! Tất cả thế gian không có gì tiến đắc mà chẳng phải thối thất, nên thế gian quyết định là vô thường. Đã là vô thường, người trí đâu nên ưa thích thế gian.

Mỗi chúng sanh trải qua khắp tất cả thế gian, hưởng thọ đủ cả sự khổ vui, đều được thân Phạm

Thiên cho đến trời Phi Phi Tưởng, lúc mạng chung cũng lại phải sa vào ba ác đạo. Dầu được thân trời Tứ Thiên Vương cho đến trời Tha Hóa Tự Tại, lúc mạng chung hoặc phải sanh trong loài súc sanh làm thân sư tử, cọp, sói, voi, ngựa, bò, lừa v.v...

Kế lại suy nghĩ : Chuyển Luân Thánh Vương thống lãnh bốn châu thiên hạ, sang giàu tự tại, lúc hết phước phải nghèo khổ ăn mặc không đủ.

Người trí quán tưởng như trên đây rồi, thời có quan niệm thế gian không đáng ưa thích.

Người trí lại quán sát tất cả tài vật châu báu, nhà cửa, hương, hoa v.v... ở thế gian dầu dùng để đỡ khổ, nhưng những vật ấy chính nó là khổ, sao lại dùng khổ để lìa khổ.

Này Thiện nam tử ! Người trí quán sát như vậy rồi thời chẳng còn ưa thích tài vật ở thế gian. Như có người thân mạng bịnh nặng, dầu có những thứ âm nhạc, ca hát, hoa hương, chuỗi ngọc, nhưng trọn chẳng sanh lòng ưa thích. Người trí quán sát những điều trên đây không tham ưa tài vật châu báu ở thế gian cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Người trí quán sát tất cả thế gian đều chẳng phải chỗ quy y, chẳng phải chỗ giải thoát, chẳng phải chỗ tịch tịnh, chẳng phải chỗ đáng ưa, chẳng phải bờ kia, chẳng phải thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu tôi tham ưa nơi thế gian thời tôi

làm thế nào lìa được thế gian, như người chẳng thích ở trong tối muốn tìm ánh sáng mà lại trở về trong tối. Trong tối là thế gian, ánh sáng là xuất thế. Nếu tôi ưa thích thế gian thời là thêm lớn sự đen tối mà muốn xa lìa đen tối.

Đen tối là vô minh, ánh sáng là trí minh. Chính quan niệm chẳng ưa thích thế gian là nhơn của trí minh. Tất cả kiết sử tham ưa dầu hay trói buộc, nhưng nay tôi tham ưa trí minh mà chẳng tham ưa thế gian.

Người trí quán sát rõ những sự trên đây rồi thời có đủ quan niệm rằng thế gian là chẳng đáng ưa thích.

Này Thiện nam tử ! Người trí kế lại tu tập tư tưởng : Quán sát thọ mạng này thường bị vô lượng oán thù vây quanh, niệm niệm tổn diệt không có tăng trưởng, như nước dốc trên núi không thể đứng dừng, cũng như sương móc ban mai thế chẳng còn lâu, như người tù bị dắt ra chợ mỗi bước gần đến chỗ chết, như dắt bò dê đến chỗ hàng thịt.

- Bạch Thế Tôn ! Người trí quán sát niệm niệm diệt như thế nào ?

- Này Thiện nam tử ! Như bốn người đều có tài bắn giỏi họp nhau ở một chỗ, mỗi người riêng bắn qua một hướng đồng nghĩ rằng bốn mũi tên của chúng tôi đồng thời bắn ra đồng thời rơi xuống. Lại có một người nghĩ rằng lúc bốn mũi tên này chưa rơi xuống, trong một lúc tôi có thể dùng tay bắt lấy.

Này Thiện nam tử ! Đáng gọi người này là mau lẹ chăng ?

- Bạch Thế Tôn ! Người này thật mau lẹ.

- Này Thiện nam tử ! Địa hành quỉ còn lẹ hơn người này. Phi hành quỉ lại mau hơn Địa hành quỉ. Tứ Thiên Vương mau hơn Phi hành quỉ. Nhựt Nguyệt Thần Thiên mau hơn Tứ Thiên Vương. Hành Kiên Tật Thiên mau hơn Nhựt Nguyệt Thiên. Thọ mạng của chúng sanh lại mau hơn Kiên Tật Thiên.

Này Thiện nam tử ! Một hơi thở một nháy mắt, thọ mạng của chúng sanh có bốn trăm lần sanh diệt. Nếu có thể quán sát thọ mạng như vậy thời gọi là có thể quán niệm niệm diệt.

Này Thiện nam tử ! Người trí quán sát thọ mạng thuộc nơi vua chết, nếu tôi lìa được vua chết này thời dứt hẳn được thọ mạng vô thường. Lại nên quán sát thọ mạng này như cây to bên sông lở, như người phạm tội lúc bị xử tử không ai xót thương, như lúc sư tử vương quá đói, như lúc rắn độc hớp gió to, như lúc ngựa khát nước nó giữ gìn nước, như lúc đại ác quỉ phát sân, vua chết của chúng sanh cũng dữ độc như vậy.

Người trí nếu có thể quán sát như vậy thời gọi là tu tập tử tưởng.

Này Thiện nam tử ! Người trí lại nên quán sát rằng nay tôi xuất gia dầu thọ mạng chỉ có bảy ngày

bảy đêm, trong thời gian ấy tôi sẽ tinh tấn tu hành giữ gìn cấm giới, thuyết pháp giáo hóa lợi ích chúng sanh, đây là người trí tu tập tử tưởng.

Lại vì bảy ngày bảy đêm còn là nhiều, nếu được sáu ngày, hoặc năm ngày, bốn ngày, ba ngày, hai ngày, một ngày, một giờ, nhẫn đến trong khoảng một hơi thở ra vào, trong thời gian này tôi sẽ tinh tấn tu hành, giữ gìn cấm giới, thuyết pháp giáo hóa lợi ích chúng sanh. Đây gọi là người trí khéo tu tập tử tưởng.

Người trí có đủ sáu pháp quán tưởng trên đây có thể làm nhơn cho bảy pháp quán tưởng. Đây là bảy pháp quán tưởng : Một là quán tưởng thường tu tập, hai là quán tưởng thích tu tập, ba là quán tưởng không sân hận, bốn là quán tưởng không tật đố, năm là quán tưởng phát nguyện lành, sáu là quán tưởng không kiêu mạn, bảy là quán tưởng Tam muội tự tại.

Này Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ Kheo nào có đủ bảy pháp quán tưởng này, thời gọi là Sa Môn, là Bà La Môn, là tịch tịnh, là tịnh khiết, là giải thoát, là người trí, là chánh kiến, là đáo bỉ ngạn, là đại y vương, là đại thương chủ, là hiểu rõ pháp bí mật của Như Lai, là biết bảy thứ lời nói của chư Phật, là tri kiến chơn chánh, dứt được những lưới nghi trong bảy thứ lời nói của chư Phật.

Này Thiện nam tử ! Nếu người nào có đủ sáu pháp quán tưởng như trên, nên biết rằng người đó có thể quở trách ba cõi, xa lìa ba cõi, dứt trừ ba cõi, chẳng ưa đắm ba cõi. Đây gọi là người trí có đủ mười pháp quán tưởng.

Nếu Tỳ Kheo nào có đủ mười pháp quán tưởng này thời đáng được gọi là tướng Sa Môn.

Lúc đó Ca Diếp Bồ Tát liền ở trước Phật nói kệ tán thán :

Đấng Đại Y Vương thương thế gian
Thân và trí huệ đều tịch tịnh
Trong pháp vô ngã có chơn ngã
Nên tôi kỉnh lễ Vô Thượng Tôn.

Phát tâm và rốt ráo không sai khác
Hai tâm này tâm trước khó hơn
Mình chưa được độ, độ người trước
Nên tôi kỉnh lễ sơ phát tâm.

Sơ tâm đã là Thầy Trời, người
Hơn bực Thanh Văn và Duyên Giác
Phát tâm như vậy hơn ba cõi
Nên được gọi là Tối Vô Thượng.

Trong đời phải cầu rồi mới được
Phật không chờ thỉnh mà làm Thầy

Phật theo thế gian như nghé con
Nên được gọi là đấng Đại bi.

Công đức của Phật khắp mười phương
Phàm phu vô trí chẳng thể khen
Nay tôi tán thán tâm từ bi
Để báo đáp hai nghiệp thân khẩu.

Thế gian thường ưa tự lợi ích
Đức Phật trọn chẳng có như vậy
Dứt báo thế gian cho chúng sanh
Nên tôi kính lễ Tự Tha Lợi.

Người đời làm lợi cho thân nhơn
Đức Phật lợi ích không thân thù
Phật không riêng biệt như người đời
Do đây tâm Phật thường bình đẳng.

Người đời nói khác việc làm khác
Nói làm của Phật đều không sai
Phàm chỗ tu hành xả các hạnh
Do đây được gọi là Như Lai.

Trước đã rõ biết lỗi phiền não
Thị hiện ở đó vì chúng sanh
Từ lâu đã giải thoát thế gian
Vì Từ bi mà ở sanh tử.

Dầu hiện thân trời cùng thân người
Từ bi theo dõi như nghé con
Đức Phật là mẹ của chúng sanh
Từ tâm chính là nghé con nhỏ.

Tự chịu khổ não vì chúng sanh
Do xót thương nên lòng chẳng hối
Quá xót thương mà chẳng biết khổ
Nên tôi cúi lạy đấng cứu khổ.

Đức Phật dầu làm vô lượng phước
Nhưng thân, khẩu, ý thường thanh tịnh
Thường vì chúng sanh chẳng vì mình
Nên tôi kính lễ nghiệp thanh tịnh.

Đức Phật chịu khổ chẳng biết khổ
Thấy người chịu khổ như mình khổ
Dầu vì chúng sanh ở địa ngục
Chẳng có niệm khổ và ăn năn.

Chúng sanh chịu khổ đều khác nhau
Mà Như Lai một mình chịu khổ
Biết rồi tâm Phật càng kiên cố
Do đây siêng tu đạo Vô thượng.

Phật đủ tâm đại từ duy nhứt
Thương xót chúng sanh xem như con

Chúng sanh chẳng biết Phật cứu mình
Nên hủy báng Phật cùng Pháp, Tăng.

Thế gian có đủ những phiền não
Cũng có vô lượng những lỗi ác
Phiền não và tội lỗi như vậy
Lúc sơ phát tâm đã dứt trừ.

Chư Phật mới tán thán được Phật
Ngoài Phật không ai tán thán được
Nay tôi chỉ tán thán một điều
Là tâm Đại từ thương thế gian.

Từ tâm của Phật là pháp lớn
Từ tâm này độ được chúng sanh
Chính đây là Vô thượng giải thoát
Giải thoát này là Đại Niết Bàn.

✻

XXV

PHẨM KIỀU TRẦN NHƯ

Thứ hai mươi lăm

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo Kiều Trần Như : "Sắc là vô thường, do dứt sắc này được sắc thân thường trụ giải thoát. Thọ, tưởng, hành và thức cũng đều vô thường, do dứt thức ấm này mà được thức uẩn giải thoát thường trụ.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là khổ, dứt sắc ấm này mà được sắc thân an lạc giải thoát. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là không, do dứt sắc không này mà được sắc uẩn giải thoát phi không. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là vô ngã, do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát chơn ngã. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc ấm là bất tịnh, do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát thanh tịnh. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là tướng của sanh, lão, bịnh, tử, do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải tướng, sanh, lão, bịnh, tử. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là nhơn của vô minh do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải nhơn của vô minh. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Nhẫn đến sắc ấm là nhơn của sanh, do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải nhơn của sanh. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc ấm là nhơn của bốn tưởng điên đảo, do dứt sắc ấm điên đảo này mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải nhơn của bốn tưởng điên đảo. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc ấm là nhơn của vô lượng ác pháp : Nào là thân nam, thân nữ v.v..., nào là thực ái, dục ái, tham sân, tật đố, ác tâm, xan tâm, đoàn thực, xúc thực, tư thực, thức thực, noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, ngũ dục, ngũ cái v.v... : Tất cả ác pháp này đều nhơn nơi sắc cả.

Do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát không có vô lượng ác pháp như vậy. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là trói buộc, do dứt sắc này mà được sắc giải thoát không trói buộc. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là lưu chuyển, do dứt sắc này mà được sắc giải thoát không lưu chuyển. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc chẳng phải chỗ quy y, do dứt sắc này mà được sắc giải thoát quy y. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là ghẻ lở, do dứt sắc này mà được sắc giải thoát không tội lỗi. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc chẳng tịch tịnh, do dứt sắc này được sắc Niết Bàn tịch tịnh. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Người nào rõ biết được như trên đây thời gọi là Sa Môn, là Bà La Môn có đủ những pháp Sa Môn, pháp Bà La Môn.

Nếu ngoài Phật pháp thời không có Sa Môn và Bà La Môn, cũng không có pháp Sa Môn, pháp Bà La Môn. Tất cả ngoại đạo dối trá tự xưng, toàn hư giả không có thiệt hạnh. Dầu họ tưởng rằng họ có hai bực này, nhưng thật ra thời không có. Vì nếu

đã không có pháp Sa Môn và Bà La Môn, làm sao có được hai bực Sa Môn và Bà La Môn.

Ta thường ở giữa đại chúng xướng to những lời này. Các ông cũng nên xướng to như vậy.

Bấy giờ có số đông ngoại đạo sanh lòng bất bình rằng : Cù Đàm nói trong giáo phái của chúng ta không có Sa Môn và Bà La Môn, cũng không có pháp Sa Môn, pháp Bà La Môn. Chúng ta làm thế nào tỏ cho Cù Đàm biết rằng trong giáo phái của chúng ta có hai bực và hai pháp như vậy.

Có một Phạm Chí lên tiếng nói : "Này các ngài ! Lời nói của Cù Đàm như điên như cuồng, cần gì kiểm giảo ! Người điên cuồng trong đời hoặc ca, hoặc múa, hoặc khóc, hoặc cười, hoặc mắng, hoặc khen, không phân biệt kẻ thân người thù. Sa Môn Cù Đàm cũng như vậy : Có lúc nói ta sanh trong cung vua Tịnh Phạn, có lúc nói là chẳng sanh. Hoặc nói sau khi sanh tự đi bảy bước, lại nói là chẳng đi. Hoặc nói ta từ thuở nhỏ học tập văn võ nghề nghiệp thế gian, rồi lại tự nói là bực Nhứt thiết trí. Có lúc ở cung hưởng lạc thú sanh con trai, rồi lại nhàm chê là ác tiện. Có lúc đích thân tu khổ hạnh sáu năm, lại quở trách sự khổ hạnh của ngoại đạo. Hoặc nói theo học với ông Uất Đầu Lam Phất, ông A La Lã v.v..., có lúc nói các ông ấy không chỗ hiểu biết. Hoặc nói nơi cội Bồ Đề ta chứng được đạo Vô Thượng Giác, có lúc lại nói ta không có đến cây Bồ Đề,

không có chứng đắc. Hoặc nói thân ta đây chính là Niết Bàn, lại nói thân diệt mới là Niết Bàn.

Lời nói của Cù Đàm như điên cuồng, các ngài lo rầu làm gì ?

Có các Bà La Môn nói : "Trước kia Sa Môn Cù Đàm nói vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh. Hàng đệ tử trong giáo phái ta nghe lời này mà kinh sợ. Nay Cù Đàm đến rừng Ta La này tuyên bố có thường, lạc, ngã, tịnh. Hàng đệ tử ta nghe lời này đều bỏ phái ta, hoặc thọ lấy lời của Cù Đàm. Như thế bảo ta không sầu khổ sao được !

Lại có một Bà La Môn bảo rằng các ngài lóng nghe tôi nói đây : Sa Môn Cù Đàm gọi rằng tu từ bi, xét ra thời lời nói này là hư vọng, chẳng phải chơn thật. Vì nếu có Từ bi sao ông ấy lại giáo hóa hàng đệ tử của chúng ta thọ lấy pháp của ông ấy. Lòng từ bi là tùy thuận theo ý của người, nay ông ấy làm trái bổn nguyện của chúng ta thời đâu phải là từ bi.

Nếu nói rằng Sa Môn Cù Đàm chẳng bị tám pháp thế gian làm ô nhiễm, lời này cũng là hư vọng : Vì nếu Cù Đàm là thiểu dục tri túc, hôm nay sao lại cướp lấy lợi dưỡng của chúng ta.

Nếu nói Cù Đàm thuộc về giòng họ cao thượng, lời này cũng hư vọng. Vì từ xưa đến nay chưa từng nghe thấy sư tử vương tàn hại con chuột bé nhỏ.

Nếu Cù Đàm là giòng cao thượng ngày nay sao lại não loạn chúng ta.

Nếu cho rằng Cù Đàm có thế lực lớn, lời này cũng là hư vọng. Vì từ xưa đến nay cũng chẳng từng thấy nghe Kim sí điểu vương đua tranh cùng các chim. Nếu Cù Đàm thật có thế lực lớn, việc gì lại tranh đấu với chúng ta.

Nếu cho rằng Cù Đàm có tha tâm trí, xét ra cũng là hư vọng. Vì nếu có tha tâm trí cớ sao Cù Đàm chẳng rõ biết tâm niệm của chúng ta.

Này các ngài ! Xưa kia tôi từng nghe bực Tôn túc nói rằng sau đây một trăm năm thế gian sẽ có một yêu huyễn ra đời. Yêu huyễn này chính là ông Cù Đàm. Ông ấy sắp sẽ diệt mất tại trong rừng Ta La này, các ngài chẳng nên sầu não.

Có một Ni Kiền Tử nói rằng : "Nay tôi sầu khổ chẳng phải vì đệ tử và sự cúng dường của riêng mình, chỉ vì người đời ngu tối không có con mắt, chẳng thấy biết phước điền cùng chẳng phải phước điền, bỏ bực Bà La Môn niên cao nhiều trí mà cúng dường người tuổi trẻ, do đây nên tôi lo rầu mà thôi.

Sa Môn Cù Đàm biết chú thuật, do sức chú thuật mà ông ấy có thể biến một thân thành vô lượng thân, biến vô lượng thân hườn lại một thân, hoặc biến thân làm hình nam, nữ, bò, dê, voi, ngựa. Sức của tôi có thể trừ việc chú thuật như vậy. Chú thuật

của Cù Đàm đã mất, các ngài sẽ được an vui thọ hưởng nhiều sự cúng dường".

Lại có một Bà La Môn nói rằng : "Này các ngài, Sa Môn Cù Đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức, các ngài chẳng nên tranh đua".

Chúng ngoại đạo phản đối lại : "Người ngu si kia ! Sao ông lại nói Sa Môn Cù Đàm có công đức lớn ? Lúc Cù Đàm sanh ra bảy ngày thời mẹ của ông ấy chết, như thế có thể được gọi là tướng phước đức chăng ?".

Bà La Môn đáp rằng : "Bị mắng chẳng giận, bị đánh chẳng đánh lại, đây là tướng đại phước đức. Thân của Cù Đàm có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, lại có vô lượng thần thông, đây là tướng đại phước đức. Không kiêu mạn thưa hỏi trước, lời nói dịu dàng không cộc cằn, lúc trai tráng chí ý hưng thạnh mà tâm chẳng nóng nảy, nước lớn của nhiều mà không tham luyến, bỏ cung điện đi xuất gia như nhổ bỏ nước miếng. Do những điều trên đây nên tôi nói rằng Sa Môn Cù Đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức".

Chúng ngoại đạo nói : "Sa Môn Cù Đàm thiệt có vô lượng thần thông biến hóa như lời ông nói, chúng tôi chẳng thử thách thần thông với Cù Đàm.

Cù Đàm bẩm tính nhu nhuyễn, chẳng kham khổ hạnh, sanh trưởng chốn thâm cung chẳng rõ thấu

được việc ngoài. Chỉ được lời nói dịu dàng mà chẳng biết nghề nghiệp, văn hóa, luận nghị. Chúng tôi xin tranh biện pháp yếu với Cù Đàm. Nếu ông Cù Đàm hơn chúng tôi sẽ theo hầu Cù Đàm. Nếu chúng tôi hơn Cù Đàm thời Cù Đàm phải phụng sự chúng tôi".

Lúc đó một số đông ngoại đạo họp nhau đến ra mắt vua A Xà Thế.

Vua hỏi các ngài mỗi phái riêng tu tập theo đạo của mình, đều là người xuất gia rời bỏ danh lợi, nhơn dân trong nước của ta đều kính trọng cúng dường, nay duyên cớ gì họp nhau đến đây ?

Các ngài đều có pháp tu tập khác nhau, giới cấm khác nhau, mỗi người tự theo giáo phái của mình mà xuất gia tu hành, nay duyên cớ gì lại họp nhau một lòng như những lá rụng bị gió trốt thổi gom lại một chỗ.

Ta thường ủng hộ người xuất gia nhẫn đến chẳng tiếc thân mạng. Nay duyên cớ gì mà các ngài họp nhau đến đây ?

Chúng ngoại đạo đồng thưa : "Tâu Đại Vương ! Nay Đại Vương là cây cầu đại pháp, có tiếng tăm lớn, có công đức lớn, là căn bổn của các nước, là tấm gương sáng của tất cả nước, là hình tượng của chư Thiên, là cha mẹ của nhơn dân. Nhà vua coi việc nước chẳng riêng rẽ người thân kẻ thù, lòng

vua bình đẳng như đất, nước, gió, lửa, do đây nhà vua đáng gọi là công đức tạng.

Tâu Đại Vương ! Dầu chúng sanh hiện tại tuổi đời ngắn ngủi, nhưng công đức của nhà vua như các vua thời kỳ trường thọ an lạc thuở xưa : Như các vua Đảnh Sanh, Thiện Kiến, Nhẫn Nhục, Na Hầu Sa, Da Da Đế, Thi Tỳ, Nhứt Xoa Câu v.v... Nhờ nhà vua mà trong nước an vui, nhơn dân giàu mạnh. Do đây nên tất cả người xuất gia đều mến nước Ma Dà Đà này.

Tâu Đại Vương ! Trong kinh của chúng tôi có nói : Nếu người xuất gia ở nơi nước nào mà tinh tấn trì giới tu hành, thời vua nước ấy cũng có phần tu công đức lành.

Tâu Đại Vương ! Tất cả trộm cướp nhà vua đã dẹp xong, nên người xuất gia không còn sợ sệt. Hiện nay chỉ còn có một người đại ác là Sa Môn Cù Đàm nhà vua chưa xét đến, chúng tôi rất lo sợ. Cù Đàm tự thị giòng họ cao quí, thân hình đẹp mạnh, lại do phước bố thí đời trước mà được cúng dường nhiều. Cù Đàm cậy những việc này mà quá kiêu mạn, hoặc cậy chú thuật giỏi mà ngạo nghễ. Cù Đàm không thể tu khổ hạnh lành và chứa những y phục nệm chăn mịn nhuyễn, nên những người ác trong đời vì tham lợi dưỡng mà theo làm quyến thuộc. Do sức chú thuật, Cù Đàm điều phục Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên v.v...

Nay đến chỗ ở của chúng tôi, nơi rừng Ta La, tuyên bố rằng thân này là thường, lạc, ngã, tịnh để khuyến dụ hàng đệ tử của chúng tôi.

Tâu Đại Vương ! Ngày trước Cù Đàm nói thân người là không thường, lạc, ngã, tịnh chúng tôi còn có thể nhẫn được. Nay Cù Đàm tuyên bố thân này là thường, lạc, ngã, tịnh chúng tôi thiệt chẳng chịu được.

Xin Đại Vương cho phép chúng tôi luận nghị với Cù Đàm".

Vua A Xà Thế nói : "Hôm nay các ngài do ai bày vẽ mà tâm trí cuồng loạn chẳng định như vậy ? Khác nào nước nổi sóng, vòng lửa xoay, khỉ vượn leo cây, thật đáng hổ thẹn.

Người trí nghe được việc này tất sẽ xót thương cho các ngài. Kẻ ngu nghe biết thời tất chê cười các ngài. Lời nói của các ngài chẳng phải là lời của người xuất gia. Các ngài nếu mang phải bịnh tật, ta đều có thuốc trị lành được. Nếu như mắc bịnh ma quỉ, thời anh ta là Kỳ Bà có thể trị được.

Nay các ngài muốn lấy móng tay mà chẻ núi Tu Di, muốn dùng răng để cắn nghiền chất Kim Cang, khác nào người ngu thấy Sư Tử Vương lúc đói nằm ngủ mà muốn chọc cho thức dậy, như người lấy ngón tay muốn để trong miệng rắn độc, như muốn lấy tay đậy ngọn lửa, như con chồn rừng muốn kêu rống như Sư Tử, như con muỗi muốn bay đua với Kim

sí điểu, như con thỏ lội qua biển muốn chân đụng đến đáy. Nay các ngài cũng như vậy. Các ngài như chiêm bao thấy hơn Sa Môn Cù Đàm, đây là mơ mộng điên cuồng, chẳng nên tin tưởng.

Nay các ngài có quan niệm muốn tranh biện với Sa Môn Cù Đàm, khác nào con phi nga tự đáp vào đống lửa lớn. Các ngài phải theo lời của ta chẳng cần nói nữa.

Các ngài dầu tán thán ta là bình đẳng như cán cân, nhưng chớ để cho người ngoài nghe được lời này".

Các ngoại đạo lại thưa : "Tâu Đại Vương ! Sa Môn Cù Đàm có lẽ dùng chú thuật đến bên nhà vua, nên làm cho lòng vua nghi mà chẳng tin các vị Thánh nhơn này. Nhà vua chẳng nên khinh miệt chúng tôi.

Tâu Đại Vương ! Mặt trăng tròn khuyết, nước biển mặn v.v..., những việc như thế ai làm ra ? Há chẳng phải hàng Bà La Môn chúng tôi ư !

Nhà vua chẳng nghe nước sông Hằng dừng ở trong lỗ tai của A Kiệt Đa Tiên trọn mười hai năm ư ? Nhà vua chẳng nghe Cù Đàm Tiên Nhơn cả hiện thần thông mười hai năm biến làm Đế Thích, rồi biến thân Đế Thích làm thân dê đực, biến ngàn nữ căn ở thân Đế Thích ? Nhà vua chẳng nghe Kỳ Nâu Tiên trong một ngày uống hết nước bốn biển làm cho quả đất khô ?

Nhà vua chẳng nghe Bà Tẩu Tiên làm ba con mắt cho Tự Tại Thiên ư ? Nhà vua chẳng nghe La Lã Tiên biến thành Ca La Phú làm nước mọi ư ?

Tâu Đại Vương ! Trong phái Bà La Môn có những Tiên Nhơn thần thông như vậy, sao nhà Vua lại khinh miệt ư ?".

Vua nói : "Các ngài nếu chẳng tin theo lời của ta, đức Như Lai Chánh giác hiện ở trong rừng Ta La, các ngài có thể qua đó tùy ý vấn nạn, Đức Như Lai cũng sẽ giải thích vừa ý các ngài".

Liền đó vua A Xà Thế cùng chúng ngoại đạo đến chỗ Phật. Vua đầu mặt làm lễ đi nhiễu ba vòng ngồi qua một bên bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Các nhà ngoại đạo này muốn được tùy ý vấn nạn, xin đức Như Lai tùy ý đáp đó".

Phật nói : "Này Đại Vương ! Như Lai tự biết phải lúc".

Trong chúng ngoại đạo có Bà La Môn Xà Đề Thủ Na lên tiếng hỏi : "Này Cù Đàm, Ngài nói Niết Bàn là pháp thường trụ phải chăng ?".

- Này đại Bà La Môn ! Đúng như vậy.

- Nếu Cù Đàm nói Niết Bàn là thường trụ thời không đúng nghĩa. Vì như những sự vật trong đời, từ hột sanh ra trái nối luôn chẳng dứt, như từ đất sét làm ra cái bình, từ những sợi chỉ mà có cái áo. Cù Đàm thường nói rằng tu quán tưởng vô thường

chứng được Niết Bàn. Nhơn là vô thường sao quả lại thường trụ ?

Cù Đàm lại nói giải thoát dục tham chính là Niết Bàn, giải thoát sắc tham và vô sắc tham chính là Niết Bàn. Dứt vô minh v.v... tất cả phiền não thời là Niết Bàn. Từ dục, sắc, nhẫn đến vô minh phiền não đều là vô thường. Nhơn đã vô thường thời quả Niết Bàn cũng phải vô thường.

Cù Đàm lại nói từ nghiệp nhơn nên sanh cõi trời, do nghiệp nhơn nên sanh địa ngục, do nghiệp nhơn mà được giải thoát, nên các pháp đều do nơi nhơn mà sanh. Nếu đã từ nơi nhơn sanh mà được giải thoát, sao lại nói Niết Bàn là thường ?

Cù Đàm cũng nói rằng sắc theo duyên mà sanh nên gọi là vô thường, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Giải thoát như vậy, nếu là sắc thời là vô thường, nếu là thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô thường. Nếu ngoài năm ấm mà có giải thoát, thời giải thoát này chính là hư không. Nếu đã là hư không thời chẳng được nói rằng do nhơn duyên sanh, vì hư không là thường là duy nhứt, lầ khắp tất cả.

Cù Đàm cũng nói rằng : Phàm do nhơn duyên sanh ra thời là khổ, nếu đã là khổ sao lại nói giải thoát là lạc.

Cù Đàm lại nói : Vô thường là khổ, khổ là vô ngã. Nếu đã là vô thường, là khổ, là vô ngã thời là

bất tịnh. Tất cả những pháp do nhơn duyên sanh ra, đều là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, sao lại nói Niết Bàn là thường, lạc, ngã, tịnh ?

Nếu Cù Đàm nói rằng cũng là thường cũng vô thường, cũng khổ cũng vui, cũng là ngã cũng là vô ngã, cũng tịnh cũng bất tịnh, như thế há chẳng phải là hai lời ư ?

Tôi cũng từng nghe bực Tôn túc nói nếu Phật ra đời thời lời nói không hai. Nay Cù Đàm nói hai lời, lại xưng rằng Phật chính là thân ta đây. Xin giải thích những điều tôi đã hỏi.

Phật nói : "Này Bà La Môn ! Cứ theo lời của ông, nay tôi hỏi ông tùy ý ông đáp.

Này Bà La Môn ! Tánh của ông là thường hay là vô thường ?

- Tánh của tôi là thường.

- Này Bà La Môn ! Tánh ấy có thể làm nhơn cho tất cả pháp trong và ngoài chăng ?

- Chính thế, thưa Cù Đàm.

- Này Bà La Môn ! Tánh ấy làm nhơn như thế nào ?

- Thưa Cù Đàm ! Từ tánh sanh ra đại, từ đại sanh mạn, từ mạn sanh mười sáu pháp : Năm đại là địa, thủy, hỏa, phong, không; năm tri căn là nhãn, nhĩ, tỹ, thiệt, thân; năm nghiệp căn là tay, chơn, miệng tiếng, nam căn, nữ căn, cùng tâm bình đẳng

căn. Mười sáu pháp này do năm pháp : Sắc, thinh, hương, vị, xúc sanh ra. Hai mươi mốt pháp này có ba pháp căn bổn : Nhiễm, thô và đen. Nhiễm là ái, thô là sân, đen là vô minh. Hai mươi bốn pháp này, đều nhơn nơi tánh mà sanh.

- Này Bà La Môn ! Những pháp đại, mạn v.v... là thường hay vô thường ?

- Thưa Cù Đàm theo giáo pháp của tôi thời tánh là thường, những pháp đại v.v... đều là vô thường.

Này Bà La Môn ! Như trong pháp của ông nhơn là thường còn quả là vô thường. Trong pháp của ta dầu nhơn là vô thường nhưng quả là thường, thời có lỗi gì ?

Này Bà La Môn ! Trong pháp của các ông có hai nhơn chăng ?

- Thưa Cù Đàm, có.

- Thế nào là hai ?

- Thưa Cù Đàm : Một là sanh nhơn, hai là liễu nhơn.

- Thế nào là sanh nhơn ? Thế nào là liễu nhơn ?

- Sanh nhơn như đất sét làm ra cái bình. Liễu nhơn như đèn soi đồ vật.

- Hai nhơn này là một tánh. Đã là một tánh có thể khiến sanh nhơn làm liễu nhơn chăng ? Có thể khiến liễu nhơn làm sanh nhơn chăng ?

- Thưa Cù Đàm ! Không.

- Nếu như sanh nhơn chẳng làm liễu nhơn, liễu nhơn chẳng làm sanh nhơn, có thể nói là nhơn tướng chăng ?

- Thưa Cù Đàm ! Dầu hai nhơn chẳng làm thành lẫn nhau, nhưng vẫn có nhơn tướng.

- Này Bà La Môn ! Vật của liễu nhơn chiếu rõ có đồng với liễu nhơn chăng ?

- Thưa Cù Đàm ! Không.

Phật nói : "Trong Pháp của ta, dầu do từ vô thường chứng đặng Niết Bàn, nhưng Niết Bàn này chẳng phải là vô thường. Do từ liễu nhơn mà được nên là thường, lạc, ngã, tịnh. Do từ sanh nhơn mà được nên là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Do đây nên đức Như Lai nói có hai thuyết thường và vô thường. Hai thuyết này không có hai lời, nên Phật gọi là không nói hai lời.

Như lời ông nói từng nghe bực Tôn túc bảo rằng Phật ra đời không có hai lời. Lời nói trên đây rất đúng. Tất cả chư Phật mười phương ba đời không bao giờ có lời nói sai, vì có thời đồng nói có, không thời đồng nói không, nên gọi là đồng một nghĩa, do đây nên gọi Phật không nói hai lời.

Này Bà La Môn ! Đức Như Lai dầu gọi là hai lời, nhưng vì để hiểu rõ một lời. Thế nào là hai lời để hiểu rõ một lời ? Như nhãn căn cùng sắc trần đây là hai lời,

sanh ra thức đây là một lời. Nhẫn đến ý căn cùng pháp trần sanh ra thức cũng như vậy.

- Cù Đàm khéo phân biệt được ngữ nghĩa như vậy. Nay tôi chưa hiểu dùng hai lời để hiểu rõ một lời.

Đức Thế Tôn liền vì Bà La Môn mà tuyên nói pháp Tứ đế : Này Bà La Môn ! Khổ đế cũng hai cũng một, nhẫn đến đạo đế cũng hai cũng một.

Bà La Môn thưa : "Bạch Thế Tôn ! Tôi đã hiểu biết rồi".

- Này Thiện nam tử ! Ông hiểu biết như thế nào ?

- Bạch Thế Tôn ! Khổ đế, tất cả phàm phu thời hai, còn Thánh nhơn thời một. Nhẫn đến đạo đế cũng như vậy.

- Lành thay ! Đã hiểu.

- Bạch Thế Tôn ! Nay tôi nghe pháp đã được chánh kiến, tôi quy y Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo. Cúi xin đức Đại từ cho tôi xuất gia.

Đức Phật bảo Kiều Trần Như : "Ông nên cạo bỏ râu tóc cho Xà Đề Thủ Na, cho ông xuất gia".

Ngài Kiều Trần Như vâng lời Phật cạo tóc cho Xà Đề Thủ Na. Đương lúc cạo có hai thứ rơi xuống : Một là râu tóc, hai là phiền não. Xà Đề Thủ Na liền ở nơi chỗ ngồi chứng đặng quả A La Hán.

(*) Lại có Phạm Chí Bà Trư Tra hỏi Phật : "Cù Đàm nói Niết Bàn là thường trụ phải chăng ?".

- Này Phạm Chí ! Đúng như vậy.

- Cù Đàm toan chẳng nói rằng không phiền não là Niết Bàn ư ?

- Này Phạm Chí ! Đúng như vậy.

- Thưa Cù Đàm ! Ở thế gian có bốn thứ gọi là không : Một là những pháp chưa có ra thời gọi là không, như cái bình lúc chưa ra khỏi viên đất thời gọi là không có cái bình. Hai là những pháp đã diệt mất gọi là không, như cái bình đã hư bể thời gọi là không. Ba là lẫn không có tướng loại khác mà gọi là không, như trong bò không có ngựa, trong ngựa không có bò. Bốn là rốt ráo không nên gọi là không, như lông rùa sừng thỏ.

Thưa Cù Đàm ! Nếu vì đã dứt trừ phiền não mà gọi là Niết Bàn, thời Niết Bàn là không có. Nếu đã là không Niết Bàn, sao lại nói có thường, lạc, ngã, tịnh ?

- Này Thiện nam tử ! Niết Bàn đây chẳng phải là trước không có như cái bình lúc còn là viên đất, cũng chẳng phải dứt mất thành không như cái bình lúc hư bể, cũng chẳng phải rốt ráo không như lông rùa sừng thỏ. Niết Bàn này đồng với khác loại mà không.

Như lời ông nói, dầu trong bò không có ngựa, nhưng chẳng được nói rằng bò cũng là không. Dầu

(*) Hán bộ quyển thứ 39.

trong ngựa không có bò nhưng cũng chẳng được nói rằng ngựa cũng là không. Niết Bàn cũng như vậy : Trong phiền não không Niết Bàn, trong Niết Bàn không phiền não, do đây nên gọi là lẫn không có tướng khác nhau.

- Thưa Cù Đàm ! Nếu cho Niết Bàn là lẫn không tướng khác nhau, sự không này không có thường, lạc, ngã, tịnh, sao Cù Đàm lại nói Niết Bàn là thường, lạc, ngã, tịnh ?

- Này Thiện nam tử ! Như không tướng khác nhau của ông nói có ba thứ không : Bò, ngựa đều là trước không sau có, đây gọi là trước không; đã có trở thành không đây gọi là hư hoại mà không; không có tướng khác nhau thời như ông đã nói. Niết Bàn không có ba tướng này, nên Niết Bàn là thường, lạc, ngã, tịnh.

Như ba thứ bịnh của người đời : bịnh nhiệt, bịnh phong, bịnh hàn. Ba thứ thuốc có thể trị được : tô trị được bịnh nhiệt, dầu trị được bịnh phong, mật trị được bịnh hàn.

Này Thiện nam tử ! Trong bịnh phong không có dầu, trong dầu không có bịnh phong, nên dầu có thể trị được bịnh phong, hai thứ kia cũng như vậy.

Tất cả chúng sanh có ba thứ bịnh : Tham, sân và si. Có ba thứ pháp dược trị được ba bịnh này : Bất tịnh quán là thuốc trị được bịnh tham, từ tâm quán là thuốc trị được bịnh sân, nhân duyên quán là thuốc trị được bịnh si.

Này Thiện nam tử ! Vì trừ tham nên quán pháp chẳng phải tham, vì trừ sân nên quán pháp chẳng phải sân, vì trừ si nên quán pháp chẳng phải si. Trong ba thứ bịnh không ba thứ thuốc pháp, trong ba thứ thuốc pháp không ba thứ bịnh.

Này Thiện nam tử ! Vì trong ba thứ bịnh không có ba thứ thuốc pháp, nên là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Trong ba thứ thuốc pháp không có ba thứ bịnh nên được gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

- Bạch Thế Tôn ! Đức Như Lai vì tôi nói thường và vô thường. Xin giải thích thế nào là thường, thế nào là vô thường ?

- Này Thiện nam tử ! Sắc ấm là vô thường, giải thoát sắc ấm là thường. Nhẫn đến thức ấm là vô thường, giải thoát thức ấm là thường.

Nếu có người nào quán sắc nhẫn đến thức là vô thường, nên biết rằng người này chứng được pháp thường trụ.

- Bạch Thế Tôn ! Nay tôi đã biết pháp thường và pháp vô thường.

- Này Thiện nam tử ! Ông rõ biết pháp thường và vô thường như thế nào ?

- Bạch Thế Tôn ! Nay tôi biết sắc ấm của tôi là vô thường, được giải thoát là thường, nhẫn đến thức cũng như vậy.

- Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Nay ông đã đền xong thân này.

Đức Phật bảo Kiều Trần Như : "Bà Trư Tra đã chứng quả A La Hán, ông nên ban cho Bà Trư Tra ba y và bát".

Ngài Kiều Trần Như tuân lời Phật trao y bát cho Bà Trư Tra.

Lãnh y bát xong, Bà Trư Tra thưa rằng : "Bạch đại đức Kiều Trần Như ! Nay tôi do thân tệ ác này mà được quả lành. Xin đại đức vì tôi đến bạch với đức Thế Tôn : Tôi là người ác xúc phạm đến họ Cù Đàm của đức Như Lai. Mong Đại Đức vì tôi mà sám hối tội này. Tôi cũng không thể ở lâu nơi thân ác độc này. Nay xin nhập Niết Bàn".

Ngài Kiều Trần Như liền đến bạch Phật : "Thế Tôn ! Tỳ Kheo Bà Trư Tra sanh lòng hổ thẹn, tự nói là hung dữ xúc phạm họ Cù Đàm của đức Như Lai. Nay ông ấy muốn diệt thân, nhờ tôi sám hối".

Phật nói : Này Kiều Trần Như ! Tỳ Kheo Bà Trư Tra đã thành tựu căn lành nơi vô lượng Phật quá khứ, nay thọ giáo với ta mà trụ đúng pháp, vì trụ đúng pháp nên chứng được chánh quả. Các ông phải cúng dường thân của ông ấy.

Ngài Kiều Trần Như nghe Phật dạy xong, đến nơi thân của Bà Trư Tra mà trần thiết cúng dường.

Lúc thiêu thân, Bà Trư Tra hiện các thứ thần thông.

Chúng ngoại đạo thấy việc này đồng to tiếng xướng rằng : Bà Trư Tra đã được chú thuật Sa Môn Cù Đàm, chẳng bao lâu ông sẽ hơn Sa Môn Cù Đàm.

Lại có Phạm Chí Tiên Ni hỏi Phật : "Thưa Cù Đàm ! Cù Đàm có ngã không ?".

Đức Như Lai nín lặng.

Tiên Ni lại hỏi : "Thưa Cù Đàm ! Cù Đàm không có ngã ư ?".

Đức Như Lai cũng nín lặng.

Tiên Ni hỏi luôn mấy lần như vậy, đức Phật đều nín lặng.

Tiên Ni nói : "Thưa Cù Đàm ! Nếu tất cả chúng sanh có ngã khắp tất cả chỗ là một tác giả, cớ sao Cù Đàm nín lặng chẳng trả lời ?

Phật nói : "Này Tiên Ni ! Ông nói ngã đó là khắp tất cả chỗ phải không ?

- Thưa Cù Đàm ! Chẳng những là tôi nói, mà tất cả người trí cũng nói như vậy.

- Này Thiện nam tử ! Nếu ngã đó cùng khắp tất cả chỗ lẽ ra phải đồng thời thọ báo trong ngũ đạo. Nếu đồng thời thọ báo nơi ngũ đạo, hàng Phạm chí các ông duyên cớ gì chẳng gây tạo những điều ác để khỏi địa ngục, mà lại tu những pháp lành để được thân trời ?

- Thưa Cù Đàm ! Ngã trong giáo pháp của chúng tôi có hai thứ : Một là ngã tác thân, hai là ngã thường thân. Vì ngã tác thân mà phải lìa nghiệp ác để khỏi địa ngục, phải tu những pháp lành để được sanh lên trời.

- Này Thiện nam tử ! Như ông đã nói ngã khắp tất cả chỗ. Ngã đó nếu ở trong tác thân thời là vô thường. Nếu trong tác thân không có ngã sao lại nói là khắp ?

- Thưa Cù Đàm ! Ngã của chúng tôi lập cũng ở trong tác thân, mà cũng là thường trụ. Như người lúc để lửa cháy nhà, chủ nhà chạy ra ngoài, chẳng thể nói rằng nhà cửa bị cháy chủ nhà cũng bị cháy. Ngã này cũng như vậy, đương lúc tác thân vô thường, ngã này xuất ra đi, nên ngã này cũng là khắp, cũng là thường.

- Này Thiện nam tử ! Như lời ông nói ngã đó cũng khắp cũng thường, nghĩa này không đúng. Vì khắp có hai thứ : Thường và vô thường. Lại có hai thứ : Sắc và vô sắc. Do đây nên nếu nói rằng khắp tất cả thời cũng là thường cũng là vô thường, cũng là sắc cũng là vô sắc.

Nếu nói chủ nhà chạy ra khỏi nên chẳng gọi là vô thường, nghĩa này chẳng đúng. Vì nhà chẳng gọi là chủ, chủ chẳng gọi là nhà. Cái bị cháy khác, người chạy ra khác, nên được như vậy. Ngã này

thời chẳng như vậy, vì ngã là sắc, sắc là ngã, ngã là vô sắc, vô sắc là ngã, sao lại nói rằng đương lúc sắc thân vô thường ngã xuất ra khỏi.

Này Thiện nam tử ! Ý ông nếu cho rằng : "Tất cả chúng sanh đồng một ngã, thời trái với pháp thế gian và xuất thế gian. Vì pháp thế gian có cha mẹ, con trai, con gái. Nếu ngã là một, thời cha là con trai, con trai là cha, mẹ là con gái, con gái là mẹ, thù là thân, thân là thù, đây là kia, kia là đây. Nên nếu nói rằng tất cả chúng sanh đồng một ngã, thời là trái với pháp thế gian và xuất thế gian".

Tiên Ni nói : "Tôi chẳng nói tất cả chúng sanh đồng một ngã. Mà tôi nói mỗi người đều riêng có một ngã."

- Này Thiện nam tử ! Nếu ông nói một người đều riêng có một ngã, đây là nhiều ngã, thời không đúng nghĩa. Vì như trước kia ông nói, ngã khắp tất cả chỗ. Nếu đã khắp tất cả thời tất cả chúng sanh lẽ ra phải đồng một nghiệp căn : Lúc được trời mà thấy thời lúc được Phật cũng thấy, lúc được thân trời làm, thời lúc được Phật cũng làm, nghe biết và nhẫn đến tất cả pháp cũng như vậy.

Nếu được thân trời mà thấy chẳng phải là được Phật mà thấy thời chẳng nên nói rằng ngã khắp tất cả chỗ. Nếu ngã chẳng khắp thời là vô thường.

- Thưa Cù Đàm ! Ngã của tất cả chúng sanh khắp tất cả. Còn pháp cùng phi pháp chẳng khắp tất cả.

Do nghĩa này nên tác dụng của Phật khác, tác dụng của trời khác. Chẳng nên nói rằng lúc Phật thấy lẽ ra trời cũng thấy, lúc Phật nghe trời cũng nên nghe.

- Này Thiện nam tử ! Pháp và phi pháp chẳng phải là nghiệp làm ra ư ?

- Thưa Cù Đàm ! Là nghiệp làm ra.

- Này Thiện nam tử ! Nếu pháp cùng phi pháp là nghiệp làm ra thời là đồng pháp, sao nói rằng khác. Vì chỗ nghiệp của Phật có ngã của trời, chỗ ngã của trời có ngã của Phật, do đây nên lúc Phật tác dụng, trời cũng tác dụng, pháp và phi pháp cũng phải như vậy.

Này Thiện nam tử ! Nếu tất cả chúng sanh pháp cùng phi pháp là như vậy, thời quả báo lẽ ra chẳng khác.

Này Thiện nam tử ! Từ nơi nhơn sanh ra quả, nhơn này trọn chẳng suy nghĩ phân biệt ta chỉ nên là quả Bà La Môn, chẳng làm quả cho Sát Lợi, Tỳ Xá, Thủ Đà. Vì từ nhơn sanh ra quả trọn chẳng trở ngại đối với bốn giòng như vậy. Pháp cùng phi pháp cũng như vậy, không thể phân biệt ta chỉ nên làm quả Phật, chẳng làm quả trời, hoặc ta chỉ làm quả trời chẳng làm quả Phật. Vì nghiệp bình đẳng vậy.

- Thưa Cù Đàm ! Như trong một nhà có trăm ngàn ngọn đèn, ngọn đèn có khác nhưng ánh sáng

thời không khác. Ngọn đèn khác nhau dụ cho pháp cùng phi pháp, ánh sáng không sai khác dụ cho ngã của chúng sanh.

- Này Thiện nam tử ! Ông đem đèn sáng để dụ cho ngã đó, không được đúng nghĩa. Vì đèn khác nhà khác. Ánh sáng của đèn cũng ở bên ngọn đèn mà cũng khắp trong nhà. Ngã của ông nói nếu đồng như vậy thời bên pháp và phi pháp đều phải có ngã, trong ngã cũng phải có pháp và phi pháp. Nếu pháp cùng phi pháp không có ngã, thời chẳng được nói rằng ngã khắp tất cả chỗ. Nếu đều chung có cả, đâu đặng dùng đèn và ánh sáng để làm ví dụ.

Này Thiện nam tử ! Nếu ý của ông cho rằng ngọn đèn cùng ánh sáng thiệt khác nhau, duyên cớ gì ngọn đèn thêm thời ánh sáng nhiều, ngọn đèn lụn thời ánh sáng mất. Do đây chẳng nên đem pháp cùng phi pháp dụ như ngọn đèn, ánh sáng không khác dụ cho ngã. Vì pháp và phi pháp cùng với ngã ba thứ là một.

- Thưa Cù Đàm ! Ngài dẫn ví dụ ngọn đèn, việc đó chẳng tốt. Vì ví dụ ngọn đèn nếu là tốt thời tôi đã dẫn trước rồi. Như ví dụ đó chẳng tốt cớ sao Ngài lại nói ?

- Này Thiện nam tử ! Ví dụ ta dẫn ra đó đều chẳng làm tốt cùng chẳng tốt, đó là theo ý của ông để nói. Trong ví dụ đó cũng trình bày hai nghĩa rời

ngoài ngọn đèn có ánh sáng và chính nơi ngọn đèn có ánh sáng. Ý ông chẳng bình đẳng nên ông nói ngọn đèn dụ cho pháp cùng phi pháp, ánh sáng thời dụ cho ngã. Do đây nên ta trách ông : Ngọn đèn chính là ánh sáng, rời ngọn đèn có ánh sáng. Trong pháp có ngã, trong ngã có pháp, trong phi pháp có ngã, trong ngã có phi pháp. Nay cớ gì ông chỉ nhận lấy một bên bỏ một bên. Ví dụ như vậy là chẳng tốt đối với ông, nên nay ta trở lại dẫn ví dụ đó để dạy bảo ông.

Này Thiện nam tử ! Ví dụ như vậy thời chẳng thành, vì chẳng thành ví dụ nên với ta thời tốt, mà chẳng tốt đối với ông.

Này Thiện nam tử ! Nếu ý ông cho rằng nếu tôi chẳng tốt thời Ngài cũng chẳng tốt. Ý nghĩ này chẳng đúng, vì thấy người đời dùng sức mình để hại lấy mình, tự mình làm ra mà người khác thọ dụng. Ví dụ của ông dẫn ra đó cũng như vậy. Nơi ta thời tốt, nơi ông thời chẳng tốt.

- Thưa Cù Đàm ! Vừa rồi Ngài trách tôi tâm chẳng bình đẳng, nay lời nói của ngài cũng chẳng bình đẳng. Vì Ngài lấy tốt về mình, mà chẳng tốt lại để cho tôi. Cứ đây mà suy thời thật là chẳng bình đẳng.

- Này Thiện nam tử ! Sự bất bình của ta có thể phá được sự bất bình của ông, do đây nên ông được bình, sự bất bình của ta chính là tốt vậy. Sự bất

bình của ta phá sự bất bình của ông, làm cho ông được bình cũng chính là ta bình đẳng, vì đồng được bình đẳng với các Thánh nhơn,

- Thưa Cù Đàm ! Ngã thường là bình đẳng, sao Ngài lại nói phá hoại sự bất bình của tôi. Tất cả chúng sanh bình đẳng có ngã sao Ngài nói rằng ngã là bất bình ?

- Này Thiện nam tử ! Ông cũng có nói rằng : Sẽ thọ quả địa ngục, sẽ thọ quả ngạ quỉ, sẽ thọ quả súc sanh, sẽ thọ quả nhơn, Thiên. Nếu ngã đã khắp trong ngũ đạo, sao ông lại nói sẽ thọ quả nơi các loài ?

Ông cũng nói rằng cha mẹ hòa hiệp rồi sau mới sanh con. Nếu con đã có trước, sao ông lại nói hòa hiệp rồi mới có. Nếu một người có thân trong ngũ đạo, đã là trước có thân trong ngũ đạo, duyên cớ gì lại vì thân mà tạo nghiệp. Do nghĩa trên đây nên là chẳng bình đẳng.

Này Thiện nam tử ! Ý của ông nếu cho rằng ngã là tác giả, thời cũng chẳng đúng. Vì nếu ngã là tác giả, duyên cớ gì ngã lại tự làm ra sự khổ. Nhưng hiện nay chúng sanh thiệt có bị khổ nên biết rằng ngã chẳng phải tác giả.

Nếu ông nói sự khổ này chẳng phải ngã làm ra, chẳng do nơi nhơn sanh, thời tất cả pháp cũng phải như vậy, chẳng do nhơn sanh, cớ gì lại nói là ngã làm ra ?

Này Thiện nam tử ! Sự khổ vui của chúng sanh thiệt do nơi nhơn duyên. Sự khổ vui này có thể làm chúng sanh lo và mừng. Lúc lo không mừng, lúc mừng không lo, hoặc mừng hoặc lo, người trí đâu nên nói đó là thường trụ.

Này Thiện nam tử ! Ông nói ngã là thường. Nếu đã là thường, sao lại nói có mười thời kỳ sai khác. Đã là thường lẽ ra chẳng có thời kỳ đậu thai nhẫn đến thời kỳ già.

Phật pháp thường như hư không còn chẳng có một thời kỳ, huống lại có cả mười thời kỳ !

Nếu ngã chẳng phải là thời kỳ đậu thai nhẫn đến chẳng phải thời kỳ già, sao lại nói có mười thời kỳ sai khác.

Này Thiện nam tử ! Nếu ngã là tác giả, ngã này cũng có lúc thạnh lúc suy, chúng sanh cũng có lúc thạnh lúc suy. Nếu ngã đã như vậy sao lại là thường.

Này Thiện nam tử ! Nếu ngã là tác giả, sao một người lại có khôn lanh, có đần độn ? Nếu ngã là tác giả, ngã này có thể làm ra thân nghiệp và khẩu nghiệp. Thân nghiệp và khẩu nghiệp nếu là ngã làm ra, sao miệng lại nói rằng không có ngã ư ? Sao lại tự nghi có ngã hay không có ngã ?

Này Thiện nam tử ! Nếu ý ông cho rằng rời ngoài nhãn căn có sự thấy. Lời này không đúng, vì nếu ngoài nhãn căn đã riêng có sự thấy thời cần gì đến

mà có biết thời đồng với điều dụ bông đốt cháy trước kia.

Này Thiện nam tử ! Như cây gai tánh của nó tự có thể đâm, chẳng được nói rằng cây cầm gai để đâm. Trí cũng như vậy : Trí tự có thể hiểu biết. Sao lại nói rằng ngã cầm lấy trí để biết ?

Này Thiện nam tử ! Như trong pháp của ông nói ngã được giải thoát, là ngã vô tri được giải thoát, hay là ngã hữu tri được ?

Nếu là ngã vô tri được thời phải biết rằng vẫn còn đủ phiền não. Nếu lã ngã hữu tri được thời nên biết rằng đã có ngũ căn, vì ngoài ngũ căn không còn có sự biết. Nếu đã đủ ngũ căn thời sao lại nói là được giải thoát ?

Nếu cho rằng tánh của ngã này thanh tịnh rời ngoài ngũ căn, sao lại nói rằng ngã khắp trong ngũ đạo, duyên cớ gì tu các pháp lành để được giải thoát ?

Này Thiện nam tử ! Như có người nhổ gai hư không. Ông cũng như vậy : Nếu ngã đã thanh tịnh sao lại nói rằng dứt các phiền não ?

Nếu ý ông cho rằng chẳng do nhờn duyên mà được giải thoát, cớ gì tất cả chúng sanh lại chẳng được ?

- Thưa Cù Đàm ! Nếu không có ngã thời cái gì có thể ghi nhớ ?

- Này Thiện nam tử ! Nếu có ngã cớ gì lại quên ?

Chúng sanh ngó thấy các pháp cũng như vậy : Nhãn căn có thể thấy sắc, từ nhơn duyên hòa hiệp mà có ra sự thấy đó. Nếu đã từ nhơn duyên hòa hiệp, người trí sao lại nói là có ngã ?

Này Thiện nam tử ! Nếu ý ông cho rằng thân làm mà ngã thọ, cũng không đúng nghĩa. Vì trong đời không bao giờ thấy trời tạo nghiệp mà Phật thọ quả.

Nếu nói rằng chẳng phải là thân làm, ngã chẳng phải thọ, cớ sao các ông lại từ nơi nhơn duyên tu hành để cầu giải thoát ?

Thân này của ông trước kia chẳng phải nhơn duyên sanh. Khi được giải thoát rồi cũng lẽ ra không do nhơn duyên mà lại sanh ra thân. Như thân, tất cả phiền não cũng như vậy.

- Thưa Cù Đàm ! Ngã có hai thứ : Một là hữu tri, hai là vô tri. Ngã vô tri có thể thọ lấy thân, ngã hữu tri có thể rời bỏ thân. Như cái bình đất, khi đã bị nung rồi thời mất màu sắc đất, chẳng còn sanh trở lại, phiền não của người trí cũng như vậy, đã dứt mất rồi thời trọn chẳng còn sanh.

- Này Thiện nam tử ! Ông nói là hữu tri đó, là trí có thể biết hay ngã có thể biết ? Nếu trí có thể biết sao lại nói rằng ngã là hữu tri ? Nếu ngã có thể biết cớ gì phải dùng phương tiện tu hành để cầu có trí ? Nếu ý ông cho rằng ngã nhơn nơi trí

Như tỏi, bột, mật, gừng, tiêu, tất lăng, nho, hồ đào, thạch lựu, hột quì, các thứ ấy hòa hiệp lại gọi là huờn thuốc hoan hỷ. Rời ngoài sự hòa hiệp này thời không có huờn hoan hỷ.

Do căn nơi trong, trần nơi ngoài mà gọi là chúng sanh, là ngã, nhơn, sĩ phu. Ngoài căn và trần này không riêng có chúng sanh, ngã, nhơn, sĩ phu.

- Thưa Cù Đàm ! Nếu không có ngã, sao lại nói rằng: Ta thấy, ta nghe, ta khổ, ta vui, ta lo, ta mừng ?

- Này Thiện nam tử ! Nếu cho rằng ta thấy, ta nghe v.v... gọi là có ngã đó, cớ gì người đời lại nói rằng tội của ngươi làm ta chẳng thấy nghe ?

Như bốn đoàn binh hiệp lại gọi là quân đoàn, bốn đoàn binh chẳng gọi là một, mà cũng nói rằng quân ta mạnh mẽ, quân ta thắng địch.

Nội căn, ngoại trần hòa hiệp làm ra cũng như vậy, dầu chẳng phải là một, nhưng cũng được nói rằng : Ta làm, ta thọ, ta thấy, ta nghe, ta khổ, ta vui.

- Thưa Cù Đàm ! Cứ như lời Ngài : "Nội căn và ngoại trần hòa hiệp ", thời ai ra tiếng nói rằng : Ta làm ta thọ ?

- Này Tiên Ni ! Từ ái vô minh nhơn duyên sanh ra nghiệp, từ nghiệp sanh ra hữu, từ hữu xuất sanh vô lượng tâm sở, tâm sở sanh ra giác quán, giác quán động đến hơi gió, hơi gió theo tâm chạm xúc

Này Thiện nam tử ! Nếu nhớ là ngã, cớ gì lại nhớ những niệm ác, nhớ chỗ chẳng đáng nhớ, chẳng nhớ chỗ đáng nhớ ?

- Thưa Cù Đàm ! Nếu không có ngã thời cái gì thấy, cái gì nghe ?

- Này Thiện nam tử ! Trong có sáu căn, ngoài có sáu trần, căn trần hòa hiệp sanh ra sáu thức. Sáu thức này theo nhơn duyên mà được có tên.

Do một thứ lửa do nơi cây mà có lửa thời gọi là lửa cây, nhơn nơi cỏ thời gọi là lửa cỏ, nhơn nơi trấu thời gọi là lửa trấu, nhơn nơi phân bò thời gọi là lửa phân bò.

Ý thức của chúng sanh cũng như vậy : Nhơn nơi nhãn căn, sắc trần, ánh sáng và tác ý thời gọi đó là nhãn thức. Nhãn thức này chẳng ở trong nhãn căn nhẫn đến chẳng ở trong tác ý, do bốn thứ hòa hiệp nên sanh ra thức này. Nhẫn đến ý thức cũng lại như vậy.

Nếu đã là nhơn duyên hòa hiệp mà sanh ra, người trí chẳng nên nói rằng sự thấy chính là ngã, sự nghe nhẫn đến chạm xúc chính là ngã.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa trên đây nên ta nói rằng nhãn thức nhẫn đến ý thức, tất cả các pháp đều là như huyễn.

Thế nào là như huyễn ? Vì trước không nay mới có, đã có rồi trở lại không.

- Này Thiện nam tử ! Từ trước đến nay tất cả thế gian có đủ sự ngã mạn lớn, lại tăng trưởng ngã mạn, cũng lại làm ra mạn nhơn, mạn nghiệp, nên nay thọ lấy quả báo của mạn, không thể xa lìa tất cả phiền não để được thường, lạc, ngã, tịnh.

Nếu chúng sanh muốn được xa lìa tất cả phiền não, trước hết phải xa lìa ngã mạn.

- Bạch Thế Tôn ! Phải lắm ! Phải lắm ! Đúng như lời Phật dạy. Từ trước tôi có ngã mạn, do ngã mạn nên gọi đức Như Lai là Cù Đàm. Nay tôi đã lìa ngã mạn đó nên thành tâm thỉnh cầu giáo pháp : Làm thế nào sẽ được thường, lạc, ngã, tịnh.

- Này Thiện nam tử ! Lóng nghe ! Lóng nghe ! Ta sẽ giải thuyết cho ông.

Này Thiện nam tử ! Nếu người có thể chẳng phải tự, chẳng phải tha, chẳng phải chúng sanh, xa lìa pháp này.

- Bạch Thế Tôn ! Tôi đã hiểu rõ đã được chánh pháp nhãn.

- Này Thiện nam tử ! Do đâu mà ông nói rằng đã biết, đã hiểu, đã được chánh pháp nhãn.

- Bạch Thế Tôn ! Sắc ấm chẳng phải tự, chẳng phải tha, chẳng phải chúng sanh, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Tôi quán sát như vậy mà được chánh pháp nhãn.

cổ họng, lưỡi, răng, môi, chúng sanh điên đảo phát ra tiếng nói rằng ta làm, ta thọ, ta thấy, ta nghe.

Này Thiện nam tử ! Như cái linh đầu cột phướn, do gió động bèn phát ra tiếng, gió lớn thời tiếng lớn, gió nhỏ thời tiếng nhỏ, không có tác giả.

Lại như sắt nóng ném vào trong nước phát ra nhiều tiếng, nơi đây thật ra cũng không có tác giả.

Này Thiện nam tử ! Phàm phu không thể tư duy phân biệt việc như vậy, nên nói rằng có ngã và ngã sở, ngã tác, ngã thọ.

- Như Cù Đàm nói không có ngã và ngã sở, duyên cớ gì Ngài lại nói có thường, lạc, ngã, tịnh ?

- Này Thiện nam tử ! Ta chẳng nói sáu căn sáu trần và sáu thức là thường, lạc, ngã, tịnh. Mà ta tuyên bố rằng diệt sáu thức do nội căn ngoại trần sanh ra gọi đó là thường, do thường đây mà gọi đó là ngã, vì có thường ngã nên gọi là lạc, vì có thường lạc nên gọi là tịnh.

Này Thiện nam tử ! Chúng sanh nhàm sự khổ mà dứt khổ nhơn này, được xa lìa tự tại đây gọi là vô ngã. Do nhơn duyên này nên nay ta thiết thiệt nói rằng thường, lạc, ngã, tịnh.

Tiên Ni thưa rằng : "Bạch Thế Tôn ! Xin đức đại từ dạy bảo cho tôi phải làm thế nào để được thường, lạc, ngã, tịnh như vậy".

- Này Thiện nam tử ! Lửa này cũng từ nhơn mà sanh, chẳng phải là không nhơn.

- Thưa Cù Đàm ! Lúc ngọn lửa bức bay đi chẳng nhơn củi than, sao lại nói rằng từ nơi nhơn mà sanh.

- Này Thiện nam tử ! Dầu không củi than nhưng nhơn gió mà đi, do gió nên ngọn lửa đó chẳng tắt.

- Thưa Cù Đàm ! Nếu người chết lúc chưa thọ thân sau, thọ mạng ở chặng giữa cái gì làm nhơn duyên ?

- Này Phạm Chí ! Chính vô minh cùng ái làm nhơn duyên mà thọ mạng này được còn.

Này Thiện nam tử ! Vì có nhơn duyên nên thân là mạng, mạng là thân, vì có nhơn duyên nên thân khác, mạng khác. Người trí chẳng nên một bề nói rằng thân khác mạng khác.

- Bạch Thế Tôn ! Xin giải thuyết cho tôi rõ biết được nhơn quả.

- Này Phạm Chí ! Nhơn là ngũ ấm, quả cũng là ngũ ấm.

Này Thiện nam tử ! Nếu có chúng sanh chẳng đốt lửa thời không khói.

- Bạch Thế Tôn ! Tôi đã hiểu rồi.

Này Thiện nam tử ! Ông hiểu biết như thế nào ?

- Bạch Thế Tôn ! Lửa là nói phiền não có thể đốt cháy nơi địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, nhơn, Thiên. Khói là nói quả báo phiền não : Vô thường bất tịnh

Bạch Thế Tôn ! Nay tôi rất muốn xuất gia tu học, xin đức Như Lai nhận cho.

Đức Phật gọi : "Thiện Lai Tỳ Kheo !".

Liền đó Tiên Ni được đầy đủ Phạm hạnh thanh tịnh chứng quả A La Hán.

Trong chúng ngoại đạo lại có Phạm Chí họ Ca Diếp lên tiếng rằng : "Thưa Cù Đàm ! Thân tức là mạng, hay là thân khác mạng khác ?".

Đức Như Lai nín lặng.

Phạm Chí hỏi lần thứ hai lần thứ ba, đức Như Lai vẫn nín lặng.

Phạm Chí lại nói : "Thưa Cù Đàm ! Như người lúc chết chưa thọ lấy thân sau, chặng giữa đó đâu được chẳng gọi rằng thân khác mạng khác. Nếu là khác tại sao Cù Đàm nín lặng chẳng trả lời ?".

- Này Thiện nam tử ! Ta nói thân và mạng đều từ nhơn duyên, chẳng phải là không nhơn duyên. Như thân mạng tất cả pháp cũng như vậy.

- Thưa Cù Đàm ! Tôi thấy thế gian cũng có pháp không từ nhơn duyên.

- Này Phạm Chí ! Ông thấy thế gian có pháp chẳng từ nhơn duyên như thế nào ?

- Tôi thấy lửa lớn đốt cháy lùm cây, gió thổi bứt ngọn lửa rớt ở chỗ khác, đây há chẳng gọi là không nhơn duyên ư ?

- Thưa Cù Đàm ! Nay thấy tội lỗi gì mà Ngài chẳng nói như vậy ?

- Này Phú Na ! Nếu có người nói rằng thế gian là thường, chỉ đây là chơn thật ngoài ra đều là vọng ngữ. Quan niệm này gọi là kiến, chỗ bị thấy gọi là kiến hành, gọi là kiến nghiệp, gọi là kiến trước, gọi là kiến phược, gọi là kiến khổ, gọi là kiến thủ, gọi là kiến bố, gọi là kiến nhiệt, gọi là kiến triền.

Này Phú Na ! Phàm phu bị kiến chấp ràng buộc nên không thể xa lìa sanh, già, bịnh, chết mà lưu chuyển trong sáu đường, thọ vô lượng sự khổ. Nhẫn đến chẳng phải như mà đi, chẳng phải chẳng như mà đi cũng như vậy.

Này Phú Na ! Ta thấy kiến chấp này có lỗi như vậy, nên ta chẳng chấp trước cũng chẳng nói với người.

- Thưa Cù Đàm ! Nếu thấy tội lỗi như vậy mà chẳng chấp trước chẳng nói. Nay Cù Đàm thấy gì ? Trước gì ? Tuyên thuyết những gì ?

- Này Thiện nam tử ! Luận về người kiến trước gọi là pháp sanh tử. Như Lai đã rời pháp sanh tử nên chẳng kiến trước. Như Lai gọi là năng kiến, năng thuyết, mà chẳng phải là chấp trước.

- Thưa Cù Đàm ! Thế nào là năng kiến ? Thế nào là năng thuyết ?

- Này Thiện nam tử ! Ta có thể thấy rõ khổ, tập, diệt, đạo, ta phân biệt tuyên thuyết bốn đế lý này

hôi nhơ đáng ghét đáng nhàm. Nếu chúng sanh chẳng khởi phiền não thời không có quả báo của phiền não. Do đây nên đức Như Lai nói không đốt lửa thời không có khói.

Bạch Thế Tôn ! Tôi đã được chánh kiến xin thương xót cho tôi xuất gia.

Đức Phật bảo Kiều Trần Như cho Phạm Chí này xuất gia thọ giới.

Ngài Kiều Trần Như tuân lời Phật hòa hiệp chúng Tăng cho Phạm Chí xuất gia thọ giới Cụ Túc. Năm ngày sau, Phạm Chí này chứng được A La Hán.

Trong chúng ngoại đạo lại có Phạm Chí Phú Na lên tiếng rằng : "Thưa Cù Đàm ! Ngài thấy thế gian là pháp thường trụ mà nói là thường phải chăng ?

Nghĩa như vậy là thiệt hay hư ? Là thường hay vô thường ? Là cũng thường, vô thường ? Là chẳng phải thường, chẳng phải vô thường ? Là hữu biên, là vô biên ? Là cũng hữu biên cũng vô biên ? Là chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên ? Là thân là mạng ? Thân khác mạng khác ? Như Lai sau khi diệt độ, như mà đi hay chẳng như mà đi ? Cũng như mà đi cũng chẳng như mà đi ? Chẳng phải như mà đi, chẳng phải chẳng như mà đi ?".

- Này Phú Na ! Ta chẳng nói thế gian là thường là hư là thiệt là vô thường v.v... nhẫn đến cũng chẳng nói chẳng phải như mà đi, chẳng phải chẳng như mà đi.

- Thưa Cù Đàm ! Nay thấy tội lỗi gì mà Ngài chẳng nói như vậy ?

- Này Phú Na ! Nếu có người nói rằng thế gian là thường, chỉ đây là chơn thật ngoài ra đều là vọng ngữ. Quan niệm này gọi là kiến, chỗ bị thấy gọi là kiến hành, gọi là kiến nghiệp, gọi là kiến trước, gọi là kiến phược, gọi là kiến khổ, gọi là kiến thủ, gọi là kiến bố, gọi là kiến nhiệt, gọi là kiến triền.

Này Phú Na ! Phàm phu bị kiến chấp ràng buộc nên không thể xa lìa sanh, già, bịnh, chết mà lưu chuyển trong sáu đường, thọ vô lượng sự khổ. Nhẫn đến chẳng phải như mà đi, chẳng phải chẳng như mà đi cũng như vậy.

Này Phú Na ! Ta thấy kiến chấp này có lỗi như vậy, nên ta chẳng chấp trước cũng chẳng nói với người.

- Thưa Cù Đàm ! Nếu thấy tội lỗi như vậy mà chẳng chấp trước chẳng nói. Nay Cù Đàm thấy gì ? Trước gì ? Tuyên thuyết những gì ?

- Này Thiện nam tử ! Luận về người kiến trước gọi là pháp sanh tử. Như Lai đã rời pháp sanh tử nên chẳng kiến trước. Như Lai gọi là năng kiến, năng thuyết, mà chẳng phải là chấp trước.

- Thưa Cù Đàm ! Thế nào là năng kiến ? Thế nào là năng thuyết ?

- Này Thiện nam tử ! Ta có thể thấy rõ khổ, tập, diệt, đạo, ta phân biệt tuyên thuyết bốn đế lý này

như vậy. Vì ta thấy như vậy nên xa lìa được tất cả kiến chấp, tất cả ái, tất cả lưu, tất cả mạn. Do đây nên ta có đủ Phạm hạnh thanh tịnh tịch tịnh vô thượng, được thân thường trụ. Thân đây chẳng phải đông, tây, nam, bắc.

- Thưa Cù Đàm ! Cớ gì thân thường trụ chẳng phải đông, tây, nam, bắc ?

- Này Thiện nam tử ! Nay ta hỏi ông tùy ý ông đáp.

Này Thiện nam tử ! Như ở trước ông đốt đống lửa lớn, đương lúc lửa cháy ông có biết là lửa cháy không ?

- Tôi biết là lửa cháy.

- Lúc lửa tắt ông có biết là lửa tắt không ?

- Tôi biết là lửa tắt.

- Này Phú Na ! Nếu có người hỏi ông đống lửa trước mặt ông từ đâu mà cháy ? Tắt rồi đi về đâu ? Thời ông sẽ đáp thế nào ?

- Thưa Cù Đàm ! Tôi sẽ đáp rằng : Lúc lửa này có ra là nhờ các duyên. Duyên cũ đã hết, duyên mới chưa đến thời lửa này phải tắt.

- Này Phú Na ! Nếu họ lại hỏi lửa này đã tắt đi đến chỗ nào ? Thời ông sẽ đáp ra sao ?

- Thưa Cù Đàm ! Tôi sẽ đáp rằng : Duyên hết nên tắt chẳng đến chỗ nào.

- Này Thiện nam tử ! Như Lai cũng như vậy. Sắc vô thường nhẫn đến thức vô thường do ái mà

cháy lên, vì cháy lên mà phải thọ lấy thân trong hai mươi lăm cõi. Lúc cháy lên đó có thể nói là đông, tây, nam, bắc. Hiện tại ái đã diệt, quả báo hai mươi lăm cõi chẳng còn cháy, vì chẳng cháy nên không thể nói là có đông, tây, nam, bắc...

Này Thiện nam tử ! Như Lai đã dứt sắc ấm vô thường nhẫn đến dứt thức ấm vô thường, nên thân của Như Lai là thường trụ. Thân đã là thường chẳng nói rằng có đông, tây, nam, bắc.

Phú Na thưa rằng xin trình bày một ví dụ, mong Thế Tôn nghe cho.

- Lành thay ! Lành thay ! Ông cứ tùy ý mà nói.

- Bạch Thế Tôn ! Như ngoài thôn lớn có rừng Ta La, trong rừng có một cây mọc trước khi thành rừng đủ một trăm năm. Lúc đó chủ rừng lấy nước tưới cây này, theo thời tiết mà săn sóc. Cây này già, mục, vỏ, lá, nhánh đều rơi rớt chỉ còn lõi chắc.

Đức Như Lai cũng như vậy : Tất cả những gì có đã cũ hư thảy đều trừ hết, chỉ còn có tất cả pháp chơn chật.

Bạch Thế Tôn ! Nay tôi rất thích xuất gia tu hành.

Phật bảo : "Thiện Lai Tỳ Kheo !".

Vừa dứt tiếng, Phú Na liền thành tướng Tỳ Kheo, dứt hết phiền não, chứng được quả A La Hán.

Lại có Phạm Chí tên Thanh Tịnh lên tiếng rằng : "Thưa Cù Đàm ! Do chẳng biết pháp gì mà tất cả

chúng sanh thấy thế gian là thường, là vô thường, cũng thường, cũng vô thường, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, nhẫn đến chẳng phải như mà đi, chẳng phải chăng như mà đi ?".

- Này Thiện nam tử ! Vì chẳng biết sắc, nhẫn đến chẳng biết thức nên thấy thế gian là thường, nhẫn đến thấy chẳng phải chẳng như mà đi.

- Thưa Cù Đàm ! Do chúng sanh biết pháp gì mà chẳng thấy thế gian là thường nhẫn đến chẳng thấy chẳng phải chẳng phải chẳng như mà đi ?

- Này Thiện nam tử ! Vì biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức nên chẳng thấy thế gian là thường nhẫn đến chẳng thấy chẳng phải chẳng như mà đi.

- Bạch Thế Tôn ! Xin vì tôi mà giải thuyết thế gian là thường cùng vô thường.

- Này Thiện nam tử ! Nếu người bỏ nghiệp cũ chẳng gây tạo nghiệp mới, người này có thể biết thường cùng vô thường.

- Bạch Thế Tôn ! Tôi đã hiểu biết.

- Này Thiện nam tử ! Ông thấy biết thế nào ?

- Bạch Thế Tôn ! Cũ là nói vô minh cùng ái, mới là nói thủ và hữu. Nếu người xa lìa vô minh ái này mà chẳng gây tạo thủ và hữu, người này thật biết thường và vô thường.

Nay tôi đã được pháp nhãn thanh tịnh quy y Tam Bảo. Xin đức Như Lai cho tôi xuất gia.

Phật bảo Kiều Trần Như cho Phạm Chí Thanh Tịnh này xuất gia.

Ngài Kiều Trần Như tuân lời Phật, dắt Thanh Tịnh đến trong Tăng làm pháp yết ma cho xuất gia. Sau đó mười lăm ngày, Tỳ Kheo Thanh Tịnh dứt hết phiền não chứng quả A La Hán.

Phạm Chí Độc Tử thưa rằng : "Thưa Cù Đàm ! Nay tôi muốn hỏi Ngài có cho phép chăng ?".

Đức Như Lai nín lặng.

Thưa lần thứ hai lần thứ ba, Đức Như Lai vẫn nín lặng.

Độc Tử thưa rằng : "Từ lâu tôi cùng Ngài vẫn là thân hữu, Ngài cùng tôi nghĩa không có khác, nay tôi muốn hỏi han, cớ sao Ngài nín lặng ?".

Lúc đó đức Thế Tôn nghĩ rằng : "Phạm Chí này tánh tình nho nhã, thuần thiện, ngay thẳng. Thường vì muốn hiểu biết mà đến thưa hỏi, chẳng phải vì não loạn. Nếu ông ấy có hỏi ta nên tùy ý đáp".

Suy nghĩ xong Phật nói rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Ông cứ theo chỗ nghi mà hỏi ta sẽ giải đáp cho".

Độc Tử thưa rằng : "Thế gian có pháp lành chăng ?".

- Này Phạm Chí ! Thế gian có pháp lành.

- Thưa Cù Đàm ! Thế gian có pháp chẳng lành chăng ?

- Này Phạm Chí ! Thế gian có pháp chẳng lành.

- Xin Cù Đàm vì tôi mà giảng nói, cho tôi biết pháp lành và pháp chẳng lành.

- Này Thiện nam tử ! Ta có thể phân biệt giảng rộng nghĩa đó. Nay sẽ vì ông mà nói lược.

- Này Thiện nam tử ! Dục gọi là pháp chẳng lành, giải thoát dục gọi là pháp lành. Sân cùng si cũng như vậy. Sát sanh là pháp chẳng lành, chẳng sát sanh là pháp lành, nhẫn đến tà kiến cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ta đã vì ông mà nói ba thứ pháp lành cùng chẳng lành và nói mười thứ pháp lành cùng chẳng lành. Nếu hàng đệ tử của ta có thể hiểu biết ba thứ nhẫn đến mười thứ pháp lành cùng chẳng lành như vậy, phải biết rằng người này có thể dứt hết tham, sân, si tất cả phiền não, dứt tất cả quả báo sanh tử.

- Thưa Cù Đàm ! Trong Phật pháp có một Tỳ Kheo nào được như vậy chăng ?

- Này Thiện nam tử ! Trong Phật pháp chẳng phải chỉ có một hai người nhẫn đến trăm ngàn người, mà có vô lượng Tỳ Kheo dứt được tham, sân, si tất cả phiền não, tất cả quả báo sanh tử như vậy.

- Thưa Cù Đàm ! Trong Phật pháp có một Tỳ Kheo Ni nào được như vậy chăng ?

- Này Thiện nam tử ! Trong Phật pháp đây cũng có vô lượng Tỳ Kheo Ni dứt được tham, sân, si tất cả phiền não, tất cả quả báo sanh tử.

- Thưa Cù Đàm ! Trong Phật pháp có Ưu Bà Tắc nào siêng năng giữ giới dứt được lưới nghi chăng ?

- Này Thiện nam tử ! Trong Phật pháp của ta có vô lượng Ưu Bà Tắc tinh tấn giữ giới thanh tịnh, dứt được năm phẩm kiết sử bực hạ, được quả A Na Hàm, dứt được lưới nghi.

- Thưa Cù Đàm ! Trong Phật pháp có Ưu Bà Di nào tinh cần trì giới thanh tịnh dứt được lưới nghi chăng ?

- Này Thiện nam tử ! Trong Phật pháp ta có vô lượng Ưu Bà Di tinh cần trì giới thanh tịnh dứt năm phẩm kiết sử bực hạ, dứt được lưới nghi, chứng quả A Na Hàm.

- Thưa Cù Đàm ! Ngoài những vị trên, trong Phật pháp có Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di nào hưởng lại thú ngũ dục mà tâm dứt được lưới nghi chăng ?

- Này Thiện nam tử ! Trong Phật pháp ta vô lượng Ưu Bà Tắc cũng như Ưu Bà Di dứt ba phẩm kiết sử được quả Tu Đà Hoàn. Người tham, sân, si mỏng thời được quả Tư Đà Hàm.

- Bạch Thế Tôn ! Nay tôi thích nói thí dụ, xin Ngài cho phép.

- Lành thay ! Ông thích nói thời cứ nói.

- Bạch Thế Tôn ! Như Long Vương Nan Đà và Bạt Nan Đà bình đẳng mưa to. Pháp dụ của Như Lai cũng như vậy, bình đẳng mưa xuống hàng Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di.

Bạch Thế Tôn ! Nếu hàng ngoại đạo muốn đến Phật pháp để xuất gia, chẳng rõ đức Như Lai thử họ trong mấy tháng ?

- Này Thiện nam tử ! Thử họ trong bốn tháng, nhưng bất tất hết thảy đều một hạng.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu chẳng đều một hạng, xin đức Đại từ cho tôi xuất gia.

Đức Thế Tôn bảo Kiều Trần Như cho Độc Tử xuất gia thọ giới.

Sau đó mười lăm ngày, Độc Tử được quả Tu Đà Hoàn.

Độc Tử nghĩ rằng nếu người có trí huệ do nơi học mà được, nay tôi đã được có thể đến ra mắt Phật.

Liền đến lễ Phật bạch rằng : "Thế Tôn ! Những người có trí huệ từ nơi học mà được, nay tôi đã được. Xin đức Thế Tôn vì tôi mà giảng thuyết cho tôi được trí huệ vô học".

- Này Thiện nam tử ! Ông nên tinh tấn tu tập hai pháp : Chỉ và quán. Nếu có Tỳ Kheo muốn được quả Tu Đà Hoàn cũng phải siêng tu tập hai pháp như vậy. Nếu muốn được quả Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán cũng phải tu tập hai pháp như vậy.

Này Thiện nam tử ! Nếu có Tỳ Kheo muốn được Tứ thiền, Tứ vô lượng tâm, Lục thần thông, Bát bội xả, Bát thắng xứ, Vô tránh trí, Đảnh trí, Tất cánh trí, Tứ vô ngại trí, Kim cang tam muội, Tận trí, Vô sanh trí, cũng phải tu tập hai pháp như vậy.

Này Thiện nam tử ! Nếu muốn được bực Thập trụ, Vô sanh Pháp nhẫn, Vô tướng Pháp nhẫn, Bất khả tư nghì Pháp nhẫn, Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, Bồ Tát hạnh, Hư không tam muội, Trí ấn tam muội, Không vô tướng, Vô tác tam muội, Địa tam muội, Bất thôi tam muội, Thủ Lăng Nghiêm tam muội, Kim Cang tam muội, Vô Thượng Bồ Đề Phật hạnh, cũng phải tu tập hai pháp như vậy.

Độc Tử nghe xong lễ Phật lui ra, ở trong rừng Ta La tu tập hai pháp chỉ quán, chẳng bao lâu được quả A La Hán.

Lúc đó lại có vô lượng Tỳ Kheo muốn đến chỗ Phật. Độc Tử hỏi rằng : "Chư Đại Đức muốn đến đâu ?".

Các Tỳ Kheo nói : "Chúng tôi muốn đến Phật".

Độc Tử lại nói : "Nếu chư Đại Đức đến chỗ Phật xin vì tôi bạch cùng Phật rằng Độc Tử Tỳ Kheo đã

tu tập hai pháp chỉ quán được trí vô học, nay báo ơn Phật mà nhập Niết Bàn".

Các Tỳ Kheo đem lời này đến bạch cùng Phật.

Phật bảo các Tỳ Kheo : "Này các Thiện nam tử ! Độc Tử đã được quả A La Hán, các ông nên đến cúng dường thân thể của Độc Tử".

Các Tỳ Kheo tuân lời Phật trở về cúng dường thi hài của Độc Tử.

(*) Nạp Y Phạm Chí lại lên tiếng hỏi Phật : "Thưa Cù Đàm ! Như lời Cù Đàm nói trong vô lượng đời làm điều lành, điều chẳng lành, đời vị lai trở lại được thân lành thân chẳng lành. Theo ý tôi, lời trên đây không đúng.

Vì như Cù Đàm từng nói nhơn phiền não mà cảm lấy thân này. Đã nhơn nơi phiền não mà có thân, thời thân có trước hay phiền não có trước ? Nếu phiền não có trước thời ai làm và ở chỗ nào ? Nếu thân có trước thời sao lại nói nhơn phiền não mà có thân ? Do đây nên nếu nói phiền não ở trước hay thân ở trước đều không được. Nếu nói đồng một thời cũng chẳng được. Thế là hoặc trước, hoặc sau, hoặc đồng một thời, đều chẳng được. Do đây nên tôi nói tất cả pháp đều có tự tánh chẳng phải từ nơi nhơn duyên.

Thưa Cù Đàm ! Lại cứng là tánh của địa đại, ướt là tánh của thủy đại, nóng là tánh của hỏa đại, động

(*) Hán bộ quyển thứ 40.

là tánh của phong đại, không chướng ngại là tánh của hư không, tánh của năm đại này chẳng phải từ nhơn duyên mà có. Nếu trong thế gian có tánh của một pháp chẳng phải từ nhơn duyên mà có, thời tánh của tất cả pháp cũng phải như vậy. Nếu có một pháp từ nơi nhơn duyên, cớ gì tánh của ngũ đại lại chẳng từ nơi nhơn duyên ?

Thưa Cù Đàm ! Chúng sanh mà có thân lành, thân chẳng lành, hoặc được giải thoát đều là tự tánh cả, chẳng phải từ nơi nhơn duyên. Nên tôi nói rằng tất cả các pháp do tự tánh mà có, chẳng phải là nhơn duyên sanh.

Thưa Cù Đàm ! Pháp thế gian có chỗ dùng nhứt định, như người thọ nói cây này có thể làm xe cộ, cây này có thể làm cửa, làm ván, làm giường, làm ghế. Lại như thợ kim hoàn làm ra những đồ trang sức : Đội trên trán thời gọi là tràng, đeo dưới cổ thời gọi là chuỗi, đeo trên tay thời gọi là xuyến, đeo nơi ngón tay thời gọi là nhẫn. Vì chỗ dùng nhứt định nên gọi là định tánh. Do đây biết rằng tất cả chúng sanh cũng như vậy : Vì có tánh ngũ đạo nên có địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, nhơn, Thiên. Nếu đã như vậy sao lại nói rằng từ nơi nhơn duyên.

Thưa Cù Đàm ! Lại tất cả chúng sanh tánh của họ đều khác, nên gọi là tất cả tự tánh. Như con rùa sanh trên đất cao mà nó tự có thể lặn xuống nước, bò con lúc sanh ra nó tự có thể uống sữa, cá thấy

mồi tự nhiên nuốt ăn, rắn độc lúc sanh ra tự nhiên ăn đất, những việc như vậy có ai dạy bảo ? Như gai sanh ra tự nhiên đầu nhọn, lông cánh của loài chim bay tự nhiên có màu sắc riêng khác. Chúng sanh trong thế gian cũng như vậy : Có khôn lanh, có đần độn, có giàu, có nghèo, có đẹp, có xấu, có người được giải thoát, có kẻ chẳng được. Do đây nên biết trong tất cả pháp đều riêng có tự tánh.

Thưa Cù Đàm ! Lại như Ngài từng nói tham, sân, si từ nơi nhơn duyên mà sanh, ba món độc này do nơi năm trần làm duyên. Theo ý tôi lời trên đây không đúng.

Vì chúng sanh lúc ngủ xa lìa năm trần mà cũng vẫn sanh tham, sân, si. Lúc ở trong thai cũng vậy. Lúc mới ra khỏi thai chưa phân biệt được năm trần là tốt hay xấu mà cũng sanh lòng tham, sân, si. Các vị Tiên nhơn ở nơi chỗ vắng vẻ. Không có ngũ trần mà cũng sanh tham, sân, si. Lại cũng có người nhơn nơi năm trần mà sanh vô tham, vô sân, vô si. Do đây nên bất tất từ nơi nhơn duyên sanh ra tất cả pháp, vì tự tánh nó sẵn như vậy.

Thưa Cù Đàm ! Tôi lại thấy trong đời có người căn thân chẳng đầy đủ mà giàu có thế lực lớn, có người thân thể hoàn bị mà nghèo cùng hèn hạ làm tôi làm tớ. Nếu có nhơn duyên cớ sao lại như vậy ?

Do đây nên các pháp đều riêng có tự tánh chẳng phải do nhơn duyên.

Thưa Cù Đàm ! Trong đời những trẻ nhỏ chưa phân biệt được năm trần, chúng nó hoặc cười hoặc khóc. Lúc cười biết nó mừng, lúc khóc biết nó buồn. Do đây nên biết tất cả pháp đều riêng có tự tánh.

Thưa Cù Đàm ! Thế pháp có hai : Có và không. Có là hư không, không là sừng thỏ. Hư không vì là có nên chẳng từ nơi nhơn duyên, sừng thỏ vì là không nên cũng chẳng từ nơi nhơn duyên. Do đây nên biết các pháp có tự tánh chẳng từ nơi nhơn duyên.

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Như lời ông nói tất cả pháp cũng như tánh của năm đại. Nghĩa này không đúng.

Vì như trong pháp của ông cho năm đại là thường, duyên cớ gì mà tất cả pháp đều chẳng phải là thường ? Nếu sự vật trong đời là vô thường, tánh của năm đại này duyên cớ gì chẳng phải vô thường. Nếu năm đại là thường thời lẽ ra sự vật trong đời cũng là thường. Do đây nên ông nói tánh của năm đại vì có tự tánh chẳng từ nơi nhơn duyên, khiến tất cả pháp đồng như năm đại, thời không đúng nghĩa.

Này Thiện nam tử ! Ông nói vì chỗ dùng nhứt định nên có tự tánh, nghĩa này không đúng. Vì tất cả đồ dùng đều từ nơi nhơn duyên mà được có danh tự, nếu đã từ nhơn duyên có danh tự thời cũng từ nhơn duyên mà có nghĩa.

Thế nào gọi là từ nhơn duyên mà có danh tự ? Như đồ trang sức ở trên trán thời tên là tràng, ở dưới cổ thời tên là chuỗi, ở nơi tay thời gọi là xuyến, và như ở nơi xe thời tên là bánh xe, lửa ở nơi cỏ cây thời tên là lửa cỏ, lửa cây.

Này Thiện nam tử ! Cây gỗ lúc mới sanh không có tánh mũi tên và cây lao. Vì từ nơi nhơn duyên thợ đẽo làm mũi tên, vì từ nơi nhơn duyên thợ đẽo làm cây lao. Do đây chẳng nên nói rằng tất cả pháp là có tự tánh.

Này Thiện nam tử ! Ông nói như con rùa sanh trên đất mà tánh tự nó có thể lặn xuống nước, bò con mới sanh ra tánh nó có thể uống sữa, lời này không đúng. Vì nó chẳng phải nhơn duyên mà rùa tự xuống nước, sao rùa lại chẳng vào lửa ? Đây là vì đều chẳng phải nhơn duyên. Bò con lúc sanh ra chẳng từ nơi nhơn duyên mà tánh nó tự có thể mút vú, sao bò con chẳng tự mút sừng ? Đây là đều chẳng phải nhơn duyên cả.

Này Thiện nam tử ! Nếu nói các pháp đều có tự tánh, chẳng cần dạy bảo tập làm, không có thêm lên, lời này không đúng nghĩa. Vì hiện nay thấy có sự dạy bảo, nhơn nơi dạy bảo mà được thêm lên. Do đây nên biết rằng không có tự tánh.

Này Thiện nam tử ! Nếu tất cả pháp có tự tánh riêng, thời hàng Bà La Môn chẳng nên vì được thân

thanh tịnh mà giết dê để cúng tế, nếu đã vì thân mà cúng tế thời nên biết rằng không có tự tánh.

Này Thiện nam tử ! Ngữ pháp của thế gian đại phàm có ba thứ : Muốn làm, lúc làm, làm rồi. Nếu tất cả pháp đều có tự tánh cớ sao thế gian lại có ba ngữ pháp này ? Đã có ba ngữ pháp này nên biết tất cả pháp đều không có tự tánh.

Này Thiện nam tử ! Nếu nói các pháp đều có tự tánh, nên biết các pháp đều có định tánh. Nếu có định tánh thời một thứ mía duyên cớ gì làm ra mật mía, đường, rượu, rượu đắng. Nếu chỉ có một tự tánh duyên cớ gì lại sanh ra nhiều vị như vậy ?

Nếu trong một thứ mà sanh ra nhiều thứ thời nên biết rằng các pháp chẳng phải là nhứt định riêng có một tự tánh.

Này Thiện nam tử ! Nếu tất cả pháp có tánh nhứt định, cớ gì Thánh nhơn uống nước mía, ăn đường, lúc thành rượu thời chẳng uống, lúc thành rượu đắng lại uống ? Do đây nên biết không có tánh nhứt định. Nếu đã không tánh nhứt định tại sao lại chẳng phải từ nhơn duyên mà có ?

Này Thiện nam tử ! Ông nói tất cả pháp đều có tự tánh, tại sao ông lại nói thí dụ ? Nếu đã có thí dụ thời nên biết rằng các pháp không có tự tánh. Người trí trong đời đều nói thí dụ, nên biết rằng các pháp không có tự tánh, không có tánh nhứt định.

Này Thiện nam tử ! Ông gạn hỏi thân có trước hay phiền não có trước, lời hỏi này không đúng. Vì nếu ta nói thân có trước, ông mới nên vấn nạn. Ông cũng đồng như ta cho thân chẳng có trước cớ gì lại vấn nạn như vậy.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh, thân cùng phiền não đều không có trước sau, là đồng một thời mà có. Dầu đồng một thời nhưng phải nhơn nơi phiền não mà được có thân, trọn chẳng nhơn nơi thân mà có phiền não.

Nếu trong ý ông cho rằng như đôi mắt của người đồng thời mà có, mắt tả chẳng nhơn hữu, mắt hữu chẳng nhơn mắt tả, phiền não và thân cũng như vậy. Ý nghĩ này chẳng đúng. Vì trong đời con mắt ngó thấy ngọn đèn cùng ánh sáng dầu là đồng một thời, nhưng ánh sáng cần phải nhơn nơi ngọn đèn, chẳng phải nhơn nơi ánh sáng mà có ngọn đèn.

Này Thiện nam tử ! Nếu ý ông cho rằng vì thân chẳng có trước nên biết là không nhơn duyên ý này chẳng đúng. Vì nếu cho rằng trước thân không có nhơn duyên nên gọi là không, thời ông chẳng nên nói tất cả các pháp không có nhơn duyên. Nếu nói vì chẳng thấy nên chẳng nói, nay thấy cái bình v.v... từ nơi nhơn duyên mà có, cớ sao chẳng nói như cái bình, nhơn duyên ở trước thân cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Thấy cùng chẳng thấy, tất cả các pháp có ra đều từ nơi nhơn duyên, không có tự tánh.

Này Thiện nam tử ! Nếu nói tất cả pháp đều có tự tánh không do nhơn duyên, cớ gì ông lại nói năm đại ? Tánh của năm đại này chính là nhơn duyên. Dầu năm đại là nhơn duyên như vậy, cũng chẳng nên nói rằng các pháp đều đồng năm đại làm nhơn duyên. Như người đời nói tất cả người xuất gia tinh tấn trì giới, bọn Chiên Đà La cũng phải tinh tấn trì giới như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ông nói năm đại có tánh chắc nhứt định. Theo ta thấy thời tánh này chuyển biến chẳng nhứt định. Tô, bạch lạp, hồ giao, những thứ này trong pháp của ông gọi là địa, địa này chẳng nhứt định, hoặc đồng với nước, hoặc đồng với đất, nên chẳng được nói rằng tự tánh cứng chắc.

Này Thiện nam tử ! Nhôm, chì, kẽm, đồng, sắt, vàng, bạc, những thứ này trong pháp của ông gọi là hỏa. Hỏa này có bốn tánh : Lúc chảy là tánh nước, lúc động là tánh gió, lúc nóng là tánh lửa, lúc cứng là tánh đất, sao lại nói rằng nhứt định gọi là hỏa tánh.

Này Thiện nam tử ! Tánh của nước gọi là chảy, nếu lúc nước đông cứng chẳng gọi là địa mà gọi là hỏa tánh, cớ gì lúc sóng động chẳng gọi là

phong ? Nếu nổi sóng chẳng gọi là phong, thời lúc đông đặc cũng chẳng nên gọi là hỏa. Nếu bốn tánh này từ nơi nhơn duyên, cớ sao nói rằng tất cả pháp chẳng từ nơi nhơn duyên ?

Này Thiện nam tử ! Nếu nói rằng năm căn, vì tánh nó hay thấy, nghe, giác, xúc, nên đều là có tự tánh chẳng từ nơi nhơn duyên. Lời này không đúng nghĩa. Vì tánh của tự tánh là không thể chuyển đổi. Nếu nói tánh của nhãn căn là thấy, lẽ ra phải thường thấy, chẳng nên có lúc thấy có lúc chẳng thấy. Do đây nên biết rằng nhãn căn thấy là có nhơn duyên, chẳng phải không nhơn duyên.

Này Thiện nam tử ! Ông nói chẳng phải nhơn nơi trần mà có tham cùng giải thoát, lời này không đúng nghĩa. Vì dầu chẳng phải do nơi năm trần mà có tham cùng giải thoát, nhưng vì ác giác quán thời sanh tham dục, vì thiện giác quán thời được giải thoát. Do nội nhơn duyên mà có tham cùng giải thoát, do ngoại nhơn duyên mà hai món này được tăng trưởng. Do đây nên lời ông nói tất cả pháp đều riêng có tự tánh, chẳng nhơn nơi năm trần sanh tham và giải thoát, là không đúng nghĩa.

Này Thiện nam tử ! Ông nói người thân thể đầy đủ lại nghèo thiếu chẳng tự do, người tàn tật thời giàu có tự do, nhơn đây chứng minh là có tự tánh, chẳng từ nơi nhơn duyên. Lời này chẳng đúng.

Này Thiện nam tử ! Chúng sanh do nơi nghiệp mà có quả báo. Quả báo này có ba : hiện báo, sanh báo và hậu báo. Những người nghèo cùng giàu có, lành lặn hay tàn tật, đều do nghiệp riêng khác. Nếu là có tự tánh, người lành lặn lẽ ra phải giàu có, người giàu có lẽ ra phải lành lặn. Nay chẳng như vậy, nên biết rằng không có tự tánh, mà đều từ nơi nhơn duyên.

Này Thiện nam tử ! Ông nói trẻ nhỏ chưa phân biệt được năm trần mà cũng khóc cũng cười, để chứng minh tất cả đều có tự tánh. Lời này chẳng đúng. Vì nếu có tự tánh lẽ ra cười phải thường cười, khóc phải thường khóc, chẳng nên một cười một khóc. Nếu đã một cười một khóc, thời biết rằng tất cả đều từ nhơn duyên. Do đây, chẳng nên nói rằng tất cả pháp đều có tự tánh chẳng từ nơi nhơn duyên.

Phạm Chí nói : "Bạch Thế Tôn ! Nếu tất cả pháp từ nhơn duyên mà có, thân thể này từ nhơn duyên nào ?".

- Này Thiện nam tử ! Phiền não cùng nghiệp là nhơn duyên của thân này.

- Bạch Thế Tôn ! Như thân này từ nơi phiền não và nghiệp mà có, vậy phiền não và nghiệp này có thể dứt được chăng ?

- Có thể dứt được.

- Bạch Thế Tôn ! Xin vì tôi giải nói, cho tôi được nghe liền đây đều dứt được phiền não và nghiệp.

- Này Thiện nam tử ! Nếu rõ biết hai bên và chặng giữa không chướng ngại, thời người này có thể dứt phiền não và nghiệp.

- Bạch Thế Tôn ! Tôi đã hiểu biết, đã được Chánh pháp nhãn.

- Ông biết thế nào ?

- Bạch Thế Tôn ! Hai bên là sắc và sắc giải thoát, trung gian chính là Bát chánh đạo. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

- Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Ông biết rõ hai bên phiền não và nghiệp.

- Bạch Thế Tôn ! Xin cho tôi xuất gia.

- Thiện Lai Tỳ Kheo !

Liền đó Nạp Y Phạm Chí dứt trừ phiền não trong ba cõi được quả A La Hán.

Lại có Bà La Môn Hoằng Quảng nói rằng : "Cù Đàm biết tâm niệm hiện tại của tôi chăng ?".

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Niết Bàn là thường, hữu vi là vô thường, cong là tà kiến, ngay là Thánh đạo".

- Cớ gì Cù Đàm nói như vậy ?

- Này Thiện nam tử ! Ý của ông thường cho rằng khất thực là thường, biệt thỉnh là vô thường, cong là cửa khóa, ngay là tràng của Thiên Đế. Do đây nên ta nói những lời vừa rồi, chẳng phải như chỗ suy nghĩ của ông.

- Cù Đàm thiệt biết được tâm niệm của tôi. Bát chánh đạo đó có thể làm cho chúng sanh tất cả đều được tận diệt chăng ?

Đức Thế Tôn nín lặng.

- Cù Đàm đã biết tâm niệm của tôi, nay tôi hỏi sao lại nín lặng mà chẳng đáp ?

Lúc đó Kiều Trần Như liền nói : "Này đại Bà La Môn ! Nếu có người hỏi thế gian là Hữu biên hay Vô biên, thời đức Như Lai thường nín lặng.

Này đại Bà La Môn ! Bát chánh đạo là ngay, Niết Bàn là thường, nếu tu Bát chánh đạo thời được diệt tận, nếu chẳng tu tập thời chẳng được.

Như thành lớn kia bốn vách chỉ có một cửa, người giữ cửa rất thông minh kẻ đáng cho đi thời cho, kẻ đáng ngăn thời ngăn lại, người này dầu chẳng biết được số người ra vào nhiều ít nhưng chắc chắn biết rằng tất cả người ra vào đều phải do người này.

Này đại Bà La Môn ! Đức Như Lai cũng như vậy. Thành lớn dụ cho Niết Bàn, cửa dụ Bát chánh đạo, người giữ cửa dụ đức Như Lai.

Nay đức Như Lai dầu chẳng trả lời là diệt tận cùng chẳng diệt tận, nhưng người được diệt tận, cần phải tu tập Bát chánh đạo này".

- Lành thay ! Lành thay ! Đại Đức Kiều Trần Như ! Đức Như Lai khéo nói pháp vi diệu. Nay tôi

thiệt muốn biết thành lớn, biết đạo, tự mình làm người giữ cửa.

Kiều Trần Như nói : "Lành thay ! Lành thay ! Ông có thể phát tâm vô thượng rộng lớn".

Phật nói : "Này Kiều Trần Như ! Ông Bà La Môn Hoằng Quảng này chẳng phải mới phát tâm vô thượng. Thuở quá khứ cách đây vô lượng kiếp có Phật ra đời hiệu là Phổ Quang Minh đầy đủ mười hiệu, ông Hoằng Quảng này ở chỗ đức Phật đó đã phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Trong Hiền Kiếp này Hoằng Quảng sẽ được thành Phật. Ông ấy từ lâu đã thông đạt pháp tướng, vì chúng sanh mà hiện ở ngoại đạo. Do đây nên Kiều Trần Như chẳng nên khen ông ấy là hiện nay có thể phát tâm vô thượng".

Lúc đó đức Thế Tôn đã biết mà hỏi Kiều Trần Như rằng : "A Nan Tỳ Kheo nay ở đâu ?".

Kiều Trần Như thưa : "Bạch Thế Tôn ! A Nan Tỳ Kheo ở ngoài rừng Ta La, cách đại hội này mười hai do tuần, đương bị sáu muôn bốn ngàn ức Thiên ma nhiễu loạn. Chúng Thiên ma này đều tự biến thân làm hình Như Lai mà tuyên nói những pháp khác nhau, hoặc lại thị hiện thần thông biến hóa.

Bạch Thế Tôn ! A Nan Tỳ Kheo nghe và thấy những việc này nghĩ rằng những thần thông biến hóa từ trước chưa từng thấy. Ai làm ra ? Hoặc giả đức Thích Ca Thế Tôn hiện ra chăng ? A Nan muốn

đúng dậy muốn nói, mà thân thể không theo ý muốn. A Nan lọt vào trong rọ của ma, tự nghĩ rằng : Chư Phật nói pháp riêng khác chẳng đồng, nay tôi nên lãnh thọ lời của Đức Phật nào ?

Bạch Thế Tôn ! Hiện nay A Nan rất khổ sở, dầu nghĩ nhớ đức Như Lai mà không ai cứu thoát, do đó nên chẳng đến trong đại chúng này".

Lúc đó Văn Thù Sư Lợi đại Bồ Tát bạch Phật rằng : "Thế Tôn ! Trong đại chúng này có hàng Bồ Tát đã từ một đời đến vô lượng đời phát tâm Bồ Đề, đã cúng dường vô lượng chư Phật, tâm chí bền chắc tu hành đầy đủ sáu môn Ba la mật, trọn nên công đức lớn, từ lâu đã gần gũi vô lượng chư Phật, phạm hạnh thanh tịnh, tâm Bồ Đề chẳng thối chuyển, đặng nhẫn bất thối, trì bất thối, được như pháp nhẫn, Thủ Lăng Nghiêm v.v... vô lượng tam muội. Hàng Bồ Tát này nghe kinh Đại thừa trọn chẳng sanh nghi mà có thể khéo phân biệt, tuyên nói Tam Bảo đồng một tánh tướng thường trụ bất biến. Nghe pháp bất tư nghì chẳng kinh sợ, nghe các pháp Không lòng chẳng rúng động, thông đạt rành rẽ tất cả pháp tánh, thọ trì được tất cả mười hai bộ kinh và hiểu rõ ý nghĩa, cũng có thể thọ trì mười hai bộ kinh của vô lượng chư Phật.

Hàng Bồ Tát này lo gì chẳng thọ trì được kinh Đại Niết Bàn này, cớ gì đức Như Lai lại hỏi Kiều Trần Như, A Nan ở đâu ?".

Đức Thế Tôn bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát : "Lóng nghe ! Lóng nghe ! Này Thiện nam tử ! Ngày trước ta thành Phật đã trải qua ba mươi năm, lúc ở thành Vương Xá, ta có bảo các Tỳ Kheo rằng nay trong đại chúng này ai có thể vì ta mà thọ trì mười hai bộ kinh, và cung cấp hầu hạ cho ta, cũng khiến nơi mình chẳng mất lợi lành. Lúc đó Kiều Trần Như đến bạch với ta để lãnh. Ta bảo Kiều Trần Như đã già yếu cần phải có người hầu hạ, sao lại muốn hầu hạ ta. Lúc đó Xá Lợi Phất cũng đến lãnh, ta cũng bảo Xá Lợi Phất như đã bảo Kiều Trần Như. Lần lượt đến năm trăm vị A La Hán, ta đều chẳng nhận làm thị giả.

Lúc đó Đại Mục Kiền Liên liền nhập chánh định quán sát biết ý của Phật muốn A Nan làm thị giả, liền xuất định nói với Kiều Trần Như.

Lúc đó Kiều Trần Như cùng năm trăm A La Hán đến nói với A Nan rằng : "Này A Nan ! Nay ông nên làm thị giả cho đức Như Lai, nên đến thưa với đức Như Lai để nhận lấy việc ấy".

A Nan nói : "Thưa chư Đại Đức ! Thiệt tôi chẳng kham hầu hạ Như Lai. Vì đức Như Lai tôn trọng như Sư Tử Vương, như Rồng, như lửa, tôi thời yếu đuối nhơ nhớp đâu có thể kham được".

Các A La Hán khuyên bảo A Nan đến lần thứ ba, A Nan vẫn từ chối.

Đại Mục Kiền Liên nói rằng : "Này A Nan, nay ông chưa rõ biết duyên cớ".

A Nan thưa : Bạch Đại Đức xin nói cho.

Đại Mục Kiền Liên nói : Vừa rồi đức Như Lai cầu thị giả, năm trăm A La Hán đều xin lãnh mà đức Như Lai chẳng bằng lòng. Tôi nhập định thấy ý của Như Lai muốn cho ông làm. Sao ông trở lại chẳng chịu.

A Nan nghe xong liền quỳ chấp tay thưa rằng : "Bạch chư Đại Đức ! Nếu có việc như vậy, đức Thế Tôn cho tôi ba điều nguyện, tôi sẽ tuân mạng lịnh chư Tăng mà làm thị giả.

Một là giả sử đức Như Lai đem y cũ ban cho tôi, xin cho phép tôi chẳng nhận. Hai là giả sử đức Như Lai thọ biệt thỉnh của đàn việt, xin cho phép tôi chẳng đi theo. Ba là xin cho phép tôi ra vào không luận là giờ khắc nào.

Nếu đức Thế Tôn bằng lòng ba điều nguyện này, thời tôi xin tuân mạng lịnh chư Tăng mà làm thị giả cho Như Lai".

Kiều Trần Như cùng năm trăm A La Hán đem việc trên mà bạch lại với Phật.

Đức Thế Tôn khen ngợi A Nan rằng : "Lành thay ! Lành thay ! A Nan Tỳ Kheo có đủ trí huệ dự thấy mà tránh trước sự cơ hiềm. Vì sẽ có người cho rằng vì y thực mà A Nan hầu hạ đức Như Lai, nên A

Nan xin phép chẳng lãnh y cũ và chẳng theo Phật thọ biệt thỉnh. Lại A Nan có đủ trí huệ, biết rằng nếu ra vào có giờ thời không thể làm lợi ích rộng cho bốn bộ chúng, nên A Nan xin phép ra vào không luận giờ nào.

Ta bằng lòng cho phép A Nan ba điều như A Nan đã xin".

Đại Mục Kiền Liên trở lại bảo A Nan rằng : "Chúng tôi đã đem lời ông yêu cầu bạch lên đức Như Lai. Đấng Đại từ đã bằng lòng".

A Nan thưa : "Bạch Đại Đức ! Nếu Như Lai đã bằng lòng, tôi xin qua làm thị giả".

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi : "Hơn hai mươi năm nay, A Nan hầu hạ có đủ tám điều chẳng thể nghĩ bàn :

Một là hơn hai mươi năm, A Nan không bao giờ theo ta thọ biệt thỉnh.-Hai là không bao giờ lãnh lấy y cũ của ta. - Ba là không bao giờ đến ta mà phi thời. - Bốn là dầu còn đủ phiền não, nhưng khi theo ta vào cung vua, đến nhà sang giàu, thấy các người nữ, Thiên nữ, Long nữ, A Nan không bao giờ có dục tâm. - Năm là mười hai bộ kinh của ta nói ra, nghe qua một lần A Nan đều nhớ rõ chẳng cần hỏi lại, như nước trong bình này rót qua bình kia, chỉ trừ một lần hỏi : Thuở Lưu Ly Thái Tử giết hại họ Thích Ca, phá thành Ca Tỳ La, A Nan buồn khổ khóc lóc đến bạch với ta rằng tôi cùng Như Lai đồng sanh trưởng trong thành này, đồng một

họ Thích, tại sao dung nhan của Như Lai như thường, mà tôi thời tiều tụy. Ta đáp A Nan rằng vì ta tu không định nên chẳng đồng như ông.

Ba năm sau, A Nan trở lại hỏi ta rằng : Bạch Thế Tôn ! Tôi qua thành Ca Tỳ La kia từng nghe đức Như Lai tu không tam muội, việc đó là hư hay thật ? Ta bảo A Nan đúng như vậy. - Sáu là từ khi hầu hạ ta đến nay, dầu chưa được tha tâm trí, mà A Nan thường biết những chánh định của Như Lai nhập. - Bảy là từ khi hầu ta đến nay, dầu chưa được nguyện trí, mà A Nan có thể biết rõ người này đến chỗ Như Lai hiện tại có thể được bốn quả Sa Môn, người này ngày sau sẽ được, người này sẽ được thân trời hay thân người. - Tám là từ khi hầu ta đến nay, những lời bí mật của Như Lai, A Nan đều biết được cả.

Này Văn Thù Sư Lợi ! A Nan Tỳ Kheo có đủ tám điều Bất tư nghì như vậy nên ta gọi A Nan là đa văn tạng.

Này Văn Thù Sư Lợi ! A Nan lại có đủ tám pháp nên có thể thọ trì hoàn toàn mười hai bộ kinh : Một là tín căn kiên cố, hai là tâm ý chất trực, ba là thân không bịnh, bốn là thường tinh tấn, năm là có đủ niệm tâm, sáu là không kiêu mạn, bảy là thành tựu định ý, tám là có đủ trí huệ do nghe pháp mà sanh.

Này Văn Thù Sư Lợi ! Thị giả của Phật Tỳ Bà Thi tên là A Thúc Ca cũng có đủ tám pháp như vậy.

Thị giả của Phật Thi Khí tên là Sai Ma Ca La, thị giả của Phật Tỳ Xá Phù tên là Ưu Ba Phiến Đà, thị giả của Phật Câu Lưu Tôn tên là Bạt Đề, thị giả của Phật Câu Na Hàm Mâu Ni tên là Tô Đàn, thị giả của Phật Ca Diếp tên là Diệp Đà Mật Đa, đều cũng có đủ tám pháp như vậy. Nay A Nan thị giả của ta cũng có đủ tám pháp ấy, nên ta gọi A Nan là đa văn tạng.

Này Văn Thù Sư Lợi ! Trong đại chúng này dầu có vô lượng vô biên Bồ Tát, nhưng các Bồ Tát này đều có trọng nhiệm là đại từ đại bi, đều có công vụ gấp rút : Điều phục quyến thuộc và trang nghiêm tự thân. Do đây nên sau khi ta nhập Niết Bàn, những vị này không thể tuyên thông mười hai bộ kinh. Nếu có Bồ Tát hoặc có lúc tuyên thuyết mà người chẳng tin thọ.

Này Văn Thù Sư Lợi ! A Nan Tỳ Kheo là em của ta, hầu hạ ta hơn hai mươi năm, những pháp được nghe đều thọ trì đầy đủ như nước rót vào một cái bình. Nên ta cố hỏi A Nan ở đâu, muốn khiến A Nan thọ trì kinh Đại Niết Bàn này.

Này Văn Thù Sư Lợi ! Sau khi ta nhập Niết Bàn, những pháp mà A Nan được nghe, ông ấy tự có thể tuyên thông, những pháp A Nan chưa được nghe thời Hoằng Quảng Bồ Tát có thể lưu bố.

Này Văn Thù Sư Lợi ! Nay A Nan ở cách ngoài đại hội này mười hai do tuần, đương bị sáu muôn

bốn ngàn ức Thiên ma não loạn, ông nên qua đó nói lớn rằng : Tất cả loài ma nên lóng nghe ! Nay đức Như Lai nói đại Đà La Ni, tất cả Thiên long Bát bộ cùng chư vị Thần kỳ đều cung kính thọ trì Đà La Ni này. Mười hằng hà sa chư Phật cũng đồng tuyên nói Đà La Ni này. Đà La Ni này có thể chuyển thân nữ, tự biết túc mạng. Nếu thọ trì năm điều : Phạm hạnh, đoạn nhục, đoạn tửu, đoạn tâm, thích ở vắng lặng, rồi chí tâm, tín thọ, đọc tụng, biên chép Đà La Ni này, người này sẽ được vượt khỏi bảy mươi bảy ức thân tệ ác.

Liền đó đức Thế Tôn nói thần chú :

- A Ma Lệ, Tỳ Ma Lệ, Niết Ma Lệ, Mông Già Lệ, Hê Ma La Nhã Kiệt Bệ, Tam Mạn Na Bạt Đề Lệ, Ta Bà La Đà Ta Đàn Ni, Ba La Ma Tha Ta Đàn Ni, Ma Na Tư, A Chuyết Đề, Tỳ La Kỳ, Am Ma Lại, Đàn Bà Táp Ma, Tá Lệ Phú La Nê, Phú La Na, Ma Nô Lại Đệ.

Lúc đó Văn Thù Sư Lợi lãnh Đà La Ni này đến chỗ A Nan y theo lời Phật to tiếng bảo chúng ma.

Ma Vương nghe Đà La Ni này rồi liền phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, bỏ nghiệp ma và thả A Nan.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát cùng A Nan đồng đến chỗ Phật. A Nan thấy Phật chí tâm kỉnh lễ.

Phật bảo A Nan, ngoài rừng Ta La này có một Phạm Chí tên Tu Bạt Đà La đã một trăm hai mươi tuổi, ông ấy dầu được ngũ thông mà chưa bỏ kiêu

mạn, được Phi phi Tưởng định cho là Nhứt thiết trí đã được Niết Bàn. Ông nên đến nói với Tu Bạt Đà La rằng : Đức Như Lai ra đời như hoa Ưu Đàm. Giữa đêm nay đức Như Lai sẽ nhập Niết Bàn. Nếu có chỗ phải làm nên làm kịp thời, chớ để ngày sau sanh lòng hối hận.

Ông nói, Tu Bạt Đà La chắc sẽ tin thọ. Vì ông thuở quá khứ đã từng năm trăm đời làm con trai của Tu Bạt Đà La. Lòng yêu thương của ông ấy vẫn còn, nên có thể tin thọ lời của ông.

A Nan tuân lời Phật đến nói với Tu Bạt Đà La.

Tu Bạt Đà La bảo rằng : "Lành thay ! Thưa Ngài A Nan ! Nay tôi sẽ đến chỗ Như Lai".

A Nan cùng Tu Bạt Đà La trở về ra mắt Phật.

Thăm hỏi xong, Tu Bạt Đà La nói : "Thưa Cù Đàm ! Nay tôi muốn xin hỏi Ngài đáp cho".

Phật liền hứa khả.

Tu Bạt Đà La nói : "Thưa Cù Đàm ! Có các nhà Sa Môn, Bà La Môn nói rằng tất cả chúng sanh thọ báo khổ vui đều theo nơi nghiệp đã tạo ra ngày trước. Do đây nếu có người trì giới tinh tấn, thân tâm chịu khổ thời phá hoại được nghiệp đời trước. Nghiệp cũ đã hết thời quả khổ cũng dứt hết, khổ đã dứt thời chứng được Niết Bàn. Nghĩa trên đây là thế nào ?".

- Này Thiện nam tử ! Nếu có Sa Môn hay Bà La Môn nói như vậy, ta sẽ vì xót thương mà thường đến chỗ người ấy để hỏi rằng : Quả thiệt Ngài có nói như vậy chăng ? Nếu họ đáp là có và họ bảo rằng vì họ thấy chúng sanh làm điều ác mà giàu sang tự tại, lại thấy người làm lành mà nghèo hèn mất tự do, lại thấy có người ra công ra sức nhiều mà không có của, thấy kẻ ở không tự nhiên có của, có người từ tâm chẳng sát sanh mà chết yểu, thấy kẻ ưa sát sanh lại sống lâu, có người tinh tấn trì giới Phạm hạnh thanh tịnh hoặc được giải thoát hoặc chẳng được, do đây nên nói rằng tất cả chúng sanh thọ khổ báo vui đều do nghiệp nhơn ngày trước.

Này Tu Bạt Đà La ! Ta sẽ hỏi họ các Ngài có thiệt thấy nghiệp quá khứ chăng ? Nếu có, nghiệp ấy nhiều hay ít ? Khổ hạnh hiện tại phá được nhiều ít ? Các Ngài biết được nghiệp này đã hết hay chẳng hết chăng ? Nghiệp này đã hết là hết tất cả chăng ? - Nếu họ đáp là họ thiệt chẳng biết, thời ta sẽ vì họ mà dẫn thí dụ : Như có người thân bị tên độc, gia quyến rước y sĩ đến để nhổ mũi tên độc, lấy độc xong người đó được lành mạnh. Sau đó mười năm, người này còn nhớ rõ ràng : Y sĩ đó nhổ tên độc cho tôi rồi dùng thuốc thoa đắp khiến tôi được lành mạnh an vui.

Các Ngài đã chẳng biết nghiệp nhơn quá khứ làm sao biết được khổ hạnh hiện tại quyết định phá được nghiệp quá khứ ?

Nếu họ nói rằng : Nay Cù Đàm cũng có nghiệp quá khứ, cớ sao lại riêng trách nghiệp quá khứ của chúng tôi ? Trong kinh của Cù Đàm cũng nói rằng : Nếu thấy người giàu sang tự tại, thời nên biết người này đời trước ưa bố thí. Như vậy chẳng phải gọi là nghiệp quá khứ ư ?

Ta bảo họ rằng : Này các Ngài ! Biết như vậy gọi là tĩ tri, chẳng gọi là chơn tri. Trong Phật pháp hoặc có do nhơn mà biết quả, hoặc có do quả mà biết nhơn. Trong Phật pháp có nghiệp quá khứ, có nghiệp hiện tại. Các Ngài thời chẳng như vậy, chỉ có nghiệp quá khứ mà không biết nghiệp hiện tại.

Phật pháp của ta do nơi phương tiện mà dứt nghiệp, giáo pháp của các Ngài thời chẳng từ nơi phương tiện mà dứt nghiệp.

Giáo pháp của các Ngài cho rằng nghiệp đã hết thời hết khổ, Phật pháp của ta thời phiền não đã hết nghiệp và khổ cũng hết. Do đây nên ta trách nghiệp quá khứ của các Ngài.

Nếu họ nói rằng : Thưa Cù Đàm ! Chúng tôi thiệt chẳng biết, đó là lời của Thầy chúng tôi, không phải lỗi của chúng tôi.

Ta sẽ bảo họ rằng Thầy của các Ngài là ai ? Nếu họ đáp là Phú Lan Na. Thời ta lại bảo họ rằng : "Trước kia sao các Ngài chẳng thưa hỏi cho rõ ràng coi Thầy của các Ngài có thiệt biết nghiệp quá khứ

không ? Nếu Thầy của các Ngài bảo là chẳng biết, tại sao các Ngài lại nhận lấy lời ấy. Nếu Thầy của các Ngài bảo là biết thời nên hỏi rằng : Hạ khổ làm nhơn duyên có thọ trung và thượng khổ chăng ? Trung khổ làm nhơn duyên có thọ hạ và thượng khổ chăng ? Thượng khổ làm nhơn duyên có thọ hạ và trung khổ chăng ? Nếu đáp là không thời nên lại hỏi : Sao nhà Thầy nói báo khổ vui chỉ do nghiệp quá khứ mà chẳng phải nghiệp hiện tại ?

Lại nên hỏi : Khổ hiện tại, quá khứ có chăng ? Nếu quá khứ có khổ thời nghiệp quá khứ đều đã dứt hết, nếu đã đều dứt hết sao lại còn thọ lấy thân ngày nay ? Nếu quá khứ không khổ chỉ có nơi hiện tại, tại sao lại nói chúng sanh khổ vui đều do nghiệp quá khứ ?

Này các Ngài ! Nếu cho rằng khổ hạnh hiện tại có thể phá hoại nghiệp quá khứ, lại lấy gì để phá khổ hạnh hiện tại ? Nếu như chẳng phá thời khổ là thường, nếu khổ là thường sao lại nói rằng được giải thoát khổ ? Nếu lại có hạnh nghiệp phá hoại khổ hạnh, thời quá khứ đã hết tại sao có khổ ?

Này các Ngài ! Khổ hạnh như vậy có thể làm cho nghiệp vui thọ lấy quả khổ chăng ? Có thể làm cho nghiệp khổ thọ lấy quả vui chăng ? Có thể làm cho nghiệp không khổ không vui chẳng thọ quả chăng ? Có thể làm cho báo hiện tại thành báo đời kế chăng ? Có thể làm cho báo đời kế thành báo hiện tại chăng ? Có thể làm cho hai báo này thành không quả báo chăng ?

Có thể làm cho định báo thành không quả báo chăng ? Có thể làm cho không quả báo thành định báo chăng ?

Nếu họ trả lời rằng không thể được, ta sẽ bảo rằng : Này các Ngài ! Nếu như không thể được, duyên cớ gì các Ngài lại thọ khổ hạnh này ?

Các Ngài nên biết rằng quyết định có nghiệp quá khứ và nhơn duyên hiện tại. Do đây nên tôi nói nhơn nơi phiền não mà sanh ra nghiệp, nhơn nơi nghiệp mà thọ quả báo.

Các Ngài nên biết rằng tất cả chúng sanh có nghiệp quá khứ và có nhơn hiện tại. Dầu chúng sanh có nghiệp sống lâu quá khứ, nhưng phải nhờ nhơn duyên ăn uống hiện tại. Nếu nói chúng sanh thọ khổ thọ vui quyết định chỉ do nơi nghiệp quá khứ thời không phải. Vì như có người trừ được kẻ thù cho nhà vua, do đây mà được vua ban cho nhiều của báu, do có nhiều tiền của mà hiện tại được sung sướng. Người này hiện tại làm nhơn sung sướng nên thọ báo sung sướng hiện tại. Lại như có người giết chết Vương Tử, do đây mà phải bị tru lục. Người này hiện tại tạo nhơn khổ nên phải thọ báo khổ hiện tại.

Này các Ngài ! Tất cả chúng sanh hiện tại nhơn nơi tứ đại, thời tiết, đất đai, nhơn dân mà thọ khổ thọ vui. Do đây nên ta nói tất cả chúng sanh bất tất đều nhơn nơi nghiệp đời trước mà thọ khổ, thọ vui.

Này các Ngài ! Nếu do nhơn duyên dứt nghiệp mà được giải thoát, thời tất cả Thánh nhơn chẳng được giải thoát. Vì bổn nghiệp quá khứ của tất cả chúng sanh là vô thỉ vô chung. Do đây nên ta nói lúc tu Thánh đạo, Thánh đạo này có thể ngăn nghiệp vô thỉ vô chung.

Này các Ngài ! Nếu thọ khổ hạnh bèn đắc đạo đó, thời tất cả loài súc sanh lẽ ra đều đắc đạo. Do đây nên phải trước điều phục tâm mình mà chẳng điều phục thân. Vì thế nên trong kinh ta nói chặt đốn rừng này chớ chặt đốn cây, vì do nơi rừng sanh kinh sợ chẳng phải do cây. Muốn điều phục thân phải trước điều phục tâm. Tâm dụ như rừng, thân dụ như cây.

Tu Bạt Đà La thưa : "Bạch Thế Tôn ! Tôi đã trước điều phục tâm rồi".

Phật nói : Này Thiện nam tử ! Nay ông làm thế nào có thể trước điều phục tâm ông ?

- Bạch Thế Tôn ! Tôi trước suy nghĩ rằng : Dục ái là vô thường, vô lạc, vô tịnh, quán sát sắc là thường, lạc, ngã, tịnh. Suy nghĩ như vậy rồi kiết sử cõi Dục dứt mà được sắc xứ, nên gọi là trước điều phục tâm.

Kế đó tôi quán sát sắc là vô thường : Như mụn nhọt, mụn ghẻ, như thuốc độc, như mũi tên thấy vô sắc là thường tịch tịnh trong sạch. Quán sát như vậy

rồi kiết sử cõi Sắc dứt mà được Vô sắc xứ. Do đây nên gọi là trước điều phục tâm.

Kế đó tôi lại quán sát tưởng là vô thường như nhọt, như ghẻ, như độc, như tên. Quan sát như vậy rồi được Phi tưởng Phi phi Tưởng xứ. Phi phi Tưởng xứ này là Nhứt thiết trí vắng lặng thanh tịnh thường hằng bất biến không sa đọa. Do đây nên tôi có thể điều phục lấy tâm mình.

Phật nói : "Này Thiện nam tử ! Như thế thời ông đâu có điều phục được tâm ! Phi Tưởng Phi Phi Tưởng xứ định của ông được vẫn còn gọi là tưởng, Niết Bàn là vô tưởng, sao ông nói rằng chứng được Niết Bàn ?

Này Thiện nam tử ! Trước ông đã có thể nhàm trách thô tưởng, nay ông lại tham trước nơi tế tưởng. Chẳng biết nhàm trách Phi Tưởng Phi Phi Tưởng xứ định, định này vẫn gọi là tưởng như nhọt, như ghẻ như độc, như tên.

Này Thiện nam tử ! Thầy của ông là Uất Đầu Lam Phất thông minh lanh lợi còn không thể dứt được Phi Tưởng Phi Phi Tưởng xứ này mà phải thọ lấy thân ác đạo, huống là những kẻ khác.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào có thể dứt được tất cả các cõi ?

- Này Thiện nam tử ! Người quán thiệt tướng có thể dứt tất cả các cõi.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là thiệt tướng ?

- Này Thiện nam tử ! Tướng vô tướng gọi là thiệt tướng.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là tướng vô tướng ?

- Này Thiện nam tử ! Tất cả pháp không tự tướng, không tha tướng và không tự tha tướng, không tướng vô nhơn, không tướng tác, không tướng thọ, không tướng tác giả, không tướng thọ giả, không tướng pháp, tướng phi pháp, không tướng nam nữ, không tướng sĩ phu, không tướng vi trần, không tướng thời tiết, không tướng làm ra mình, không tướng làm ra người, không tướng làm ra mình ra người, không tướng có tướng không, không tướng sanh, tướng sanh giả, không tướng nhơn, tướng nhơn nhơn, không tướng quả, tướng quả quả, không tướng ngày đêm, không tướng sáng tối, không tướng kiến tướng, kiến giả, không tướng văn tướng văn giả, không tướng giác tri, tướng giác tri giả, không tướng Bồ Đề, không tướng đắc Bồ Đề giả, không tướng nghiệp, tướng nghiệp chủ, không tướng phiền não, tướng phiền não chủ.

Này Thiện nam tử ! Những tướng như vậy tùy theo chỗ nó diệt thời gọi là tướng chơn thiệt. Tất cả pháp đều gọi là hư giả, tùy theo chỗ nó diệt thời gọi là thiệt. Đây gọi là thiệt tướng, là Pháp giới, là Tất cánh trí, là Đệ nhứt nghĩa đế, là Đệ nhứt nghĩa không.

Này Thiện nam tử ! Nơi thiệt tướng này, người hạ trí quán đó thời được Thanh Văn Bồ Đề, người trung trí quán đó thời được Duyên Giác Bồ Đề, người thượng trí quán đó thời được Vô Thượng Bồ Đề.

Lúc Phật nói pháp này, có mười ngàn Bồ Tát chứng được Nhứt sanh thật tướng, có mười lăm ngàn Bồ Tát chứng được Nhị sanh pháp giới, có hai mươi lăm ngàn Bồ Tát được Tất cánh trí, có ba mươi lăm ngàn Bồ Tát ngộ Đệ nhứt nghĩa đế. Đệ nhứt nghĩa đế này cũng gọi là Đệ nhứt nghĩa không, cũng gọi là Thủ Lăng Nghiêm tam muội. Lại có bốn mươi lăm ngàn Bồ Tát được Hư không tam muội, Hư không tam muội này cũng gọi là Quảng đại tam muội, cũng gọi là Trí ấn tam muội. Năm mươi lăm ngàn Bồ Tát được Bất thối nhẫn, Bất thối nhẫn này cũng gọi là như pháp nhẫn, cũng gọi là như Pháp giới. Có sáu mươi lăm ngàn Bồ Tát được Đà La Ni, Đà La Ni này cũng gọi là Đại niệm tâm, cũng gọi là Vô ngại trí. Có bảy mươi lăm ngàn Bồ Tát được Sư tử hống tam muội, tam muội này cũng gọi là Kim Cang tam muội, cũng gọi là ngũ Trí ấn tam muội. Có tám mươi lăm ngàn Bồ Tát được bình đẳng tam muội, tam muội này cũng gọi là Đại từ Đại bi. Có vô lượng hằng hà sa chúng sanh phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, vô lượng hằng hà sa chúng sanh phát tâm Duyên Giác, vô lượng hằng hà sa chúng sanh phát tâm Thanh Văn. Có hai muôn ức nhơn nữ và Thiên nữ hiện đời chuyển thân nữ được thân nam.

(*) Lúc đó Tu Bạt Đà La nghe đức Phật nói pháp thậm thâm vi diệu, được pháp nhãn thanh tịnh bỏ tà kiến xin xuất gia.

Phật nói : "Lành thay ! Lành thay ! Thiện Lai Tỳ Kheo !".

Tu Bạt Đà La vui mừng hớn hở, râu tóc tự rụng thành tướng Sa Môn, dứt hết phiền não đặng quả A La Hán.

Được chứng quả rồi, Tu Bạt Đà La chiêm ngưỡng Tôn nhan, đầu mặt đảnh lễ chơn Phật, quỳ chấp tay tự trách tội lỗi ngày trước của mình mà bạch Phật rằng : "Bạch Thế Tôn ! Tôi rất hờn thân độc này nhiều kiếp đến nay luôn khi dối, làm cho tôi chìm mãi trong vô minh tà kiến trôi đắm theo giáo pháp của ngoại đạo. Rất đau đớn thay ! Thân này làm hại quá nhiều. May mắn thay ! Nay nhờ ơn Như Lai mà được vào chánh pháp.

Trí huệ của đức Thế Tôn như biển cả, lòng từ bi của đức Thế Tôn vô lượng. Tôi tự suy xét dầu nhiều kiếp nát thân cũng chưa báo được ơn đức này".

Tu Bạt Đà La buồn khóc rơi lệ không thể tự ngăn được, lại bạch Phật rằng : "Bạch Thế Tôn ! Tôi tuổi đã già suy, không còn sống bao lâu, bị hành khổ bức não. Xin đức Thế Tôn nán lại để dạy dỗ chớ nhập Niết Bàn".

(*) Hán bộ quyển thứ 41.

Đức Thế Tôn nín lặng chẳng hứa.

Thỉnh Phật chẳng được, Tu Bạt Đà La sầu khổ kêu to lên rằng : "Khổ thay ! Khổ thay ! Thế gian trống rỗng ! Thế gian trống rỗng ! Nay cớ gì sự kinh sợ lớn liền đến, khắp nơi phải khổ não.

Than ôi ! Chúng sanh phước đã hết, huệ nhãn đã dứt".

Than xong, ông càng khóc lóc nghẹn nghào, cả mình ứng máu, té xuống trước Phật hôn mê ngất xỉu.

Giây lâu tỉnh lại, ông nghẹn ngào rơi lệ mà bạch Phật rằng : "Bạch Thế Tôn ! Nay tôi không nỡ thấy đức Như Lai nhập Niết Bàn, xin đức Thế Tôn cho phép tôi diệt thận này trước, rồi sau đức Thế Tôn sẽ nhập Niết Bàn".

Bạch xong, Tu Bạt Đà La liền ở trước Phật mà nhập Niết Bàn.

Lúc đó có vô số hằng hà sa Bồ Tát, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thiên, Nhơn, A Tu La v.v... đồng kêu to lên rằng : "Khổ thay ! Khổ thay ! Cớ sao đấng Chánh giác lại sớm bỏ lìa khiến chúng tôi không có chủ, không chỗ về, không nơi nương không chỗ đến".

Đại chúng buồn than khóc lóc đấm ngực té xỉu. Tiếng kêu khóc khắp cõi Đại thiên.

Lúc đó đức Thế Tôn bảo khắp đại chúng : "Chớ quá khóc lóc như trẻ nít. Đại chúng phải cố dằn chớ để tâm mê loạn !

Đại chúng ở trong biển lớn sanh tử phải siêng năng tu hành cho tâm được thanh tịnh, chớ để mất chánh niệm, chánh huệ, phải gấp cầu chánh trí mau thoát khỏi các cõi. Nếu thọ thân trong ba cõi thời bị khổ luân hồi không ngằn mé, vô minh là ông chủ, ân ái là Ma vương, sai khiến thân tâm như tôi tớ, duyên theo trần cảnh tạo nghiệp sanh tử, tham sân si niệm niệm làm hại, từ vô lượng kiếp đến nay thường thọ lấy sự khổ não. Đâu có người trí mà chẳng đi ngược lại nguồn sanh tử này !

Đại chúng nên biết rằng từ nhiều kiếp đến nay ta đã nhập Đại Niết Bàn, không còn có ấm giới nhập, mà đã dứt hẳn các cõi, thường ở trong bảo tạng Kim cang thường, lạc, ngã, tịnh. Hôm nay ta ở nơi đây thị hiện sức phương tiện bất tư nghì mà nhập Đại Niết Bàn đồng với pháp thế gian. Đó là ta muốn cho chúng sanh rõ biết thân như chớp nhoáng, giòng họ sanh tử chảy quá mau, những hành pháp luân chuyển vô thường lẽ phải như vậy.

Như Lai nhập Đại Niết Bàn là rất sâu, rất sâu chẳng thể nghĩ bàn, là cảnh giới của chư Phật Bồ Tát, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được.

Đức Phật lại bảo đại chúng : "Tu Bạt Đà La đây đã từng cúng dường hằng hà sa chư Phật, đã trồng sâu căn lành, do sức đại nguyện, ông ấy thường xuất gia trong phái ngoại đạo Ni Kiền Tử, dùng phương tiện huệ để dắt dẫn chúng sanh tà kiến cho họ được vào chánh trí. Tu Bạt Đà La nương nơi bổn nguyện lực, hôm nay được gặp ta sắp nhập Niết Bàn, được nghe chánh pháp, được quả A La Hán. Đã được quả rồi lại nhập Niết Bàn.

Từ khi ta thành Phật độ A Nhã Kiều Trần Như, đến sắp nhập Niết Bàn độ Tu Bạt Đà La, công việc của ta đã trọn vẹn, dầu ta có ở mãi lại cũng không có gì khác với ngày nay".

Nói xong đức Thế Tôn lại xướng rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Tu Bạt Đà La vì báo ân Phật mà nhập Niết Bàn. Đại chúng phải nên cúng dường thi hài của ông ấy và xây lập tháp miếu".

Lúc đó đại chúng buồn khổ thảm thiết, gạt lệ dằn lấy lòng, y theo lời Phật dạy, dùng gỗ thơm trà tỳ thi hài của Tu Bạt Đà La.

Đương lúc thiêu, thi hài của Tu Bạt Đà La ở trong lửa phóng ánh sáng lớn, hiện đủ mười tám sự biến hóa : Trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, hông mặt ra lửa, hông trái ra nước, hiện thân lớn khắp trong hư không rồi lại hiện nhỏ v.v...

Lúc đó trong đại chúng có vô lượng ngoại đạo tà kiến được chánh kiến phát tâm Bồ Đề.

Sau khi hiện thần thông, thi hài của Tu Bạt Đà La trở vào trong lửa.

Trà tỳ xong, đại chúng thâu lấy Xá lợi, dựng tháp cúng dường.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

XXVI

PHẨM DI GIÁO

Thứ hai mươi sáu

Lúc bấy giờ đức Phật bảo A Nan và đại chúng : "Sau khi ta diệt độ, hàng tứ chúng phải siêng hộ trì kinh Đại Niết Bàn của ta. Trong vô lượng vô số kiếp ta tu tập pháp Đại Niết Bàn khó đặng này, nay đã giải thuyết rõ ràng cho đại chúng.

Các người nên biết pháp Đại Niết Bàn này là bảo tạng Kim Cang thường, lạc, ngã, tịnh hoàn toàn viên mãn của tất cả chư Phật. Tất cả chư Phật đều ở nơi pháp Đại Niết Bàn này mà nhập Niết Bàn. Pháp này là pháp tối hậu rốt ráo chí lý cùng tột không thiếu sót. Chư Phật đều phóng xả thân mạng nơi đây, do đó nên gọi là Đại Niết Bàn.

Đại chúng muốn đặng chơn thật báo ân Phật, mau chứng Bồ Đề, được chư Phật rờ đầu, đời đời sanh ra chẳng mất chánh niệm, thập phương chư Phật

thường hiện trước mình ngày đêm giữ gìn làm cho tất cả mọi người được pháp xuất thế, thời phải siêng năng tu tập kinh Đại Niết Bàn này.

Phật bảo A Nan : "Lúc ta chưa thành Phật thị hiện vào trong pháp ngoại đạo của Uất Đầu Lam Phất, tu học tứ Thiền bát định.

Từ khi ta thành Phật đến nay bác bỏ những pháp ấy khuyến dụ lần lần các phái ngoại đạo, cuối cùng đến ông Tu Bạt Đà La, cho họ đều vào Phật đạo.

Đức Như Lai dùng đuốc đại trí đốt tràng tà kiến, như đem lá cỏ khô ném vào trong ngọn lửa lớn.

Này A Nan ! Nay những người giòng Thích Ca ta rất lo nghĩ đến họ. Sau khi ta nhập Niết Bàn, ông phải siêng năng đem điều lành dạy răn, hàng quyến thuộc của ta, hết lòng dạy dỗ cho họ được diệu pháp. Chớ để họ phóng dật tán tâm chơi bời hoặc theo tà pháp.

Người chưa thoát khỏi sự thống khổ trong ba cõi phải sớm cầu giải thoát. Phải lo sợ chốn ngũ trược ái dục này, một khi mất thân người rất khó được lại, trọn đời phải thường soi xét. Khó lấy tình để cầu thoát khỏi quỉ vô thường.

Phải thương xót chúng sanh, chớ giết hại dầu là côn trùng nhỏ nhít.

Thân nghiệp thanh tịnh thường sanh cõi tốt đẹp. Khẩu nghiệp thanh tịnh xa lìa những lỗi ác. Chớ ăn thịt, chớ uống rượu.

Điều phục con rắn tâm cho nó vào đạo quả.

Phải suy nghĩ kỹ nghiệp nhơn thiện ác cảm báo tốt xấu. Nhơn quả trong ba đời tuần hoàn chẳng mất, như bóng theo hình. Đời này luống qua về sau ăn năn không kịp.

Giờ Niết Bàn đã đến, ta tóm tắt dạy bảo như vậy.

A Nan nghe lời Phật dạy, thân thể run, tâm động, buồn khóc nghẹn ngào, mê muội té xuống trước mặt Phật như người chết.

Lúc đó ngài A Nâu Lâu Đà an ủi A Nan rằng : "Đâu nên quá sầu khổ như vậy ! Đã đến giờ đức Như Lai nhập Niết Bàn, ngày nay dầu có Phật, sáng mai thời đã không. Ông y theo lời tôi để thưa hỏi đức Như Lai bốn điều.

- Sau khi Phật nhập Niết Bàn, Lục Quần Tỳ Kheo làm việc Ô Tha Gia, cùng Xa Nặc ác tánh, các Tỳ Kheo làm thế nào để cùng họ cộng trụ và chỉ dạy họ ?

Đức Như Lai còn, thời dùng Phật làm Thầy, đức Như Lai diệt độ rồi lấy gì để làm thầy ?

- Lúc Phật còn, nương nơi Phật mà trụ, Như Lai đã diệt độ nương gì để trụ ?

- Sau khi Phật diệt độ, lúc kết tập Pháp tạng, đầu các kinh phải để những lời gì ?

A Nan như ở trong mộng nghe Ngài A Nâu Lâu Đà khuyên bảo hỏi Phật bốn điều. Lần lần được tỉnh

ngộ chẳng xiết buồn thảm, A Nan đem bốn điều trên hỏi Phật.

Đức Như Lai bảo A Nan : "Sao lại quá buồn khổ như vậy ! Chư Phật thuyết pháp giáo hóa việc làm đã xong, theo phép phải về nơi đây.

Lành thay ! Lành thay ! Bốn điều ông vừa hỏi, là lời hỏi tối hậu, có lợi ích lớn cho tất cả thế gian. Các ông lóng nghe và khéo suy nghĩ ghi nhớ.

Sau khi Phật nhập Niết Bàn, Tỳ Kheo Xa Nặc tâm tánh sẽ lần lần điều phục nhu hòa bỏ ác tánh cũ.

Này A Nan ! Ông Nan Đà trước kia rất nặng ái dục, tánh rất xấu ác, đức Như Lai dùng thiện phương tiện chỉ dạy cho ông ấy được lợi ích vui mừng. Phật rõ biết căn tánh của ông ấy, dùng huệ Bát Nhã mà giảng thuyết mười hai nhơn duyên : Chính là vô minh duyên hành, hành duyên thức, nhẫn đến lão, tử, ưu bi, khổ não, đều là rừng bụi vô minh yêu ghét, tất cả hành khổ đầy tràn trong ba cõi, chạy khắp trong lục đạo. Cội gốc sự khổ từ vô minh khởi lên. Dùng huệ Bát Nhã hiển bày tánh tịnh, quán sát kỹ cội gốc thời dứt được tội lỗi trong ba cõi. Vì cội gốc vô minh dứt nên vô minh dứt, vô minh dứt thời hành dứt, nhẫn đến lão, tử, ưu bi, khổ não đều dứt.

Lúc được quán niệm này nhiếp tâm đứng dừng thời được nhập tam muội, do sức tam muội được nhập Sơ thiền, lần lượt nhập Tứ thiền, không rời

chánh niệm luôn tu tập như vậy, rồi sau tự sẽ được chứng Thượng quả thoát khỏi khổ trong ba cõi. Nan Đà Tỳ Kheo, tin sâu lời dạy của Phật, siêng năng tu tập trong một ít lâu được chứng quả A La Hán.

Này A Nan ! Sau khi ta nhập Niết Bàn, các ông nên y theo giáo pháp chánh quán của ta mà chỉ dạy cho Lục Quần cùng Xa Nặc, hết lòng nương theo chánh pháp thanh tịnh này, tự sẽ được chứng Thượng quả.

Này A Nan ! Phải biết rằng đều do nơi vô minh mà tăng trưởng cây sanh tử trong ba cõi, nên mãi trôi chìm trong ái hà, chịu khổ mãi dưới vực tối tăm, vòng quanh cột sanh tử. Sáu thức là nhánh, vọng niệm là gốc, lượn sóng vô minh xúc khiến tâm thức dạo chơi theo lục trần, sanh mầm các sự khổ não. Vô minh nó tự tại như vua, không ai chế ngự được. Do đây nên ta nói ông chủ vô minh niệm niệm làm hại, chúng sanh chẳng hay biết, mãi luân chuyển trong sanh tử.

Này A Nan ! Tất cả chúng sanh vì vô minh này mà khởi những tham ái, bị ngã kiến che đậy, tám muôn bốn ngàn phiền não sai sử thân họ, làm cho thân tâm họ tan vỡ không được tự tại.

Này A Nan ! Nếu vô minh dứt thời ba cõi đều hết, nên gọi là người xuất thế.

Này A Nan ! Nếu có thể quán sát kỹ mười hai nhơn duyên rốt ráo không có ngã, sâu vào nơi bổn tánh thanh tịnh, thời có thể xa lìa ngọn lửa lớn ba cõi.

Này A Nan ! Đức Như Lai là đấng Chơn ngữ nói lời thành thật, đây là lời phó chúc tối hậu, các ông phải y theo tu hành.

Này A Nan ! Ông hỏi sau khi Phật diệt độ lấy gì làm Thầy ? Nên biết giới Ba la Đề mộc xoa là Đại Sư của các ông. Nương theo đó tu hành thời có thể được định, huệ xuất thế.

Này A Nan ! Ông hỏi sau khi Phật nhập Niết Bàn nương gì để trụ ? Phải nương pháp Tứ niệm xứ mà trụ : Quán sát tánh tướng của thân đồng như hư không gọi là Thân niệm xứ, quán sát sự cảm thọ chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở chặng giữa, gọi là Thọ niệm xứ, quán sát tâm chỉ có danh tự tánh danh tự rời rạc gọi là Tâm niệm xứ, quán sát pháp thiện chẳng thể được pháp bất thiện, cũng chẳng thể được gọi là Pháp niệm xứ. Tất cả người tu hành phải nương theo pháp Tứ niệm xứ này mà trụ.

Này A Nan ! Ông hỏi sau khi Như Lai diệt độ lúc kết tập Pháp tạng, đầu tất cả kinh để những lời gì ?

Này A Nan ! Sau khi Như Lai diệt độ lúc kết tập Pháp tạng đầu tất cả kinh nên để như vầy : "Như thị ngã văn nhứt thời Phật trụ mỗ, phương mỗ xứ, cùng hàng tứ chúng mà nói kinh này".

A Nan lại bạch Phật : "Lúc Phật ở đời, hoặc sau khi Phật nhập Niết Bàn, có tín tâm đàn việt đem

vàng bạc bảy báu cùng tất cả đồ cần dùng dưng cúng cho Như Lai thời phải xử trí thế nào ?".

Phật nói : "Lúc Phật còn, những vật cúng dường Phật, thời chúng Tăng nên biết. Sau khi Phật diệt độ những vật cúng dường Phật, thời nên dùng tạo tượng Phật và tạo y của Phật, phan lọng bảy báu, sắm các thứ hương dầu bông để cúng dường Phật. Trừ việc cúng dường Phật ngoài ra chẳng được dùng. Người lạm dụng thời phạm tội lấy trộm vật của Phật".

A Nan lại bạch : "Lúc Phật còn có người đem vàng bạc bảy báu điện đường phòng nhà, y phục, đồ uống ăn tất cả đồ cần dùng, hoặc vợ con tôi tớ mà cung kính cúng dường Như Lai. Sau khi Phật nhập diệt nếu có người đem những vật như trên mà cung kính cúng dường tượng Phật. Bạch Thế Tôn ! Phước đức của hai người này ai nhiều hơn ?".

Phật nói : "Vì đều cung kính cúng dường cả nên phước đức của hai người được đồng nhau. Dầu Phật diệt độ nhưng Pháp thân vẫn thường còn, nên cung kính cúng dường được phước vẫn đồng như Phật hiện tại".

A Nan lại bạch : "Lúc Phật hiện tại nếu có người đem những vật như trên cung kính cúng dường Phật, sau khi Như Lai nhập Niết Bàn, nếu có người đem những vật như trên cung kính cúng dường toàn thân Xá lợi, phước đức của hai người này, ai nhiều hơn ?".

Phật nói : "Hai người này được phước đồng nhau công đức rộng lớn vô lượng vô biên nhẫn đến hết khổ, phước đó chẳng hết".

A Nan lại bạch : "Lúc Phật hiện tại, nếu có người cung kính cúng dường Phật như trên, sau khi Phật nhập Niết Bàn nếu có người cung kính cúng dường nửa thân Xá lợi ai được phước nhiều hơn ?".

Phật nói : "Vì hai người đều cung kính cúng dường nên được phước đồng nhau phước đức này vô lượng vô biên.

Này A Nan ! Nhẫn đến cung kính cúng dường một phần tư Xá lợi, một phần tám, một phần trăm, một phần ngàn, một phần muôn, một phần hằng hà sa, hoặc chừng bằng hột cải, người này được phước cũng đồng như người cung kính cúng dường đức Như Lai hiện tại.

A Nan nên biết rằng hoặc Phật hiện tại hoặc đã nhập Niết Bàn, nếu có người cung kính cúng dường lễ bái tán thán, được phước đức đồng nhau không khác".

Phật bảo A Nan cùng đại chúng : "Sau khi ta nhập Niết Bàn, tất cả chúng sanh hoặc Thiên thượng hay nhơn gian, được Xá lợi của ta mà vui mừng thương cảm, cung kính, lễ bái, cúng dường, thời được vô lượng vô biên công đức.

Này A Nan ! Nếu thấy Xá lợi của Như Lai thời là thấy Phật, thấy Phật là thấy Pháp, thấy Pháp là thấy Tăng, thấy Tăng là thấy Niết Bàn.

A Nan nên biết rằng do nhơn duyên trên đây mà Tam Bảo thường trụ không biến đổi, có thể làm chỗ quy y cho tất cả chúng sanh".

A Nan bạch Phật : "Sau khi Như Lai nhập Niết Bàn, tất cả đại chúng y theo phép tắc nào để trà tỳ thân Như Lai để được Xá lợi cung kính cúng dường".

Phật nói : "Khi ta nhập Niết Bàn rồi, đại chúng nên y theo phương pháp trà tỳ Chuyển Luân Thánh Vương".

A Nan bạch Phật : "Phép tắc trà tỳ Chuyển Luân Thánh Vương như thế nào ?".

Phật nói : "Sau khi Chuyển Luân Thánh Vương mạng chung, đình thi hài bảy ngày mới để vào quan tài vàng, rồi lấy dầu thơm vi diệu đổ đầy quan tài đậy lại thật kín. Đủ bảy ngày đem thi hài ra, dùng nước thơm tắm rửa, đốt hương thơm cúng dường. Dùng bông Đâu La Miên bao khắp thân thể, sau đó dùng ngàn bức bạch điệp tốt đẹp vô giá thứ tự vấn chồng lên nhau khắp thi hài của Luân Vương. Vấn xong đổ dầu thơm đầy trong kim quan rồi mới để thi hài Luân Vương vào. Đậy kín quan tài xong, chở trên xe thất bảo, bốn mặt treo các chuỗi ngọc, dùng châu báu trang nghiêm xe ấy, vô số phan lọng bằng châu báu tốt đẹp giăng treo trên xe. Đốt hương thơm, trổi đại nhạc để cúng dường. Sau đó dùng thuần những gỗ thơm cùng những dầu thơm mà trà tỳ. Trà tỳ xong hốt lấy Xá lợi, xây tháp thất bảo

giữa đường ngã tư trong thành, bốn phía tháp có bốn cửa an trí Xá lợi trong đó, để cho tất cả mọi người đồng chiêm ngưỡng.

Này A Nan ! Chuyển Luân Thánh Vương kia, do chút ít phước đức được nối ngôi vua, chưa thoát khỏi ba cõi, còn đủ ngũ dục thê thiếp, ác kiến tham, sân, si, tất cả phiền não kiết sử chưa dứt được một mảy. Sau khi mạng chung mà thế gian còn theo cách thức như vậy, dựng tháp cúng dường để mọi người chiêm ngưỡng, huống là đức Như Lai đã trải qua vô lượng, vô biên, vô số kiếp bỏ hẳn ngũ dục, tinh tấn thật hành tất cả khổ hạnh xuất thế của Bồ Tát, đã thành tựu đạo hạnh thậm thâm vi diệu thanh tịnh, Giới, Định, Huệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, sáu môn Ba la mật, tu tập Thập lực, Đại bi, bốn Vô sở úy, ba môn Giải thoát, mười tám Đại không, Lục thông, Ngũ nhãn, ba mươi bảy phẩm, mười tám bất cộng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thọ mạng của tất cả chư Phật, tất cả cõi Phật thanh tịnh, tất cả pháp thành tựu chúng sanh, tất cả khổ hạnh khó làm, tất cả nhiếp luật nghi giới, tất cả Nhiếp thiện pháp giới, tất cả Nhiếp chúng sanh giới, tất cả công đức, tất cả trí huệ, tất cả trang nghiêm, tất cả đại nguyện, tất cả phương tiện, tất cả trí huệ phước đức chẳng thể nghĩ bàn như vậy, đều đã thành tựu đầy đủ, dứt trừ tất cả ác, dứt trừ tất cả phiền não, dứt trừ tất cả phiền não tập khí, thông đạt Tứ đế Thập nhị nhơn duyên, nơi cội Bồ Đề hàng phục bốn ma thành

tựu Nhứt thiết chủng trí. Được tất cả chư Phật xướng lời khen lành thay ! Lành thay ! Đổng lấy nước trí pháp tánh, rưới trên đỉnh Pháp thân, mới thành Vô Lượng Bồ Đề. Do nhơn duyên như vậy nên nay ta hiệu là Thiên Nhơn Sư Thập lực Đẳng giác, Thế Tôn vô thượng, nhơn gian thiên thượng không ai bằng, bình đẳng xem chúng sanh như La Hầu La, do đó ta hiệu là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn.

Duyên giáo hóa thế gian đã xong, ta vì chúng sanh nên hôm nay thị hiện nhập Niết Bàn. Vì muốn cho chúng sanh khắp được cúng dường, nên ta theo pháp thế gian như vua Chuyển Luân, mà tẩn táng cùng trà tỳ.

Tứ chúng Nhơn Thiên đem Xá lợi của Như Lai đựng trong bình thất bảo xây dựng tháp thất bảo để cúng dường Xá lợi, có thể làm cho chúng sanh được công đức lớn, lìa khổ ba cõi đến vui Niết Bàn.

Này A Nan ! Hàng tứ chúng xây tháp thất bảo cúng dường Xá lợi của Phật rồi, lại nên xây ba thứ tháp để cúng dường :Tháp Bích Chi Phật, tháp A La Hán, tháp Chuyển Luân Thánh Vương, vì muốn cho mọi người biết chỗ quy y vậy".

A Nan bạch Phật : "Đức Như Lai ra đời thương xót chúng sanh, hiển bày Thập lực, Đại bi, bốn Vô

sở úy, ba môn Giải thoát, Tứ đế, mười hai nhơn duyên, tám thứ phạm âm vang rền ba cõi, từ quang ngũ sắc soi khắp lục đạo, tùy thuận tâm nghiệp của chúng sanh mà Chuyển pháp luân, có người chứng được bốn quả của Nhị thừa tu tập, hoặc chứng đạo Duyên Giác vô lậu vô vi, hoặc nhập bực Bồ Tát bất diệt bất sanh, hoặc được vô lượng Đà La Ni, hoặc được ngũ nhãn, hoặc được lục thông, hoặc thoát ba ác đạo, hoặc ra khỏi tám nạn, hoặc lìa khổ trời người ba cõi. Đức từ thanh tịnh của Như Lai, pháp môn giải thoát của Như Lai đều chẳng thể nghĩ bàn.

Sau khi nhập diệt, hàng tứ chúng dựng tháp bảy báu cúng dường Xá lợi được công đức lớn, có thể làm cho chúng sanh thoát khổ ba cõi, được chánh giải thoát. Do nhơn duyên này nên khi Phật nhập Niết Bàn, tất cả thế gian vì báo đáp từ ân vô lượng của Phật mà xây tháp thất bảo để cúng dường Xá lợi, theo lẽ phải như vậy. Ba thứ tháp kia có những lợi ích gì đối với chúng sanh mà đức Phật bảo dựng tháp cúng dường ?".

Phật nói : "Bích Chi Phật tỏ ngộ nhơn duyên của các pháp chứng nhập Pháp tánh, đã thoát tất cả khổ hoạn trong tam giới, có thể làm phước điền cho Nhơn Thiên. Do đây nên xây tháp cúng dường Bích Chi Phật được phước đức kế nơi sự cúng dường Như Lai, có thể làm cho chúng sanh đều được diệu quả.

Này A Nan ! A La Hán kia đối với ba cõi đã hết sanh tử chẳng thọ thân đời sau, phạm hạnh đã

lập có thể làm phước điền cho thế gian, nên xây tháp cúng dường được phước đức kế sự cúng dường Bích Chi Phật, cũng làm cho chúng sanh được nhơn duyên giải thoát.

Này A Nan ! Chuyển Luân Thánh Vương dầu chưa dứt phiền não, chưa giải thoát ba cõi, nhưng do phước đức mà cai trị bốn thiên hạ, đem pháp Thập thiện giáo hóa nhơn dân, là bực tôn kính của mọi người, nên tứ chúng dựng tháp cúng dường, được phước đức cũng là vô lượng".

A Nan bạch Phật : "Sau khi Phật nhập Niết Bàn, hàng tứ chúng nên làm lễ trà tỳ đức Như Lai tại chỗ nào ?".

Phật nói : "Sau khi ta nhập Niết Bàn, nếu tứ chúng làm lễ trà tỳ ở trong thành Câu Thi Na này, người trong thành tất tranh giành đánh đập nhau, và cũng làm cho tất cả mọi người được phước chẳng đồng nhau. Nên tứ chúng phải làm lễ trà tỳ ở ngoài thành, cho mọi người đều bình đẳng được phước".

A Nan bạch Phật : "Trà tỳ xong, tứ chúng dùng bình báu để đựng Xá lợi, thời nên dựng tháp thất bảo ở tại chỗ nào để cho tất cả mọi người đều được cung kính cúng dường ?".

Phật nói : "Nên ở trong thành Câu Thi Na, nơi ngã tư đường mà xây tháp cao mười ba từng, trước tháp có tướng pháp luân, phan lọng, lan can đều bằng thất bảo, bốn mặt tháp đều mở một cửa, từng

lớp cửa nẻo xứng nhau an trí bình báu đựng Xá lợi của Như Lai trong đó cho tất cả trời người chiêm ngưỡng cúng dường.

Tháp của Bích Chi Phật nên mười một từng. Tháp của A La Hán nên bốn từng. Cũng đều dùng các thứ báu mà trang nghiêm.

Tháp của Chuyển Luân Vương cũng xây bằng bảy báu nhưng không có từng cấp, vì Luân Vương chưa thoát khổ sanh tử trong ba cõi".

A Nâu Lâu Đà bạch Phật : "Khi trà tỳ xong, tất cả trời người cùng bốn bộ chúng phân chia Xá lợi của Phật như thế nào ?".

Phật nói : "Nên dùng tâm bình đẳng phân chia Xá lợi của Phật khắp ba cõi để tất cả thế gian đều được cúng dường".

Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhơn bạch Phật : "Nay tôi xin cung kính thỉnh nửa thân Xá lợi của Như Lai để cúng dường".

Phật bảo Thiên Đế : "Đức Như Lai bình đẳng xem chúng sanh như La Hầu La, ông chẳng nên thỉnh nửa thân Xá lợi, vì phải để cho chúng sanh bình đẳng được lợi ích. Nay ta cho ông một cái răng nanh Xá lợi hàm trên bên hữu, có thể xây tháp cúng dường ở trên trời, làm cho ông được phước đức vô tận".

Lúc đó tất cả đại chúng trời người buồn thương rơi lệ không tự dằn được.

Đức Thế Tôn bảo khắp đại chúng : "Khi Phật nhập Niết Bàn rồi, đại chúng chớ quá sầu não. Vì dầu Phật nhập Niết Bàn mà Xá lợi vẫn thường còn để cúng dường, lại có những pháp bảo vô thượng, tạng Tu Đa La, tạng Tỳ Nại Da, tạng Ma Ha Đạt Ma, do đây Tam Bảo và Tứ đế vẫn thường trụ ở thế gian, làm chỗ qui y cho chúng sanh. Vì cúng dường Xá lợi tức là Phật Bảo, thấy Phật Bảo là thấy Pháp Thân, thấy Pháp Thân là thấy Hiền Thánh, thấy Hiền Thánh là thấy Tứ đế, thấy Tứ đế là thấy Niết Bàn. Do đây nên biết rằng Tam Bảo thường trụ không biến đổi, có thể làm chỗ qui y cho thế gian.

Đại chúng chớ quá sầu khổ. Nay ta ở đây sắp nhập Niết Bàn. Trong những pháp : Quy y, giới luật, Thường, Vô thường, Tam bảo, Tứ đế, Lục độ, Mười hai nhơn duyên v.v..., nếu ai có điều chi nghi phải mau thưa hỏi, đây là lời hỏi rốt ráo cuối cùng, để sau khi Phật nhập Niết Bàn không còn nghi hối".

Đức Phật phổ cáo trong đại chúng ba lần như vậy.

Tất cả đại chúng không ai thưa hỏi, vì ai nấy đều thông đạt hiểu rõ không còn nghi ngờ.

Đức Thế Tôn khen rằng : "Lành thay ! Lành thay ! Đại chúng đã có thể thông đạt các pháp không còn nghi ngờ, như nước sạch rửa hết bụi nhơ nơi thân. Đại chúng phải tinh tấn sớm được giải thoát, chớ sầu não mê muội loạn tâm.

Lúc đó đức Thế Tôn ngồi trên tòa sư tử, lấy tay vàng vạch y Tăng Già Lê để lộ ngực huỳnh kim cho đại chúng thấy rồi bảo rằng : "Tất cả đại chúng trời người nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của Như Lai !".

Đại chúng chiêm ngưỡng sắc thân vàng ròng của Phật thảy đều sung sướng như Tỳ Kheo nhập đệ Tam thiền.

Sau đó đức Thế Tôn phóng vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức ánh sáng Đại Niết Bàn chiếu khắp tất cả thế giới mười phương, che khuất ánh sáng của tất cả mặt trời mặt trăng.

Phóng ánh sáng trên đây rồi đức Phật bảo đại chúng : "Mọi người nên biết rằng đức Như Lai vì tất cả đại chúng mà cần khổ trong nhiều kiếp, đến chặt tay chơn, lóc da thịt, đại bi đại nguyện thành bực Vô thượng Chánh giác nơi đời ngũ trược này, được sắc thân Kim Cang bất hoại đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vô lượng ánh sáng chiếu khắp tất cả. Ai thấy được hình, gặp được ánh sáng của Phật, đều được giải thoát cả.

Này đại chúng ! Phật ra đời rất khó gặp khó thấy như hoa Ưu Đàm. Đại chúng gặp ta đây là lần sau cùng, đối với thân này chớ để luống qua. Do sức thệ nguyện mà ta sanh nơi cõi uế ác này. Duyên giáo hóa đã hoàn tất, nay ta muốn nhập Niết Bàn. Đại chúng nên chí thành nhìn xem sắc thân huỳnh kim

của ta, cố gắng tu tập nghiệp thanh tịnh như vậy, đời vị lai sẽ được quả báo này".

Đức Thế Tôn ba phen ân cần khuyên bảo như vậy, đồng thời bày thân chơn kim cho đại chúng thấy.

Sau đó đức Phật từ trên giường thất bảo sư tử bay lên hư không cao bằng một cây Đa La, bảo một lần rằng : "Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta !".

Lần lượt đức Phật bay trên cao bằng bảy cây Đa La, bảy lần bảo rằng : "Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta !".

Từ hư không xuống ngồi trên giường sư tử đức Phật lại bảo : "Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta !".

Đức Thế Tôn từ trên giường sư tử lại bay lên hư không cao bằng một cây Đa La, thời một lần bảo đại chúng, lần lượt bay cao bằng bảy cây Đa La, bảy lần bảo rằng : "Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta !".

Từ hư không xuống ngồi trên giường sư tử, đức Phật lại kêu đại chúng mà bảo rằng : "Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta !".

Lần thứ ba, đức Thế Tôn cũng từ trên giường sư tử bay lên hư không cao bằng bảy cây Đa La, đồng thời cũng bảy lần bảo đại chúng như vậy. Từ hư

không xuống ngồi trên giường thất bảo đức Phật lại bảo : "Ta sắp nhập Niết Bàn. Đại chúng nên chí tâm nhìn xem nơi sắc thân của ta !".

Đức Phật hai mươi bốn lần ân cần bảo đại chúng như vậy, rồi lại bảo rằng : "Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân Vô úy Kim cang bất hoại của ta rất khó gặp như hoa Ưu Đàm, như người quá khát gặp nước trong mát thời uống đến no không còn khao khát, đại chúng cũng như vậy, nên chí tâm chiêm ngưỡng sắc thân của Như Lai lần sau cùng, sau lần thấy này không còn thấy lại nữa. Đại chúng nên chiêm ngưỡng cho thỏa mãn để về sau khỏi ăn năn.

Sau khi ta nhập Niết Bàn, đại chúng phải tinh tấn tu hành sớm ra khỏi ba cõi, chớ có giải đãi phóng dật tán tâm".

Lúc đó tất cả đại chúng trời người trong tất cả thế giới mười phương được gặp ánh sáng Niết Bàn, được chiêm ngưỡng đức Phật đều được giải thoát. Những chúng sanh được gặp được thấy đều được dứt hẳn tam đồ bát nạn, bốn tội trọng, năm tội nghịch, đến tất cả phiền não đều dứt hẳn không còn thừa.

Sau khi lộ bày sắc thân huỳnh kim cho tứ chúng chiêm ngưỡng và ân cần khuyến cáo xong, đức Thế Tôn kéo y Tăng già đắp lại như cũ.

XXVII

PHẨM ỨNG TẬN HƯỜN NGUYÊN

Thứ hai mươi bảy

Đức Phật bảo đại chúng : "Giờ đây ta nhập Niết Bàn, cả mình ta đau nhức".

Nói vừa xong, đức Phật liền nhập Sơ thiền, xuất Sơ thiền nhập Nhị thiền, xuất Nhị thiền nhập Tam thiền, xuất Tam thiền nhập Tứ thiền, xuất Tứ thiền nhập Không xứ định, xuất Không xứ định nhập Thức xứ định, xuất Thức xứ định nhập Bất dụng xứ định, xuất Bất dụng xứ định nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ định, xuất Phi phi tưởng xứ định nhập Diệt tận định, xuất Diệt tận định nhập Phi tưởng phi phi tưởng xứ định, xuất Phi tưởng xứ định nhập Bất dụng xứ định, xuất Bất dụng xứ định nhập Thức xứ định, xuất Thức xứ định nhập Không xứ định, xuất Không xứ định nhập Tứ thiền, xuất Tứ thiền nhập Tam thiền, xuất Tam thiền nhập Nhị thiền, xuất Nhị thiền nhập Sơ thiền.

Đức Thế Tôn thuận nghịch nhập các Thiền định xong, lại phổ cáo đại chúng : "Ta dùng thậm thâm Bát Nhã xem khắp ba cõi tất cả lục đạo chúng sanh, ba cõi này bổn tánh rời lìa rốt ráo tịch diệt đồng như hư không, không danh, không thức, dứt hẳn các cõi, bổn lai bình đẳng không có tưởng niệm cao hạ, không thấy nghe, không hay biết, không hệ phược, không giải thoát, không chúng sanh, không thọ mạng, không sanh không diệt, chẳng phải thế gian chẳng phải chẳng thế gian, Niết Bàn sanh tử đều không thể được, trước sau bình đẳng vì bình đẳng với các pháp, nhàn cư tịnh trụ không có chỗ thi vi, an trí rốt ráo quyết định bất khả đắc, từ pháp vô trụ pháp tánh thi vi, dứt tất cả tướng, trọn không chỗ có. Pháp tướng như vậy, ai biết rõ thời gọi là người xuất thế, kẻ chẳng biết như vậy thời gọi là đầu mối sanh tử. Đại chúng phải dứt vô minh, diệt đầu mối sanh tử !".

Bảo xong, đức Thế Tôn nhập Thiền định siêu việt : Từ Sơ thiền xuất liền nhập Tam thiền, xuấtTam thiền nhập Không xứ định, xuất Không xứ định nhập Vô sở hữu xứ định, xuất Vô sở hữu xứ định nhập Diệt tận định, xuất Diệt tận định nhập Phi tưởng Phi phi tưởng xứ định, xuất Phi tưởng xứ định nhập Thức xứ định, xuất Thức xứ định nhậpTứ thiền, xuất Tứ thiền nhập Nhị thiền, xuất Nhị thiền nhập Sơ thiền.

Đức Thế Tôn nghịch thuận nhập Thiền định siêu việt xong, lại bảo đại chúng : "Ta dùng Ma Ha Bát Nhã

xem khắp ba cõi tất cả nhơn pháp hữu tình vô tình thảy đều rốt ráo, không hệ phược, không giải thoát, không chủ, không y, không thể nhiếp trì, chẳng ra ba cõi, chẳng vào các cõi, bổn lai thanh tịnh không cấu nhơ, không phiền não, đồng như hư không, chẳng bình đẳng chẳng phải chẳng bình đẳng, dứt hết những động niệm tư tưởng tâm thức. Pháp tướng như vậy gọi là Đại Niết Bàn, thấy rõ được pháp tướng này thời gọi là giải thoát, phàm phu chẳng thấy biết thời gọi là vô minh".

Nói xong đức Phật lại nhập thiền định siêu việt : xuất Sơ thiền nhập Tam thiền nhẫn đến nhập Diệt tận định, xuất Diệt tận định nhẫn đến nhập Sơ thiền.

Nghịch thuận nhập Thiền định siêu việt xong, đức Thế Tôn lại bảo đại chúng : "Ta dùng Phật nhãn xem khắp ba cõi tất cả các pháp, thể tánh của vô minh vốn là giải thoát, tìm khắp mười phương trọn không thể được. Vì cội gốc đã không nên nhánh lá thảy đều giải thoát. Vì vô minh giải thoát nên hành đến lão tử đều được giải thoát. Do đây nên ngày nay ta an trụ thường tịnh diệt quang gọi là Đại Niết Bàn".

Lúc đó A Nan quá sầu khổ bi ai tâm trí cuồng loạn, như người quá say không còn biết những việc xung quanh, chẳng thấy đại chúng, cũng chẳng biết Như Lai đã nhập Niết Bàn hay chưa.

Đức Thế Tôn nhập siêu Thiền định thuận nghịch ba lần, xem khắp pháp giới ba phen phổ cáo đại

chúng, Đức Như Lai lần lượt nhập các Thiền định hai mươi bảy lần như vậy.

Vì chẳng biết, nên khi Phật nhập một Thiền định A Nan liền hỏi một lần, hai mươi bảy lần hỏi ngài A Nâu Lâu Đà : "Phật nhập Niết Bàn hay chưa ?".

Ngài A Nâu Lâu Đà rõ biết Như Lai nhập các Thiền định, hai mươi bảy lần đều trả lời với A Nan rằng Phật chưa nhập Niết Bàn.

Sau khi ba lần thuận nghịch nhập các Thiền định cùng phổ cáo đại chúng, đức Thế Tôn nằm nghiêng bên hữu trên giường thất bảo : Gối đầu phương Bắc, chân chỉ thẳng phương Nam, mặt hướng về phương Tây, lưng day qua phương Đông.

Bốn phía giường, tám cây Ta La chia làm bốn cặp : Một cặp phương Tây ở trước mặt Như Lai, một cặp phương Đông che sau lưng Như Lai, một cặp phương Bắc che trên đầu Như Lai, một cặp phương Nam đứng phía chưn Như Lai.

Lúc đó đúng giữa đêm đức Như Lai nằm trên giường thất bảo trong rừng Ta La nhập Tứ thiền yên lặng mà bát Niết Bàn.

Liền đó bốn cặp cây Ta La : Cặp hướng Đông, cặp hướng Tây ngọn bốn cây hiệp làm một tàng, cặp hướng Nam, cặp hướng Bắc ngọn bốn cây hiệp làm một tàng, che giường thất bảo trùm lên thân Như Lai. Những cây Ta La đó, tất cả lá biến thành sắc trắng như bạch hạc,

nhánh lá bông trái da và thân cây thảy đều rụng rớt nút nẻ, lần lần khô héo gãy rớt.

Đồng thời trong lúc đó vô lượng thế giới ở mười phương đều chấn động vang ra tiếng rằng : "Khổ thay ! Khổ thay ! Thế giới trống rỗng".

Lại vang ra tiếng buồn than diễn nói nghĩa vô thường, khổ, không.

Tất cả những núi trong mười phương thế giới : núi Mục Chơn Lân Đà, núi Đại Mục Chơn Lân Đà, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, Hắc Sơn, Hương Sơn, Kim Sơn, Bảo Sơn, núi Tu Di đồng thời rúng động vang ra tiếng lớn : "Khổ thay ! Khổ thay ! Tại sao một mai mà thế giới bơ vơ, huệ nhựt tắt mất vào núi Đại Niết Bàn, tất cả chúng sanh mất cha lành, mất chỗ chiêm ngưỡng".

Tất cả biển lớn trong mười phương thế giới đều đục ngầu, sóng cuồn cuộn nổi lên vang ra các thứ tiếng : Khổ thay ! Khổ thay ! Đấng Vô thượng Chánh giác đã diệt, chúng sanh phải tội khổ trôi mãi trong biển lớn sanh tử, mê mất con đường chơn chánh không do đâu để giải thoát được.

Tất cả sông rạch, khe suối, mương rãnh, giếng ao thảy đều nghiêng ngữa khô cạn.

Mười phương thế giới vắng lặng tối tăm. Sầu não tối tăm bao trùm cả thế giới. Lúc đó bỗng có gió to thổi bay bụi cát, khắp nơi đều mờ tối. Tất cả cỏ cây trên

mặt đất gãy ngã rơi rụng. Tất cả chư Thiên vân tập chật cả hư không, than thở kêu khóc tiếng động cả cõi Đại Thiên, rưới vô số trăm ngàn hoa trời hương trời cúng dường đức Như Lai, lại rải vô số thiên tràng, thiên phan, thiên anh lạc, thiên bảo cái, thiên bảo châu biến thành bửu đài giữa hư không để cúng dường đức Như Lai. Chư Thiên lại ở trên hư không tấu vô số thiên nhạc xướng rằng : "Khổ thay ! Khổ thay ! Đức Phật đã nhập Niết Bàn, thế giới trống rỗng, chúng sanh đã mất con mắt, quỉ La Sát phiền não lan tràn khắp nơi, sự khổ nôi luôn xoay vần chẳng dứt".

Lúc đó A Nan mê muội, chẳng biết đức Như Lai đã nhập Niết Bàn hay chưa nhập, chỉ nghe thấy những cảnh những tiếng lạ thường nên lại hỏi.

Ngài A Nâu Lâu Đà đáp rằng : "Đấng Đại Giác Thế Tôn đã nhập Niết Bàn".

Nghe lời này, A Nan té xỉu xuống đất, mất thở như người chết.

Ngài A Nâu Lâu Đà lấy nước lạnh rải trên mặt A Nan đỡ dậy nhiều lời an ủi rằng : "Thảm thay ! Thảm thay ! Rất đáng đau khổ. Nhưng ông chớ quá buồn rầu mà tâm trí điên loạn. Hóa duyên của đức Như Lai đã hoàn tất, tất cả trời người không ai cầm lại được. Khổ thay ! Khổ thay ! Biết làm sao được ! Nào ngờ ngày nay đấng Thiên Nhơn Sư việc làm đã rốt ráo không ai cầm lại được. Ông cùng tôi phải

đồng dẫn sự buồn khổ. Đức Phật dầu nhập Niết Bàn, nhưng còn Xá lợi và Pháp Bảo vô thượng thường trụ nơi thế gian, có thể làm chỗ quy y cho chúng sanh. Các ông cùng tôi phải tinh tấn đem Pháp Bảo của Phật truyền lại cho chúng sanh, khiến họ thoát khổ, dùng đây để báo ân đức của Như Lai".

A Nan nghe lời an ủi trên, lần lần tỉnh ngộ nghẹn ngào buồn khóc.

Trong rừng Ta La nơi thành Câu Thi Na rộng mười hai do tuần, đại chúng trời người chật khắp trong đó. Chỗ nhỏ bằng đầu mũi kim dung thọ vô lượng chúng, không một chút hở trống, dầu vậy nhưng chẳng trở ngại, chẳng che khuất nhau.

Vô số ức Bồ Tát cùng đại chúng Nhơn Thiên đều mê muội loạn tâm, thấy thế giới biến động khác thường và nghe Ngài A Nâu Lâu Đà bảo là đức Phật đã nhập Niết Bàn, có nhiều người ngất xỉu té xuống đất. Trong đó có người nhập diệt theo Phật, có người mất trí, có người thân tâm run rẩy, có người nghẹn ngào nước mắt tuôn rơi, có người đấm ngực kêu to, có người cào đầu bứt tóc. Hoặc than khổ thay, khổ thay, hoặc kêu sao đức Như Lai nhập Niết Bàn quá mau, hoặc khóc tôi đã mất đấng tôn kính, hoặc than thế giới trống rỗng, con mắt chúng sanh đã mất, hoặc than quỉ phiền não lan tràn, hoặc than mầm lành của chúng sanh đã chết, hoặc nói Ma vương mừng rỡ cởi khôi giáp ra nghỉ, hoặc tự trách thân tâm suy

gẫm vô thường, hoặc chánh quán được giải thoát, hoặc cảm thương mất chỗ quy y. Có người máu ứng đỏ khắp thân chảy lan ra đất. Tất cả đại chúng kêu khóc tiếng động khắp thế giới.

Lúc đó Thi Khí Đại Phạm Thiên Vương biết Phật đã nhập Niết Bàn, liền cùng chư Thiên từ cõi Sắc bay xuống khóc to nghẹn ngào xỉu té trước Như Lai, giây lâu tỉnh lại buồn than nói kệ rằng :

Thuở xưa Thế Tôn có lời nguyện
Vì chúng tôi mà ở Ta Bà
Ẩn giấu vô lượng sức tự tại
Đem pháp phương tiện độ chúng sanh
Tùy theo cơ nghi mà thuyết pháp
Chúng sanh thọ pháp được an lạc
Dìu dắt ra khỏi ba cõi khổ
Rốt ráo đều đến đạo Niết Bàn.
Phật là mẹ lành nuôi chúng sanh
Khắp cho uống sữa đại từ bi
Nào ngờ nay lại sớm xả ly
Trời người bơ vơ mất nương cậy.
Thương thay mầm lành của chúng sanh
Không có cam lồ để tăng trưởng
Mầm lành lần lần héo mất rồi
Tội nghiệp kéo nhau đọa ác đạo.
Thế giới trống rỗng biết làm sao

Huệ nhãn chúng sanh nay đã tắt
Đi trong đường hắc ám vô minh
Đọa lạc ba cõi trôi chìm khổ.
Chúng sanh tội ác không ai cứu
Nguyện nương Xá lợi cầu giải thoát
Nhờ sức đại bi của Như Lai
Cứu giúp chúng tôi thoát chốn khổ.
Ngờ đâu giữa cõi đời ác trược
Phật bỏ chúng tôi nhập Niết Bàn !

Lúc đó Thích Đề Hoàn Nhơn cùng chư Thiên từ hư không xuống than thở, khóc lóc, ngất xỉu trước Như Lai, giây lâu tỉnh lại nghẹn ngào rơi lệ quì trước Phật nói kệ than thở :

Như Lai nhiều kiếp tu khổ hạnh
Vì lợi ích quần sanh chúng tôi
Được thành đạo Chánh Giác Vô Thượng
Đồng thương chúng sanh như con một
Ban cho thuốc pháp thuốc vô thượng
Y sư trị bịnh là Y vương
Mây đại Từ bi che chúng sanh
Mưa huệ cam lồ rưới tất cả.
Ánh sáng huệ nhựt soi vô minh
Chúng sanh vô minh thấy Thánh đạo
Từ quang Thánh nguyệt chiếu lục thú

Ba cõi được soi thoát các khổ.
Nào ngờ hôm nay bỏ Đại bi
Đã nhập Niết Bàn chẳng còn thấy
Bổn thệ Đại bi nay ở đâu
Rời bỏ chúng sanh như mũi dãi.
Tất cả hàng chúng sanh chúng tôi
Như nghé mất mẹ ắt phải chết
Đại chúng cầm tay nhau kêu khóc
Đấm ngực buồn than động Đại Thiên.
Khổ thay mọi người trong ba cõi
Cớ gì một mai đều côi cút
Chúng tôi hết phước rất là khổ
Mầm lành cháy khô không nước nhuần.
Nguyện ánh sáng Pháp Bảo Xá lợi
Chiếu đến tôi thoát khỏi ba cõi
Buồn thay khổ thay cho chúng tôi
Bao giờ lại được thấy Như Lai.

Lúc bấy giờ ngài A Nâu Lâu Đà buồn than rơi lệ quì trước Phật nói kệ than rằng :

Chánh pháp Pháp vương nuôi chúng tôi
Cho uống Pháp nhũ lớn khắp thân
Chúng sanh Pháp thân chưa thành lập
Lại thêm huệ mạng thiếu tư lương
Dùng tám phạm âm thường diễn thuyết

Đại chúng nghe rồi đều ngộ đạo
Thường phóng Đại bi ngũ sắc quang
Đại chúng được soi đều giải thoát.
Hôm nay sao lại nhập Niết Bàn
Chúng sanh tội khổ nương về đâu
Khổ thay Thế Tôn bỏ Đại bi
Chúng tôi cô cùng ắt phải chết.
Dầu biết Thế Tôn hiện phương tiện
Chúng tôi không thể chẳng buồn thương
Đại chúng mê muội mất bổn tâm
Khóc động trời đất rúng ba cõi.
Riêng mình Thế Tôn ở an lạc
Chúng sanh quá khổ sao bỏ đi
Thuở xưa Thế Tôn vì chúng tôi
Bỏ đầu chặt tay trong nhiều kiếp.
Được thành đạo Chánh Giác Vô Thượng
Chẳng ở đời lâu vội Niết Bàn
Đại chúng, chúng tôi ở vô minh
Ma vương mừng rỡ cởi khôi giáp.
Nguyện sức từ bi của Thế Tôn
Xá lợi phóng quang nhiếp chúng tôi
Cúi xin Thế Tôn thương tứ chúng
Pháp Bảo lưu truyền mãi chẳng cùng.
Chúng tôi không thể liều tự chết

Mạng sống thừa này được bao lâu
Khổ thay đau đớn khó chịu nổi
Bao giờ lại thấy đức Như Lai.

Lúc bấy giờ A Nan ngất xỉu lần lần tỉnh lại giơ tay vỗ đầu đấm ngực nghẹn ngào buồn khóc rơi lệ quì trước Phật nói kệ buồn than :

Xưa tôi cùng Phật đồng thệ nguyện
May mắn đồng sanh trong giòng Thích
Như Lai đặng thành đạo Chánh Giác
Tôi làm thị giả hai mươi năm.
Hết lòng cúng dường chưa thỏa lòng
Nay Phật bỏ tôi vào Niết Bàn
Than ôi than ôi sao quá khổ
Từ đây mãi mãi lòng đớn đau.
Thân tôi chưa thoát lưới ba cõi
Vỏ trứng vô minh chưa ra khỏi
Mỏ huệ Thế Tôn chưa mổ vỡ
Sao lại bỏ tôi vội Niết Bàn.
Tôi như trẻ nít vừa mới sanh
Mất mẹ chẳng lâu ắt phải chết
Cớ gì Thế Tôn bỏ rơi tôi
Để riêng hưởng vui ngoài ba cõi.
Nay tôi sám hối với Thế Tôn
Hầu Phật đến nay hai mươi năm

Trong lúc đứng ngồi nhiều biếng trễ
Không được vui đẹp lòng Thế Tôn
Nguyện đấng Chánh Giác đại Từ bi
Ban pháp cam lộ tôi an vui
Tôi nguyện cùng tận thuở vị lai
Thường gặp Thế Tôn làm thị giả.
Ngưỡng mong Thế Tôn đại từ quang
Tất cả thế giới nhiếp thọ tôi
Than ôi khổ thay nói chẳng được
Ơn Phật nghẹn ngào chẳng thể bày.

Lúc bấy giờ vô số hằng hà sa Bồ Tát tất cả đại chúng trời người buồn khóc rơi lệ chẳng xiết than thở. Mọi người khuyên nhủ nhau dằn bớt lòng buồn khổ, lo sắm sửa vô số hương hoa vi diệu : Hoa Mạn đà la, hoa Ma ha mạn đà la, hoa Mạn thù sa, hoa Ma ha mạn thù sa, hương Hải thử ngạn chiên đàn, trầm thủy, hòa hương, hương thủy, hương nê, cùng trăm ngàn muôn thứ lọng báu, tràng báu, phan báu, chuỗi ngọc, trân châu đem đến cúng dường Như Lai.

Nhơn dân nam nữ lớn nhỏ trong thành Câu Thi Na đều buồn khóc rơi lệ, sắm sửa vô số hương hoa phan lọng tốt đẹp đem đến cúng dường Như Lai.

Tứ Thiên vương cùng Thiên chúng buồn than rơi lệ, sắm sửa vô số hương hoa, phan lọng đem đến cúng dường Như Lai.

Đao Lợi Thiên Vương, Dạ Ma Thiên Vương, Đâu Suất Thiên Vương, Hóa Lạc Thiên Vương, Tha Hóa Thiên Vương, Sắc giới Thiên Vương, Vô Sắc giới Thiên đều cùng Thiên chúng buồn thương than thở mang vô số hoa hương, phan lọng vi diệu đến cúng dường Như Lai.



KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

XXVIII

PHẨM TRÀ TỲ

Thứ hai mươi tám

(*) Lúc đó tất cả nhân dân nam nữ trong thành Câu Thi Na hỏi Ngài A Nan pháp tắc trà tỳ đối với đức Như Lai.

Ngài A Nan thuật lại lời Phật nên theo pháp tắc Chuyển Luân Thánh Vương.

Tất cả nhân dân buồn khóc rơi lệ trở vào trong thành làm kim quan dùng thất bảo trang nghiêm, cùng lo sắm ngàn bức bạch điệp vô giá, vô số bông Đâu La Miên mềm nhuyễn, vô số chiên đàn, trầm thủy, hòa hương, hương thủy, hương nê, phan lọng, hoa hương v.v... Sắm sửa xong, cùng nhau đến trước Phật rơi lệ nghẹn ngào mà dâng lên cúng dường.

Lúc đó đại chúng buồn thương cung kính dùng bạch điệp tốt che tay đỡ Như Lai vào trong kim

---

(*) Hán bộ quyển thứ 42.

quan đổ đầy dầu thơm, nắp kim quan liền đóng kín lại.

Nhơn dân trong thành Câu Tha Ni vì tham phước lành, không muốn cho đại chúng trời người khiêng kim quan của Phật, họ sai bốn đại lực sĩ thỉnh kim quan của Phật vào trong thành để cúng dường. Bốn đại lực sĩ này vận dụng hết sức mình mà vẫn không động được kim quan. Trong thành lại sai tám đại lực sĩ, rồi đến mười sáu đại lực sĩ, nhưng vẫn không khiêng nổi.

Ngài A Nâu Lâu Đà thong thả bảo các lực sĩ rằng : "Dầu cho tất cả nhơn dân trong thành cũng không khiêng nổi kim quan, huống là các ông. Các ông phải thỉnh đại chúng cùng chư Thiên trợ lực các ông mới khiêng kim quan vào thành được".

Lúc đó Thiên Đế Thích cùng chư Thiên cầm lọng Thất bảo lớn cùng vô số hoa hương, phan lọng các thứ âm nhạc, khóc lóc rơi lệ ở giữa hư không giăng che cúng dường kim quan của Phật. Lục Dục Thiên cùng Sắc giới Thiên cũng đồng cúng dường kim quan như Đế Thích.

Đức đại bi của Thế Tôn muốn cho thế gian được tâm bình đẳng đồng được phước, kim quan liền từ rừng Ta La tự bay lên hư không cao bằng một cây Đa La.

Nhơn dân trong thành Câu Thi Na và tất cả đại chúng trời người, vì không được khiêng kim quan nên tự cảm thương kêu khóc.

Chư Thiên đem hoa hương châu ngọc rải trước kim quan, vần vũ quanh kim quan. Đồng than thở xướng to rằng : "Khổ thay ! Khổ thay ! Chúng ta vô phước chẳng đặng khiêng kim quan".

Lúc đó kim quan của Phật bay trên hư không, từ rừng Ta La bay chậm chậm vào cửa Tây thành Câu Thi Na. Tất cả nhơn dân đại chúng trời, người, Bồ Tát, Thanh Văn, hoặc đi dưới đất, hoặc đi trên hư không, theo sau kim quan buồn khóc than thở nghẹn ngào rơi lệ.

Thành Câu Thi Na mỗi phía rộng bốn mươi tám do tuần. Kim quan của Phật bay chậm chậm trên hư không vòng ra cửa Đông hữu nhiễu vào cửa Nam, rồi vẫn bay chậm chậm trên hư không mà ra cửa Bắc, lại tả nhiễu vào cửa Tây. Bay nhiễu đủ ba lần như vậy, kim quan bay chậm chậm trên không vào cửa Tây rồi ra cửa Đông, tả nhiễu vào cửa Bắc lại ra cửa Nam, hữu nhiễu trở lại vào cửa Tây, bay như vậy đủ bốn vòng.

Lúc kim quan của Phật bay vào thành, vô số đại chúng mang vô số gỗ thơm, Chiên Đàn, Trầm thủy, tất cả hương báu cùng vô số phan lọng, hương hoa, chuỗi ngọc đến chỗ trà tỳ.

Tứ Thiên Vương cùng chư Thiên cũng đem những thứ hương thượng diệu cõi trời đến chỗ trà tỳ.

Chư Thiên cõi trời Đao Lợi nhẫn đến chư Thiên cõi trời Tha Hóa cũng đều đem vô số thứ hương

thượng diệu cõi trời và phan lọng hoa hương chuỗi ngọc gấp bội trời Tứ Thiên Vương đến chỗ trà tỳ.

Chư thiên cõi Sắc, cõi Vô Sắc chỉ đem hương hoa đến chỗ trà tỳ.

Ngài A Nâu Lâu Đà, lệ đầy mắt chẳng xiết buồn thương, khất gỗ thơm Chiên Đàn, Trầm thủy cõi trời đủ sáu ngàn cây đem đến chỗ trà tỳ.

Lúc đức Thế Tôn mới thành đạo, bờ phía Bắc sông Hằng mọc lên một cây Chiên Đàn, lớn như bánh xe, cao bằng bảy cây Đa La. Hơi thơm bay tỏa khắp nơi Thọ Thần của cây Chiên Đàn này sanh đồng thời với cây, thường đem hương của cây này đến cúng dường Phật. Giờ Phật nhập Niết Bàn, cây Chiên Đàn này liền chết nhánh lá khô rụng, Thọ Thần này cũng chết theo cây. Các vị Thần khác đem cả cây Chiên Đàn đã chết khô này đến chỗ trà tỳ để cúng dường.

Nơi đây là chỗ trà tỳ của tam thế chư Phật. Nơi đây có vô lượng tháp báu của chư Phật quá khứ. Nơi đây là chỗ đất Kim Cang cứng chắc.

Lúc đó kim quan của Phật bay chầm chậm trên không hữu nhiễu, tả nhiễu bay quanh thành Câu Thi Na đủ bảy vòng, rồi từ từ hạ xuống trên giường thất bảo, trong thời gian đó trải qua bảy ngày.

Nhơn dân đại chúng trời, người, Thanh Văn, Bồ Tát cầm phan lọng, hoa hương buồn khóc rơi lệ theo sau kim quan trọn bảy ngày.

Do thần lực của Phật, tất cả đại chúng đều không đói khát, không một ai nghĩ đến ăn uống, chỉ thành tâm cung kính mến luyến đức Như Lai.

Vì đã đủ bảy ngày sắp đem Như Lai ra khỏi kim quan, đại chúng kêu khóc chấn động thế giới, dùng bạch điệp mịn nhuyễn che tay cung kính phò thân Kim Cang bất hoại đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Như Lai an lành ra khỏi kim quan để trên giường thất bảo.

Đại chúng càng thêm buồn thương than khóc, đem hoa hương, trổi âm nhạc cúng dường Như Lai.

Mọi người mắt đầy lệ, miệng nghẹn ngào, dùng vô số hương thủy, cung kính tắm rửa thân Như Lai từ đầu đến chân. Cũng rửa kim quan trong ngoài sạch sẽ.

Tắm rửa thân Như Lai xong, đại chúng lại đem vô số hương hoa, phan lọng buồn thương khóc lóc, cúng dường Như Lai. Dùng vô số bông Đâu La Miên mịn màng bao bọc thân Kim Cang của Như Lai từ đầu đến chân. Rồi lấy bạch điệp vô giá tuần tự quấn ngoài bông Đâu La Miên đủ một ngàn bức.

Đại chúng lại khóc than cúng dường rồi lấy bạch điệp che tay cung kính phò thân Như Lai vào trong kim quan, đổ đầy dầu thơm, nắp kim quan liền đóng kín lại.

Đại chúng lại buồn than khóc lóc trổi âm nhạc dưng hương hoa cúng dường kim quan.

Sau đó đại chúng chất gỗ thơm Chiên Đàn trầm thủy thành lầu hương lớn, bốn phía treo giăng những lọng báu, phan đèn, chuỗi ngọc, dây vàng. Mùi gỗ thơm bay tỏa khắp thành.

Sau khi dâng hoa hương, trổi âm nhạc thương khóc cúng dường, đại chúng trời người dùng bạch điệp che tay cung kính khiêng kim quan để lên lầu hương.

Đại chúng lại than khóc, nhiều người ngất xỉu. Khi tỉnh lại đồng kêu rằng : Khổ thay ! Khổ thay ! Nào ngờ cuối cùng không chỗ nương cậy ! Than xong nghẹn ngào rơi lệ lại rải hương hoa, treo phan lọng, trổi âm nhạc cúng dường Như Lai.

Lúc đó sắp sửa nổi lửa trà tỳ, đại chúng lại kêu gào than khóc chấn động cõi Đại Thiên trần thiết cúng dường kim quan của Phật.

Mọi người vừa khóc lóc lệ đầy mắt, đều cầm đuốc hương lớn cả ôm, cháy sáng cả vùng, đem đến châm vào lầu gỗ thơm. Khi đến gần lầu gỗ thơm, tất cả ngọn đuốc đều tự nhiên tắt. Đại chúng lại thay vô số đuốc khác ném vào dưới lầu hương, tất cả ngọn đuốc cũng đều tắt.

Trăm ngàn Hải thần đem đuốc lớn thất bảo đến châm vào lầu hương, những đuốc này cũng đều tắt.

Đại chúng chẳng biết cớ gì trà tỳ chẳng được, đây có lẽ là đức Như Lai còn có nhơn duyên gì chưa xong.

Lúc đó ngài Ma Ha Ca Diếp cùng năm trăm Tỳ Kheo ở tại núi Kỳ Xà Quật cách thành Câu Thi Na năm mươi do tuần, đương nhập tam muội, bỗng nhiên tim nhảy thân rung, liền xuất định thấy núi cây đều chấn động, biết rằng đức Như Lai đã nhập Niết Bàn. Ngài bảo các Tỳ Kheo : "Đức Đại Sư Thế Tôn của chúng ta đã nhập Niết Bàn bảy ngày rồi, hiện đã vào trong kim quan.

Khổ thay ! Khổ thay ! Chúng ta phải mau đến chỗ đức Như Lai, sợ rằng đã trà tỳ rồi chẳng còn được thấy sắc thân chơn tịnh ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của đức Phật".

Ngài Ma Ha Ca Diếp vì lòng kính trọng Phật nên chẳng dám dùng thần thông bay đi, bèn dắt các Thầy Tỳ Kheo đi bộ bảy ngày mới tới thành Câu Thi Na.

Trên đầu đường cửa Đông, Ngài Ma Ha Ca Diếp thấy một Bà La Môn tay cầm một nhánh Thiên hoa đi ngược chiều, liền hỏi : "Ông từ đâu mà đến đây ?".

Bà La Môn đáp : "Đức Phật đã nhập Niết Bàn, tôi vừa ở chỗ trà tỳ về".

- Ông đương cầm đó là hoa gì ?

- Tôi ở chỗ trà tỳ được cành hoa trời này.

Ngài Ma Ha Ca Diếp ngỏ ý xin hoa ấy.

Bà La Môn nói : "Không được ! Tôi muốn đem hoa này về cho thân tộc tôi cúng dường trong nhà".

Ngài Ma Ha Ca Diếp bèn mượn cành hoa, hai tay cung kính để lên đầu mình, liền ngất xỉu té xuống đất. Giây lâu tỉnh lại suy nghĩ rằng : "Ở đây than khóc, chẳng thấy được sắc thân huỳnh kim của Như Lai cũng không ích gì".

Nghĩ xong, liền cùng các Tỳ Kheo đi gấp vào cửa Bắc thành Câu Thi Na, ghé vào một Tăng phường thấy các Tỳ Kheo đang hội họp.

Các Tỳ Kheo này bảo Ngài rằng : "Xem các ông dường như từ xa mới đến, có lẽ nhọc nhằn đói khát, nên ngồi nghỉ chờ đến giờ ăn".

Ngài Ma Ha Ca Diếp nói : "Đấng Đại Sư đã nhập Niết Bàn, chúng tôi còn lòng nào ở yên đây chờ ăn".

- Đại Sư là ai ?

- Khổ thay ! Đau đớn thay ! Các Thầy chẳng biết ư? Đấng Đại Giác Thế Tôn nay đã nhập Niết Bàn.

Các Tỳ Kheo này nghe rồi vui mừng lắm, nói rằng : "Sướng lắm ! Sướng lắm ! Đức Như Lai còn tại thế cấm răn chúng ta, đặt ra giới luật nghiêm tuấn, chúng ta chẳng chịu nổi. Nay đã nhập diệt, những giới luật nghiêm tuấn ấy cũng phải bỏ. Các ông thong thả chờ ăn uống, có gì phải vội gấp".

Đức Phật dùng thần lực bít tai chư Thiên và các Tỳ Kheo theo ngài Ca Diếp. Những Tỳ Kheo này cùng chư Thiên đều chẳng nghe những lời ác của các Tỳ Kheo vừa nói. Chỉ một mình Ngài Ma Ha Ca Diếp nghe thôi.

Lúc đó, Ngài Ca Diếp dắt các Tỳ Kheo rời Tăng phường vội vã đến chỗ Phật. Vừa đi vừa suy nghĩ chúng tôi làm sao được có những đồ cúng dường, để khi đến chỗ Phật dâng lên cúng dường ?

Ngài Ma Ha Ca Diếp lại suy nghĩ : Tôi vốn sanh trưởng ở trong thành này, nay xin đồ cúng dường có lẽ cũng được.

Ngài liền dắt các Tỳ Kheo ghé từng nhà để xin, được ngàn bức bạch điệp tốt, vô số bông Đâu La Miên, cùng rất nhiều hương hoa, hương nê, hương thủy, hương du, phan lọng, hàng màu, chuỗi ngọc.

Xin đồ cúng dường xong, các Ngài lật đật mang ra cửa Tây. Từ xa nghe vẳng tiếng đại chúng than khóc ở chỗ trà tỳ. Nghe đại chúng hỏi Thiên Đế cúng dường đã xong làm sao có lửa để đốt lầu hương ? Nghe Thiên Đế đáp rằng đại chúng nên chờ, Ngài Ma Ha Ca Diếp sắp đến.

Tất cả đại chúng đương buồn khóc thấy Ngài Ma Ha Ca Diếp cùng năm trăm Tỳ Kheo vừa đi vừa khóc mà đến, liền tránh đường nhường chỗ cho Ngài Ma Ha Ca Diếp đi thẳng vào lầu hương. Ngài Ma Ha Ca Diếp dắt các Tỳ Kheo vòng lên kim quan mà lễ bái kêu khóc ngất xỉu, giây lâu tỉnh lại nước mắt tuôn rơi, hỏi đại chúng rằng : "Làm sao để được mở kim quan của Phật ?".

Đại chúng đáp : "Phật nhập Niết Bàn đã trải qua hai thất, sợ có tổn hoại chăng ?".

Ngài Ma Ha Ca Diếp nói : "Thân của Như Lai là thân Kim Cang thường, lạc, ngã, tịnh, không thể có sự hư rã, thân Phật thơm tho ngào ngạt như núi Chiên Đàn".

Nói xong các Ngài liền đến bên kim quan than thở khóc lóc.

Lúc đó đức Như Lai đại bi bình đẳng vì Ngài Ma Ha Ca Diếp nên kim quan tự nhiên mở nắp. Ngàn trương bạch điệp cùng bông Đâu La Miên đều tự tháo tung, lộ bày thân huỳnh kim ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Vừa thấy kim thân của Phật lộ ra, các Ngài liền ngất xỉu té xuống, giây lâu tỉnh lại nghẹn ngào than khóc, nước mắt chảy tuôn, đem hoa hương, phan lọng, hàng màu, chuỗi ngọc của mình xin đặng dâng lên cúng dường, rồi lấy hương nê, hương thủy tắm rửa kim thân của Như Lai, đốt hương rải hoa khóc lóc cúng dường. Sau đó các Ngài đem bông Đâu La Miên của mình bao trùm kim thân kế lấy bông Đâu La Miên cũ bao ngoài. Lại lấy ngàn bức bạch điệp của mình tuần tự quấn ngoài bông La Miên, kế đó lấy ngàn bức bạch điệp cũ cũng theo thứ tự quấn ngoài bạch điệp mới. Sau khi quấn bạch điệp xong nắp kim quan liền đóng lại.

Ngài Ma Ha Ca Diếp cùng các Tỳ Kheo khóc lóc rơi lệ đi nhiễu kim quan bảy vòng, quì gối chấp tay nói kệ than thở :

Khổ thay khổ thay đấng Đại Thánh
Nay tôi đau đớn như cắt lòng
Thế Tôn diệt độ sao quá sớm
Đại bi chẳng thể nán chờ tôi.
Trong Thiền định ở núi Xà Quật
Tôi khắp tìm Phật đều chẳng thấy
Nhìn lại thấy Phật đã Niết Bàn
Thoạt vậy thân tâm tôi kinh động.
Bỗng thấy mây đen khắp thế gian
Lại thấy núi cây đều chấn động
Liền biết Như Lai đã Niết Bàn
Chúng tôi vội đến chẳng được thấy.
Thế Tôn đại bi chẳng đến tôi
Khiến tôi chẳng thấy Phật nhập diệt
Chẳng được nghe một lời dạy bảo
Tôi nay côi cùng biết nương đâu !
Thế Tôn ôi ! Tôi quá đau đớn
Rối loạn tinh thần tâm mê muội
Nay tôi cúi lạy đầu Thế Tôn
Và cũng kính lạy ngực Thế Tôn
Kính lễ hai tay của Đại Thánh
Và cũng kính lễ lưng Thế Tôn
Cung kính đảnh lễ rún Thế Tôn
Thâm tâm kính lễ chưn của Phật.

Khổ thay chẳng thấy Phật Niết Bàn
Xin hiện bày chỗ tôi kính lễ.
Như Lai ở đời chúng an vui
Nay nhập Niết Bàn đều rất khổ.
Buồn thay buồn thay quá đau đớn
Đại bi hiện bày chỗ tôi lễ.

Lúc Ngài Ma Ha Ca Diếp khóc than nói kệ rồi, đấng đại bi Thế Tôn liền hiện hai bàn chân Thiên bức luân tướng ra ngoài kim quan. Từ Thiên bức luân phóng ngàn tia sáng chiếu khắp tất cả thế giới ở mười phương.

Ngài Ma Ha Ca Diếp cùng các Tỳ Kheo thấy chưn Phật, đồng thời cúi lạy tướng Thiên bức luân. Vì quá cảm động, các Ngài mê muội ngất xỉu, giây lâu tỉnh lại nghẹn ngào kêu khóc, đi nhiễu bảy vòng rồi lại đảnh lễ chưn Phật buồn khóc nói kệ rằng :

Như Lai tâm đại bi trọn vẹn
Từ quang bình đẳng không phân biệt
Chúng sanh có cảm đều ứng hiện
Cho tôi được thấy tướng Túc luân.
Nay tôi thâm tâm quy mạng lễ
Đấng hai chân Thiên bức luân tướng
Trong Thiên luân phóng ngàn tia sáng
Chiếu khắp cõi Phật ở mười phương.

Nay tôi quy y cúi đầu lạy
Thiên bức luân tướng phóng ánh sáng
Chúng sanh được chiếu đều giải thoát
Tam đồ bát nạn đều lìa khổ.
Tôi lại quy y cúi đầu lạy
Ánh sáng khắp cứu các ác thú.
Thuở xưa Thế Tôn từ nhiều kiếp
Vì chúng tôi siêng tu khổ hạnh
Ngày nay chứng được thân Kim Cang
Do đây dưới chưn ngàn tia sáng.
Buồn thương cúi đầu quy mạng lễ
Thiên luân an lạc các chúng sanh.
Phật tu công đức vì tất cả
Dưới cội đạo thọ hàng bốn ma
Bốn ma hàng rồi dẹp ngoại đạo
Nhơn đây chúng sanh được chánh kiến.
Cung kính quy y cúi đầu lạy
Chưn sáng khiến chúng được chánh kiến
Phật là cha lành của tất cả
Chưn sáng bình đẳng độ chúng sanh.
Tôi lại quy y cúi đầu lạy
Chưn sáng bình đẳng cứu thoát khổ
Tôi gặp chưn sáng Thiên bức luân
Buồn mừng xen lộn đau đớn lòng.

Tôi lại khóc than cúi đầu lạy
Tướng sáng Thiên luân có cảm ứng
Quy y cúi lạy ánh sáng chưn
Nương thừa rốt ráo ra ba cõi.
Kính lễ chưn trời người quy y
Ánh sáng khắp soi ba cõi khổ
Chúng sanh chưa được giải thoát khổ
Thảy đều qui mạng chưn Thiên quang.
Chúng tôi luân hồi chưa ra khỏi
Cớ sao chưn Phật lại bỏ rơi !
Thương thay, thương thay cho chúng sanh
Tia sáng Thiên luân mãi chẳng thấy.
Sám hối với đấng đại từ bi
Đảnh lễ chưn vàng ngàn tia sáng.
Buồn thay nay gặp tướng Thiên luân
Từ đây lúc nào được thấy lại !

Ngài Ma Ha Ca Diếp cùng các Tỳ Kheo nói kệ trên đây rồi, lại ngất xỉu mê muội, giây lâu tỉnh lại nghẹn ngào buồn thương không dằn được.

Hai chân Kim Cang Thiên bức luân tướng của đấng Đại Giác Thế Tôn tự rút vào kim quan đóng kín như cũ.

Tất cả nhơn dân đại chúng trời người ngó thấy Ngài Ma Ha Ca Diếp càng thêm sầu khổ đấm ngực

kêu gào tiếng khóc than vang động cả thế giới, đem lễ vật nghẹn ngào dâng cúng.

Lúc đó trong thành Câu Thi Na sai bốn lực sĩ đeo chuỗi ngọc trang nghiêm nơi thân, tay cầm đuốc lớn như bánh xe ngọn lửa chói sáng, đến đốt lầu hương để trà tỳ Như Lai. Vừa đến lầu hương lửa đuốc liền tắt. Trong thành lại sai tám lực sĩ, lần lượt sai đến ba mươi sáu đại lực sĩ, mỗi lực sĩ vác đuốc lớn đến châm vào lầu hương để đốt. Tất cả lửa đuốc đều tắt.

Ngài Ma Ha Ca Diếp bảo các lực sĩ cùng mọi người rằng kim quan của Phật, lửa trong tam giới không thể đốt cháy được. Đại chúng nên biết rằng giả sử tất cả những lửa trên trời cùng nhơn gian đều không thể trà tỳ kim quan của Như Lai. Mọi người chớ gắng gượng luống đốt nhọc nhằn.

Đại chúng nghe lời trên đây càng thêm buồn khổ đồng nhau đảnh lễ cúng dường đi nhiễu kim quan bảy vòng, tiếng khóc than vang động cả mười phương.

Lúc bấy giờ đức Như Lai dùng sức đại bi, từ nơi ngực phóng ngọn lửa ra ngoài kim quan, lần lần đốt cháy lầu hương trải qua bảy ngày mới cháy hết.

Tất cả đại chúng trời người cùng nhân dân nam nữ trong thành cũng buồn than khóc lóc trọn bảy ngày không dứt tiếng, đồng thời chẳng ngớt cúng dường đảnh lễ.

Lúc đó Tứ Thiên Vương đều nghĩ rằng : Tôi dùng nước thơm rưới tắt lửa, gấp lượm lấy Xá lợi đem về cõi trời cúng dường. Nghĩ xong, Tứ Thiên Vương liền mang bình vàng đựng đầy nước thơm, lại đem bốn cây cam nhũ, bốn cây này mọc ở trên bốn triền núi Tu Di, mỗi cây cao trăm do tuần, lớn một ngàn ôm, đồng đến chỗ trà tỳ. Thiên Vương trút nước thơm trong bình, bốn cây tuôn nước cam nhũ tưới trên ngọn lửa. Tưới xong, thấy lửa càng mạnh không tắt.

Lúc đó Hải Thần cùng Ta Già La Long Vương và Giang Thần, Hà Thần thấy Tứ Thiên Vương tưới nước thơm chẳng tắt lửa, đều nghĩ rằng : Chúng ta đem nước thơm tưới tắt lửa thâu gấp Xá lợi đem về cúng dường tại chỗ của chúng ta. Nghĩ xong, mỗi Thần cầm bình báu đựng vô lượng nước thơm mang đến chỗ trà tỳ đồng thời tưới trên lửa, thấy lửa như cũ không tắt chút nào.

Ngài A Nâu Lâu Đà hỏi Tứ Thiên Vương cùng các Thần : "Các ông tưới nước thơm, có phải muốn lửa tắt để lấy Xá lợi về cúng dường tại chỗ ở của các ông chăng ?".

- Thưa Ngài A Nâu Lâu Đà ! Đúng như vậy.

Ngài A Nâu Lâu Đà bảo Tứ Thiên Vương : "Các ông lòng quá tham ! Nếu tất cả Xá lợi đều theo các ông về Thiên cung, người ở địa cầu làm sao lên trời được để cúng dường ?".

Ngài lại bảo các Thần : "Các ông ở trong biển lớn dưới sông sâu, nếu các ông đem Xá lợi của đức Như Lai về chỗ ở của các ông, thời người trên mặt đất này làm sao đến đó để cúng dường ?".

Tứ Thiên Vương cùng chư Thần đều sám hối.



XXIX

PHẨM CÚNG DƯỜNG XÁ LỢI

Thứ hai mươi chín

Lúc đó, Thiên Đế cầm bình thất bảo cùng đồ cúng dường đến chỗ trà tỳ, ngọn lửa tự nhiên đồng thời tắt. Thiên Đế liền mở nắp kim quan, muốn thỉnh răng nanh của Phật.

Ngài A Nâu Lâu Đà liền ngăn lại và hỏi : "Ông làm gì thế ?".

Thiên Đế nói : "Tôi muốn thỉnh răng nanh Phật về trời cúng dường".

Ngài A Nâu Lâu Đà bảo : "Chớ vội lấy ! Ông nên chờ đại chúng để cùng nhau chia".

Thiên Đế nói : "Trước kia đức Phật hứa cho tôi một răng nanh Xá lợi, vì cớ ấy nên tôi vừa đến thời lửa liền tắt".

Nói xong, Thiên Đế liền lấy một răng nanh Xá lợi ở hàm trên bên hữu đem về Thiên cung xây tháp cúng dường.

Lúc đó có hai quỉ La Sát Thiệp Tập ẩn thân theo sau Đế Thích, mọi người đều chẳng thấy, hai quỉ trộm lấy một cặp răng nanh Xá lợi của Phật.

Tất cả đại chúng cùng nhơn dân trong thành đồng thời muốn tranh lấy Xá lợi.

Ngài A Nâu Lâu Đà bảo rằng : "Đại chúng nên chậm rãi chờ ! Như lời Phật dặn phải theo đúng pháp cùng nhau chia để cúng dường".

Mọi người chẳng nghe theo lời Ngài A Nâu Lâu Đà, đều võ trang muốn giành lấy Xá lợi. Đồng áp đến bên kim quan, nhìn thấy bông Đâu La Miên cùng bạch điệp còn nguyên chẳng cháy. Thấy thế mọi người đứng nhìn cất tiếng khóc than, đồng cúng dường đảnh lễ, quì xuống rơi lệ nói kệ tán thán rằng :

Như Lai do sức đại tự tại
Tất cả thế gian được tự tại
Đại bi bổn nguyện ở cõi này
Vòng quanh biển khổ độ chúng sanh.
Vô lượng trí huệ sức thần thông
Ra vào sanh tử không chướng ngại
Một thân hiện ra làm nhiều thân
Nhiều thân một thân làm vô lượng.

Thần biến ứng khắp người đều thấy
Không duyên liền hiện nhập Niết Bàn
Chúng tôi hết phước không duyên ứng
Nên bị Như Lai buông bỏ rời.
Kim quan của Phật nơi Song Thọ
Tất cả lực sĩ không khiêng nổi
Do sức đại bi tự cất lên
Bay trên hư không một Đa La.
Chẫm rãi bay vòng thành Thi Na
Bảy ngày bay đủ bảy vòng thành
Sau đó tự đến chỗ trà tỳ
Thần lực bất cộng làm việc ấy.
Đại chúng trời người không lường được
Đức Phật ở trong Đại Niết Bàn
Kim Cang bất hoại sức tự tại
Tất cả lửa đuốc đều chẳng cháy.
Từ nơi giữa ngực phóng chơn hỏa
Bảy ngày đốt cháy mới hết củi
Trời người không thể tắt lửa này
Đại bi Thế Tôn hiện thần lực.
Đế Thích vừa đến lửa bèn tắt
Bông Đâu La Miên bao thân Phật
Ngọn lửa quá to mà chẳng cháy
Ngàn trương bạch điệp quấn thân Phật

Ở trong lửa hừng mà chẳng cháy
Mới biết Như Lai sức tự tại.
Tự tại với pháp là Pháp vương
Kỉnh lễ Từ Tôn trong ba cõi
Lễ đấng Vô úy trong các Thánh
Lễ đấng đại từ che tất cả
Lễ đấng thần biến Đại Tự Tại
Chúng tôi từ nay xa Thế Tôn
Buồn khổ không ai cứu vớt được,
Buồn thay, thương thay đấng Đại Thánh
Vĩnh biệt ngày nào lại thấy Phật !

Đại chúng nói kệ xong, than khóc cúng dường.

Lúc đó Ngài A Nâu Lâu Đà vì tất cả đại chúng mà chẫm rãi tháo bạch điệp cùng bông Đâu La. Ngàn bức bạch điệp của Ma Ha Ca Diếp đều còn nguyên vẹn. Ngàn bức bạch điệp của nhân dân trong thành trừ một lớp ngoài còn nguyên, ngoài ra đều cháy ra tro tất cả. Bông Đâu La Miên còn nguyên như cũ.

Ngài A Nâu Lâu Đà đem bạch điệp và Đâu La Miên còn nguyên không cháy này cắt nhỏ ra chia cho đại chúng khiến đem về xây tháp cúng dường. Ngài lại đem tro bạch điệp cũng chia cho đại chúng. Những thứ tro khác đại chúng riêng tự lấy để đem về xây tháp cúng dường.

Người trong thành Câu Thi Na đã sắm sẵn tám cái ché bằng vàng, mỗi ché dung lượng một hộc, cùng tám tòa sư tử trang nghiêmg bằng bảy báu. Ché vàng để trên tòa sư tử, mỗi tòa có ba mươi hai lực sĩ khiêng. Trên mỗi tòa có ba mươi hai gái đẹp trang sức lộng lẫy : Áo màu, chuỗi ngọc. Tám người vịn ché vàng, tám người cầm lọng báu, tám người cầm gươm báu, tám người cầm cờ Tiết dựng bốn mặt ché.

Theo sau mỗi tòa, có vô lượng đại chúng trổi nhạc cầm phan lọng rải hương hoa. Lại có vô lượng võ sĩ cầm cung tên, kiếm, kích vệ hộ tòa sư tử.

Lúc khiêng tám tòa sư tử ra khỏi thành, nhơn dân trong thành liền đem vô số hương thủy, hương nê theo sau lực sĩ, để sửa sang mặt đất làm thành con đường bằng phẳng thơm sạch thẳng đến chỗ trà tỳ. Nhơn dân lại giăng treo vô số phan lọng hương hoa chuỗi ngọc chơn châu trang nghiêm hai bên đường để chờ cung nghinh Xá lợi của Như Lai.

Lúc các lực sĩ khiêng tám tòa Sư tử báu đến chỗ trà tỳ, đại chúng cất tiếng kêu khóc vang động, cùng nhau đảnh lễ chí tâm cúng dường Như Lai.

Đức Thế Tôn dùng sức đại bi làm cho thân Kim Cang nát thành hột Xá lợi nhỏ, chỉ bốn răng nanh còn nguyên vẹn.

Đại chúng ngó thấy Xá lợi càng thêm buồn thương than khóc đồng đảnh lễ cúng dường.

Ngài A Nâu Lâu Đà cùng người trong thành vừa khóc than rơi lệ, vừa thâu lấy Xá lợi để vào trong ché vàng trên tòa sư tử. Tám ché vàng đựng đầy Xá lợi của Phật mới hết.

Đại chúng thấy thâu Xá lợi vào ché vàng xong, lại khóc lóc đảnh lễ cúng dường.

Các đại lực sĩ cùng nhân dân đại chúng rước Xá lợi vào thành Câu Thi Na để giữa ngã tư đường. Người trong thành võ trang bốn đội quân phòng vệ bốn mặt thành. Lại sai năm trăm nhà chú thuật giỏi chia ra gìn giữ bốn cửa thành. Dầu võ trang phòng vệ như vậy, nhưng trọn không có lòng chiến tranh.

Ngoài thành cũng như trong thành, nhơn dân treo vô số phan lọng.

Tám ché vàng đựng Xá lợi để yên trên tòa Sư tử trọn bảy ngày.

Đại chúng trời người cũng trọn bảy ngày khóc than chẳng dứt và không ngớt đảnh lễ cúng dường.

Mỗi tòa sư tử đều có năm trăm nhà chú thuật giữ gìn, phòng ngừa có Thiên, Long, Dạ xoa, Quỉ thần đến lén lấy Xá lợi.

Quốc vương Ca Tỳ La Vệ cùng giòng Thích Ca thân quyến của Phật, vì thần lực của Phật nên sau khi đức Phật nhập Niết Bàn hai mươi mốt ngày mới hay tin. Quốc vương cùng giòng họ Thích lật đật đến thành Câu Thi Na, thấy khắp thành phan lọng rợp

trời, quân đội và các nhà chú thuật gìn giữ bốn cửa thành nghiêm nhặt.

Quốc vương Ca Tỳ La hỏi thăm biết rằng Phật nhập Niết Bàn đã qua hai mươi tám ngày, trà tỳ rồi sắp sửa chia Xá lợi. Quốc vương xin phép các nhà chú thuật cùng quân đội giữ thành để được vào đảnh lễ Xá lợi của đức Như Lai. Người giữ thành liền cho Quốc vương cùng giòng họ Thích vào thành.

Vừa thấy Xá lợi của Phật đựng trong ché vàng trên tòa sư tử, Quốc vương Ca Tỳ La Vệ cùng người họ Thích Ca đều rơi lệ nghẹn ngào cúi đầu đảnh lễ rồi đi nhiễu bảy vòng, muốn thỉnh một phần Xá lợi của đức Như Lai đem về nước cúng dường.

Đại chúng đáp rằng : "Dầu biết các ông là quyến thuộc giòng Thích Ca, nhưng đức Thế Tôn trước kia có dặn phân chia Xá lợi, chưa nghe nói đến các ông. Xá lợi này đều có thỉnh chủ đâu dám chia cho các ông, các ông nên trở về".

Quốc vương cùng người giòng Thích Ca thỉnh Xá lợi chẳng được, vì quá đau đớn nên kêu gào ngất xỉu, giây lâu tỉnh lại bảo đại chúng rằng : "Đức Thế Tôn giáng sanh trong giòng Thích Ca của chúng tôi, nay vì thương xót các ông mà nhập Niết Bàn tại đây. Sao các ông lại hẹp hòi khinh khi chúng tôi mà chẳng chịu chia một phần Xá lợi".

Nói xong, đồng đảnh lễ Xá lợi đi nhiễu bảy vòng, buồn khóc rơi lệ ôm giận mà trở về Ca Tỳ La Vệ.

Vua A Xà Thế chúa nước Ma Già Đà chẳng hay đức Như Lai nhập Niết Bàn. Trong đêm đức Phật nhập Niết Bàn, vua nằm mộng thấy mặt trăng rớt, mặt trời từ đất mọc lên, các ngôi sao rơi rớt khắp nơi, hơi khói từ đất bay lên, bảy sao chổi hiện ra trên trời, lửa lớn cháy khắp hư không rồi đồng thời sa xuống đất. Khi tỉnh giấc lòng vua kinh sợ triệu các quan đến để hỏi.

Các quan tâu rằng : "Đây là điềm đức Phật nhập Niết Bàn. Sau khi đức Phật diệt độ, lục đạo chúng sanh phiền não nổi dậy, nên nhà vua thấy lửa to cháy từ hư không sa xuống đất. Nguyệt ái từ quang của Phật đều tắt mất nên nhà vua thấy mặt trăng lặn. Tám muôn luật nghi tất cả giới pháp, chúng sanh không tuân hành mà theo tà pháp đọa nơi địa ngục, nên nhà vua thấy các ngôi sao sa xuống. Tam đồ ác đạo hiện khắp thế gian, chúng sanh bị khổ như ánh nắng gay gắt nóng bức, nên nhà vua thấy mặt trời từ đất mọc lên".

Vua A Xà Thế liền cùng các quan suốt đêm thẳng đến thành Câu Thi Na, muốn vào thành để đảnh lễ Kim Cang Xá lợi của Như Lai. Người giữ cửa thành cho vua cùng các quan vào thành. Đến giữa ngã tư đường nhà vua thấy ché vàng đựng Xá lợi để trên tòa Sư Tử, liền rơi lệ khóc lóc, cùng các

quan đồng đảnh lễ cúng dường đi nhiễu Xá lợi bảy vòng. Vua A Xà Thế yêu cầu đại chúng cho thỉnh một phần Xá lợi để đem về nước cúng dường. Đại chúng không bằng lòng. Vua A Xà Thế thỉnh Xá lợi không được liền đảnh lễ buồn tức trở về nước.

Vua nước Tỳ Gia Ly, vua nước A Lặc Già La, Vua nước Tỳ Nậu, Vua nước Sư Già Na, Vua nước Ba Kiên La, hay tin Phật nhập Niết Bàn đều dắt các quan đi gấp đến thành Câu Thi Na, thấy vô số quân binh phòng vệ bốn cửa thành, các vua xin vào thành để đảnh lễ cúng dường Xá lợi. Người giữ thành liền mở cửa cho vào. Sau khi buồn than đảnh lễ cúng dường Xá lợi xong, các vua đều xin chia phần Xá lợi để thỉnh về nước cúng dường. Đại chúng không bằng lòng. Các vua sầu khổ đảnh lễ Xá lợi buồn tức trở về nước.

Khi về đến nước nhà, Quốc Vương Ca Tỳ La Vệ cùng vua các nước đều sai sứ đến thành Câu Thi Na để xin thỉnh Xá lợi. Người trong thành Câu Thi Na bảo rằng : "Đức Thế Tôn đã nhập Niết Bàn tại nước của chúng tôi, toàn thân Xá lợi phải để tại nước chúng tôi cúng dường mãi mãi, quyết chẳng chia cho người nước ngoài".

Sứ giả của các nước bảo rằng : "Nếu chịu chia Xá lợi cho các nước thời tốt, bằng không, chúng tôi, buộc phải dùng sức mạnh để đoạt lấy".

Vua A Xà Thế lại sai đại tướng Võ Hành đem binh đến bảo người trong thành Câu Thi Na : "Nếu chịu chia Xá lợi thời tốt, bằng không chúng tôi sẽ thêm binh lực để đoạt lấy".

Người trong thành đều trả lời tùy ý. Rồi tất cả những tráng sĩ cùng nam nữ trong thành đồng võ trang kéo bốn bộ binh ra thành muốn giao chiến với binh các nước.

Lúc đó nước Tỳ Gia Ly sai quân đội đến thành Câu Thi Na. Nước Tỳ Nậu, nước Giá La Ca La, nước Sư Gia Na, nước Ba Kiên La cùng Quốc vương Ca Tỳ La Vệ, năm nước này cũng đều sai quân đội đến thành Câu Thi Na.

Quân của bảy nước vây kín thành Câu Thi Na.

Lúc đó trong đại chúng có một Bà La Môn họ Yên ở giữa quân đội của tám nước to tiếng khuyên rằng : "Xin các lực sĩ thành Câu Thi Na lóng nghe ! Đức Thế Tôn từ vô lượng kiếp chứa công đức lành, tu hạnh nhẫn nhục, các Ngài cũng thường nghe đức Phật khen ngợi hạnh nhẫn nhục. Hôm nay, đức Như Lai vừa diệt độ, các Ngài đâu nên vì Xá lợi mà đánh đập nhau, hành động này chẳng phải là cử chỉ tôn kính Xá lợi. Các ngài nên chia Xá lợi của Như Lai làm tám phần để cúng dường ở tám nước".

Các lực sĩ đáp rằng : "Xin kính tuân lời đề nghị ấy".

Lúc đó Yên Bà La Môn liền chia Xá lợi làm tám phần bằng nhau. Chia xong Yên Bà La Môn to tiếng xin thỉnh cái bình dùng lường Xá lợi để đem về tụ lạc Đầu Na La xây tháp cúng dường. Đại chúng đồng bằng lòng.

Các Cư Sĩ và Bà La Môn ở nước Tất Ba Diên Na xin thỉnh tro chỗ trà tỳ. Đại chúng cũng bằng lòng.

Lúc đó người thành Câu Thi Na lãnh được phần Xá lợi thứ nhứt. Người nước Ba Kiên La thỉnh được phần Xá lợi thứ hai. Người nước Sư Già Na thỉnh được phần Xá lợi thứ ba. Người nước A Lặc Già thỉnh được phần Xá lợi thứ tư. Người nước Tỳ Nậu thỉnh được phần Xá lợi thứ năm. Người nước Tỳ Gia Ly thỉnh được phần Xá lợi thứ sáu. Người nước Ca Tỳ La Vệ thỉnh được phần Xá lợi thứ bảy. Chúa nước Ma Già Đà Vua A Xà Thế thỉnh được phần Xá lợi thứ tám. Người trong tám nước đều xây tháp cúng dường Xá lợi tại nước mình.

Yên Bà La Môn thỉnh bình đựng Xá lợi về xây tháp tại tụ lạc Đầu Na La.

Người nước Ba La Diên Na cũng thỉnh tro đem về xây tháp cúng dường.

Lúc đó trong Diêm Phù Đề có tám tháp thờ Xá lợi của Phật, một tháp thờ bình lường Xá lợi, một tháp thờ tro. Thế là việc phân chia Xá lợi đã xong.

Lúc đó chư Bồ Tát, hàng Thanh Văn, Trời, người, Bát bộ quỉ thần, Quốc vương, Trưởng giả, quan, dân toàn thể đại chúng buồn khóc rơi lệ cúi đầu đảnh lễ Xá lợi của Phật mà đi.

HẾT TẬP II
(TRỌN BỘ)



BỔ KHUYẾT TÂM KINH

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhứt thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử ! Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc; thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị. Xá Lợi Tử ! Thị chư pháp không tướng : bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ, tỹ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới; vô vô minh diệc, vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệc vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ Đề tát đỏa y Bát Nhã Ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết Bàn.

Tam thế chư Phật y Bát Nhã Ba la mật đa cố, đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ Đề.

Cố tri Bát Nhã Ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ chơn thiệt bất hư.

Cố thuyết Bát Nhã Ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết :

"Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ Đề tát bà ha".

II
VÃNG SANH QUYẾT ĐỊNH CHƠN NGÔN

Nam mô A di đa bà dạ, đa tha già đa dạ, đa điệt dạ tha. A di rị đô bà tỳ, A di rị đa, tất đam bà tỳ, A di rị đa, tỳ ca lan đế, A di rị đa, tỳ ca lan đa, già di nị, già già na, chỉ đa ca lệ ta bà ha. *(3 lần)*

Khể thủ Tây phương An lạc quốc.
Tiếp dẫn chúng sanh đại Đạo sư.
Ngã kim phát nguyện nguyện vãng sanh.
Duy nguyện từ bi ai nhiếp thọ
Ngã kim phổ vị tứ ân tam hữu,
Cập pháp giới chúng sanh cầu ư chư Phật
Nhứt thừa Vô Thượng Bồ Đề đạo cố,
Chuyên tâm trì niệm A Di Đà Phật
Vạn đức hồng danh kỳ sanh Tịnh độ.
Duy nguyện Từ Phụ A Di Đà Phật
Ai lân nhiếp thọ từ bi gia hộ.

*

A Di Đà Phật thân kim sắc.
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân,
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di,
Hám mục trừng thanh tứ đại hải.
Quang trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên,
Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh
Cửu phẩm hàm linh đăng bỉ ngạn.

NAM MÔ TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC THẾ GIỚI ĐẠI TỪ ĐẠI BI TIẾP DẪN ĐẠO SƯ A DI ĐÀ PHẬT. *(Niệm 10, 20, 30 lần tùy ý)*

NAM MÔ QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT. *(10 tiếng)*

NAM MÔ ĐẠI THẾ CHÍ BỒ TÁT. *(10 tiếng)*

NAM MÔ ĐỊA TẠNG VƯƠNG BỒ TÁT. *(10 tiếng)*

NAM MÔ THANH TỊNH ĐẠI HẢI CHÚNG BỒ TÁT. *(10 tiếng)*

III
(HỒI HƯỚNG)

Đệ tử chúng đẳng, hiện thị sanh tử phàm phu, tội chướng thâm trọng, luân hồi lục đạo, khổ bất khả ngôn; kim ngộ tri thức, đắc văn A Di Đà danh

hiệu, bổn nguyện công đức, nhứt tâm xưng niệm, cầu nguyện vãng sanh, nguyện Phật từ bi bất xả, ai lân nhiếp thọ, đệ tử chúng đẳng, bất thức Phật thân, tướng hảo quang minh, nguyện Phật thị hiện, linh ngã đắc kiến cập kiến Quán Âm, Thế Chí, chư Bồ Tát chúng, bỉ thế giới trung, thanh tịnh trang nghiêm, quang minh diệu tướng đẳng, linh ngã liễu liễu đắc kiến, A Di Đà Phật.

Ngã kim trì niệm A Di Đà
Tức phát Bồ Đề quảng đại nguyện :
Nguyện ngã định huệ tốc viên minh
Nguyện ngã công đức giai thành tựu
Nguyện ngã thắng phước biến trang nghiêm
Nguyện cộng chúng sanh thành Phật đạo.
Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp
Giai do vô thỉ tham sân si
Tùng thân ngữ ý chi sở sanh
Nhứt thiết ngã kim giai sám hối.
Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời
Tận trừ nhứt thiết chư chướng ngại
Diện kiến ngã Phật A Di Đà
Tức đắc vãng sanh Cực Lạc sát.
Ngã ký vãng sanh Cực Lạc dĩ.
Hiện tiền thành tựu thử đại nguyện
Nhứt thiết viên mãn tận vô dư

Lợi lạc nhứt thiết chúng sanh giới.
Ngã Phật chúng hội hàm thanh tịnh
Ngã thời ư thắng liên hoa sanh
Thân đỗ Như Lai Vô Lượng Quang
Hiện tiền thọ ngã Bồ đề ký.
Mong ngã Như Lai thọ ký dĩ
Hóa thân vô số bá cu chi
Trí lực quảng đại biến thập phương
Phổ lợi nhứt thiết chúng sanh giới.
Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.
Nguyện sanh Tây phương Tịnh độ trung
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh
Bất thối Bồ Tát vi bạn lữ
Nguyện dĩ thử công đức
Trang nghiêm Phật Tịnh độ
Thượng báo tứ trọng ân
Hạ tế tam đồ khổ.
Nhược hữu kiến văn giả
Tức phát Bồ Đề tâm
Tận thử nhứt Báo thân

Đồng sanh Cực Lạc quốc,
Tận thử nhứt Báo thân
Đồng sanh An Dưỡng quốc.

V
NGUYỆN

A Di Đà Phật, thường lai hộ trì, linh ngã thiện căn, hiện tiền tăng tấn, bất thất tịnh nhơn, lâm mạng chung thời, thân tâm chánh niệm, thị thính phân minh, diện phụng Di Đà, giữ chư Thánh chúng, thủ chấp hoa đài, tiếp dẫn ư ngã.

Nhứt sát na khoảnh, sanh tại Phật tiền, cụ Bồ Tát đạo, quảng độ chúng sanh đồng thành Chủng trí.

Chí tâm đảnh lễ : Nam Mô A Di Đà Phật Thế Tôn.

NGUYỆN NGÃ TỘI CHƯỚNG TẤT TIÊU DIỆT. *(1 lạy)*

NGUYỆN NGÃ THIỆN CĂN NHỤT TĂNG TRƯỞNG. *(1 lạy)*

NGUYỆN NGÃ THÂN TÂM HÀM THANH TỊNH. *(1 lạy)*

NGUYỆN NGÃ NHỨT TÂM TẢO THÀNH TỰU *(1 lạy)*

NGUYỆN NGÃ TAM MUỘI ĐẮC HIỆN TIỀN. *(1 lạy)*

NGUYỆN NGÃ TỊNH NHƠN TỐC VIÊN MÃN. *(1 lạy)*

NGUYỆN NGÃ LIÊN ĐÀI TỰ TIÊU DANH. *(1 lạy)*

NGUYỆN NGÃ KIẾN PHẬT MA ĐẢNH KÝ. *(1 lạy)*

NGUYỆN NGÃ DỰ TRI MẠNG CHUNG THỜI. *(1 lạy)*

NGUYỆN NGÃ VÃNG SANH CỰC LẠC QUỐC. *(1 lạy)*

NGUYỆN NGÃ VIÊN MÃN BỒ TÁT ĐẠO. *(1 lạy)*

NGUYỆN NGÃ QUẢNG ĐỘ CHƯ CHÚNG SANH. *(1 lạy)*

Chí tâm qui mạng đảnh lễ : Nam mô Tây phương Cực Lạc thế giới giáo chủ, thọ quang thể tướng vô lượng vô biên, từ thệ hoằng thâm, tứ thập bát nguyện độ hàm linh, đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Như Lai biến pháp giới Tam Bảo. *(1 lạy)*

Tự qui y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm. *(1 lạy)*

Tự qui y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải. *(1 lạy)*

Tự qui y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, nhứt thiết vô ngại. *(1 lạy)*



MỤC LỤC

I- Phẩm Quang Minh Biến Chiếu 17
Cao Quý Đức Vương Bồ Tát thứ XXII
(Hán Bộ quyển thứ XXII đến hết quyển XXVI)

II- Phẩm Sư Tử Hống Bồ Tát thứ XXIII 195
(Hán Bộ quyển thứ XXVII đến phần đầu quyển XXX).

III- Phẩm Ca Diếp Bồ Tát thứ XXIV 417
(Hán Bộ quyển thứ XXX đến trọn quyển XXXVII)

IV- Phẩm Kiều Trần Như thứ XXV 589
(Hán Bộ quyển thứ XXXVIII đến phần đầu quyển XL I)

V- Phẩm Di Giáo thứ XXVI 671
(Hán Bộ quyển XL I)

VI- Phẩm Ứng Tận Hườn Nguyên thứ XXVII 689
(Hán Bộ quyển XL I)

VII- Phẩm Trà Tỳ thứ XXVIII 703
(Hán bộ quyển XL II)

VIII- Phẩm Cúng dường Xá lợi thứ XXIX 721
(Hán bộ quyển XL II)

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

(Tái bản lần thứ hai)

TẬP 2

Dịch giả : **HT. THÍCH TRÍ TỊNH**

Chịu trách nhiệm xuất bản : **NGUYỄN THANH XUÂN**
Biên tập : **ĐỖ THỊ QUỲNH**
Sửa bản in – Trình bày : **CHÚC THANH-CHÚC TỊNH**

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
Số 4 – Lô 11 Trần Duy Hưng – Hà Nội
ĐT : 04. 5566701 – FAX : 04. 5566702

In đợt 2: 1.000 quyển, khổ 15,5 x 23 cm.
Tại Xí nghiệp in Người Lao Động, 131 Cống Quỳnh, Q.1 - TP.HCM
ĐT: 8373083 - 8374604.
Số xuất bản: 74-131/XB-QLXB ngày 03/02/2005.
In xong và nộp lưu chiểu: Quý IV năm 2005.



佛說大般涅槃經